

ASách

www.asach.com.vn

M · A · R · I · A
MONTESSORI

TRÍ TUỆ
THẨM THẤU



Maria Montessori (1870 – 1952)

Bà là nhà giáo dục, nữ tiến sĩ y khoa đầu tiên của Italia. Bà ba lần được đề cử giải Nobel Hòa bình cho những cống hiến trong lĩnh vực giáo dục trẻ em và là người phụ nữ có ảnh hưởng lớn nhất trong lĩnh vực giáo dục lứa tuổi mầm non. Bà là người tiên phong trong công cuộc đổi mới giáo dục trẻ em ở châu Âu.

Năm 1910: Cộng đồng quốc tế công nhận thành quả của Phương pháp Giáo dục Montessori.

Năm 1929: Bà sáng lập Hiệp hội Montessori Quốc tế.

TRÍ TUỆ THẨM THẤU

Nhà xuất bản Lao động - Xã hội
Ngõ Hòa Bình 4 - Phố Minh Khai -
Hai Bà Trưng - HN
Tel: (04) 3624 6920
Fax: (04) 3624 6915

Công ty Cổ phần Sách Thái Hà
119 C5 Tô Hiệu - Cầu Giấy - HN
Tel: (04) 3793 0480
Fax: (04) 6287 3238
Website: www.thaihabooks.com

Chịu trách nhiệm xuất bản: Giám đốc Nguyễn Hoàng Cẩm

Chịu trách nhiệm nội dung: Tổng biên tập Vũ Anh Tuấn

Biên tập viên nhà xuất bản: Nguyễn Thị Thúy

Biên tập Thaihabooks: Nguyễn Minh

Trình bày: Thu Hiền

Sửa bản in: Sakura Montessori

Thiết kế bìa: Cẩm Châu

Bản quyền tiếng Việt © Trường Mầm non Sakura Montessori

Không phần nào trong cuốn sách này được sao chép hoặc chuyển sang bất cứ dạng thức hoặc phương tiện nào, dù là điện tử, in ấn, ghi âm hay bất cứ hệ thống phục hồi và lưu trữ thông tin nào nếu không có sự cho phép bằng văn bản của Trường Mầm non Sakura Montessori.

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Montessori, Maria

Tri tuệ thẩm thấu / Maria Montessori ; Thanh Vân dịch. - H. : Lao động Xã hội ;

Công ty Sách Thái Hà, 2013. - 368tr. ; 24cm

Tên sách tiếng Anh: The Absorbent Mind

ISBN 9786046508861

1. Tâm lí 2. Trẻ em 3. Giáo dục

155.4 - dc14

LXB0054p-CIP

In 2.000 cuốn, khổ 15,5 x 24 cm tại Công ty TNHH In - TM Thuận Phát. Số đăng ký KHXB: 1654-2013/CXB/12-270/LĐXH. Quyết định xuất bản số: 740/QĐ-NXBLĐXH. In xong và nộp lưu chiểu Quý I/2014.



Maria Montessori (1870 – 1952)

Mục lục

<i>Lời giới thiệu</i>		9
<i>Lời mở đầu</i>		13
Chương 1	Trẻ em và quá trình kiến thiết thế giới	15
Chương 2	Giáo dục trọn đời	23
Chương 3	Những giai đoạn phát triển	35
Chương 4	Định hướng mới	49
Chương 5	Sự kỳ diệu của sáng tạo	61
Chương 6	Một kế hoạch, một phương thức	73
Chương 7	Khả năng vô hạn của loài người	87
Chương 8	Đời sống tâm lý phôi thai	99
Chương 9	Cuộc chinh phục quyền độc lập	113
Chương 10	Những điều cần quan tâm ở giai đoạn đầu tiên của cuộc đời	127
Chương 11	Ngôn ngữ	143
Chương 12	Cơ chế sáng tạo ngôn ngữ	155
Chương 13	Hậu quả của những trở ngại	167
Chương 14	Vận động và sự phát triển toàn diện	181
Chương 15	Trí thông minh và bàn tay	193

Chương 16	Phát triển và bắt chước	205
Chương 17	Từ nhà sáng tạo vô thức đến người lao động có ý thức	215
Chương 18	Người thầy mới	225
Chương 19	Phát triển sâu hơn thông qua văn hóa và trí tưởng tượng	237
Chương 20	Nhân cách và những khiếm khuyết ở trẻ nhỏ	251
Chương 21	Kỷ luật và tự do	261
Chương 22	Xây dựng nhân cách - một cuộc chinh phục chứ không phải phòng thủ	273
Chương 23	Sự thăng hoa của tính chiếm hữu	285
Chương 24	Sự phát triển của xã hội	293
Chương 25	Xã hội hình thành nhờ gắn kết	307
Chương 26	Sai lầm và kiểm soát sai lầm	325
Chương 27	Ba cấp độ của sự vâng lời	335
Chương 28	Giáo viên Montessori	349
Chương 29	Suối nguồn yêu thương - đưa trẻ	361

LỜI GIỚI THIỆU

Tôi vẫn nhớ lần đầu tiên đến thăm lớp học Montessori, trong đó toàn trẻ từ 3 đến 6 tuổi. Tôi được hướng dẫn ngồi vào ghế và quan sát, còn trẻ di chuyển khắp phòng mà dường như không có sự hướng dẫn của giáo viên. Việc trẻ được tự do hành động mà vẫn giữ nề nếp dù không có giáo viên khiến tôi nảy sinh sự tò mò rất lớn tới các giáo cụ Montessori, sự hòa hợp và trật tự khiến tôi choáng ngợp.

Bọn trẻ chọn giáo cụ và mang tới tấm khăn trải bàn hoặc thảm nhỏ được trải sẵn trên sàn nhà. Loại đồ chơi ấy khác với ở các trường mầm non tôi từng đến trước đó, hầu hết được làm bằng gỗ kích cỡ nhỏ hơn thực tế. Một số trẻ chọn rất nhiều hoạt động và thường trả 'giáo cụ' về lại chỗ cũ ở trên giá. Một số trẻ dành ra gần cả tiếng đồng hồ chỉ để lặp đi lặp lại một hoạt động. Giáo viên hầu như chẳng mấy can thiệp khi trẻ chú tâm vào một hoạt động, cô cũng hiếm khi sửa sai trừ khi trẻ nhờ cô. Sau đó, tôi hiểu ra rằng mình đã được chứng kiến những đứa trẻ thể hiện các hành vi điển hình cho khái niệm đứa trẻ 'bình thường hóa' của Tiến sĩ Montessori.

Có lẽ một trong những điểm gây ấn tượng đầu tiên về cách tiếp cận giáo dục theo Phương pháp Montessori chính là bản thân Tiến sĩ Montessori. Bà không có ý định cách mạng hóa nền giáo dục. Bà là một bác sĩ y khoa, nhà khoa học, nhà quan sát những hành vi của con người. Không giống với những người tiền nhiệm, Tiến sĩ Montessori không có tham vọng thay đổi hẳn

nền giáo dục và cũng không muốn cổ xúy những ý kiến của cá nhân mình. Chính những kết luận rút ra từ việc quan sát trẻ nhỏ của bà đã thực sự cách mạng hóa nền giáo dục thế giới!

Trong một giai đoạn lịch sử, khi những đứa trẻ chưa được coi trọng, bà đã quan sát được những trẻ rất nhỏ sở hữu khả năng trí tuệ tương đương với, nếu không muốn nói là siêu việt hơn người trưởng thành, những khả năng trí tuệ mà trước giờ xã hội chưa từng thừa nhận là trẻ sở hữu. Đứa trẻ gần 3 tuổi đã làm chủ được ngôn ngữ và hấp thụ được cả nền văn hóa xung quanh. Tiến sĩ Montessori nhận thấy rằng trẻ luôn trải qua những giai đoạn đặc thù trong quá trình phát triển, giúp chúng thành thạo nhiều kỹ năng và nắm bắt thông tin mà gần như chẳng mấy nhọc sức. Theo cách nói của bà, giai đoạn này chính là ‘Thời kỳ nhạy cảm’, diễn ra rất chóng vánh và đúng với mọi trẻ.

Để trở thành nữ bác sĩ đầu tiên của nước Ý đã vô cùng chông gai, có được công việc đảm bảo với tư cách một bác sĩ vào năm 1896 còn khó khăn hơn nhiều. Dù mục đích ban đầu của Tiến sĩ Montessori không phải là làm việc với trẻ nhỏ, bà đã mở một phòng mạch tư hướng đến đối tượng những trẻ ‘chậm tiến’, những trẻ được coi là thiếu thông minh. Khi quan sát những trẻ này qua lăng kính khoa học, bà dần cảm thấy hứng thú và bắt đầu phát triển giáo cụ cho các trẻ này sử dụng. Bà muốn tìm hiểu về tâm trí con người! Hàng thập kỷ sau, các nghiên cứu khoa học có hệ thống về nhận thức và thần kinh học đã xác nhận những gì bà nói.

Ở cuốn *Trí tuệ thẩm thấu*, một trong những cuốn sách cuối cùng của bà, Tiến sĩ Montessori đã giải thích tường tận về sự phát triển của trẻ nhỏ và giới thiệu nhiều phương cách mà người lớn có thể sử dụng để hỗ trợ trẻ. Cuốn sách này ra đời rất đúng thời điểm vì nó được hoàn thành sau khi bà đã đi vòng quanh thế giới và quan sát bọn trẻ trong nhiều hoàn cảnh khác biệt.

Được đề nghị viết lời đề tựa cho cuốn sách này là cả một niềm vinh hạnh lớn lao vì tôi biết cuốn sách sẽ có tầm ảnh hưởng thế nào tới nền giáo dục của Việt Nam. Tôi thật sự trân trọng công sức bỏ ra cho quá trình chuyển ngữ cuốn sách. Tất cả chúng ta nên hàm ơn những người đã hết lòng chuyển ngữ các công trình của Tiến sĩ Montessori. Làm việc với trẻ nhỏ trong suốt 40 năm, bằng trải nghiệm của mình, tôi có thể nói với độc giả rằng mỗi đứa trẻ là một sản phẩm kỳ diệu ngập tràn những tiềm năng lớn lao. Khi chúng ta chú tâm quan sát trẻ, chúng sẽ bộc lộ ra những điểm kỳ thú đầy tính cá nhân độc nhất vô nhị. Tôi thành thật mong rằng, khi đọc cuốn sách này, các bạn có thể hấp thu được trí tuệ của tác giả qua từng câu chữ. Tôi rất háo hức khi nghĩ về những thế hệ tương lai sẽ được biến chuyển nhường nào một khi các bậc cha mẹ và giáo viên thực sự hiểu được giá trị mà cuốn sách *Trí tuệ thẩm thấu* mang lại.

Christine Munn

Chủ tịch Hiệp hội Montessori Hoa Kỳ
(Montessori Institute of America)

2013

LỜI MỞ ĐẦU

Cuốn sách này dựa trên các bài thuyết giảng của Tiến sĩ Maria Montessori tại Ahmedabad, trong chương trình tập huấn đầu tiên sau khoảng thời gian bị giam giữ ở Ấn Độ đến khi Thế chiến thứ Hai kết thúc. Bà hé lộ về năng lực tinh thần đặc biệt của trẻ nhỏ, thứ năng lực có thể giúp trẻ tạo dựng và định hình nhân cách chỉ trong vài năm mà không cần đến sự giảng dạy của giáo viên hay sự hỗ trợ của các chương trình giáo dục; về mọi đặc tính tiềm tàng trong nhân cách trẻ nhỏ gần như bị bỏ qua và che khuất. Sự trưởng thành là thành quả của một thực thể yếu đuối về thể chất, nắm giữ trong tay những năng lực tiềm tàng vĩ đại, nhưng thực sự lại chẳng có lấy mảy may chút ít đời sống tinh thần nào. Một thực thể ban đầu được coi là số không, nhưng chỉ sau sáu năm đã vượt trội hơn thay những thực thể sống khác. Đây là một trong những bí ẩn vĩ đại nhất của cuộc sống. Trong cuốn sách này, Tiến sĩ Montessori không chỉ thể hiện sự thấu suốt dựa trên những quan sát tường tận và cảm nhận thông tuệ về những hiện tượng ở giai đoạn đầu tiên vốn mang tính tiên quyết đối với đời sống con người, bà còn chỉ ra những trách nhiệm của người trưởng thành đối với trẻ nhỏ ở giai đoạn này. Bà thực sự đã đem lại một ý nghĩa thực tiễn cho việc ‘giáo dục ngay từ lúc sơ sinh’, một điều tất yếu giờ đã được cả nhân loại ghi nhận. Điều này chỉ được thực hiện khi giáo dục trở thành ‘phương tiện trợ giúp cho cuộc sống’ và vượt trên những giới hạn hạn hẹp của giảng dạy và cách truyền đạt tri thức. Một trong những nguyên tắc

được biết đến nhiều nhất của Phương pháp Montessori đó là 'môi trường được chuẩn bị'. Ở giai đoạn trước khi đưa trẻ đến trường, nguyên tắc này chính là chìa khóa mở ra những nhận thức đúng đắn từ việc giáo dục sớm tới sự dưỡng dục thực sự của một cá thể người ngay từ thời điểm ra đời. Đây là lời đề nghị dựa trên cơ sở khoa học, cũng là lời đề nghị của một cá nhân đã chứng kiến và hỗ trợ cho việc khai thác và phát triển tiềm năng của trẻ trên khắp thế giới. Đặc biệt là tiềm năng vĩ đại về tinh thần đôi khi bị bỏ qua gây trở ngại cho cuộc sống của trẻ sau này.

Mario M. Montessori¹

Karachi, tháng Năm năm 1949

¹ Con trai của Maria Montessori.

1

TRẺ EM VÀ QUÁ TRÌNH KIẾN THIẾT THẾ GIỚI

Cuốn sách này là một mắt xích trong cuộc vận động nhằm bảo vệ những năng lực tiềm tàng ở trẻ nhỏ. Trong quá trình đó, giáo dục giữ một vai trò rất quan trọng. Mặc dù được coi là một trong những phương pháp để nâng tầm nhân loại, giáo dục vẫn chỉ được xem xét ở phương diện trí tuệ; người ta đang khao khát tìm ra một hình thức cấp cao hơn so với phương thức giáo dục thông thường.

Triết học và tôn giáo được coi là có đóng góp đáng kể, có thể là đúng, nhưng có bao nhiêu triết gia trong thế giới siêu văn minh ngày nay và sẽ có bao nhiêu nữa từ nay về sau? Những ý tưởng xuất chúng, những quan điểm vĩ đại luôn luôn hiện hữu ở khắp nơi vậy mà chiến tranh chưa bao giờ kết thúc? Và nếu giáo dục chỉ theo phương cách cũ là truyền thụ kiến thức, vấn đề này sẽ mãi không có lời giải. Thực sự, sẽ chẳng có hy vọng gì cho thế giới này. Quan trọng không phải ở việc truyền tải kiến thức, mà phải chú tâm tới nhân tính mới có thể cứu vớt chúng ta. Trước mắt chúng ta là một thực thể tâm linh, một nhân cách xã hội, lạc giữa vô vàn các cá thể, một sức mạnh thế tục bắt buộc phải được

đánh giá. Sự cứu rỗi và hướng dẫn, nếu có xuất hiện, nhất định phải thông qua từng đứa trẻ; vì mỗi đứa trẻ là kẻ kiến thiết nên người trưởng thành.

Mỗi đứa trẻ được ban tặng một quyền lực bí ẩn và chính quyền lực bí ẩn này dẫn lối cho chúng ta tới một tương lai tươi sáng hơn. Giáo dục không còn đơn thuần là mang lại kiến thức mà cần đi theo một con đường khác. Quan tâm đến nuôi dưỡng nhân cách và phát triển tiềm năng phải trở thành trọng tâm của giáo dục. Cho đến khi nào chúng ta mới bắt đầu có một nền giáo dục như vậy?

Sự vĩ đại của nhân tính bắt đầu có từ khi con người mới sinh ra. Đây là một lời khẳng định vừa đầy thực tế lại vừa bí ẩn. Xét trên thực tế, làm sao ta có thể dạy dỗ một đứa trẻ vừa mới sinh ra, hay mới được 1 hoặc 2 tuổi? Làm sao ta có thể hình dung ra việc dạy dỗ một đứa trẻ? Nó không hiểu những điều ta nói, thậm chí còn chưa biết đi đứng; làm sao nó có thể tiếp thu? Có phải vệ sinh cá nhân là việc duy nhất chúng ta hướng tới khi nói về giáo dục trẻ nhỏ? Chắc chắn là không! Trong thời đại ngày nay, đời sống tâm lý của trẻ sơ sinh cũng trở thành mối quan tâm lớn của nhân loại. Rất nhiều nhà khoa học và tâm lý học đã quan sát những trẻ sơ sinh từ 3 giờ đến 5 ngày tuổi. Những người khác, sau khi nghiên cứu tỉ mỉ hành vi của trẻ, đã rút ra kết luận rằng hai năm đầu đời quan trọng nhất đối với cuộc đời trẻ. Giáo dục trong thời kỳ này phải theo khuynh hướng hỗ trợ trẻ phát triển những năng lực tinh thần tiềm tàng. Mục đích này không thể vươn tới chỉ bằng cách truyền thụ kiến thức vì trẻ nhỏ gần như không hiểu nổi những lý thuyết sáo rỗng.

Tài nguyên chưa được khai phá

Những nghiên cứu chung trên phạm vi rộng đã chỉ ra rằng trẻ nhỏ có những khả năng tâm linh đặc biệt. Điều này cho thấy một phương thức truyền tải kiến thức mới vẫn chưa được xem trọng.

Những năng lực tiềm tàng sống động, tích cực và biến đổi không ngừng ở trẻ nhỏ hàng nghìn năm nay vẫn còn là một ẩn số. Cũng như khi con người cổ đại trước tiên phải đặt bước chân trên mặt đất rồi mới biết khai khẩn bề mặt trái đất vào những thời kỳ sau đó, mà vẫn không biết hay quan tâm tới những tài nguyên bao la nằm ẩn sâu trong lòng đất. Con người hiện đại cũng tiếp tục khai hóa văn minh mà không biết đến những tài nguyên nằm ẩn trong thế giới tâm hồn của đứa trẻ. Vì thế, trong thời kỳ đầu, con người vẫn luôn đè nén những nguồn năng lực tiềm tàng này và nghiền chúng thành cát bụi. Cho đến tận bây giờ, một số ít mới bắt đầu nghĩ tới sự tồn tại của chúng. Loài người đã bắt đầu nhận ra tầm quan trọng của nguồn tài nguyên chưa bao giờ được khai phá, thứ thậm chí còn quý hơn vàng: tâm hồn con người.

Hai năm đầu đời mang đến một cái nhìn mới mẻ về những quy luật của quá trình kiến thiết tâm hồn. Những quy luật cho đến nay vẫn còn là một bí ẩn. Chính biểu hiện bên ngoài hé lộ tâm lý của trẻ nhỏ. Trẻ thể

hiện một loại tâm lý hoàn toàn khác biệt với người lớn. Vì thế một con đường mới đã được bắt đầu ở đây. Không phải vị giáo sư áp dụng tâm lý học đối với trẻ nhỏ, chính trẻ nhỏ mới

Không phải giáo sư áp dụng tâm lý học đối với trẻ nhỏ, chính trẻ nhỏ mới là chủ thể dạy tâm lý học cho giáo sư.

là chủ thể dạy tâm lý học cho vị giáo sư. Điều này có vẻ khó hiểu nhưng nó sẽ trở nên rõ ràng tức thì nếu chúng ta đi sâu hơn vào chi tiết: đứa trẻ sở hữu một hình thái tâm trí có thể tiếp thu kiến thức và tự chỉ dẫn bản thân. Chỉ cần quan sát bên ngoài cũng đủ thấy điều đó. Đứa trẻ nói thứ ngôn ngữ của cha mẹ mình. Việc học ngôn ngữ là một quá trình tiếp thu trí tuệ lớn lao. Nhưng ai đã dạy ngôn ngữ cho đứa trẻ? Có phải giáo viên không? Tất nhiên là không nhưng đứa trẻ vẫn biết cách gọi đúng tên đồ vật, biết dùng động từ, tính từ... Nếu ai đó nghiên cứu hiện tượng

này, người đó sẽ thấy sự phát triển ngôn ngữ của trẻ hết sức kỳ diệu. Tất cả những người đã trải qua quá trình nghiên cứu ấy đều đồng ý rằng đứa trẻ bắt đầu sử dụng từ ngữ và tên gọi ở một giai đoạn nhất định. Dường như đứa trẻ có một thời gian biểu riêng biệt nào đó. Thực tế, đứa trẻ chỉ trung thành tuân theo một đề cương học tập nghiêm khắc được áp đặt bởi tự nhiên, với sự chính xác mà thậm chí một trường học nghiêm túc nhất cũng không thực hiện được khi bị đem ra so sánh. Làm theo thời gian biểu này, với sự nỗ lực không ngừng, đứa trẻ có thể học được tất cả những thành phần bất quy tắc và những cấu trúc cú pháp khác nhau của ngôn ngữ.

Những năm tháng thiết yếu

Trong mỗi đứa trẻ đều có ‘một người thầy’ vô cùng chính trực. Chính ‘người thầy’ ấy giúp trẻ đạt được những thành tựu lớn lao kể trên, dù đứa trẻ ấy có ở vùng miền nào trên thế giới. Thứ ngôn ngữ duy nhất con người có thể tiếp thu hoàn thiện nhất chính là ngôn ngữ học được trong giai đoạn thơ ấu mà không cần một ai dạy dỗ. Không chỉ thế, trong những giai đoạn sau của cuộc đời, nếu muốn học một thứ ngôn ngữ mới, đứa trẻ sẽ không thể nói ngôn ngữ ấy với độ chính xác như ngôn ngữ học được ở thời thơ ấu. Có một năng lực tinh thần nội tại đã giúp đứa trẻ. Nó không chỉ là vấn đề về ngôn ngữ. Khi 2 tuổi, đứa trẻ đã có thể nhận biết được tất cả những sự vật và mọi người xung quanh. Càng nghĩ ta càng thấy rõ sự kiến thiết đứa trẻ đạt được thật choáng ngợp: vì tất cả những gì chúng ta sở hữu đã được tạo dựng nên bởi đứa trẻ đã từng là ta, và những năng lực quan trọng nhất đã được xây dựng vào hai năm đầu đời. Đó không chỉ là việc nhận ra những điều xung quanh chúng ta hoặc hiểu và xử trí với môi trường quanh ta; mà còn là tổng thể trí tuệ của chúng ta, sự thụ cảm tôn giáo của chúng ta, những cảm xúc đặc biệt của chúng ta về tinh thần ái quốc và giai cấp đã được xây dựng trong thời kỳ này dù không có ai dạy. Như thế đấng tạo hóa đã bảo vệ đứa trẻ khỏi sự

ảnh hưởng của trí tuệ loài người để cho ‘người thầy nội tại’ đang ngự trị trong kia, khả năng tạo dựng một kết cấu tâm hồn hoàn thiện trước khi trí tuệ con người có thể tiếp cận với phần tinh thần và tác động tới nó.

Khi được 3 tuổi, đứa trẻ đã tạo dựng được nền tảng của nhân cách và cần sự giúp đỡ đặc biệt của giáo dục trong nhà trường. Những kiến thức thu nhận được của đứa trẻ lớn đến nỗi chúng ta có thể coi đứa trẻ đến trường năm lên ba giống như một ông lão. Các nhà tâm lý học cho rằng, nếu so sánh khả năng của người trưởng thành với khả năng của đứa trẻ, người trưởng thành phải cần tới 60 năm lao động vất vả mới có thể đạt được những gì một đứa trẻ đạt được trong ba năm đầu đời. Và chúng biểu lộ bản thân bằng những ngôn từ lạ lùng đến nỗi: khi 3 tuổi thì đứa trẻ đã là một ông lão. Thậm chí cả khi đó thì khả năng tiếp thu từ môi trường xung quanh kỳ lạ của đứa trẻ vẫn chưa dừng lại. Ở các trường mầm non, trẻ em bắt đầu tới trường lúc 3 tuổi; chẳng ai dạy được chúng vì chúng vẫn chưa có ý thức tiếp thu. Nhưng chúng biểu lộ những thực tế đáng ngạc nhiên về sự vĩ đại của tâm trí con người. Trường học của chúng ta không phải một trường học thực thụ; đó là một ngôi nhà của trẻ em, nói khác đi là một môi trường được dành riêng cho trẻ nhỏ. Ở đây, chúng tiếp thu nền văn hóa được truyền bá trong môi trường sống hiện tại mà không cần ai phải dạy chúng. Trong trường học đầu tiên của chúng tôi, bọn trẻ theo học đến từ giai cấp thấp nhất; cha mẹ chúng gần như mù chữ. Tuy thế bọn trẻ 4 tuổi này biết đọc và viết. Chẳng ai dạy chúng hết. Khách đến thăm đã rất bất ngờ khi thấy bọn trẻ nhỏ tuổi có thể viết và đọc. “Ai đã dạy các cháu viết vậy?” Họ hỏi và bọn trẻ sẽ ngước mắt lên đầy kinh ngạc và trả lời: “Dạy ư? – Chẳng ai dạy chúng cháu cả.” Đó là một điều kỳ diệu. Việc đứa trẻ nhỏ thế có thể viết được đã là tuyệt vời rồi, mà chúng lại có thể làm mà không cần sự dạy dỗ nào thì dường như là bất khả. Báo giới bắt đầu nói về ‘sự tiếp thu văn hóa một cách bộc phát’. Chúng tôi là các nhà tâm lý học coi bọn trẻ này là

đối tượng đặc biệt trong một thời gian dài. Phải vài năm sau đó, chúng tôi mới nhận ra rằng tất cả trẻ em đều có khả năng tiếp thu văn hóa. Chúng tôi đã nghĩ rằng nếu điều đó là thật, nếu văn hóa có thể được tiếp thu mà không làm chúng kiệt sức thì ta hãy thử đặt những yếu tố văn hóa khác nhau cho chúng tiếp thu. Thế là trẻ nhỏ tiếp thu được không chỉ có đọc và viết mà cả các môn học như thực vật học, động vật học, toán, địa lý và các môn tương tự đã được dễ dàng tiếp nhận như thế, một cách đầy tự phát mà không tốn sức lực.

Nhiệm vụ của giáo viên không chỉ là giảng giải, mà là chuẩn bị một chuỗi những hoạt động mang tính văn hóa được đưa ra trong môi trường đặc biệt.

Thế là ta đã phát hiện ra giáo dục không phải là thứ giáo viên đem lại: Giáo dục là một quá trình tự nhiên diễn ra tự phát bởi cá thể người. Nó đạt được không phải bằng cách truyền thụ, mà bằng việc trải nghiệm với môi trường.

Nhiệm vụ của giáo viên khi đó không chỉ là giảng giải, mà là chuẩn bị một chuỗi những hoạt động mang tính văn hóa được đưa ra trong môi trường đặc biệt.

Qua 40 năm trải nghiệm của tôi, khi bọn trẻ lớn lên, ở khắp mọi nơi, trong những dân tộc khác nhau, các bậc phụ huynh đề nghị tôi tiếp tục giáo dục cho những trẻ em lớn hơn và chúng tôi đã phát hiện ra rằng các hoạt động cá nhân là phương thức phát triển duy nhất. Điều đó đúng với cả trẻ em trước tuổi đến trường và cả thanh thiếu niên ở trường cấp một và các bậc học tiếp theo.

Con người mới xuất hiện

Trước mắt chúng ta xuất hiện một mẫu hình mới. Đó không phải một trường học hay một biện pháp giáo dục. Đó là sự xuất hiện của con người. Con người bộc lộ bản chất thật khi được phát triển tự do; con người thể hiện sự vĩ đại của mình khi không một sự áp bức tinh thần nào tồn tại

để kiểm chế tâm hồn của anh ta. Và thế nên tôi nói rằng mọi hình thái đối mới giáo dục phải được dựa trên sự phát triển của nhân cách. Bản thân

Con người bắt đầu phát triển bản thân từ lúc mới sinh và trước cả khi được sinh ra.

con người phải là trung tâm của sự giáo dục. Và ta phải nhớ rằng con người không chỉ phát triển trong trường học: con người bắt đầu phát triển bản thân từ lúc mới sinh và trước cả khi được sinh ra. Sự phát triển nổi bật nhất đạt được vào những năm đầu đời, và vì thế đó là giai đoạn cần sự quan tâm lớn nhất. Nếu điều này được thực hiện, thì trẻ sẽ không trở thành gánh nặng; trẻ sẽ hiện ra như một điều kỳ diệu nhất của tạo hóa. Trước mắt chúng ta là một đứa trẻ không còn giống như trước kia – một thực thể bất lực – một cái thùng rỗng cần được đong đầy sự thông thái của chúng ta. Phẩm cách của đứa trẻ sẽ được khơi dậy trước mắt chúng ta khi đứa trẻ thể hiện là người kiến thiết sự thông tuệ, được chỉ dẫn bởi ‘người thầy nội tại’, với niềm vui và hạnh phúc lao động không biết mệt mỏi, tuân theo một thời gian biểu nghiêm khắc, để kiến thiết điều kỳ diệu đó của tạo hóa: CON NGƯỜI. Chúng ta, những giáo viên, chỉ có thể trợ giúp công trình vĩ đại đang được thực hiện kia, như đầy tớ của kẻ bậc thầy. Nếu làm thế, chúng ta sẽ thấy được quá trình hé mở của tâm hồn con người, sự xuất hiện của Con người Mới không phải là nạn nhân của sự vật sự việc, mà là những cá nhân có tầm nhìn thấu suốt để chỉ đạo và kiến tạo nên tương lai của xã hội loài người.

2

GIÁO DỤC TRỌN ĐỜI

Trường học và Đời sống Xã hội

Ngay từ đầu ta phải có một quan niệm rõ ràng về phương pháp giáo dục trọn đời bắt đầu từ thuở sơ sinh và thậm chí cả trước khi được sinh ra. Không chỉ các nhà khoa học, mà ngay cả các nhà lãnh đạo chính trị từ đầu thế kỷ đã chỉ ra rằng quan niệm mở rộng giáo dục đến trọn đời sẽ đem lại những thành công nhất định. Giáo dục, với tư cách trợ giúp và bảo vệ cuộc sống, là một ý tưởng chắc chắn chưa hiện diện trong lĩnh vực hoạt động của bất cứ bộ giáo dục nào, không ở Mỹ – Bắc hay Nam – cũng không ở châu Âu. Nền giáo dục được biết tới cho tới ngày nay là nền giáo dục đa dạng về phương pháp, mục đích xã hội, và tính quyết định, nhưng nó hầu như không quan tâm gì tới cuộc sống hết. Có rất nhiều phương thức giáo dục được các nước khác nhau ứng dụng, nhưng không có hệ thống giáo dục chính thức nào quan tâm tới bản thân cuộc đời hoặc quyết định bảo vệ sự phát triển và trợ giúp cá nhân từ khi sinh ra. Nếu giáo dục là sự đảm bảo cho cuộc sống, bạn sẽ nhận ra rằng giáo dục cần phải đi cùng với cuộc sống trong cả quá trình của nó. Giáo dục trong thời đại ngày nay không xét gì đến đời sống sinh học cũng như đời sống xã hội. Nếu chúng ta dừng lại để suy ngẫm về vấn đề này thì

chúng ta sẽ nhanh chóng nhận ra rằng, tất cả những người đang trong quá trình giáo dục đều bị tách biệt khỏi xã hội. Sinh viên phải tuân theo những quy tắc và tự thích nghi với những khóa học được bộ giáo dục đề ra. Chúng ta nhận ra rằng trong những trường học này chẳng có chút quan tâm nào tới chính bản thân cuộc sống. Ví dụ học sinh trung học phổ thông không có đủ thức ăn, đó không phải mối quan tâm của trường. Cách thời điểm hiện giờ không lâu, nếu có học sinh khiếm thính, người ta dễ nhận ra khi chúng thường nhận điểm thấp hơn vì không thể nghe những gì thầy giáo giảng, nhưng sự khiếm khuyết của học sinh cũng không được quan tâm. Nếu một đứa trẻ bị khiếm thị, đứa trẻ cũng bị điểm kém vì nó không thể viết đẹp như những học sinh khác. Những khiếm khuyết hình thể đã không được xét đến cho tới thời gian gần đây và khi việc đó được thực hiện, nó lại được thực hiện từ khía cạnh vệ sinh. Thậm chí, ngay hiện tại, cũng chẳng có ai quan tâm đến những nguy hiểm có thể xảy ra đối với tâm trí của học sinh, những nguy hại do khiếm khuyết trong những phương pháp giáo dục đang được áp dụng. Trường học nào quan tâm đến môi trường mà đứa trẻ bị ép buộc phải sống trong đó chứ? Điều duy nhất các nhà chức trách ngó ngang đến là liệu chương trình học có được thực thi hay không. Có những tư tưởng chính trị có thể đánh gục tinh thần của những thanh niên theo học các trường đại học nhưng lời khuyên chân chính là gì? “Sinh viên các cậu không nên quá quan tâm đến chính trị. Các cậu phải chăm chỉ học tập, và sau khi đã hình thành nhân cách của mình, hãy bước vào cuộc sống.” Giáo dục ngày nay không tạo nên một trí tuệ đủ khả năng hình dung ra cả một kỷ nguyên và những vấn đề của thời đại họ đang sống. Cơ chế đào tạo hoàn toàn xa rời đời sống xã hội mọi thời đại. Quá trình học tập không đi sâu vào giáo dục. Ai đã bao giờ nghe về một bộ giáo dục nào lại được gọi đến để giải quyết vấn đề nhức nhối của đất nước? Chẳng có chuyện thế vì phạm vi giáo dục gắn liền với một

cá nhân, trong suốt cuộc đời học thuật của mình, tồn tại tách biệt với những vấn đề xã hội. Họ chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc sống bằng cách đứng ngoài lề cuộc sống.

Điều này có thể xảy ra, ví dụ, một sinh viên đại học qua đời vì bệnh lao phổi. Đó thật là điều đáng buồn. Nhưng trường đại học thì làm được gì? Nhiều nhất là cử người đến viếng tại đám tang. Có rất nhiều cá nhân rất lo lắng hồi hộp; khi họ bước vào đời, họ sẽ thành ra vô dụng không chỉ với chính bản thân, mà còn là nguyên nhân gây ra rắc rối cho gia đình và bạn bè. Có thể là thế, nhưng tôi, với tư cách là nhà cầm quyền, không liên can gì tới những dị biến tâm lý. Tôi chỉ quan tâm tới việc học và việc thi cử. Ai đỗ sẽ có bằng và chứng nhận. Trường học trong thời đại của chúng ta chỉ làm đến thế mà thôi. Nhiều người theo học xã hội học hoặc nghiên cứu các vấn đề xã hội đã nói rằng những người xuất thân từ các trường học hoặc đại học đều không chuẩn bị được hành trang cho cuộc đời, không chỉ có thế, phần lớn họ đều đã bị thui chột tiềm năng. Những nhà xã hội học đã lập các bảng thống kê và nhận ra rằng ngày càng có nhiều tội phạm, kẻ điên và còn nhiều hơn nữa những kẻ được cho là 'quái đản': họ kết luận rằng trường học phải làm gì đó để khắc phục vấn đề này.

Đây là một thực tế. Trường học là một thế giới khác và nếu như có bất cứ vấn đề nào liên quan đến xã hội xảy ra, các nhà xã hội học cho rằng trường học phải làm điều gì đó, nhưng bản thân trường học lại không có khả năng làm việc đó, vì trường học là một thể chế xã hội lâu đời và những quy tắc của nó không thể bị thay đổi trừ khi có một quyền lực ngoại vi nào áp đặt sự thay đổi này. Đây là một số những khiếm khuyết đi kèm với giáo dục và vì thế cũng gắn liền với cuộc sống của tất cả những người đi học.

Thời kỳ trước khi đến trường

Đứa trẻ từ lúc được sinh ra tới khi 7 tuổi, hay khi còn nằm trong bụng mẹ thì thế nào? Trường học không quan tâm tới mấy vấn đề

này. Thời kỳ này được gọi là tiền học đường và điều đó có nghĩa là nó nằm ngoài sự quan tâm của trường học. Đối với những đứa trẻ vừa mới được sinh ra thì trường học có thể làm gì cho chúng? Bất cứ đâu có những trụ sở được dựng lên cho trẻ em trước tuổi đến trường, hầu như chúng đều không được bộ giáo dục kiểm soát. Chúng được quản lý bởi hội đồng thành phố hoặc những trụ sở tư nhân với những nguyên tắc và luật lệ riêng. Ai coi bảo vệ cuộc sống của một đứa trẻ nhỏ là một nhiệm vụ mang tính xã hội? Chẳng ai hết! Xã hội nói rằng trẻ con thuộc về gia đình chứ không thuộc về nhà nước chính quyền.

Hiện nay, những năm đầu đời của trẻ đã được đặc biệt coi trọng. Nhưng những phạm vi quan tâm là gì? Đó là kết cấu lại gia đình, việc coi trọng theo cái nghĩa là người mẹ cần được giáo dục. Giờ đây gia đình không phải là bộ phận cấu thành nên trường học, mà là một phần của xã hội. Thế là chúng ta thấy nhân cách hay sự quan tâm tới nhân cách đã bị phá tan thành từng mảnh như thế nào. Một mặt, gia đình với tư cách là một tế bào của xã hội, nhưng thông thường lại bị cô lập khỏi xã hội, khỏi sự chăm lo của xã hội. Mặt khác, trường học cũng bị tách biệt khỏi xã hội và rồi đến trường đại học. Không hề có sự quan tâm xã hội một cách tập trung dành cho đời sống. Có một mảng ở đây, một mảng ở kia, và mỗi mảng chẳng liên quan gì tới nhau. Thậm chí, cả những ngành khoa học mới như tâm lý học và xã hội chỉ ra sự nguy hại của việc tách biệt này thì chính bản thân các ngành này cũng tách biệt khỏi trường học. Thế nên, không đâu có một hệ thống trợ giúp đáng tin cậy cho sự phát triển của đời sống. Khi một học giả nói rằng giáo dục phải trợ giúp cho cuộc sống, chúng ta nhận ra sự quan trọng của nó. Điều đó, như tôi đã đề cập đến trước, không lạ gì đối với khoa học trừu tượng, nhưng theo phương diện xã hội thì nó là thứ vẫn chưa tồn tại. Đó là bước cần thực hiện tiếp theo của nền văn minh. Tuy thế, mọi thứ đều đã được chuẩn bị: các báo cáo bình luận đã chỉ ra

những sai lầm của tình trạng hiện tại, những bản báo cáo khác đã chỉ ra phương cách cứu vãn cần được áp dụng tại các thời kỳ khác nhau của cuộc đời. Tất cả đều sẵn sàng cho công cuộc kiến thiết. Sự đóng góp của khoa học có thể được so sánh với những tảng đá được cắt gọt và sẵn sàng cho công trình kiến thiết, nhưng điều cần thiết là một ai đó có thể vận chuyển những tảng đá đó và xếp chúng lại thành một công trình mới cần thiết đối với nền văn minh. Đó là một bước tiến cho phép nền văn minh phát triển cao hơn và việc kiến tạo nên bước đi này chính là điều chúng ta nỗ lực thực hiện trong lĩnh vực khoa học ứng dụng.

Nhiệm vụ của giáo dục và xã hội

Quan niệm giáo dục lấy cuộc sống là trọng tâm để thực hiện chức năng của mình nghĩa là gì? Đó là quan niệm thay đổi mọi tư tưởng trước kia về giáo dục. Giáo dục không còn được phép dựa trên một chương trình học

mà phải dựa trên kiến thức về cuộc sống con người. Giờ đây, nếu là thế – và nó buộc phải như vậy – giáo dục trẻ sơ sinh đột nhiên đã có được tầm quan trọng lớn lao. Đúng là trẻ sơ

Giáo dục không được phép dựa trên một chương trình học mà phải dựa trên kiến thức về cuộc sống con người.

sinh thì không làm được gì hết, không thể được dạy theo nghĩa thông thường, chỉ có thể được quan sát, có thể được nghiên cứu để tìm ra những nhu cầu của đời sống sơ sinh. Những quan sát đã được chúng tôi thực hiện với mục tiêu khám phá những quy luật của sự sống, vì nếu chúng ta muốn trợ giúp sự sống thì điều đầu tiên chúng ta phải làm là biết những quy luật quản chế sự sống. Không chỉ thế, nếu kiến thức là thứ duy nhất chúng ta tìm kiếm thì chúng ta sẽ dậm chân trong lĩnh vực tâm lý học, nhưng nếu chúng ta quan tâm đến giáo dục thì hoạt động của chúng ta không thể chỉ giới hạn ở kiến thức. Kiến thức này phải được

truyền bá rộng ra, để tất cả đều phải biết đến sự phát triển tâm hồn của trẻ. Giáo dục khi đó có một chân giá trị mới, một quyền lực mới, vì khi đó giáo dục sẽ nói với xã hội rằng: “Đây là những quy luật của sự sống. Các bạn không thể coi nhẹ nó và các bạn phải hành động theo cách này.”

Thực thế, nếu xã hội muốn đưa ra nền giáo dục bắt buộc thì điều đó có nghĩa là giáo dục phải được cung cấp, một cách thực tiễn, nếu không thì ta không thể gọi đó là bắt buộc được; và nếu giáo dục được đặt ra từ khi mới sinh, thì xã hội cần phải biết những quy luật phát triển của đứa trẻ là gì. Giáo dục không còn chỉ tồn tại biệt lập với xã hội mà phải có quyền vượt trên xã hội. Những cơ cấu xã hội phải tự sắp xếp để thực hiện những điều cần thiết để sự sống có thể được bảo vệ. Tất cả đều phải được triệu hồi để cùng cộng tác: các phụ huynh, dĩ nhiên, phải thực hiện tốt nghĩa vụ của mình, nhưng nếu gia đình không có đủ phương tiện cần thiết, thì xã hội không chỉ phải cung cấp mỗi kiến thức, mà phải cung cấp đủ phương tiện để giáo dục đứa trẻ. Nếu giáo dục nghĩa là quan tâm đến cá nhân và nếu xã hội nhận ra rằng những điều như thế là cần thiết cho sự phát triển của đứa trẻ và gia đình không có khả năng cung cấp chúng, thì xã hội phải là người cung cấp chúng cho đứa trẻ. Chính quyền không được phép bỏ rơi đứa trẻ. Vậy nên giáo dục, thay vì tồn tại biệt lập với xã hội, buộc phải đảm nhận quyền lực vượt trên cả xã hội. Rõ ràng rằng xã hội phải quản lý cá nhân con người, nhưng nếu giáo dục được coi là một sự trợ giúp cho đời sống, thì sự quản lý này sẽ không mang tính kiểm chế và áp bức, mà quản lý sự trợ giúp về vật chất và tinh thần. Bằng vài từ ngữ này ta sẽ nhận ra rằng xã hội cần đầu tư một khoản tiền lớn cho giáo dục.

Những nhu cầu của đứa trẻ trong giai đoạn phát triển được nghiên cứu từng bước một cách khoa học và những kết quả của nghiên cứu này đã được đưa ra trước xã hội. Giáo dục được thai nghén như một sự trợ giúp cho cuộc sống của hết thảy loài người – chứ không chỉ riêng mỗi đứa trẻ. Có nghĩa là ý thức xã hội cần

lãnh trách nhiệm giáo dục và rằng giáo dục sẽ truyền bá kiến thức cho toàn thể xã hội thay vì tồn tại biệt lập với xã hội như ngày nay. Giáo dục với tư cách bảo vệ cuộc sống tác động không chỉ đến đứa trẻ, mà đến cả cha mẹ cùng thể chế chính trị. Đó là thứ chuyển dời mọi thành phần của xã hội, nó mang tầm vĩ đại nhất trong những hoạt động xã hội. Giáo dục thời đại này! Liệu ta có thể tưởng tượng được điều gì bất động, trì trệ và thờ ơ như thế không? Ngày nay, nếu kinh tế được thực thi trong chính quyền thì giáo dục sẽ là nạn nhân đầu tiên. Nếu chúng ta hỏi bất cứ một nhà diễn thuyết nổi tiếng nào về giáo dục thì ông ta sẽ nói với chúng ta rằng: “Tôi không biết gì về giáo dục hết. Giáo dục là một lĩnh vực chuyên biệt. Tôi thậm chí còn giao phó việc giáo dục con cái mình cho vợ tôi và cô ấy đã đưa chúng tới trường học.” Trong tương lai sẽ không một đầu não chính quyền nào có thể trả lời kiểu này khi nói về giáo dục.

Đứa trẻ xây dựng nên Con Người

Những nhà tâm lý học đã nghiên cứu trẻ em từ khi sinh ra đều cho rằng: “Cá thể sẽ phát triển mạnh mẽ hơn, cân bằng hơn về trí tuệ và có một nhân cách vững vàng.” Họ quan niệm một cách cực đoan rằng bên cạnh việc được cung cấp vệ sinh thân thể, đứa trẻ đang phát triển sẽ được chăm sóc cả về tâm hồn. Nhưng đó không phải là tất cả. Hãy giả như khoa học đã đạt được một số phát hiện về thời kỳ đầu đời này, và đây không chỉ là một giả thuyết. Thực tế, trong một đứa trẻ có những năng lực lớn hơn rất nhiều những gì thường được nhận thấy, chính trong giai đoạn này mà sự kiến thiết, sự xây dựng con người được diễn ra. Trước đó, tại thời điểm được sinh ra, tâm hồn của trẻ chưa có gì hết – hoàn toàn không! Không chỉ về mặt tâm lý, ngay khi chào đời đứa trẻ gần như không thể làm được bất cứ việc gì, không thể nói, dù trẻ có thể nhìn thấy mọi thứ xảy ra xung quanh mình. Sau một thời gian, trẻ nói, đi và trải qua hết cuộc chinh phục này đến

cuộc chinh phục khác cho tới khi đứa trẻ đã xây dựng được con người với tất cả sự vĩ đại của mình, với tất cả sự thông tuệ của mình. Nếu chúng ta xét đến điều này thì chúng ta bắt đầu có chút khái niệm về hiện thực. Đứa trẻ không phải một thực thể trống rỗng chịu ơn chúng ta về tất cả những gì trẻ nhận biết. Không, đứa trẻ là người xây dựng nên con người. Chẳng người nào tồn tại được mà không được hình thành từ đứa trẻ đã từng là anh ta. Để tạo dựng nên một con người cần những sức mạnh lớn lao và những sức mạnh này chỉ tồn tại duy nhất trong đứa trẻ. Những sức mạnh lớn lao này của đứa trẻ mà chúng ta đã nhắc đến cuối cùng cũng thu hút được sự chú ý của các nhà khoa học. Sức mạnh này từ trước đến nay đã bị che lấp dưới tấm màn của tình mẹ, người ta cho rằng người mẹ là người tạo nên đứa trẻ, người mẹ là người dạy đứa trẻ nói, đi lại... Nhưng tôi lại cho rằng đó không phải là do người mẹ. Chính bản thân đứa trẻ là người làm tất cả những việc này. Người mẹ chỉ tạo ra đứa trẻ sơ sinh, nhưng đứa trẻ sơ sinh này mới là người tạo nên con người trưởng thành. Giả như người mẹ mất đi, đứa trẻ cũng sẽ phát triển đúng như vậy. Thậm chí, nếu không có người mẹ, và thậm chí nếu người mẹ không có đủ sữa để cho đứa trẻ bú, đứa trẻ cũng vẫn tiếp tục lớn lên. Chính đứa trẻ sẽ tự mình xây dựng bản thân chứ không phải người mẹ. Giả như chúng ta đưa một cậu bé Ấn Độ đến Mỹ và gửi gắm đứa trẻ cho một số người Mỹ. Đứa trẻ này sẽ học tiếng Anh chứ không phải tiếng Hindi. Thế nên, người mẹ không phải người truyền thụ kiến thức. Đứa trẻ tự tiếp thu nó và nếu những người Mỹ này thực sự đối xử với đứa trẻ như máu mủ ruột thịt, đứa trẻ Ấn Độ này sẽ tiếp thu những phong tục tập quán của người Mỹ chứ không phải của người Ấn Độ. Thế nên, chẳng điều gì trong số những điều này mang tính di truyền hết. Chính đứa trẻ, trong quá trình sử dụng những gì diễn ra xung quanh mình đã hình thành chính bản thân cho tương lai.

Đứa trẻ cần sự giúp đỡ đặc biệt để xây dựng phần người một cách hoàn thiện và xã hội phải quan tâm tới điều này. Nhận ra

điều trên không làm giảm uy quyền của cha mẹ vì khi họ nhận ra rằng họ không phải người xây dựng, mà chỉ là những người giúp sức cho công cuộc kiến thiết này, thì họ sẽ có thể thực hiện nghĩa vụ của mình tốt hơn. Họ sẽ giúp đứa trẻ với tầm nhìn rộng mở hơn. Chỉ khi nhận được sự giúp đỡ này, đứa trẻ mới có thể thực hiện được một cuộc kiến thiết tốt đẹp, mang tính tích cực. Vì thế, uy quyền của cha mẹ không phải là sự hống hách độc đoán mà dựa trên sự trợ giúp được trao cho trẻ. Phụ huynh không có quyền hạn gì ngoài việc đó. Chúng ta hãy xem xét một khía cạnh khác. Karl Marx là người đã khởi xướng một cuộc cải cách xã hội, ông khiến những người công nhân nhận ra rằng tất cả những gì xã hội được hưởng thụ đều dựa trên lao động của họ và rằng tất cả những gì chúng ta có trong môi trường của mình đều được tạo ra bởi người lao động. Cuộc sống thường nhật của chúng ta được dựa trên những người lao động này và nếu họ dừng sản xuất, cuộc sống xã hội và chính trị của chúng ta sẽ chấm dứt. Đây là một phần trong học thuyết của Karl Marx. Người lao động là những người thực sự trao cho chúng ta điều kiện sống; họ tạo nên môi trường và cung cấp mọi thứ, thức ăn, quần áo, mọi phương tiện của đời sống. Khi nhận ra điều này, người lao động sẽ không còn xuất hiện với tư cách một kẻ làm công đáng thương phải phụ thuộc vào người chủ để có miếng ăn; anh ta sẽ nắm lấy tầm quan trọng của chính mình. Trước đó, tất cả tầm quan trọng đều chỉ được trao cho hoàng tử, vua và những nhà tư bản, nhưng sau đó công trạng của người lao động đã được đưa ra ánh sáng. Sự đóng góp thực sự của nhà tư bản được nhìn nhận với tư cách là người cung cấp những phương tiện để công nhân tiến hành công việc; và cung cấp điều kiện làm việc tốt hơn cho công nhân thì những sản phẩm được tạo ra càng tốt và chính xác hơn.

Chúng ta hãy đưa ý tưởng này vào lĩnh vực giáo dục. Chúng ta hãy nhìn nhận rằng đứa trẻ là công nhân tạo dựng ra con

người. Phụ huynh cung cấp phương tiện kiến thiết cho người lao động. Vấn đề xã hội chúng ta phải đối mặt khi đó mang tầm quan trọng hơn, vì từ lao động của đứa trẻ kia, chính nhân cách đã được hình thành, chứ không phải chỉ một cá thể đơn thuần. Thời thơ ấu không sản sinh ra một sắc tộc, một giai cấp, một nhóm xã hội, mà sản sinh ra cả một tổng thể con người. Đây là thực tế mà loài người cần nhìn nhận: chính đứa trẻ là điều xã hội cần quan tâm đến, ‘người lao động’ này đã sản sinh ra chính bản thân con người. Hai vấn đề xã hội này đã chỉ ra một sự giống nhau đáng ngạc nhiên, trước khi Karl Marx trình bày tư tưởng này, giai cấp lao động không được chú trọng. Họ phải làm tất cả những gì được giao y như đứa trẻ vậy; nhu cầu và chân giá trị với tư cách là một con người của người lao động đã không được coi trọng. Trong công cuộc lao động của đứa trẻ, nhu cầu của cuộc sống – vật chất và tinh thần – đã không được coi trọng, và phẩm giá của một con người không hề tồn tại trong đứa trẻ. Những người theo chủ nghĩa xã hội và những người cộng sản đã làm những gì? Họ đã mở đầu một cuộc vận động để có được điều kiện sống tốt hơn cho người công nhân. Cũng như thế với đứa trẻ, người kiến thiết, chúng ta phải cho đứa trẻ điều kiện sống tốt hơn. Những đòi hỏi của công nhân về tiền lương cũng giống đứa trẻ đòi hỏi về môi trường sống. Những người lao động mong muốn được giải thoát khỏi xiềng xích và áp bức. Chúng ta phải giải phóng tuổi thơ khỏi những đè nén đang đè nặng lên nó. Tình trạng của nhà kiến thiết con người này thậm chí còn nghiêm trọng hơn của những người kiến thiết môi trường. Cải thiện điều kiện sống cho nhà kiến thiết con người sẽ mang lại những cải thiện cho loài người nói chung. Chúng ta phải đi theo ‘người lao động vĩ đại’ này ngay từ khi đứa trẻ được sinh ra cho tới khi đứa trẻ trưởng thành và cung cấp cho đứa trẻ những phương tiện cần thiết để việc kiến thiết được diễn ra tốt đẹp. Nên nhớ, đứa trẻ là người xây dựng trí tuệ của chúng ta, và chính trí tuệ loài người của chúng ta đã dìu dắt chúng ta và sản sinh ra nền văn minh.

Nếu bản thân sự sống được quan tâm và nghiên cứu, chúng ta sẽ biết được bí mật của nhân loại. Chúng ta sẽ có trong tay năng lực hướng dẫn và cứu vớt nhân loại. Tầm nhìn xã hội của Karl Marx đã đem đến một cuộc cách mạng. Đó là một cuộc cách mạng chúng ta nói tới khi chúng ta bàn về giáo dục. Đó là một cuộc cách mạng bởi lẽ tất cả những gì ngày nay chúng ta biết sẽ phải thay đổi. Thực thế, tôi coi nó là cuộc cách mạng cuối cùng. Nó sẽ là một cuộc cách mạng phi bạo lực vì nếu chỉ một chút bạo lực thôi tác động đến đứa trẻ, thì công cuộc kiến thiết tâm hồn của đứa trẻ sẽ bị sai lệch. Thực thế, mọi cố gắng của chúng ta đều là để đỡ bỏ chướng ngại khỏi con đường trưởng thành của trẻ. Chúng ta đã xóa bỏ mọi hiểm nguy và hiểu lầm xung quanh đứa trẻ.

Đây là mục tiêu của giáo dục với tư cách trợ giúp cho cuộc sống. Giáo dục từ thuở lọt lòng đã mang lại một cuộc cách mạng; một cuộc cách mạng xóa bỏ mọi bạo lực, một cuộc cách mạng trong đó mọi người đều hướng tới một trọng tâm chung. Mẹ, cha, những nhà diễn thuyết – tất cả đều chú trọng tới việc tôn trọng và giúp đỡ công cuộc kiến thiết tinh thần, tuân theo sự chỉ dẫn của ‘người thầy nội tại’.

Một tia hy vọng mới cho loài người, không chỉ là một cuộc tái thiết, mà là sự trợ giúp cho sự kiến thiết được thực thi bởi tâm hồn con người như chính nó phải thế, được phát triển giữa tất cả những tiềm năng bao la mà đứa trẻ mới lọt lòng được ban tặng.

Giáo dục từ thuở lọt lòng đã mang lại một cuộc cách mạng. Một cuộc cách mạng xóa bỏ mọi bạo lực, một cuộc cách mạng trong đó mọi người đều hướng tới một trọng tâm chung. Mẹ, cha, những nhà diễn thuyết – tất cả đều chú trọng tới việc tôn trọng và giúp đỡ công cuộc kiến thiết tinh thần, tuân theo sự chỉ dẫn của ‘người thầy nội tại’.

3

NHỮNG GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN

Những nhà tâm lý học hiện đại đã theo dõi trẻ từ thuở lọt lòng tới khi đến tuổi học đại học cho rằng có những giai đoạn khác biệt và nổi bật trong quá trình phát triển của trẻ. Quan niệm này khác với quan niệm được biết tới trước đó cho rằng trẻ nhỏ có ít khả năng và dần sẽ cải thiện khi trưởng thành. Đây là quan niệm cũ kỹ về trí tuệ của con người. Ngày nay, tâm lý học nhận ra rằng mỗi giai đoạn phát triển của trẻ có đặc điểm tâm lý và trí tuệ khác nhau. Những thời kỳ này tương ứng với những giai đoạn khác nhau trong quá trình phát triển của cơ thể. Những thay đổi này lớn đến nỗi, xét theo khía cạnh tâm lý, một số nhà tâm lý học, trong khi cố hiểu rõ chúng, đã phóng đại chúng và họ cho rằng: “Sự phát triển là một chuỗi những sự ra đời.” Tại một thời điểm nào đó trong cuộc đời, một đặc điểm tâm lý dừng lại và một tâm lý mới xuất hiện. Những sự ra đời nối tiếp nhau này diễn ra trong giai đoạn phát triển. Giai đoạn đầu tiên của những giai đoạn này diễn ra từ lúc chào đời tới khi 6 tuổi. Giai đoạn này bộc lộ những khác biệt rõ rệt, nhưng trong cả quá trình trí tuệ vẫn đồng nhất. Từ 0 đến 6 tuổi được chia ra làm hai giai đoạn nhỏ hoàn toàn khác biệt nhau. Từ năm đầu đời tới năm 3 tuổi có

một dạng tâm lý mà người lớn không thể tiếp cận hay gây ra ảnh hưởng trực tiếp và chẳng có trường học nào cho bọn trẻ như thế. Giai đoạn từ 3 đến 6 tuổi, trí tuệ của trẻ vẫn như vậy, nhưng đứa trẻ bắt đầu trở nên dễ tiếp cận theo một cách đặc biệt. Giai đoạn này được đánh dấu bởi những thay đổi lớn lao diễn ra trong cá thể. Để nhận ra được điều này, chúng ta cần nghĩ về sự khác biệt giữa một đứa bé sơ sinh và một đứa trẻ 6 tuổi. Sự thay đổi này diễn ra như thế nào thì không phải mối quan tâm của chúng ta vào thời điểm này. Nhưng trẻ 6 tuổi đã trở nên đủ thông minh để được nhận vào trường học.

Giai đoạn tiếp theo là từ 6 đến 12 tuổi. Giai đoạn này là một giai đoạn phát triển, nhưng không có sự biến đổi. Đây là một giai đoạn yên ả và thanh bình. Đây cũng là một giai đoạn khỏe mạnh, mạnh mẽ và an toàn xét về mặt tâm lý. Giờ nếu chúng ta nhìn vào cơ thể trẻ, chúng ta sẽ thấy những dấu hiệu dường như đánh dấu giới hạn giữa hai giai đoạn tâm lý này. Sự biến đổi diễn ra ở cơ thể rất dễ nhận biết. Tôi sẽ chỉ dẫn ra một ví dụ thôi: đứa trẻ mất bộ răng sữa và bắt đầu mọc răng vĩnh viễn.

Rồi đến giai đoạn thứ ba từ năm 12 đến 18 tuổi, cũng là một giai đoạn có những biến đổi mạnh mẽ khiến chúng ta liên tưởng tới giai đoạn đầu tiên. Giai đoạn cuối cùng này cũng có thể được chia ra làm hai giai đoạn nhỏ, một kéo dài từ 12 đến 15 tuổi và một từ 15 đến 18 tuổi. Giai đoạn này cũng có sự phân biệt về thể chất ở sự biến đổi cơ thể dẫn đến sự trưởng thành. Sau 18 tuổi, con người được coi là hoàn toàn trưởng thành và chẳng còn sự biến đổi đáng kể nào nữa. Con người chỉ trở nên già đi.

Điều lý thú là giáo dục chính thống đã nhận ra những dạng tâm lý khác biệt này và có một trực giác vô thức về chúng. Giai đoạn đầu tiên từ 0 đến 6 tuổi được nhận ra một cách rõ ràng vì nó bị tách ra khỏi giáo dục bắt buộc và người ta nhận ra rằng khi

6 tuổi thì có sự biến đổi. Người ta dường như lý luận rằng đứa trẻ 6 tuổi đủ thông minh để được nhận vào học. Làm thế họ đã vô thức chấp nhận rằng đứa trẻ biết rất nhiều điều; vì nếu đứa trẻ hoàn toàn vô tri, đứa trẻ sẽ không thể đi học được. Ví dụ, nếu đứa trẻ không biết tự định hướng, không biết đi lại, không biết giao tiếp... ngay cả khi đã 6 tuổi, chúng cũng không thể đi học được. Vì thế, chúng ta có thể nói rằng đây là một nhận thức mang tính thực tiễn. Nhưng những nhà giáo dục chưa bao giờ nghĩ rằng nếu đứa trẻ có thể đến trường, có thể tìm được đường và hiểu những khái niệm được truyền đạt cho mình, đứa trẻ hẳn đã học làm thế, vì khi mới sinh ra đứa trẻ không thể làm được bất cứ điều gì trong số này. Ai đã dạy đứa trẻ khi đó? Không phải giáo viên, vì như ta đã thấy, trong suốt quá trình này đứa trẻ bị tách biệt khỏi trường học. Họ chưa bao giờ nghĩ rằng phải có một quá trình cực kỳ tỉ mỉ để có thể cho phép cá thể mới sinh không trí tuệ, không vận động phối hợp, không ý chí, không trí nhớ, có thể hiểu những gì họ nói.

Một nhận thức vô thức cũng được gắn với giai đoạn thứ hai, vì ở nhiều nước, trẻ thường rời trường tiểu học để vào trường trung học lúc 12 tuổi. Tại sao họ lại chọn giai đoạn từ 6 đến 12 và tại sao họ lại coi nó là giai đoạn phù hợp để truyền thụ những kiến thức cơ sở và cơ bản về văn hóa? Vì việc này diễn ra ở khắp các nước trên thế giới nên nó không thể được thực hiện một cách vô tình được. Có nghĩa là phải có một điểm chung trên cơ sở tâm lý của mọi đứa trẻ để việc này có thể xảy ra. Điều này đã được nhận ra bởi cách lý luận dựa trên kinh nghiệm. Người ta đã nhận ra rằng trong giai đoạn này, đứa trẻ có thể đối mặt với những bài tập trí óc cần thiết ở trường học. Đứa trẻ hiểu những gì giáo viên nói và đứa trẻ có đủ kiên nhẫn để lắng nghe và học hỏi. Trong suốt giai đoạn này, đứa trẻ chuyên tâm học tập, khỏe mạnh về thể chất. Vì những đặc tính này mà giai đoạn từ 6 đến 12 tuổi được coi là thích hợp nhất trong việc truyền thụ kiến thức.

Sau 12 tuổi, thường bắt đầu một cấp học cao hơn, giáo dục chính thống đã nhìn nhận rằng vào năm đó thì một dạng tâm lý mới đã hình thành trong cá thể người. Trong dạng tâm lý này tồn tại hai dạng tâm lý nhỏ nữa. Chính vì thế họ phải chia trường trung học thành hai phần: Trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Trường trung học cơ sở kéo dài ba năm và trường trung học phổ thông kéo dài hai hoặc có khi là ba năm. Ở đây, chúng ta có một giai đoạn không bằng phẳng và dễ dàng như giai đoạn trước đó. Các nhà tâm lý học nói rằng đây là một giai đoạn biến đổi tâm lý lớn đến nỗi nó có thể được so sánh với giai đoạn đầu tiên từ 0 đến 6 tuổi. Thông thường trong suốt giai đoạn này thì nhân cách không vững vàng, luôn có sự bất tuân và nổi loạn. Sức khỏe thể chất cũng không mạnh mẽ và vững vàng như trong giai đoạn thứ hai. Nhưng trường học không quan tâm gì đến điều này. Một chương trình học nào đó đã được đề ra và học sinh bị bắt phải tuân theo, dù có thích hay không. Trong giai đoạn này các em cũng phải ngồi và lắng nghe giáo viên, phải vâng lời tuyệt đối và ghi nhớ các bài học.

Rồi đến trường đại học. Trường đại học cũng không khác biệt nhiều lắm với các dạng trường trước nó, có lẽ trừ việc gia tăng cường độ học tập. Ở đây giáo viên cũng đến, họ nói và sinh viên lắng nghe. Khi tôi còn trẻ, con trai không cạo râu, họ để râu. Và thật lạ lùng khi thấy trong giảng đường tất cả những người con trai này đều để râu, một số có râu nhọn hoắt, một số có râu vuông vắn, một số có râu dài và một số để râu ngắn, trong khi đó một lượng lớn các thể loại ria được trưng ra. Nhưng tất cả những người đàn ông này – trưởng thành và hơn thế nữa – đều chi như bọn trẻ nhỏ. Họ phải ngồi và lắng nghe; họ phải chịu đựng những lời chỉ trích của các giáo sư, họ sẽ bị gia đình quản thúc tài chính nếu thi trượt. Họ là những người đàn ông trưởng thành! Những người đàn ông này, những người mà trí tuệ, kinh

nghiệm sẽ được đem ra để chỉ đạo thế giới, những người mà công cụ lao động là trí tuệ và những người được phân những nghề nghiệp cao giá nhất, là những bác sĩ, kỹ sư, luật sư tương lai. Bằng cấp thì có giá trị gì trong thời đại ngày nay? Liệu cuộc đời một con người có được bảo đảm nhờ vào việc nhận một cái bằng không? Ai đến khám một bác sĩ vừa mới được nhận nó? Nếu ai đó muốn xây một ngôi nhà đẹp, liệu anh ta có đến và cậy nhờ một kỹ sư vừa mới ra trường không? Hoặc nếu tôi có một vụ kiện, liệu tôi có đi thuê một anh luật sư mới vừa có bằng? Không. Và tại sao? Vì lý do đơn giản là sau hàng đống năm học tập, hàng đống năm lắng nghe, không tạo nên một 'con người', chỉ có thực tiễn lao động và thực hành mới làm nổi điều đó. Vì thế, chúng ta thấy các bác sĩ trẻ thực tập trong bệnh viện, các luật sư thực tập trong văn phòng của một luật sư danh tiếng. Cùng một hành trình như vậy cũng xảy đến với anh kỹ sư. Việc học nghề này kéo dài hàng năm dài đằng đẳng, trước khi họ có thể có một nghề nghiệp ổn định. Để có thể tìm được một nơi thực tập, họ phải có cơ hội và được bảo trợ. Đã có rất nhiều vụ việc kỳ lạ xuất phát từ vấn đề này tại nhiều quốc gia. Tại New York, có một cuộc điều hành của riêng các trí thức thất nghiệp. Họ giương biểu trưng với dòng chữ: "Chúng tôi không có việc làm; chúng tôi đang chết đói. Chúng tôi phải làm gì?" Tình trạng đó diễn ra thậm chí cả trong thời đại này. Chẳng có kế hoạch gì hết. Giáo dục vượt khỏi tầm kiểm soát, nhưng một số đã công nhận, quá trình phát triển khác nhau trong mỗi giai đoạn của cuộc đời. Có những dạng tâm lý khác nhau và với mỗi dạng tâm lý thì có những giai đoạn giáo dục khác nhau: cơ sở, phổ thông và đại học.

Quá trình sáng tạo

Khi tôi còn trẻ, trẻ em từ 2 tới 6 tuổi đã không hề được quan tâm. Giờ đã có những trung tâm dành cho lứa tuổi này thuộc đủ các thể loại. Có trường mầm non dành cho trẻ nhỏ và hệ thống

các trường Montessori, trường mẫu giáo và nhà trẻ cho trẻ từ 3 đến 6 tuổi. Nhưng ngày nay, cũng như khi đó, người ta cho rằng phần quan trọng nhất của giáo dục là giáo dục đại học, vì đó là nơi phát triển tốt nhất trí thông minh của con người. Nhưng các nhà tâm lý học sau một quá trình nghiên cứu đã chỉ ra kết quả ngược lại: Quá trình giáo dục quan trọng nhất không phải là trường đại học, mà là giai đoạn đầu tiên – giai đoạn từ 0 đến 6 tuổi. Trong giai đoạn này trí thông minh – công cụ vĩ đại nhất của con người – được hình thành; không chỉ có trí thông minh mà toàn bộ những năng lực tinh thần đều được xây dựng trong giai đoạn này.

Giai đoạn trẻ từ 0 đến 6 tuổi là giai đoạn sáng tạo vì trước khi trẻ được sinh ra chẳng có gì tồn tại nhưng trẻ biết mọi điều khi được 1 tuổi. Cá thể được sinh ra không phải với một chút trí tuệ, không phải với một chút trí nhớ, không phải với một chút ý chí sẽ phát triển sau một thời gian. Chẳng có gì hết! Cá thể xuất phát từ số không! Không có một giọng nói nhỏ bé để rồi sẽ phát triển về sau. Như trong trường hợp, ví dụ, con mèo con mới sinh đã có thể kêu meo meo dù không hay cho lắm, hoặc như con chim hoặc con bê. Con người hoàn toàn câm nín. Phương thức biểu cảm duy nhất của trẻ mới sinh là khóc. Trong trường hợp con người, đó không phải vấn đề về sự phát triển. Đó là vấn đề về sự sáng tạo khởi nguồn từ số không. Nếu bạn không tồn tại, bạn không thể hy vọng phát triển. Đó là bước tiến khủng khiếp của đứa trẻ, bước tiến đi từ số không tới một mốc nhất định. Chúng ta không thể can thiệp vào quá trình đó. Tâm trí của chúng ta cũng không thể.

Điều đứa trẻ tạo nên không phải một sáng tạo nhỏ nhoi. Đó là sự sáng tạo tổng thể. Đứa trẻ sáng tạo không chỉ ngôn ngữ, mà cả những cơ quan giúp chúng ta có khả năng giao tiếp. Đứa trẻ tạo nên những cử động và mọi mặt của trí tuệ. Đứa trẻ tạo nên tất

cả những thứ tâm trí con người, cá thể con người được ban tặng. Đó là một thành tựu khổng lồ!

Việc này không được thực hiện bởi một tâm trí có ý thức. Chúng ta có ý thức, chúng ta có ý chí và nếu chúng ta muốn học điều gì đó, chúng ta tiến hành làm việc đó. Chẳng có ý thức nào trong đứa trẻ, chẳng có ý chí nào. Vì cả ý thức và ý chí đều phải được tạo ra. Tâm trí đứa trẻ không phải dạng tâm trí người trưởng thành chúng ta sở hữu. Nếu chúng ta gọi dạng tâm trí của chúng ta là dạng có ý thức, thì tâm trí của đứa trẻ là dạng vô thức. Giờ một tâm trí vô thức không có nghĩa là một tâm trí hạ đẳng. Một tâm trí vô thức có thể ngập tràn sự thông minh. Ta có thể tìm thấy loại trí thông minh này trong mọi thực thể và tất cả các côn trùng đều có nó. Đó không phải một trí thông minh có ý thức dù thậm chí thỉnh thoảng nó có vẻ như được gắn với lý trí. Đó là một dạng trí thông minh vô thức và khi được trao, đứa trẻ có thể thực hiện những thành tựu tuyệt vời của mình. Đứa trẻ 1 tuổi đã có thể nhìn thấy mọi thứ xung quanh và có khả năng nhận diện được chúng.

Làm thế nào trẻ có thể hiểu được môi trường này? Đó là nhờ một trong số các đặc tính đặc biệt chúng ta đã phát hiện được trong đứa trẻ: sức mạnh của sự nhạy cảm tinh tế đến nỗi mọi sự vật xung quanh đều gọi dậy trong đứa trẻ một niềm hứng thú vô bờ và một lòng nhiệt thành lớn lao đến nỗi chúng dường như thâm nhập vào chính cuộc sống của đứa trẻ. Đứa trẻ tiếp nhận tất cả những ấn tượng này không phải bằng trí óc, mà bằng cả cuộc sống của đứa trẻ. Sự tiếp thu ngôn ngữ là bằng chứng rõ rệt nhất của điều này. Làm thế nào đứa trẻ có thể học được ngôn ngữ? Người ta cho rằng đứa trẻ có khả năng nghe, rằng đứa trẻ nghe giọng người và từ đó học nói. Hãy thừa nhận điều này. Đó là sự thực. Tuy thế, tại sao, giữa hàng triệu những âm thanh và tiếng động khác nhau vây xung quanh mình, đứa trẻ lại chỉ nghe giọng nói của con người? Nếu sự thật đúng là đứa trẻ lắng nghe,

và nếu sự thật đúng là đứa trẻ chỉ tiếp nhận ngôn ngữ con người, nghĩa là ngôn ngữ loài người đã tạo nên một ấn tượng mạnh mẽ đối với đứa trẻ. Những ấn tượng này phải mạnh mẽ đến nỗi chúng đã tạo ra một dạng xúc cảm mãnh liệt và một sự nhiệt tình cao độ để có thể thức tỉnh những thớ sợi vô hình trong cơ thể bắt đầu xung động để tái lập những âm thanh đó. Chúng ta có thể so sánh nó với thứ tương tự trong bản thân chúng ta. Thịnh thoảng ta tới một buổi hòa nhạc. Một lúc sau, ta bắt đầu thấy những biểu cảm say mê trên khuôn mặt của khán giả; đầu và tay bắt đầu chuyển động. Điều gì đã khiến họ cử động nếu không phải những ấn tượng gây ra bởi âm nhạc? Thứ tương tự hẳn đã xảy ra trong tâm trí vô thức của đứa trẻ. Tiếng nói gây ra những ấn tượng mạnh đến mức những ấn tượng âm nhạc khơi gợi trong chúng ta dường như không tồn tại khi được đem ra so sánh. Ta có thể gần như nhìn thấy những cử động của lưỡi đang rộn lên, của hợp âm đang rung lên và của đôi má, mọi thứ rung động và bắt đầu căng ra, sẵn sàng trong yên lặng để tái lập những âm thanh đã gây ra những xúc cảm dữ dội trong tâm trí vô thức. Và làm thế nào đứa trẻ có thể học được ngôn ngữ một cách chính xác đến vậy? Nó đạt được một cách chính xác và vững chắc đến nỗi ngôn ngữ này hình thành nên một phần nhân cách tâm lý của đứa trẻ, nó được gọi là tiếng mẹ đẻ, và nó khác biệt rõ ràng với tất cả những ngôn ngữ khác mà đứa trẻ sẽ học, như một bộ răng giả thì khác biệt với hàm răng thật. Làm thế nào những âm thanh này khi ngay từ đầu chẳng có ý nghĩa gì bỗng nhiên mang đến trong tâm trí đứa trẻ những hiểu biết, những ý tưởng? Đứa trẻ đã không chỉ tiếp nhận từ ngữ. Đứa trẻ đã tiếp thu ‘câu, cấu trúc câu’. Nếu chúng ta không hiểu cấu trúc câu, chúng ta không thể hiểu ngôn ngữ. Nếu chúng ta nói, ví dụ, “cái cốc ở trên mặt bàn” thì trật tự từ là thứ tạo nên ý nghĩa. Nếu ai đó nói, “cốc cái ở bàn” sẽ khó đoán ra nghĩa. Chúng ta hiểu được chuỗi từ ngữ. Đứa trẻ đã tiếp thu cấu trúc của ngôn ngữ.

Trí tuệ thẩm thấu

Nó diễn ra như thế nào? Ta nói rằng “đứa trẻ ghi nhớ những điều này”, nhưng để ghi nhớ, đứa trẻ phải có trí nhớ và đứa trẻ lại chưa hề có trí nhớ; cậu ta vẫn đang xây dựng nó. Đứa trẻ sẽ phải có năng lực lý luận để nhận ra rằng tạo dựng cấu trúc câu là cần thiết để hiểu nó. Nhưng đứa trẻ không có năng lực trí tuệ. Cậu ta phải tạo dựng nó.

Trí tuệ của người trưởng thành không thể làm được điều đó mà cần một dạng trí tuệ khác, và đó là thứ đứa trẻ sở hữu, một dạng trí tuệ khác với của chúng ta. Chúng ta có thể nói rằng chúng ta có được nó bằng trí tuệ của mình, đứa

Đứa trẻ hình thành ‘xương thịt tinh thần’ của chính mình bằng việc sử dụng những sự vật có sẵn trong môi trường. Chúng ta gọi dạng tâm trí của đứa trẻ là ‘Tâm trí thẩm thấu’.

trẻ tiếp thu nó bằng đời sống tâm lý của mình. Đứa trẻ chỉ việc tiếp tục sống, học cách nói thứ ngôn ngữ thuộc về sắc tộc của đứa trẻ. Nó như một chất hóa học tâm thần diễn ra trong đứa trẻ. Chúng ta là những vật chứa; những ấn tượng được đổ vào, và chúng ta ghi nhớ và lưu giữ chúng trong tâm trí chúng ta, nhưng chúng ta tồn tại riêng biệt với những ấn tượng của mình, như nước tồn tại riêng biệt với cốc. Đứa trẻ trải qua một quá trình biến đổi. Những ấn tượng không chỉ xâm lấn tâm trí đứa trẻ, mà còn hình thành nó. Đứa trẻ hình thành ‘xương thịt tinh thần’ của chính mình bằng việc sử dụng những sự vật có sẵn trong môi trường. Chúng ta gọi dạng tâm trí của đứa trẻ là ‘Tâm trí thẩm thấu’. Chúng trở nên hiện hữu. Ta khó có thể hiểu khả năng tâm trí thẩm thấu của trẻ, nhưng chắc chắn đó là một hình thái mang tính đặc quyền của tâm trí. Tôi chỉ nghĩ giá như nó có thể tiếp tục phát triển, giá như nó cứ tồn tại mãi. Mới sinh ra, trẻ chỉ biết nằm ngửa. Một thời gian sau đứa trẻ tập đi, đi loanh quanh, làm việc này kia và chơi đùa, đứa trẻ cảm thấy hạnh phúc; trẻ đam

mê vận động; cấu trúc ngôn ngữ, khả năng điều khiển cử chỉ để phù hợp với cuộc sống và rất nhiều điều khác hình thành trong tâm trí trẻ. Tất cả những gì tồn tại trong môi trường của đứa trẻ đều trở thành một phần tâm trí của trẻ: phong tục, tập quán, tôn giáo. Nghĩ xem sẽ tuyệt vời đến thế nào nếu, trong khi chỉ làm mỗi việc tận hưởng cuộc sống, chỉ với việc tồn tại, chỉ nhờ chúng ta có một dạng tâm trí như thế, chúng ta có thể trở thành bác sĩ hoặc luật sư hay kỹ sư. Cứ thử nghĩ xem. Trẻ nhỏ học ngôn ngữ với tất cả sự hoàn thiện và thiếu sót chúng thấy trong môi trường của mình mà không cần phải tới trường. Tuyệt làm sao nếu ta có thể học tiếng Đức chỉ bằng cách đi dạo với một người Đức mà không cần phải nỗ lực. Trong khi đó, chúng ta đã phải nỗ lực nhiều đến thế nào khi học những môn học khác nhau?

Từng chút một đứa trẻ trở nên ý thức được tất cả vạn vật, chúng hình thành ý thức của mình. Và thế là chúng ta thấy hành trình của đứa trẻ. Đứa trẻ thu nhận tất cả một cách vô thức, dần dần chuyển từ vô thức tới có ý thức với một trạng thái vui thích.

Sự ý thức này đối với chúng ta dường như là một thành tựu vĩ đại. Để trở nên có ý thức, để có được tâm trí con người! Nhưng chúng ta phải trả giá. Vì ngay khi chúng ta có ý thức, tất cả những sự tiếp thu mới đều đòi hỏi nỗ lực và khiến ta mệt mỏi.

Vận động là một trong những thành tựu tuyệt vời này. Lúc mới sinh, đứa trẻ chuyển động rất ít, rồi dần dần cơ thể của đứa trẻ trở nên hoạt bát. Đứa trẻ bắt đầu di chuyển. Những cử động mà đứa trẻ học được, y như trong trường hợp đối với ngôn ngữ, đều không được hình thành một cách ngẫu nhiên. Khi đứa trẻ bắt đầu cử động, tâm trí thẩm thấu của đứa trẻ đã bắt đầu thu nhận môi trường xung quanh. Trước khi đứa trẻ bắt đầu di chuyển, một sự phát triển tâm lý vô thức đã diễn ra. Khi đứa trẻ di chuyển, đứa trẻ bắt đầu trở nên có ý thức. Nếu bạn quan sát

một đứa bé 3 tuổi, đứa trẻ luôn luôn chơi đùa với một đồ vật nào đó. Điều đó có nghĩa là đứa trẻ đang học cách sử dụng tay mình, để biến những gì tâm trí vô thức đã thu nhận từ trước đó thành nhận thức. Chính bằng trải nghiệm trong môi trường dưới dạng trò chơi này mà đứa trẻ đã xem xét sự vật và những ấn tượng mà đứa trẻ đã đưa vào tâm trí vô thức của mình. Nhờ lao động mà đứa trẻ trở nên có ý thức và kiến thiết Con Người. Đứa trẻ được chỉ dẫn bởi một quyền năng bí ẩn vĩ đại mà dần dần từng chút một đứa trẻ hiện thực và trở thành Con Người. Đứa trẻ trở thành một con người bằng chính đôi tay của mình, bằng những trải nghiệm của mình, đầu tiên qua chơi đùa, sau đó qua lao động. Bàn tay là công cụ của trí tuệ loài người. Và bằng trải nghiệm này đứa trẻ đã trở thành một con người, đứa trẻ đã giữ một hình thái rõ rệt và trở nên có giới hạn vì ý thức luôn luôn hữu hạn hơn vô thức và tiềm thức.

Đứa trẻ bước vào cuộc sống và bắt đầu cuộc hành trình bí ẩn của mình. Từng chút một, đứa trẻ dần trở thành một cá thể hoàn hảo có thể thích nghi được với thời đại và môi trường của mình. Đứa trẻ gây dựng tâm trí của mình, dần dần từng bước một

Giáo dục sẽ đóng vai trò là một công cụ trợ giúp cho quá trình phát triển tâm lý của con người, chứ không phải việc bắt con người phải ghi nhớ những ý tưởng và sự kiện.

cho tới khi thiết lập được trí nhớ; cho đến khi hình thành được nhận thức và khả năng lý luận, cho đến khi đứa trẻ tiến tới năm thứ sáu của cuộc đời. Rồi đột nhiên, chúng ta những nhà giáo dục nhận ra rằng cá thể này hiểu và có sự kiên nhẫn để lắng nghe những gì chúng ta nói, trong khi trước đó chúng ta không thể tiếp cận đứa trẻ. Đứa trẻ sống ở một thế giới khác biệt với của chúng ta. Trong cuốn sách này, chúng ta quan tâm tới giai đoạn đầu tiên này. Và một nghiên cứu tâm lý học về đứa trẻ

trong những năm đầu đời đầy những điều kỳ diệu, đến nỗi tất cả những người hiểu được điều đó dù không hỗ trợ được gì nhưng cũng không thể nén nổi một xúc cảm mãnh liệt. Nhiệm vụ của chúng ta không phải là dạy dỗ, mà là giúp tâm trí thẩm thấu kia trong quá trình phát triển. Thật tuyệt diệu làm sao nếu bằng sự trợ giúp của chúng ta, nếu bằng một sự xử lý thông minh đối với đứa trẻ, nếu bằng việc hiểu những nhu cầu của đời sống vật chất và bằng việc nuôi dưỡng trí tuệ của đứa trẻ, chúng ta có thể kéo dài thời kỳ hoạt động của tâm trí thẩm thấu! Thật là một điều tuyệt vời chúng ta có thể mang lại nếu chúng ta có thể giúp trẻ tiếp thu tri thức một cách không mệt mỏi, nếu con người có thể thấy bản thân tràn đầy tri thức mà không biết làm thế nào mình đạt được điều đó, giống như có phép màu vậy. Tại sao lại không chứ? Chẳng phải tự nhiên ngập tràn phép màu, ngập tràn những điều kỳ diệu sao?

Thực tế chỉ ra rằng, đứa trẻ được ban tặng một trí tuệ thẩm thấu đã mang đến một cuộc cách mạng trong giáo dục. Giờ đây, người ta cho rằng giai đoạn đầu tiên là quan trọng nhất trong những giai đoạn của sự phát triển. Sự sáng tạo nhân cách diễn ra trong khoảng thời gian này; và một khi chúng ta đã hiểu được điều này, chúng ta nhận thấy phải giúp đứa trẻ trong công cuộc sáng tạo đó. Vì chẳng có thời điểm nào đứa trẻ lại cần sự giúp đỡ trí tuệ hơn trong thời kỳ này. Hiển nhiên, nếu đứa trẻ gặp phải trở ngại, công cuộc sáng tạo của đứa trẻ sẽ kém hoàn thiện hơn. Chúng ta không còn giúp đứa trẻ vì đứa trẻ là một thực thể nhỏ bé và yếu đuối nữa. Không! Chúng ta đã nhận ra rằng đứa trẻ được ban tặng những khả năng sáng tạo khổng lồ, rằng những khả năng khổng lồ này về bản chất là mong manh, tinh tế và có thể bị bóp nghẹt nếu gặp trở ngại giữa đường. Khi chúng ta hiểu được rằng những khả năng này thuộc về một tâm trí vô thức mà phải trở nên có ý thức qua lao động và những trải nghiệm diễn ra trong môi trường, khi chúng ta nhận ra rằng tâm trí của đứa trẻ

khác với chúng ta, rằng chúng ta không thể chạm tới nó và dạy đứa trẻ mọi điều, rằng chúng ta không thể can thiệp trực tiếp vào quá trình chuyển đổi từ vô thức sang có ý thức và quá trình kiến thiết những khả năng của con người này; thì toàn bộ quan niệm về giáo dục sẽ thay đổi và sẽ trở thành sự trợ giúp cho cuộc đời của đứa trẻ. Giáo dục sẽ đóng vai trò là một công cụ trợ giúp cho quá trình phát triển tâm lý của con người, chứ không phải việc bắt con người phải ghi nhớ những ý tưởng và sự kiện.

Đây là con đường mới của giáo dục và cách giúp đỡ trí tuệ này trong những giai đoạn khác nhau, cách trợ giúp những khả năng và cách trao sức mạnh cho những phẩm chất khác nhau sẽ là mục tiêu nghiên cứu của chúng tôi trong cuốn sách này.

4

ĐỊNH HƯỚNG MỚI

Trong thời đại này, chúng ta có một định hướng mới trong ngành nghiên cứu sinh học. Trước đây, những nghiên cứu đều thực hiện trên cá thể trưởng thành. Ví dụ, khi động vật hoặc thực vật được các nhà khoa học nghiên cứu thì dạng được xét đến là dạng trưởng thành. Điều này cũng ứng với những nghiên cứu về con người. Các lĩnh vực của người trưởng thành được đem ra nghiên cứu như đạo đức, xã hội học. Một lĩnh vực khác cũng thu hút sự chú ý và suy tưởng của những nhà tư tưởng là cái chết. Điều này cũng logic vì người trưởng thành trong quá trình phát triển của mình cũng đồng thời tiến dần đến cái chết. Nghiên cứu đạo lý, như ta có thể nói, là nghiên cứu những điều kiện và quy tắc đối nhân xử thế giữa người trưởng thành. Ngày nay các nhà khoa học dường như đã chọn hướng giải quyết ngược lại. Việc nghiên cứu con người và những dạng khác nhau của đời sống, họ không chỉ quan tâm tới những thực thể ấu thơ, mà còn cả bản thân nguồn gốc của chúng nữa. Thế là sinh vật học hướng sự chú ý của mình tới phôi thai học, tới sự sống của tế bào. Từ định hướng này tới nguồn gốc một ngành triết học mới đã nảy sinh nhưng ngành triết học này không mang tính lý tưởng hóa. Đúng hơn, ta có thể coi nó mang tính khoa học vì nó phát sinh từ

quan sát chứ không từ những suy diễn mang tính trừu tượng của những nhà tư tưởng. Ngành triết học phát triển với những phát kiến mới trong phòng thí nghiệm.

Khi ta bước vào lĩnh vực nghiên cứu nguồn gốc, lĩnh vực phôi thai học, ta thấy được những sự vật không tồn tại trong những lĩnh vực liên quan tới cá thể trưởng thành, hoặc nếu chúng có tồn tại, chúng cũng tồn tại dưới một dạng rất khác biệt. Quan sát khoa học đã hé lộ một dạng sống khá khác biệt với dạng sống con người đã quen thuộc từ trước. Chính nhờ lĩnh vực nghiên cứu mới mẻ này mà nhân cách của đứa trẻ được đưa ra ánh sáng. Một đánh giá hơi hợt sẽ chỉ ra rằng đứa trẻ không tiến tới cái chết như người trưởng thành, đứa trẻ tiến tới cuộc sống vì mục tiêu của đứa trẻ là sự kiến thiết con người trong sự tràn ngập của sức mạnh và sự no đủ của sự sống. Khi người trưởng thành xuất hiện, đứa trẻ không còn tồn tại. Vì thế, cả cuộc đời của đứa trẻ là một quá trình tiến tới sự hoàn thiện, một quá trình tiến tới những thành tựu vĩ đại. Thậm chí cả từ khía cạnh hơi hợt này, ta có thể rút ra rằng đứa trẻ tìm thấy niềm vui trong sự hoàn thành nhiệm vụ phát triển và hoàn thiện. Cuộc sống của đứa trẻ là một dạng sống trong đó lao động, sự hoàn thành nhiệm vụ, mang lại niềm vui và hạnh phúc, trong khi đối với người trưởng thành, lao động thường là một quá trình đầy khổ đau. Quá trình phát triển này, quá trình tiếp diễn trong cuộc sống này là dành cho đứa trẻ điều gì đó để mở mang và phát triển, để khi đứa trẻ càng lớn lên, đứa trẻ càng trở nên thông minh và mạnh mẽ hơn. Hoạt động giúp đứa trẻ đạt được trí thông minh và sức mạnh, trong khi đó đối với người trưởng thành, điều này có vẻ là ngược lại. Cũng trong trường hợp của đứa trẻ, chẳng có một cuộc đối đầu nào hết, vì chẳng ai có thể làm việc đứa trẻ làm để kiến thiết con người như đứa trẻ. Nói cách khác, không ai có thể trưởng thành thay cho đứa trẻ.

Những người trưởng thành sống gần trẻ thường là những người bảo trợ cho trẻ. Vì thế ta có thể thấy rằng, đối với loài người, những tấm gương và cảm hứng cho một xã hội tốt đẹp hơn có thể được tìm thấy trong môi trường trẻ thơ. Đây không phải vấn đề về lý tưởng. Đây là một thực tế. Vì lĩnh vực này khác biệt và cũng chính vì nó đại diện cho một dạng sống tốt đẹp hơn, nó đáng được nghiên cứu.

Giờ chúng ta hãy tiến lại gần hơn với cuộc sống của đứa trẻ, ví dụ như đến với giai đoạn tiền sản. Ngay trước khi ra đời, đứa trẻ đã có sự tiếp xúc với người trưởng thành vì sự phát triển của phôi thai được diễn ra trong cơ thể của người mẹ. Trước thời kỳ phôi thai, tế bào mầm là kết quả của hai tế bào đến từ người trưởng thành. Vì thế, từ hai phía, khi ta đi về phía cội nguồn sự sống của con người, và khi ta đi theo đứa trẻ tới sự hoàn thiện nhiệm vụ phát triển, ta tìm thấy con người trưởng thành. Sự sống của đứa trẻ là thứ liên kết hai thể hệ của đời sống trưởng thành. Sự sống của đứa trẻ hình thành và được hình thành, khởi đầu từ người trưởng thành và kết thúc ở người trưởng thành. Đây chính là con đường đi của sự sống, chính từ sự sống đã chạm đến người trưởng thành một cách thật mật thiết này mà một kết luận tuyệt vời đã được rút ra.

Hai cuộc sống

Tự nhiên trang bị cho trẻ hệ thống phòng vệ đặc biệt. Chúng được sinh ra giữa tình yêu thương, cội nguồn chính của đứa trẻ là tình yêu. Khi được sinh ra, đứa trẻ được cha mẹ bao bọc và bảo vệ bằng tình yêu thương vô bờ. Tự nhiên trao cho cha mẹ tình yêu đối với con cái và tình yêu này không phải giả tạo, hay bị ép buộc bởi lý trí. Nhiều bậc cha mẹ từ bỏ những sở thích cá nhân để tận tâm cống hiến cho những đứa con. Sự hy sinh của cha mẹ hết sức tự nhiên chứ không gượng ép. Không ai nói: “Ôi, người đàn ông tội nghiệp này có hai con.” Nhưng người ta sẽ nói: “Người

đàn ông này mới may mắn làm sao khi có một vợ và hai con. Cô ấy mới hạnh phúc làm sao khi có bọn trẻ đáng yêu đến thế!” Sự hy sinh của cha mẹ dành cho con cái có vất vả nhưng luôn đem lại hạnh phúc cho họ. Đó mới đích thực là cuộc sống, để rồi đưa trẻ khơi nguồn cảm hứng cho một thứ đại diện cho lý tưởng khó thực hiện trong thế giới trưởng thành, đó là: xả thân và hy sinh vô điều kiện. Liệu có một doanh nhân nào, nếu trên thương trường, có thứ gì đó ông ta cần, mà lại nói với đối thủ là: “Này anh lấy đi, tôi không cần nó đâu?” Nhưng nếu cả hai đều đói và chỉ có một mẩu bánh mì nhỏ, liệu có người mẹ hay người cha nào lại không nói với đứa con rằng: “Con ăn đi. Cha mẹ không đói đâu!”? Đây là thứ tình yêu vô cùng cao thượng mà chỉ có thể được tìm thấy trong thế giới của trẻ nhỏ. Chính tự nhiên đã trao tặng nó. Vì thế có hai cuộc sống khác nhau. Người trưởng thành có đặc quyền được tham gia vào cả hai. Ở khía cạnh này của cuộc sống, đó là một đứa trẻ và ở khía cạnh khác, anh ta là một thành viên của xã hội. Phần tốt đẹp hơn là phần liên quan tới đứa trẻ vì trong giai đoạn sống này những xúc cảm cao thượng của anh ta được phát triển.

Hai dạng sống này cũng đúng với động vật. Những loài vật hoang dã và dữ tợn dường như thay đổi bản tính khi nuôi con. Tất cả đều biết hổ và sư tử dịu dàng thế nào đối với con của chúng và con hươu rụt rè đã trở nên dũng cảm đến đâu để bảo vệ con. Dường như có một sự đảo chiều mang tính bản năng trong tất cả các sinh vật khi chúng phải bảo vệ con nhỏ. Đó là bản năng đặc biệt cần thiết vượt trên những giới hạn thông thường. Những động vật nhút nhát sở hữu bản năng tự bảo toàn còn mạnh mẽ hơn chúng ta nhiều, nhưng khi chúng có con, bản năng sinh tồn này chuyển thành bản năng bảo vệ con nhỏ. Nhiều loài chim cũng vậy. Bản năng bảo vệ tính mạng của chúng là bay đi ngay khi nguy hiểm cận kề, nhưng khi chúng có con nhỏ, chúng không bay trốn, mà một số chôn chân trong tổ để che giấu màu

trắng phản trắc của những quả trứng. Những loài khác dụ kẻ thù khỏi nơi ẩn náu của con mình. Có rất nhiều trường hợp như thế này xảy ra và trong mọi dạng sống của động vật sẽ luôn có hai nhóm bản năng:

Đối với loài người, những tấm gương và cảm hứng cho một xã hội tốt đẹp hơn có thể được tìm thấy trong môi trường trẻ thơ.

một nhóm lo tự bảo toàn và một nhóm khác lo bảo vệ mạng sống cho con non. Một trong những cuốn sách viết rất hay về điều này là một cuốn sách của nhà sinh vật học người Pháp J.H. Fabre. Trong đó, ông ta đã kết luận rằng nhờ bản năng của người mẹ vĩ đại mà các loài có thể sinh tồn. Điều này là đúng vì nếu sự tồn vong của một loài chỉ nhờ vào khả năng tranh đấu, làm thế nào mà những sinh vật nhỏ có thể tự bảo vệ chính mình? Chúng vẫn chưa phát triển được những vũ khí này. Chẳng phải những con hổ con không có răng nanh và những chú chim non chưa có lông sao?

Vì thế, nếu muốn gìn giữ sinh mạng và bảo vệ nòi giống, điều cấp thiết đầu tiên là phải bảo vệ con nhỏ, những sinh vật dù chưa có khả năng tự vệ nhưng đang xây dựng vũ khí cho chính mình.

Nếu sự sống chỉ kẻ mạnh mới tồn tại, mọi loài sẽ diệt vong. Vì thế, lý do thực sự, nhân tố chính của sự tồn vong của các loài, là tình yêu của kẻ trưởng thành dành cho con trẻ. Nếu chúng ta nghiên cứu tự nhiên, ta sẽ thấy thú vị vì trí thông minh tồn tại ở cả tầng thấp nhất trong những tầng thấp, theo cách phân loại của chúng ta. Mỗi loài có một dạng bản năng phòng thủ khác nhau, mỗi loài có một dạng trí tuệ khác nhau và toàn bộ trí tuệ này được đem ra để bảo vệ con nhỏ. Nếu ta nghiên cứu về bản năng tự bảo tồn của chúng, thì chúng không thể hiện nhiều trí thông minh như thế và cũng không có cùng một sự đa dạng về bản năng trong trường hợp này. Vì thế Fabre viết tới 16 cuốn

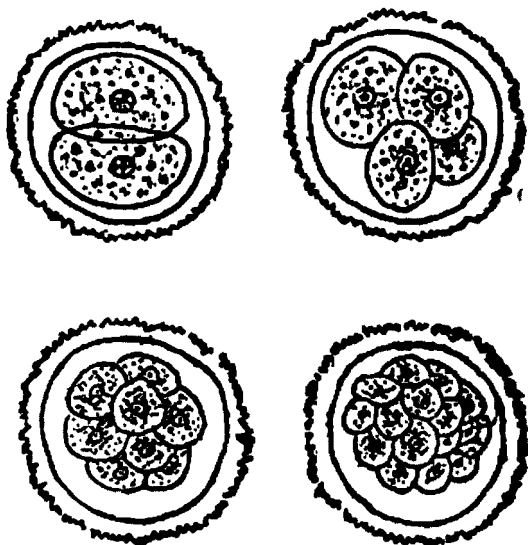
sách, bàn chủ yếu về bản năng bảo vệ giữa các loài côn trùng. Vì vậy nghiên cứu tất cả các dạng sống, ta thấy có hai nhóm bản năng cần thiết và hai dạng sống. Khi chúng ta xét nó trong lĩnh vực đời sống con người, nếu không vì điều gì khác ngoài lý do xã hội, việc nghiên cứu đời sống của đứa trẻ là cần thiết vì những hệ quả nó mang lại với người trưởng thành. Và việc nghiên cứu đời sống này phải đi tới tận cùng khởi nguồn của nó.

Phôi thai học

Ngày nay có nhiều ngành khoa học quan tâm tới cuộc đời của đứa trẻ và cuộc đời của một sinh vật sống ngay từ thời điểm bắt đầu. Một trong những điều thú vị nhất là việc nghiên cứu phôi thai cũng đã được tiến hành theo phương pháp mới. Những nhà tư tưởng và những nhà triết học ở mọi thời đại đã trăn trở về sự kỳ diệu của một thực thể trước đó không tồn tại rồi trở thành một người đàn ông hoặc một người phụ nữ có trí tuệ, suy nghĩ và là người sẽ có khả năng thể hiện sự vĩ đại trong tâm hồn mình. Làm sao việc này xảy ra được? Làm sao những cơ quan lại được tạo ra một cách phức tạp và kỳ diệu đến thế? Làm sao mắt có thể được hình thành và lưới có thể khiến ta nói năng; não và vô vàn những bộ phận của cơ thể con người lại được tạo ra? Đầu thế kỷ XVIII, các nhà khoa học cho rằng trong tế bào trứng đã có sẵn một người đàn ông hoặc một người phụ nữ tí hon. Nhỏ đến nỗi ta không thể thấy được nhưng rõ ràng là có tồn tại và sẽ dần phát triển. Điều này cũng được cho là đúng với trường hợp của động vật có vú. Hai trường phái tranh luận xem liệu người đàn ông hay người phụ nữ là người mang nó trong tế bào mầm của mình. Và họ tiếp tục cuộc tranh luận học thuật của mình tại các trường đại học. Lúc đó có một thanh niên, với kính hiển vi mới được phát minh, đã tự nhủ: “Mình sẽ quan sát xem điều gì đang thực sự diễn ra.” Anh ta bắt đầu nghiên cứu tế bào mầm. Từ các quan sát, anh ta đã rút ra kết luận rằng chẳng có gì tiền tồn tại

hết. Anh nói rằng thực thể tự xây dựng nên chính nó và miêu tả phương thức nó được hình thành. Tế bào mầm tự phân đôi, hai phân thành bốn và bằng cách gia tăng số lượng tế bào theo cấp số nhân, thực thể được hình thành (xem hình 1).

Những học giả đại học đang tranh luận với nhau kia trở nên giận dữ. Kẻ điên khùng nào lại dám nói rằng chẳng có gì tồn tại chứ? Điều này là trái với tôn giáo! Và tình thế trở nên tệ hại cho chàng thanh niên đến nỗi anh bị trục xuất khỏi nước mình. Anh thành kẻ lưu vong và chết trên đất khách quê người. Trong suốt 50 năm dù kính hiển vi đã phổ biến, chẳng ai dám nhìn vào bí ẩn đó một lần nữa. Nhưng người ta bắt đầu quan tâm đến những vấn đề người tiên phong này đề cập trước đó và nghĩ rằng có thể đúng. Một nhà khoa học khác sau 50 năm đã thực hiện cùng một nghiên cứu và khám phá ra rằng chàng thanh niên kia nói đúng. Ông nói điều đó với mọi người và lần này mọi người tin là thật, và một ngành khoa học mới xuất hiện mà giờ đây đã trở nên rất phát triển: ngành phôi thai học.



Hình 1. Sự phân chia của tế bào mầm

Ngày nay, phôi thai học đã phát triển đến mức nó bắt đầu lý luận và cho rằng đúng là chẳng có gì tiền-tồn tại hết, rằng chẳng có người đàn ông hoặc người phụ nữ nào được làm sẵn rồi cứ thế lớn dần lớn dần cho tới khi người đó trở thành một người đàn ông hay phụ nữ trưởng thành; nhưng có một kế hoạch tiền thành lập về việc kiến thiết đáng ngạc nhiên, nó cân đối, hợp lý như thể ai đó đã trần trố và chỉnh sửa nó vậy. Như thế ai đó muốn xây dựng một ngôi nhà và bắt đầu bằng việc gom nhặt gạch trước. Điều tương tự xảy ra với tế bào nguyên thủy này: đầu tiên nó thu thập một số lượng lớn tế bào, bằng việc chia nhỏ và nhân lên rồi xây dựng ba bức tường (ba thành tế bào). Khi ba thành tế bào được dựng lên, giai đoạn thứ hai bắt đầu – giai đoạn xây dựng các cơ quan.

Giờ sự kiến thiết các cơ quan diễn ra theo một phương thức thật lạ thường. Nó bắt đầu bằng một tế bào tại một điểm nhất định. Tôi không biết chuyện gì xảy ra ở đó. Tôi không biết liệu nó mang bản chất hóa học hay liệu nó là một dạng thụ cảm. Tôi tin là không ai biết cả. Sự thật là xung quanh điểm đó có một hoạt động đầy kinh ngạc đã bắt đầu. Tại đó, tốc độ gia tăng tế bào nhanh chóng theo cấp số nhân trong khi ở những vị trí khác nó vẫn tiếp tục một cách bình lặng. Khi hoạt động dồn dập này dừng lại, một cơ quan đã được hình thành. Có một số thời điểm như thế này và mỗi thời điểm tạo dựng nên một cơ quan nhất định. Nhà nghiên cứu đã diễn giải hiện tượng này theo cách sau: có những điểm nhạy cảm mà quanh đó một công cuộc kiến thiết đang xảy ra. Những cơ quan này phát triển độc lập với nhau. Đường như mục đích của mỗi điểm tế bào này là để xây dựng một thứ gì đó chỉ cho bản thân của chính chúng, và sự mãnh liệt, sự năng động, là để cho trong mỗi cơ quan này các tế bào trở nên gắn kết, trở nên thẩm thấu lý tưởng biến đổi bản thân và trở nên khác biệt với những tế bào khác. Thế là những tế bào nhận lấy một hình thái đặc biệt phụ thuộc vào cơ quan chúng xây dựng nên. Và khi những cơ quan khác nhau được tạo nên độc lập với

nhau, một thứ gì đó khác xuất hiện, gắn kết và nối kết chúng. Khi chúng đều đã được gắn kết và nối kết với nhau chặt chẽ đến nỗi tế bào này không thể tồn tại nếu thiếu tế bào kia, đứa trẻ ra đời. Chính hệ tuần hoàn máu đã kết nối chúng lại với nhau. Sau hệ tuần hoàn, hệ thần kinh được hoàn thiện để làm sự hợp nhất càng thêm khăng khít. Ta thấy được kế hoạch của công cuộc kiến thiết. Khi các cơ quan đã được hình thành, chúng được định sẵn để hòa hợp, để kết hợp cùng nhau. Mọi động vật cấp cao và cả loài người cũng theo kế hoạch này. Tất cả đều tuân theo nó để phát triển.

Tư tưởng hiện đại vì thế chỉ có một kế hoạch kiến thiết chung cho muôn loài. Các phôi thai thực tế tương đồng đến nỗi trong quá khứ không xa đã có một học thuyết cho rằng sự tiến hóa đi theo một con đường gồm các cấp độ khác nhau trong giới động vật; ví dụ như con người tiến hóa từ khi, động vật có vú và chim đến từ loài bò sát, bò sát lại xuất thân từ động vật lưỡng cư, động vật lưỡng cư được hình thành từ loài cá... Phôi thai của mỗi loài được cho là tiến qua tất cả các giai đoạn đã nói từ trước kia rồi mới được ra đời; thế là trong phôi thai tổng hợp sự tiến hóa của các loài. Ngày nay học thuyết này bị bác bỏ. Bởi vì, khoa học chỉ nhìn vào các cơ sở thực tế và cho rằng tự nhiên chỉ có một phương thức kiến thiết, rằng chỉ có một kế hoạch kiến thiết duy nhất trong tự nhiên.

Giờ nếu chúng ta hiểu được vấn đề này, thì tất cả những sự việc mơ hồ sẽ được hiểu rõ hơn, ví dụ như sự phát triển tâm lý của đứa trẻ, vì không chỉ có cơ thể, mà tinh thần của con người cũng được kiến thiết theo cùng một con đường. Nó bắt đầu từ số không, hoặc chí ít cũng xuất phát từ những thứ vô hình theo đúng cách cơ thể xuất phát từ tế bào nguyên thủy không khác gì các tế bào khác. Trong đứa bé sơ sinh, tâm lý dường như không có gì được xây dựng sẵn, cũng như không có sẵn một con người nào trong tế bào nguyên thủy. Trong lĩnh vực tinh thần cũng vậy, các cơ quan được xây dựng quanh một điểm thụ cảm. Đầu tiên,

có một cuộc tích lũy vật liệu, cũng như khi chúng ta nói có một sự tích lũy tế bào bằng cách nhân số lượng trong cơ thể. Điều này được thực hiện bởi thứ tôi đã gọi là 'trí tuệ thẩm thấu'. Sau đó đến các điểm thụ cảm. Chúng mãnh liệt đến mức người trưởng thành chúng ta không thể tưởng tượng nổi cái gì có thể tiếp cận được. Chúng ta có một ví dụ về vấn đề này khi chúng ta minh họa sự thu nhận kiến thức. Từ những điểm thụ cảm này, tâm thần không phải thứ được phát triển, mà là những cơ quan ngoại cảm. Ở đây mỗi cơ quan cũng phát triển độc lập với nhau, ví dụ như ngôn ngữ, khả năng phán đoán khoảng cách, hoặc khả năng định hướng bản thân trong môi trường, hoặc khả năng đứng thẳng trên hai chân và những khả năng phối hợp khác. Mỗi khả năng này phát triển xung quanh một tập thể, nhưng độc lập với nhau. Giờ điểm thụ cảm này tỉnh nhạy đến nỗi nó thu hút cá thể tới một tập hợp các hành động. Không một thụ cảm nào trong số này chiếm cả quá trình phát triển. Từng thụ cảm chỉ chiếm một khoảng thời gian: đủ lâu để đảm bảo sự kiến thiết một cơ quan ngoại cảm. Sau khi cơ quan đó đã được hình thành, điểm thụ cảm biến mất, nhưng trong suốt quá trình này có những năng lực lớn đến mức chúng ta không thể tưởng tượng nổi, vì chúng ta đã mất chúng và vì thế không thể có dù chỉ một chút ý niệm rằng chúng là cái gì. Khi tất cả những cơ quan đã sẵn sàng, chúng tụ tập lại, để hình thành sự hợp nhất tinh thần.

Những nghiên cứu sinh học được thực hiện trên các động vật khác nhau đã chỉ ra rằng, tất cả đều xây dựng loài trưởng thành bằng những giai đoạn thụ cảm này. Ta không thể hiểu được sự kiến thiết của tâm lý đứa trẻ, trừ khi ta có chút ý niệm về những giai đoạn thụ cảm này. Khi ta hiểu được chúng, thì toàn bộ thái độ đối với thời thơ ấu chắc chắn sẽ thay đổi. Kết quả là chúng ta có thể trợ giúp sự phát triển tâm lý của trẻ tốt hơn nếu biết khi nào những thời điểm nhạy cảm này diễn ra. Người ta nói rằng: "Thể hệ trước thì sao? Làm sao họ có thể trở thành ra những thực thể khỏe mạnh và mạnh mẽ nếu họ không hiểu gì về thời

thơ ấu?” Đúng là loài người không biết về những thời kỳ nhạy cảm này một cách khoa học, nhưng ở những nền văn minh trước đây, người mẹ đã áp dụng những biện pháp chăm sóc bản năng đối với con mình để nếu không hỗ trợ được cho những nhu cầu của một giai đoạn nhạy cảm thì ít nhất cũng không quá cản trở nó. Tự nhiên trong kế hoạch của mình đã tạo ra những giai đoạn nhạy cảm để hoàn thành sự kiến thiết của những cơ quan ngoại cảm hướng người mẹ bảo vệ con mình. Và khi ta nghiên cứu những người mẹ sống nghèo khổ đang chăm sóc con cái, ta có thể hiểu những người mẹ ở những thế hệ trước đã trợ giúp sự phát triển của con mình như thế nào và cách họ hỗ trợ những điểm nhạy cảm đặc biệt.

Khi xã hội ngày càng phát triển, hoàn cảnh không còn phù hợp với bản năng tự quyết của người mẹ, bà cần nhận thức được nhu cầu của trẻ. Cần có giáo dục để cứu giúp và trang bị kiến thức này cho các bà mẹ. Giáo dục các bà mẹ phải bảo vệ những nhu cầu thiết yếu về mặt tinh thần của trẻ ngay từ khi trẻ được sinh ra. Chắc chắn một điều rằng, trong quá trình nỗ lực để dạy cách bảo vệ những nhu cầu thiết yếu về mặt tinh thần của trẻ, các bà mẹ phải là người đầu tiên được mời tham gia. Và nếu đời sống ngày nay đã trở nên quá nhân tạo đến nỗi đứa trẻ không thể phát triển, thì xã hội phải tạo dựng những cơ sở có thể đáp ứng được những nhu cầu của trẻ. Khi nào trẻ cần tới trường học? Chúng ta bắt đầu từ 3 tuổi rưỡi sau đó giảm dần còn 3 tuổi, 2 tuổi rưỡi và 2 tuổi. Giờ thì trẻ em 1 tuổi đã được đưa tới trường. Nhưng giáo dục được lập ra để bảo vệ cuộc sống, phải hướng xuống sâu hơn nữa tới khi nó bao gồm cả trẻ sơ sinh.

5

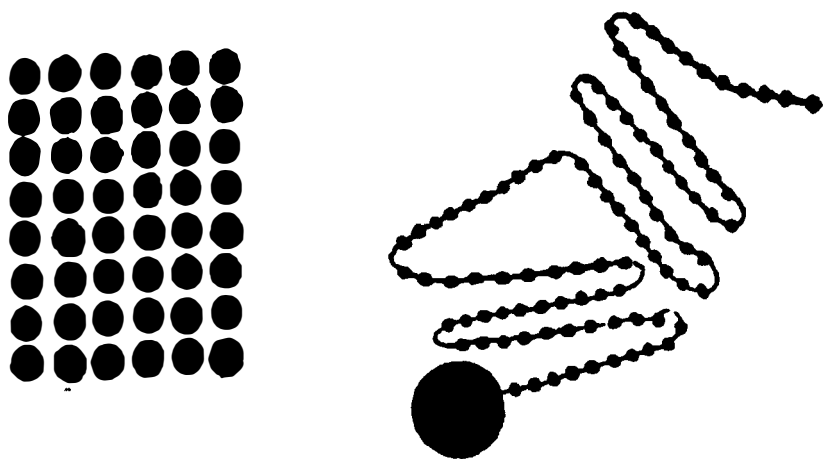
SỰ KỲ DIỆU CỦA SÁNG TẠO

Từ một tế bào tạo thành một cơ quan hoàn thiện là điều tưởng chừng vô lý nhưng có thật. Đó quả là một ‘điều kỳ diệu’ – Một cụm từ mà các nhà khoa học không được phép dùng. Dù có quan sát loài vật nào đi nữa, một chú chim hay chú thỏ hay bất cứ dạng động vật có xương sống nào đều được cấu tạo từ các cơ quan vô cùng phức tạp và những cơ quan vô cùng phức tạp này kết nối một cách chặt chẽ với nhau. Ví dụ hệ tuần hoàn là một hệ thống dẫn lưu tinh tế, phức tạp và hoàn chỉnh đến nỗi không hệ thống dẫn lưu được phát minh – bởi một nền văn minh tiên tiến đến đâu – có thể so sánh được. Cả sự thông minh đủ để có thể thu thập những ấn tượng từ môi trường, được diễn ra trong các giác quan, cũng tuyệt diệu đến nỗi không thiết bị hiện đại nào có thể sánh được. Liệu có thứ gì sánh được sự kỳ diệu của con mắt hay của đôi tai? Và nếu ta nghiên cứu những phản ứng hóa học diễn ra trong cơ thể người, ta thấy rằng đó như ‘phòng thí nghiệm hóa học đặc biệt’, trong đó các hợp chất được tiến hóa, giữ và gắn kết những hợp chất khác mà trong những phòng thí nghiệm hiện đại và quyền lực nhất cũng không thể hợp nhất được. Nếu chúng ta quan sát hệ thống thông tin liên lạc của loài người, hệ thống liên lạc hoàn thiện và tiến hóa nhất – bao gồm điện thoại,

điện báo và điện thoại di động... khi đem ra so sánh với hệ thống liên lạc có trong cơ thể thông qua hệ thần kinh thì chúng chẳng là gì cả. Và nếu ta nghiên cứu đội quân được tổ chức tinh nhuệ nhất, ta sẽ không thể tìm được sự phức tạp ở những cơ bắp, thực hiện những mệnh lệnh ngay lập tức của một tư lệnh chiến lược. Những đầy tớ ngoan ngoãn này làm một công việc đặc biệt, theo một cách đặc biệt, để sẵn sàng tuân theo bất cứ mệnh lệnh nào được đưa ra. Nếu ta coi tất cả những cơ quan phức tạp, những cơ quan liên lạc, cơ bắp sẵn sàng tuân lệnh này như những người lính, những dây thần kinh thâm nhập vào từng tế bào tí hon của cơ thể, đến từ một tế bào – tế bào nguyên thủy có dạng hình cầu – chúng ta nhận ra được sự kỳ diệu của tạo hóa. Mỗi sinh vật sống, mỗi động vật có vú và con người – thực thể kỳ diệu này – tất cả đều đến từ một tế bào nguyên thủy, khi được nghiên cứu, không khác gì so với những tế bào khác và trông rất đơn giản. Nếu chúng ta, người đã quen với những thứ lớn lao, xem xét kích thước của những tế bào nguyên thủy này, chúng ta có lẽ sẽ bị sốc. Nó bằng $1/30$ của một inch¹, hoặc $1/10$ của một mi-li-mét. Những tế bào có kích thước vô cùng nhỏ bé này đã tạo nên con người. Và khi tế bào này phát triển, nó phát triển biệt lập khỏi tế bào mẹ vì nó được bảo vệ, nó được bọc trong một dạng phong bì tách nó khỏi thể trưởng thành đang chứa nó. Điều này đúng với mọi loài vật. Tế bào bị tách biệt khỏi tế bào mẹ để phát triển thành con người. Quá trình này đã thu hút sự chú ý của các nhà khoa học. Bằng việc quan sát với một chiếc kính hiển vi hiện đại, người ta đã phát hiện ra rằng mỗi tế bào chứa các nhiễm sắc thể. Số lượng của chúng khác nhau đối với từng loài khác nhau. Ví dụ ở loài người có 48 nhiễm sắc thể. Ở những loài khác có 15, có loài 13, khiến số lượng nhiễm sắc thể quyết định chủng loài chúng thuộc về. Những nhà khoa học cho rằng những nhiễm

¹ 1 inch = 2,54 cm.

sắc thể này có liên quan tới sự hình thành các cơ quan. Gần đây người ta phát minh ra những kính hiển vi tân tiến hơn. Chúng cho phép ta thấy những sự vật mà trước đây hoàn toàn không thể nhìn thấy được. Chúng được gọi là kính siêu hiển vi, và thông qua chúng, người ta đã thấy được mỗi nhiễm sắc thể là một dạng hộp nhỏ có chứa một dạng chuỗi, bao gồm khoảng 100 hạt nhỏ. Những nhiễm sắc thể tách ra, những hạt tự giải phóng và tế bào trở thành nơi lưu giữ khoảng bốn nghìn hạt nhỏ được gọi là 'gen' (hình 2). Đặc tính của cơ thể được hình thành nhờ sự kết hợp của gen.



Hình 2. Một chuỗi 100 gen nối nhau và mỗi gen nằm một trong 48 nhiễm sắc thể được đặt theo dạng hình học ở bên trái.

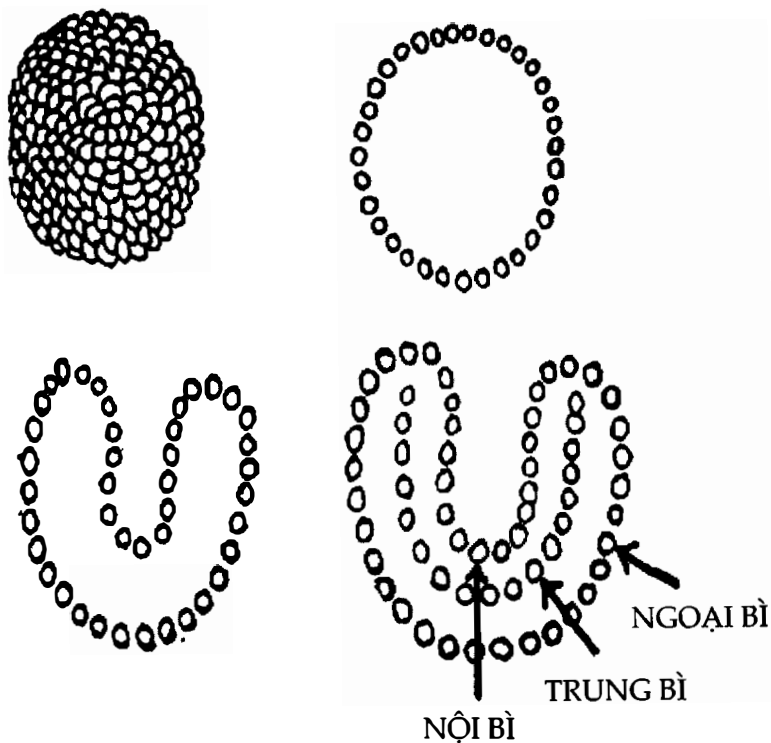
Đây đích thực là khoa học. Nhưng nếu ta dừng lại để nghĩ về những gì nó ám chỉ, ta nhận ra lý thuyết khoa học khô khan này mới bí ẩn làm sao, vì tế bào này nhỏ bé đến nỗi gần như vô hình, nhưng nó chứa trong mình đặc tính di truyền của mọi thời đại. Trong mảnh cắt tí xíu này, có cả một tổng thể trải nghiệm, toàn bộ lịch sử của cả nhân loại. Trước khi có sự thay đổi rõ ràng nào được nhìn thấy trong tế bào nguyên thủy, đã có sự kết hợp giữa những gen này rồi. Chúng đã tự sắp xếp để xác định chính xác hình dạng của mũi, màu sắc của mắt... của thực thể sẽ hình thành từ tế bào nguyên thủy này. Không phải mọi tế bào đều tham gia vào quá trình cấu thành cơ thể. Một dạng đấu tranh diễn ra giữa những gen này; chỉ có một số kết hợp và chúng đem lại đặc tính bên ngoài của cá thể trong khi những gen khác biến mất. Có một tình huống nổi tiếng xảy đến với Mendel khi ông thực hiện một thí nghiệm. Ông đã nhân chéo một cây có hoa đỏ với một cây cùng loại có hoa trắng, sau đó lấy hạt của cây được ghép đem gieo. Kết quả, ông thu được tỉ lệ ba cây có hoa trắng và một cây có hoa đỏ hoặc ngược lại. Thế là từ 40 hạt, 30 (hạt) sẽ cho hoa đỏ và 10 (hạt) sẽ cho hoa trắng hoặc 10 (hạt) hoa đỏ và 30 (hạt) hoa trắng. Nếu điều kiện tốt, các phẩm chất tốt sẽ chiếm ưu thế; nhưng nếu điều kiện không thuận lợi, thì sẽ cho ra chất lượng kém hơn. Thế là tùy trường hợp, trong đó ta sẽ có một cá thể đẹp đẽ hơn hoặc kém đẹp hơn, một cá thể mạnh mẽ hơn hoặc một cá thể yếu kém hơn. Điều này là do sự kết hợp giữa các gen. Do đó, mỗi cá nhân này đều khác với những cá nhân khác và thậm chí nếu ta quan sát những gia đình có nhiều con, mặc dù cùng cha mẹ sinh ra nhưng sẽ có người đẹp, người xấu; người cao, người thấp.

Khoa học đang nghiên cứu điều kiện để tạo nên những đặc tính thuận lợi. Vì thế thuyết ưu sinh ra đời. Thuyết ưu sinh đã thành công trong việc tác động tới tính di truyền. Các nhà nghiên cứu cho rằng đặc tính di truyền chỉ có thể bị tác động ở giai đoạn

khi tế bào nguyên thủy được hình thành và thay đổi có thể được diễn ra. Vì thế con người gần như trở thành một vị thần có được quyền năng của tạo hóa và định hướng con đường mình sẽ đi. Chưa có gì đáng kể được thực hiện theo định hướng này trong lĩnh vực nhân loại học, nhưng đối với động thực vật, con người đã có thể tác động đáng kể đến di truyền học. Khi ta nắm giữ quyền năng của sự sống trong tay thì có nghĩa là gì? Có nghĩa là chúng ta có thể vứt bỏ tính di truyền để biến đổi giống loài. Đây là địa hạt hấp dẫn thu hút được mối quan tâm của hàng trăm nhà khoa học hiện nay. Ngày nay, mối quan tâm này chẳng mang tính hàn lâm cũng không mang tính triết lý. Bởi vì nó đã xâm chiếm lĩnh vực thực tiễn. Một số lượng lớn thực vật và động vật đã được biến đổi. Vài năm trước đây, ví dụ, có hai thanh niên thực hiện một số thí nghiệm sinh học về một loài ong không có nọc đã tạo ra nhiều mật ong hơn. Thế là con người đã có thể tác động đến cuộc sống của những con côn trùng này để tạo ra một loài mới có thể sản sinh ra nhiều chất dinh dưỡng mà con người cần. Cũng theo cách đó, một số thực vật đã được biến đổi gen để sản xuất nhiều thức ăn hơn trước kia. Con người cũng đã biến đổi những bông hồng nguyên sơ thành vô số những giống hồng đẹp để với muôn vàn hương sắc đẹp mắt và quyến rũ. Đã có rất nhiều thành tựu đạt được đối với các loài hoa. Con người đã nắm được bí ẩn cuộc sống. Anh ta trở thành một ảo thuật gia tô điểm cho cuộc sống với cây đũa thần màu nhiệm là trí thông minh của mình; nhờ nó, thế giới trở nên phong phú và thú vị hơn rất nhiều. Chúng ta bắt đầu thấy được một trong những mục tiêu của cuộc đời con người, lý do khiến anh ta trở thành một trong những lực lượng tự nhiên hùng mạnh nhất. Anh ta không được đem đến thế giới này để hưởng thụ những điều đẹp đẽ. Anh ta được đưa đến đây để làm thế giới tốt đẹp hơn. Loài người có trí tuệ vì anh ta phải tạo nên một thế giới tốt đẹp hơn thế giới anh ta có. Như thế con người là người tiếp nối cho sự sáng thế, như

thể anh ta được đưa đến để sử dụng trí tuệ của mình giúp đỡ và làm cho sự sáng thế càng trở nên hoàn thiện hơn. Trí thông minh là món quà tuyệt vời nhất mà anh ta được ban tặng. Con người có thể tiến vào lĩnh vực cho phép anh ta chi phối được cả sự sống. Cho đến nay con người đã tuân theo sự sắp đặt của sự sống, nhưng giờ anh ta đã có thể chi phối nó. Vì thế, những nghiên cứu của ngành phôi thai học không còn là những nghiên cứu trừu tượng và vô vọng. Đó là một ngành khoa học cho phép con người được thâm nhập vào những bí ẩn nhất định của sự sống và có thể thông qua những bí mật này chi phối những sinh linh sắp ra đời. Giờ đây, nếu bằng một chút tưởng tượng, ta có thể hình dung được rằng con người, kẻ đã thâm nhập được vào những bí ẩn của sự phát triển thể chất, cũng có thể chi phối và trợ giúp sự phát triển tinh thần.

Chương về gen và di truyền học này tách biệt với phôi thai học đơn thuần. Ngành phôi thai học chỉ quan tâm đến các tế bào nguyên thủy sản sinh ra cá thể. Để làm được điều này, kính siêu hiển vi hoặc lý luận đặc biệt là không cần thiết. Việc này chỉ đòi hỏi sự quan sát đơn thuần. Từ một tế bào, hai tế bào được hình thành và chúng tồn tại hợp nhất với nhau. Rồi từ hai thành bốn, bốn thành tám, tám thành mười sáu và cứ thế. Việc này tiếp tục cho tới khi hàng trăm tế bào được sản sinh giống như những viên gạch được sử dụng để xây dựng nên một ngôi nhà. Cuối cùng một dạng hình cầu rỗng được hình thành. Rồi những quả cầu này bị bẻ cong và tạo ra hai thành tế bào, sau đó thành tế bào thứ ba được hình thành giữa chúng. Thế là sự kiến thiết đầu tiên gồm có ba thành tế bào. Cho tới giờ tất cả các tế bào này đều giống hệt nhau. Chỉ có điều chúng nhỏ hơn tế bào nguyên thủy mà thôi (hình 3).



Hình 3. Trên cùng bên trái là tế bào nguyên thủy (phôi giai đoạn đầu) bao gồm một thành tế bào duy nhất (bên phải). Phía dưới bên trái là phôi dạ (phôi vị) hai thành tế bào đã bị bẻ cong vào trong và bên phải là thành tế bào nội vi thứ ba được hình thành.

Năm 1929 và 1930, sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, đã có nghiên cứu về quá trình hình thành các cơ quan (hình 4).

SỰ THỤ CẢM HOẠT ĐỘNG TĂNG CƯỜNG ĐỘ GRADIENT



ĐỘ SINH LÝ HỌC GRADIENT

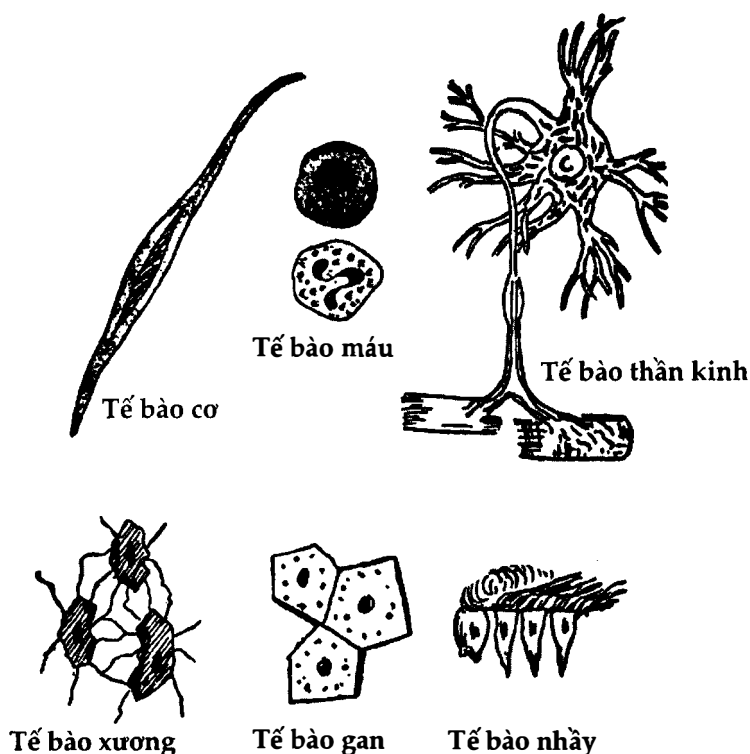
Hình 4

Đó là giả thiết để chỉ ra những điểm thụ cảm. Những điểm này giúp các tế bào bắt đầu nhân chia cực nhanh và chính trong những điểm này mà các cơ quan được hình thành. Người Mỹ gọi những điểm này là 'gradient', người Anh phát hiện ra chúng trên hệ thần kinh, đã gọi chúng là 'điểm thụ cảm'.

Một trong ba thành tế bào của phôi vị tạo ra tập hợp các cơ quan. Phần ngoại bì tạo ra da, giác quan và hệ thần kinh. Điều này minh chứng cho việc lớp ngoài cùng có quan hệ mật thiết với môi trường, vì làn da bảo vệ và hệ thần kinh kết nối chúng ta với môi trường. Phần nội bì phát triển những cơ quan dinh dưỡng ví dụ như ruột, dạ dày, tuyến tiêu hóa, gan, tuyến tụy và phổi. Những cơ quan của hệ thống thần kinh được gọi là những cơ quan giao tiếp vì chúng cho phép chúng ta giao tiếp với môi trường. Những cơ quan của hệ tiêu hóa và hệ hô hấp được gọi là những cơ quan thực vật vì chúng khiến đời sống thực vật có thể diễn ra. Thành tế bào thứ ba hay còn gọi là phần trung bì tạo ra tất cả những cơ quan còn lại, khung xương chống đỡ cơ thể và các cơ bắp. Giờ thật lạ lẫm khi thấy mỗi thành tế bào này

lại có một chức năng đặc biệt khác nhau và chức năng này giữ nguyên đối với mỗi loại động vật. Miễn là chúng tồn tại ở dạng thành tế bào, những tế bào được coi là đơn giản. Đây liệu có tình vi không? Đầu tiên ba thành tế bào được hình thành, rồi đến các cơ quan. Từ đó, không có gì lạ lùng sau khi kế hoạch tổng thể đã được thực hiện mặc dù một trong ba tầng tế bào này hoàn toàn độc lập với nhau? Sau việc này, mỗi tế bào hình thành nên các cơ quan sẽ bắt đầu tự chuyển hóa. Chúng chọn hình thái phù hợp nhất để thực hiện một chức năng mà chúng không thực hiện khi còn ở giai đoạn phôi thai. Thế nên sự chuyên biệt tinh xảo của tế bào mà có thể tự chuyển hóa bản thân cho một chức năng nhất định đã diễn ra trước khi chức năng đó bắt đầu.

Ở đây tôi đã tái tạo lại một số các tế bào này.



Hình 5. Các loại tế bào

Có những tế bào gan hình ngũ giác, có tế bào cơ rất dài, và những tế bào hình tam giác là những tế bào hình thành xương. Dù những tế bào xương này rất mềm, chúng hấp thụ các-bô-nát trong canxi từ máu và hình thành xương. Một số loại tế bào khác rất thú vị vì chúng có dạng chiếc cốc nhỏ và những chiếc cốc nhỏ này tiết ra một dạng chất nhờn. Chúng cũng có dạng tua sợi được gọi là mao, luôn rung động để những hạt bụi không xâm nhập vào họng. Và rồi tế bào da xuất hiện như những anh hùng, hy sinh mạng sống của mình cho hạnh phúc của cơ quan khác. Những tế bào có tơ dài là tế bào thần kinh. Rồi đến những tế bào màu đỏ làm tế bào máu liên tục vận chuyển ô xy tới cho những tế bào khác. Chúng mang về và thải những khí độc. Điều kỳ diệu ở đây là dù những hồng cầu trong máu có số lượng rất lớn, nhưng số lượng đó lại có giới hạn.

Trước khi công việc bắt đầu, đây chỉ là một số dạng tế bào. Mỗi tế bào này chuẩn bị sẵn sàng cho nhiệm vụ của mình. Khi chúng đã tạo lập bản thân cho công việc đặc thù này, chúng không còn có khả năng tự biến đổi nữa. Một tế bào thần kinh không bao giờ có thể biến đổi thành tế bào gan. Khi chúng đã tự biến đổi như thể đang căng tràn một lý tưởng vĩ đại và cống hiến bản thân cho việc hoàn thành nó, nhiệm vụ của chúng đã được cố định, vì chúng đã tự chuyên biệt hóa cho mình. Liệu có giống như trong xã hội loài người của chúng ta không? Chúng ta có những nhóm người đặc biệt tạo nên các cơ quan của xã hội loài người. Thuở ban đầu, mỗi cá thể phải thực hiện rất nhiều công việc. Trong xã hội nguyên thủy, khi lượng người ít ỏi, một người phải biết chút ít về mọi thứ. Ta vừa là một người thợ nề, một bác sĩ, một người thợ mộc... Nhưng khi xã hội phát triển, thì có sự chuyên môn hóa công việc. Mỗi người chọn một loại công việc và tâm tính họ trở nên tập trung vào việc này đến độ họ chỉ làm duy nhất việc ấy chứ không làm gì khác. Ví dụ, bác sĩ không thể làm thợ đóng giày. Học một nghề nào đó không chỉ bao gồm việc tiếp thu một kỹ năng, người đó còn phải trải qua một quá trình

biến đổi tâm lý cho công việc mình sẽ thực hiện để có thể chuẩn bị không chỉ về mặt kỹ thuật, mà quan trọng hơn, là sở hữu được một nhân cách tâm lý đặc thù, phù hợp với công việc đặc thù kia. Người đó thấy lý tưởng của mình được hiện thực hóa trong nó. Cuộc đời của người ấy gói gọn trong đó.

Mọi hoạt động trong cơ thể cũng diễn ra như thế. Khi mỗi tế bào đã chuyên biệt hóa để hình thành nên những cơ quan riêng biệt, một thứ gì đó đã xuất hiện và đạt được một sự hợp nhất giữa chúng. Nó bao gồm hai cơ quan phức tạp không thực hiện chức năng riêng biệt nào, mà hoạt động để đạt được sự hợp nhất giữa tất cả những cơ quan khác. Đó là hệ tuần hoàn và hệ thần kinh. Hệ đầu tiên có dạng một dòng sông chứa những hoạt chất và các hợp chất này được vận chuyển đến các cơ quan khác trong cơ thể. Nhưng nó không chỉ là một người phân phát, nó còn là một người thu thập. Những cơ quan tạo ra những thứ mà các cơ quan khác cần nhưng lại quá xa để có thể lấy được. Hãy nhìn xem dòng sông này đã đạt được đỉnh cao hoàn hảo như thế nào! Mỗi cơ quan lấy những gì cần thiết cho sự sống của mình và ném lại xuống sông tất cả những gì nó tạo ra để những cơ quan khác có thể tận dụng tùy theo nhu cầu của mình.

Liệu chúng ta có tìm thấy điều tương tự trong xã hội của chúng ta ngày nay không? Liệu nó có phát triển một hệ thống tuần hoàn không? Tất cả những hoạt chất được sản xuất ra bị ném vào vòng tuần hoàn và mỗi cá thể lấy những gì có lợi cho mình, sau đó những gì mình sản xuất ra lại được ném vào dòng chảy thương mại để chúng đến được với những người khác.

Điều duy nhất chúng ta không thấy được trong xã hội loài người là thứ tương ứng với tế bào chuyên biệt của hệ thần kinh. Chúng ta có thể gần như kết luận rằng cơ quan định hướng này chưa được xã hội phát triển. Khi sự chuyên biệt này chưa xuất hiện, sự thiếu hiểu và định hướng một cách hài hòa cả xã hội không tồn tại. Chẳng hạn, chuyện gì diễn ra trong cái xã hội dân

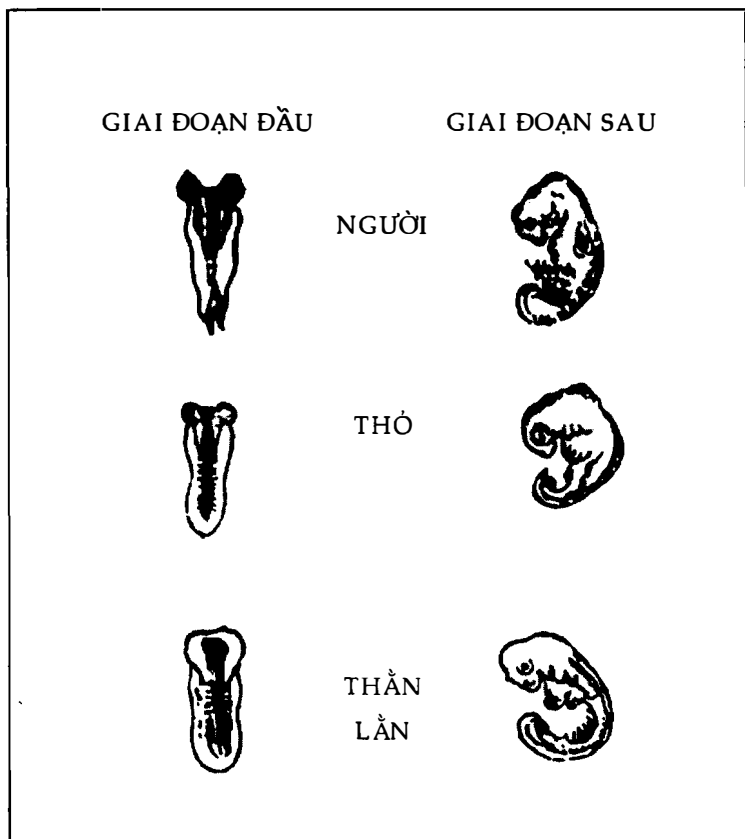
chủ kia, dạng tiến hóa nhất của tổ chức xã hội mà nền văn minh đã tạo ra? Nó cho phép tất cả được chọn người lãnh đạo bằng hình thức bầu cử. Nếu chúng ta liên tưởng đến lĩnh vực phôi thai học, ta có thể nói rằng: "Tôi nghĩ rằng tế bào gan thích hợp nhất với vai trò điều khiển" và người khác: "Tôi nghĩ rằng những tế bào trong xương kia thì thích hợp hơn, vì chúng có kết cấu vững chắc." Và một người khác sẽ nói: "Tôi muốn một ai đó can trường để bảo vệ chúng ta. Tế bào da phải được trao quyền lãnh đạo." Nếu có chuyện như thế xảy ra trong lĩnh vực phôi thai học, thì mọi việc sẽ rất kỳ cục, không thể tưởng tượng nổi, vì nếu có tế bào chuyên biệt đi nữa thì chắc chắn nó phải là tế bào điều khiển chức năng cho tất cả. Nhiệm vụ điều khiển là nhiệm vụ khó khăn nhất và đòi hỏi sự chuyên môn hóa nhiều hơn tất cả những nhiệm vụ khác. Thế nên, vấn đề ở đây không phải là chuyện bầu cử cho thành phần nào. Mà vấn đề ở chỗ liệu chúng có phù hợp và có sẵn sàng nhận nhiệm vụ hay không. Sẽ chẳng có người lãnh đạo nào trừ khi anh ta tự chuyển hóa bản thân trước tiên. Nhưng nguyên tắc đi từ chuyên môn hóa đến chức năng hóa mới hấp dẫn làm sao. Nó còn trở nên hấp dẫn hơn nữa khi chúng ta phát hiện ra rằng đây là kế hoạch được tự nhiên đưa vào tất cả mọi khía cạnh của cuộc sống, rằng đó là kế hoạch mà tự nhiên tuân theo khi tiến hành việc sáng tạo.

Chúng ta quan tâm tới phôi thai học, không chỉ bởi kế hoạch này có thể nắm quyền kiểm soát sự phát triển của chính mình, mà vì phôi thai học hoạt động song song theo từng bước với những gì chúng ta đã phát hiện được trong lĩnh vực tâm thần.

6

MỘT KẾ HOẠCH, MỘT PHƯƠNG THỨC

Những phát hiện hay học thuyết khoa học hiện đại đều không giải thích đầy đủ được bí ẩn của sự sống và sự phát triển của nó. Nhưng khoa học trang bị cho chúng ta thấy được quá trình sinh trưởng diễn ra. Mỗi phát hiện nhỏ đều hé lộ một khía cạnh mới, nhưng lại không giải thích nó. Những hiện tượng này có thể được quan sát một cách đầy đủ và chúng đem lại những lời giải thích cho những sự kiện thường ngày. Một trong những sự việc được quan sát là kế hoạch kiến thiết chỉ có một và tất cả những dạng sống khác nhau đều tuân theo nó. Chúng ta thấy rằng tất cả các chi tiết đều đi theo một kế hoạch vô hình. Kế hoạch đó có thể được thấy bằng mắt thường trong phôi thai, nó có thể được dõi theo trong việc nghiên cứu tâm lý trẻ nhỏ và nó cũng có thể được nhận ra giữa xã hội. Nếu ta quan sát những phôi thai của những loài động vật khác nhau, chúng ta có thể dễ dàng thấy rằng kế hoạch phát triển được thực thi ở đây đều như nhau. Đây không phải một phát hiện mới mẻ. Ta thấy những phôi thai của ba loài động vật tại hai thời điểm khác nhau ở hình 6.



Hình 6. Hình thái phôi thai

Giai đoạn đầu ở bên trái và giai đoạn phát triển sau ở bên phải. Những loài vật ở đây gồm: Con người, thỏ và bò sát. Và đây là một trong những phát hiện tôi đã đề cập tới: Như trong tranh đã chỉ ra, để có thể tạo ra bản thân, những động vật có xương sống phải trải qua ba giai đoạn phát triển và có những hình thái giống nhau. Ví dụ, ta có thể thấy một sự tương đồng đáng ngạc nhiên giữa người và bò sát ở giai đoạn phát triển phôi thai. Nhưng khi phôi thai đã hoàn thành quá trình phát triển thì sự khác biệt thật khổng lồ. Vậy là có một giai đoạn trong đó mọi sinh vật đều tương đồng.

Chúng ta đều có thể khẳng định chắc chắn rằng, về khía cạnh tâm lý, có một giai đoạn trong đó mọi người đều như nhau. Khi chúng ta nói rằng đứa trẻ sơ sinh là một phôi thai tinh thần, có nghĩa mọi đứa trẻ sơ sinh đều giống nhau. Vì thế, chỉ có một phương pháp đối xử hoặc giáo dục trẻ ở độ tuổi này, ví dụ, nếu giáo dục phải bắt đầu từ thuở sơ sinh, sẽ chỉ có một phương pháp mà thôi. Sẽ chẳng có phương pháp giáo dục đặc biệt nào cho trẻ em Ấn Độ, Trung Quốc hay Nhật Bản hoặc châu Âu. Ở đây chỉ có một phương pháp tối thượng đúng với mọi hoàn cảnh. Có một giai đoạn tạo hình hài cụ thể trong đó mọi người đều trải qua một tiến trình phát triển, đều có cùng nhu cầu về tâm lý và tuân theo cùng một tiến trình để đạt được sự kiến thiết con người. Thiên tài, người lao động, một vị thánh hay một kẻ sát nhân được sinh ra từ hoạt động kiến thiết của đứa trẻ. Mỗi người muốn trở thành người anh ta sẽ là đều phải trải qua những giai đoạn phát triển và những giai đoạn tạo hình thái này. Điều chúng ta cần quan tâm là trong quá trình tạo hình này, chúng ta không được quá tập trung vào việc cá thể sau này sẽ trở thành như thế nào. Chúng ta không thể can thiệp vào việc đó được. Đầu tiên, chúng ta không biết nó là gì, và dù có biết chúng ta cũng không thể can thiệp. Điều chúng ta phải quan tâm, điều chúng ta phải dồn sức là trợ giúp cho những quy luật phát triển đó.

Để trợ giúp cho quá trình phát triển trên, chúng ta phải đưa ra các phương thức giáo dục. Phải có – hẳn là có – chỉ duy nhất một phương thức

Một sự thật hiển nhiên cho thấy rằng một triết gia hoặc một nhà tư tưởng không phải là người được quyền chi phối phương pháp giáo dục. Người duy nhất có thể điều khiển phương thức này chính là bản thân tự nhiên, cũng là kẻ đã lập ra những quy luật nhất định, kẻ đã chèn những nhu cầu nhất định vào sinh linh đang sinh trưởng.

giáo dục. Phương thức có thể giúp những quy luật sinh trưởng và phát triển của tự nhiên. Đây không phải một ý tưởng, đây là một hiện thực, một sự thật hiển nhiên và nó cho thấy rằng một triết gia hoặc một nhà tư tưởng không phải là người được quyền chi phối phương pháp giáo dục nào đó. Người duy nhất có thể điều khiển phương thức này là chính bản thân tự nhiên, cũng là kẻ đã lập ra những quy luật nhất định, kẻ đã chèn những nhu cầu nhất định vào sinh linh đang sinh trưởng kia. Mục đích thỏa mãn những nhu cầu này, trợ giúp cho những quy luật này sẽ chi phối phương thức giáo dục.

Điều này thực sự đúng với những năm đầu đời. Sau đó, những cá nhân sẽ có sự khác biệt nhưng chúng ta không phải kẻ làm nên những khác biệt này. Chúng ta chỉ có thể kích động quá trình khác biệt xảy ra. Có một cá nhân nội tại, một bản ngã phát triển khôn lường, độc lập trong chúng ta và chúng ta không thể làm gì nó được. Ví dụ như chúng ta không thể tạo ra một thiên tài, một vị tướng hay một họa sĩ. Chúng ta chỉ có thể trợ giúp cá nhân mà sẽ trở thành một vị tướng hay một người lãnh đạo... có thể hiện thực hóa những khả năng tiềm ẩn của mình. Dù họ có là ai đi nữa, dù họ có là nhà lãnh đạo, thi sĩ, họa sĩ, thiên tài, hay chỉ là những người bình thường, họ đều phải trải qua những giai đoạn này: giai đoạn phôi thai trước khi ra đời, giai đoạn phôi thai tinh thần sau khi ra đời, để có thể hiện thực hóa được bản ngã tương lai bí ẩn của mình. Điều chúng ta có thể làm chỉ là gạt bỏ những chướng ngại để thực thể bí ẩn mà mỗi cá nhân sẽ trở thành kia có thể được hiện thực hóa. Bằng cách gạt bỏ những chướng ngại này, quá trình đó sẽ được thực hiện một cách tốt hơn.

Chúng ta gọi nỗ lực căn bản của việc tự hiện thực hóa này là 'quá trình tạo hình thái'. Đây là điểm thực tiễn đầu tiên: có một quá trình tạo hình thái, quá trình tạo hình thái này chung cho tất cả và mục tiêu của chúng ta trong sự nghiệp giáo dục là trợ giúp cho quá trình tạo hình thái này.

Thêm kết luận về phôi thai học

Ba phôi thai ở hình 6 rất giống nhau. Tuy thế, khi chúng đã kết thúc quá trình phát triển của mình, những thực thể này khác nhau hoàn toàn. Giờ chúng ta hãy tiếp tục nói rõ về sự phát triển của phôi bằng cách tìm hiểu lý luận của những nhà tư tưởng tân tiến nhất. Những gì chúng ta đã thấy rất đáng ngạc nhiên: sự tồn tại của gen, sự tồn tại của những điểm thụ cảm mà quanh đó những cơ quan được hình thành rồi đến sự hình thành hai hệ thống – hệ tuần hoàn và hệ thần kinh – kết nối và hợp nhất một cách mật thiết tất cả những gì đã được tạo ra. Sau khi những cơ quan này đã kết nối với nhau, có một điều thậm chí còn bí ẩn hơn. Sự thực là không chỉ có các cơ quan được hình thành và trở nên kết nối mật thiết với nhau để hình thành những sinh linh tự do và độc lập. Không chỉ tồn tại sự kiến thiết những cơ quan và đặt chúng vào trong mối quan hệ lẫn nhau, toàn bộ những cơ quan này, đúng với mọi thực thể, tạo ra thực thể này khác với thực thể kia: mỗi thực thể đều có *đặc tính* riêng. Đây là điều cực kỳ khác thường. Vấn đề này vẫn chưa được khoa học lý giải. Có học thuyết tiến hóa, nhưng nó chỉ là lý thuyết chứ không phải thực tế. Các quan sát chỉ ra tất cả những thực thể mà không lý giải chúng. Bất cứ khi nào sự lý giải không tồn tại thì một khoảng trống cứ xuất hiện mãi và điều này rất quan trọng. Hiện thực cấp thiết phải nhận ra rằng có một khoảng trống. Nếu chúng ta chấp nhận một học thuyết, ví dụ thuyết tiến hóa mà bao trùm mọi sự việc, thì trí tuệ của chúng ta sẽ rơi vào trạng thái nghi. Nhưng một khi khoảng trống đã được nhận ra, trí tuệ trở nên bồn chồn không yên và quyết tâm đi tìm lời giải. Những khoảng trống này hướng người ta suy nghĩ, tìm tòi cho tới khi có một phát hiện mới dựa trên cơ sở thực tế. Với mỗi phát hiện, một khoảng trống được lấp đầy thì một bước tiến mới về tri thức lại được thiết lập.

Có một phát hiện được công bố lần đầu tiên vào năm 1930 (đây dường như là một năm rất quan trọng đối với ngành phôi thai học). Phát hiện này được tìm ra trong những phòng thí nghiệm của các nhà sinh học ở Philadelphia. Những phòng thí nghiệm hiện đại của Mỹ này bố trí nhân sự và trang bị cơ sở vật chất đầy đủ để mỗi nhà khoa học có thể chuyên tâm nghiên cứu chỉ một lĩnh vực đặc thù. Một trong số họ đã nghiên cứu bảy hoặc tám năm chỉ một dạng động vật, một dạng bò sát cấp thấp nhất. Quá trình nghiên cứu diễn ra lâu thế vì những sự kiện thực tế không tương ứng với những giả thuyết khoa học được trình bày khi ấy. Giờ nếu muốn đưa ra một lời giải thích đầy đủ cho những gì nhà nghiên cứu này đã tìm ra thì sẽ rất nhàm chán và không dễ hiểu chút nào. Tôi chỉ đề cập qua về nó thôi. Nhà khoa học này đã phát hiện được rằng những phần được tạo thành đầu tiên là những phần chỉ đạo sự hoạt động của cá thể và những cơ quan điều hành hình thành ngay sau đó. Mọi người đều biết rằng chúng ta có hệ thần kinh và trong đó ta có một bộ não. Trong não của chúng ta có những phần nhất định mà mỗi phần sẽ tương tác với một cơ quan khác nhau. Có một bộ phận của não chuyên xử lý vấn đề thị giác mà chúng ta gọi là trung tâm thị giác. Giờ điều nhà khoa học này phát hiện ra là phần thuộc hệ thần kinh được định ra để điều khiển thị giác được hình thành đầu tiên, rất lâu trước khi dây thần kinh thị giác và mắt được hình thành. Điều này hoàn toàn trái ngược với học thuyết khoa học lúc bấy giờ. Ông rút ra kết luận: ở động vật, phần tâm thần được hình thành trước khi bản thân sinh vật đó được hình thành, ví dụ như bản năng của sinh vật xuất hiện trước khi sinh vật đó kết thúc việc xây dựng bản thân về mặt thể chất. Điều này có nghĩa chúng ta không chỉ quan tâm tới cơ thể và những cơ quan nội tạng khác nhau mà còn chú ý cả phần tâm thần, phần bản năng của mỗi sinh vật, và rằng các thói quen sinh hoạt của những sinh vật này được cố định trước cả khi cơ quan được hình thành.

Thuyết hành vi

Đây là một tư tưởng mới. Những thói quen mà loài vật đó sẽ sở hữu đã được định sẵn trong trung khu thần kinh rất lâu trước khi cơ quan đó được hình thành. Giờ nếu phần tinh thần này là tiền tồn tại, điều đó có nghĩa là gì? Có nghĩa là cơ quan tự hoàn thành sự kiến thiết của mình, tự nhào nặn theo những yêu cầu của phần tinh thần, của bản năng. Phương thức lý luận này đưa chúng ta tới kết luận rằng thói quen của động vật đã được định sẵn trước khi ra đời và các cơ quan được xây dựng theo nguyên tắc để hoàn thiện tối đa những thói quen và bản năng này. Chính vì thế, theo học thuyết mới này, điều quan trọng nhất trong tự nhiên là những thói quen và tập quán của động vật. Thật thú vị khi thấy rằng những cơ quan, của bất cứ sinh vật nào, cũng phù hợp tối đa với việc thực thi những mệnh lệnh của bản năng. Học thuyết mới này phát sinh từ hàng chục năm nghiên cứu và từ việc quan sát thực tế, chứ không phải từ những ý tưởng có sẵn. Điều này đưa chúng ta tới kết luận rằng thói quen của sinh vật ngày nay quan trọng hơn hình thái cơ thể mà đã từng là đối tượng nghiên cứu ở những thời kỳ trước. Người ta sử dụng thuật ngữ 'hành vi' để khái quát hóa hiện tượng này. Nó bao hàm ý nghĩa về phong tục tập quán của loài vật được nói đến. Học thuyết mới này được ghi trong những sách khoa học hiện đại, đặc biệt ở Mỹ, là 'thuyết hành vi'. Nó là tia sáng mới chiếu xuống lĩnh vực khoa học. Quan điểm cũ cho rằng sở dĩ sinh vật có những tập quán riêng bởi vì chúng phải tự thích nghi với môi trường sống. Tư tưởng cũ cho rằng ý chí của kẻ trưởng thành là thứ đã khơi dậy sự biến đổi cần thiết để cơ thể có thể thích nghi với môi trường, rằng những nỗ lực mà các loài vật thực hiện để tiếp tục tồn tại, thứ 'bản năng tự bảo tồn' này, đã gây ra sự biến đổi trong những thế hệ tiếp theo và dần dần giống loài trở nên thích ứng hơn. Những loài giống không thể làm được điều này ắt bị diệt vong. Quan điểm này được gọi là 'kẻ mạnh nhất được quyền sinh tồn'.

Lý thuyết này nhấn mạnh rằng bằng nỗ lực không ngừng diễn ra trong các thế hệ, một dạng hình thái hoàn hảo ra đời và nó được chuyển giao cho các thế hệ sau.

Học thuyết hành vi không xóa bỏ hoàn toàn tư tưởng cũ kia, nhưng đặt hành vi của sinh vật vào trung tâm của thói quen. Những hiện tượng được quan sát ở đây là sinh vật đấu tranh để thích nghi sẽ chỉ thành công nếu những nỗ lực diễn ra trong mẫu hành vi của nó. Vì thế sinh vật thành công trong việc tiến hành những trải nghiệm của cuộc sống trong môi trường sẽ làm theo xu hướng hành vi của nó. Chúng ta sẽ minh họa điều này bằng một ví dụ. Những con bò chẳng hạn. Chúng là những động vật mạnh mẽ, dẻo dai và được vũ trang kỹ càng. Trong lịch sử địa lý của trái đất, ta có thể lật lại quá trình tiến hóa của chúng. Chúng xuất hiện khi trái đất đã phủ đầy cây cỏ. Ta có thể tự hỏi rằng tại sao sinh vật này lại tự giới hạn bản thân ở cỏ, loại thức ăn khó tiêu hóa nhất thế giới, khó đến nỗi để tiêu hóa nó con vật khổ phải phát triển bốn cái dạ dày. Nếu, theo như học thuyết cũ kia, đó thuộc về vấn đề tự bảo tồn, về sự sống còn, thì sẽ dễ dàng hơn biết bao nếu nó có thể ăn thứ gì khác đầy rẫy ngoài kia. Sẽ rất đơn giản và dễ dàng hơn biết bao. Nhưng ngày nay sau hàng triệu triệu năm, chúng ta vẫn thấy bò, khi ở giữa môi trường tự nhiên của mình, chỉ ăn cỏ. Chúng đứng cúi đầu, nhai và nhai. Hiếm khi ta có thể khiến chúng ngẩng đầu để nhìn được đôi mắt đẹp đẽ của chúng. Ngay sau khi chúng liếc bạn một cái, chúng lại cắm đầu xuống ăn cỏ. Nếu chúng ta quan sát con vật, chúng ta sẽ thấy nó gặm cỏ đến tận gốc, nhưng nó không bao giờ nhổ cả rễ. Nó dường như biết rằng để giữ cây cỏ sống, nó chỉ được cắt ở gần gốc vì nếu gốc bị đứt, cây sẽ chết, còn nếu cắn như thế này, cỏ sẽ mọc lại. Giờ nếu ta nghiên cứu về lịch sử tiến hóa, ta có thể thấy rằng chỉ mới gần đây trong lịch sử trái đất thì cỏ mới xuất hiện và ta cũng có thể thấy tầm quan trọng lớn lao của cỏ đối với những thực vật khác: cỏ gắn kết những hạt cát lỏng lẻo

lại với nhau nếu không chúng sẽ bị gió thổi bay. Nó không chỉ giữ chắc đất mà còn cung cấp dinh dưỡng cho đất nữa. Không loại thực vật nào có thể sinh trưởng nếu không có cỏ dọn đường sẵn. Đó là tầm quan trọng của cỏ. Hai điều cần thiết để cỏ tồn tại, bên cạnh việc cắt cỏ: một là phân bón, cái còn lại là lẩn, nghĩa là đặt một vật nặng lên trên nó. Giờ, hãy cho tôi biết thiết bị nông nghiệp nhân tạo nào có thể thích hợp một cách kỳ diệu hơn cho ba nhiệm vụ này hơn là bản thân cô bò. Loại máy này hiệu quả đến mức bên cạnh việc giúp cỏ sinh trưởng, nó còn sản sinh ra sữa nữa. Con bò mới thật là một nhà nông nghiệp tuyệt vời của tự nhiên. Hành vi của nó còn cho chúng ta thêm một lý do để hàm ơn. Chúng ta nghĩ rằng cô bò chỉ cho chúng ta sữa và phân. Hay chúng ta nghĩ rằng bò là hình mẫu của sự kiên nhẫn. Nhưng loài người còn nợ bò nhiều hơn thế. Đó là thứ bị phần lớn loài người thờ ơ, nhưng đã được cảm nhận dù chỉ một cách vô thức ở Ấn Độ, nơi bò được thờ phụng. Khả năng giữ đất, sự sống của những thực vật khác chính là thứ ta phải biết ơn bò. Sự kiên nhẫn của bò còn lớn hơn cả sự kiên nhẫn nhân tạo mà chúng ta thường ngưỡng mộ. Sự kiên nhẫn đó tồn tại qua bao thế hệ.

Một nhiệm vụ trong cuộc sống

Giờ, nếu con bò có ý thức, nó sẽ chỉ ý thức được một điều là đói, thích ăn cỏ, y như ở Ấn Độ người ta thích bánh mì gạo, gạo và cà ri còn những dân tộc khác thích cái khác. Nhưng chắc chắn con bò sẽ không bao giờ nhận ra, không bao giờ nghĩ rằng, không bao giờ ý thức được sự thật nó là một nhà nông nghiệp học. Nhưng hành vi của bò cũng chỉ là để giúp tự nhiên làm công việc nông nghiệp của mình mà thôi.

Giờ chúng ta hãy xét đến quạ và kền kền ăn những thứ thải ra của tự nhiên. Tại sao, với lượng thức ăn dồi dào ở khắp nơi kia, những con kền kền lại phải ăn xác thối và quạ ăn chất thải và tất cả những gì cận bã chúng tìm thấy ở xung quanh? Chúng

có cánh. Thế nên sẽ chẳng khó khăn gì cho chúng tìm thứ ngon lành hơn, như những sinh vật yếu thế hơn về sức mạnh hay khả năng vận động có thể tìm được. Nhưng liệu ta có thể hình dung ra được sự chết chóc sẽ gieo rắc khắp nơi nếu những chất thải này không được loại bỏ khỏi trái đất hay không? Sẽ nhiều bệnh dịch và những căn bệnh đủ loại đến thế nào, nếu không có một bộ phận mà nhiệm vụ duy nhất là giữ môi trường được trong sạch? Tự nhiên buộc chúng phải thực hiện nhiệm vụ dọn sạch môi trường. Hãy xác định sự khác biệt giữa đám đông công nhân ở Ahmedabad tràn ra từ những công xưởng để về ngôi nhà của mình sau giờ làm và hàng trăm con quạ bay về tổ lúc hoàng hôn, sau khi đã làm việc quét dọn và lau chùi? Đó là tập tính của chúng.

Hai ví dụ được đưa ra chứng tỏ tự nhiên đã lấy mất sự lựa chọn thức ăn của chúng. Ta có thể tìm hàng trăm ví dụ và chúng ta sẽ nhận ra rằng mỗi loài đã lựa chọn một dạng thức ăn đặc thù. Ta có thể kết luận rằng động vật không có quyền tự lựa chọn thức ăn cho mình. Chúng ăn để thực hiện nghĩa vụ của mình trên trái đất, nhiệm vụ được định sẵn bởi hành vi của chúng. Chắc chắn rằng tất cả những động vật này là ân nhân của tự nhiên và là ân nhân của tất cả những sinh vật khác. Chúng lao động để gìn giữ sự hài hòa của tạo hóa. Chúng gây dựng nên tạo hóa, vì tạo hóa được sinh ra bởi sự phối hợp của mọi vật vô tri và có tri giác. Và cả hai nhóm này đều thực hiện nhiệm vụ mà hành vi của chúng đã đề ra. Những động vật khác ăn với số lượng lớn đến nỗi không thể giải thích được nếu chỉ dựa trên cơ sở duy trì sự sống. Chúng không chỉ ăn để duy trì mạng sống của mình. Chúng sống là để ăn, ví dụ, con giun đất. Chúng chỉ ăn đất, dù có rất nhiều lựa chọn thức ăn khác nhau. Những con giun đất này mỗi ngày ăn một số lượng đất gấp 200 lần trọng lượng cơ thể chúng. Việc này được đo bằng lượng chất thải chúng thải ra. Đây là một dạng sinh vật mà không ăn để tồn tại, đặc biệt khi ta xét

đến số lượng những nguồn thức ăn tốt hơn ở ngay gần chúng. Con giun là người công nhân của đất. Chính Darwin là người đầu tiên nói rằng nếu không có giun thì trái đất sẽ kém năng suất hơn. Những con giun khiến mặt đất trở nên màu mỡ hơn. Vậy là có những dạng thể chất hoặc những sinh vật tồn tại không chỉ cho riêng chúng.

Lấy ví dụ những con ong. Chúng ra ngoài khi trời nắng. Chúng phủ đầy mình một lớp lông hoặc một lớp nhung vàng và đen. Lớp lông này không cần thiết ở một nước có khí hậu nóng, nhưng nó thu thập phấn hoa từ những bông hoa mà bản thân con ong không sử dụng đến. Tuy nhiên, phấn hoa mà được những con ong mang theo này lại có ích cho những loài hoa khác, chúng sẽ được thụ phấn. Vậy nên lao động của loài ong không chỉ ích cho cá nhân nó mà còn có ích cho sự sinh sản của thực vật, thế nên ta có thể nói rằng lớp lông này được con ong phát triển để nhân giống thực vật, chứ không phải cho bản thân nó. Bạn có bắt đầu thấy một số loài động vật hy sinh bản thân cho hạnh phúc của những dạng sống khác, thay vì cố ăn càng nhiều càng tốt chỉ để duy trì sự sống của riêng mình? Ta càng nghiên cứu nhiều về hành vi của động vật và thực vật, ta càng hiểu rõ được rằng chúng có nhiệm vụ phải cân bằng sự sống.

Có những động vật đơn bào sống dưới đại dương và uống một lượng nước lớn đến nỗi nếu chúng được đo đạc theo tỉ lệ của loài người, chúng sẽ cần phải uống cả một 1 ga lông¹ nước mỗi giây trong cả cuộc đời mình. Chắc chắn rằng ta có thể coi đây là tình trạng không điều độ, vì những động vật này không làm việc đó để thỏa mãn cơn khát của mình. Đó, tuy thế, không phải một thói xấu, đúng hơn là một đức tính tốt. Chúng phải lao động với tốc độ cao vì nhiệm vụ của chúng là lọc toàn bộ nước trong đại dương, để loại trừ một lượng muối nhất định mà sẽ gây hại cho tất cả những cư dân khác của đại dương.

¹ Đơn vị (đo lường) chất lỏng bằng 4,54 lít ở Anh, 3,78 lít ở Mỹ.

Điều này cũng đúng với san hô. San hô là động vật cấp thấp và nếu học thuyết tiến hóa là đúng, ta sẽ không thể hiểu nổi vì sao san hô là một trong những động vật xuất hiện đầu tiên, chúng lại giữ nguyên một trạng thái tồn tại trong suốt hàng triệu năm. Tại sao chúng không biến đổi? Vì chúng có nhiệm vụ và chúng thực hiện nó một cách hoàn hảo. Nhiệm vụ giống với của tất cả những động vật đã nói ở trên: để giải trừ tất cả những chất độc hại khỏi đại dương được sông ngòi đưa đến. Công việc của chúng là tự bao bọc bản thân với những chất muối này. Việc này đã diễn ra trong hàng triệu triệu năm và vì thế chúng ta có thể hình dung ra lượng đá khổng lồ chúng đã tích tụ được. San hô tích tụ những khối lượng lớn chất rắn và được giao phó trọng trách hình thành những lục địa mới. Chúng ta hãy nhìn vào hằng hà sa số những hòn đảo tí hon ở Thái Bình Dương. Những hòn đảo đó là công trình xây dựng của san hô. Nếu ta nghiên cứu các loại đá trên đất liền, chúng ta có thể thấy rằng rất nhiều trong số chúng được tạo nên bởi động vật. Thậm chí cả trên dãy Himalaya, phần lớn các khối núi có nguồn gốc từ san hô. Chúng ta hoàn toàn có thể nói rằng những tảng san hô này là kẻ kiến tạo nên các lục địa của chúng ta.

Càng nghiên cứu nhiều về các chức năng của những động vật này, ta càng nhận ra, rằng những chức năng này không chỉ để duy trì sự sống của con vật, mà tất cả đều đóng góp vào sự hòa hợp của tổng thể. Chúng ta có thể nói rằng những sinh vật này không chỉ là cư dân của trái đất: chúng là những nhà kiến thiết và công nhân của trái đất này. Chúng duy trì sự tồn tại của trái đất. Đây là nhận định rút ra từ những phát hiện mới này. Khi đã được thông tỏ, bằng việc nghiên cứu những giai đoạn địa chất trong quá khứ, chúng ta tìm thấy minh chứng của những hoạt động tương tự được thực hiện bởi những động vật đã tuyệt chủng. Luôn có mối liên hệ giữa động vật và trái đất, giữa chính các loài vật với nhau và giữa động vật và thực vật.

Một ngành khoa học mới đã phát sinh từ việc này và nó được gọi là ngành sinh thái học, một ngành khoa học đang được ứng dụng rất rộng rãi và đã là một phần quan trọng trong quá trình học tập và nghiên cứu ở đại học. Sinh thái học nghiên cứu những hành vi khác nhau của động vật, và nó chỉ ra rằng chúng không tồn tại để tranh đấu với nhau, mà để thực hiện công việc khổng lồ là gìn giữ sự hòa hợp của trái đất. Khi chúng ta nói chúng là những người lao động, chúng ta ám chỉ rằng mỗi sinh vật đều có một mục đích, một mục tiêu cần thực hiện và kết quả của những nhiệm vụ này là thế giới tươi đẹp của chúng ta.

Ngày nay, chúng ta cần nghiên cứu cơ bản về nhiệm vụ của mỗi loài trên trái đất này. Hành vi không chỉ làm thỏa mãn khát vọng tiếp tục sống. Nó thực hiện một nhiệm vụ rõ ràng vẫn còn bí ẩn và cá thể chưa thể ý thức được, vì nó không tạo nên một phần của thứ cá thể mong muốn. Nếu động vật có thể trở nên tự ý thức, chúng sẽ ý thức được những thói quen của mình, của vẻ đẹp nơi chúng sống, nhưng chắc chắn rằng tảng san hô sẽ không bao giờ nhận ra hay hiểu được rằng chúng là kẻ kiến thiết thế giới, hay những con giun cày xới đất kia có thể coi bản thân chúng là những nhà nông nghiệp học, hay những sinh vật khác nhận ra chúng đang thanh lọc môi trường... Mục đích đặt động vật vào mối liên hệ duy trì trái đất chẳng bao giờ được chúng ý thức hết. Nhưng cuộc sống và những mối liên hệ của nó với mặt đất, với sự trong sạch của không khí, sự trong sạch của nước đều phụ thuộc vào những công việc này. Thế nên có một lực lượng tự nhiên khác không phải là lực lượng khao khát sinh tồn, mà là một lực lượng có thể hòa hợp mọi nhiệm vụ. Chúng ta có thể nói rằng mỗi cá thể đều quan trọng, không phải vì nó đẹp đẽ, hay vì nó đã thắng lợi trong cuộc đấu tranh sinh tồn, mà bởi vì nó thực hiện những nhiệm vụ có ích cho tổng thể và mỗi cá thể đều nỗ lực hết mình để hướng tới vị trí được định ra và nhiệm vụ phải hoàn thành. Đó là lý do tại sao chúng ta nói rằng có một kế hoạch

tiền thiết lập, và rằng các cơ quan được hình thành để thực hiện kế hoạch này. Kế hoạch tiền thiết lập này đặt động vật vào trong mối liên hệ với nhiệm vụ mà chúng phải thực hiện đối với trái đất. Mục đích của sự sống không phải để hoàn thiện bản thân, hay chỉ để tiến hóa. Mục đích của sự sống là tuân theo mệnh lệnh giấu mặt mà bảo đảm sự hài hòa giữa tất cả và tạo nên một thế giới tốt đẹp hơn. Chúng ta được sinh ra không chỉ để hưởng thụ thế giới, chúng ta được tạo ra để tiến hóa vũ trụ. Ngày nay, ảnh hưởng sự tồn tại của một kế hoạch mang tầm vóc vũ trụ đang dần thay đổi học thuyết của sự tiến hóa tịnh tiến ở thời đại cũ.

7

KHẢ NĂNG VÔ HẠN CỦA LOÀI NGƯỜI

Thuyết hành vi đã chỉ ra việc mỗi loài vật phải thực hiện một nhiệm vụ nhất định đối với môi trường như thế nào và mọi cá thể thuộc về loài đó trung thành thực hiện nhiệm vụ được đặt ra cho chúng, dù chúng sống và hoạt động độc lập với những sự vật đã tạo nên chúng. Có thể chúng ta vẫn cho rằng động vật là những sinh vật tự do, rằng chúng có thể tự do lựa chọn và rằng chúng đấu tranh lẫn nhau để chiếm thế thượng phong. Nếu chúng ta nhìn kỹ hơn, chúng ta sẽ thấy rằng sự tự do của chúng chỉ gói gọn trong phạm vi cho phép của hành vi và mỗi cá thể đều hành động đúng theo sự chi phối của mẫu hành vi này. Chúng ta thấy một số động vật di chuyển bằng cách chạy, một số bằng cách nhảy, một số bằng cách đi chậm và một số bằng cách bò lê... Nếu chúng ta quan sát kỹ hơn nữa, chúng ta sẽ còn thấy được mỗi giống loài đều được trao một nhiệm vụ ở một cấp bậc khác nhau trong môi trường, thế là một số động vật sống ở đồng bằng, một số sống trên đồi, một số sống trên núi, một số sống ở những vùng băng giá và một số ở những vùng nóng như thiêu như đốt.

Giờ đây, khi chúng ta nghiên cứu về loài người và so sánh với loài vật, chúng ta tìm ra những điểm khác biệt và điểm khác biệt quan trọng đó là loài người đã không tự định cho mình một dạng môi trường đặc thù hoặc một nơi trú ngụ nhất định. Chắc chắn tự nhiên đã trao nhiệm vụ định sẵn là một điều thuận lợi đối với đời sống sinh vật. Tuy thế, việc nghiên cứu tự nhiên đã chỉ ra rằng không có động vật nào có khả năng thích nghi tốt như con người đối với mọi loại khí hậu hay bất cứ địa điểm nào trên trái đất. Chúng ta thấy con người ở những vùng băng giá, nơi những động vật như hổ hay voi không thể sống được. Nhưng nếu ta nhìn vào rừng rậm, nơi có voi và hổ thì ta cũng thấy con người tồn tại được. Con người có thể tồn tại cả trên sa mạc. Vì thế, ta có thể thấy rằng loài người không được định sẵn một chỗ ở cố định nào hết. Anh ta có thể tự thích ứng và có thể sống ở mọi vùng trên thế giới, vì anh ta được sinh ra để xâm chiếm mọi vùng đất của thế giới. Chúng ta có thể nói rằng vì sự thích nghi này, con người là thực thể duy nhất có thể tự do đi lại khắp nơi trên trái đất.

Nếu chúng ta nhìn vào hành vi của động vật, chúng ta nhận thấy rằng hành vi này thể hiện trong cách chúng hoạt động, trong mối liên hệ với công việc chúng đảm nhiệm, trong khi đó con người không có hoạt động đặc thù nào hết. Con người có khả năng thực hiện những hoạt động đa dạng nhất mà anh ta có thể nắm bắt nhanh chóng và chuẩn xác. Dù trong quá khứ hay tương lai, con người có thể làm những việc không loài vật nào làm nổi. Con người đã làm những hoạt động đó ngay từ khi mới xuất hiện trên quả đất này: anh ta lao động với đôi bàn tay. Không có giới hạn nào cho hành vi của con người hết. Chẳng hạn, mỗi con vật chỉ có một ngôn ngữ. Ví dụ con chó Anh sẽ sủa cùng một kiểu với con chó Mỹ. Nhưng nếu chúng ta đưa một người Tamil đến Ý, anh ta sẽ không hiểu ngôn ngữ ở đó và người Ý cũng sẽ không hiểu nổi anh ta nói gì. Con người có lượng ngôn ngữ đa

dạng nhất. Hoạt động cũng giống như vậy: con người có thể đi, chạy, nhảy và bò nữa. Con người có thể bơi như cá. Chim có thể bay. Con người cũng có thể bay thậm chí còn giỏi hơn loài chim. Không chỉ thế, con người còn có thể thực hiện những hoạt động nhân tạo tinh tế như khiêu vũ nữa.

Mỗi loài vật chỉ có một dạng hoạt động duy nhất. Con người có một lượng lớn đa dạng các cử động. Vì thế, hành vi của anh ta không bị cố định như của động vật. Cũng có một điều chắc chắn khác nữa khi còn là một đứa trẻ, con người không tồn tại bất cứ một khả năng nào vừa đề cập đến. Vì thế, chúng ta có thể khẳng định rằng dù năng lực của con người là vô hạn, những mỗi năng lực đều phải được cá nhân tiếp thu trong suốt thời thơ ấu. Chính nhờ hoạt động chinh phục tích cực, nhờ lao động, mà con người có thể có được ngôn ngữ. Trẻ mới sinh thường nằm một chỗ, bằng cách vận động đã học cách đi lại, chạy và nhảy như bất cứ loài vật nào. Nhưng tất cả những khả năng này phải được anh ta nắm lấy bằng chính sức của mình. Mọi thứ phải được tự anh ta chinh phục. Dù con người có khả năng nào đi nữa, cũng cần phải chinh phục khi còn là một đứa trẻ. Vì thế, chúng ta có thể nói rằng giá trị của con người bắt đầu từ công trình của đứa trẻ.

Chúng ta nhận ra con người có thể tồn tại ở mọi nơi trên trái đất, ở mọi điều kiện và, điều kỳ diệu là mỗi người đều hài lòng và vui vẻ với nơi ở của mình. Nếu chúng ta quan sát người Eskimo, chúng ta thấy rằng họ hạnh phúc với cuộc sống trên những đồng băng phủ đầy tuyết, giữa những nguồn ánh sáng phá tan màn đêm bằng những sắc màu rực rỡ, trong tiếng gió gào thét và xâm lấn không chỉ vào cơ thể, mà còn là âm nhạc cho tâm hồn. Khí hậu lạnh giá và tất cả những gì đi cùng với những điều kiện sống đó mang đến cho họ hạnh phúc. Không nơi nào khiến họ hạnh phúc trừ nơi đó. Điều đó cũng đúng với những dân tộc khác. Những người sống ở vùng nhiệt đới coi khí hậu, thức ăn và tập tục ở đó là thiết yếu đối với cuộc sống và hạnh phúc của họ. Dù

chúng ta có nhìn ở đâu đi chẳng nữa, chúng ta cũng thu được kết quả như vậy. Con người luôn yêu đất nước của mình. Có những người sống ở những nơi dường như hoàn toàn không thích hợp để sống một chút nào. Ở Phần Lan, đất đai đầy sỏi đá, lạnh giá và băng tuyết phủ đầy hàng tháng trời. Nhưng trải qua chiến tranh đã cho thấy sự gắn bó, tình yêu nồng nàn của người Phần Lan đối với vùng đất khô cằn này. Nếu chúng ta xét đến nước Hà Lan, chúng ta thấy rằng con người ở đó cực kỳ tự hào và gắn bó với đất nước mình dù chúng ta khó có thể coi đó là một vùng đất. Với nỗ lực siêu phàm, họ đã đẩy lùi nước biển khỏi đất liền và đắp đập bao quanh để thoát nước. Và nếu họ cần xây một ngôi nhà, đầu tiên họ dựng nền để chống đỡ ngôi nhà, vì nếu không thì ngôi nhà sẽ bị chìm. Họ phải đóng cọc theo trục thẳng đứng dần hàng cạnh nhau để đặt móng nhà. Một đất nước với những điều kiện khó khăn nhất, nhưng hãy nhìn họ đấu tranh dữ dội thế nào cho vùng đất ấy! Đối với họ, đất nước Hà Lan mới đẹp để làm sao! Nó đã sản sinh ra không ít họa sĩ nổi tiếng nhất. Chính sự gắn bó, tình cảm dành cho vùng đất, cho đất nước, khiến cả trái đất ngập bóng con người. Vì nếu ai cũng chọn điều kiện sống thuận lợi nhất, chọn vùng đất màu mỡ nhất, thì một phần lớn diện tích mặt đất sẽ bị bỏ hoang. Chính sự gắn bó, tình yêu đối với mọi vùng đất, nơi con người sinh ra và lớn lên, khiến mọi nơi trên thế giới đều có con người cư ngụ.

Giờ phần kỳ lạ ở đây là khi chúng ta nghĩ đến con người ở giai đoạn trưởng thành, chúng ta thấy anh ta là một trong những sinh vật có khả năng thích nghi kém nhất. Một người Ấn Độ rõ ràng không thích sống ở nơi đâu ngoại trừ Ấn Độ. Nếu một người Ấn Độ trưởng thành đi ra nước ngoài học tập hoặc làm việc, anh ta sẽ luôn mong muốn được trở về cố hương. Và chúng ta, những người đã quen với môi trường Địa Trung Hải và một khí hậu ôn đới, chúng ta sẽ không thể thích ứng với vùng đất băng giá phía Bắc. Chính vì thế, được đến sa mạc để ngắm hàng

dãy lạc đà di chuyển thì thật tuyệt, rất hấp dẫn và lãng mạn, nhưng để sống ở đó thì chẳng thú vị gì.

Chúng ta gắn bó với môi trường xung quanh mình, và cả với thời đại mình đang sống nữa. Cuộc sống ở châu Âu vài năm trước đơn sơ hơn ngày nay rất nhiều. Không có đường ray hay những phương tiện giao tiếp và tàu cao tốc. Người ta di chuyển nhờ những cỗ xe ngựa và phải mất rất nhiều ngày để đi từ nước này sang nước khác. Để có được tin tức từ gia đình, người ta có thể phải đợi cả tháng trời. Giả sử một người Mỹ hiện đại phải chịu một cảnh như thế. Anh ta sẽ không thể sống nổi. Hoặc chúng ta hãy xét đến một người sống ở vài thế kỷ trước. Cuộc sống, vạn vật đều bình lặng và yên ả. Chẳng có tàu xe, chẳng có đèn điện, chẳng có xe điện, chẳng có những tiếng ồn ào của đường ray xe điện ngầm, chẳng có tiếng ồn. Nếu ai đó thuộc thời đại kia mà được đưa tới New York của ngày nay với nhịp điệu giao thông cuồng nhiệt, với tất cả những nhộn nhịp và ồn ào diễn ra cả ngày lẫn đêm, nơi người ta luôn luôn bận rộn, nơi bóng tối trở thành một buổi trưng bày kỳ ảo của ánh sáng từ những bảng quảng cáo điện tử, nơi không có chút bình yên hay yên tĩnh nào, anh ta sẽ nói: “Tôi không thể sống ở nơi như thế này được.”

Chúng ta thấy được sự tương phản ở đây. Trước đây, chúng ta đã miêu tả con người là kẻ có thể yêu quý và tự thích nghi với những điều kiện tồi tệ nhất của trái đất và là người có thể sống hạnh phúc dù ở đất nước nào đi nữa. Giờ chúng ta thấy rằng con người ở những thế kỷ khác nhau không thể sống và thích ứng được với giai đoạn phát triển của nền văn minh hiện đại hơn y như việc chúng ta không thể thích nghi với đời sống lạc hậu của thời kỳ trước. Chúng ta sống hạnh phúc trong thời đại của mình cũng như ông cha ta sống hạnh phúc trong thời đại của họ vậy.

Chúng ta thấy rằng khi xã hội và nền văn minh tiến hóa hơn, các điều kiện sống thay đổi và nếu con người cũng cố định hành

vi của mình như động vật, họ sẽ không thể tự thích nghi với hoàn cảnh mới. Hãy xét đến ngôn ngữ. Không ngôn ngữ nào khi được sinh ra lại giống với hiện tại. Ngôn ngữ cũng tiến hóa như mọi thứ khác. Đầu tiên nó đơn giản. Rồi nó trở nên phức tạp hơn. Làm thế nào để những người sống trong một thời đại khi ngôn ngữ thật phức tạp, có thể tiếp thu mà không tốn công sức cũng như sự chú ý có thể dễ dàng học nó đến vậy?

Lời giải cho hiện tượng này nằm ở đâu? Chúng ta đối mặt với một nghịch lý. Nó thực là một bí ẩn. Con người phải tự thích nghi với những điều kiện luôn thay đổi của nền văn minh. Loài người càng già dặn, văn hóa càng phát triển hơn. Vì thế loài người phải luôn tự thích nghi, không chỉ với những thay đổi địa lý như ta đã thấy, mà còn với cả sự thay đổi liên tục của nền văn minh. Nhưng cũng chính như ta đã thấy, người trưởng thành không có khả năng thích ứng lắm. Đúng là một điều kỳ thú!

Đứa trẻ - Công cụ thích nghi

Lời giải nằm ở đứa trẻ – ta gọi cậu ta là công cụ của loài người để thích ứng với môi trường xung quanh. Đứa trẻ khi sinh ra không sở hữu bất kỳ một công cụ đặc biệt nào nhưng không chỉ tiếp thu tất cả những khả năng của con người, mà còn khiến thực thể đứa trẻ xây dựng nên trở nên thích nghi với các điều kiện môi trường xung quanh. Và điều này xảy ra nhờ vào hình thái tâm lý đặc biệt của đứa trẻ, vì hình thái tâm lý của đứa trẻ khác với của người lớn. Ngày nay, những nhà tâm lý học dành một sự quan tâm lớn đến việc nghiên cứu hình thái khác biệt của tâm lý học này. Đứa trẻ đứng trong một mối quan hệ khác biệt đối với môi trường. Chúng ta có thể ngưỡng mộ môi trường. Nhưng đứa trẻ *hấp thụ* nó. Đứa trẻ không nhớ những gì mình nhìn thấy, nhưng đứa trẻ hình thành một phần tâm lý của mình nhờ môi trường. Đứa trẻ tạo hình cho những gì chúng nhìn hoặc nghe thấy, có nghĩa là khi trong chúng ta không có sự thay đổi gì, trong đứa trẻ lại có

cả một sự biến đổi đang diễn ra. Chúng ta chỉ nhớ về một khung cảnh trong khi đứa trẻ tự thích nghi với nó. Dạng trí nhớ sống đặc biệt này, thứ không ghi nhớ một cách có ý thức, nhưng lại hấp thụ hình ảnh vào chính cuộc sống của cá thể được các nhà tâm lý học gọi là *Trí nhớ tiềm thức*.

Hãy xét về ngôn ngữ. Đứa trẻ không nhớ được âm thanh của ngôn ngữ. Đứa trẻ tạo hình những âm thanh này và đứa trẻ có thể phát âm chúng giỏi hơn bất cứ ai. Đứa trẻ nói ngôn ngữ này theo đúng các quy tắc phức tạp và các trường hợp bất quy tắc, không phải vì đứa trẻ học và nhớ bằng cách ghi nhớ thông thường, có lẽ trí nhớ của đứa trẻ chưa bao giờ chủ ý nắm bắt chúng. Nhưng ngôn ngữ này lại tạo nên một phần tâm lý đứa trẻ, tạo nên một phần nhân cách của đứa trẻ. Đây là một hiện tượng khác với hoạt động ghi nhớ đơn thuần. Đây là một dạng tâm lý đặc trưng cho một khía cạnh nhân cách tâm lý của đứa trẻ.

Trong đứa trẻ có một sự nhạy cảm thẩm thấu mọi thứ xung quanh. Bằng việc nhìn ngắm và thu nhận môi trường mà đứa trẻ trở nên thích nghi với nó. Khả năng này hé lộ một sức mạnh vô thức không chỉ có ở trẻ.

Giai đoạn đầu tiên của cuộc sống là giai đoạn thích nghi. Chúng ta phải rất rõ ràng trong việc ám chỉ đến sự thích nghi ở giai đoạn này. Chúng ta phải phân biệt sự thích nghi của trẻ nhỏ với của người lớn. Sự thích nghi sinh học của đứa trẻ khiến ta chỉ muốn ở một nơi duy nhất, nơi ta được sinh ra. Cũng giống như ngôn ngữ duy nhất ta có thể nói sôi là tiếng mẹ đẻ. Giờ một người trưởng thành tới một nước khác không phải tổ quốc của mình, anh ta sẽ không thể thích ứng với nó theo cùng một cách hoặc với cùng một cấp độ được.

Chúng ta hãy xem những người tình nguyện đến một nước khác để sống, ví dụ những nhà truyền giáo. Họ là những người tự nguyện ra đi và sống ở một nước khác. Nếu ta nói chuyện với

họ, họ sẽ thường nói rằng: “Chúng tôi hy sinh cuộc đời mình với việc sống ở đất nước này.” Điều này chỉ ra sự hạn chế trong khả năng thích nghi của người trưởng thành.

Giờ hãy xét đến đứa trẻ. Đứa trẻ là một cá thể yêu tất cả những nơi nó được sinh ra đến nỗi nó không thể cảm thấy hạnh phúc ở bất kỳ đâu khác, dù cuộc sống ở nơi đó có khắc nghiệt thế nào đi nữa. Thế nên, những người yêu các vùng đồng bằng bằng giá của Phần Lan và những người yêu các đụn cát ở Hà Lan đã nhận sự thích ứng, tình yêu dành cho đất nước mình, từ đứa trẻ đã từng là anh ta.

Chính đứa trẻ là người thực hiện sự thích ứng này. Người trưởng thành cảm thấy anh ta sẵn sàng, thoải mái, dễ chịu ở trong nước của mình, thế nên anh ta có một tình yêu nồng nàn và sâu đậm đối với vùng đất nơi anh ta sinh sống, nơi anh ta tìm thấy hạnh phúc và sự thanh bình.

Ở Ý những thời kỳ trước, con người sinh sống và chết ở nơi họ sinh ra và không bao giờ dời đi nơi nào khác. Sau đó, những người đã kết hôn thỉnh thoảng cũng có di dời đến nơi khác và dần dần số cư dân ban đầu sống rải rác ra xa khỏi lãnh thổ của mình. Dần dần một căn bệnh kỳ lạ xuất hiện. Người ta trở nên xanh xao, buồn bã, yếu đuối, trông ốm yếu thiếu máu. Mọi liệu pháp chữa trị đều vô vọng. Thế rồi, cuối cùng khi không thể tìm ra cách trị liệu nào khác, bác sĩ nói với gia quyến người bệnh: “Tôi nghĩ là mọi người nên cho người này được hưởng chút không khí cổ hương đi.” Và người đó được đưa về quê nhà, hoặc trang trại, hoặc bất cứ nơi nào mà anh ta được sinh ra. Sau một thời gian, anh ta trở nên hoàn toàn khỏe mạnh. Người ta nói rằng chỉ một chút không khí cổ hương cũng tốt hơn bất cứ loại thuốc nào, nhưng thường thì bản thân không khí ở đó thậm chí còn tệ hơn nơi người kia mắc bệnh. Điều người này thực sự cần là chút yên tĩnh dành cho phần vô thức của anh ta có được nhờ phong thổ, nơi anh ta đã sống khi còn là một đứa trẻ.

Giờ không có gì quan trọng hơn tâm lý thẩm thấu hình thành nên con người và giúp anh ta thích nghi với mọi điều kiện xã hội, mọi điều kiện khí hậu, mọi điều kiện thổ cư. Đây chính là lĩnh vực chúng ta phải tập trung nghiên cứu. Khi ta nói: “Tôi yêu đất nước mình”, ta không nói một cách giả tạo hoặc hời hợt. Đó là thứ hình thành nên một phần bản ngã của con người, một phần cuộc sống của chính họ.

Từ những gì đã nói trên đây, chúng ta cũng có thể hiểu được đứa trẻ hấp thụ những tập tục trên đất nước mình, những thói quen... bằng dạng tâm lý này như thế nào, và qua đó hình thành nên một cá thể đặc trưng cho sắc tộc của mình. Hành vi ‘cục bộ’ này của con người, là một công cuộc kiến thiết bí ẩn diễn ra trong suốt thời thơ ấu. Rõ ràng, con người tiếp thu các phong tục, tập quán, tư tưởng... đặc thù của môi trường xung quanh mình vì chẳng phải tự nhiên mà con người có được những thứ đó. Thế nên, chúng ta giờ đã có một bức tranh tổng quát hơn về công trình của đứa trẻ. Đứa trẻ xây dựng một hành vi thích hợp không chỉ với thời điểm và không gian, mà còn với cả cách nghĩ về nơi đó nữa. Ở Ấn Độ, người ta tôn vinh sự sống, họ tôn thờ động vật. Điều này không thể được tiếp thu bởi một người trưởng thành. Không phải bằng cách nói: “Ồ, sự sống phải được tôn trọng” mà cảm xúc này được hình thành. Tôi có thể lý luận rằng những người đó đúng và cảm thấy rằng tôi cũng phải tôn trọng cuộc sống của động vật, nhưng đối với tôi đó không phải tình cảm, nó là lý lẽ. Thứ tôi không thể cảm nhận được, đó là sự tôn sùng mà một số người Ấn Độ dành cho bò và họ không thể nào rũ bỏ được. Những dân tộc khác có tôn giáo của riêng mình và thậm chí nếu như tâm trí họ rũ bỏ được tôn giáo thì tận đáy tâm hồn họ sẽ cảm thấy lo lắng, bất an. Với người châu Âu: “Tôn giáo ngấm trong máu của mỗi người.” Các nhà tâm lý học cho rằng Trí nhớ tiềm thức được xây dựng trong suốt thời thơ ấu tạo nên nhân cách, tình cảm giai cấp và tất cả các dạng xúc cảm khác của một người Ý điển hình, một người Anh điển hình, một

Thứ trí nhớ tiềm thức này được coi là một dạng trí nhớ tự nhiên siêu việt, không chỉ tạo nên nhân cách, mà còn gìn giữ chúng sống động trong cá thể đó. Cá thể thay đổi, đúng thế, nhưng những gì được hình thành bởi đứa trẻ cứ tồn tại mãi trong nhân cách cũng giống như đôi chân vẫn tồn tại vậy, khiến cho mỗi người có một đặc tính đặc thù riêng.

người Ấn Độ điển hình. Điều này đúng với mọi sự việc, thậm chí với cả một số dạng thức hành động điển hình để phân biệt các chủng tộc với nhau. Có một số tộc người ở châu Phi phát triển và định hình những phẩm chất phát sinh từ nhu cầu tự vệ trước động vật hoang dã. Họ thực hiện một số bài luyện tập để giúp thính giác của mình được sắc bén hơn. Sự tinh nhạy của thính giác là một trong những đặc tính đặc biệt của những cá nhân thuộc bộ lạc đặc biệt ấy.

Cũng đúng theo cách như vậy, tất cả những đặc tính được đứa trẻ hấp thụ và được định hình ở cá thể. Có một số quan điểm tôn giáo nhất định cứ tồn tại mặc cho thực tế là tâm trí sau đó đã lý luận khác đi và rũ bỏ những thuyết giảng của tôn giáo này. Điều gì đó cứ tiếp diễn trong tâm trí vô thức, vì những gì đã được hình thành bởi đứa trẻ thì không bao giờ có thể bị tiêu hủy hoàn toàn. Thứ trí nhớ tiềm thức này được coi là một dạng trí nhớ tự nhiên siêu việt, không chỉ tạo nên nhân cách, mà còn gìn giữ chúng sống động trong cá thể đó. Cá thể thay đổi, đúng thế, nhưng những gì được hình thành bởi đứa trẻ cứ tồn tại mãi trong nhân cách cũng giống như đôi chân vẫn tồn tại vậy, khiến cho mỗi người có một đặc tính đặc thù riêng.

Người ta luôn muốn thay đổi một cá thể trưởng thành. Họ thường nói: "Người này chẳng biết cách cư xử gì hết." Ta hay cho những người như vậy là những kẻ không biết điều. Đối phương biết điều đó, họ cảm thấy xấu hổ, vì họ nhận ra rằng họ có 'tính xấu', nhưng họ cũng không thể thay đổi được. Cũng giống như

trong trường hợp dạng tâm lý này dẫn đưa trẻ đến với sự thâm thấu tuyệt diệu của nền văn minh, tới những phức hợp và tinh tế của ngôn ngữ hiện đại, nó cũng hướng cậu bé tới việc chỉnh sửa một số đặc điểm trong tâm lý của cậu mà lý trí muốn loại bỏ khỏi nhân cách, nhưng lại là thứ không thể thay đổi được. Một hiện tượng y hệt cũng giải thích sự thích nghi với, như chúng ta có thể nói, những giai đoạn khác nhau của lịch sử. Trong khi một người trưởng thành trong thời đại cũ không thể tự thích nghi với thời hiện đại, đưa trẻ tự thích nghi với trình độ phát triển của nền văn minh trước mắt nó, dù nền văn minh đó có phát triển đến mức nào và có những thành tựu gì trong việc xây dựng một con người phù hợp với thời đại và tập tục đó.

Vì thế, ngày nay, đưa trẻ bắt đầu được hình dung đúng như nó phải thế, với tư cách là sự kết nối, mắt xích nối giữa những giai đoạn khác nhau của lịch sử và những tầng bậc khác nhau của nền văn minh. Thời thơ ấu giờ đã được các nhà khoa học coi là một giai đoạn vô cùng quan trọng. Họ nhận ra rằng nếu chúng ta muốn truyền thụ tư tưởng mới cho nhân loại, nếu chúng ta muốn thay đổi những thói quen và tập tục của một đất nước, hoặc nếu chúng ta muốn nhấn mạnh rõ rệt hơn những đặc tính thuộc về một dân tộc nào đó, chúng ta phải coi đưa trẻ là công cụ truyền tải, vì sẽ chẳng mấy hiệu quả khi thực hiện đối với người lớn. Nếu ta thực sự hướng về những điều kiện tốt đẹp hơn, về sự khai sáng cho con người, chỉ có đưa trẻ mới có thể là kẻ ta cậy nhờ để mang lại những kết quả mong đợi. Nếu có người nghĩ rằng những tập tục của họ đang đi xuống, hoặc những người muốn khôi phục lại những tập tục cũ, cá thể duy nhất họ có thể làm việc là đưa trẻ. Họ sẽ không bao giờ thành công được với người trưởng thành. Nếu có ai muốn gây tác động tới xã hội, anh ta phải định hướng bản thân về thời thơ ấu. Trong thời đại cũ, người ta cố gây ảnh hưởng tới người trưởng thành. Giờ họ đã hiểu rõ hơn và họ xây dựng trường học cho trẻ nhỏ vì chính trong trẻ nhỏ, sự kiến thiết nhân tính loài người được thực hiện.

Đứa trẻ xây dựng với tất cả những gì ta trao cho. Chúng ta hãy giả thử như là một nhà diễn thuyết muốn cố gắng thay đổi tập tục của dân tộc mình. Dù nghe có vẻ lạ, người này dành sự quan tâm lớn lao đến tầng lớp thiểu nhi của nước mình. Việc này thực tế đã xảy ra gần đây tại rất nhiều dân tộc. Một người quyết tâm tạo dựng một dân tộc hiếu chiến từ những người yêu chuộng hòa bình, thích cuộc sống thanh bình. Ông ta thử với người trưởng thành, nhưng cuối cùng ông ta phải chọn trẻ nhỏ. Mussolini đã làm thế ở Ý, Hitler tiếp bước ở Đức. Chiến ca Phát xít bắt đầu với từ 'Tuổi trẻ, tuổi trẻ'. Đây là xu thế chính trong chính sách của họ, tận dụng nhiệt huyết năng động của tuổi trẻ, nhưng họ nhanh chóng phải hướng tới những người trẻ hơn và rồi cuối cùng bài chiến ca ấy sẽ phải bắt đầu bằng 'Sơ sinh, sơ sinh'. Bằng việc lựa chọn trẻ 3 tuổi và thậm chí nhỏ hơn để tạo dựng xung quanh chúng một không khí đầy nhiệt huyết, đầy tự trọng, đầy năng động thì chỉ trong một thế hệ thôi, đặc tính của cả dân tộc đã thay đổi.

Năng lực tâm lý tương đương với thứ đã được tìm thấy ở phôi thai. Bằng việc tác động lên phôi thai, ta có thể tạo ra một con quái vật hoặc một thực thể hoàn thiện hơn. Nhưng ở giai đoạn trưởng thành, ta không thể làm điều đó được. Ở đây cũng đúng với tâm lý. Ta không thể tạo ra con người, nhưng ta có thể khiến anh ta hoàn thiện hơn bằng việc tác động lên phôi thai tâm lý. Việc này đem lại sức mạnh lớn lao cho người trưởng thành và cho giáo dục vì nó ban tặng khả năng chi phối sự sinh trưởng và phát triển của tâm lý. Sức mạnh này càng lớn lao khi chúng ta so sánh nó với sức mạnh xã hội có được khi nó chỉ tác động đến người trưởng thành. Đứa trẻ cho chúng ta niềm hy vọng và tầm nhìn mới. Có lẽ nhiều cải tiến nữa sẽ mang lại hiểu biết, niềm vui và sức mạnh tinh thần cho xã hội loài người trong tương lai.

8

ĐỜI SỐNG TÂM LÝ PHÔI THAI

Chúng ta hãy nhắc lại một lần nữa rằng ngay từ khi sinh ra đứa trẻ đã được ban tặng một đời sống tâm lý. Nhưng đời sống tâm lý có thể không bắt đầu vào lúc ấy. Nếu tồn tại, đời sống tâm lý có lẽ đã được xây dựng, nếu không thì làm sao nó có ở đó được? Trong phôi thai có lẽ cũng có sự sống tâm lý nữa. Khi ta hiểu được khái niệm này, ta băn khoăn không biết tại giai đoạn nào của đời sống phôi thai thì đời sống tâm lý bắt đầu hình thành. Chúng ta hãy xét một số trường hợp cụ thể. Chúng ta biết rằng có những trường hợp khi một đứa trẻ sinh ra vào tháng thứ bảy thay vì vào tháng thứ chín và vào tháng thứ bảy thì đứa trẻ đã hoàn thiện đến độ nó có thể sống được. Vì thế, đời sống tâm lý của nó có khả năng hoạt động như của một đứa trẻ được sinh ra sau 9 tháng. Tôi không muốn nhấn mạnh quá vào vấn đề này, nhưng trường hợp này cũng đủ để minh họa điều tôi muốn nói khi tôi cho rằng mọi sự sống đều là sự sống tâm lý, và rằng thậm chí khi chỉ là một phôi thai thì đứa trẻ đã có được một đời sống tâm lý rồi. Trên thực tế, mỗi dạng sống đều có một dạng năng lượng tinh thần nhất định, một dạng tinh thần đặc trưng đặc biệt của mỗi cá thể, dù dạng sống đó có nguyên thủy đến đâu đi nữa.

Thậm chí, nếu chúng ta quan sát những thực thể đơn bào, chúng ta cũng thấy rằng có một dạng tâm lý, chúng chạy trốn sự nguy hiểm, hướng đến tìm kiếm thức ăn... Ví dụ, có một dạng sống đơn bào được gọi là ma cà rồng tí hon của tảo xoắn. Sinh vật tí hon này, khác biệt với tất cả những thực vật thủy sinh khác, ăn một loại cỏ đặc biệt. Vì thế, chúng có một dạng đặc tính tâm lý đặc thù đã lựa chọn loại thức ăn đặc biệt này. Nói cách khác, nó phải được trao tặng một dạng hành vi đặc thù.

Mọi dạng sống của động vật đều có một cách thức điều hành cuộc sống với những hành vi được chỉ đạo bởi một hình thái tâm lý đặc biệt. Nếu rời khỏi lĩnh vực khoa học nghiêm túc, chúng ta có thể nói rằng có một người chỉ đạo tâm linh đã phân bổ tất cả những hoạt động này lên trái đất bằng cách sử dụng những dạng sống khác nhau. Nói cách khác, sự sống ngày nay được cho là một dạng năng lượng vĩ đại, một trong những nguồn năng lượng của sáng tạo vũ trụ. Vì thế, sao chúng ta lại phải ngạc nhiên khi người ta nói rằng đứa trẻ mới sinh được ban tặng đời sống tâm lý? Thực sự là nếu không phải vậy, thì làm sao nó có thể sống được?

Kết luận này đã gây một ấn tượng lớn bởi vì trước đây đứa trẻ được coi là hoàn toàn không có đời sống tâm lý. Nhiều người đã bắt đầu nghiên cứu và suy ngẫm về sự thật là đứa trẻ được ban tặng đời sống tâm lý trước cả khi nó được sinh ra.

Nếu được ban tặng đời sống tâm lý, đứa trẻ đã thu nhận ấn tượng và khi ra đời nó hẳn phải cảm thấy sốc vô cùng. Đây là một điểm mới khiến những nhà tư tưởng chú tâm vào sự kiện ra đời, thực tế của sự tồn tại một đời sống tâm linh, của một thực thể sống bị ném một cách đột ngột từ môi trường này vào một môi trường vô cùng khác biệt khác. Sự thay đổi môi trường đột ngột này thậm chí còn ấn tượng hơn khi ta xét đến điều kiện của đứa trẻ lúc chào đời. Đứa trẻ mới sinh vẫn chưa phát triển hoàn thiện.

Càng nghiên cứu, người ta càng nhận ra nó kém hoàn thiện về thể chất. Mọi thứ đều chưa hoàn thiện. Chân đứa trẻ sẽ dùng để đi lại trên mặt đất và xâm chiếm toàn thế giới vẫn còn ở dạng sụn. Với phần sọ bảo vệ vùng não, một vùng thực sự cần sự phòng vệ vững vàng cũng vậy, nhưng ở đứa trẻ mới sinh thì phầ đầu vẫn chưa được xương hóa. Chỉ có một số xương của nó phát triển mà thôi. Quan trọng hơn, những dây thần kinh cũng chưa hoàn thiện cho nên chưa có trung khu điều khiển hoạt động và vì thế vẫn chưa có sự thống nhất giữa các cơ quan. Vậy nên thực thể xương vẫn chưa được phát triển đã không thể cử động vì mỗi xung động đều được truyền bởi các dây thần kinh vẫn chưa phát triển đầy đủ. Thế nên ở con người mới được sinh ra kia, chẳng có cử động nào trong khi đối với động vật thì con vật mới sinh đã có thể đi lại gần như ngay lập tức. Kết luận rút ra là: đứa trẻ khi mới ra đời vẫn còn ở trong giai đoạn phôi thai. Vì thế chúng ta phải coi đứa trẻ đang sở hữu một cuộc sống phôi thai kéo dài từ trước đến sau khi sinh ra. Cuộc sống này bị đứt quãng, chúng ta có thể nói như thế, bởi một sự kiện vĩ đại, cuộc phiêu lưu vĩ đại của sự ra đời, đưa đứa trẻ vào một môi trường mới. Sự thay đổi này tự bản thân nó đã rất huy hoàng, nó như thể là ta đi từ trái đất tới mặt trăng vậy. Nhưng nó không chỉ có vậy, để thực hiện bước tiến vĩ đại này, đứa trẻ phải thực hiện một nỗ lực thể chất rất lớn. Vậy mà, đứa trẻ phải qua một trải nghiệm nhọc nhằn đến thế lại không được chú tâm tới. Khi một đứa trẻ ra đời, người ta chỉ nghĩ về người mẹ, và sự khó nhọc bà phải trải qua. Đứa trẻ, tuy thế, phải trải qua một thử thách thậm chí còn khó khăn hơn của người mẹ, đặc biệt là nếu ta coi rằng đứa trẻ vẫn chưa được hoàn thiện, nhưng lại được ban tặng một đời sống tâm lý. Chúng ta vì thế hãy nhớ rằng, đứa trẻ sơ sinh chưa sở hữu những năng lực tâm lý phát triển vì đứa trẻ vẫn chưa tạo dựng được chúng, phôi thai tâm lý này, thứ mà thậm chí vẫn chưa hoàn thiện về mặt thể chất, phải tự tạo dựng nên những năng lực cho chính mình.

Chúng ta hãy tiếp tục lý luận theo hướng này. Thực thể này được sinh ra, bất lực, bất động, phải được ban tặng một hành vi có thể khiến nó cử động. Sự hình thành những năng lực con người chưa tồn tại mà phải được tạo nên này, đại diện cho một giai đoạn tiếp sau của đời sống phôi thai: đời sống tâm lý phôi thai.

Đứa trẻ sơ sinh chưa hoàn thiện về thể chất phải thực hiện nhiệm vụ hoàn thiện một thực thể phức tạp là Con Người: đứa trẻ phải tạo dựng nên những khả năng của con người.

Sau khi ra đời, sự phát triển tâm lý diễn ra theo hướng được chỉ đạo bởi hành vi. Nói cách khác, chính sự phát triển tâm lý là thứ tạo ra vận động. Bản năng của động vật thức tỉnh khi chúng được sinh ra, ngay khi con vật tiếp xúc với môi trường bên ngoài nhưng con người lại phải được tâm lý xây dựng. Chính tâm lý là thứ kiến thiết những khả năng của con người và những hoạt động để thích ứng với những khả năng. Trong khi việc này diễn ra thì phần thể chất của phôi thai kết thúc sự phát triển. Những dây thần kinh bắt đầu trở nên dẻo dai và sọ bắt đầu quá trình xương hóa. Như thế là phôi thai người được sinh ra không hoàn thiện vì hình thái và chức năng cuối cùng của nó phải đợi đến khi tâm lý được hình thành.

Những con gà con sinh ra từ quả trứng, chúng đợi gà mẹ chỉ cho cách nhặt thức ăn và ngay lập tức hoạt động như tất cả những con gà khác. Hành vi của loài gà này đúng với hiện tại, đúng với những thế hệ trước và thế hệ tiếp theo nữa. Đối với con người lại không vậy, vì con người, trước khi anh ta bắt đầu cử động, anh ta phải phát triển trạng thái tâm lý của mình. Vì thế, anh ta được sinh ra mà không có khả năng cử động. Tâm lý phải được xây dựng dựa theo sự tiến hóa của con người, dựa theo môi trường con người tồn tại, dựa theo những điều kiện xung quanh của đứa trẻ, vì đứa trẻ phải xây dựng một con người phù hợp với thời đại và điều kiện sống của nó.

Những hoạt động được xây dựng cùng với tâm lý, nói cách khác, tâm lý phát triển kéo theo những cử động để diễn tả tâm lý xuất hiện. Những hành vi như thế được xây dựng để con người có thể thích nghi được với thời đại và điều kiện sống của anh ta. Những trải nghiệm chủ động đầu tiên lên môi trường phải đợi đến khi kết thúc sự hình thành những khả năng tâm lý.

Một số kết quả tất yếu đã diễn ra do thực tế này. Ví dụ từ khi chào đời, mặt quan trọng nhất của cuộc sống con người là đời sống tâm lý, chứ không phải vận động, vì vận động phải được tạo ra dưới sự chỉ đạo và điều khiển của đời sống tâm lý. Trí thông minh là thứ phân biệt con người với tất cả những động vật khác.

Trong cuộc đời con người, giai đoạn đầu tiên là một trong những giai đoạn có hoạt động tâm lý mạnh mẽ nhất. Giai đoạn thu thập những ấn tượng thiết thực để trí thông minh hình thành và phát triển.

Hoạt động đầu tiên của con người trong cuộc sống này vì thế phải là sự kiến thiết trí thông minh. Trong khi cả khung xương và hệ thần kinh đang đợi sự kiến thiết trí thông minh này, cơ thể vẫn tiếp tục bất động. Nó phải đợi, bởi vì đây không phải cơ thể của một thực thể mà hành vi đã được định trước. Tự nhiên đã có bước đề phòng sẵn sàng, nó đã lấy đi của con người khả năng cử động và làm cho xương trong cơ thể anh ta mềm ra, vì trước khi bắt đầu những trải nghiệm của mình trong môi trường, anh ta phải có sự chuẩn bị sẵn sàng về mặt tinh thần. Rất logic nếu đời sống tâm lý phải tự kiến thiết bằng cách tái hiện lại môi trường, trước nhất trí tuệ phải quan sát và học tập, nó phải thu thập một lượng lớn ấn tượng từ nó, hết như phôi thai thể chất phải bắt đầu với việc thu thập số lượng lớn các tế bào trước khi bắt đầu xây dựng những cơ quan đặc thù của mình.

Giai đoạn đầu tiên của cuộc sống dành để những ấn tượng có thể thu nhận từ môi trường. Điều này là hợp lẽ vì làm sao

con người có thể tự định hướng được trong môi trường nếu anh ta bắt đầu đi ngay sau khi ra đời, trừ khi anh ta được ban tặng những bản năng cố định như của những động vật kia.

Đây chính là điều kỳ diệu. Trong cuộc đời con người, giai đoạn đầu tiên là một trong những giai đoạn có hoạt động tâm lý mạnh mẽ nhất. Giai đoạn thu thập những ấn tượng thiết thực để trí thông minh hình thành và phát triển.

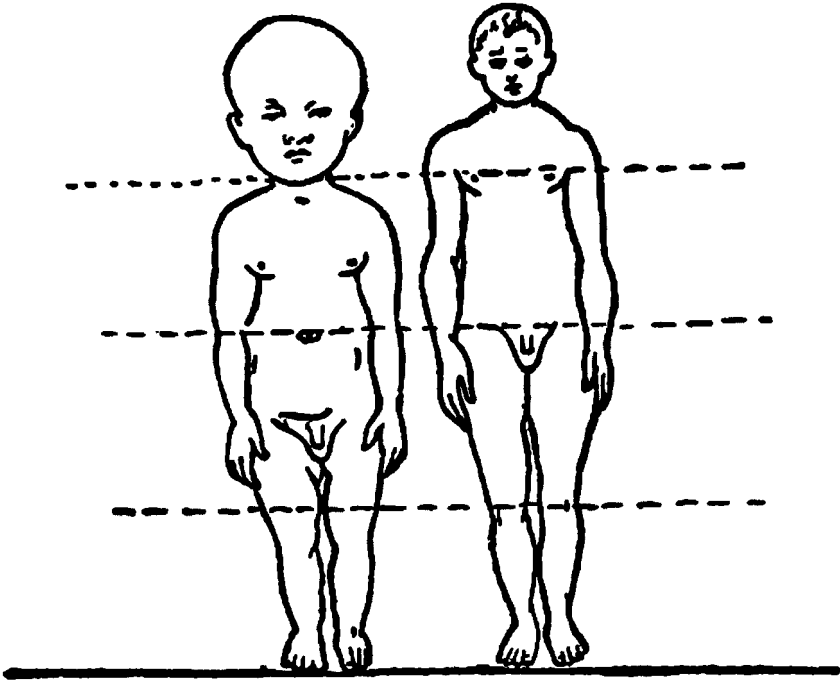
Tương tự, vì môi trường là nơi những vận động của con người hướng về. Con người được sinh ra trong những điều kiện môi trường khác nhau và trong những điều kiện lịch sử khác nhau nên anh ta phải học cách tự thích nghi. Điều cấp thiết đầu tiên là tâm lý phải thu nhận và tích lũy một lượng lớn chất dinh dưỡng để đặt nền móng cho sự thích nghi đối với môi trường và giai đoạn lịch sử đặc thù nơi con người được sinh ra. Năm đầu tiên trong đời khi đó hiện ra trước mắt chúng ta với tư cách là một giai đoạn có những hoạt động mạnh mẽ nhất để hấp thu mọi thứ có trong môi trường. Trong năm thứ hai thì thực thể vật chất đã tiến gần đến sự hoàn thiện, những cử động của nó bắt đầu được định hình. Điều này chỉ rõ tự nhiên đã hoạch định rằng những cử động của con người phải được đời sống tinh thần quyết định.

Trí thông minh của con người không có giới hạn nào hết. Trí thông minh của con người phải là trọng tâm chú ý khi ta nghiên cứu về con người.

Điều này càng trở nên ấn tượng hơn vì ở những thời kỳ trước, người ta nói rằng trẻ em mà không di chuyển và không nói được thì xét về khía cạnh tâm lý là không tồn tại. Đúng là một sự thay đổi lớn lao! Khi đó con người nghĩ rằng đứa

trẻ nhỏ không có đời sống tâm lý trong khi giờ đây người ta biết được rằng hoạt động chủ yếu trong năm đầu đời này là hoạt động của bộ não.

Giờ nếu với nhận thức này, chúng ta một lần nữa nhìn nhận lại đứa trẻ mới sinh, chúng ta dường như có thể hiểu rõ hơn tại sao kích thước đầu của đứa trẻ 1 tuổi lại lớn hơn gấp đôi kích thước của đứa trẻ mới sinh. Và vào năm thứ ba thì kích thước của nó đã bằng nửa của người lớn. Và khi đứa trẻ được 4 tuổi, đầu nó đã bằng 8/10 của người trưởng thành (hình 7).



Hình 7. Một đứa bé mới sinh và một người trưởng thành được đặt trong cùng hệ thống chia độ để chỉ ra sự khác biệt về tỷ lệ cơ thể.

Khi đó ta có thể thấy rõ rằng con người sinh trưởng đặc biệt ở trí thông minh, ở đời sống tâm lý. Những phần còn lại của quá trình sinh trưởng là công cụ hỗ trợ sự phát triển những năng lực của đời sống tâm lý.

Điều này chỉ ra tầm quan trọng của năm đầu đời đối với cả cuộc đời phía trước và trí thông minh quyết định yếu tố đặc trưng của đứa trẻ. Điều này cũng chỉ ra sự khác biệt lớn nhất tồn tại giữa con người và các loài động vật. Động vật chỉ đơn giản là tuân theo những bản năng hành vi. Đời sống tâm lý của chúng chỉ giới hạn trong đó. Ở con người có một thực tế khác: sự sáng tạo ra trí tuệ loài người. Điều con người sẽ làm trong tương lai ta không thể biết được và chúng ta càng không thể biết được từ khi còn là đứa trẻ sơ sinh. Trí tuệ của đứa trẻ sẽ phải tiếp nhận sự hiện diện của cuộc sống đang trong quá trình tiến hóa, hay quay trở lại hàng trăm nghìn năm trong những nền văn minh của nó và có lẽ sẽ trải dài trước một tương lai hàng trăm, hàng nghìn triệu năm nữa: một hiện tại không có giới hạn cả trong quá khứ lẫn tương lai, và không bao giờ giữ nguyên dù chỉ trong chốc lát. Những khía cạnh tiếp nhận của trí tuệ con người luôn là vô định trong khi đối với những sinh vật khác chỉ có một khía cạnh duy nhất và luôn cố định.

Trí thông minh của con người không có giới hạn nào hết và phải là trọng tâm chú ý khi ta nghiên cứu về con người. Hiển nhiên đời sống tâm lý có khả năng tiến về vô định và được định đoạt là sẽ tiến về vô định này, hẳn phải bắt đầu theo một cách thức bí ẩn nào đó. Nó bắt đầu trước khi thực thể được sinh ra vì trong tâm trí của đứa bé mới sinh, chúng ta thấy những năng lực lớn mạnh đến nỗi chúng có khả năng thực hiện bất cứ chức năng nào, có khả năng khiến con người thích nghi với mọi điều kiện.

Những tiến triển của con người có nguồn gốc từ đời sống tâm lý này. Luận điểm này cần được hình dung rõ ràng trước khi chúng ta đi tiếp và trước khi chúng ta có thể hiểu được

sự phát triển tâm lý của đứa trẻ. Có một thứ cũng cần được quan tâm, đó là tinh túy của tâm trí đứa trẻ và những cách thức hoạt động của nó, vì tâm trí này rất khao khát kiến thức trong năm đầu tiên của cuộc đời và nó muốn thu nhận mọi ấn tượng tồn tại trong môi trường. Tâm trí không hấp thụ mọi thứ một cách có ý thức. Chính sự sống với những quyền năng của nó là thứ định hướng cho sự phát triển của đứa trẻ. Bản chất của đời sống tâm lý này là gì? Chúng ta phải hiểu được điều này nếu chúng ta muốn hiểu một số hoạt động chức năng của trẻ. Làm thế nào trẻ phản ứng lại được trước những sự vật bên ngoài?

Cú sốc khi chào đời và những phản ứng

Những nhà tâm lý học ngày nay đã rất bất ngờ trước ‘cuộc phiêu lưu nhọc nhằn của quá trình ra đời’ và kết luận rằng đứa trẻ mới sinh phải trải qua một cú sốc khủng khiếp. Dĩ nhiên đây không phải cú sốc có ý thức, nhưng nếu những khả năng tâm lý có ý thức của đứa trẻ đã được phát triển, đứa trẻ sẽ thể hiện bản thân với những từ ngữ cay đắng: “Sao các người lại ném tôi vào thế giới tệ hại này? Tôi có thể làm gì? Rồi tôi sẽ làm sao để tự thích ứng với một cuộc sống quá khác biệt với cuộc sống của tôi trước đây? Làm sao tôi có thể tự thích ứng với lượng âm thanh khủng khiếp kia, trước đây tôi thậm chí còn chưa nghe thấy được cả một tiếng thì thầm nhỏ nhất? Làm sao tôi có thể đảm trách những nhiệm vụ khó khăn mà bà, mẹ của tôi, đứng ra chọn lấy cho tôi? Làm sao tôi có thể tiêu hóa và hít thở? Làm sao tôi có thể chống chọi với những thay đổi khổng lồ của khí hậu trên thế giới – khi trước đây, tôi ở trong môi trường nhiệt độ không đổi và thật ấm áp dễ chịu của cơ thể của mẹ chứ?”

Thực tế đứa trẻ không ý thức được tất cả những điều này. Đứa trẻ không thể nói rằng mình phải chịu một nỗi sợ hãi khủng khiếp khi được sinh ra. Phải có một cảm giác tâm linh khác với ý thức, vì nếu đứa trẻ có ý thức thì đứa trẻ sẽ nói “Tại sao mẹ lại

ruồng bỏ con? Mẹ đã để con bị tổn thương. Mẹ đã ruồng bỏ khi con chẳng có chút sức mạnh nào. Làm sao mẹ có đủ dũng cảm để làm thế chứ?”

Đây sẽ là lý lẽ của đứa trẻ nếu đứa trẻ có ý thức, nhưng đứa trẻ lại không có ý thức. Tiềm thức của trẻ rất nhạy cảm và đứa trẻ hẳn phải có cảm xúc gần tương tự với những gì chúng ta đã nói ở trên.

Điều này cần phải được các nhà nghiên cứu sự sống đặc biệt quan tâm. Đứa trẻ cần được giúp đỡ để hình thành sự thích ứng ban đầu với môi trường xung quanh, bởi vì tâm lý của cậu ta lúc chào đời chắc hẳn phải chịu một cú sốc kinh hoàng. Cậu ta hẳn là phải cảm thấy hoảng sợ lắm.

Ví dụ, trẻ mới sinh được đặt vào bồn tắm, chúng sẽ có phản xạ nắm tay để biểu hiện cảm giác sợ hãi.

Tự nhiên trợ giúp gì cho đứa trẻ đây? Tự nhiên đã giúp bạn trẻ trong quá trình thích ứng khó khăn này. Tự nhiên cho người mẹ bản năng giữ đứa trẻ gần với cơ thể của chính mình và bảo vệ nó khỏi ánh sáng. Bản thân người mẹ cũng bị tự nhiên làm cho yếu ớt trong suốt quá trình này. Người mẹ chẳng còn chút sức lực nào. Bằng việc giữ yên lặng vì chính bản thân mình, bà đã trao tặng sự yên lặng cần thiết cho đứa trẻ. Như thế trong tiềm thức của mình, người mẹ đã lý luận rằng: “Đứa trẻ này đã phải chịu một cơn sốc khủng khiếp. Ta phải giữ nó gần bên cạnh mình.”

Bà sưởi ấm cho nó bằng hơi ấm của mình và bà bảo vệ nó khỏi quá nhiều tác động.

Những bà mẹ loài người không làm điều này với sự nhiệt tình ta thấy ở những bà mẹ thuộc những dạng sống khác. Chúng ta thấy những mẹ mèo giấu con nhỏ của mình trong những cái hố tối tăm và chúng trở nên giận dữ khi có ai đó tiến đến gần

con của chúng, bà mẹ loài người dường như đã đánh mất bản năng này. Ngay khi đứa trẻ được sinh ra, một người nào đó sẽ đến, tắm rửa cho nó, thay đồ cho nó, đặt nó ra chỗ sáng để nhìn màu mắt nó... Đó là lý do tại sao nhân loại lại gặp nguy hiểm. Tự nhiên không còn là kẻ dẫn lối, thay vào đó là lý lẽ của loài người và lý lẽ thì luôn khiếm khuyết vì nó không được soi rọi bởi sự thấu hiểu. Đó là thứ lý lẽ cho rằng đứa trẻ không phải là một thực thể được ban tặng trạng thái tâm lý. Cú sốc khi được sinh ra này, ngày nay đã được quan sát, nó dẫn đến một thứ gì đó còn kinh khủng hơn cả những sự phản đối bằng lời, nó dẫn đến việc trẻ hình thành những đặc tính xấu khi chúng lớn lên. Hậu quả là một sự biến đổi tâm lý, hay đúng hơn, thay vì chọn con đường chúng ta có thể coi là bình thường, đứa trẻ chọn con đường sai lầm. Những đặc tính khiếm khuyết này không chỉ có ở đứa trẻ, mà còn tiếp tục tồn tại ở người trưởng thành. Chúng được tóm gọn trong thuật ngữ chung là 'những thoái hóa tâm lý'. Thay vì phát triển, thay vì tiến về phía trước theo con đường của cuộc sống, cá thể phải chịu một phản ứng tiêu cực trước cú sốc khi ra đời là tiếp tục gắn bó với một thứ gì đó tồn tại trước khi đứa trẻ được sinh ra. Những đặc tính thoái hóa này không chỉ có một, nhưng chúng đều đưa ra cùng một ấn tượng. Cứ như thế, đứa trẻ đang lý luận theo hướng này: "Trời ơi, thế giới này mới khủng khiếp làm sao, tôi sẽ quay trở lại điểm xuất phát của mình thôi." Những giờ khắc say ngủ dài lâu của đứa trẻ được coi là bình thường, nhưng ngủ quá lâu thì không bình thường, thậm chí đối với đứa trẻ sơ sinh. Nó được coi là một dạng trốn tránh do sự căm ghét về mặt tâm lý đối với thế giới này và là cách thức kiếm tìm sự lãng quên khỏi trái đất này.

Và không phải vậy sao? Không phải giấc ngủ là vương quốc của tiềm thức ư? Nếu có gì đó làm phiền tâm trí của chúng ta, chúng ta hãy đánh một giấc. Vì trong giấc ngủ có những giấc mơ, chứ không phải hiện thực, trong giấc ngủ có một cuộc sống

không cần phải đấu tranh. Giấc ngủ là nơi trú ẩn, nơi trốn tránh thực tại. Một thực tế khác là vị trí của cơ thể khi ngủ. Ở đứa trẻ mới sinh tư thế tự nhiên là gập đôi người với hai tay gần mặt, và chân gần với người. Điều này tuy nhiên lại tiếp tục diễn ra ở một số người trưởng thành, giống như sự quay trở lại tư thế bào thai. Rồi có một thực tế khác. Đây rõ ràng là dấu hiệu của sự thoái hóa. Khi bọn trẻ tỉnh dậy, chúng bắt đầu khóc òa lên như thể chúng hoảng sợ, như thể chúng đang sống lại cái thời khắc kinh hoàng của sự ra đời đã đưa chúng vào một thế giới nhọc nhằn. Chúng thường là do những cơn ác mộng. Những điều này hình thành một phần của cú sốc của cuộc đời.

Một biểu hiện khác của xu hướng này là sự gắn bó với một người nào đó như thể sợ bị bỏ rơi. Sự gắn bó này không phải xuất phát từ tình cảm. Đây là biểu hiện của nỗi sợ hãi. Đứa trẻ rụt rè và luôn muốn được ở gần ai đó, tốt nhất là người mẹ. Đứa trẻ không thích đi ra ngoài, mà luôn muốn ở trong ngôi nhà tách biệt với thế giới. Tất cả những điều trong thế giới lẽ ra phải làm đứa trẻ cảm thấy hạnh phúc lại khiến đứa trẻ hoảng sợ, đứa trẻ cảm thấy ghê tởm những trải nghiệm mới. Môi trường thay vì tạo ra sự hấp dẫn, như nó phải thế đối với một thực thể đang trong giai đoạn phát triển, lại khơi dậy sự cự tuyệt. Và nếu một đứa trẻ, ngay từ khi lọt lòng đã cảm thấy chán ghét môi trường này, thứ lẽ ra phải là, phương tiện để phát triển, đứa trẻ chắc chắn sẽ không phát triển một cách bình thường. Đứa trẻ sẽ không phải là đứa trẻ đi chinh phục, người được định sẵn sẽ là người thu tóm cả môi trường xung quanh mình và biến nó thành của mình. Đứa trẻ vẫn sẽ làm điều đó, nhưng một cách nhọc nhằn và không hoàn chỉnh. Đứa trẻ sẽ là hiện thân của câu nói 'Sống là phải chịu đựng'. Mọi hoạt động xung quanh đều đi ngược lại bản chất của đứa trẻ. Ngay cả hô hấp dường như cũng là việc khó khăn. Đứa trẻ vì thế cần giấc ngủ và được nghỉ ngơi nhiều hơn, ngay cả tiêu hóa cũng khó khăn. Đây sẽ là cuộc sống mà đứa trẻ chuẩn bị cho bản thân

trong tương lai sao? Đứa trẻ thuộc dạng dễ khóc. Đứa trẻ sẽ luôn cần ai đó giúp đỡ mình. Đứa trẻ sẽ cảm thấy uể oải, buồn bã và tuyệt vọng. Và đây không phải là những đặc tính thoáng qua. Chúng tồn tại suốt đời. Cả khi đã trở thành người trưởng thành, đứa trẻ vẫn sẽ cảm thấy chán ghét cuộc sống, sẽ sợ gặp mặt mọi người và luôn luôn rụt rè. Rõ ràng những cá thể như thế thấp kém hơn những người khác trong quá trình đấu tranh sinh tồn của đời sống xã hội. Những cá thể này sẽ không bao giờ có được niềm vui, sự can đảm và hạnh phúc.

Đó là câu trả lời kinh hoàng của tâm lý tiềm thức. Chúng ta quên bằng trí nhớ có ý thức của mình, nhưng dù tiềm thức có vẻ không cảm thấy gì và dù nó không có vẻ gì là ghi nhớ mọi việc, nhưng nó làm mọi thứ tồi tệ hơn. Những ấn tượng được tạo ra ở đó tạo nên Trí nhớ tiềm thức, chúng tồn tại khắc sâu thành đặc tính của cá nhân. Nơi đó ẩn chứa hiểm họa cho loài người. Đứa trẻ, không được chăm sóc cẩn thận, sẽ trả thù xã hội thông qua cá nhân nó tạo nên. Cách thức thực hiện đó không tạo nên những cuộc nổi loạn như ở người trưởng thành, nó sẽ tạo nên những cá thể yếu đuối hơn, thấp kém hơn thứ lẽ ra những đứa trẻ có thể trở thành; nó hình thành nên những đặc tính sẽ là chướng ngại cho đời sống của cá nhân, và những cá nhân sẽ trở thành một chướng ngại cho sự phát triển của xã hội.

9

CUỘC CHINH PHỤC QUYỀN ĐỘC LẬP

Những đặc tính của sự thoái hóa được phát triển khi đứa trẻ không thể đạt được sự thích nghi đầu tiên, nói cách khác, là ngay sau khi sinh ra. Một số xu hướng nhất định ta có thể truy nguyên đến thời kỳ này cũng tồn tại cả ở người trưởng thành.

Các nhà tâm lý học hiện đại khi nghiên cứu đặc tính của sự thoái hóa nói rằng nếu chúng không tồn tại, thì đứa trẻ sẽ có những xu hướng rất rõ ràng và rất mạnh mẽ hướng tới độc lập. Rồi chúng sẽ phát triển giống như một cuộc chinh phục của quyền độc lập, thậm chí còn lớn lao hơn. Đứa trẻ tiến bước trên con đường hướng về độc lập tự chủ cũng giống như mũi tên đã được bắn khỏi cung – đi thẳng, mạnh mẽ và quả quyết. Đây là sự phát triển bình thường: hoạt động này ngay một phát triển và mạnh mẽ hơn hiện ra trên con đường dẫn đến độc lập. Cuộc chinh phục quyền độc lập bắt đầu từ giây phút đầu tiên của cuộc sống. Khi thực thể lớn dần, nó tự hoàn thiện và vượt qua mọi chướng ngại trong cuộc sống. Một sức mạnh sống còn được kích hoạt trong cá thể và dẫn nó tới quá trình hoàn thiện. Sức mạnh này được gọi là *Nỗ lực có mục đích*.

Nỗ lực có mục đích khác với sức mạnh ý chí. Sức mạnh ý chí là quá nhỏ nhoi và quá gắn kết với ý thức của con người, trong khi nỗ lực có mục đích là thứ thuộc về sự sống nói chung, về một sức mạnh siêu tự nhiên có tác dụng khởi xướng lên tất cả các cuộc tiến hóa. Sức sống của sự tiến hóa này được thể hiện trong đứa trẻ bởi ý chí mong muốn thực hiện những hành động

Đứa trẻ mới sinh được trao tặng một sự thôi thúc, một sự thúc đẩy để thẩm thấu với môi trường. Chúng ta có thể nói rằng đứa trẻ được sinh ra trong 'tâm thể muốn được chinh phục thế giới'.

nhất định. Điều này không thể bị phá bỏ bởi bất cứ điều gì trừ cái chết. Đây là sức sống tiềm thức thúc đẩy đứa trẻ làm những việc nhất định và trong một đứa trẻ phát triển bình thường thì tự do hoạt động có thể được coi là 'niềm vui cuộc sống'. Đứa trẻ năng nổ, luôn luôn vui vẻ.

Những cuộc chinh phục quyền độc lập này thuộc các giai đoạn của quá trình phát triển tự nhiên. Nói cách khác, nếu chúng ta nhìn nhận sự phát triển tự nhiên một cách kỹ lưỡng, chúng ta có thể miêu tả nó là sự chinh phục những tầng bậc nối tiếp của độc lập. Điều này không chỉ đúng với lĩnh vực tinh thần, mà còn đúng với phương diện thể chất nữa. Cơ thể cũng có khuynh hướng phát triển, một khuynh hướng mạnh mẽ đến nỗi không gì có thể ngăn cản nó trừ cái chết.

Chúng ta hãy cùng nghiên cứu sự phát triển này. Đứa trẻ khi sinh ra đã tự giải phóng mình khỏi một 'nhà tù' – nhà tù của cơ thể người mẹ. Khi ra đời, đứa trẻ trở nên độc lập khỏi các hoạt động của người mẹ. Đứa trẻ mới sinh được trao tặng một sự thôi thúc, một sự thúc đẩy để thẩm thấu môi trường. Chúng ta có thể nói rằng đứa trẻ được sinh ra trong 'tâm thể muốn được chinh phục thế giới'. Đứa trẻ hấp thụ nó vào trong mình và trong khi hấp thụ, đứa trẻ hình thành cơ thể tinh thần của riêng mình.

Đây là đặc trưng trong giai đoạn đầu tiên của cuộc sống. Rõ ràng, nếu đứa trẻ cảm thấy sự thúc đẩy này, nếu sự thôi thúc đầu tiên đứa trẻ cảm nhận được là khát khao được chinh phục môi trường, thì môi trường này phải có một hấp dẫn nhất định đối với đứa trẻ. Vì thế chúng ta nói, bằng những từ mà không thực sự phù hợp cho việc diễn tả sự việc này, là đứa trẻ cảm thấy 'yêu' môi trường.

Những cơ quan đầu tiên bắt đầu hoạt động trong cơ thể trẻ là các giác quan. Vậy giác quan là gì ngoài những cơ quan xúc giác và cảm thụ, giúp chúng ta có thể nắm được những ấn tượng mà, trong trường hợp của đứa trẻ, phải được tái hiện?

Khi chúng ta nhìn, chúng ta thấy gì? Chúng ta thấy mọi thứ có trong môi trường. Ngay khi chúng ta bắt đầu lắng nghe, chúng ta cũng có thể nghe thấy mọi âm thanh có trong môi trường. Chúng ta có thể nói rằng lĩnh vực thụ cảm rất rộng lớn, rằng nó gần như bao trùm cả vũ trụ. Đây là cách hoạt động của tự nhiên. Ta không thể cảm thụ từ âm thanh này tới âm thanh khác, từ tiếng động này đến tiếng động khác, từ vật thể này đến vật thể khác, chúng ta bắt đầu bằng việc cảm thụ tất cả, cảm thụ cả tổng thể. Vũ trụ tồn tại trước rồi mới đến sự phân biệt những vật thể này với vật thể kia, âm thanh với tiếng động, âm thanh này với âm thanh khác.

Đây là bức tranh về tâm lý của một đứa trẻ bình thường. Đầu tiên nó cảm nhận rồi sau đó phân tích thế giới.

Giờ chúng ta hãy xét đến một dạng sống khác mà đứa trẻ không cảm nhận được sự lôi cuốn của môi trường, một dạng sống mà ở đó tình yêu mãnh liệt này đã chịu tổn hại bởi sự hoảng sợ và cú sốc. Rõ ràng, sự phát triển của dạng đầu tiên phải khác với của dạng thứ hai.

Chúng ta hãy tiếp tục nghiên cứu sự phát triển của đứa trẻ qua việc quan sát đứa trẻ lúc 6 tháng tuổi. Đứa trẻ xuất hiện

những hiện tượng nhất định được coi là những dấu hiệu chính của sự phát triển bình thường. Lúc 6 tháng tuổi, đứa trẻ đã trải qua một số biến đổi thể chất nhất định. Một số biến đổi chỉ được phát hiện thông qua các thí nghiệm, ví dụ như dạ dày bắt đầu tiết ra chất acid cloric cần thiết cho tiêu hóa. Cũng vào tháng thứ sáu thì chiếc răng đầu tiên bắt đầu mọc. Đây là một sự hoàn thiện tiếp tục của cơ thể mà lúc mới sinh vẫn chưa kết thúc và phát triển suốt một quãng đường trưởng thành nhất định. Nó cũng có nghĩa là vào tháng thứ sáu thì đứa trẻ có khả năng sống mà không cần nhờ đến sữa mẹ, hoặc ít nhất cũng có thể kết hợp sữa với những chất dinh dưỡng khác. Đây là một bước chinh phục mới đến với tự do. Đứa trẻ 6 tháng tuổi dường như lý luận rằng: “Mình không muốn sống dựa vào mẹ nữa. Mình là một con người và mình giờ đã có thể ăn mọi thứ.” Một hiện tượng tương tự cũng xảy ra ở thanh thiếu niên, chúng bắt đầu cảm thấy xấu hổ với việc sống phụ thuộc vào gia đình. Chúng không muốn sống dựa vào họ nữa. Chúng muốn sống bằng chính sức mình.

Cũng vào khoảng thời gian

Tự nhiên đã ban cho đứa trẻ cơ hội được lớn lên, cho đứa trẻ món quà độc lập và cùng lúc đó dẫn đứa trẻ tới tự do.

6 tháng tuổi này (dường như nó là thời khắc đặc biệt quan trọng trong cuộc đời của đứa trẻ), đứa trẻ bắt đầu thoát lên những âm tiết đầu tiên, giống như hòn đá đầu tiên trong cả

tòa nhà khổng lồ, sẽ phát triển dần thành ngôn ngữ. Đó là một bước tiến vĩ đại, một cuộc chinh phục khác để đến với tự do. Khi đứa trẻ có được ngôn ngữ, đứa trẻ có thể tự biểu lộ bản thân và không cần nhờ người khác đoán những nhu cầu của mình nữa. Thay vì phải có ai đó đoán xem mình muốn gì, đứa trẻ có thể tự biểu lộ được. Đứa trẻ có thể nói với mọi người: “Làm thế này. Làm thế kia.” Thế là đứa trẻ bước vào công cuộc giao tiếp với loài người, vì nếu không có ngôn ngữ thì làm sao ta có thể giao tiếp

được? Sự chinh phục ngôn ngữ này và khả năng giao tiếp trí tuệ với những người khác là một bước tiến vĩ đại hướng tới sự độc lập. Trước khi tự nói được, đứa trẻ giống như một người điếc và câm, vì không thể tự biểu lộ bản thân và không thể hiểu được những người khác đang nói gì. Sau cuộc chinh phục ngôn ngữ, dường như đứa trẻ đột nhiên có đôi tai và khả năng nói được thứ ngôn ngữ của những người xung quanh mình.

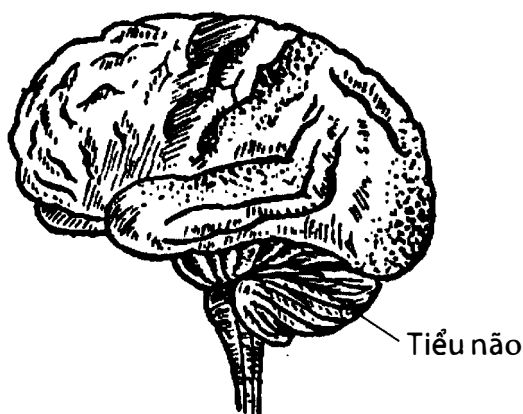
Một khoảng thời gian lâu sau đó, vào lúc 1 tuổi, đứa trẻ bắt đầu bước đi. Đứa trẻ thoát khỏi nhà tù thứ hai, vì giờ đứa trẻ có thể chạy trên đôi chân của chính mình. Đứa trẻ có thể nói: “Con có thể chạy với hai chân của mình. Con có thể biểu lộ bằng ngôn ngữ những suy nghĩ của mình với những người xung quanh.”

Thế là con người dần dần phát triển và bằng những bước đi nối tiếp tiến về độc lập này, anh ta trở nên tự do. Đó không phải vấn đề về ý chí, nó là một hiện tượng của sự độc lập. Thực thế, chính tự nhiên đã ban cho đứa trẻ cơ hội được lớn lên, cho đứa trẻ món quà độc lập và cùng lúc đó dẫn đứa trẻ tới tự do.

‘Cuộc chinh phục tự đi lại’ là rất quan trọng, đặc biệt là nếu ta xét đến việc, dù rất phức tạp, nhưng đứa trẻ đã đi lại được trong năm đầu tiên của cuộc đời cùng với tất cả những cuộc chinh phục khác về ngôn ngữ, phương hướng... Đi lại được đối với đứa trẻ là một cuộc chinh phục mang tầm quan trọng lớn lao về mặt tâm lý. Động vật không cần phải thực hiện việc đó. Chỉ có con người mới có dạng phát triển dài lâu và tinh tế này. Trong quá trình phát triển của mình, anh ta phải hoàn thành ba thành tựu, ba cuộc chinh phục khác nhau, trước khi thể chất của mình cho phép anh ta đi lại, hoặc thậm chí chỉ là đứng thẳng trên đôi chân của mình. Hãy nhìn vào những động vật to lớn, ví dụ như loài bò. Tưởng tượng xem nếu đến tận năm 1 tuổi những chú bê mới có thể tự đứng trên bốn chân của mình? Thực tế, chúng bắt đầu đi lại ngay khi vừa sinh ra. Nhưng những sinh vật này lại thuộc cấp thấp hơn chúng ta, dù hình thể của chúng có to lớn,

vạm vỡ đến đâu. Dù nhỏ bé nhưng sự kiến tạo con người tinh tế hơn rất nhiều và vì thế cần nhiều thời gian hơn.

Khả năng đi lại và có thể đứng được trên đôi chân dẫn đến một quá trình phát triển toàn diện bao gồm những bộ phận khác nhau. Một trong số chúng có liên quan tới bộ não. Có một phần trong não được gọi là 'tiểu não' nằm phía sau và phía dưới đại não (xem hình 8).



Hình 8. Não người

Thời điểm tháng thứ sáu là lúc vùng tiểu não phát triển nhanh chóng và sự phát triển nhanh chóng này của vùng tiểu não tiếp diễn cho tới khi đứa trẻ được 14 hoặc 15 tháng tuổi. Rồi tốc độ phát triển tiểu não chậm lại, nhưng vẫn tiếp tục cho tới khi đứa trẻ được 4 tuổi. Khả năng đi và đứng thẳng phụ thuộc vào sự phát triển của tiểu não. Có thể dễ dàng theo dõi sự phát triển này ở đứa trẻ. Chúng ta thấy hai quá trình phát triển tiếp bước theo nhau: đứa trẻ bắt đầu ngẩng đầu được vào lúc 6 tháng tuổi, bắt đầu bò lúc 9 tháng, đứng lúc 10 tháng và đi vào giữa tháng thứ 12 và 13, và khi được 15 tháng tuổi, đứa trẻ đã có thể đi lại một cách vững vàng.

Quá trình thứ hai của giai đoạn phát triển phức tạp là sự hoàn thiện một số dây thần kinh. Dây thần kinh cột sống dùng để truyền tải mệnh lệnh trực tiếp đến các cơ ở giai đoạn này mới trở nên hoàn thiện. Quá trình này phức tạp và phải phối hợp hài hòa các cơ quan thì việc đi lại mới được thực hiện. Tiếp đến là sự hình thành xương. Như chúng ta đã biết, chân của đứa trẻ vẫn chưa được xương hóa hoàn toàn. Chúng chủ yếu là sụn nên rất mềm. Nếu đúng là thế, tại sao chúng có thể nâng đỡ cơ thể được? Vì vậy xương phải được hoàn thiện trước khi đứa trẻ bắt đầu đi. Còn một vấn đề nữa, xương sọ vẫn chưa được hợp nhất khi đứa trẻ mới sinh và chỉ đến giai đoạn này nó mới được hoàn thiện, vì thế nếu có bị ngã, đứa trẻ cũng không sợ làm tổn thương phần đầu của mình.

Nếu bằng việc giáo dục, chúng ta mong muốn dạy trẻ biết đi trước thời điểm này thì cũng không thể làm được, vì khả năng đi lại phụ thuộc vào một chuỗi những phát triển thể chất diễn ra đồng loạt. Nếu cố thử, ta có thể sẽ gây ra những tổn hại nặng nề tới đứa trẻ. Ở đây, tự nhiên nắm vai trò chỉ đạo. Tất cả đều phụ thuộc vào quy luật của tự nhiên. Cùng lúc đó, ta cố giữ không cho đứa trẻ –kẻ đã bắt đầu bước đi và chạy – di chuyển cũng không được, vì trong tự nhiên thì bất cứ khi nào một cơ quan được hình thành, nó phải được đem ra sử dụng. Sự sáng tạo trong tự nhiên không phải chỉ để tạo ra mà còn buộc nó phải hoạt động. Khi cơ quan được hoàn thiện, nó phải được đưa vào sử dụng trong môi trường ngay lập tức.

Ngôn ngữ hiện đại gọi những chức năng này là ‘những trải nghiệm đối với môi trường’. Nếu những trải nghiệm này không diễn ra, thì cơ quan đó sẽ không phát triển một cách bình thường. Lúc đầu, một cơ quan chưa hoàn thiện phải được sử dụng để đạt được sự hoàn thiện.

Đứa trẻ chỉ có thể phát triển bằng những trải nghiệm đối với môi trường, chúng ta gọi là ‘lao động’. Ngay khi ngôn ngữ

xuất hiện thì đứa trẻ bắt đầu nói huyền thuyên và không ai có thể bắt đứa trẻ im lặng. Giờ nếu đứa trẻ không được phép nói hoặc đi lại, thì đứa trẻ sẽ không thể phát triển bình thường được. Sẽ có sự đình trệ trong sự phát triển của đứa trẻ. Trái lại, nếu đứa trẻ được đi, chạy, nhảy thì đứa trẻ sẽ phát triển đôi chân của mình. Đầu tiên, tự nhiên tạo ra những công cụ này và phát triển chúng bằng hoạt động, qua các trải nghiệm đối với môi trường. Vì thế, khi đứa trẻ đã tăng cường tính độc lập của mình bằng việc thu nạp những khả năng mới, đứa trẻ sẽ chỉ phát triển bình thường nếu được tự do hoạt động. Khi đứa trẻ đạt được tính độc lập, bằng cách rèn luyện đặc tính này, đứa trẻ sẽ phát triển hoàn thiện. Sự phát triển không tự sinh ra, những nhà tâm lý học hiện đại đã chỉ ra, ‘hành vi được xác nhận trong mỗi cá thể bằng những trải nghiệm mà cá nhân này thực hiện đối với môi trường’. Nếu vì thế chúng ta coi giáo dục là một công cụ trợ giúp sự phát triển cuộc đời của đứa trẻ, chúng ta sẽ vô cùng vui sướng khi nhận thấy đứa trẻ đã đạt được một mức độ phát triển nào đó. Chúng ta sẽ thốt lên: “Con tôi hôm nay đã nói được từ đầu tiên” và có cảm giác vui sướng. Tuy thế, chúng ta nhận ra rằng, dù sự phát triển của đứa trẻ không thể bị phá vỡ (bởi vì tự nhiên có sức mạnh phi thường đối với chúng ta, xin cảm ơn Chúa trời) nhưng lại có thể bị ngưng trệ hoặc trì trệ nếu đứa trẻ không được trao cho cơ hội thực hiện những trải nghiệm của mình đối với môi trường, thì một vấn đề sẽ nảy sinh: Vấn đề về giáo dục.

Vấn đề đầu tiên của giáo dục là phải trang bị cho đứa trẻ một môi trường mà có thể cho phép đứa trẻ phát triển những năng lực tự nhiên đã ban tặng. Đây không phải là một vấn đề vô thường vô phạt. Đây không phải chỉ là việc làm chúng hài lòng, hoặc cho đứa trẻ được làm bất cứ điều gì đứa trẻ thích. Đây là vấn đề đồng tâm hiệp lực với mệnh lệnh của tự nhiên, với một trong những quy luật của phát triển phải được diễn ra bằng cách trải nghiệm đối với môi trường. Với bước tiến đầu tiên của mình thì đứa trẻ đã bước vào một tầng bậc trải nghiệm cao hơn.

Nếu chúng ta quan sát một đứa trẻ đã đạt được mức phát triển này, chúng ta thấy rằng đứa trẻ có khả năng và mong muốn đạt được sự độc lập nhiều hơn. Đứa trẻ muốn làm theo cách của mình, ví dụ đứa trẻ muốn tự phục vụ, muốn tự thay đồ, muốn tự ăn... Và đây không phải gợi ý của chúng ta với đứa trẻ. Trái lại, đứa trẻ có một sự thôi thúc lớn lao, một động lực sống mạnh mẽ đến nỗi những nỗ lực chúng ta bỏ ra lại thường là để kiềm chế đứa trẻ không làm những việc

này. Đứa trẻ đang tuân theo quy luật của tự nhiên. Không phải đứa trẻ muốn làm trái ý chúng ta, đứa trẻ chỉ đơn giản là hợp tác và tuân theo những quy luật của tự nhiên và từng bước một, đầu tiên ở việc này, sau đó đến những việc khác,

Vấn đề đầu tiên của giáo dục là phải trang bị cho đứa trẻ một môi trường mà có thể cho phép đứa trẻ phát triển những năng lực tự nhiên đã ban tặng.

Đứa trẻ muốn đạt được nhiều không gian độc lập hơn khỏi những người xung quanh mình, cho tới thời khắc đứa trẻ còn muốn có quyền độc lập trong tư tưởng. Rồi đứa trẻ sẽ thể hiện khát khao được phát triển tâm trí thông qua những trải nghiệm của chính bản thân thay vì qua những trải nghiệm của những người khác. Đứa trẻ bắt đầu tìm kiếm lý do tồn tại của sự vật. Vì thế, nhân cách được xây dựng trong giai đoạn thơ ấu này. Đây không phải là lý thuyết. Đây không phải chỉ là một ý kiến. Đây là những sự kiện tự nhiên hoàn toàn có thật, chúng là những kết luận đã được quan sát chứng nhận. Khi chúng ta nói rằng chúng ta phải để trẻ được hoàn toàn tự do, khi chúng ta nói rằng sự độc lập và những hoạt động bình thường của đứa trẻ phải được xã hội bảo đảm, chúng ta không nói tới một khái niệm mơ hồ. Chúng ta nói vì chúng ta đã quan sát cuộc sống, chúng ta đã quan sát tự nhiên và tự nhiên đã hé lộ sự thật này. Chỉ qua tự do và trải nghiệm đối với tự nhiên mà con người có thể trưởng thành.

Giờ, khi chúng ta nói về độc lập và tự do cho đứa trẻ, đừng áp đặt những ý niệm về độc lập, tự do mà chúng ta coi là lý tưởng trong thế giới của người trưởng thành. Nếu những người trưởng thành phải tự nhìn nhận bản thân và đưa ra một định nghĩa về độc lập và tự do, định nghĩa đó sẽ không chính xác. Trên thực tế, người trưởng thành có một ý nghĩ rất nghèo nàn về định nghĩa của tự do. Họ không được sở hữu sự kiên cường mà tự nhiên trao tặng. Đứa trẻ thể hiện sự sắc bén khi được tự nhiên trao tặng tự do và độc lập cho cuộc sống. Mẹ tự nhiên ban tặng điều đó với những quy luật nhất định liên quan tới thời gian và nhu cầu: tự nhiên biến tự do thành một quy luật của cuộc sống – tự do hay là chết. Tôi tin rằng tự nhiên giúp đỡ và hỗ trợ chúng ta hiểu được đời sống xã hội của chính chúng ta. Như thế đứa trẻ trao cho chúng ta bức tranh tổng thể và chúng ta – trong đời sống xã hội của mình chỉ hiểu được những chi tiết nhỏ nhoi. Mọi thứ đứa trẻ thể hiện đều dẫn tới thực tế, tới sự thật. Khi tồn tại một sự thật hiển nhiên, sẽ chẳng ai nghi ngờ gì nữa. Vì thế rất thú vị khi được quan sát sự tự do đứa trẻ đạt được thông qua quá trình phát triển.

Mục đích của cuộc chinh phục độc lập không ngừng nghỉ này là gì? Nó xuất phát từ đâu? Từ cá nhân tự hình thành chính mình, có khả năng tự hoạt động kia. Nhưng trong tự nhiên mọi sinh vật đều hướng tới điều này. Mọi sinh vật đều tự hoạt động. Vì thế cả với việc này đứa trẻ cũng tuân theo sự định đoạt của tự nhiên. Đứa trẻ đạt được sự tự do, đây chính là quy luật đầu tiên của sự sống ở trong mọi cá thể.

Làm thế nào mà đứa trẻ đạt được tính độc lập này? Đứa trẻ đạt được nó bằng cách liên tục hoạt động. Làm thế nào đứa trẻ hiện thực hóa được quyền tự do của mình? Bằng cách không ngừng nỗ lực, cuộc sống không thể ngăn cản quá trình nỗ lực này. Độc lập không phải là một trạng thái tĩnh. Nó là một cuộc chinh phục không ngơi nghỉ. Và bằng lao động miệt mài, ta đạt được không chỉ có tự do mà còn cả sức mạnh và sự tự hoàn thiện.

Chúng ta hãy xét đến bản năng đầu tiên của đứa trẻ: đứa trẻ cố để được hoạt động một mình, nói cách khác là hoạt động mà không có sự trợ giúp của người khác. Hành động mang tính độc lập có ý thức đầu tiên của đứa trẻ là tự vệ trước những người muốn giúp đứa trẻ. Để có thể tự làm mọi việc một mình, đứa trẻ phải có một nỗ lực lớn lao. Nếu như nhiều người trong số chúng ta nghĩ, điều hạnh phúc nhất là được ngồi xuống, không làm gì hết và để những người khác làm hết cho mình, thì trạng thái lý tưởng đó sẽ giống với của đứa trẻ trước khi ra đời. Đứa trẻ đúng là nên quay trở lại cơ thể của người mẹ, vì người mẹ sẽ làm tất cả cho đứa trẻ. Nếu chúng ta nghĩ thế, tại sao chúng ta lại phải học ngôn ngữ để giao tiếp với người khác? Không, tự nhiên có những mục tiêu khác. Tự nhiên buộc đứa trẻ phải thực hiện cuộc chinh phục ngôn ngữ nhọc nhằn để có thể giao tiếp được với mọi người xung quanh. Lại nữa, nếu chúng ta coi sự nghỉ ngơi là lý tưởng của cuộc sống, thì đứa trẻ sẽ nói: "Tôi được hưởng dòng sữa ngon ngọt từ mẹ mình. Nó rất dễ tiêu hóa. Tại sao tôi lại phải cần đến một loại thức ăn khác? Tôi sẽ chỉ uống mỗi nó thôi. Tại sao tôi phải mất công nhai những thức ăn khó nhai hơn thứ tôi đã có sẵn cho mình đây? Không! Không! Tôi sẽ chỉ dùng mỗi sữa của mẹ thôi." Hoặc nữa: "Sao phải đi? Có người bế tôi trên tay mình rồi. Tôi có thứ tương tự như một chiếc ô tô riêng. Nhìn những nỗ lực khủng khiếp tôi phải bỏ ra để đi lại, tôi phải phát triển xương, não và thậm chí phải hoàn thiện việc bao bọc những dây thần kinh ở tủy sống. Sao tôi lại phải chịu tất cả những rắc rối này? Tại sao tôi lại khó bảo và cứng đầu đòi được khám phá mọi thứ? Tại sao, trong khi có quá nhiều người thông tuệ xung quanh, những người có khả năng truyền đạt và có văn hóa, ai có thể giải thích cho tôi tại sao lại như vậy?" Nhưng thực tế diễn ra ở đứa trẻ không phải vậy. Đứa trẻ hé lộ rằng bài học của tự nhiên khác biệt nhiều so với ý tưởng mà xã hội tự đặt ra cho mình. Đứa trẻ tìm kiếm sự độc lập qua lao động: độc lập của thể xác và tâm

hồn. Đứa trẻ dường như muốn nói: “Tôi không quan tâm đến việc anh biết được nhiều đến đâu, tôi muốn tự mình hiểu mọi thứ. Tôi muốn được trải nghiệm trong thế giới và có thể hiểu được nó thông qua nỗ lực, anh cứ giữ những tri thức của anh và để tôi tự tìm tri thức cho chính mình.” Chúng ta phải hiểu rõ rằng, khi trao tự do và độc lập cho đứa trẻ là chúng ta đã trao tự do cho một người lao động sẵn sàng hành động và không thể sống nếu không có lao động và hoạt động của mình. Đây là hình thái tồn tại của các cá thể sống, và vì con người cũng là một cá thể sống, anh ta cũng có xu hướng này. Và nếu chúng ta cố ngăn cản nó thì chúng ta sẽ tạo ra một quá trình thoái hóa trong cá thể.

Mọi thứ trong tự nhiên đều vận động và điều này cũng đúng trong cuộc sống. Cuộc sống là hoạt động và chỉ có nhờ hoạt động ta mới có thể tìm thấy sự hoàn thiện của cuộc sống. Những khát khao mang tính xã hội đến với chúng ta qua những trải nghiệm của những thế hệ trước: một cuộc sống lý tưởng gồm có ít giờ lao động hơn, có người làm việc cho chúng ta, được thành thoi vui chơi bao lâu tùy thích... là đặc tính của một đứa trẻ bị thoái hóa. Những khát khao này là đặc điểm sự thoái hóa của đứa trẻ không được giúp đỡ trong những ngày đầu tiên của cuộc đời và cũng là người đã tích tụ một sự chán ghét đối với môi trường và những hoạt động. Đứa trẻ là người muốn được người khác giúp đỡ, muốn có người hầu, muốn được đưa đi hoặc được chở đi trong xe nôi, ngủ nhiều và từ chối giao tiếp với người khác. Đây là những đặc điểm mà tự nhiên đã chỉ ra là thuộc về quá trình thoái hóa. Đây là những đặc điểm cần được nhận thấy, phân tích và được miêu tả là xu hướng quay trở lại đời sống phôi thai. Người được sinh ra và phát triển bình thường sẽ hướng tới tự do. Người chối bỏ nó là kẻ thoái hóa.

Một vấn đề giáo dục to lớn khác cũng hiện ra trước mắt chúng ta với những đứa trẻ thoái hóa này. Làm sao để chữa trị tình trạng thoái hóa? Sự thoái hóa hồi quy làm chậm hoặc bóp

méo quá trình phát triển bình thường. Đứa trẻ bị bóp méo không dành chút tình yêu nào cho môi trường, vì môi trường đặt ra quá nhiều khó khăn, quá nhiều cản trở. Ngày nay, đứa trẻ lạc lối chiếm vị trí trung tâm trong lĩnh vực khoa học nghiên cứu về tâm lý mà chúng ta gọi là 'ngành tâm lý-tâm thần học'. Giáo dục học thuyết giảng rằng môi trường phải tạo ra ít chương ngại nhất. Vì thế, nó cố tìm cách giảm nhẹ những chương ngại và vật cản có thể tránh được mà môi trường đặt ra cho trẻ, và nếu có thể, trừ khử tất cả chúng. Ngày nay, chúng ta cố gắng thu hút sự quan tâm đến với môi trường. Môi trường phải được làm cho dễ chịu, đẹp đẽ vì điều đó là cần thiết để, nhất là với trường hợp của người cảm thấy chán ghét môi trường, khơi gợi sự đồng cảm và yêu mến dành cho nó. Môi trường phải được làm cho càng hấp dẫn càng tốt để giải trừ những cảm giác thờ ơ và chán ghét. Chúng ta phải cho trẻ những hoạt động thoải mái, vì chúng ta biết rằng thông qua hoạt động mà sự phát triển được diễn ra. Môi trường phải có nhiều động lực cho những hoạt động thú vị để mời gọi trẻ thực hiện những trải nghiệm của mình đối với môi trường. Đây là những nguyên tắc rõ ràng cho bọn trẻ kém phát triển, những nguyên tắc được chỉ đạo bởi cuộc sống, bởi tự nhiên. Những nguyên tắc này còn giúp những người đang sở hữu những đặc tính thoái hóa có khuynh hướng thay đổi từ ỉu rũ đến khát khao lao động, từ trạng thái hoang hốt mà thỉnh thoảng tự chuyển hóa thành sự gắn bó với một người nào đó mà họ không bao giờ muốn rời xa, đến sự tự do của niềm vui, sự tự do được tiến về những cuộc chinh phục cuộc đời.

Từ trạng thái tĩnh tới trạng thái động! Đó là phương thức chữa trị, cũng là con đường của sự phát triển dành cho đứa trẻ bình thường. Nếu phải tạo dựng một nền giáo dục mới, thì đây phải là cơ sở và theo đúng quy luật của tự nhiên.

10

NHỮNG ĐIỀU CẦN QUAN TÂM Ở GIAI ĐOẠN ĐẦU TIÊN CỦA CUỘC ĐỜI

Trí tuệ thâm thấu của đứa trẻ tự định hướng trong môi trường, vì thế cần phải chuẩn bị môi trường một cách cẩn trọng.

Chúng ta phải nhớ rằng, có rất nhiều giai đoạn khác nhau trong quá trình trưởng thành của đứa trẻ. Giai đoạn ngay sau khi ra đời là một giai đoạn quan trọng đến nỗi không thể viết hết về nó trong một cuốn sách ngắn ngủi như thế này. Tôi cảm thấy rằng trong tương lai sẽ có những người chuyên về lĩnh vực nghiên cứu này, hiện tại thì mới chỉ có một số rất ít.

Nếu chúng ta nghiên cứu động vật, chúng ta sẽ thấy rằng tự nhiên đã cung ứng những phương thức bảo vệ đặc biệt cho động vật có vú, trao tặng sự chăm sóc đặc biệt cho chúng ở giai đoạn này. Tự nhiên đã sắp xếp rằng những người mẹ sẽ tự tách mình ra khỏi các thành viên khác trong đàn ngay trước khi chúng sinh con và tiếp tục sống biệt lập một thời gian trước khi quay trở lại. Điều này hiện ra rất rõ ở những động vật sống thành bầy đàn.

Ngựa, bò, voi, sói, hươu, nai, chó, tất cả đều diễn ra quá trình này. Trong suốt khoảng thời gian này thì con non mới sinh có thời gian để tự thích ứng với môi trường mới, cộng với tình yêu, sự dịu dặt cẩn trọng và sự chăm sóc ân cần của người mẹ. Ở giai đoạn này, đứa trẻ-con vật dần dần biểu lộ những hành vi của giống loài mình. Trong suốt giai đoạn biệt lập ngắn ngủi này, con nhỏ có một phản ứng tâm lý liên tục đối với tất cả những kích thích của môi trường, và phản ứng đó đáp lại những đặc tính đặc trưng hành vi của giống loài. Vì thế, khi người mẹ quay lại bầu cùng con của mình, con vật nhỏ đã chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc sống riêng. Nó đã có sự chuẩn bị cả ở phương diện tâm lý chứ không chỉ đơn thuần ở phương diện thể chất.

Đứa trẻ không có hành vi cố định nào nhưng đứa trẻ phải hấp thụ môi trường, vì thế cần thiết phải có sự quan tâm đặc biệt tới môi trường xung quanh đứa trẻ sơ sinh. Sự quan tâm chăm sóc này có tầm quan trọng tối đa để có thể trợ giúp sự hấp thụ môi trường, để cho đứa trẻ có thể cảm thấy gắn bó thay vì chán ghét, và không hình thành những hiện tượng thoái hóa. Sự tiến triển, sinh trưởng và phát triển của đứa trẻ phụ thuộc vào tình yêu đứa trẻ dành cho môi trường. Chúng ta vì thế phải quan tâm sao cho đứa trẻ có thể hấp thụ nó một cách nhiệt tình nhất. Khoa học ngày nay đã rất quan tâm tới điều này. Không cần xét đến quá nhiều chi tiết thì chúng ta cũng có thể đưa ra một số nguyên tắc. Đứa trẻ cần được ở gần mẹ mình càng nhiều càng tốt và môi trường không được đặt ra các chướng ngại, ví dụ như sự khác biệt lớn về nhiệt độ so với nơi đứa trẻ đã quen thuộc trước khi sinh ra. Không có quá nhiều ánh sáng, không có quá nhiều tiếng ồn, vì đứa trẻ vừa đến từ một nơi đầy yên lặng và tràn ngập bóng tối. Cũng cần quan tâm tới cách đứa trẻ được trông nom và di chuyển. Người ta quen coi đứa trẻ như một đồ vật vô cảm, nó bị ném thẳng vào bồn tắm nóng và bị mặc đồ một cách vội vã và thô bạo (thô bạo theo nghĩa là bất cứ hành vi nào tác động

tới đứa bé sơ sinh, vì trẻ sơ sinh rất dễ mong manh, cả về tinh thần cũng như thể chất). Ngày nay, khoa học đã rút ra kết luận rằng nên tránh đặt vào đứa trẻ mới sinh càng ít càng tốt, và ta không nên mặc đồ cho nó, tốt hơn là nên đặt nó trong một căn phòng có đủ nhiệt độ để giữ ấm và giúp nó tránh những cơn gió lạnh. Cách thức di chuyển đứa trẻ cũng đã thay đổi: đứa trẻ được di chuyển trên một chiếc đệm mềm, thứ tương tự như cái võng, để cho nó có thể ở trong trạng thái thăng bằng và nằm ngang, giống với trạng thái trước khi sinh. Đứa trẻ không nên bị nâng lên hạ xuống mà phải được đối xử như ta đối xử những người bị thương cần sự chăm sóc đặc biệt. Bệnh nhân không bị nâng lên và rồi cho lên xe đẩy và đưa đi mà có cái cang cao bằng giường bệnh, và người bệnh được khiêng rất thận trọng, để tránh nảy hoặc rung. Ngày nay, người ta cũng có xu hướng quan tâm chăm sóc trẻ y hệt như vậy chỉ có điều cần phải tinh tế và hoàn hảo hơn. Đây còn hơn là mối quan tâm về vấn đề vệ sinh, vì vấn đề vệ sinh lại là một điều hoàn toàn khác. Ngày nay, các y tá chăm sóc trẻ đeo khẩu trang che miệng và mũi, để các vi sinh vật không xâm nhập được vào môi trường của trẻ sơ sinh. Đứa trẻ được bảo vệ hoàn toàn. Ngày nay, bà mẹ và trẻ em được coi là hai cơ quan của một cơ thể đang giao tiếp với nhau. Sự thích ứng với môi trường khi đó diễn ra thuận lợi và tự nhiên hơn cho trẻ, vì giữa người mẹ và đứa trẻ có một mối liên hệ đặc biệt. Nó được coi như một dạng nam châm. Có những lực lượng đặc thù quen thuộc với đứa trẻ tồn tại ở người mẹ và những lực lượng này là sự trợ giúp cần thiết cho đứa trẻ trong những ngày tập thích nghi khó nhọc đầu tiên. Chúng ta có thể nói rằng đứa trẻ đã thay đổi vị trí của mình trong mối quan hệ giữa đứa trẻ và người mẹ. Đứa trẻ giờ đây đã ở ngoài cơ thể của người mẹ trong khi trước đó nó nằm ở bên trong, nhưng giữa mẹ và trẻ luôn có mối quan hệ mật thiết. Mối quan hệ mật thiết và sự gắn bó khăng khít truyền từ người mẹ đến đứa trẻ vẫn vẹn nguyên. Đây là những gì được ghi

nhận trong thời đại ngày nay của chúng ta, nhưng chỉ vài năm trước thôi, điều đầu tiên được thực hiện lúc đứa trẻ ra đời, ngay cả ở những bệnh viện phụ sản tốt nhất, là chia cắt người mẹ khỏi đứa trẻ. Đứa trẻ bị mang đi tắm rồi mới được mang trả lại cho người mẹ. Tự nhiên chỉ cho chúng ta thấy rằng sự quan tâm quá đáng này là không cần thiết cho đứa trẻ trong suốt thời kì thơ ấu. Cũng giống như, sau một quãng thời gian, mẹ mèo không còn giấu mèo con nữa. Do đó, sau một khoảng thời gian ngắn thì đứa bé loài người và người mẹ có thể ra khỏi thế giới biệt lập để bước vào thế giới xã hội.

Thông thường, ngay khi một đứa trẻ được sinh ra, tất cả bà con đều đến thăm đứa bé ấy. Họ vỗ vào đứa trẻ và nói: “Cậu bé mới đáng yêu làm sao, đứa trẻ trông giống y như bố vậy (hoặc mẹ, hoặc cả hai!)”. Họ ôm hôn và nựng đứa trẻ. Hành động này cần được chấm dứt. Bọn trẻ càng giàu có thì chúng càng bất hạnh, bọn trẻ bất hạnh nhất có lẽ đều là con của quốc vương. Thời cổ xưa, khi hoàng hậu hạ sinh người nối dõi cho hoàng tộc, đức vua sẽ tự tay mang đứa trẻ ra trước ban công. Đứa trẻ bé nhỏ được quần trong hàng đồng quần áo, và bị trưng ra trước những người đang tập trung tại quảng trường bên ngoài cung điện. Bạn hãy hình dung điều này và tưởng tượng nó sẽ thúc đẩy sự thoái hóa của đứa trẻ đến thế nào!

Thật thú vị khi nhận ra rằng những vấn đề xã hội của đứa trẻ không giống với của người lớn. Chúng ta cũng có thể nói rằng tình trạng kinh tế gây ảnh hưởng tới người lớn nhưng lại có tác dụng ngược với đứa trẻ. Trong khi giữa những người trưởng thành thì người nghèo là kẻ phải chịu khổ cực, giữa bọn trẻ thì thường bọn trẻ giàu có phải chịu khổ nhất? Trong gia đình giàu có, người mẹ trao đứa trẻ cho một người bảo mẫu để chăm sóc, trong khi người mẹ nghèo tuân theo phương thức đúng đắn là giữ đứa trẻ bên mình. Đứa con của những người mẹ lao động thường nhận được thức ăn giàu dinh dưỡng hơn, vì những

người mẹ như thế thường khỏe mạnh và tạo ra nhiều sữa hơn – thứ có chất lượng tốt hơn những thức ăn của những bà mẹ giàu có, họ không phải lao động và thường trì trệ, vì thế sữa của họ ít và thường có chất lượng không tốt. Đây là một trong những lý do tại sao đứa trẻ lại được trao cho một người bảo mẫu. Người mẹ không thể cho đứa trẻ ăn vì không có lượng sữa thích hợp, và ở thời xưa thì đứa bé được trao cho một người ‘nhũ mẫu’, một người phụ nữ nông dân khỏe mạnh có nhiều sữa chất lượng tốt. Vì thế đã có sự phân cách chung giữa người giàu và người nghèo, trong thế giới của trẻ thì của cải và những giá trị thay đổi tương đồng.

Khi giai đoạn đầu tiên đã qua thì đứa trẻ sẽ vui vẻ thích ứng với môi trường mà không cảm thấy sự ghê sợ nào. Rồi đứa trẻ bắt đầu đi trên con đường tiến tới tính độc lập mà chúng ta đã miêu tả, nơi mà đứa trẻ mở rộng vòng tay của mình trước môi trường, đón nhận môi trường và hấp thụ những tập tục của môi trường nơi đứa trẻ sinh sống.

Hoạt động đầu tiên trong quá trình phát triển này là một cuộc chinh phục, là hoạt động của các giác quan. Các mô xương chưa hoàn thiện, đứa trẻ phải nằm bất động, không có được khả năng cử động các chi, vì thế những hoạt động của đứa trẻ không thuộc dạng vận động. Hoạt động của đứa trẻ chỉ đơn thuần là tâm lý thu nhận những ấn tượng của các giác quan. Đôi mắt của đứa trẻ thì rất tích cực hoạt động, nhưng chúng ta phải nhìn nhận rõ ràng rằng (như khoa học đã miêu tả ở thời hiện đại) đứa trẻ không chỉ bị thu hút bởi ánh sáng. Đứa trẻ không hề thụ động. Đứa trẻ chắc chắn là có tiếp thu các ấn tượng, nhưng đứa trẻ cũng là một người lao động tích cực nghiên cứu môi trường. Đây là một ý tưởng mới, chính đứa trẻ là người *kiếm tìm* những ấn tượng này, đứa trẻ không phải một nạn nhân của ấn tượng tồn tại xung quanh đứa trẻ và đập vào mắt đứa trẻ, mà đứa trẻ là kẻ đi tìm chúng.

Giờ, nếu nhìn vào những loài động vật, chúng ta thấy rằng mắt của chúng cũng giống như mắt của con người, có chức năng như máy ảnh. Nhưng những động vật này có sự chuyên môn hóa trong việc sử dụng nó: chúng hướng tới những thứ đặc thù hơn là những thứ khác vì thế chúng không bị choáng ngợp trước toàn thể môi trường. Sự hướng dẫn nội tại khiến chúng đi theo những con đường nhất định và bằng con mắt của mình, chúng đi theo sự chỉ dẫn của hành vi giống loài mình. Vì thế, chúng tự chỉ đạo bản thân hướng tới những thứ phải làm. Ngay từ giây phút đầu tiên ra đời, các giác quan đã có định hướng, những giác quan tự hoàn thiện và rồi được sử dụng theo đúng chỉ đạo. Mắt của mèo sẽ tự hoàn thiện mình trong ánh sáng mờ ảo của màn đêm (cũng như những sinh vật sống về đêm khác), nhưng con mèo, dù chú ý đến bóng tối, chỉ bị thu hút bởi vật cử động chứ không phải những vật bất động. Ngay khi có thứ gì đó di chuyển trong bóng tối, con mèo vồ lấy ngay và bỏ qua những vật bất động. Vì thế, mèo không có sự ý thức thông thường đối với môi trường, mà chỉ có bản năng hướng về những sự vật đặc thù. Cũng y như vậy, có những loài côn trùng bị thu hút bởi những loài hoa có màu sắc đặc biệt để tìm thức ăn. Giờ, một con sâu vừa mới chui ra từ cái kén không thể có những trải nghiệm, nó có một lực lượng chỉ đạo và mắt sẽ giúp thực hiện chỉ đạo đó. Thông qua lực lượng chỉ đạo này mà hành vi của con vật được hiện thực hóa. Cá thể, không phải nạn nhân hay bị các giác quan điều khiển, các giác quan ở đó và hoạt động để giúp ích cho cá thể tuân theo một chỉ đạo sẵn có.

Đứa trẻ có một khả năng đặc biệt. Những giác quan của đứa trẻ không bị giới hạn như của các động vật kia, nhưng những giác quan của đứa trẻ cũng phục vụ một lực lượng chỉ đạo. Con mèo bị giới hạn và hấp dẫn đối với những di chuyển xung quanh. Đứa trẻ không có những giới hạn như thế. Đứa trẻ quan sát những sự vật quanh mình và thu nhận mọi thứ. Đứa trẻ

không chỉ thu nhận chúng bằng cặp mắt như một chiếc máy ảnh của mình, mà một dạng phản ứng tâm lý-hóa học đã diễn ra để cho những ấn tượng này hình thành một phần thiết yếu trong tâm lý của đứa trẻ. Chúng ta có thể nói- đây là một ấn tượng chứ không phải là một nhận định khoa học - rằng người nào luôn bị các giác quan lôi kéo, là nạn nhân cho các giác quan của chính mình thì người đó là bất thường. Lực lượng chỉ đạo của anh ta có thể vẫn tồn tại, nhưng thay vì hoạt động thì nó lại bị suy yếu theo một khía cạnh nào đó và vì thế người đó trở thành nạn nhân của những giác quan của mình. Do vậy, điều tối quan trọng cần làm là phải quan tâm tới lực lượng chỉ đạo nằm trong đứa trẻ và gìn giữ sự sống cho nó.

Để làm rõ những gì xảy ra trong quá trình hấp thụ môi trường này, tôi muốn làm một phép so sánh. Có một số loài côn trùng trông giống lá cây và một số loài thì trông giống những cái que hay cành cây nhỏ. Những loài côn trùng này cũng giống như những thứ đang diễn ra trong tâm lý của đứa trẻ. Chúng sống nhờ vào cành cây, lá cây và giống cành, lá cây đến nỗi trở thành một phần của môi trường ấy. Điều tương tự cũng xảy ra trong đứa trẻ. Đứa trẻ thu nhận môi trường và biến đổi bản thân một cách tương ứng giống như những con côn trùng lá hay những con trùng que kia. Điều này đích thực là rất thú vị! Ấn tượng mà tự nhiên trao cho chúng lớn đến nỗi một số biến đổi sinh học hoặc tâm lý-hóa học đã khiến chúng trở nên giống với môi trường của mình. Chúng trở thành chính thứ chúng yêu quý. Khả năng hấp thụ môi trường và biến đổi tương ứng này, giờ đã được phát hiện là tồn tại ở tất cả các dạng sống. Một số mang tính thể chất như đối với những côn trùng kể trên, còn với đứa trẻ thì xuất hiện biến đổi mang tính *tinh thần*. Quá trình biến đổi này được coi là một trong những hoạt động vĩ đại nhất của sự sống. Đứa trẻ không nhìn vào sự vật theo cách chúng ta nhìn. Chúng ta có thể nhìn vào một ngôi nhà và nói rằng: “Đẹp thế

chứ!” và rồi chúng ta thấy ấn tượng với một đặc điểm nào đó của ngôi nhà. Nhưng đứa trẻ xây dựng bản thân bằng một phương thức uyên thâm ở giai đoạn đầu tiên của cuộc đời. Chính trong giai đoạn mới ra đời, bằng những khả năng độc nhất của tuổi ẵm ngửa, đứa trẻ có được những đặc tính loài người để phân biệt mình, ví dụ như ngôn ngữ, tôn giáo, đặc điểm chủng tộc... Thế là đứa trẻ bắt đầu học cách thích nghi với môi trường. Trong môi trường đó, đứa trẻ cảm thấy hạnh phúc và mở mang nhận thức về phong tục, ngôn ngữ, v.v... Đứa trẻ xây dựng một khả năng thích nghi với từng môi trường mới. Xây dựng một khả năng thích nghi có nghĩa là gì? Có nghĩa là biến đổi bản thân để ta có thể trở nên phù hợp với môi trường của mình, để môi trường này hình thành một phần trong ta.

Đứa trẻ sống trong môi trường của những người có học thức - họ thường xuyên giao tiếp và có những hành vi ứng xử tinh tế - sẽ có được nhiều từ và nhiều hành vi ứng xử tinh tế hơn một đứa trẻ không được ở trong môi trường như vậy.

Đứa trẻ cần một môi trường để có thể phát triển bản thân. Chấp nhận điều đó, điểm tiếp theo là, chúng ta sẽ phải làm gì? Hình thái môi trường nào phải được chuẩn bị sẵn để có thể trợ giúp được cho đứa trẻ? Đó thực sự là một câu hỏi khó. Nếu chúng ta đang làm việc với một đứa trẻ

3 tuổi, đứa trẻ có thể nói cho

chúng ta biết. Chúng ta phải để hoa và những thứ đẹp đẽ vào môi trường, chúng ta phải tạo động lực cho đứa trẻ phát triển bản thân. Chúng ta có thể dễ dàng nhận ra rằng, môi trường cần có một số động lực nhất định để thúc đẩy hoạt động chức năng của đứa trẻ. Nhưng khi đứa trẻ phải thu nhận môi trường để xây dựng khả năng thích nghi, hình thái môi trường nào chúng ta có thể chuẩn bị cho đứa trẻ? Chỉ có duy nhất một câu trả lời cho vấn đề này: môi trường cho đứa bé mới sinh phải là thế giới, thế giới

là thứ ở xung quanh đứa trẻ! Rõ ràng nếu đứa trẻ muốn có được ngôn ngữ, đứa trẻ phải ở giữa những người nói ngôn ngữ đó; nếu đứa trẻ muốn có được bất cứ năng lực hay khả năng nào thì đứa trẻ phải ở giữa những người thường xuyên sử dụng những năng lực và khả năng đó. Nếu đứa trẻ muốn nắm được phong tục tập quán thì đứa trẻ phải luôn ở với những người mà bản thân họ cũng tuân theo chúng. Đó là lý do chúng tôi nhận ra rằng đứa trẻ sống trong môi trường của những người có học thức – họ thường xuyên giao tiếp và có những hành vi ứng xử tinh tế – sẽ có được nhiều từ và nhiều hành vi ứng xử tinh tế hơn một đứa trẻ không được ở trong môi trường như vậy.

Đây thực sự là một nhận định mang tính đột phá. Nhận định này trái ngược với chuyện đã xảy ra trong vài năm trở lại đây, do tác động của xu hướng chú trọng vệ sinh, người ta đã rút ra kết luận – hay kết luận sai lầm – rằng đứa trẻ phải bị cô lập! Đứa trẻ bị tống vào nhà trẻ. Khi người ta nhận ra rằng nhà trẻ, xét về phương diện vệ sinh vẫn chưa đủ tốt, bệnh viện trở thành hình mẫu lý tưởng và đứa trẻ được để yên không ai động đến và cho ngủ bao nhiêu tùy thích như bệnh nhân vậy. Chúng ta phải nhận ra rằng nếu đây là quá trình phát triển – sự quan tâm đến vệ sinh thái quá này – thực sự là một mối nguy hại cho xã hội. Nếu đứa trẻ bị giữ trong nhà trẻ, một dạng nhà tù, bảo mẫu là người đồng hành duy nhất của đứa trẻ và chẳng có biểu lộ cảm xúc thực sự của tình mẫu tử hay cảm xúc thực sự nào được trao cho đứa trẻ, sẽ có những chướng ngại nghiêm trọng tới sự sinh trưởng và phát triển bình thường của trẻ. Sự chậm phát triển và bất mãn nghiêm trọng do đói khát về tâm lý tình cảm ở đứa trẻ, chắc chắn sẽ xảy ra với hậu quả trầm trọng. Thay vì được ở với mẹ mình, người yêu quý và có mối liên hệ đặc biệt với trẻ, đứa trẻ có một người bảo mẫu không giao tiếp với đứa trẻ vì thói quen vệ sinh khiến bà ta luôn đeo khẩu trang. Thế thì làm sao đứa trẻ có thể học được ngôn ngữ? Nó phải được bảo vệ khỏi ánh mặt trời hoặc

cái lạnh vì thế một cái chụp được úp lên cái xe đẩy và đưa trẻ chỉ nhìn thấy khuôn mặt của người bảo mẫu hay cái chụp và bị chia cắt khỏi tất cả phần còn lại của môi trường. Đứa trẻ càng giàu có thì số phận càng hẩm hiu, cuộc sống đối với chúng không khác một nhà tù. Thay vì có những người mẹ đẹp đẽ dịu dàng thì chúng có những người bảo mẫu – có kinh nghiệm, nhưng lại già nua. Gia đình càng quý tộc bao nhiêu, trẻ càng bị bao bọc bấy nhiêu và cha mẹ càng ít quan tâm tới đứa trẻ. Rất nhiều gia đình gặp con mình một lần mỗi tuần vì ‘bảo mẫu biết cách chăm sóc và dạy dỗ đứa trẻ’. Người mẹ nói rằng: “Tôi không trị được nó.” Sau giai đoạn đó, họ đưa đứa trẻ vào trường nội trú!

Cách đối xử với đứa trẻ thực sự là một vấn đề xã hội và ngày nay chúng ta đã bắt đầu nhận ra cần phải thay đổi. Người ta bắt đầu cảm thấy rất lo lắng, như ở Mỹ hiện nay đã thức tỉnh trước nhu cầu cần có một kiểu trợ giúp mới cho đứa trẻ. Họ nghiên cứu xem đứa trẻ nên được đối xử như thế nào, và đang có một niềm tin dần nhen nhóm rằng ngay từ sớm, ta nên đưa đứa trẻ theo cùng khi đi làm và cho phép đứa trẻ được nhìn mọi thứ càng nhiều càng tốt. Rồi chiếc xe nôi được thiết kế rất cao, vì càng ở cao thì đứa trẻ càng nhìn rõ hơn. Nhà trẻ cũng được đầu tư, chăm sóc, nhiều bức tranh ngộ nghĩnh được treo trên tường và đứa trẻ nằm ở vị trí có thể nhìn thấy toàn bộ môi trường xung quanh chứ không chỉ có mỗi trần nhà. Đây là ngai vàng đầu tiên dành cho đứa trẻ. Ý tưởng này được hiểu là đứa trẻ phải được đặt vào vị trí có thể nhìn thấy mọi thứ.

Sự tiếp nhận ngôn ngữ đặt ra một vấn đề khó khăn hơn, đặc biệt cho những người bảo mẫu mà bản thân họ thuộc về một môi trường xã hội khác đứa trẻ. Một khía cạnh khác của vấn đề được đặt ra ở đây. Đứa trẻ phải được đưa đi cùng chúng ta khi chúng ta nói chuyện với bạn bè của mình. Thông thường, khi chúng ta đi đến nhà một người bạn hoặc khi một người bạn đến thăm chúng ta, đứa trẻ phải đi chỗ khác hay vào nhà trẻ. Nếu chúng

ta muốn giúp đỡ đứa trẻ, chúng ta phải đặt đứa trẻ giữa chúng ta để đứa trẻ có thể thấy cách chúng ta làm việc và có thể nghe được các cuộc trò chuyện. Đứa trẻ không hiểu được chúng một cách có ý thức, nhưng nếu đứa trẻ thấy mọi người xung quanh mình nói chuyện, ăn uống...,

đứa trẻ sẽ thu nhận được một ấn tượng vào tiềm thức và điều này sẽ giúp đứa trẻ phát triển. Khi chúng ta đưa đứa trẻ đi chơi thì *đứa trẻ* sẽ thích cái gì? Chúng ta không thể khẳng định chắc chắn, nhưng chúng ta có thể quan sát đứa trẻ. Ở đây, một lần nữa người

Người lớn phải nhận ra rằng đứa trẻ đang tạo dựng nên một khả năng thích ứng sống còn đối với môi trường và vì thế phải có được mối liên hệ đầy đủ, hoàn thiện với môi trường.

mẹ và những người bảo mẫu đã được huấn luyện đúng đắn, khi họ thấy đứa trẻ quan tâm đến cái gì, họ sẽ dừng lại để đứa trẻ xem xét và kiểm tra sự vật đó bao nhiêu lâu tùy thích. Người bảo mẫu, thay vì đẩy một cái xe nôi chứa mọi thứ trong đó như bà vẫn thường làm hồi xưa, giờ quan tâm đến *đứa trẻ* và khuôn mặt bé nhỏ bừng sáng với niềm hân hoan khi đứa trẻ thấy điều gì hấp dẫn. Thực tế, làm sao chúng ta có thể biết được cái gì sẽ hấp dẫn đứa trẻ vào một ngày đặc thù nào chứ? Chúng ta phải đi theo đứa trẻ thôi. Toàn bộ nhận thức của chúng ta vì thế đã được cách mạng hóa, và cuộc cách mạng này phải được bắt nguồn từ những người trưởng thành. Người lớn phải nhận ra rằng đứa trẻ đang tạo dựng nên một khả năng thích ứng sống còn đối với môi trường và vì thế phải có được mối liên hệ đầy đủ, hoàn thiện với môi trường. Nếu đứa trẻ không thể tạo dựng được khả năng thích ứng này, chúng ta sẽ đối mặt với một vấn đề xã hội ở cấp cao nhất. Tất cả những vấn đề xã hội chúng ta phải đối mặt ngày nay đều do sự thiếu khả năng thích nghi của một người nào đó, ở lĩnh vực đạo đức hoặc trong những lĩnh vực khác. Đây là một

vấn đề cơ bản, một vấn đề mang tầm quan trọng thiết yếu. Kết luận này, dĩ nhiên, chỉ ra một thực tế rằng, việc giáo dục trẻ nhỏ trong tương lai sẽ trở thành mối quan tâm cơ bản và quan trọng nhất của xã hội.

Vậy tại sao trước kia chúng ta lại không nhận ra điều này? Ông cha và tổ tiên chúng ta không biết gì về những điều này nhưng bọn trẻ vẫn cứ lớn lên và loài người vẫn tiếp tục tồn tại. Đây thường là suy nghĩ trong tâm trí của một người khi nghe được điều gì đó mới mẻ! Họ nói: “Tôi đã tự trưởng thành, các con tôi cũng đã trưởng thành và chúng tôi chẳng có cái thuyết nào như thế trước đây hết.” Dù không được chuẩn bị đầy đủ, con người vẫn học được ngôn ngữ và ở một số nước thì một số tập tục đã trở nên mạnh mẽ đến nỗi chúng đã trở thành những định kiến. Chuyện đó xảy ra như thế nào? Tại sao tôi vẫn hòa nhập với chủng tộc của mình được?

Chúng ta hãy xem xét vấn đề này. Một trong những nghiên cứu thú vị nhất là nghiên cứu về hành vi của những nhóm người ở những cấp độ văn minh khác nhau. Những người phương Tây với những tư tưởng siêu hiện đại, họ dường như thông minh hơn chúng ta. Ở hầu hết các nước khác, chúng ta thấy rằng, những người phương Tây hiện đại và giàu có không đối xử ‘khắc nghiệt’ với trẻ. Ở đó, chúng ta thấy rằng đứa trẻ được theo mẹ mình đi khắp nơi. Người mẹ và đứa trẻ như một thể thống nhất. Người mẹ ở đâu là đứa trẻ ở đó. Ở trên phố, người mẹ nói còn đứa trẻ lắng nghe. Người mẹ cãi nhau với một người bán hàng về giá cả, đứa trẻ ở cạnh. Người mẹ làm gì thì đứa trẻ cũng thấy và nghe, và điều đó kéo dài trong bao lâu? Trong suốt quá trình nuôi con bằng sữa mẹ. Người mẹ phải cho con mình bú và vì thế khi bà đi làm hoặc đi ra ngoài thì bà không thể bỏ con mình lại được. Với bà đó không chỉ là chuyện cho đứa trẻ ăn, nó thực sự là vấn đề về sự gắn bó giữa mẹ và con. “Tôi không muốn bỏ mặc con mình, vì tôi yêu chúng”, bà sẽ nói vậy. Tự nhiên đã sắp xếp rằng sữa mẹ

và tình yêu giải quyết vấn đề giúp trẻ thích ứng với môi trường. Vì thế, ở đây hiện ra một bức tranh: người mẹ và đứa trẻ là một thể thống nhất. Khi nền văn minh chưa phá hủy khả năng này, người mẹ yêu đứa trẻ và đưa đứa trẻ đi cùng mình, khắp mọi nơi. Bà nói chắc như đinh đóng cột: “Tôi không tin cậy bất cứ ai chăm con tôi ngoài tôi.” Thế người mẹ này là một quan cai ngục à? Không! Bà đi khắp mọi nơi cùng đứa trẻ. Đứa trẻ nghe người mẹ nói chuyện với nhiều người khác nhau. Bà nói bất cứ điều gì bà phải nói và đứa trẻ tiếp thu. Người ta nói rằng các bà mẹ nói rất nhiều, đúng, vì họ phải hỗ trợ sự phát triển của đứa trẻ và sự thích nghi của đứa trẻ đối với môi trường. Nếu đứa trẻ chỉ nghe những lời người mẹ nói với mình, đứa trẻ sẽ không học được nhiều. Thay vào đó, đứa trẻ được học ngôn ngữ theo cách ngôn ngữ được hình thành. Đó không phải thứ ngôn ngữ chỉ gồm có những từ ngữ rời rạc, đó là thứ ngôn ngữ được đặt trong ngữ cảnh cụ thể. Thật kỳ diệu khi đứa trẻ có thể hấp thụ được thứ ngôn ngữ trong môi trường nơi đứa trẻ sinh sống, nhưng điều này chỉ có thể xảy ra nếu đứa trẻ *sống giữa con người*. Vì thế, tôi nhấn mạnh sự cần thiết của việc đứa trẻ phải được đưa vào thế giới của chúng ta.

Các nhà nghiên cứu dân tộc học đã nghiên cứu những nhóm người khác nhau, chủng tộc hay dân tộc, có những đặc tính khác cần được quan sát ví dụ như cách thức di chuyển đứa trẻ. Những người phụ nữ ở các chủng tộc này thường đặt đứa trẻ lên giường hoặc trong một cái túi và không bế đứa trẻ trên tay. Ở một số nước, đứa trẻ được gắn vào một miếng gỗ và đặt lên vai người mẹ, khi người mẹ đi làm. Một số người kiệu đứa trẻ trên cổ, một số trên lưng, một số dùng một cái giỏ. Nhưng mỗi chủng tộc đều tìm được một cách để mang đứa trẻ bên mình. Họ luôn quan tâm đến vấn đề hô hấp. Đứa trẻ thường di chuyển khi mặt áp vào lưng người mẹ, nên cần quan tâm đến khả năng bị ngạt thở, và thế là những biện pháp phòng ngừa đã được thực hiện. Người

Nhật đặt con mình sao cho cổ đứa trẻ ở phía trên bờ vai của người đang dịu cậu ta. Người lữ hành lần đầu tiên đến Nhật Bản gọi người Nhật là giống người hai đầu. Ở Ấn Độ, đứa trẻ được dịu bên hông, và người da đỏ quấn đứa trẻ trên lưng, đứa trẻ gần như được ở trong một chiếc nôi và được gắn chặt vào lưng người mẹ, mặt quay về sau, để đứa trẻ có thể thấy mọi thứ đằng sau bà. Mỗi đất nước có phong tục và tập quán khác nhau, nhưng đứa trẻ không bao giờ rời xa người mẹ. Trong tâm trí người mẹ không bao giờ có ý nghĩ rằng mình sẽ để đứa trẻ lại phía sau, hai mẹ con gắn bó với nhau như hình với bóng. Ở châu Phi giữa một bộ lạc nọ có một lễ lên ngôi cho một vị nữ vương. Trước sự ngạc nhiên của những nhà truyền giáo đang chứng kiến buổi lễ, vị nữ vương mang đứa trẻ bên mình. Bà không bao giờ nghĩ đến việc để đứa trẻ ở nhà. Một hiện tượng lạ lùng khác ở những người này là giai đoạn cho con bú bằng sữa mẹ kéo dài rất lâu. Ở một số nước quá trình bú mẹ kéo dài một năm, ở những nước khác một năm rưỡi hoặc lên tới hai năm. Điều đó không cần thiết, vì giờ đứa trẻ đã có đủ khả năng ăn bất cứ thứ gì. Thực tế là đứa trẻ đã ăn rất nhiều thứ ngoài sữa mẹ, nhưng vì người mẹ tiếp tục cho đứa trẻ bú, điều đó có nghĩa là bà đưa đứa trẻ đi cùng mình và vì thế đã vô tình bảo đảm sự trợ giúp thích hợp cho một môi trường xã hội hoàn thiện trong quá trình quan trọng này. Những người mẹ không nói gì với đứa trẻ nhưng đứa trẻ có thể quan sát và được đi đây đi đó. Người mẹ đưa đứa trẻ đi và đứa trẻ bắt đầu biết những người trên phố và chợ, xe đẩy và xe buýt. Đứa trẻ nhìn thấy tất cả những điều này mà không cần ai giới thiệu. Khi người mẹ đến chợ và định giá hoa quả, nếu ta nhìn vào khuôn mặt của đứa trẻ bà đang mang bên mình, thật lạ lùng khi thấy sự tập trung chú ý cao độ trong mắt của nó. Người mẹ không biểu lộ xúc cảm gì trên gương mặt nhưng cậu bé thì cực kỳ biểu cảm. Một yếu tố thú vị khác là đứa trẻ được di chuyển không bao giờ khóc, trừ khi đứa trẻ ốm hoặc bị đau. Thỉnh thoảng đứa trẻ ngủ

gục, nhưng đứa trẻ không bao giờ khóc. Giữa vô vàn ảnh chụp ở những đất nước này, ta không bao giờ thấy một đứa trẻ khóc. Những bức ảnh chụp người mẹ tái hiện những thói quen của bà, nhưng vô tình ta lại thấy một đặc điểm chung từ những bức ảnh này là đứa trẻ không khóc, trong khi điều những người ở các nước phương Tây luôn phàn nàn là: “Con tôi luôn quấy khóc” và “mọi người làm gì khi một đứa trẻ khóc?” Chúng ta có thể làm gì? Khóc là một vấn đề ở các nước phương Tây. Ngày nay lời giải của các nhà tâm lý học là: đứa trẻ khóc và bị cáu bẳn, đứa trẻ có từng con khóc và ‘bức bối’, vì đứa trẻ thiếu vắng sự kích thích về mặt tinh thần. Đứa trẻ bị suy dinh dưỡng tinh thần. Đứa trẻ bị giam trong một nhà tù với một người quản giáo nghiêm khắc lúc nào cũng kè kè trên đầu. Phương thức chữa trị duy nhất là đây: đưa đứa trẻ ra khỏi cái ngục đó và cho phép đứa trẻ được bước vào xã hội. Tự nhiên chỉ cho chúng ta cách thức đối xử với đứa trẻ mà đã được tuân theo một cách vô thức ở rất nhiều chủng tộc. Cách đối xử này phải được chúng ta hiểu rõ và áp dụng *có ý thức* trong khi chúng ta sử dụng khả năng quan sát và trí thông minh của mình.

11

NGÔN NGỮ

Chúng ta hãy xem xét sự phát triển của ngôn ngữ ở đứa trẻ. Để hiểu được ngôn ngữ, chúng ta phải suy ngẫm xem ngôn ngữ là gì. Điều đó cơ bản đến nỗi chúng ta gọi nó là nền tảng của cuộc sống. Nhờ có ngôn ngữ con người có thể sinh sống cùng nhau. Nó mang lại sự biến đổi của môi trường mà chúng ta gọi là nền văn minh.

Có một điểm trọng tâm phân biệt loài người: loài người không được chỉ dẫn phải làm cái này hay cái kia theo những nhiệm vụ định sẵn như động vật. Chúng ta không bao giờ biết được con người sẽ làm gì, vì thế con người phải hợp tác với nhau nếu không thì họ không thể làm được gì hết. Để có thể hòa thuận và để có thể cùng nhau thực hiện các quyết định sáng suốt, thì tư duy thôi chưa đủ, dù tất cả chúng ta đều là thiên tài đi chăng nữa. Điều *thực sự* cần thiết là chúng ta phải thấu hiểu lẫn nhau. Sự thấu hiểu lẫn nhau này chỉ có thể thực hiện được nhờ ngôn ngữ. Ngôn ngữ là công cụ để cùng nhau suy nghĩ. Ngôn ngữ không tồn tại trên trái đất cho tới khi con người xuất hiện. Nhưng rốt cuộc thì nó là cái gì? Chỉ một hơi thở, một chuỗi những âm thanh được đặt cùng nhau thậm chí còn chẳng logic, chỉ là được đặt lại cùng nhau.

Âm thanh không có tính logic, tập hợp những âm thanh xuất hiện khi chúng ta nói từ 'cái đĩa' chẳng có chút logic nào trong bản thân chúng cả. Âm thanh trở nên có logic khi con người đã đồng ý rằng những âm thanh đặc thù kia sẽ đại diện cho một ý nghĩa nhất định. Ngôn ngữ là biểu lộ của sự đồng thuận giữa một nhóm người, và chỉ có *nhóm người đã đồng ý* với những âm thanh đó mới có thể hiểu được chúng. Những nhóm khác có những âm thanh khác để đại diện cho cùng một ý tưởng. Ngôn ngữ là một dạng tường bao bọc lấy một nhóm người và chia cắt họ khỏi những nhóm người khác. Đó là lý do tại sao ngôn ngữ đã trở nên gần như là một hiện tượng kỳ bí, nó hợp nhất những nhóm người lại thậm chí còn hơn cả những tư tưởng về dân tộc. Con người được hợp nhất bởi ngôn ngữ, và ngôn ngữ đã trở nên phức tạp khi những ý nghĩ của con người trở nên phức tạp; nó phát triển cùng với cách suy nghĩ của con người.

Điều lý thú ở đây là những âm thanh được dùng để tạo nên từ thì rất ít, nhưng chúng lại có thể được hợp nhất lại với nhau bằng rất nhiều cách để tạo nên rất nhiều từ. Những cách kết nối những âm thanh này lại với nhau mới phức tạp làm sao! Lúc thì một âm thanh này được đặt trước âm thanh kia, lúc thì sau một âm thanh khác, lúc nhẹ nhàng, lúc lại đầy uy lực... Phải cần đến một trí nhớ kinh khủng để nhớ được tất cả chúng và những ý tưởng được bộc lộ qua đó. Rồi đến bản thân tư duy nữa, với tư cách là một tổng thể, thứ phải được biểu đạt và điều này được thực hiện bởi một nhóm các từ gọi là một câu. Những từ ngữ phải được đặt trong một trật tự đặc biệt trong câu đó để có thể tuân theo suy nghĩ của con người chứ không phải cứ xâu chuỗi một loạt các sự vật trong tự nhiên. Vì thế phải có một tập hợp các quy luật để hướng người nghe đến với ý nghĩ chủ định của người nói. Nếu một người muốn biểu đạt một suy nghĩ, anh ta phải đặt tên cho đối tượng cần nói tới ở đây với một tính từ và danh từ đi kèm. Chi quan tâm đến số lượng từ được sử dụng là

không đủ, phải chú ý đến cả vị trí của chúng nữa. Nếu chúng ta muốn kiểm tra việc này, chúng ta sẽ lấy một câu có nghĩa rõ ràng, viết nó ra, cắt câu đã được viết ra thành những từ tách biệt rồi trộn chúng lại, câu sẽ không có nghĩa mặc dù vẫn có đúng y nguyên số từ như vậy. Vì thế ở đây cũng phải có một sự đồng thuận giữa con người. Ngôn ngữ vì thế phải được gọi là sự biểu lộ của một trí thông minh tuyệt đỉnh. Mới nhìn qua thì chúng ta cho rằng ngôn ngữ là một khả năng mà tự nhiên ban tặng cho chúng ta, nhưng sau khi nghiên ngẫm kỹ, chúng ta nhận ra rằng nó còn vượt tầm của tự nhiên. Nó là một sáng tạo siêu tự nhiên được sản sinh ra bởi trí thông minh của tập thể có ý thức. Xung quanh ngôn ngữ phát triển một dạng mạng lưới trải dài, nâng cao và không có giới hạn đối với sự trải rộng và phát triển kia, vì thế đã có những ngôn ngữ vô cùng phức tạp và không thể lưu giữ được, chúng bị chìm vào quên lãng. Chúng phát triển tới một mức độ nhất định và trở nên phức tạp đến mức ta không thể nhớ được, sau đó biến mất. Nếu ta muốn học tiếng Phạn hoặc tiếng Latin, chúng ta sẽ phải học trong tám năm, mười năm và thậm chí cả khi đó thì ta cũng không thể nói được ngôn ngữ này một cách hoàn thiện và chín chu nhất.

Không có gì bí ẩn hơn thực tế hàm ẩn là để làm được một việc gì đó, con người phải tập trung lại đồng thuận với nhau và để làm được điều đó họ phải dùng tới ngôn ngữ – thứ công cụ trừu tượng bậc nhất này.

Vấn đề này luôn là mối lo ngại của loài người, nhưng nó *phải* được giải quyết, vì ngôn ngữ phải được trao cho đứa trẻ mới sinh. Những quan tâm đến vấn đề này đã dẫn con người suy nghĩ và nhận ra rằng chính *đứa trẻ* là người hấp thụ ngôn ngữ. Quá trình hấp thụ này thực sự lớn lao và bí ẩn mà con người vẫn chưa tìm hiểu rõ được. Ta nói: “Trẻ em ở giữa những người đang nói chuyện, thế là chúng biết nói chuyện.” Đây đúng thật là một lời phát biểu thâm sâu, đặc biệt khi ta thấy được sự phức tạp của

quá trình thẩm thấu ngôn ngữ. Nhưng con người đã trải qua hàng nghìn năm nghĩ về nó một cách rất hời hợt.

Một ý tưởng khác đã len lỏi vào trong tâm trí con người trong quá trình nghiên cứu vấn đề của ngôn ngữ: một ngôn ngữ để học được có thể khó và phức tạp đối với chúng ta nhưng nó lại đã từng được nói bởi một tộc người thiểu văn minh của đất nước ngôn ngữ này thuộc về. Latin là một ngôn ngữ khó, thậm chí đối với cả những người nói những ngôn ngữ hiện đại phát triển từ tiếng Latin, nhưng ngôn ngữ những người nô lệ ở đế quốc La Mã nói là thứ tiếng Latin khó khăn và phức tạp này! Những người nông dân kém ăn học nói gì khi họ lao động trên đồng ruộng? Thứ ngôn ngữ Latin phức tạp này chứ đâu! Và bọn trẻ 3 tuổi nói gì trong thời đế chế La Mã này? Chúng biểu lộ bản thân bằng tiếng Latin phức tạp và hiểu thứ tiếng này khi người ta nói cho chúng nghe. Có lẽ cũng y hệt thế ở Ấn Độ. Rất lâu trước đây, những người lao động trên ruộng đồng và lang thang trong các khu rừng rậm nói tiếng Phạn. Ngày nay bí ẩn này khơi dậy sự tò mò và kết quả là sự phát triển ngôn ngữ ở trẻ đã nhận được sự quan tâm. Chúng ta hãy nhớ lại rằng, đó là *sự phát triển, chứ không phải sự dạy dỗ*. Người mẹ không dạy ngôn ngữ cho con mình. Ngôn ngữ phát triển một cách tự nhiên tựa như một sáng tạo không trù tính. Và điều khiến chúng ta bất ngờ là ngôn ngữ phát triển dựa trên những quy luật nhất định và ở từng thời đại thì sự phát triển đó đạt một tầm cao nhất định. Điều này đúng với mọi trẻ em dù ngôn ngữ thuộc chủng tộc của chúng đơn giản hay phức tạp. Thậm chí, ngày nay cũng có một số ngôn ngữ rất đơn giản được nói ở một số tộc người nguyên thủy, bọn trẻ sống với họ đạt được cùng một sự phát triển trong ngôn ngữ y như đứa trẻ với một ngôn ngữ phức tạp hơn đạt được. Có một giai đoạn đối với mọi đứa trẻ chỉ có những âm tiết mới được thốt ra, rồi từ được nói ra và cuối cùng toàn bộ cú pháp và ngữ pháp được sử dụng một cách hoàn hảo nhất. Những khác biệt

giữa từ giống cái và giống đực, giữa từ số ít và số nhiều, giữa các thời, giữa tiền tố và hậu tố, tất cả đều được đưa trẻ sử dụng. Ngôn ngữ có thể phức tạp và có rất nhiều trường hợp bất quy tắc, nhưng đứa trẻ hấp thụ nó, học tất cả chúng và có thể sử dụng được chúng cùng lúc với đứa trẻ châu Phi học một số từ của ngôn ngữ nguyên thủy của mình.

Nếu nhìn vào quá trình tạo ra âm thanh khác nhau này thì chúng ta cũng nhận thấy nó tuân theo các quy luật. Tất cả các âm thanh tạo nên từ được tạo ra bằng cách sử dụng một số cơ chế nhất định. Thỉnh thoảng mũi được sử dụng cùng với cổ họng, và thỉnh thoảng cần phải điều

Chỉ đứa trẻ mới có thể tạo dựng được cơ chế hoạt động của ngôn ngữ, đứa trẻ có thể nói được bất cứ thứ ngôn ngữ nào một cách hoàn hảo nếu chúng tồn tại trong môi trường của đứa trẻ.

khiến các cơ lưỡi và má... Những phần khác nhau của cơ thể cùng nhau tạo nên cơ chế này. Sự kiến thiết đó hoàn hảo ở tiếng mẹ đẻ, thứ ngôn ngữ được đứa trẻ tự hấp thụ. Đối với một ngôn ngữ nước ngoài, người lớn chúng ta không thể nghe được tất cả các từ, nói gì đến tái tạo chúng. Chúng ta chỉ có thể sử dụng cơ chế ngôn ngữ của chính mình. Chỉ đứa trẻ mới có thể tạo dựng được cơ chế hoạt động của ngôn ngữ, đứa trẻ có thể nói được bất cứ thứ ngôn ngữ nào một cách hoàn hảo nếu chúng tồn tại trong môi trường của đứa trẻ.

Sự kiến thiết này không phải thành quả của lao động có ý thức, mà diễn ra ở tầng sâu nhất trong tiềm thức của đứa trẻ. Đứa trẻ bắt đầu công việc này trong bóng tối của tiềm thức và đó là nơi nó phát triển và tự hình thành một khả năng vĩnh viễn. Chúng ta, người trưởng thành, chỉ có thể có một mong ước là được học một ngôn ngữ và bắt tay vào học nó một cách có ý thức. Chúng ta phải có một khái niệm khác của cơ chế tự nhiên,

hay đúng hơn là siêu tự nhiên diễn ra bên ngoài tầng ý thức, và cơ chế này, hoặc một chuỗi những cơ chế này, thì thật lý thú. Chúng diễn ra trong một hố sâu không có đường tiếp cận trực tiếp cho những nhà quan sát trưởng thành. Chỉ những biểu lộ bên ngoài mới có thể được nhìn thấy, nhưng bản thân chúng lại rất rõ ràng nếu chúng ta quan sát chúng cẩn thận, vì chúng diễn ra ở mọi người. Đặc biệt nổi bật là việc những âm thanh của mọi ngôn ngữ đều giữ được sự thuần khiết từ đời này đến đời khác; một điều kỳ thú khác là những điểm phức tạp cũng được hấp thu dễ dàng như những điểm đơn giản vậy. Không đứa trẻ nào cảm thấy ‘mệt mỏi’ với việc học tiếng mẹ đẻ, cơ chế hoạt động của đứa trẻ giúp đứa trẻ trau chuốt ngôn ngữ của mình một cách hoàn hảo nhất.

Trong tâm trí tôi hiện lên một phép so sánh về cách hấp thụ ngôn ngữ của đứa trẻ. Nó cũng giống như khi ta trải nghiệm với một bức tranh. Nếu, giả thử, chúng ta muốn vẽ một cái gì đó, chúng ta cầm bút chì hoặc bút màu và vẽ nó, nhưng chúng ta cũng có thể chụp bức ảnh của vật đó và rồi cơ chế hoạt động của nó sẽ khác. Bức ảnh của một người được tráng ở một tấm phim. Tấm phim này không phải làm gì nhiều, và nếu thay vì một người ta có một nhóm mười người cần được chụp ảnh, tấm phim cũng sẽ chẳng phải làm nhiều việc hơn trước đó; cơ chế hoạt động của nó diễn ra ngay lập tức. Chụp một nghìn người cũng sẽ dễ dàng như vậy nếu chúng ta có một chiếc máy ảnh đủ lớn. Nếu chúng ta chụp ảnh tựa đề của một cuốn sách, hay nếu chúng ta chụp một trang toàn những ký tự nước ngoài nhỏ bé trong cuốn sách đó, tấm phim cũng tốn đúng công sức như vậy. Vậy là cơ chế hoạt động của tấm phim có thể chụp được mọi thứ, đơn giản hay phức tạp, chỉ trong tích tắc. Trong khi đó, nếu chúng ta phải vẽ một người nào đó thì sẽ mất một khoảng thời gian, và nếu chúng ta phải vẽ mười người thì sẽ mất nhiều thời gian hơn. Nếu chúng ta sao chép tựa đề của của một cuốn sách thì cũng sẽ mất một khoảng thời gian, nếu chúng ta phải tỉ mỉ

sao chép một trang toàn những ký tự nhỏ bé chữ nước ngoài thì sẽ càng mất nhiều thời gian hơn.

Rồi thì bức ảnh được chụp trắng trong bóng tối và tiếp tục trong bóng tối nó trải qua giai đoạn rửa ảnh, rồi nó được chỉnh, vẫn tiếp tục trong bóng tối, và cuối cùng nó có thể ra ngoài ánh sáng và *không chỉnh sửa được nữa*. Cơ chế hoạt động của tâm lý đối với ngôn ngữ trong đứa trẻ cũng vậy. Nó bắt đầu từ tận sâu trong bóng tối của tiềm thức, được phát triển và định hình ở đó, và rồi được công khai. Chắc chắn là *phải* tồn tại một cơ chế hoạt động nào đó, (dù tôi có thực hiện một phép so sánh thích hợp hay không) để ta có thể hiểu được ngôn ngữ. Một khi ta đã hình dung ra được hoạt động bí ẩn này, ta muốn tìm hiểu xem nó diễn ra như thế nào. Vì thế ngày nay có một mối quan tâm sâu sắc tới nghiên cứu đặc tính bí ẩn của tiềm thức thâm sâu này.

Điều này tuy thế chỉ là một phần của hoạt động quan sát mà người trưởng thành có thể thực hiện: phần kia là quan sát những biểu hiện bên ngoài, vì chỉ với những biểu hiện bên ngoài này mà chúng ta có bằng chứng tồn tại của chúng; nhưng quan sát này phải chính xác, những quan sát đã được thực hiện ngày này qua ngày khác từ thời điểm ra đời tới năm 2 tuổi trở lên: điều gì xảy ra ở mỗi ngày đó, sự phát triển tồn tại ở một giai đoạn trong bao lâu... Từ những quan sát này, một số điểm nổi trội thành những cột mốc. Chúng đã hé lộ sự thật là có một sự phát triển nội tại bí ẩn rất lớn lao, trong khi biểu lộ tương ứng hiện ra bên ngoài thì rất nhỏ bé, vì thế rõ ràng có một sự bất cân xứng giữa hoạt động của đời sống nội tại với biểu hiện ngoại tại. Một điểm nổi bật khác trong tất cả những quan sát của biểu lộ bên ngoài là không có một sự phát triển tịnh tiến đều đặn, mà sự phát triển thể hiện theo từng đợt từng cơn. Có cuộc chinh phục âm tiết, ví dụ thế, tại một thời điểm nhất định và rồi hàng tháng trời đứa trẻ không thốt ra điều gì ngoài những âm tiết – không có một sự phát triển thể hiện ra ngoài nào. Rồi đột nhiên đứa trẻ nói ra một

từ, rồi đứa trẻ chỉ nói một hoặc hai từ trong khoảng thời gian dài. Rồi lại dường như không có tiến triển gì và ta gần như cảm thấy chán nản trước tiến trình phát triển thể hiện ra ngoài chậm chạp này. Nó dường như thật ỉ ạch, nhưng các cử chỉ hành vi đã hé lộ cho chúng ta biết rằng đời sống nội tại đang có sự tiến triển liên tục và mạnh mẽ.

Chẳng phải điều này cũng được minh họa trong đời sống xã hội sao? Nếu nhìn vào lịch sử, chúng ta thấy rằng con người trong hàng thế kỷ đã sống ở cùng một cấp độ, nguyên thủy, ngu muội, bảo thủ, không có khả năng phát triển; nhưng đây chỉ là biểu hiện ra ngoài được thấy trong lịch sử. Có một sự sinh trưởng nội tại liên tục tiếp diễn, cho tới khi một sự bùng nổ đột nhiên xuất hiện! Và rồi một giai đoạn bình lặng và ít có sự phát triển bộc lộ ra ngoài tiếp diễn và rồi lại có một biểu lộ nữa!

Với đứa trẻ và ngôn ngữ của loài người cũng vậy. Không chỉ có một sự phát triển đều đặn từng từ một, mà còn có những hiện tượng bùng nổ, như các nhà tâm lý học gọi thế, diễn ra mà không có sự can thiệp của lý trí hay giáo dục kiến thức. Tại một thời điểm sống của mỗi đứa trẻ đều thành linh xuất hiện dòng thác ngôn từ này, tất cả đều được phát âm một cách chuẩn xác. Trong vòng ba tháng, đứa trẻ đã sử dụng dễ dàng tất cả các dạng thức phức tạp của từ, hậu tố, tiền tố và các động từ. Tất cả những điều này xảy ra khi đứa trẻ được 2 tuổi. Vì thế chúng ta phải cảm thấy hân hoan trước hành động này của đứa trẻ và kiên nhẫn chờ đợi. Những hiện tượng bùng nổ và những cơn bùng nổ cảm xúc này tiếp tục cho tới khi ngoài 2 tuổi. Việc sử dụng những câu đơn và câu phức, việc sử dụng động từ ở tất cả các thời và thức, thậm chí cả ở lối cầu khiến, cách sử dụng mệnh đề phụ và mệnh đề quan hệ xuất hiện một cách thành linh và đầy bùng nổ ở giai đoạn này. Thế là sự biểu lộ ngôn ngữ của một nhóm người (một dân tộc, một cấp bậc xã hội...) mà đứa trẻ thuộc về đã được hoàn thành. Món quà quý giá được chuẩn

bị sẵn bởi tiềm thức này đã được trao cho ý thức, và đứa trẻ, hoàn toàn làm chủ khả năng mới mẻ này, nói, nói, và nói, cho tới khi người lớn phải thốt lên: “Con làm ơn im lặng một chút được không!”

Sau cột mốc vĩ đại lúc 2 tuổi rưỡi này, thứ dường như ám chỉ một ranh giới của trí thông minh khi con người được hình thành, ngôn ngữ vẫn tiếp tục phát triển, không còn các cuộc bùng nổ, nhưng vẫn sống động. Giai đoạn thứ hai kéo dài từ 2 tuổi rưỡi tới 4 tuổi rưỡi hoặc 5 tuổi. Đây là giai đoạn mà đứa trẻ học rất nhiều từ và hoàn thiện cách đặt câu. Chắc chắn rằng nếu đứa trẻ ở trong một môi trường dùng ít từ ngữ hoặc dùng những từ ‘lóng’, đứa trẻ sẽ chỉ dùng những từ đó thôi, nhưng nếu đứa trẻ sống trong một môi trường đầy những câu nói có văn hóa và lượng từ phong phú, đứa trẻ sẽ định hình và tiếp nhận. Nhiều mối quan tâm lớn đã chú ý vào sự kiện này. Ở Bỉ, những nhà quan sát khoa học phát hiện ra rằng đứa trẻ mới 2 tuổi rưỡi đã biết hai trăm từ, nhưng tới khi 5 tuổi đứa trẻ đã biết và sử dụng được hàng nghìn từ, và tất cả những điều này diễn ra mà không có giáo viên nào; đó là sự học hỏi tự nhiên. Sau khi đứa trẻ đã học tất cả những điều này, chúng ta cho phép đứa trẻ đến trường và nói: “Tôi sẽ dạy em bảng chữ cái!”

Chúng ta phải có cái nhìn rõ ràng về con đường song hành đã luôn được đi qua này: phần thuộc hoạt động tiềm thức để học ngôn ngữ và phần thuộc về ý thức dần dần xuất hiện và lấy những gì tiềm thức ban tặng. Và rồi cuối cùng thì chúng ta có gì? CON NGƯỜI – đứa trẻ 5 tuổi – người có thể nói tốt ngôn ngữ của mình, biết và sử dụng được tất cả các quy luật. Đứa trẻ không hiện thực hóa được tất cả những thành quả tiềm thức, nhưng trên thực tế đứa trẻ là CON NGƯỜI đã sáng tạo ra ngôn ngữ. Đứa trẻ đã tạo ra nó cho bản thân. Nếu đứa trẻ không có những khả năng này và không tự động tiếp thu ngôn ngữ thì sẽ không thể làm được bất cứ điều gì giữa thế giới loài người và

sẽ không có nền văn minh nào. Chúng ta thấy, vì thế, tầm quan trọng của CON NGƯỜI trong giai đoạn này: đưa trẻ *kiến thiết* tất cả. Nếu không có đứa trẻ, nền văn minh sẽ không tồn tại vì đứa trẻ đã một mình kiến tạo nên nền tảng của nó. Vì thế chúng ta phải hỗ trợ trẻ hết mức có thể và không để trẻ tự dò dẫm một mình.

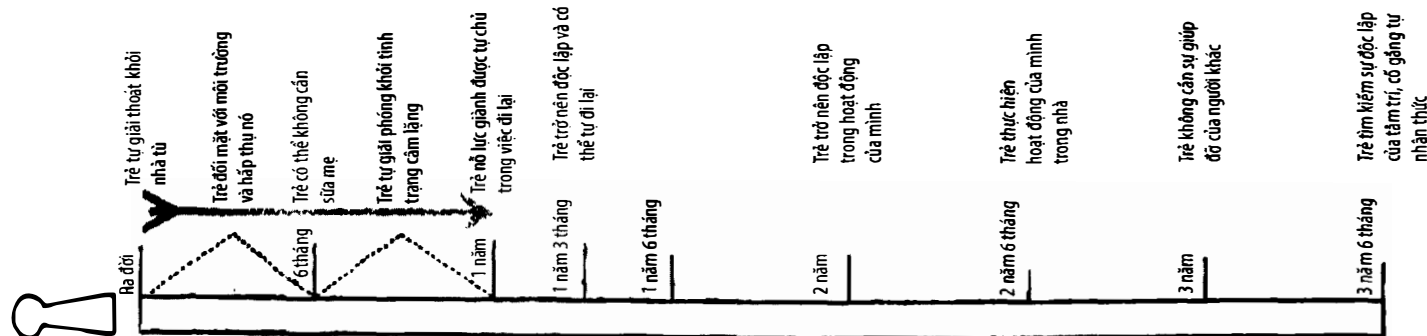
NIỀM VUI

KHÔNG THỂ BỊ ÉP BUỘC

HOẠT ĐỘNG

NHIỆT TÌNH

KHUYNH HƯỚNG SỐNG CÒN ĐI TỚI TÍNH TỰ CHỦ



Sự thoái trào & cú sốc khi ra đời

Sự chậm trễ của tất cả các hình thái vật chất tự nhiên của tính độc lập (đi, lại, nói năng...)

Trẻ trốn vào giấc ngủ - trẻ hoảng sợ khi thức dậy - thường gặp ác mộng

Trốn tránh môi trường (tìm chỗ trú ẩn ở nhà, gần người thân, đặc biệt mẹ mình - tìm kiếm người đồng hành lâu dài - tìm kiếm sự bảo vệ - trẻ sợ mẹ bỏ rơi - sự gần bó đầy lo âu - đứa trẻ muốn người khác hành động cho mình - trẻ muốn được cho ăn)

Hô hấp khó khăn

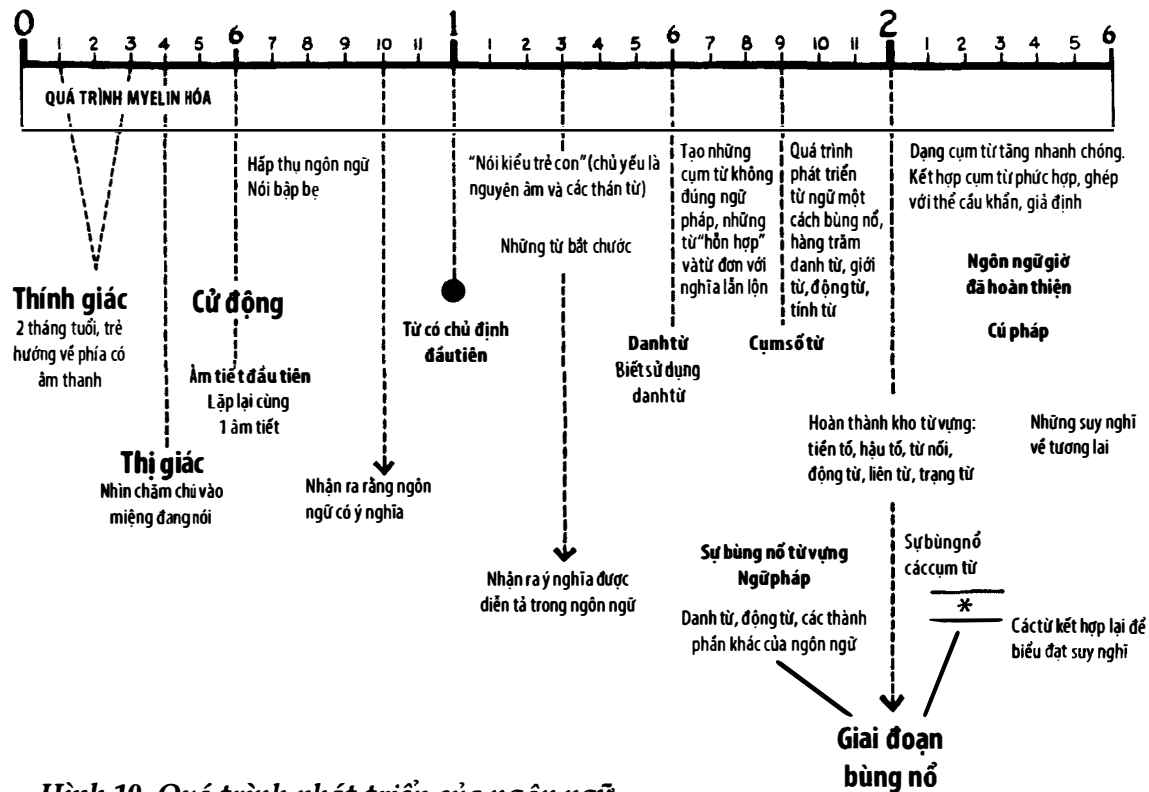
Khóc, mè nheo, buồn ủ rũ - lười nhác - trì trệ - sợ hãi - chán nản.

Cách chữa:

Sự lôi cuốn của môi trường - những hoạt động thú vị ứng với cấp độ của sự phát triển tâm lý tự nhiên được ở cùng với những trẻ khác

Môi trường phải có càng ít chương ngại càng tốt.

Hình 9



Hình 10. Quá trình phát triển của ngôn ngữ

12

CƠ CHẾ SÁNG TẠO NGÔN NGỮ

Điều tôi muốn minh họa ở đây sẽ nhận được ít sự đồng cảm, vì người trưởng thành luôn nghĩ mình ở trên mọi cơ chế và sống ở thế giới trừu tượng. Dù thế nào thì những cơ chế tuyệt vời này cũng rất thú vị. Các cơ chế là những thứ cơ bản, chúng là những thực thể vật chất. Những thứ vật chất không chỉ gồm có máu thịt, mà còn có cả các cơ chế hoạt động nữa. Tất cả đều biết rằng trong cơ chế hoạt động của hệ thần kinh thì có những cơ quan cảm giác, các dây thần kinh, trung khu thần kinh và các cơ quan vận động. Thực tế, có một cơ chế liên quan tới ngôn ngữ dường như tồn tại trên cả những thực thể vật chất ấy. Cho tới tận cuối thế kỷ trước, người ta mới phát hiện ra các trung tâm của não điều hành ngôn ngữ. Có hai trung khu đặc biệt trong phần vỏ não điều hành ngôn ngữ: một là trung tâm cho ngôn ngữ *được nghe thấy*, khả năng tiếp nhận âm thanh của ngôn ngữ nói; hai là trung tâm của *sự sản xuất* ngôn ngữ, thứ thuộc về ngôn ngữ nói, vận động. Nếu chúng ta xem xét vấn đề này từ quan điểm tâm lý sẽ thấy cũng có hai trung tâm cơ bản: trung tâm nghe (tai) và trung tâm nói (miệng, cổ họng và mũi...). Hai trung tâm này phát triển tách biệt nhau, cả về khía cạnh tâm lý cũng như tâm sinh lý. Trung

tâm tiếp nhận hay còn gọi là trung tâm nghe thì có liên hệ với phần bí ẩn của tâm lý, nơi ngôn ngữ được phát triển ở sâu thẳm trong tiềm thức và hoạt động của trung tâm vận động được biểu hiện khi chúng ta nói.

Trung tâm thứ hai điều hành các vận động cần thiết cho việc tiết xuất ngôn ngữ thì chậm phát triển hơn và được biểu lộ ra ngoài sau khi tiếp nhận. Tại sao? Vì chính những âm thanh *được nghe* bởi đứa trẻ đã *khơi dậy* những vận động tinh tế mà *tạo ra* âm thanh. Điều này rất hợp lý vì nếu loài người không có một ngôn ngữ được thành lập trước (thực tế là ta không có, xét đến việc ta tự tạo ra ngôn ngữ riêng), thì đứa trẻ cần phải nghe được những âm thanh của ngôn ngữ trước khi có thể tái sản xuất chúng. Vì thế, các vận động tái tạo âm thanh phải được dựa trên một tầng ngầm của những ấn tượng đã được *cảm nhận* (được khắc ghi vào tinh thần) mà vận động phụ thuộc vào.

Điều này rất dễ hiểu và rất hợp lý, nhưng nó không xuất hiện vì lý do hợp lý hay logic, mà vì một cơ chế hoạt động trong tự nhiên. Thế có logic gì ở trong tự nhiên? Đầu tiên ta nhận thấy các *sự việc* rồi sau khi nhìn thấy chúng, ta nói: “Chúng mới logic làm sao!” và rồi: “Hẳn phải có một trí tuệ trực tiếp nào đó đằng sau những hiện tượng này.”

Rõ ràng khi đứa trẻ ra đời, hai hoạt động của ngôn ngữ lắng nghe và ngôn ngữ nói không hề tồn tại. Thế lúc đó có gì tồn tại chứ? Chẳng có gì hết, nhưng đồng thời lại có mọi thứ. Thứ tồn tại là hai trung tâm này, những trung tâm hoàn toàn không có âm thanh hay tính di truyền nào nhưng lại có khả năng tiếp thu ngôn ngữ, và trau chuốt những vận động cần thiết cho việc truyền xuất nó. Hai đặc điểm này là phần cơ chế phát triển ngôn ngữ một cách toàn vẹn nhất. Xem xét kỹ lưỡng hơn về vấn đề này chúng ta thấy rằng cả trực giác lẫn mọi khả năng đều tồn tại và được trung tâm hóa. Cũng dễ nhận thấy rằng sự trau chuốt

ngôn ngữ bắt đầu sau khi trẻ ra đời, vì nó phụ thuộc vào khả năng nghe được ngôn ngữ và trước khi ra đời thì đứa trẻ không thể nghe được gì hết. Các hoạt động phải đến sau đó. Thật tuyệt diệu vì tất cả đều đã được chuẩn bị sẵn để khi đứa trẻ được sinh ra đã có thể bắt đầu công việc của mình.

Giờ chúng ta hãy nghiên cứu cơ quan và cơ chế hoạt động. Sự sáng tạo ra cơ chế này rất tuyệt vời. Chẳng tuyệt vời sao khi ta nghĩ về sự sáng tạo đôi tai (cơ quan của ngôn ngữ nghe) trước khi đứa trẻ được sinh ra? Trong môi trường bí ẩn đó, công cụ thật tinh tế và tinh xảo này đã phát triển một cách tự phát. Nó mới được kiến tạo một cách tuyệt diệu làm sao, như thể một thiên tài âm nhạc nào đó đã tạo ra nó vậy. Một nhạc sĩ, đúng thế, vì phần trung tâm của tai có dạng một chiếc đàn hạc, có khả năng rung động với những âm thanh khác nhau tùy thuộc vào độ dài của 'các dây đàn'. Chiếc đàn hạc trong tai của chúng ta có 64 'dây', tất cả đều được chơi một cách tuần tự và vì kích thước của tai rất nhỏ nên chúng phải được sắp xếp theo dạng của một chiếc vỏ ốc sên. Điều này mới thông minh làm sao! Tôn trọng giới hạn của không gian, nhưng xây dựng tất cả những điều đó là cần thiết cho những âm thanh hoàn chỉnh. Và ai sẽ là người chơi những dây đàn này? Vì nếu không ai chơi chúng, chiếc đàn hạc sẽ yên lặng giữa bức tường hàng năm trời. Chúng ta thấy một cái trống phía trước cây đàn hạc, và khi có thứ gì đó chạm vào cái trống ấy, một hoặc nhiều dây đàn hạc sẽ rung động; thế là cái trống chơi đàn hạc và chúng ta nghe thấy tiếng nhạc của ngôn từ. Không phải mọi âm thanh trong vũ trụ được đôi tai cảm nhận, vì chỉ có 64 dây đàn mà thôi, nhưng có thể chơi được một bản nhạc khá phức tạp. Nhờ có nó mà một ngôn ngữ, với tất những nét phức tạp và tinh tế của nó, có thể được truyền bá. Và nếu công cụ tinh xảo này đã tự tạo ra chính mình trong đời sống tiền sản bí ẩn kia, tại sao sau khi ra đời thì lại có một thứ khác được tạo ra. Nói cách khác, thứ ngôn ngữ mà đứa trẻ tìm thấy trong môi trường của

mình và phải tự tạo ra nó cho chính bản thân? Chúng ta sẽ sớm có câu trả lời.

Lúc này, chúng ta hãy nhìn vào tự nhiên: tự nhiên mới tuyệt vời và nhanh nhẩu làm sao! Thậm chí nếu đứa trẻ được sinh ra vào lúc mới 7 tháng tuổi, tất cả đều đã hoàn thiện và sẵn sàng. Tự nhiên không bao giờ chậm trễ! Công cụ này truyền dẫn những âm thanh nó nhận được qua các tế bào thần kinh tới não như thế nào, những trung khu đặc biệt được đặt ở đâu để thu nhận những âm thanh này? Điều đó cũng rất bí ẩn, nhưng đây là thực tế của tự nhiên. Điều lý thú là những nhà tâm lý học, người đang nghiên cứu bọn trẻ mới sinh, nói rằng cơ quan cảm giác chậm phát triển nhất là thính giác. Họ thậm chí còn nói rằng đứa trẻ dường như bị điếc. Tất cả những thể loại tiếng động được phát ra xung quanh nhưng đứa trẻ lại không có phản ứng nào. Điều này là bởi vì những trung tâm này là *những trung tâm dành cho ngôn ngữ, cho từ ngữ*, và dường như cơ chế hùng mạnh này phản ứng và hoạt động chỉ trong mối liên hệ với những âm thanh đặc biệt này – từ được nói ra – vì thế nó sẽ kịp thời sản xuất cơ chế của vận động, thứ sẽ tái tạo chính những âm thanh đó.

Nếu không có sự biệt lập đặc thù dành cho những trung tâm này, thử tưởng tượng xem điều gì sẽ xảy ra với con người? Nếu những trung tâm được tự do tiếp nhận *bất cứ thứ gì*, thì đứa trẻ được sinh ra ở trang trại sẽ chỉ ấn tượng trước những âm thanh của trang trại, và sẽ nói: “Ụm bò, ụm bò” và kêu ủa ủa hay cục tác. Đứa trẻ được sinh ra gần ga sẽ chỉ tạo ra những âm thanh của tiếng còi tàu và tiếng xình xích. Chính bởi tự nhiên đã xây dựng và đã *tách biệt* những trung tâm này chỉ tiếp nhận thứ ngôn ngữ con người có thể nói. Đã có những trường hợp những em bé bị bỏ lại trong rừng rậm, và với một sự trợ giúp kỳ diệu nào đó đã sống sót. Bọn trẻ này, dù chúng sống giữa tất cả những tiếng động của chim muông, của nước và của lá rơi nhưng chúng hoàn toàn câm lặng. Chúng không tạo ra bất cứ âm thanh nào,

vì chúng không được nghe những âm thanh của ngôn từ loài người, thứ duy nhất khơi dậy cơ chế của ngôn ngữ nói. Tất cả những điều này tôi muốn nói tới để chỉ ra rằng có một cơ chế đặc biệt cho ngôn ngữ. Điều này phân tách con người, giống loài sở hữu cơ chế này; con người không sở hữu ngôn ngữ, mà sở hữu cơ chế để sản sinh ra ngôn ngữ riêng đặc trưng cho loài người. Ngôn từ là kết quả của một cơ chế công phu được đưa trẻ thực hiện, nhưng bản thân đứa trẻ lại không phải là một cơ chế gì hết.

Chúng ta hãy hình dung bản ngã của thời kỳ bí ẩn này, ngay khi mới sinh, bản ngã chỉ say ngủ. Bản ngã say ngủ này đột nhiên bừng tỉnh và nghe thấy một khúc nhạc tươi vui. Nếu bản ngã bí ẩn này có thể nói, nó sẽ nói là: “Tôi đã bước vào thế giới này rồi, và họ đã chào đón tôi với âm nhạc [âm thanh của ngôn ngữ – BT], một thứ nhạc tuyệt trần, thấm sâu vào tâm hồn đến nỗi cả cơ thể, toàn bộ những thớ thịt của tôi đã bắt đầu rung động. Không thứ âm thanh nào có thể chạm tới tôi, vì âm thanh này chạm tới tâm hồn tôi và tôi sẽ không lắng nghe bất cứ âm thanh nào ngoại trừ tiếng gọi thần thánh này!” Và nếu chúng ta nhớ lại những sức mạnh mang tính thúc đẩy lớn lao tạo ra và gìn giữ cuộc sống này, chúng ta có thể thấy thứ âm nhạc này đã tạo ra một thứ có thể tồn tại mãi mãi như thế nào. Thứ diễn ra trong trí nhớ tiềm thức của đứa trẻ sơ sinh giờ đã tồn tại mãi mãi. Mọi người đều yêu âm nhạc, tạo ra những giai điệu và ngôn ngữ của riêng mình. Mỗi nhóm đáp lại âm nhạc của nhóm mình với những cử động thân thể và thứ âm nhạc gắn với ngôn từ, nhưng những từ ngữ đó tự bản thân nó lại không có ý nghĩa gì, chúng ta mới là người cho chúng ý nghĩa. Ở Ấn Độ có rất nhiều ngôn ngữ, nhưng âm nhạc đã kết nối tất cả. Những ấn tượng của đứa trẻ sơ sinh vẫn được lưu lại. Không có động vật nào tạo ra âm nhạc hay nhảy múa hết, nhưng mọi sắc tộc loài người làm điều đó dù họ ở đâu đi chăng nữa.

Những âm thanh của ngôn ngữ này khi đó được cố định trong tiềm thức. Chúng ta không thể thấy được những thứ đang

diễn ra ở nội tại, nhưng những biểu lộ ngoại tại có thể cho chúng ta một định hướng. Âm thanh đã được cố định và đây là phần không thể thiếu của tiếng mẹ đẻ. Chúng ta có thể gọi nó là bảng chữ cái. Những âm tiết xuất hiện, rồi từ ngữ, chỉ là ngôn ngữ nói vì đứa trẻ thỉnh thoảng sẽ đọc từ một cuốn sách vỡ lòng, mà không hiểu được hết ý nghĩa của nó. Nhưng đứa trẻ hành xử mới thông minh làm sao! Trong bản thân mỗi đứa trẻ có một giáo viên tí hon, giống như một trong những người thầy cổ hủ hay bắt trẻ con phải học thuộc bảng chữ cái, âm tiết, cuối cùng là các từ ngữ. Chỉ có điều, giáo viên loài người làm điều đó vào thời điểm không thích hợp khi đứa trẻ đã có sẵn ngôn ngữ. Người thầy nội tại của đứa trẻ làm mọi điều vào thời điểm thích hợp, vì thế đứa trẻ định hình âm thanh, đến âm tiết. Sau đó các từ ngữ được hình thành và chúng ta bước vào lĩnh vực ngữ pháp. Tên của các sự vật (danh từ) đến đầu tiên. Đây là lý do tại sao đi theo sự chỉ dẫn của tự nhiên lại sáng rọi đến thế, vì tự nhiên là một người thầy, và nó dạy đứa trẻ những phần khô khan nhất của ngôn ngữ. Đó là một ngôi trường đích thực với các phương pháp đúng đắn. Nó dạy về danh từ và tính từ, từ nối và trạng từ, động từ nguyên thể, rồi đến chia động từ, biến đổi câu, tiền tố, hậu tố và tất cả các trường hợp ngoại lệ bất quy tắc. Rồi tới kỳ kiểm tra, đứa trẻ thể hiện rằng mình có thể sử dụng chúng. Chúng ta khi ấy thấy có một giáo viên tốt và một học sinh chăm ngoan đến thế nào, vì đứa trẻ thể hiện một cách chính xác trong bài kiểm tra. Đứa trẻ chẳng thông minh sao? Ta phải vỗ tay khen ngợi đứa trẻ, nhưng chẳng ai chú ý đến đứa trẻ hết. Rất lâu sau đó khi đứa trẻ vào ngôi trường mà người lớn chúng ta đã chọn cho đứa trẻ, đứa trẻ được trao cho một tấm huy chương và chúng ta nói: “Đứa trẻ đã được thầy giáo thông minh dạy dỗ.”

Nhưng chính đứa trẻ mới thực sự là điều kỳ diệu! Đây là điều giáo viên phải thấy ở đứa trẻ: một học sinh đã học theo cách

mà chính bản thân giáo viên cũng không thể làm tốt hơn. Trong vòng hai năm đầu đời, đứa trẻ đã học được mọi thứ! Đây là một thực tế rất đỗi bí ẩn. Chúng ta hãy đi theo những biểu hiện mà đứa trẻ thể hiện ra trong hai năm này, vì nó sẽ giúp chúng ta dễ theo dõi những gì đứa trẻ đã làm được. Khi xem xét những biểu hiện này, chúng ta thấy một sự ý thức dần dần và luôn thức tỉnh rồi đột nhiên, trạng thái ý thức này trở nên chiếm ưu thế và muốn được thống trị tất cả. Khi được 4 tháng tuổi (một số cho là còn sớm hơn nữa, và tôi đồng ý với họ), đứa trẻ nhận ra rằng thứ ngôn ngữ bí ẩn bao bọc lấy đứa trẻ và khiến đứa trẻ xúc động sâu xa này, đến từ miệng người. Chính miệng (khi đôi môi cử động) đã tạo ra ngôn ngữ. Người ta hiếm khi ngộ ra điều này, nhưng nếu quan sát ta sẽ thấy đứa trẻ quan sát cử động môi với sự chú tâm cao độ đến mức nào. Ý thức bắt đầu tác động vào từ đây, vì ý thức giữ một phần quan trọng trong việc thúc đẩy quá trình này. Hiển nhiên, các cử động đã được chuẩn bị trước trong tình trạng vô thức, tất cả những cử động điều phối của những thói quen tí hon không đạt được một cách có ý thức, nhưng ý thức đã đẩy nên mỗi quan tâm, làm sống dậy và tạo dựng một chuỗi những nghiên cứu sắc bén và lanh lợi.

Sau hai tháng quan sát khuôn miệng, đứa trẻ tạo ra những âm thanh của chính mình (vào lúc 6 tháng tuổi). Hoàn toàn bất ngờ, đứa trẻ này, người đã không thể nói được bất cứ điều gì trừ một vài tiếng động đứt quãng, một buổi sáng tỉnh dậy (trước bạn) và bạn nghe thấy đứa trẻ bi ba bi bô: 'Ba-ba-ba', 'Ma-ma-ma'... Chính đứa trẻ là người sáng tạo ra 'ba' và 'mẹ'. Đứa trẻ chỉ nói những âm tiết này rất lâu. Sau một quá trình nỗ lực hết mình, đứa trẻ mới đạt đến mức này. Chúng ta phải nhớ, chính là nỗ lực của bản ngã đã thực hiện một phát kiến và ý thức được những sức mạnh của mình; một *con người* tí hon không còn là một cỗ máy hay cơ chế, mà là một cá thể sử dụng cơ chế.

Chúng ta đã đến với giai đoạn cuối của năm đầu tiên, nhưng trước đó, vào tháng thứ mười, đứa trẻ lại có một phát hiện mới: rằng thứ ngôn ngữ từ miệng người này sở hữu một mục đích. Nó không chỉ đơn giản là âm nhạc. Khi chúng ta nói: “Bé con tí hon, con mới đáng yêu làm sao!”, đứa trẻ nhận ra: “Câu nói này là dành cho *mình*” và thế là đứa trẻ bắt đầu nhận ra có mục đích nào đó ở những âm thanh nhằm vào mình này. Hai điều vì thế đã xảy ra vào giai đoạn cuối của năm đầu tiên: Sâu trong tiềm thức, đứa trẻ đã hiểu được, ở đỉnh cao của nhận thức, đứa trẻ đã tạo ra ngôn ngữ, dù ở thời điểm ấy đó chỉ là những tiếng bập bẹ, chỉ lặp lại những âm thanh và tổ hợp từ ngữ.

Vào lúc 1 tuổi, đứa trẻ nói những từ *có mục đích* đầu tiên. Đứa trẻ vẫn bập bẹ, nhưng đó là tiếng bập bẹ có mục đích, và mục đích nghĩa là trí thông minh có ý thức. Chuyện gì đã xảy ra bên trong đứa trẻ? Nhờ có nghiên cứu, chúng ta biết rằng tâm hồn của mọi đứa trẻ phong phú hơn những gì được thể hiện ra bên ngoài. Đứa trẻ ngày một nhận ra rằng ngôn ngữ đề cập đến môi trường xung quanh và nó bắt đầu bước vào hành trình làm chủ ngôn ngữ bằng ý thức. Ở đây có một sự đấu tranh dữ dội đã xảy ra bên trong đứa trẻ, một sự đấu tranh giữa ý thức và cơ chế. Đó là sự đấu tranh đầu tiên của con người, đó là cuộc chiến đầu tiên giữa các bộ phận trong cơ thể! Để minh họa điều này, tôi có thể dùng chính kinh nghiệm của mình. Tôi biết rất nhiều điều, tôi muốn diễn tả chúng cho những đối tượng nói tiếng Anh, nhưng tôi lại không sử dụng được ngôn ngữ đó. Tôi chỉ biết một chút tiếng Anh và ngôn từ của tôi sẽ chỉ là những tiếng bập bẹ vô dụng. Tôi biết rằng khán giả của mình là rất thông minh và chúng tôi có thể trao đổi các tư tưởng, nhưng, chúa ơi, tôi chỉ có thể nói bập bẹ. Giai đoạn khi trí thông minh có rất nhiều ý tưởng và biết rằng mọi người có thể hiểu được chúng, nhưng lại không thể diễn tả được chúng vì rào cản ngôn ngữ là một giai đoạn

khủng hoảng trong đời sống của đứa trẻ. Nó gọi ra những thất vọng đầu tiên trước cuộc sống. Nếu tôi không có phiên dịch, tôi sẽ phải làm gì? Đứa trẻ có thể làm gì? Đứa trẻ đến ngôi trường trong tiềm thức của mình, và khát vọng của đứa trẻ thúc đẩy đứa trẻ học hỏi. Chính sự thôi thúc có ý thức để có thể tự biểu đạt bản thân đã khiến sự thu nhận ngôn ngữ vội vã này có thể thực hiện được. Hãy thử hình dung ra sự tập trung đứa trẻ dành cho ngôn ngữ vào lúc này!

Một thực thể quá khát khao được biểu đạt bản thân, cần phải tới chỗ một thầy giáo có thể chỉ cho đứa trẻ những ý nghĩa từ ngữ một cách rõ ràng. Chúng ta có thể làm những người thầy như thế không? Không, chúng ta không giúp đứa trẻ gì hết. Chúng ta chỉ đơn thuần là lặp lại những tiếng bập bẹ của chính đứa trẻ. Nếu đứa trẻ không có người thầy nội tại, đứa trẻ sẽ chẳng học được gì hết. Chính người thầy nội tại đã thôi thúc đứa trẻ tới chỗ những người trưởng thành đang *nói chuyện với nhau*, chứ không phải với đứa trẻ. Thôi thúc này buộc đứa trẻ phải nắm được ngôn ngữ một cách chính xác, nhưng chúng ta lại không trao nó cho đứa trẻ. Nhưng chỉ sau 1 tuổi, đứa trẻ đã thực sự có thể tới trường, chịu sự dạy dỗ của thầy cô giáo. Một số người đã hiểu được khó khăn trong giai đoạn giữa 1 tuổi và 2 tuổi này của đứa trẻ, và tầm quan trọng của việc cho đứa trẻ cơ hội để được học một cách chính xác. Chỉ vài ngày trước khi tôi viết những dòng này, tôi nhận được một bức thư từ Ceylon có nội dung như sau: “Chúng tôi mới hạnh phúc làm sao khi giờ nước mình đã có trường học cho đứa con bé bỏng của chúng tôi!” Họ đã hiểu được nhu cầu của trẻ. Chúng ta phải nhận ra rằng từ khi đứa trẻ có được kiến thức về ngữ pháp thì chúng ta có thể nói chuyện với đứa trẻ theo đúng ngữ pháp và giúp đứa trẻ phân tích câu. Giáo viên mới của bọn trẻ trong độ tuổi từ 1 đến 2 tuổi cần biết được sự phát triển ngôn ngữ của trẻ. Người mẹ phải biết được điều đó, vì nó cũng

quan trọng, và giáo viên cần biết nó theo cách khoa học. Chúng ta trở thành người giúp việc của tự nhiên đã tạo ra, của tự nhiên đã dạy dỗ; cả một chương trình học và phương thức mới đã sẵn sàng cho chúng ta.

Tôi có thể làm gì với những tiếng bập bẹ nếu tôi muốn nói một điều gì đó rất quan trọng? Tôi có thể không có đủ sự bình tĩnh, tôi có thể trở nên bất an, bực dọc và bắt đầu khóc. Đó là điều xảy ra với đứa trẻ 1 hoặc 2 tuổi. Đứa trẻ muốn diễn đạt mong muốn của mình với chúng ta nhưng nó lại không thể và khóc lóc. Rồi người lớn thốt lên: “Sao con vô lý vậy !” – (Gì chứ! Đứa trẻ mới được 1 tuổi!) Nguồn gốc của mâu thuẫn là do đứa trẻ 1 tuổi này, tức giận và bạo lực chẳng vì lý do gì hết, đó có thể là điều chúng ta nghĩ. Con người nhỏ bé tội nghiệp đang đấu tranh để đến với độc lập! Bị hiểu lầm đến thế! Và rồi sinh linh tội nghiệp chẳng có ngôn ngữ và khả năng biểu đạt duy nhất là giận dữ này, thậm chí còn chưa có cả *khả năng* tạo ra ngôn ngữ của chính mình. Sự tức giận chỉ đơn thuần là một biểu lộ đến sau những nỗ lực bị đè nén của việc cố gắng tạo ra từ ngữ, và đứa trẻ *đúng là* có cố gắng tạo ra từ ngữ.

Đến giai đoạn 1 tuổi rưỡi, đứa trẻ nhận ra một thực tế khác nữa: ấy là, mỗi vật đều có tên gọi. Điều này thật tuyệt vời vì giữa tất cả những từ ngữ đứa trẻ đã nghe thấy, nó có thể lọc ra danh từ, đặc biệt là những danh từ xác định. Có cả một thế giới đầy những đồ vật, giờ có cả những từ để chỉ những đồ vật này nữa. Bất hạnh thay, chỉ với vốn ngôn ngữ hiện có, đứa trẻ không thể diễn đạt được mọi điều, vì thế đứa trẻ phải dùng một từ để diễn đạt cả một ý tưởng. Những nhà tâm lý học vì thế đã thể hiện một mối quan tâm đặc biệt đến những từ được định ra để diễn đạt cả câu này, và họ gọi chúng là từ tổng hợp, hay ‘câu-một-từ’. Chúng ta hãy giả dụ như cháo được ăn với sữa, đứa trẻ khi đó sẽ gọi to: “Mẹ cháo” nghĩa là: “Mẹ ơi con đói rồi, con muốn ăn một

ít cháo.” Đứa trẻ đang diễn đạt cả một câu chỉ với một từ. Một đặc tính khác của cách nói tổng hợp này, thứ ngôn ngữ gò ép của đứa trẻ này, là có những thay đổi trong chính bản thân những từ ngữ; thường có những từ tắt. Đây là một dạng sửa đổi, một từ tắt của những từ *chúng ta* sử dụng, và thỉnh thoảng chúng lại dẫn đến nỗi chúng ta có thể nghĩ rằng đứa trẻ đang sử dụng một ngôn ngữ ngoại quốc. Có một ‘ngôn ngữ trẻ thơ’, nhưng hiếm người chịu bỏ công ra học nó. Giáo viên của bọn trẻ ở độ tuổi này cần học ngôn ngữ này để có thể giúp và thỏa mãn mong muốn của đứa trẻ.

Tôi có một ví dụ khác, một trường hợp đứa trẻ 1 tuổi rưỡi có thể hiểu nội dung và ý nghĩa của một câu chuyện. Có năm người đang bàn luận về những điểm tốt và không tốt của một cuốn sách truyện dành cho trẻ em. Họ đã bàn luận về việc này được một hồi lâu, và cuộc hội thoại kết thúc với lời nhận xét: “Câu chuyện kết thúc có hậu.” Ngay lập tức đứa trẻ nhỏ, người cũng đang ở trong phòng, bắt đầu thét lên: “Lola, lola!” Người ta nghĩ rằng đứa trẻ muốn gọi bảo mẫu và đang gọi tên của bà ấy. Nhưng không! Nó trở nên không thoải mái và khóc một cách bức bối và giận dữ, tỏ ra không tự chủ được, và rồi cuối cùng nó cũng cầm được vào quyển sách, chỉ về bìa sau nơi có hình một đứa trẻ mà câu chuyện nói về và nói một lần nữa: “Lola, lola!” Những người lớn đã coi kết thúc của câu chuyện được in kia là kết thúc của cuốn sách, nhưng đối với đứa trẻ thì bức tranh cuối cùng, mà ở trên bìa sau, mới là kết thúc, và ở trong bức tranh đó có đứa trẻ đang khóc: “Sao họ có thể nói nó kết thúc có hậu được?” Đứa trẻ đã lắng nghe cả cuộc hội thoại đã hiểu những gì được nói ra và những người lớn này đã mắc sai lầm như thế nào. Khả năng thấu hiểu của đứa trẻ là hoàn thiện và chi tiết, nhưng khả năng ngôn từ của đứa trẻ thì vẫn chưa đủ. Đứa trẻ thậm chí không thể phát âm được từ ‘khóc’ đúng (‘llora’ trong tiếng Tây Ban Nha)

thế nên đứa trẻ nói là 'lola'. Từ 'lola', đã được dùng để nói với những người lớn này rằng: "Mọi người sai rồi, truyện đó không kết thúc có hậu: cậu bé khóc kìa."

Điều này minh họa cho lý do tại sao tôi nói là cần thiết phải có một 'trường học' đặc biệt cho trẻ từ một tới 1 tuổi rưỡi. Những bà mẹ, cả xã hội nói chung, phải đặc biệt quan tâm để cho trẻ có được nhiều trải nghiệm ngôn ngữ tốt nhất. Chúng ta hãy đưa trẻ cùng đến thăm bạn mình và những buổi mít-tinh, đặc biệt nơi ngôn ngữ được sử dụng thường xuyên và rành mạch, rõ ràng.

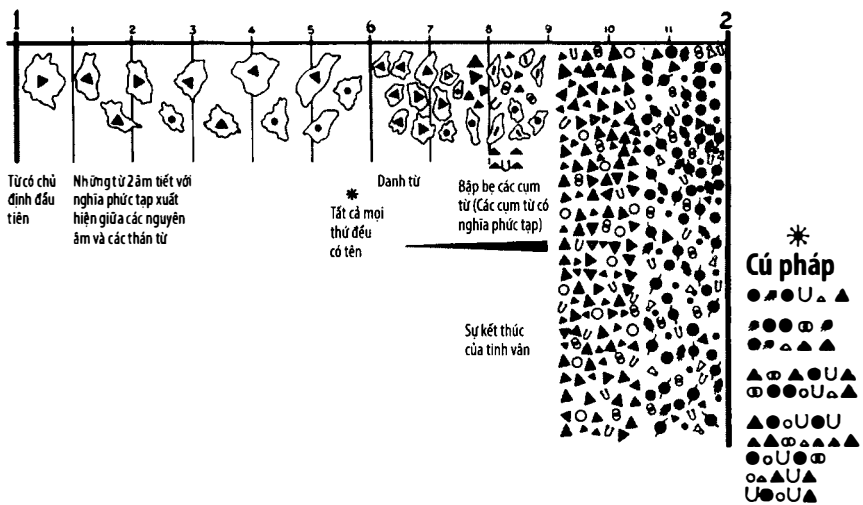
13

HẬU QUẢ CỦA NHỮNG TRỞ NGẠI

Tôi muốn giải quyết một số điểm thụ cảm nội tại nhất định, để chúng ta có thể hiểu được những xu hướng ẩn giấu trong đứa trẻ. Chúng ta có thể so sánh điều này với một hình thức phân tích tâm lý của tâm trí vô hình của đứa trẻ. Ở hình 9, tôi đã đặt đại diện những ký hiệu ngôn ngữ của đứa trẻ, và điều đó có thể giúp làm rõ ý tưởng hơn.

Để miêu tả mang tính biểu tượng cho danh từ (tên của các sự vật) mà trẻ em sử dụng, tôi đã dùng một hình tam giác đen; đối với động từ, một hình tròn; và những ký hiệu khác nhau cho những từ loại khác nhau. Những ký hiệu này có ở hình 11. Vì thế nếu chúng ta nói rằng đứa trẻ sử dụng hai đến ba trăm từ ở một độ tuổi nhất định, tôi thể hiện điều này bằng những ký hiệu để tạo ra một hiệu ứng hình ảnh cho nó. Khi đó đã đủ để ta có thể nhìn được sự phát triển của ngôn ngữ bằng mắt thường dù chúng ta nói ngôn ngữ nào đi nữa.

Tất cả những phần không rõ ràng ở bên tay trái của biểu đồ đại diện cho những nỗ lực của đứa trẻ để nói được, những thần từ, từ cảm thán... Rồi chúng ta thấy hai âm thanh đến cùng nhau



khả năng biểu đạt có ý thức thông qua các hình thái ngữ pháp

và các âm tiết được hình thành, rồi ba âm thanh đến cùng nhau và những từ đầu tiên được thốt ra. Sang bên phải biểu đồ một chút, ta thấy một nhóm các từ, một số danh từ mà trẻ em dùng, rồi những cụm hai từ (một câu có nhiều tầng nghĩa), chỉ một vài từ nhưng cũng có rất nhiều nghĩa. Rồi có một sự bùng nổ thành từ ngữ. Đây là đại diện chính xác của số lượng từ thực sự mà những nhà tâm lý học đã phát hiện ra đứa trẻ đã sử dụng. Ở một khía cạnh về sự bùng nổ này, chúng ta thấy một nhóm từ gần như toàn là danh từ, rồi bên cạnh đó, những từ loại khác nhau trong một tổ hợp hỗn loạn, nhưng nhanh chóng chỉ sau hai năm thì cấp độ tiếp theo được thể hiện bằng những từ ngữ có trật tự. Có một sự bùng nổ *câu*. Vì thế sự bùng nổ đầu tiên là của từ ngữ và sự bùng nổ thứ hai là của tư duy.

Phải có một cuộc chuẩn bị cho điều này. Nó được che giấu, là một bí mật, nhưng dù nó là một bí mật đi nữa thì cũng không phải một giả thuyết, vì những kết quả đã chỉ ra những nỗ lực. Ta có thể nhận ra những nỗ lực lớn lao đứa trẻ phải bỏ ra để có thể biểu lộ được những suy nghĩ của mình. Vì người trưởng thành không phải lúc nào cũng hiểu những gì trẻ muốn nói dẫn đến bùng phát tâm lý giận dữ và bức xúc ở giai đoạn này. Sự bức bối này hình thành một phần không thể thiếu trong cuộc đời của bọn trẻ. Tất cả những nỗ lực mà đứa trẻ sẽ thực hiện, nếu không gặt hái được thành công, sẽ tạo ra sự bức xúc. Ngược lại, những người điếc và câm thường rất hay cự cãi. Lời lý giải nằm ở việc họ không có khả năng diễn đạt những suy nghĩ của mình. Có một tài nguyên giàu có và màu mỡ nội tại luôn cố gắng tìm cách biểu lộ; nó cũng hành xử như thế ở đứa trẻ bình thường, nhưng phải đối mặt với những trở ngại to lớn.

Có một giai đoạn đầy những nhọc nhằn mà chúng ta phải chú ý, những khó khăn gây ra bởi môi trường và những giới hạn của bản thân đứa trẻ. Đây là *giai đoạn khó khăn thứ hai* của quá trình thích nghi, giai đoạn đầu tiên là lúc sinh ra – khi đứa trẻ

đột nhiên phải tự thân vận động, trong khi từ trước tới giờ luôn được mẹ làm hết. Chúng ta thấy rằng, trừ khi có một sự quan tâm và thấu hiểu sâu sắc được thể hiện, những ám ảnh lúc ra đời đã ảnh hưởng tới đứa trẻ và gây ra quá trình thoái hóa. Một số trẻ khỏe mạnh hơn những trẻ khác, một số khác có môi trường thuận lợi hơn, và bọn trẻ này đi thẳng tới tính độc lập, con đường của sự phát triển bình thường, mà không có sự thoái hóa. Một tình huống tương tự cũng xảy ra ở giai đoạn này. Sự chinh phục ngôn ngữ là một cuộc chinh phục mệt nhọc để tiến tới một nền độc lập lớn lao hơn, và nó kết thúc khi trẻ làm chủ ngôn ngữ, nhưng cũng có cả những hiểm nguy tương ứng của sự thoái hóa nữa.

Chúng ta cũng phải nhớ một đặc điểm khác của giai đoạn sáng tạo này, đó là tất cả các ấn tượng và kết quả đều được ghi lại mãi mãi. Điều này đúng với âm thanh và ngữ pháp. Trẻ em tiếp thu ngôn ngữ và gìn giữ chúng cho đến suốt cuộc đời, vì thế nếu có những trở ngại ở giai đoạn này thì những hậu quả của chúng cũng tồn tại mãi mãi. Đây là đặc điểm của mọi thời kỳ sáng tạo. Một cuộc vật lộn, sợ hãi, hay những trở ngại khác có thể tạo ra những hậu quả tồn tại đến hết đời, vì những phản ứng lại trước những vật cản đó cũng được hấp thu như mọi thứ khác trong quá trình phát triển. (Theo cùng một cách, nếu có một tia sáng trên tấm phim chúng ta đã đề cập đến trước đây, tất cả các bản của tấm phim đó sẽ cùng hiện đúng vật sáng ấy.) Ở giai đoạn này vì thế chúng ta không chỉ có sự phát triển của tính cách, mà còn có sự phát triển của một đặc tính tâm lý bị bóp méo mà đứa trẻ sẽ thể hiện khi chúng lớn lên. Kiến thức về tiếng mẹ đẻ và khả năng đi lại đạt được vào giai đoạn này của cuộc đời đứa trẻ, trong giai đoạn sáng tạo vượt ra khỏi phạm vi 2 tuổi rưỡi, nhưng khi đó kém mạnh mẽ hơn. Việc đạt được hai khả năng diễn ra vào lúc này, nhưng sự sinh trưởng và phát triển của chúng vẫn tiếp tục sau đó. Điều này cũng đúng với tất cả những khiếm khuyết và

chướng ngại phải gánh chịu vào lúc này; chúng ở lại và lớn dần lên; rất nhiều khiếm khuyết mà người trưởng thành bộc lộ ra có nguồn gốc từ thời kì này.

Những khó khăn gây thương tổn cho sự phát triển được gọi là *sự kìm nén* (thuật ngữ này đặc biệt hay được sử dụng trong ngành phân tích tâm lý, nhưng cũng được sử dụng trong tâm lý học nói chung). Những sự kìm nén này, giờ đã được đông đảo quần chúng biết tới, đề cập đến giai đoạn ngoài 2 tuổi của thời thơ ấu. Những ví dụ của sự kìm nén này có thể có được trong mối quan hệ với bản thân ngôn ngữ, dù có nhiều ví dụ liên quan tới các hoạt động khác của con người hơn. Khối lượng ngôn từ đồ sộ đang bùng phát kia phải có *quyền tự do được trào ra*. Và khi sự bùng nổ của những câu từ xảy ra và đứa trẻ trao hình thái chính thức cho những suy nghĩ của đứa trẻ thì phải có *quyền tự do được biểu đạt*. Phải đặc biệt nhấn mạnh quyền tự do biểu đạt, vì nó không chỉ liên quan tới tình trạng hiện tại của cơ chế phát triển, mà còn với cuộc sống tương lai của cá nhân đứa trẻ trở thành. Đã có những trường hợp, vào độ tuổi lẽ ra sự bùng nổ phải diễn ra, lại chẳng có gì xảy ra hết; khi hơn 3 tuổi hay thậm chí 3 tuổi rưỡi nhưng đứa trẻ vẫn chỉ sử dụng một vài từ thuộc về độ tuổi nhỏ hơn rất nhiều và trông như bị câm, chậm phát triển, dù các cơ quan ngôn từ của đứa trẻ vẫn hoàn toàn bình thường. Đây được gọi là ‘bệnh câm tâm lý’ và có nguyên nhân hoàn toàn do tâm lý, nó là một bệnh về tâm lý. Đây là thời kỳ khởi nguồn của những bệnh về tâm thần mà ngành phân tích tâm lý (đúng ra là một phân ngành của y khoa) nghiên cứu. Thình thoảng, bệnh câm tâm lý biến mất đột nhiên như một phép màu; đứa trẻ bất chợt cất tiếng nói sõi và hoàn chỉnh, nắm chắc ngữ pháp, vì đứa trẻ đã được chuẩn bị sẵn sàng từ nội tại, vấn đề là những biểu hiện ngoại tại đã bị chướng ngại cản trở. Ở trường, có trẻ 3 đến 4 tuổi không biết nói bỗng nhiên cất tiếng. Chúng chưa bao giờ nói những từ ngữ của đứa trẻ 2 tuổi, chúng hoàn toàn câm lặng và

rồi đột nhiên chúng cất tiếng nói. Bằng việc cho chúng được tự do hoạt động và một môi trường mang tính thúc đẩy, chúng đột ngột biểu lộ khả năng này. Tại sao việc này lại xảy ra? Vì hoặc một cơn sốc khủng khiếp hoặc một trở ngại dai dẳng đã ngăn không cho đứa trẻ bộc lộ nguồn ngôn ngữ dồi dào của mình.

Có những người trưởng thành cũng gặp khó khăn trong việc nói năng. Họ phải nỗ lực rất nhiều và trông như thể họ không biết phải nói điều gì, luôn có sự e dè. Có nhiều lý do cho sự e dè đặt này:

- a. Họ không có đủ can đảm để cất tiếng nói,
- b. Họ không có can đảm để phát âm các từ ngữ,
- c. Họ gặp khó khăn trong việc sử dụng câu,

d. Họ nói chậm hơn người bình thường và thường dùng những từ 'ờ, ừm, à'...

Họ gặp một khó khăn không thể tránh khỏi, theo họ đến suốt cuộc đời khiến họ luôn có cảm giác tự ti kém cỏi so với người khác.

Có những trở ngại tâm lý gây cản trở giao tiếp ở người trưởng thành – những trường hợp bị tật nói lắp và ngọng. Đây là một khuyết tật đã hình thành trong giai đoạn khi bản thân những cơ chế đang được tổ chức. Vì thế, có những thời kỳ khác nhau của các quá trình tiếp thu và những quá trình thoái hóa tương ứng có lẽ cũng xuất hiện ở những thời kỳ đó:

Giai đoạn đầu tiên: Cơ chế của ngôn từ được hình thành,

Sự thoái hóa tương ứng – nói lắp.

Giai đoạn thứ hai: Cơ chế của câu (biểu đạt của suy nghĩ) được hình thành,

Sự thoái hóa tương ứng – do dự trong việc hình thành suy nghĩ.

Những quá trình thoái hóa này có quan hệ với nhạy cảm của đứa trẻ; đứa trẻ nhạy cảm để tiếp thu, để có thể sản xuất ngôn ngữ, vì thế đứa trẻ cũng nhạy cảm với những chướng ngại quá sức của mình. Hậu quả của việc này bóp nghẹt sự nhạy cảm rồi tồn tại mãi dưới dạng một khuyết tật trong suốt phần đời còn lại. Chính vì sự nhạy cảm của đứa trẻ lớn hơn bất cứ thứ gì chúng ta có thể tưởng tượng nổi nên những điều này mới xảy ra.

Vậy hãy nghiên cứu các chướng ngại này. Người trưởng thành gây ra những bất thường này, người trưởng thành hành xử quá thô bạo trong cách cư xử với đứa trẻ. Hành vi phi bạo lực cần được nhấn mạnh, vì những gì có thể không phải là bạo lực đối với người trưởng thành lại là thô bạo đối với đứa trẻ. Chúng ta không nhận ra được khi nào chúng ta thô bạo với trẻ em vì thế chúng ta phải tìm hiểu chính mình. Sự chuẩn bị cho giáo dục là một cuộc nghiên cứu chính bản thân; và sự chuẩn bị của một người thầy sẽ trợ giúp cho cuộc sống còn cần hơn cả một cuộc chuẩn bị mang tính trí thức, đó là một cuộc chuẩn bị của nhân cách, một cuộc chuẩn bị mang tính tinh thần.

Sự nhạy cảm của đứa trẻ được thể hiện dưới rất nhiều khía cạnh, nhưng có một số điểm chung cho tất cả. Đó là sự nhạy cảm trước những cú sốc trong giai đoạn này. Một đặc điểm thường gặp khác là sự nhạy cảm trước sự lạnh lùng và quyết đoán của người lớn trong việc ngăn chặn những biểu hiện bên ngoài của trẻ: "*Con không được phép làm việc này!*" "*Thế này là chưa được.*" Thái độ này rất hay xuất hiện ở các bảo mẫu. Đó là lý do tại sao dạng khuyết tật này rất hay gặp ở giới quý tộc, họ hoàn toàn bình thường về mặt thể chất, nhưng khi họ nói thì họ lại ngọng và lắp bắp. Tôi muốn nhấn mạnh vấn đề về bạo lực này. Nó phải được hiểu từ cách nhìn của đứa trẻ, và chúng ta phải rất tinh tế trong cách đối xử của mình. Tôi đã từng thô bạo với trẻ nhỏ và tôi đã

đưa ra một ví dụ trong cuốn sách của mình¹. Một đứa trẻ đặt đôi giày đi ngoài đường lên tấm khăn phủ giường bằng lụa đẹp đẽ. Tôi đã bỏ chúng đi với thái độ rất quyết liệt, đặt chúng lên sàn nhà và lấy tay phủi tấm khăn một cách mạnh mẽ, để chứng tỏ rằng đó không phải là nơi để giày. Trong hai hoặc ba tháng sau đó, bất cứ khi nào đứa trẻ thấy một đôi giày, đứa trẻ cũng thay đổi vị trí của chúng và rồi nhìn quanh phòng để tìm một tấm vải lụa hoặc đệm để lau chùi. Câu trả lời của đứa trẻ cho bài học quá mạnh mẽ (thô bạo) của tôi, không phải là một kẻ hùng hổ, táo tợn. Đứa trẻ không nói: “Đừng có nói gì hết, con sẽ để giày của mình ở bất cứ nơi nào con muốn!”, mà lại có một sự phát triển không bình thường. Đứa trẻ không hề có thái độ phản kháng. Tôi ước gì đứa trẻ không thể, nổi loạn còn tốt hơn là chọn con đường đi tới sự bất thường. Đứa trẻ hay hờn dỗi đã học được cách tự bảo vệ mình và có thể đi trên con đường phát triển bình thường, điều này ảnh hưởng tới cả cuộc đời đứa trẻ. Nhưng người ta lại chẳng chú ý gì đến điều này, họ chỉ chăm chăm lo trẻ làm loạn!

Có một thực tế khác: một số nỗi sợ vô cơ và những thói quen ‘bồn chồn’ chúng ta thấy ở người trưởng thành gắn liền với sự nhạy cảm của trẻ ở hành vi bạo lực. Một trong những nỗi sợ vô cơ này có liên quan tới động vật, mèo hay gà chẳng hạn, một số liên quan tới việc bị nhốt trong bốn bức tường... Không lý lẽ, không sự thuyết phục nào có thể giúp cho nạn nhân của những nỗi sợ này. Tôi đã từng có một đồng nghiệp, giáo sư Giáo dục học ở một trường đại học của Ý. Cô ấy 45 tuổi, một ngày cô ấy đến bên tôi và nói: “Chị là bác sĩ nên sẽ hiểu được tôi. Mỗi lần tôi thấy một con gà là tôi lại vô cùng hoảng sợ, tôi phải nỗ lực hết mình để không hét lên. Tôi không nói với bất cứ ai hết, họ sẽ cười nhạo tôi.” Có lẽ, khi còn là một cô bé 2 tuổi rưỡi, cô đã nghịch một con gà con dễ thương và bị gà mẹ đẩy cảnh giác làm hoảng sợ. Sự

¹ Đọc *The Secret of childhood* (Bí ẩn tuổi thơ).

tức giận xù lông của con gà mẹ đó đã để lại trong cô ấy một cú sốc tồn tại mãi mãi. Những dạng sợ hãi vô lý này được gọi là *nỗi ám ảnh*, ví dụ như sợ bị giam giữ (nỗi sợ những cánh cửa đóng, sợ những khoảng không gian đóng kín). Còn nhiều ví dụ nữa nếu chúng ta bước vào lĩnh vực y học. Tôi đề cập tới chúng là để minh họa cho hình thái tâm lý của đứa trẻ ở độ tuổi này.

Những hành động của chúng ta không chỉ được phản chiếu ở một đứa trẻ ngoan ngoãn hay nghịch ngợm, mà cả ở những người đứa trẻ sẽ trở thành. Vì thế, tôi nhắc lại, giai đoạn đầu đời rất quan trọng cho phần đời còn lại của đứa trẻ và cho cả nhân loại nữa, vì thế nó phải được nghiên cứu. Nghiên cứu này rất quan trọng, nhưng nó gần như vẫn chưa tồn tại. Cần phải cố gắng và thâm nhập vào tâm trí của đứa trẻ, như nhà phân tích tâm lý thâm nhập vào phần tiềm thức của người trưởng thành. Việc này rất khó khăn bởi vì chúng ta thường không hiểu được ngôn ngữ của trẻ, hoặc nếu có hiểu, chúng ta cũng không hiểu được ý nghĩa những từ mà chúng dùng. Thỉnh thoảng, ta cũng cần phải biết cả phần còn lại của cuộc đời đứa trẻ; đó là một dạng nghiên cứu hoặc do thám, nhưng là một nghiên cứu mang lại nhiều lợi ích vì qua đó, chúng ta có thể trợ giúp cho giai đoạn khó khăn này. Chúng ta cần một nhà phiên dịch, một biên dịch viên ngôn ngữ của đứa trẻ, và sự phiên dịch này sẽ cho phép chúng ta hiểu được trạng thái tâm lý của đứa trẻ. Bản thân tôi đã đang làm việc theo hướng này và đã cố gắng trở thành một người phiên dịch cho đứa trẻ và thật lý thú khi thấy bọn trẻ chạy tới bên người phiên dịch này, vì chúng nhận ra rằng có người có thể giúp chúng. Sự háo hức trẻ thơ này là thứ gì đó khác hẳn với tình cảm của đứa trẻ được nuông chiều hay âu yếm. Người phiên dịch là một niềm hy vọng lớn đối với đứa trẻ, một người có thể mở cho đứa trẻ một con đường khám phá khi thế giới đã đóng sập mọi cánh cửa với đứa trẻ. Người trợ giúp này được đưa vào mối quan hệ thân thiết nhất, một mối quan hệ còn hơn

cả tình yêu thương vì *sự giúp đỡ* đã được trao tặng, chứ không chỉ đơn thuần là sự cảm thông.

Tôi từng dậy rất sớm vào buổi sáng trước những người còn lại trong gia đình và làm việc. Một ngày, một đứa trẻ nhỏ khoảng dưới 1 tuổi rưỡi của gia đình hàng xóm thức dậy vào tờ mờ sáng. Tôi nghĩ cậu bé thức dậy vì thấy đói và muốn ăn, nên đã hỏi: "Cháu muốn gì nào?" Cậu bé đáp: "Cháu muốn sâu." Tôi giật mình hỏi lại: "Sâu? Sâu ư?" Đứa trẻ nhận ra rằng tôi không hiểu, nhưng đang cố gắng để hiểu, bèn cố giúp tôi hiểu: 'Trúng'. Tôi nghĩ: "Đó không thể là bữa sáng cậu bé muốn, cậu bé muốn gì nhi?" Rồi cậu bé thêm một từ nữa: 'Nena, trúng, sâu'. Một tia sáng hiện ra trong tâm trí tôi. Tôi nhớ lại một điều (đó chính là lý do tại sao tôi nói ta phải hiểu biết về hoàn cảnh sống của mỗi đứa trẻ). Ngày hôm trước, Nena, chị gái nhỏ của cậu bé, đã tô một hình ô van trên trang giấy tô màu. Cậu bé muốn được vẽ bút chì màu nhưng cô chị đã cự lại và bảo cậu bé đi chỗ khác. Lúc ấy (xét theo tâm lý của trẻ nhỏ), cậu bé không cự lại chị mình ngay mà đợi thời cơ, với sự kiên nhẫn và quyết tâm. Tôi đưa cho cậu bé cây bút chì và tờ giấy tô màu. Có một tia sáng bừng lên trên khuôn mặt cậu bé, nhưng cậu bé không vẽ được quả trứng nên tôi phải làm hộ. Rồi sau khi tôi vẽ hình ô van, cậu bé tô hình ấy bằng những đường lượn sóng. Chị cậu đã tô với những đường thẳng thông thường, nhưng cậu bé thì nghĩ mình biết làm điều hay hơn, thế là cậu bé vẽ những đường lượn sóng, chính là 'sâu'. Cậu bé đã đợi đến khi biết rằng mọi người đã ngủ trừ người phiên dịch, rồi cậu bé đến với tôi vì nghĩ rằng tôi có thể giúp cậu bé. Đối với mọi đứa trẻ, không phải những con tam bành hay phản ứng cục cằn, mà chính sự kiên nhẫn mới là đặc tính đích thực của độ tuổi này; sự kiên nhẫn đợi cơ hội của mình. Phản ứng thô bạo hoặc những con tam bành là để thể hiện trạng thái bức dọc khi đứa trẻ không thể biểu đạt được ý mình.

Người biên dịch ngôn ngữ có thể thâm nhập vào tâm hồn đứa trẻ. Từ ví dụ đã nêu ta có thể thấy rằng đứa trẻ cố thực hiện

những hành vi ngoài khả năng của mình. Nếu ta giới thiệu một đứa trẻ 3 tuổi tới một hoạt động, đứa trẻ 1 tuổi rưỡi cũng sẽ muốn thực hiện điều tương tự. Có lẽ đứa trẻ sẽ bị ngăn cản và bị cấm không được làm thế, nhưng nó vẫn sẽ cố gắng làm. Một đứa trẻ nhỏ trong nhà chúng tôi muốn bắt chước cô chị 3 tuổi của mình, người đang học những bước đầu tiên của môn khiêu vũ. Giáo viên khiêu vũ do dự làm thế nào để dạy được một đứa trẻ nhỏ tuổi đến thế khiêu vũ. Chúng ta nói: “Không sao cả, cô cứ thử đi; cô bé có làm được hay không đâu có quan trọng; cô vẫn sẽ nhận được lương.” Biết rằng chúng tôi chỉ muốn giúp đỡ đứa trẻ, cô ấy đồng ý thử. Ngay lập tức đứa trẻ 1 tuổi rưỡi nói: “Con nữa!” Giáo viên nói: “Tuyệt đối không thể được” và khi chúng tôi nói: “Cứ thử đi.” Cô nói việc đó si nhục danh dự của một giáo viên ba lê khi phải dạy cho một đứa trẻ 1 tuổi rưỡi. Chúng tôi gợi ý là cô ấy nên cất tạm phẩm giá của mình vào túi đi, thế là cuối cùng cô ấy đến nhà, có vẻ hơi bực dọc, ném mũ lên ghế sofa và bắt đầu chơi một bản hành khúc. Đứa trẻ nhỏ ngay lập tức trở nên giận dữ, la hét và không chịu cử động. Giáo viên nói: “Bà thấy đấy, ta không thể dạy một đứa trẻ quá nhỏ đâu.” Nhưng đứa trẻ không bức bối vì việc khiêu vũ, đứa trẻ đang có một cuộc đối thoại với cái mũ, đang nói với nó một cách giận dữ. Đứa trẻ không dùng tên của bản thân chiếc mũ, hay tên của giáo viên; đứa trẻ chỉ dùng đúng hai từ mà đứa trẻ lặp đi lặp lại với sự thịnh nộ đầy nhiệt huyết: “Mũ-giá! Phòng!” nghĩa là: “Chiếc mũ này không được để ở đây trên ghế sofa này, mà trên cái giá treo mũ trong phòng lớn ấy!” Đứa trẻ đã quên đi bài khiêu vũ và tiếng nhạc lôi cuốn, nó chỉ tập trung vào nhiệm vụ phải thực hiện là biến đổi sự mất trật tự thành có trật tự trước khi làm bất cứ việc gì khác. Khi chiếc mũ đã ở trên giá để mũ, sự tức giận của đứa trẻ biến đi và đứa trẻ đã sẵn sàng khiêu vũ. Cho tới khi đó thì nhu cầu cơ bản được gìn giữ trật tự đã xóa bỏ mọi thứ khác. Vì thế, nghiên cứu này cho phép chúng ta thâm nhập vào tâm trí của đứa trẻ tới một tầng sâu mà các nhà tâm lý học thường không chạm đến. Sự

kiên nhẫn của đứa trẻ ở ví dụ đầu tiên của tôi và sự nhiệt huyết với trật tự ở ví dụ thứ hai đã tạo nên một bức tranh mà chúng ta khó có thể nhận thấy và hiểu được. Nếu chúng ta xem những bức tranh này, cùng với điều tôi đã đề cập đến trên đây về đứa trẻ hiểu được cả một cuộc hội thoại và không đồng ý với ý kiến cuối cùng về kết thúc có hậu cho câu chuyện, chúng ta thấy rằng không chỉ có những thực tế được trình bày ở hình 9, mà còn có cả một đời sống tâm lý, cả một bức tranh tâm lý toàn vẹn thường ẩn giấu khỏi tầm mắt của chúng ta bởi chính sự mù quáng của chúng ta.

Tất cả những khám phá về tâm trí của đứa trẻ ở độ tuổi này phải được công bố, và không phải với tư cách là những tri thức có được cho chính bản thân chúng ta, ví dụ như kiến thức về tiếng Phạn chẳng hạn, mà là để giúp đứa trẻ tự thích ứng được với môi trường xung quanh mình. Chúng ta phải cùng trợ giúp cho cuộc sống, sẵn sàng bỏ công bỏ sức làm người phiên dịch. Nhiệm vụ của người thầy là rất cao quý. Nó thuộc về một ngành khoa học sẽ phát triển trong tương lai, sẽ giúp cho sự phát triển tâm lý và sự phát triển của nhân cách. Trên tất cả, chúng ta phải thực hiện điều đó để trẻ có thể tránh được những khiếm khuyết mà có thể khiến một số cá nhân trở nên kém hơn so với những người khác. Chúng ta phải nhớ rằng:

- 1) *Giáo dục trong hai năm đầu đời là quan trọng đối với cả cuộc đời.*
- 2) *Đứa trẻ được ban tặng một trí thông minh lớn lao mà chúng ta không thể nhìn thấy được.*
- 3) *Đứa trẻ có một sự nhạy cảm khủng khiếp (nếu bị tác động của bạo lực) sẽ xuất hiện, không chỉ mang tính phản ứng, mà làm thành những khuyết tật gắn chặt vào nhân cách đứa trẻ.*

14

VẬN ĐỘNG VÀ SỰ PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN

Cần phải quan tâm đến vận động từ một cách nhìn mới. Do một số hiểu nhầm, vận động thường được xem nhẹ. Đối với ngành giáo dục, vận động đã bị bỏ ngỏ và mọi tính quan trọng đều được gán cho bộ não. Chỉ có giáo dục thể chất mới quan tâm đến vận động mặc dù vẫn tách biệt nó khỏi trí thông minh.

Chúng ta hãy xem xét sự tổ chức của hệ thần kinh ở mọi khía cạnh phức tạp của nó. Đầu tiên, chúng ta có chính bản thân bộ não, rồi các cơ quan cảm giác tiếp thu hình ảnh chuyển đến não và thứ ba là các dây thần kinh. Nhưng mục tiêu của các dây thần kinh là gì và chúng đi đến đâu? Mục tiêu của chúng là truyền năng lượng, cử động đến các cơ (bắp thịt). Tổ chức tinh xảo này vì thế gồm có ba phần: (1) não (trung tâm); (2) cơ quan cảm giác và (3) cơ bắp. Vận động là kết quả và mục tiêu của hệ thần kinh. Nếu không có vận động, chúng ta sẽ không thể nói về bất cứ điều gì ở một cá nhân nào. Nếu chúng ta nghĩ về một nhà triết gia vĩ đại thì ông ta hoặc là nói về những tư tưởng của mình hoặc ông ta viết chúng ra, và vì thế mà ông ta phải sử dụng các cơ bắp của mình. Nếu ông ta không làm gì với những tư tưởng của mình thì

chúng có tác dụng gì? Nếu không có các cơ bắp, người ta không thể biểu đạt các suy nghĩ của mình được.

Với động vật, hành vi chỉ được thể hiện qua vận động. Vì thế, nếu chúng ta cũng muốn quan tâm đến hành vi của con người, chúng ta cũng phải chú tâm tới các vận động của con người. Cơ bắp là một phần của hệ thần kinh.

Hệ thần kinh là *tất cả* những phần đặt con người vào trong mối quan hệ với môi trường của anh ta; đó là lý do tại sao nó cũng được gọi là Hệ thống Giao tiếp. Nó đặt con người vào mối quan hệ với thế giới vô tri vô giác, thế giới sinh động và với những cá thể khác. Nếu không có hệ thần kinh sẽ chẳng có bất cứ mối quan hệ nào giữa cá nhân và môi trường của anh ta.

Những hệ thống được tổ chức chặt chẽ khác của cơ thể có mục tiêu hạn hẹp, chúng chỉ phục vụ cho cơ thể của cá nhân chứ không cho bất cứ thứ gì khác. Chúng chỉ đơn giản là giúp ta sống, hoặc tồn tại kiểu thực vật: vì thế chúng được gọi là các hệ và cơ quan của đời sống thực vật. Thế nên ta có sự khác biệt này:

- Hệ thần kinh thực vật chỉ phục vụ để giúp cá thể phát triển và tồn tại.
- Hệ thần kinh phục vụ để đặt cá thể vào trong mối quan hệ với những cá thể khác, giống như Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.
- Hệ thần kinh thực vật giúp con người hưởng thụ tối đa sự thoải mái và một cơ thể khỏe mạnh; vì thế, chúng ta tới những nơi có gió mát, ở những khách sạn tốt... Nếu chúng ta xét hệ thần kinh từ một quan điểm tương tự, chúng ta sẽ mắc sai lầm; thậm chí nếu chúng ta nghĩ rằng, nó chỉ cho chúng ta những ấn tượng đẹp đẽ và thuần khiết của suy nghĩ và nâng chúng ta lên những tầng cao hơn. Được thuần khiết ở lĩnh vực này cũng khá là tuyệt, nhưng sẽ

sai lầm nếu ta hạ hệ thần kinh xuống cấp của đời sống thực vật đơn thuần. Nếu tiêu chuẩn của sự thuần khiết và nâng tầm một cách đơn giản *của cá thể* được cố vũ, cá thể sẽ bị hạn chế về tâm hồn. Đó là sai lầm lớn nhất ta có thể mắc phải. Hành vi của động vật không chỉ để trông duyên dáng và đẹp để khi cử động, nó có một mục đích sâu xa hơn thế. Con người cũng có một mục đích chứ không chỉ là để trở nên thuần khiết hơn và tinh tế hơn những người khác. Dĩ nhiên, con người có thể và nên trở nên đẹp để và chỉ chọn những thứ tốt nhất từ những tầng cấp cao nhất, nhưng nếu đó là mục tiêu *duy nhất* của anh ta, cuộc đời anh ta sẽ trở nên vô dụng. Chức năng của bộ não hay những cơ bắp này sẽ là gì?

Không có gì trong thế giới này mà không tham gia hình thành nên một nền kinh tế có tính toàn cầu; và nếu chúng ta có được sự dồi dào về tinh thần, có sở hữu giá trị thẩm mỹ, thì đó không phải chỉ cho chúng ta, nó là một phần của tinh thần, hệ thần kinh toàn cầu và phải được sử dụng cho cả vũ trụ. Những sức mạnh tinh thần này là *tài sản vô giá*, nhưng không phải chỉ cho cá nhân; chúng phải được đặt vào vòng tuần hoàn cho tất cả được hưởng thụ; chúng phải được biểu đạt, phải được sử dụng, và bằng cách này hoàn thiện vòng tuần hoàn của những mối quan hệ. Nếu tôi chỉ bằng lòng với việc trở nên thuần khiết để tôi có thể lên thiên đường, thì tôi chết đi còn hơn. Tôi phải để lại phần vĩ đại nhất của cuộc đời mình và phần vĩ đại nhất của mục tiêu cả cuộc đời mình. Nếu ta tin vào sự tái sinh và nói rằng: "Tôi sẽ có một cuộc đời tốt đẹp hơn nếu bây giờ chúng ta sống tốt", đây mới là ích kỷ. Chúng ta đã kéo tâm linh xuống cùng bậc với thực vật. Chúng ta luôn chỉ nghĩ về bản thân. Chúng ta vĩnh viễn là những kẻ vị kỷ. Quan điểm kia cũng cần phải được xét đến, không chỉ ở khía cạnh cuộc sống, mà còn ở khía cạnh giáo dục nữa. Phải có một sự

hoàn thiện về chức năng. Tự nhiên đã ban tặng cho chúng ta các chức năng khác nhau, vì thế chúng phải được sử dụng.

Chúng ta hãy thực hiện một so sánh. Các bộ phận phổi, dạ dày, tim phải được hoạt động thì chúng ta mới có sức khỏe. Tại sao lại không áp dụng quy tắc ấy cho hệ thần kinh? Não, cơ quan cảm giác và các cơ quan vận động phải hoạt động, và nếu chúng ta không vận hành *tất cả* các bộ phận thì chúng ta thậm chí không thể hiểu được chúng. Thậm chí, nếu chúng ta muốn nâng tầm bản thân, khiến não bộ tinh xảo hơn thì chúng ta phải vận hành *tất cả* các bộ phận của hệ thần kinh. Có lẽ, vận động là bước cuối cùng hoàn thiện cả vòng tuần hoàn. Nói cách khác, chúng ta có thể nâng cao tinh thần nhờ hành động. Đây là quan điểm chúng ta cần áp dụng để xét đến vận động; nó là một phần của hệ thần kinh và không thể bị vứt bỏ. Hệ thần kinh là một thể thống nhất. Là một thể thống nhất, nó phải được vận hành một cách hoàn chỉnh để có thể trở nên tốt hơn.

Một trong những sai lầm của thời hiện đại là xét vận động tách biệt khỏi những chức năng cao cấp hơn. Người ta nghĩ rằng các cơ bắp được sử dụng để cải thiện cơ thể vật chất. Để giữ dáng người hoặc để giải trí thì chúng ta chơi tennis. Hoặc chúng ta đi dạo để giúp dễ tiêu hóa và dễ ngủ! Sai lầm này đang thâm nhập vào giáo dục. Điều này, nói theo cách nói của sinh lý học, như thể là một hoàng tử vĩ đại đã được đem ra phục vụ một người chăn cừu vậy. Hoàng tử vĩ đại này – hệ cơ này – đã trở thành một cái tay cầm có tác dụng xoay để kích thích hệ thần kinh thực vật. *Đây là một sai lầm lớn.* Nó dẫn đến sự phân cách giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần. Vì thế, đứa trẻ phải phát triển cả về thể chất cũng như tinh thần. Chúng ta đã có những bài tập thể chất, những trò chơi... nhưng đời sống tinh thần làm gì với những trò giải trí thể chất này? Không gì hết. Chúng ta không thể chia rẽ hai điều mà tự nhiên đã đặt lại cùng nhau. Nếu chúng ta đặt đời sống vật chất ở một bên và đời sống tinh thần ở một bên, chúng

ta sẽ phá hủy vòng tuần hoàn của các mối quan hệ, và những hoạt động của con người sẽ mãi tách biệt khỏi bộ não. Những hoạt động vận động của con người được sử dụng để hỗ trợ cho việc ăn uống và hít thở được tốt hơn, trong khi mục đích thật sự của vận động là phục vụ cho *toàn bộ* cuộc sống và cho nền kinh tế toàn cầu, tinh thần của thế giới.

Những hoạt động vận động của con người phải được điều phối ở trung tâm – bộ não – và được đặt vào đúng vị trí của mình; đây là điều cơ bản. Tâm trí và hoạt động là hai phần của cùng một vòng tuần hoàn, hơn thế nữa, vận động là sự biểu đạt của phần cấp cao hơn. Nếu không, chúng ta sẽ thành những người chỉ toàn cơ bắp, mà không có chút trí não nào. Nếu có thứ gì đó không bình thường như là một chiếc xương gãy thì cả chi sẽ không hoạt động được nữa. Con người khi đó sẽ chỉ phát triển đời sống thực vật và mối quan hệ giữa phần vận động và não đã bị tách rời. Bộ não đã bị tách khỏi vận động và cơ bắp. Đây *không phải là* độc lập; đây là sự phá vỡ mối gắn kết tuyệt vời mà tự nhiên đã quy định. Nếu quá trình phát triển tâm lý được nói đến, người ta sẽ nói là: “Vận động ư? Cần gì đến vận động, chúng ta đang nói về sự phát triển *tâm lý*!” Khi họ nghĩ đến sự phát triển tâm lý họ hình dung ra là tất cả đều ngồi xuống, không cử động gì hết. Nhưng sự phát triển tâm lý *phải được* gắn với và phụ thuộc vào vận động. Đây là ý tưởng mới cần đi vào lý thuyết và thực tiễn giáo dục.

Cho tới hiện nay hầu hết những nhà giáo dục đều coi vận động và cơ bắp là thành phần trợ giúp cho việc hít thở, tăng trưởng khả năng tuần hoàn... hoặc nếu vận động được chú ý, thì cũng là để tăng cường sức mạnh cơ bắp. Nó chỉ mãi là một phần của giáo dục thể chất. Quan niệm mới của chúng ta nhấn mạnh vào tầm quan trọng của vận động với tư cách là trợ thủ cho sự phát triển của bộ não, một khi nó được đặt vào mối quan hệ với các trung tâm. Sự phát triển tinh thần và thậm chí cả sự

phát triển tâm hồn cũng có thể và phải được vận động trợ giúp. Nếu không có vận động thì sẽ không có phát triển và không có sức khỏe (nói về khía cạnh tinh thần). Đây là một thực tế căn bản phải được quan tâm sát sao.

Tôi có thể sẽ được đề nghị chứng minh những thực tế này, nhưng chúng không phải các ý tưởng, càng không phải những kinh nghiệm cá nhân. Chúng được chứng minh bất cứ khi nào chúng ta quan sát thiên nhiên. Những quan sát về sự phát triển của đứa trẻ. Quan sát đứa trẻ, ta thấy rằng đứa trẻ phát triển tâm trí bằng việc sử dụng các cử động của mình. Sự phát triển của ngôn ngữ thể hiện sự cải thiện phát triển của khả năng nhận thức với khả năng vận động cơ bắp. Nhiều quan sát của các nhà khoa học chứng tỏ đứa trẻ phát triển trí thông minh của mình hầu hết qua vận động. Những quan sát được thực hiện trên toàn thế giới đã chỉ ra rằng đứa trẻ đã chứng minh rằng vận động giúp cho sự phát triển tâm lý và sự phát triển bộc lộ bản thân qua vận động. Vì thế, đây là một vòng tuần hoàn, vì cả tâm lý và vận động thuộc cùng một chủ thể. Những cơ quan cảm giác cũng trợ giúp. Nếu không có điều kiện thực hiện hoạt động cảm giác thì đứa trẻ sẽ kém thông minh hơn. Đó là lý do tại sao bài kiểm tra sự phát triển của trẻ nhỏ lại có ý nghĩa trợ giúp lớn đến cả *quá trình* giáo dục.

Cơ bắp (bắp thịt) hoạt động dưới sự chỉ đạo của não bộ được gọi là các cơ chủ động; có nghĩa là cơ bắp hoạt động nhờ ý chí của cá nhân. Ý chí là một trong những biểu hiện vĩ đại nhất của tâm lý. Nếu không có nguồn năng lượng đó thì đời sống tâm lý không thể tồn tại được. Vì thế, các cơ chủ động là các cơ phụ thuộc vào ý chí, chúng là một cơ quan tâm lý.

Những cơ bắp là phần chính của cơ thể. Ví như bộ xương, có tác dụng chống đỡ các cơ. Nếu chúng ta nhìn ai đó và nói anh ta mới đẹp trai làm sao, hoặc ngược lại, phom dáng của anh ta

có được là nhờ các cơ bắp gắn chặt vào xương. Mọi động vật đều được ban tặng một bộ khung xương và khi chúng ta thấy một con lạc đà với vẻ kiêu hãnh ngạo mạn của nó hay một cô gái duyên dáng bước đi hoặc một đứa trẻ đang chơi đùa, chúng ta chỉ thấy hình thù được trao cho mỗi sinh linh kia ở phần máu thịt (cơ). Thật thú vị khi nghiên cứu cơ bắp về mặt hình dáng và số lượng. Chúng có quá nhiều. Một số rất thanh mảnh, một số thì kền cằng, một số ngắn, một số dài, mỗi cơ lại có những chức năng khác nhau. Một thực tế lý thú là nếu có một cơ bắp hoạt động theo hướng này, sẽ luôn có một cơ bắp khác hoạt động theo hướng ngược lại, và sự trình diễn các lực tương phản này càng dữ dội và tinh xảo bao nhiêu, thì những cử động có được từ chúng càng tinh tế bấy nhiêu. Những bài tập ta thực hiện để đạt được sự hòa hợp của vận động là bài tập để đặt thêm nhiều nét hòa hợp vào hướng đối nghịch. Thế nên điều quan trọng không phải là đồng thuận, mà là *đối nghịch trong đồng thuận*.

Đứa trẻ hay người trưởng thành thường không ý thức được sự đối nghịch này, tuy thế đây là cách vận động diễn ra. Ở các loài động vật thì sự hoàn thiện của vận động được trao tặng bởi tự nhiên. Sự duyên dáng ở cú chồm của con hổ hay những bước nhảy của con sóc là do một sự dồi dào các lực đối nghịch được thực hiện để đạt được sự hòa hợp đó, như một cỗ máy tinh xảo hoạt động ngon lành, như một chiếc đồng hồ với những bánh răng đi theo những hướng ngược chiều nhau, khi cả cỗ máy hoạt động thuận lợi, chúng ta có được thời gian chính xác. Vì thế, cơ chế hoạt động của vận động là rất phức tạp và tinh tế hơn chúng ta tưởng. Ở con người thì cơ chế này không được thành lập sẵn trước khi ra đời và thế nên nó phải được tạo ra, đạt được qua các trải nghiệm thực tiễn trong môi trường. Số lượng các cơ ở người lớn đến nỗi anh ta có thể thực hiện bất cứ cử động nào, vì thế chúng ta không nói đến những bài tập vận động, mà là về sự

phối hợp của vận động. Sự phối hợp này không có sẵn, nó phải được tạo ra và đạt được bởi tâm lý. Nói cách khác, đứa trẻ tạo ra những vận động của chính mình và hoàn thiện chúng. Đứa trẻ là phần sáng tạo trong công việc này và rồi đạt được sự phát triển với thứ đứa trẻ đã tạo ra qua một chuỗi những bài tập vận động.

Thật tuyệt diệu khi mà những hoạt động của con người không bị giới hạn và cố định, anh ta có thể điều khiển được chúng. Một số loài vật có khả năng đặc thù là trèo hoặc chạy, mặc dù không phải những vận động đặc thù của con người, nhưng anh ta có thể làm tốt cả hai. Một số loài vật có khả năng đặc thù là sục vào lòng đất, đây không phải đặc tính đặc thù của con người, nhưng anh ta có thể vào sâu hơn bất loài vật nào. Vì thế, đặc điểm đặc thù của con người là anh ta có thể làm tất cả các cử động và phát triển nó hơn bất cứ loài vật nào; anh ta có thể tạo ra những hoạt động của chính mình. Vì thế, chúng ta có thể nói rằng đặc tính đặc thù của con người là sự đa tài vạn năng, nhưng có một điều kiện: anh ta phải tự thiết lập chúng. Anh ta phải lao động và sáng tạo bằng ý chí, và lặp lại những bài tập phối hợp một cách vô thức với mục đích của chúng, nhưng chủ động lấy đó làm chủ đạo. Vì thế, anh ta có thể chinh phục tất cả. Tuy thế, không cá nhân nào có thể chinh phục được tất cả những cơ bắp của mình, nhưng tất cả vẫn cứ tồn tại. Con người như thế một giống loài quá giàu có, anh ta giàu có đến nỗi anh ta chỉ có thể sử dụng một số tài sản của mình; anh ta chọn phần thích hợp. Nếu một người là một vận động viên điền kinh chuyên nghiệp, khả năng cơ bắp đặc biệt đó không được dành sẵn cho anh ta; hay không có chuyện một vũ công được sinh ra với những cơ bắp điều luyện cho việc khiêu vũ; anh ta hoặc cô ta phải tự phát triển chúng bằng ý chí. Bất cứ ai, dù muốn làm gì đi nữa, đều được tự nhiên ban tặng một nguồn tài nguyên dồi dào các cơ bắp để anh ta có thể chọn ra thứ mình cần, và tâm lý của anh ta có thể điều khiển và sáng tạo bất cứ quá trình phát triển nào. Không có gì

được định sẵn, nhưng mọi thứ lại đều có thể, miễn là có sự chỉ đạo phù hợp từ tâm trí của cá nhân.

Con người không sinh ra để làm cùng một việc giống như những con vật thuộc cùng một loài. Thậm chí nếu cùng một việc được làm bởi những người khác nhau, nó cũng vẫn được làm theo cách khác nhau. Chúng ta đều viết, nhưng mỗi người có nét chữ của riêng mình. Mỗi người luôn có con đường của riêng mình.

Chúng ta thấy được công việc của một cá nhân trong sự vận động đang được phát triển, và công việc của một cá nhân được biểu đạt trong đời sống tâm lý của anh ta; nó *chính là* bản thân đời sống tâm lý. Tâm lý có trong tay cả kho báu hùng vĩ những vận động, thế nên vận động được phát triển để phục vụ cho phần trung tâm, nói cách khác, cho đời sống tâm lý. Nếu con người không phát triển tất cả những cơ bắp của mình, thì cả

Mục tiêu của chúng ta là để con người có thể phát triển phối hợp các vận động cần thiết cho đời sống tâm lý của anh ta; để làm giàu thêm phần thực tiễn và mang tính điều hành của đời sống tinh thần. Nếu không thì bộ não sẽ phát triển tách rời và không được hiện thực hóa thông qua vận động và không thể hoàn thành chức năng chỉ đạo liên quan tới vận động.

với những cơ bắp được anh ta phát triển thì một số cũng chỉ để cho lao động thô. Nó cũng bị giới hạn bởi loại công việc có thể tiếp cận hoặc được chọn. Đời sống tâm lý của những người không làm gì hết luôn ở trong tình trạng bất ổn. Chúng ta có thể nói rằng dù mọi cơ bắp không thể được đưa vào hoạt động, đời sống tâm lý sẽ gặp nguy hiểm nếu số lượng chúng xuống dưới một giới hạn nhất định. Nếu số cơ được đem ra sử dụng không đủ, thì cả sự sống sẽ trở nên yếu ớt. Đó là lý do tại sao thể dục, các trò chơi... được đưa vào giáo dục.

Đời sống tâm lý sử dụng nhiều cơ bắp phải có sự xen kẽ các hoạt động thể chất và tinh thần. Mục đích trong việc sử dụng những cơ bắp này không phải để học điều gì mới. Một số phương thức giáo dục 'hiện đại' phát triển vận động chỉ bởi vì người ta có khát vọng thực hiện một mục đích trực tiếp nào đó trong đời sống xã hội. Ví dụ như là một đứa trẻ phải viết đẹp vì đứa trẻ sẽ trở thành một thầy giáo và một trẻ khác sẽ trở thành một người xúc than, vì thế đứa trẻ phải dùng xẻng giỏi. Sự huấn luyện hẹp hòi và trực diện này không trợ giúp cho mục đích hay mục tiêu của vận động. Mục tiêu của chúng ta là để con người có thể phát triển được sự phối hợp các vận động cần thiết cho đời sống tâm lý của anh ta; để làm giàu thêm phần thực tiễn và mang tính điều hành của đời sống tinh thần. Nếu không thì bộ não sẽ phát triển tách rời và không được hiện thực hóa thông qua vận động và không thể hoàn thành chức năng chỉ đạo liên quan tới vận động. Vận động khi đó hoạt động một mình, không được tâm lý chỉ đạo, sẽ dẫn tới sự hủy diệt. Vì vận động rất cần thiết cho đời sống con người trong mối quan hệ với môi trường và những người khác, chính là ở *cấp độ này* mà vận động phải được phát triển, để phục vụ cho cái toàn thể. Nó không hoạt động để thành số một ở bộ môn nghệ thuật hay nghề nghiệp của ai đó.

Bất động là không thể được, thế giới sẽ trở nên hỗn loạn nếu vận động bị ngưng lại hoặc nếu những sinh vật sống vận động phi mục đích. Tự nhiên giao một mục đích có ích cho mỗi sinh vật sống. Mỗi cá thể có những vận động đặc trưng của riêng mình và với mục đích cố định sẵn. Sự sáng tạo thế giới là quá trình phối hợp hài hòa của tất cả những hoạt động với một mục đích định sẵn.

Và hãy thử tưởng tượng xem xã hội loài người sẽ thế nào nếu không có vận động! Vận động của loài người thể hiện sự thông minh của một nhân cách. Nghĩ xem điều gì sẽ xảy ra nếu mọi người dừng cử động dù chỉ một tuần thôi. Mọi người sẽ chết. Lao động và vận động là một, vấn đề vận động là một vấn đề xã

hội. Đây không phải là vấn đề liên quan đến sự rèn luyện thân thể mang tính cá nhân. Nếu cả xã hội loài người trên toàn thế giới không làm gì trừ việc biểu diễn vài trò thể dục, loài người chẳng mấy chốc sẽ diệt vong. Tất cả năng lượng sẽ bị tiêu thụ chẳng vì mục đích gì.

Xã hội được hình thành bởi một phức hợp các cá thể, mỗi người vận động khác với người kia, tuân theo mục đích cá nhân của anh ta. Cá thể này vận động để thực hiện mục tiêu này. Nền tảng của xã hội được hình thành bởi vận động với mục đích có ích. Khi chúng ta nói tới 'hành vi', hành vi của loài người và của loài vật, chúng ta đề cập đến những vận động có mục đích của chúng. Hành vi này là trung tâm đời sống thực tiễn của chúng. Nó không bị bó hẹp trong đời sống thực tế của một ngôi nhà, lau dọn phòng, giặt quần áo... Việc này dĩ nhiên là quan trọng, nhưng mọi người trên thế giới phải vận động với một mục tiêu lớn hơn, tất cả phải lao động không chỉ vì bản thân, mà còn vì những người khác nữa. Thật lạ là lao động của con người cũng phải là lao động phục vụ cho những người khác nữa. Nếu không phải vậy, lao động của anh ta sẽ không có giá trị hơn những bài tập thể dục. Khiêu vũ có lẽ là một trong số những vận động mang tính cá nhân nhất, nhưng thậm chí cả khiêu vũ cũng trở nên vô ích nếu không có khán giả, nếu không có một mục đích xã hội hay giá trị. Người vũ công hoàn thiện vũ điệu của mình qua bao vất vả và khó nhọc, khiêu vũ vì những người khác. Người thợ may dành cả đời khâu vá, không thể mặc được hết những bộ quần áo anh ta may. Nhưng may vá, cũng giống như thể dục, đòi hỏi rất nhiều vận động có rèn luyện.

Nếu chúng ta có được tầm nhìn của kế hoạch mang tính trong đó mọi hình thái của sự sống trên thế giới đều được dựa trên những vận động có mục đích, có mục tiêu không chỉ cho mỗi bản thân, chúng ta sẽ có thể hiểu được và điều hành được lao động của đứa trẻ một cách tốt hơn.

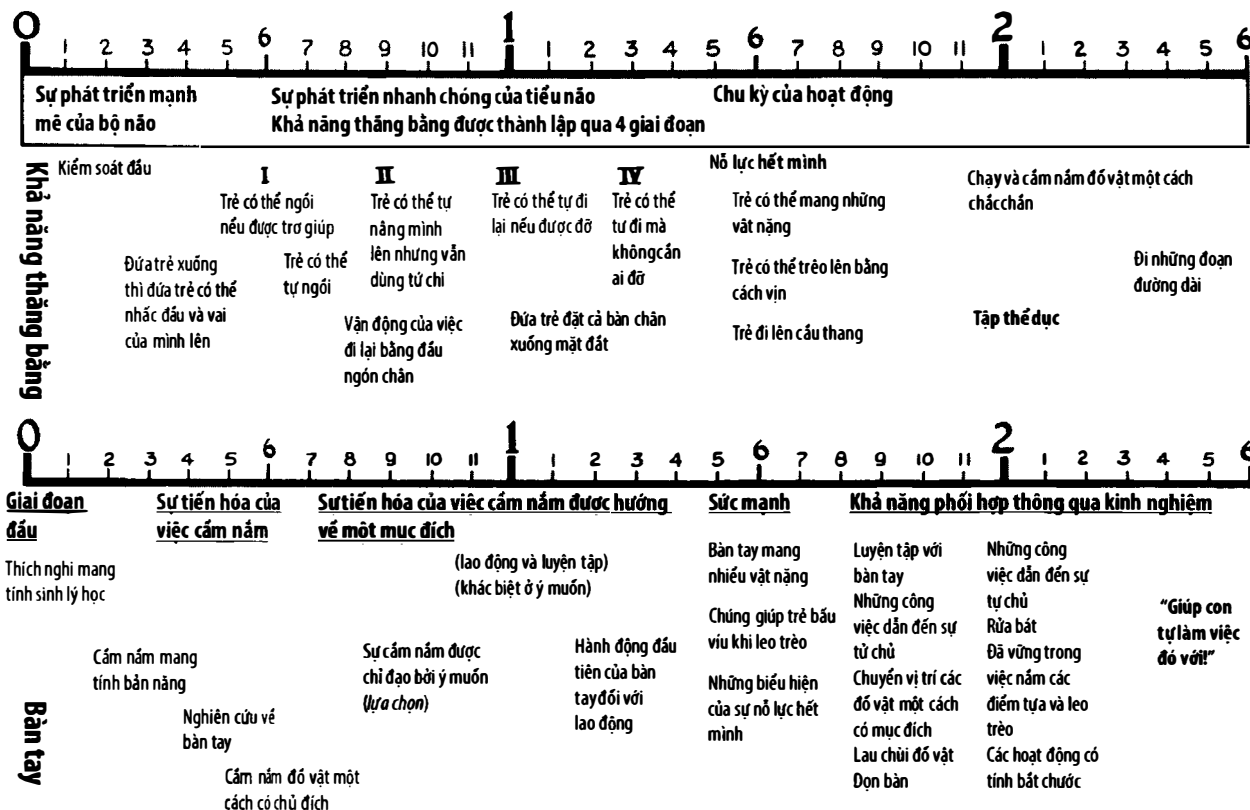
15

TRÍ THÔNG MINH VÀ BÀN TAY

Việc nghiên cứu sự phát triển cơ giới của vận động được coi là rất quan trọng, vì nó là một cỗ máy phức tạp, mỗi phần đều có giá trị to lớn. Đó là lý do tại sao vận động của bọn trẻ lại được nghiên cứu kỹ càng và vì không có thứ gì bị ẩn giấu, tất cả đều được bộc lộ ra ngoài nên dễ dàng theo dõi.

Ở hình 12, sự phát triển của vận động được thể hiện ở hai dòng với rất nhiều hình tam giác đứng trên nó. Những dòng kẻ này có tác dụng định hướng tới các dạng thức khác nhau của vận động, những tam giác đánh dấu mốc 6 tháng hay 12 tháng. Dòng bên dưới thể hiện sự phát triển của bàn tay và dòng trên thể hiện sự phát triển của khả năng thăng bằng và của việc đi lại, vì thế biểu đồ thể hiện sự phát triển của cả tứ chi.

Ở tất cả các loài vật thì tứ chi phát triển cùng nhau trong quá trình vận động, nhưng ở con người thì một cặp chi này phát triển riêng rẽ với cặp chi kia. Chức năng của đôi chân khá khác biệt so với chức năng của đôi tay. Một điểm nổi bật khác nữa là sự phát triển của việc đi lại và sự thăng bằng cố định ở mọi người đến nỗi ta có thể gọi nó là một thực thể sinh học. Ta có thể nói rằng sau khi



Hình 12. Quá trình phát triển của vận động

ra đời thì con người sẽ đi lại và mọi người sẽ làm cùng một việc như thế với đôi chân của mình, nhưng chúng ta không biết một cá thể người sẽ làm gì với bàn tay của anh ta. Chúng ta không biết được hoạt động đặc thù nào của bàn tay là có thể thực hiện được hoặc đã có thể thực hiện được trong quá khứ; chức năng của chúng không được định sẵn. Vì thế, các dạng vận động có một ý nghĩa khác nhau khi xét đến tay hoặc chân.

Chắc chắn rằng chức năng của chân mang tính sinh học, nhưng nó lại liên quan tới một sự phát triển nội tại trong bộ não. Chỉ có duy nhất loài người có thể đi bằng hai chân, tất cả những động vật có vú khác đi bằng bốn chân. Khi một đứa trẻ đã có thể đạt tới nghệ thuật đi bằng hai chân thì nó sẽ chỉ đi bằng hai chân và gắng giữ trạng thái khó nhọc của việc phải giữ thăng bằng liên tục. Khả năng thăng bằng này là rất khó đạt được, nó là một cuộc chinh phục thực sự. Nó đòi hỏi đứa trẻ phải đặt toàn bộ bàn chân mình lên mặt đất, trong khi đó hầu hết các động vật đều đi trên đầu ngón chân, vì sử dụng bốn chân nên chỉ cần chạm khoảng đất nhỏ. Bàn chân được sử dụng cho việc đi lại có thể được nghiên cứu từ quan điểm sinh lý học, sinh học và giải phẫu học, nó liên quan tới cả bốn lĩnh vực đó.

Nếu bàn tay không có sự chỉ dẫn sinh học này, vì những hoạt động không được định sẵn, thì nó có liên quan tới cái gì? Nếu không liên quan tới sinh học và sinh lý học, nó phải có một mối liên hệ mang tính tâm lý học. Bàn tay khi đó phụ thuộc vào tâm lý để có thể phát triển, và không chỉ vào tâm lý của một bản ngã cá nhân, mà còn vào đời sống tâm lý ở những giai đoạn khác nhau. Chúng ta thấy rằng sự phát triển của bàn tay có liên quan tới sự phát triển của trí tuệ loài người và nếu chúng ta nhìn lại lịch sử, nó có liên quan tới sự phát triển của nền văn minh. Chúng ta có thể nói rằng, khi con người suy nghĩ, anh ta suy nghĩ và hoạt động với bàn tay mình. Gần như ngay khi con người xuất hiện trên trái đất, anh ta đã để lại dấu vết của những công

việc được thực hiện bằng tay. Ở những nền văn minh lớn trong quá khứ luôn luôn có những mẫu vật được thực hiện bằng tay. Ở Ấn Độ, chúng ta có thể thấy những tác phẩm tinh xảo đến nỗi gần như không thể bắt chước được; ở Cổ Ai Cập cũng có dấu vết của nhiều tác phẩm cực kỳ tinh xảo. Nếu nền văn minh thuộc một dạng thức kém tinh tế, thì những đồ kỹ nghệ còn được lưu lại không thể tinh tế được.

Sự phát triển của bàn tay vì thế gắn liền với sự phát triển của trí thông minh. Chắc chắn rằng hình dạng tinh xảo của các đồ kỹ nghệ cần sự chú ý và chỉ dẫn của trí tuệ thì mới có thể thực hiện được. Ở thời Trung Cổ, tại châu Âu có một giai đoạn thức tỉnh trí thức vĩ đại và cùng thời điểm xuất hiện những trang viết truyền tải những tư tưởng mới. Thậm chí cả sự sống của linh hồn, thứ dường như quá xa vời với trái đất và những sự vật trên trái đất, cũng vẫn bị ảnh hưởng, vì chúng ta thấy kết quả của nó trong các đền thờ nơi người ta thờ cúng, và điều này được tìm thấy ở bất cứ nơi nào có đời sống tâm linh.

Thánh Francis thành Assisi đã nói: “Anh thấy những ngọn núi này chứ, đây là những ngôi đền của chúng tôi và từ đây chúng tôi phải tìm kiếm những nguồn cảm hứng.” Tuy thế, khi có người đề nghị xây một nhà thờ, ông và những người anh em tâm linh của mình vì nghèo nên đã sử dụng những tảng đá sẵn có. Họ đều bê những tảng đá đi xây một nhà nguyện. Tại sao họ lại làm thế? Vì nếu có một tinh thần tự do thì nó phải được hiện ra ở một dạng công việc nào đó và bàn tay phải được đem ra sử dụng. Ở khắp mọi nơi đều có những dấu ấn bàn tay con người, nhờ những dấu vết này, chúng ta có thể đọc được tinh thần của con người và cách nghĩ trong thời đại của anh ta.

Nếu chúng ta nói đến Thiên Chúa giáo, sẽ khó có thể chứng minh được ảnh hưởng của nó, nhưng khi chúng ta nhìn những đất nước ngập tràn những nhà thờ, với những tác phẩm nghệ

thuật và những thứ vải vóc đẹp để đủ chủng loại, với bệnh viện và các cơ sở giáo dục, chúng ta có thể nhận ra ảnh hưởng tâm linh và văn hóa của nó.

Nếu chúng ta nhìn vào quá khứ mờ ảo, nơi ngay cả xương cốt cũng không còn lưu lại, thứ gì cho chúng ta kiến thức về những dân tộc và thời đại của họ? Những tác phẩm nghệ thuật của họ. Khi chúng ta nhìn lại thời kỳ tiền sử này, chúng ta thấy ở đó những

Sự thông minh của đứa trẻ sẽ đạt tới một điểm nào đó mà không sử dụng đến bàn tay. Nhưng đôi bàn tay giúp trẻ đạt tới một trình độ cao hơn, và đứa trẻ sử dụng đôi tay sẽ có một nhân cách mạnh mẽ.

hình thái văn minh thô ráp hơn chỉ dựa trên sức mạnh cơ bắp: những bức tượng và những tác phẩm nghệ thuật được dựng lên từ những khối đá khổng lồ và chúng ta băn khoăn không hiểu làm sao chúng có thể đến đó được. Ở những nơi khác, chúng ta thấy những tác phẩm nghệ thuật tinh xảo hơn và chúng ta nói: "Ở đây có một chủng tộc tinh tế hơn." Làm sao chúng ta biết được? Chẳng có người nào thuộc chủng tộc đó còn sống cả, nhưng những tác phẩm do con người làm nên đã cho chúng ta biết. Vì thế, chúng ta có thể thấy rằng bàn tay đã đi theo và chạm tới trí tuệ, tinh thần và tình cảm, đã để lại cho chúng ta dấu vết của loài người. Thậm chí, nếu chúng ta không chọn quan điểm tâm lý học, chúng ta vẫn thấy rằng tất cả những thay đổi trong môi trường của con người đều được thực hiện bởi bàn tay loài người. Thực thể, mục đích của việc sở hữu trí tuệ gần như là để có được đôi bàn tay, vì nếu trí tuệ của nhân loại chỉ xây dựng ngôn ngữ nói cho anh ta giao tiếp với những người khác, sẽ chẳng còn gì được lưu lại khi chủng tộc người đó tuyệt chủng. Chính nhờ có đôi bàn tay luôn đi cùng trí thông minh mà nền văn minh đã được xây dựng, vì thế chúng ta hoàn toàn có thể

nói rằng bàn tay là cơ quan được trao tặng cho loài người trong kho tàng vô giá đó.

Vì thế, bàn tay có mối quan hệ với đời sống tâm lý. Các nhà nghiên cứu bàn tay đã chỉ ra rằng, có một luồng suy nghĩ coi lịch sử nhân loại được khắc ghi trên bàn tay, rằng đây là một cơ quan tâm lý. Do đó, nghiên cứu sự phát triển tâm lý của đứa trẻ phải được gắn kết mật thiết với nghiên cứu sự phát triển của đôi bàn tay. Đứa trẻ đã chỉ rõ rằng sự phát triển của chúng có liên quan tới bàn tay. Chúng ta có thể diễn đạt điều đó theo cách này: Sự thông minh của đứa trẻ sẽ đạt tới một điểm nào đó mà không sử dụng đến bàn tay. Nhưng đôi bàn tay giúp trẻ đạt tới một trình độ cao hơn, và đứa trẻ sử dụng đôi tay sẽ có một nhân cách mạnh mẽ hơn. Thế là chúng ta thấy rằng thậm chí cả sự phát triển của nhân cách, thứ dường như hoàn toàn thuộc về lĩnh vực tâm lý, sẽ chỉ tồn tại ở những dạng thức cơ bản, nếu nó không có cơ hội được thực hành vào môi trường (mà có nghĩa là qua đôi tay). Đứa trẻ đã chỉ cho chúng ta một cách thật rõ ràng rằng nếu (do các hoàn cảnh trong môi trường) đứa trẻ không thể sử dụng tay mình, nhân cách của đứa trẻ sẽ dừng lại ở một mức độ rất thấp, không có khả năng vâng lời, không có tính chủ động, lười nhác và buồn bã. Trong khi đó, đứa trẻ có khả năng hoạt động với đôi tay mình thể hiện một sự phát triển và mạnh mẽ về nhân cách. Điều này gợi chúng ta nhớ tới một điểm lý thú trong nền văn minh Ai Cập khi những tác phẩm làm bằng tay hiện diện ở khắp mọi nơi, trong lĩnh vực nghệ thuật, xây dựng, tôn giáo. Nếu chúng ta đọc những chữ khắc trên những lăng mộ vào thời đó thì sẽ thấy những lời ngợi ca dành cho bất cứ ai đều do người đó có một nhân cách cao quý. Sự phát triển nhân cách rất quan trọng đối với họ và họ là dân tộc thực hiện những công trình lớn hoàn toàn bằng tay. Đây là một ví dụ chứng tỏ vận động của bàn tay, theo suốt chiều dài lịch sử đã đi theo sự phát triển của nhân cách và nền văn minh. Nó chỉ ra bàn tay có liên quan tới cá nhân như thế nào. Và nếu chúng ta khảo sát cách tất cả những người

này đi lại, chúng ta luôn thấy dĩ nhiên là họ đi bằng hai chân, đứng thẳng và thăng bằng tốt. Có thể họ nhảy múa và chạy khác nhau, nhưng họ luôn sử dụng hai chân cho những vận động thông thường.

Do đó, sự phát triển vận động có hai lớp: một phần sinh học và phần kia, dù có sử dụng cơ bắp, lại liên kết với đời sống nội tại. Nếu nghiên cứu đứa trẻ, chúng ta phải nghiên cứu hai quá trình phát triển: sự phát triển của bàn tay tách biệt với khả năng thăng bằng và khả năng đi lại. Ở hình 12, ta thấy rằng chỉ khi được 1 tuổi rưỡi, ở trẻ mới xuất hiện mối quan hệ giữa tay và chân. Đôi bàn chân có thể đi lại và đưa đứa trẻ tới các nơi khác nhau trên trái đất này, để đứa trẻ có thể làm việc với đôi tay của mình. Một người đàn ông cứ đi, đi mãi và dần dần đi hết cả bề mặt trái đất, anh ta đã để lại phía sau dấu vết của quãng đời mình ở đó nhờ đôi bàn tay lao động.

Khi khảo sát về ngôn ngữ, chúng ta thấy rằng ngôn từ có liên quan đặc biệt với thính giác, nhưng trong quá trình phát triển của vận động thì ngôn ngữ có liên hệ với thị giác. Đầu tiên, chúng ta phải có mắt để nhìn xem mình sẽ đặt chân ở đâu, và khi chúng ta làm việc với đôi tay thì chúng ta phải xem mình đang làm gì. Đây là hai giác quan đặc biệt gắn bó với sự phát triển: thính giác và thị giác. Trong quá trình phát triển của đứa trẻ cần có sự quan sát môi trường vì đứa trẻ phải biết được môi trường trong đó mình sẽ vận động. Sự quan sát này được thực hiện trước khi đứa trẻ có thể cử động và rồi đứa trẻ tự định hướng mình trong môi trường đó. Vì thế, khả năng định hướng trong môi trường và vận động đều liên quan tới sự phát triển tâm lý. Đó là lý do tại sao đứa trẻ mới sinh lúc đầu lại nằm bất động, khi đứa trẻ cử động thì đứa trẻ tuân theo sự chỉ dẫn của hệ thống tâm lý.

Sự phát triển về vận động đầu tiên là khả năng cầm nắm. Ngay khi bàn tay nắm được thứ gì đó thì ý thức đã được gọi tới

bàn tay. Khả năng nắm bắt lúc đầu chỉ là vô thức và rồi trở nên có ý thức. Bàn tay kêu gọi sự chú ý của ý thức trong khi đôi bàn chân thì không. Khi ý thức được gọi tới thực tế này, khả năng nắm bắt được phát triển, thế là thứ lúc đầu là sự nắm bắt mang tính bản năng đã trở thành sự nắm bắt có mục đích vào lúc 6 tháng tuổi. Đến tháng thứ 10, việc quan sát môi trường đã đánh thức sự hứng thú trong đứa trẻ và đứa trẻ muốn nắm được nó; sự nắm bắt có mục đích được đồng hành với khát vọng và sự nắm bắt giản đơn đã dừng lại. Sau đó, bắt đầu bài luyện tập của bàn tay, nó bắt đầu thay đổi vị trí các đồ vật. Có tầm nhìn bao quát môi trường, có khát khao và đôi tay bắt đầu làm một điều gì đó trong môi trường. Trước khi được 1 tuổi thì đứa trẻ thực hiện rất nhiều hành động thuộc đủ loại lao động với bàn tay mình. Đứa trẻ mở và đóng cửa, ngăn kéo, tháo mở nắp chai, đặt đồ vật sang một bên rồi lại để chúng lại chỗ cũ... Chính nhờ những bài tập này mà đứa trẻ có được khả năng cầm nắm.

Chuyện gì đã xảy ra với đôi chân? Chẳng trí thông minh hay ý thức được cầu viện đến hết. Tuy thế lại có một hoạt động mang tính giải phẫu diễn ra: sự phát triển nhanh chóng của tiểu não, bộ phận chi đạo khả năng thăng bằng. Như thế có một chiếc chuông rung lên và kêu gọi một cơ thể bất động đứng dậy và đạt được khả năng thăng bằng. Môi trường chẳng động gì đến nó hết, tiểu não ra lệnh cho nó. Đứa trẻ, bằng nỗ lực và sự trợ giúp, ngồi dậy và rồi tự đứng lên. Những nhà tâm lý học nói rằng, con người đứng dậy trong vòng bốn giai đoạn. Rồi đứa trẻ lật ngửa và bò rồi vịn tường để đi nhưng là trên các đầu ngón chân. Trước đó, thậm chí cả với sự giúp đỡ của đôi tay, đứa trẻ cũng sẽ không đi được, tiểu não chứ không phải môi trường mới đứng ra lãnh trách nhiệm.

Khi đứa trẻ tự đứng được, đứa trẻ đặt cả bàn chân của mình lên mặt đất; đứa trẻ đã đạt được thể đứng thẳng bình thường của con người và có thể đi lại nếu bám vào vật nào đó. Sau một

thời gian thì đứa trẻ có thể tự đi một mình. Đứa trẻ tự nhủ: “Tạm biệt, tôi có hai chân rồi, và tôi đi đây!” Một giai đoạn độc lập khác đã được hoàn thành, vì giành lấy độc lập là khởi đầu cho việc tự mình làm mọi thứ. Triết lý của những bước phát triển này cho chúng ta biết rằng quyền độc lập và sự phát triển của con người có được là do nỗ lực. Nếu đã có được độc lập thì đứa trẻ sẽ tiến triển rất nhanh chóng, còn không thì tiến trình phát triển sẽ chậm chạp. Vì thế, nếu chúng ta lưu giữ bức tranh này trong tâm trí thì chúng ta sẽ biết cách đối xử với trẻ, và đây quả thực là một chỉ dẫn tốt. Chúng ta được dạy là không giúp đứa trẻ, trong khi chúng ta luôn chực để được giúp đỡ. Đứa trẻ có khả năng tự đi phải được để cho tự đi, vì mọi quá trình phát triển đều được tăng cường bởi luyện tập và mọi thành tựu đều được xác nhận từ luyện tập. Khi một đứa trẻ tới 3 tuổi rồi mà vẫn được bế đi, như tôi thường hay thấy, sự phát triển của đứa trẻ không những không được trợ giúp, mà còn bị hạn chế. Ngay khi đứa trẻ đạt được khả năng độc lập, người trưởng thành mà tiếp tục giúp đỡ đứa trẻ sẽ trở thành một vật cản đối với đứa trẻ. Vì thế, chúng ta không được phép bế đứa trẻ, mà phải cho phép đứa trẻ tự đi, và nếu tay đứa trẻ muốn hoạt động, chúng ta phải cho đứa trẻ những động lực hoạt động có tính trí tuệ. Đứa trẻ bằng những hoạt động của mình sẽ bước trên con đường chinh phục những đỉnh cao mới của độc lập.

Người ta đã nhận thấy rằng có một yếu tố rất quan trọng và dễ thấy ở giai đoạn 1 tuổi rưỡi, đó là sự phát triển của đôi tay và đôi chân, đây chính là sức mạnh. Đứa trẻ đã đạt được sự nhanh nhạy, khả năng cầm nắm và đi lại này giờ đã là một con người mạnh mẽ. Thôi thúc đầu tiên của đứa trẻ trong việc làm bất cứ thứ gì là sử dụng sức mạnh tối đa; không chỉ để tập luyện, mà còn để thực hiện một nỗ lực tối đa (thật khác biệt so với người trưởng thành). Tự nhiên trao tặng và khẳng định với trẻ rằng: “Cậu đã có khả năng và độ nhanh nhạy để có thể đi khắp nơi,

giờ hãy trở nên mạnh mẽ nếu không thì chúng sẽ không có tác dụng gì hết.” Giờ là lúc sự liên lạc giữa bàn tay và khả năng thăng bằng diễn ra. Thế chúng ta thấy gì? Thay vì chỉ đi lại bình thường, đứa trẻ muốn đi xa và mang những đồ nặng. Bàn tay đã học cách cầm nắm cũng phải tự hoạt động bằng cách nâng đỡ và mang vác các vật nặng. Thế là chúng ta thấy đứa trẻ 1 tuổi rưỡi mang một bình nước lớn, điều chỉnh sự thăng bằng của mình và

Chúng ta được dạy là không giúp đứa trẻ, trong khi chúng ta luôn chực để giúp đỡ chúng. Đứa trẻ có khả năng tự đi phải được để cho tự đi, vì mọi quá trình phát triển đều được tăng cường bởi luyện tập và mọi thành tựu đều được xác nhận bởi luyện tập.

chậm chạp tiến bước. Trẻ có xu hướng phá vỡ những quy luật của trọng lực và vượt qua chúng. Trẻ đã học được cách đi lại, tại sao lại chỉ thỏa mãn với việc đi? Không! Đứa trẻ phải trèo và để làm được thế, nó phải nắm được một cái gì đó bằng tay mình và tự đẩy mình lên. Đây không còn là việc cầm nắm cái gì để sở hữu nữa, mà là cầm nắm với khát

khao được nâng người lên cao. Đây là một bài tập về sức mạnh và có cả một giai đoạn luyện tập sức mạnh này. Một lần nữa có tính logic của tự nhiên ở đây khi con người phải rèn luyện sức mạnh của mình. Điều gì sẽ diễn ra tiếp theo? Đứa trẻ, đã có khả năng đi lại, tin chắc vào sức mạnh của mình, nhìn những hoạt động của mọi người xung quanh mình và có khuynh hướng bắt chước họ. Nhiệm vụ đầu tiên của tự nhiên dành cho đứa trẻ là học hỏi, là hấp thu những hoạt động của loài người thuộc giai đoạn sống của đứa trẻ. Vì thế có một giai đoạn mang tính bắt chước, trong đó đứa trẻ bắt chước những hoạt động trong môi trường xung quanh không phải vì có ai đó bảo đứa trẻ hãy bắt chước họ, mà bởi vì một thôi thúc nội tại. Sự bắt chước này chỉ diễn ra nếu đứa trẻ được tự do hành động. Chúng ta sẽ thấy được tính logic của tự nhiên:

1. Bắt con người đứng thẳng.

2. Bắt anh ta đi khắp nơi và nâng cao sức mạnh.

3. Bắt ta học hỏi những hoạt động của mọi người xung quanh mình.

Có một sự chuẩn bị diễn ra trước hành động bắt chước. Đầu tiên, đứa trẻ phải tự chuẩn bị bản thân và những công cụ của mình, rồi đứa trẻ phải dũng cảm bắt chước hành động của người khác. Trong khi đứa trẻ làm thế, tự nhiên cũng khuyên đứa trẻ chuẩn bị bằng cách tập thể dục, trèo lên ghế và các bậc cầu thang. Rồi cũng sẽ đến giai đoạn mà đứa trẻ muốn tự làm mọi thứ. "Tôi đã chuẩn bị sẵn sàng rồi và giờ tôi muốn được tự do, cảm ơn!" Không nhà tâm lý học nào quan tâm đầy đủ đến việc đứa trẻ đã trở thành một người đi bộ vĩ đại muốn đi trên đôi chân của mình. Thường thì chúng ta bế đứa trẻ hoặc đặt đứa trẻ vào xe đẩy và thế là đứa trẻ tội nghiệp chỉ có thể đi trong tưởng tượng.

Đứa trẻ không thể đi được, chúng ta đưa đứa trẻ đi, đứa trẻ không thể lao động, chúng ta làm mọi việc cho đứa trẻ. Theo cách như vậy, khi vừa bước vào đời, chính chúng ta đã trao cho trẻ một phức cảm tự ti

16

PHÁT TRIỂN VÀ BẮT CHƯỚC

Trong Chương trước, chúng ta đã nói về đứa trẻ 1 tuổi rưỡi, độ tuổi này đã trở thành trọng tâm của mọi mối quan tâm và có tầm quan trọng nhất trong giáo dục. Ta có thể thấy lạ tại sao giai đoạn này lại quan trọng đến thế, đây là giai đoạn chi trên và chi dưới cùng phát triển. Đây là giai đoạn đứa trẻ ở vào thời kỳ cuối cùng của quá trình hình thành nhân cách. Sau đó 2 tuổi, đứa trẻ đã đạt đến độ chín muồi với sự bùng nổ của ngôn ngữ. Lúc 1 tuổi rưỡi là lúc đứa trẻ đang thực hiện những nỗ lực để biểu lộ những gì diễn ra bên trong mình. Đó là một thời kỳ của nỗ lực và cũng là một thời kỳ của kiến thiết.

Một khi tầm quan trọng của thứ gì đó đã được khám phá, mọi người ngay lập tức sẽ bắt tay hành động. Loài người rất hào phóng, họ tự thúc giục bản thân, thường là với lòng nhiệt tình quá mức, và trong trường hợp này cũng vậy. Những nhà triết học, những nhà tâm lý học, và cả những người khác đã xoáy sự chú ý của mình vào đứa trẻ từ 1 tuổi rưỡi đến 2 tuổi này. Đây là một thời kỳ phát triển trong đó sự quan tâm đặc biệt phải được thực hiện để không phá hủy những xu hướng của cuộc sống.

Nếu tự nhiên đã cho chúng ta những dấu hiệu rõ ràng rằng đây là giai đoạn của những nỗ lực tối đa thì chúng ta phải hỗ trợ cho những nỗ lực này. Đây là một nhận định chung, nhưng những người quan sát đã đưa ra những chi tiết chính xác hơn. Họ nhận định rằng ở thời kỳ này, đứa trẻ bắt đầu thể hiện bản năng bắt chước. Điều này, tự bản thân nó, không phải một phát kiến mới lạ, vì ở mọi thời đại người ta đã nói là trẻ em hay bắt chước, nhưng từ trước đến giờ nó chỉ là một nhận định hời hợt. Giờ đây, người ta đã nhận ra rằng đứa trẻ loài người phải *hiểu* trước khi bắt chước. Điều này rất hợp lý, nhưng lại chưa có ai nghĩ ra trước đó. Ý tưởng cũ là chúng ta chỉ việc hoạt động và đứa trẻ sẽ làm theo, gần như người lớn không còn trách nhiệm nào khác nữa. Dĩ nhiên, người ta cũng nói rằng người lớn phải làm tấm gương sáng cho trẻ noi theo. Điều này nhấn mạnh tầm quan trọng của tất cả những người trưởng thành, đặc biệt là các giáo viên. Họ phải nêu gương sáng về việc trở thành một con người tốt. Cả người mẹ cũng không phải ngoại lệ. Quan niệm thông thường là đứa trẻ nào chịu ảnh hưởng xấu thì lớn lên sẽ là đứa trẻ hư. Người lớn vì thế nhấn mạnh rằng anh ta đã nêu gương tốt cho con cái mình noi theo và trách nhiệm thực sự bị đổ lên đầu bọn trẻ xung quanh anh ta, đó là lỗi của chúng nếu chúng không trở nên tốt hơn nhờ tấm gương sáng mà người lớn đưa ra. Thực tế, trẻ không thể hoàn hảo như chúng ta kỳ vọng. Chúng ta muốn một nhân loại hoàn hảo và nghĩ rằng con người sẽ trở nên hoàn hảo bằng việc bắt chước chúng ta, nhưng chúng ta đâu có hoàn hảo; thật đúng là một điều phi lí! Tự nhiên đã không lý lẽ như chúng ta, nó đã lý luận theo cách khác, nó không quan tâm đến sự hoàn hảo ở người lớn. Thứ quan trọng là để có thể bắt chước hay noi theo, đứa trẻ phải được chuẩn bị sẵn để làm thế. Chính sự chuẩn bị này mới quan trọng và tiếp theo là những nỗ lực của bản thân đứa trẻ. Tấm gương chỉ đưa ra động lực noi theo, nó không phải là mục tiêu. Chính nỗ lực bắt chước mới là thứ phát

triển, không phải việc đạt được những tấm gương được đưa ra kia. Trên thực tế, đứa trẻ trong quá trình nỗ lực thường vượt trội về độ hoàn thiện và làm theo những tấm gương – thứ có tác dụng thúc đẩy trẻ.

Một số người nghĩ rằng: “Nếu tôi muốn con mình trở thành một nghệ sĩ dương cầm, tôi sẽ (hoặc một giáo viên) làm một người chơi dương cầm và đứa trẻ sẽ noi theo.” Nhưng thực tế không đơn giản như thế và rất nhiều người trong số chúng ta biết rằng đứa trẻ phải chuẩn bị đôi tay để có thể có được độ nhạy cần thiết điều khiển cây đàn kia. Nhưng chúng ta cứ đi theo cách lý luận đơn giản này ở cả những vấn đề có cấp độ cao hơn. Chúng ta đọc hoặc kể cho đứa trẻ nghe những câu chuyện về những vị anh hùng, các vị thánh và nghĩ rằng đứa trẻ sẽ noi theo. Không đơn giản như vậy. Tâm tư của đứa trẻ phải được chuẩn bị trước. Ta không thể trở nên vĩ đại bằng việc bắt chước được. Một tấm gương cũng phải trang bị cảm hứng và mục tiêu, bản năng bắt chước khơi dậy khả năng nỗ lực, nhưng thậm chí cả khi đó ta cũng phải có sự chuẩn bị sẵn để thực hiện việc này, và trong giáo dục, tự nhiên đã chỉ ra rằng nếu không có sự chuẩn bị thì không sự bắt chước nào có thể thực hiện được. Nỗ lực không nhằm vào bắt chước, nó nhằm vào việc *tạo ra trong bản thân nó khả năng bắt chước*, vào việc biến đổi bản thân thành thứ ta khao khát. Do đó, ta thấy được giá trị của sự chuẩn bị gián tiếp trước mọi sự. Tự nhiên không chỉ trao cho ta khả năng bắt chước, mà cả khả năng biến đổi bản thân thành điều tấm gương đã đề ra. Nếu chúng ta, những nhà giáo dục học, tin vào việc trợ giúp cho cuộc sống, chúng ta phải xem liệu những điều chúng ta có thể giúp được là gì.

Nếu ta quan sát một đứa trẻ trong độ tuổi này, ta thấy rằng có những hoạt động nhất định mà đứa trẻ rất thích làm. Đối với chúng ta, hành động của trẻ có vẻ kỳ dị, nhưng điều đó không quan trọng. Đứa trẻ cho rằng mình phải thực hiện việc đó. Có

một sự thôi thúc mang tính sống còn với việc thực hiện một số việc, và nếu vòng tuần hoàn của sự thôi thúc này bị phá vỡ, sẽ dẫn tới kết quả là sự chệch hướng và trẻ sống thiếu mục đích. Khả năng thực hiện chu trình hoạt động này giờ đã được coi là quan trọng, nó là một sự chuẩn bị gián tiếp. Thậm chí, suốt cả cuộc đời chúng ta vẫn gián tiếp chuẩn bị cho tương lai. Trong cuộc sống của những người có nhiều thành tựu trên thế giới, luôn có khoảng thời gian trước để chuẩn bị; nó có thể không ở cùng cấp độ với sản phẩm cuối cùng, nhưng có một nỗ lực mãnh liệt ở một cấp độ nào đó mà có thể chuẩn bị cho tinh thần, và nỗ lực này phải được mở rộng hoàn toàn, vòng tuần hoàn phải được hoàn thành. Thế nên nếu chúng ta thấy bất cứ hoạt động trí tuệ nào ở trẻ, thậm chí nếu với chúng ta nó có vẻ thật kỳ quái và không theo ý muốn của chúng ta (dĩ nhiên miễn là nó không nguy hại đến tính mạng và các chi!), chúng ta không được phép can thiệp. Trẻ ở độ tuổi này thể hiện rất nhiều phương thức thú vị trong việc thực hiện chu trình hoạt động này; ta thấy bọn trẻ dưới 2 tuổi mang những vật nặng hơn nhiều so với sức của chúng, và chẳng vì lý do rõ ràng nào. Trong ngôi nhà của một người bạn tôi có những chiếc ghế để chân rất nặng, thế mà đứa trẻ 1 tuổi ruỗi trong gia đình cứ cố hết sức bê tất cả chúng sang hết phòng này đến phòng khác. Trẻ thường giúp dọn bàn và mang những ổ bánh mì cao đến nỗi quá tầm nhìn của mình. Chúng sẽ tiếp tục làm những việc này, mang đồ đi đi lại lại, cho tới khi chúng mệt nhoài. Phản ứng thông thường của người lớn là thông cảm với nỗ lực của đứa trẻ, họ đỡ vật nặng đó dùm đứa trẻ, nhưng những nhà tâm lý học đã nhận ra rằng những 'trợ giúp' như thế sẽ ngăn trở chu trình hoạt động do chính đứa trẻ lựa chọn, là một trong những sự kìm kẹp lớn nhất đối với độ tuổi này. Sự chệch hướng của rất nhiều trẻ 'khó bảo' có thể tìm thấy dấu vết ở vòng tròn hoạt động bị gián đoạn này. Một nỗ lực khác là trèo cầu thang. Đối với chúng ta thì trèo một bậc thang khó nhọc là một mục

tiêu, nhưng với đứa trẻ lại không phải thế. Trèo được rồi thì đứa trẻ vẫn chưa thỏa mãn, đứa trẻ phải trèo xuống điểm khởi đầu để hoàn thành vòng tuần hoàn và việc này cũng lặp đi lặp lại rất nhiều lần. Những cầu trượt bằng gỗ hoặc bằng bê tông chúng ta thấy ở các sân chơi cho chúng cơ hội thực hiện những hoạt động này, đó chính là niềm vui được trèo cao, niềm vui của nỗ lực.

Rất khó đáp ứng được yêu cầu của các nhà tâm lý khi họ đòi hỏi môi trường để trẻ có thể hoạt động mà không bị làm phiền. Vì thế, những trường học dành cho trẻ rất nhỏ là rất quan trọng, đặc biệt là trường dành cho những em bé từ 1 tuổi rưỡi. Tất cả các thể loại sản phẩm đã được tạo ra ở những ngôi trường đó: những ngôi nhà nhỏ trên cây có thang để trèo lên trèo xuống. Ngôi nhà không phải nơi để ở hay nghỉ ngơi, mà là một điểm đến để ta có thể đi lên và rồi lại đi xuống; nỗ lực chính là mục tiêu, nhưng ngôi nhà là trung tâm sự chú ý của trẻ. Chúng ta nhận thấy điều đó ngay ở chính giáo cụ: nếu đứa trẻ muốn mang vác vật gì, chúng luôn chọn hoặc thang nâu hoặc những khối hình trụ vì chúng rất nặng. Vì thế bản năng leo trèo quá đổi hiển nhiên ở trẻ kia cũng chỉ là một nỗ lực để tự đẩy bản thân lên, đứa trẻ tìm kiếm những thứ *khó* trong môi trường để trèo lên, ví dụ như là cái ghế chằng hạn. Nhưng cầu thang là một niềm vui vô cùng lớn lao, vì có một khuynh hướng trong đứa trẻ muốn được đi lên cao. Tôi đã từng thấy một đứa trẻ trèo lên một cầu thang rất dốc từ tầng này tới tầng khác của một ngôi nhà; những bậc thang dốc đến mức chúng cao tới tận bụng đứa trẻ và đứa trẻ phải dùng cả hai tay để nâng mình lên rồi quành hai chân ra thành một tư thế rất dẻo ngoéo, nhưng đứa trẻ đã có đủ kiên cường để lên đến đỉnh, 45 bậc. Rồi đứa trẻ ngoái đầu nhìn lại thành quả mình đạt được, mất thăng bằng và ngã chúi xuống những bậc cầu thang. Chúng cần được trải thảm dày, khi đứa trẻ bị rơi tới bậc cuối cùng và lại ở dưới chân cầu thang, đứa trẻ quay người nhìn ngay lại vào phòng. Chúng tôi nghĩ đứa

trẻ sẽ khóc, nhưng đứa trẻ lại cười như thể muốn nói rằng: “Đi lên mới khó làm sao và đi xuống mới dễ dàng làm sao. Đúng như mình tưởng!”

Đôi khi những nỗ lực này là những nỗ lực của sự tập trung và sự phối hợp nhuần nhuyễn các cử động, chứ không chỉ đơn thuần là những nỗ lực của sức mạnh. Đứa trẻ 1 tuổi rưỡi mà tôi biết, người được tự do đi lại quanh nhà, đã tới một phòng để đồ nơi có 12 chiếc khăn ăn lớn, được hồ cứng và ủi cẩn thận để cất đi. Đứa trẻ cầm chiếc ở trên cùng lên bằng cả hai tay, vui sướng khi thấy nó rời khỏi đồng khăn, đi dọc hành lang và đặt nó trên sàn nhà ở góc xa nhất. Làm thế xong thì đứa trẻ quay lại lấy một chiếc khác và đặt nó vào cùng chỗ đó; đứa trẻ làm việc này với tất cả 12 chiếc khăn ăn. Mỗi lần rút một chiếc, đứa trẻ nói: “Một”. Sau khi đã đặt hết chúng vào trong góc, theo cách nghĩ của chúng ta thì công việc thế là đã hoàn thành, nhưng không! Ngay khi chiếc cuối cùng yên vị trong góc nhà, đứa trẻ bắt đầu từ đó và mang hết chúng lại đúng chỗ cũ, và lại nói “một”, mỗi lần cầm một chiếc khăn và để chúng lại đúng vị trí ban đầu. Độ tập trung và sự căng thẳng của đứa trẻ trong cả quá trình thật tuyệt vời và khuôn mặt đứa trẻ có vẻ vui sướng khi bỏ đi để thực hiện những nhiệm vụ khác của chính mình.

Những ví dụ về các chu trình hoạt động có vẻ phi mục đích mà đứa trẻ thực hiện lại tạo ra sự phối hợp nhuần nhuyễn giữa các cơ quan. Và bằng cách ấy, đứa trẻ đã thu được gì? Đứa trẻ đã tự chuẩn bị để bắt chước một số điều nhất định. Phải có một đồ vật nào đó trong những bài tập này, nhưng đồ vật đó không phải là mục đích thực sự; trẻ tuân theo một thôi thúc nội tại. Khi đã chuẩn bị sẵn sàng, đứa trẻ có thể bắt chước, môi trường có nhiệm vụ khơi gợi cảm hứng. Việc quét nhà hay làm bánh mì mà mỗi đứa trẻ được thấy đã trở thành cảm hứng khiến bản thân trẻ cũng muốn làm theo.

Đi lại và khám phá

Chúng ta hãy xem xét đứa trẻ 2 tuổi và nhu cầu đi lại khi mà hầu hết những nhà tâm lý học không quan tâm đến. Đi lại là nhu cầu tự nhiên của đứa trẻ. Trẻ đi lại để thành một con người thực thụ và tất cả những khả năng của con người đều đang được xây dựng trong giai đoạn này. Một đứa trẻ 2 tuổi có thể đi tới một hoặc hai ki-lô-mét, nếu đứa trẻ muốn trèo, thì càng tốt. Những khó khăn trẻ trải qua khi đi dạo chính là những điểm lý thú. Chúng ta phải nhận ra được việc đi lại có ý nghĩa gì đối với đứa trẻ; nó khác với suy nghĩ của chúng ta. Suy nghĩ rằng đứa trẻ không thể đi được bất cứ quãng đường nào đến từ việc chúng ta hy vọng nó sẽ đi theo tốc độ của chúng ta. Điều đó cũng khôn ngoan như nếu chúng ta buộc mình vào một con ngựa và nếu, khi chúng ta mệt mỏi với việc phải cố chạy theo nó, nó sẽ nói: “Đừng bận tâm, trèo lên lưng tôi đi và chúng ta sẽ cùng đến đích.” Đứa trẻ không muốn ‘đến nơi’, đứa trẻ muốn đi, nhưng chân đứa trẻ lại không tương đương về tỷ lệ với chân của chúng ta và cũng không tương ứng với kích thước của cơ thể đứa trẻ (xem hình 7), vì thế không được bắt đứa trẻ đi theo chúng ta, chúng ta phải đi theo đứa trẻ. Sự cần thiết phải ‘đi theo đứa trẻ’ được minh chứng một cách rõ ràng ở đây, nhưng chúng ta phải nhớ rằng đó là quy luật cho việc giáo dục trẻ trong mọi lĩnh vực. Đứa trẻ có những quy luật phát triển của riêng mình, nếu chúng ta muốn giúp đứa trẻ phát triển, chúng ta phải đi theo đứa trẻ, chứ không áp đặt bản thân mình lên đứa trẻ. Đứa trẻ đi bằng mắt cũng như bằng chân, và chính những sự vật thú vị trong môi trường đã đưa đứa trẻ đi. Đứa trẻ đi và nhìn thấy một chú cừu đang ăn cỏ, đứa trẻ thấy hay hay và ngồi xuống cạnh nó, nhìn nó; rồi đứa trẻ đứng dậy và đi ra xa hơn, đứa trẻ thấy một bông hoa nên ngồi xuống cạnh nó và ngửi nó; rồi thấy một cái cây, đứa trẻ đi lên chỗ nó và ngược mắt nhìn. Bằng cách này đứa trẻ đi được cả ki-lô-mét; đó là những cuộc đi dạo đầy những chặng nghỉ và cùng lúc ấy cũng

đầy những thông tin hấp dẫn. Nếu có gì đó khó khăn như một tảng đá lớn chặn đường, đó sẽ là tội đình hạnh phúc của đứa trẻ. Nước là một nguồn hấp dẫn lớn khác. Thịnh thoảng, cậu bé sẽ ngồi xuống và nói: “Nước” một cách vui sướng và tất cả những gì ta có thể thấy là một dòng nước tí xíu chảy nhỏ giọt. Thế là cậu bé có một ý tưởng về việc đi lại khác với người bảo mẫu, người muốn đến một điểm nào đấy trong khoảng thời gian ngắn nhất có thể. Bà đưa cậu bé đến một công viên để đi dạo hoặc một cuộc ‘hít thở không khí’ trong chiếc xe nôi, mui xe dựng lên để che khuất tầm nhìn của trẻ.

Những thói quen của đứa trẻ cũng giống như những bộ lạc nguyên thủy trên trái đất. Người nguyên thủy có thói quen đi cho tới khi họ thấy thứ gì đó hấp dẫn mình, một khu rừng mà có thể cung cấp gỗ, một nơi có thể gieo trồng... Đứa trẻ cũng làm đúng như vậy, đó là một phương thức rất tự nhiên. Bản năng đi khắp nơi trong môi trường, chuyển từ sự thu hút này đến niềm đam mê khác hình thành một phần của chính tự nhiên và của giáo dục. Giáo dục phải coi người lữ hành đang đi là một *nhà thám hiểm*. Đây là nguyên tắc của hoạt động hướng đạo – thứ giờ đã tách khỏi giáo dục – nhưng nó cũng cần phải góp phần vào giáo dục và xuất hiện sớm trong cuộc đời đứa trẻ. Mọi trẻ em cần đi theo phương thức này – được chỉ dẫn bởi sự hứng thú; và chính nơi đây là nơi giáo dục có thể giúp đỡ trẻ bằng cách cung cấp cho đứa trẻ một sự chuẩn bị ở trường, ví dụ bằng cách giới thiệu cho đứa trẻ các màu sắc, những hình dạng và thù hình của lá, những đặc tính của côn trùng và những loài vật khác... Tất cả những điều này giúp cho đứa trẻ có những quan tâm khi đứa trẻ đi ra ngoài. Đứa trẻ càng học nhiều, đứa trẻ càng đi nhiều. Đứa trẻ cần khám phá và điều đó có nghĩa là đứa trẻ phải được chỉ dẫn bởi một niềm đam mê có tính trí tuệ mà người đưa ra là *chúng ta*. Những quan tâm có tính trí tuệ dẫn con người tới việc đi lại và đi chuyên khắp mọi nơi.

Đi lại là một hình thức luyện tập tổng thể, không cần bất cứ nỗ lực thể dục nào khác. Đứa trẻ hít thở và tiêu hóa tốt hơn và đạt được tất cả những lợi ích chúng ta đòi hỏi ở thể thao. Vẻ đẹp của cơ thể được hình thành nhờ việc đi lại, và nếu ta thấy thứ gì đó hấp dẫn và nhặt nó lên rồi kiểm tra nó, hoặc thấy một cái rãnh cần đào, hoặc củi để nhóm lửa, thì với những hoạt động đi kèm trong quá trình đi lại này, khả năng kéo giãn của cánh tay và việc khom người, bài tập đã được hoàn thiện. Khi con người học hỏi nhiều hơn thì anh ta càng có nhiều niềm đam mê mới kêu gọi mình, và những đam mê trí tuệ gia cố thêm các hoạt động của cơ thể. Nếu đứa trẻ có thể đi theo những đam mê này, đứa trẻ sẽ tìm được những thứ khác mà mình không biết, và thế là đam mê mang tính trí tuệ của đứa trẻ cũng phát triển. Con đường giáo dục phải đi theo con đường của tiến hóa; đi lại giúp con người thấy được nhiều thứ, vì thế cuộc đời của đứa trẻ cứ mở rộng mãi.

Đi lại phải trở thành một phần của giáo dục, đặc biệt vào ngày nay, khi người ta thường ít tự đi lại mà di chuyển bằng các phương tiện giao thông nên có xu hướng dẫn đến tê liệt và lười nhác. Thật không hay nếu ta cắt cuộc sống làm đôi và cử động các chi bằng hoạt động thể thao và rồi cử động đầu bằng việc đọc sách. Cuộc đời phải là một thể thống nhất, đặc biệt vào giai đoạn đầu đời khi đứa trẻ phải tự kiến thiết bản thân theo kế hoạch và những quy luật của sự phát triển.

17

TỪ NHÀ SÁNG TẠO VÔ THỨC ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG CÓ Ý THỨC

Chúng ta đã giải quyết một phần sự phát triển của đứa trẻ khi so sánh với sự phát triển của bào thai. Dạng thức phát triển này kéo dài tới 3 tuổi, ngập tràn các sự kiện vì là một giai đoạn đầy sáng tạo. Mặc dù đây là giai đoạn diễn ra số lượng các sự kiện nhiều nhất, nhưng lại được coi là giai đoạn bị lãng quên của cuộc đời. Đường như tự nhiên đã tạo ra một đường chia cắt: ở một bên thì có những sự kiện mà không thể nhớ nổi, ở bên kia thì sự ghi nhớ lại bắt đầu. Giai đoạn bị lãng quên là giai đoạn tâm lý phôi thai của sự sống, được so sánh với giai đoạn sinh lý phôi thai trước khi ra đời mà không ai có thể nhớ được.

Trong giai đoạn tâm lý phôi thai này, có những quá trình phát triển xuất hiện riêng biệt và độc lập với nhau, ví dụ như ngôn ngữ, cử động của cánh tay, cử động của đôi chân... và có cả những quá trình phát triển giác quan như của mắt, nơi không cần đến các cơ bắp. Giống như phôi thai vật lý ở giai đoạn trước khi ra đời, có những cơ quan được hình thành dần dần, mỗi cơ quan tách biệt lẫn nhau. Trong giai đoạn này phôi thai tâm lý cũng phát triển những chức năng riêng biệt và chúng ta không

nhớ gì về chúng hết. Vì không có sự thống nhất của nhân cách. Tất cả đều đang phát triển, cái này đến cái kia, nên chưa thể có sự thống nhất được; sự thống nhất chỉ có thể đến cùng những bộ phận đã hoàn thiện.

Khi đã đạt đến độ tuổi thứ ba, dường như sự sống bắt đầu lại từ đầu, vì khi đó cuộc đời của ý thức đã trở nên đầy đủ và rõ ràng. Hai giai đoạn này – giai đoạn tâm lý phôi thai vô thức và giai đoạn sau đó của sự phát triển có ý thức dường như bị tách rời bởi một đường kẻ đậm nét. Chức năng của trí nhớ có ý thức không được phát triển trong giai đoạn đầu; chỉ khi ý thức xuất hiện thì mới có sự thống nhất của nhân cách và vì thế mới có trí nhớ.

Nếu nền văn minh không được trang bị ánh sáng cần thiết đối với những quy luật tự nhiên của quá trình phát triển tâm lý thì đứa trẻ sẽ rất có khả năng phải sống trong một môi trường đẩy những vật cản trở khả năng biểu đạt bình thường của mình.

Xét theo khía cạnh tâm lý, trước 3 tuổi đã có sự xây dựng và sáng tạo (như trong phôi thai vật lý ở giai đoạn trước khi sinh), và sau ba năm có sự phát triển của những chức năng đã được tạo ra. Vạch ranh giới được so sánh với con sông Lethe – con sông Lãng Quên trong truyền thuyết Hy Lạp. Chắc chắn con người rất khó có thể nhớ được điều gì xảy ra

trước 3 tuổi, trước 2 tuổi thì thậm chí còn khó hơn nữa. Những phân tích tâm lý đã cố bằng mọi cách để đưa ý thức của cá nhân trở lại với lịch sử hình thành, trở lại điểm khởi đầu, nhưng không cá nhân nào có thể nhớ một cách thấu suốt và chắc chắn về giai đoạn trước 3 tuổi. Đây là một tình huống rất kịch tính, vì chính trong giai đoạn đầu tiên này mọi thứ được tạo nên, khởi đầu từ

hư không nhưng trí nhớ được tạo thành lại không thể nhớ được chút nào, ngay cả trí nhớ của giai đoạn trưởng thành cũng vậy.

Sự sáng tạo tiềm thức và vô thức này – đứa trẻ bị lãng quên này – dường như bị xóa bỏ khỏi trí nhớ của con người và đứa trẻ đến với chúng ta khi 3 tuổi là một thực thể khó hiểu. Mối liên lạc giữa đứa trẻ và chúng ta đã bị tự nhiên lấy đi, khiến một là chúng ta phải hiểu được giai đoạn này hoặc chúng ta phải hiểu được chính bản thân tự nhiên.

Nếu chúng ta không quan tâm đến những quy luật tự nhiên của sự phát triển và nếu đứa trẻ chọn một hình thức sống khác với phần đời trước đó thì người lớn phải biết được cuộc sống đó nếu không họ sẽ phá hủy thứ tự nhiên đã tạo ra. Vì thế nếu, do sự phát triển xã hội hay con đường của nền văn minh, con người ruồng bỏ con đường tự nhiên của cuộc sống, con người sẽ gặp nguy hiểm lớn vì những gì tự nhiên cung cấp đã bị lấy đi. Vì loài người trong quá trình phát triển nền văn minh đã chỉ bảo trợ phần thể chất vật lý chứ không quan tâm đến phần đời sống tâm lý, đứa trẻ thấy mình bị mắc kẹt trong một nhà tù. Nếu nền văn minh không được trang bị ánh sáng cần thiết đối với những quy luật tự nhiên của quá trình phát triển tâm lý thì đứa trẻ sẽ rất có khả năng phải sống trong một môi trường đầy những vật cản trở khả năng biểu đạt bình thường của mình. Chúng ta phải nhớ rằng trong suốt giai đoạn từ 0 đến 3 tuổi, đứa trẻ hoàn toàn ở trong sự bảo bọc của người trưởng thành, vì đứa trẻ vẫn chưa thể tự chăm lo cho mình. Vì thế, nếu người lớn không được làm sáng tỏ bởi trí tuệ của tự nhiên hoặc của khoa học, sẽ tạo ra những vật cản lớn nhất trong cuộc đời của đứa trẻ.

Từ 3 tuổi trở đi, đứa trẻ đã đạt được một số khả năng đặc biệt nhất định để tự bảo vệ mình, vì đứa trẻ đã có thể tự cảnh tỉnh bản thân. Nếu đứa trẻ cảm thấy có sự áp bức từ phía người lớn, đứa trẻ có thể chạy trốn hoặc cáu gắt. Tuy thế, mục tiêu của

đứa trẻ không phải là tự vệ, mà là phương thức chinh phục môi trường để có thể phát triển. Trong giai đoạn sau này, đứa trẻ phải trưởng thành bằng việc luyện tập trong môi trường, nhưng chính xác thì đứa trẻ phải trưởng thành như thế nào? Tất nhiên theo cách đứa trẻ đã sáng tạo ở giai đoạn trước. Vì thế, giai đoạn từ 3 đến 6 tuổi là một giai đoạn gồm những kiến thiết mang tính sáng tạo khi một đứa trẻ học hỏi một cách có ý thức từ môi trường. Đứa trẻ đã quên đi những sự vật và sự kiện của thời kỳ trước 3 tuổi, nhưng bằng việc sử dụng những khả năng đã tạo ra trước đó, đứa trẻ giờ đã có thể nhớ. Những sức mạnh nổi bật đứa trẻ tạo ra là trải nghiệm được thực hiện một cách có ý thức trong môi trường. Những trải nghiệm này không chỉ là trò chơi đơn thuần và cũng không mang tính tình cờ, chúng được mang lại một cách có ý thức thông qua lao động. Trước 3 tuổi, đứa trẻ mang dáng vẻ một thực thể tâm lý đầy đam chiêu, quan sát môi trường trong tình trạng hoàn toàn thụ động và rồi lấy từ nó những gì đứa trẻ cần cho công cuộc kiến thiết của mình, nói cách khác kiến thiết những yếu tố cho sự tồn tại của chính mình. Trong giai đoạn thứ hai, đứa trẻ tuân theo ý chí. Đầu tiên dường như một sức mạnh nằm ngoài ý chí đã dẫn dắt đứa trẻ, giờ chính bản ngã đã chỉ dẫn cho đứa trẻ và đứa trẻ thể hiện những hoạt động của đôi bàn tay. Như thế đứa trẻ trước đây thu nhận thể giới qua trí thông minh vô thức của mình, giờ *nhận lấy* nó bằng đôi tay mình, sử dụng đôi tay mình. Vì thế có một hình thái phát triển khác: hình thái phát triển hoàn thiện những khả năng trước đó. Ví dụ như sự phát triển của ngôn ngữ cũng tiếp tục một cách bộc phát cho tới 4 tuổi rưỡi, nhưng chúng ta đã thấy rằng vào lúc 2 tuổi rưỡi thì nó đã được hoàn thiện đến từng chi tiết. Giờ đứa trẻ đã đạt được sự dồi dào và hoàn thiện.

Tuy thế, dù đây là giai đoạn hoàn thiện, đứa trẻ vẫn còn khả năng hấp thu không mệt mỏi từ thời kỳ phôi thai. Tâm trí thẩm thấu tiếp tục, nhưng giờ bàn tay và những trải nghiệm giúp đứa trẻ phát triển và làm giàu hơn nữa những thành quả của mình.

Bàn tay trở thành cơ quan trực tiếp điều khiển khả năng nắm bắt trí tuệ; vì thế nếu trước đây đứa trẻ thu nhận thế giới và phát triển trí thông minh của mình chỉ bằng việc đi khắp nơi, giờ đứa trẻ phải phát triển bằng cách làm việc với đôi tay mình, những phát triển tâm lý sâu sắc hơn diễn ra theo cách này. Đứa trẻ sống không chỉ bởi vì đứa trẻ có sinh mạng, đứa trẻ phải có một môi trường để biểu lộ những thành quả của mình. Nếu quan sát đứa trẻ trong độ tuổi này, chúng ta sẽ thấy rằng đứa trẻ liên tục làm việc, vui mừng, phấn khởi, luôn chân luôn tay. Nó được gọi là ‘tuổi vui đùa hạnh phúc’! Người lớn luôn nhận thấy điều này nhưng gần đây mới được nghiên cứu một cách khoa học. Ở châu Âu và Mỹ, nơi các xu thế của nền văn minh đã đưa nhân loại đi xa khỏi tự nhiên, xã hội đã tạo ra tất cả các thể loại đồ chơi để ứng phó với những hoạt động của đứa trẻ. Thay vì sử dụng phương tiện để tạo ra trí thông minh, đứa trẻ được trao cho những đồ chơi mà hầu hết đều vô dụng. Ở độ tuổi này, đứa trẻ có khuynh hướng chạm vào mọi thứ, người trưởng thành để đứa trẻ chạm vào thứ này và cấm chạm vào thứ khác. Thứ *thật* duy nhất đứa trẻ được cho phép chạm vào là cát, chơi với cát là hoạt động được khuyến khích trên toàn thế giới. Nếu không có cát hoặc chỉ có một chút ít, nước có thể được cho phép, nhưng không được quá nhiều, vì đứa trẻ sẽ bị ướt, nước và cát sẽ tạo ra những vết bẩn khiến người lớn phải mất công dọn dẹp.

Đồ chơi và thực tế

Khi chán chơi với cát, đứa trẻ được cho những bản sao nhỏ hơn của những dụng cụ mà người trưởng thành dùng: nhà bếp và nhà đồ chơi, đàn dương cầm đồ chơi... nhưng lại để chúng ở dạng vô dụng với đứa trẻ. Người lớn nói rằng: “Trẻ con muốn có chúng vì thấy người lớn làm việc nên muốn bắt chước”. Nhưng những đồ vật họ cho trẻ sử dụng thì hoàn toàn vô dụng; những bản sao của hoa quả được làm bằng đá hay nhựa, trẻ không thể

cắt thái hay ăn chúng được. Đó là một sự giấu cọt. Đứa trẻ cảm thấy cô đơn, vì thế đứa trẻ bị giấu cọt khi được đưa cho một hình nộm dạng người, một con búp bê. Những con búp bê này còn nhìn như người thật, nó có quần áo, trang sức... Chúng ta biết rằng đến 4 tuổi rưỡi, đứa trẻ đã thành thạo ngôn ngữ của mình, nhưng thực thể duy nhất đứa trẻ có thể nói chuyện một cách thoải mái là con búp bê, trong khi tất nhiên búp bê không thể giao tiếp được.

Đồ chơi đã trở nên rất quan trọng ở phương Tây, đến nỗi người ta nghĩ rằng nó trợ giúp cho trí thông minh. Dĩ nhiên có còn hơn không, nhưng nếu chúng ta quan sát đứa trẻ, chúng ta thấy đứa trẻ luôn muốn có đồ chơi mới, đứa trẻ làm hỏng chúng, đứa trẻ trở nên bồn chồn và có những bất thường về đạo đức. Những nhà nghiên cứu trẻ em đã nói một cách thiện cận rằng đứa trẻ phá hỏng đồ chơi vì cảm thấy vui với việc tháo rời và phá hủy mọi thứ. Đặc tính này được hình thành một cách nhân tạo do ngoại cảnh đã tước bỏ của đứa trẻ những thứ thích hợp với chúng. Đứa trẻ thậm chí không yên lặng chơi đồ chơi của mình hoặc chỉ yên được vài phút. Chính Người Bảo Mẫu là người chất đủ loại đồ chơi lên chiếc xe nôi, và mang chúng ra cho đứa trẻ. Khi họ tới công viên, đứa trẻ thường chẳng có hứng thú gì. Đứa trẻ rất hay cố ý nhìn vào món đồ chơi rồi ném nó xuống đất. Những nhà tâm lý học chỉ nghiên cứu hiện tượng chứ không phải nguyên nhân, nói rằng đứa trẻ có bản năng phá hoại và không ngó ngàng gì tới những đồ chơi này. Cả hai chỉ trích về đứa trẻ đều đúng, nhưng chỉ là bề ngoài còn nguyên nhân của hành vi đã không được khảo cứu. Vấn đề thật sự là ở chỗ trẻ không thực sự có hứng thú với những thứ này, vì chẳng có nét thực tế nào trong mấy món đồ chơi đó hết. Chính hiểu biết sai lầm của người lớn đã dẫn đến cuộc sống thiếu tập trung của đứa trẻ. Cuộc sống vô dụng bởi nó là một bản sao chứ không phải chính bản thân sự sống. Đứa trẻ không thể giải phóng nguồn năng lượng tự nhiên

đã trao tặng để hoàn thiện nhân cách, chúng đã bị lãng phí. Kết quả là đứa trẻ không thể phát triển bình thường. Càng sống lâu trong môi trường đầy đồ chơi, đứa trẻ càng kém khả năng tự thích ứng với môi trường thực tế, dần dần nhân cách của đứa trẻ sẽ hoàn toàn bị biến dạng. Chính ở đây và vào lúc này, đứa trẻ nghiêm túc và có ý thức cố hoàn thiện bản thân qua việc bắt chước những người lớn. Ý thức của đứa trẻ trưởng thành thông qua những trải nghiệm của cuộc đời và chúng lại bị tước bỏ, thế nên hiển nhiên đứa trẻ bị biến dạng nhân cách.

Ở những nước chưa phát triển nền văn minh đồ chơi cho trẻ nhỏ, ta thấy trẻ ở đó khác rất nhiều so với trẻ em phương Tây. Chúng bình tĩnh hơn, khỏe mạnh và tươi vui hơn. Chúng lấy cảm hứng từ những hoạt động chúng thấy quanh mình. Chúng là những người bình thường. Chúng lấy những đồ vật của người lớn và sử dụng chúng. Khi người mẹ giặt giũ, nướng bánh mỳ hoặc làm bánh chapati, đứa trẻ cũng làm cùng. Nó cũng giống như bắt chước, nhưng đó là sự bắt chước thông minh, có lựa chọn, nó tìm thấy cảm hứng thực sự ở những người xung quanh; đứa trẻ đang chuẩn bị cho môi trường mình sinh sống.

Có hai giai đoạn ở thời kỳ đầu của quá trình phát triển này:

Giai đoạn đầu tiên: Từ 0 đến 3 tuổi, đứa trẻ tiếp thu môi trường.

Giai đoạn thứ hai: Từ 3 đến 6 tuổi, đứa trẻ nhận thức môi trường qua lao động của đôi bàn tay.

Thực tế này không phải bàn cãi, đứa trẻ phải *sử dụng các đồ vật theo những mục đích của mình*. Khi mà, như gần đây ở phương Tây, đồ chơi được làm theo hình thức tỷ lệ với cơ thể để đứa trẻ có thể chủ động sử dụng giống người lớn, thì đứa trẻ thay đổi tính cách và trở nên bình tĩnh, vui vẻ và tập trung. Điều này chỉ ra rằng trẻ không chỉ chơi một cách đơn thuần, chúng chơi chủ động một cách thông minh. Tuy thế, những hoạt động này được thực hiện để đáp ứng một nhu cầu tâm lý của đứa trẻ, chứ không

phải cho nhu cầu của môi trường. Hoạt động này nhìn bề ngoài giống một Bản năng Bắt chước nhưng nó còn sâu sắc hơn. Ta thấy rằng, đứa trẻ không sử dụng những đồ vật mà không có trong môi trường của chúng. Vì công việc của đứa trẻ là sản xuất ra một cá nhân phù hợp với môi trường của mình.

Một khi điều này đã được hiểu ra, ta không còn nói về trò chơi với cát và bắt chước như những đặc tính cốt yếu của đứa trẻ, như thể đứa trẻ là một con khỉ. Sự bắt chước này chỉ đơn giản là một phương tiện học hỏi xem những thứ gì có ở trong môi trường, và tự nhiên cũng muốn trao cho trẻ niềm vui được hoàn thành những điều đặc biệt. Xu hướng mới ngày nay không phải cho trẻ đồ chơi, mà trang bị một môi trường với những đồ vật trẻ có thể dùng để thực hiện những hoạt động giống như những người trưởng thành. Chúng ta cung cấp động lực hoạt động với những đồ vật được thiết kế tương ứng với sức mạnh và thể trạng của trẻ. Chúng ta thường làm việc ở nhà hoặc trên mặt đất, trẻ cần phải có nhà riêng và khu đất riêng của mình. Không chỉ cho trẻ đồ chơi, mà còn cho chúng cả nhà, khu đất với những dụng cụ để thực hiện những công việc trên đất; không cho trẻ búp bê, mà cho trẻ bọn trẻ khác và một đời sống xã hội nơi đứa trẻ không bị đặt ngồi trên một cái ghế và phải ngồi yên trong khi giáo viên đi lại nói năng, mà ở nơi đứa trẻ có thể là chính mình. Một môi trường nơi đứa trẻ có thể hoạt động, nói chuyện và tìm thấy tất cả những công cụ cần thiết cho những hoạt động trí tuệ, mang tính xây dựng. Tất cả những thứ này ngày nay sẽ thay thế cho những đồ chơi của quá khứ.

Khi ý tưởng này vừa công bố đã được dư luận chú ý. Giáo sư Dewey ở Mỹ, một nhà giáo dục nổi tiếng, đã bị thuyết phục bởi ý tưởng này và đã bắt tay vào tìm kiếm những đồ vật có tỷ lệ tương ứng với trẻ. Chính bản thân ông, dù là một giáo sư đại học, đã đi tới tất cả những cửa tiệm ở New York để tìm những cây chổi, ghế, bàn, đĩa nhỏ... Ông ấy tìm KHÔNG RA CÁI GÌ

HẾT, không một ai có ý tưởng gì về việc sản xuất những loại đồ chơi đó cả. Có vô số đồ chơi thuộc đủ loại, cả một ngôi nhà nhỏ xíu được trang bị đầy đủ, những con ngựa và cỗ xe nhỏ nhưng chẳng có gì cho đứa trẻ hết. Tuy thế, những món đồ chơi này đã được cải tiến hơn trước. Những con búp bê lúc đầu chỉ rất nhỏ đã tăng kích cỡ cho tới khi chúng gần bằng kích cỡ của một đứa trẻ. Cùng với sự lớn lên của những con búp bê, những đồ vật dành cho búp bê cũng lớn dần; chúng ngày càng lớn hơn, nhưng không bao giờ đủ lớn để đứa trẻ có thể thực sự sử dụng được. Đứa trẻ giờ đã gần như ở trên ngưỡng cửa hoàn thiện, nhưng cánh cửa lại vẫn đóng. Những người trưởng thành đã tiêu hàng triệu hàng triệu đô để khiến đứa trẻ hạnh phúc và đã thành công trong việc cho đứa trẻ một lô đồ giả đắt đỏ. Chúng ta nói rằng: “Làm tất cả những thứ này lớn hơn một chút và đứa trẻ có thể sử dụng chúng nếu cần.” Thế là một bước tiến được thực hiện và bình minh của một thế giới mới đã được mở ra; đã có những ngôi nhà thực sự và những đồ vật thực sự cho trẻ sử dụng để hoàn thiện quá trình chuẩn bị đã được thực hiện ở giai đoạn từ 0 đến 3 tuổi trước đó. Khi kết quả nghiên cứu về trẻ được khẳng định, những đồ vật này đã được sản xuất ở khắp mọi nơi, một ngành công nghiệp mới và một nguồn gia tài mới đã xuất hiện.

Giáo sư Dewey đã vô cùng chắc chắn rằng ở New York, ông có thể tìm được những gì ông đang cần đến nỗi khi ông không tìm thấy chúng ở bất cứ đâu, ông đã nói: “Đứa trẻ đã bị lãng quên”. Tôi nói là, “Đúng là một phát kiến!” Nhưng, trời ạ, đứa trẻ cũng bị bỏ quên theo một cách khác nữa, đứa trẻ là một công dân bị lãng quên, sống trong một thế giới, nơi có mọi thứ cho mọi người, trừ đứa trẻ. Đứa trẻ chỉ có những đồ chơi giả. Đứa trẻ đi lang thang trong vô định, vừa khóc vừa quậy phá, phá hoại những đồ giả được dành cho mình mong kiếm tìm sự thỏa mãn trong tâm hồn. Và đứng trước mặt đứa trẻ là một người trưởng thành không thể thấy được *thực* thể của đứa trẻ.

Một khi hàng rào này đã bị phá bỏ và tấm màn của sự phi thực tế đã bị xé tan, đứa trẻ đã được trao cho những món đồ *thật*, chúng ta hy vọng sẽ có niềm vui, sự mau mắn trong việc thử nghiệm với những đồ vật đó, nhưng đây không phải là thứ duy nhất diễn ra. Đứa trẻ thể hiện một *nhân cách hoàn toàn khác*. Kết quả đầu tiên là một hoạt động thể hiện tính độc lập, như thể đứa trẻ muốn nói: “Tôi muốn được tự cung tự cấp, cứ hỗ trợ tôi đi.” Đây là một trong những điều gợi ý mà đứa trẻ đưa ra. Đứa trẻ không trở nên giàu có hơn với những đồ chơi to lớn, đứa trẻ trở thành một con người đang kiếm tìm quyền độc lập. Đứa trẻ là cả một ngạc nhiên đối với tất cả những người xung quanh, như mẫu, mẹ và giáo viên. Đứa trẻ từ chối nhận sự giúp đỡ, nó muốn được ở một mình. Không ai có thể tưởng tượng rằng hành động đầu tiên của đứa trẻ lại là hành động từ chối sự giúp đỡ. Trong khi đứa trẻ làm như vậy, như mẫu và mẹ sẽ chỉ được là người quan sát.

Môi trường này không chỉ được kiến thiết một cách tương xứng, nó là nơi đứa trẻ sẽ trở thành bá chủ. Đời sống xã hội và quá trình phát triển của nhân cách đến một cách bột phát. Hạnh phúc của đứa trẻ không phải là mục tiêu chính, mà mục tiêu chính là đứa trẻ trở thành người kiến thiết con người, độc lập trong hoạt động, người lao động và người làm chủ môi trường của mình. *Đây là ánh sáng hé lộ khỏi đầu đời sống tâm lý của cá nhân.*

18

NGƯỜI THẦY MỚI

Những vấn đề mà nền giáo dục, đặc biệt ở những nước như Ấn Độ, phải đối mặt cũng giống với những khó khăn trong công việc của tôi ở giai đoạn đầu. Tôi tin rằng những thực tế mà chúng ta được may mắn chứng kiến đây sẽ không thể xảy ra nếu không có một số hoàn cảnh nhất định. Không một ai khác trên thế giới đã nhận ra điều đó, nếu giáo sư Dewey tìm được những đồ vật ông đang kiếm tìm ở những cửa hiệu ở New York và đã có thể sắp xếp một ngôi nhà cho bọn trẻ với tất cả những hoạt động này, sẽ chẳng có gì xảy ra hết, cũng như chẳng có gì xảy ra ở rất nhiều trường học được trang bị hoành tráng kia. Không phải chỉ sự thiếu hụt đồ vật mới là vấn đề, mà những hoàn cảnh nhất định khác cũng đã che lấp tính cách thực sự của đứa trẻ. Những điều sắp xảy ra thì không ai đoán trước được, vì thứ cần thiết là *tự do* cho trẻ chứ không phải sự giàu có no đủ, tự do đó chúng ta không thể hiểu được trừ khi chúng ta trải nghiệm nó. Không ai có thể thấy được thành quả nghiên cứu của tôi nếu không xảy ra những điều kiện cần thiết sau:

1. *Hoàn cảnh vô cùng nghèo khó* và điều kiện xã hội vô cùng ngột ngột. Chúng tôi không làm việc giữa giai cấp lao động, họ vẫn là giàu có khi so sánh với những bậc phụ huynh của bọn

trẻ tôi đã gặp. Sự khốn cùng tốt độ này là một điều kiện có lợi. Đứa trẻ vô cùng nghèo khó có thể phải chịu cảnh thiếu thức ăn, nhưng chúng được sống trong điều kiện môi trường tự nhiên. Giờ chúng ta thấy rằng, sự phát triển của đứa trẻ được chi phối bởi những quy luật tự nhiên, đứa trẻ mà có một số lượng lớn những điều kiện tự nhiên sẽ có nhiều cơ hội bộc lộ sự giàu có nội tại của mình nhiều hơn đứa trẻ sống trong những điều kiện giàu có với đồ chơi giả tạo.

2. *Cha mẹ của bọn trẻ đó mù chữ* thế nên không thể hỗ trợ chúng học hành.

3. *Giáo viên lại không phải là giáo viên.* Nếu họ là những giáo viên thực thụ, tôi không nghĩ những kết quả này có thể được hiện thực hóa. Ở Mỹ, họ chưa bao giờ thực sự thành công hết, vì họ tìm kiếm những người thầy tốt nhất. Ai được coi là một người thầy tốt? Nó thường có nghĩa là một người đã học hết tất cả những điều mà sẽ chẳng giúp ích được gì cho trẻ; những giáo viên như vậy chỉ toàn định kiến và áp đặt lên đứa trẻ mà sẽ không trao tự do cho trẻ. Cũng như một người bảo mẫu 'tốt' nghĩ rằng phải giúp đứa trẻ làm mọi thứ, và những giáo viên này cũng nghĩ rằng họ phải giúp đỡ cho tâm trí của bọn trẻ. Chính sự dạy dỗ, áp đặt của giáo viên sẽ ngăn trở đứa trẻ.

Ai có thể nghĩ đến việc áp dụng ba điều kiện trên đây để có được một thí nghiệm thành công? Ta thường sẽ nghĩ đến những việc hoàn toàn trái ngược.

Thành công vĩ đại mà chúng ta đạt được là dấu hiệu tốt cho những nỗ lực và thử nghiệm tương tự ở Ấn Độ, vì một trong những vấn đề ở đó là sự thiếu giáo viên giỏi. Họ phải sử dụng những người không có bằng cấp. Ở những ngôi làng của Ấn Độ, các bậc phụ huynh có lẽ cũng mù chữ, thế thì càng tốt cho trẻ. Thế giới coi nghèo đói là điều kiện đầu tiên cho sự phát triển những đặc tính tinh thần. Khó mà khuyên mọi người từ bỏ sự giàu sang

của mình, và điều đó có thể không hợp lý, nhưng những người lãnh đạo tôn giáo ở tất cả các nước đã từ bỏ thế tục và kiếm tìm sự nghèo đói. Chúng ta không nên áp đặt sự nghèo khổ, nhưng nó không được phép làm chúng ta sờn lòng, vì nó là điều kiện phù hợp nhất cho sự phát triển của tinh thần mà chúng ta có thể tìm được, nếu được chấp nhận một cách thân thiện. Nếu chúng ta muốn thử nghiệm với việc trao tự do cho đứa trẻ, lĩnh vực nghèo khổ là thích hợp nhất. Nếu ta muốn một cuộc thí nghiệm đơn giản và một thành công

chắc chắn, hãy làm việc giữa những trẻ em nghèo. Chúng ta trao cho chúng những đồ vật và một môi trường tự do. Đồ vật được thiết kế khoa học rồi trao cho đứa trẻ, đứa trẻ

Khi được trao tự do và không bị giáo viên làm phiền, đứa trẻ sẽ hoàn thành nhiệm vụ của mình một cách trọn vẹn, đầy đủ, tập trung.

sẽ đón nhận với niềm đam mê nồng cháy và một khả năng tập trung cao độ. Trước đây, khả năng tập trung chưa bao giờ được nhận thấy ở trẻ 3 tuổi, nhưng nó là một yếu tố cơ bản mang ý nghĩa trẻ nhận thức được môi trường, khám phá mọi góc ngách và suy tư trên mỗi sự vật. Dưới những điều kiện môi trường không làm mình thỏa mãn, đứa trẻ lướt từ thứ này sang thứ kia và không tập trung vào một thứ nào cả, nhưng đó không phải là đặc tính của đứa trẻ, nó nảy sinh khi đứa trẻ bị áp đặt vào môi trường không tạo sự thỏa mãn.

Hơn thế, ở một em nhỏ 3 tuổi thì người thầy bí ẩn thôi thúc đứa trẻ lao động vẫn còn hoạt động tích cực bên trong. Khi chúng ta nói về một đứa trẻ tự do (tức là, có tự do nội tại) chúng ta nói về một đứa trẻ được tự do đi theo những chỉ dẫn mạnh mẽ của tự nhiên bên trong đứa trẻ. Những chỉ dẫn này là cực kỳ thông thái và dẫn dắt đứa trẻ đi tìm kiếm sự chính xác, tính đúng đắn và thành tựu trọn vẹn những gì mình đảm trách. Đứa trẻ được

tự nhiên dẫn đi nghiên cứu *mọi* chi tiết (ấy là đi lau phần mặt, các cạnh, chân và tất cả các góc ngách của một cái bàn). Sự thành công của giáo dục được biểu hiện ở đây. Thứ mọi giáo viên đòi hỏi ở học sinh của mình là sự tập trung và chú ý vào thứ giáo viên đang thực hiện, để chúng có thể thực hiện được chính xác mọi chỉ dẫn và tất cả đều được hoàn thành. Đây là giới hạn tối đa mà bất cứ giáo viên nào cũng mong đợi để đạt được thành công. Tiết lộ đáng ngạc nhiên mà đứa trẻ đã trao cho chúng ta rằng, đây là hành vi tự nhiên khi đứa trẻ được tự do. Khi được trao tự do và không bị giáo viên làm phiền, đứa trẻ sẽ hoàn thành nhiệm vụ của mình một cách trọn vẹn, đầy đủ, tập trung. Ở thời điểm 3 tuổi, đứa trẻ không dễ dàng thu nhận được kiến thức từ những người khác, vì đứa trẻ vẫn đang tự kiến thiết bản thân. Nhiều giáo viên có xu hướng áp đặt quá nhiều đồ vật trước đứa trẻ, liên tục ngắt quãng đứa trẻ và liên tục dạy bảo đứa trẻ, thay vì để chúng được có trải nghiệm của riêng mình. Vì thế ở độ tuổi này, đứa trẻ trưởng thành nhờ những hoạt động tự phát, tuân theo những chỉ dẫn của tự nhiên, chứ không phụ thuộc vào sự dạy dỗ của giáo viên. Giáo viên cũng hướng tới thành công (ấy là đứa trẻ làm điều mà giáo viên nghĩ là quan trọng, ví dụ như vâng lời thầy cô) và thuyết phục trẻ phải làm từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, từng bước một, trong khi đó thì đứa trẻ lại đi từ khó đến dễ với nhịp độ thần tốc. Một giáo viên như vậy không phải là người trợ giúp cho quá trình phát triển của trẻ, nhưng hầu hết các giáo viên lại đều như vậy, vì họ đã được đào tạo để làm thế. Những xung đột không thể tránh khỏi sẽ phát sinh giữa trẻ và một giáo viên như vậy. Một định kiến khác mà những giáo viên như thế hay mắc phải là sự mệt mỏi. Nếu đứa trẻ thích thú với những gì đứa trẻ đang làm, đứa trẻ sẽ làm mãi không thôi và không cảm thấy mệt mỏi. Nhưng cứ vài phút thì giáo viên lại bắt đứa trẻ thay đổi và 'nghỉ', đứa trẻ sẽ cảm thấy khó chịu. Cũng như việc chu kỳ hoàn thiện của hoạt động thể

chất trao thêm sức mạnh cho trẻ nhỏ, hoạt động tinh thần với những trẻ lớn hơn cũng vậy.

Những định kiến này đã bị khắc sâu vào trong tư tưởng của các giáo viên được đào tạo theo cách thông thường ở các Trường Sư Phạm, đến nỗi để có thể loại bỏ chúng, chúng ta phải 'loại bỏ' giáo viên. Không một cách nhìn mới mẻ nào của tâm trí có thể loại bỏ được tư tưởng đó.

Cũng tương tự với một số định kiến trong xã hội, không gì có thể giải quyết được ngoài một cuộc cách mạng đẫm máu. Một trong những đại học thuộc loại hiện đại nhất có định kiến về sự cần thiết của việc nghỉ ngơi này nặng đến nỗi họ ngắt quãng và nghỉ

Tự nhiên đã chỉ ra rằng, đứa trẻ không thể nghỉ mà không có đôi tay mình và rằng đôi tay là công cụ của trí tuệ. Các đồ vật trong môi trường phải khiến đôi tay bận rộn và khiến đầu óc cảm thấy hứng thú.

giữa giờ cứ bốn năm phút hoặc nửa tiếng một lần theo một kế hoạch định sẵn cẩn thận. Kết quả là sự thờ ơ đến cực đoan trong tâm trí của sinh viên. Chỉ niềm đam mê và lòng nhiệt tình mới có thể tạo ra những thứ có giá trị và những thứ này đã tự động bị giết ngay lập tức. Giáo dục học hiện đại nhìn mọi sự từ một góc nhìn thiên cận và đầy sai lầm, vì nó không chú ý gì đến đời sống nội tại. Sự chỉ dẫn của những hoạt động tâm lý đã hoàn toàn bị lờ đi. Thế giới sư phạm (hoặc những người lãnh đạo nó) được cai trị bởi logic của loài người, nhưng logic loài người là một chuyện còn logic của tự nhiên lại là một chuyện khác. Logic loài người nói rằng chúng ta phải phân biệt những hoạt động tâm lý và thể chất. Đối với những hoạt động tâm lý thì chúng ta phải bất động trong một lớp học và với những hoạt động thể chất thì những chức năng tâm lý là không cần đến. Việc này phân chia trẻ thành hai. Khi đứa trẻ nghỉ thì đứa trẻ sẽ không sử dụng đôi tay và khi đứa trẻ sử dụng đôi tay thì cái đầu của đứa trẻ lại không được

quan tâm đến. Vì thế, vào một thời điểm nhất định, chúng ta có những người có đầu óc mà không có thể chất hoặc có thể chất mà không có đầu óc. Kết quả là nảy sinh những vấn đề và vướng mắc đủ loại cho giáo viên. Nhưng tự nhiên đã chỉ ra rằng, đứa trẻ không thể nghỉ mà không có đôi tay mình và rằng đôi tay là công cụ của trí tuệ. Các đồ vật trong môi trường phải khiến tay bận rộn và khiến đầu óc cảm thấy hứng thú. Kinh nghiệm đã chỉ cho chúng ta thấy rằng, khi đứa trẻ nghỉ, đứa trẻ luôn luôn hoạt động. Quả đúng vậy, khi những danh nhân vĩ đại thường trao cho chúng ta những tư tưởng họ có được từ những lần vừa đi dạo vừa suy tưởng (những người theo phái tiêu dao của ngành triết học). Những người hay triết lý thường làm gì? Họ đi vào những tu viện và đi hàng giờ một mình dưới những tán cây, suy tưởng. Trong giai đoạn giữa 3 tuổi và 6 tuổi này, một điều vô cùng rõ ràng là vận động và tâm trí song hành cùng nhau; nhưng nhiều người vẫn nghĩ rằng xây dựng những trường học nơi mà trẻ vừa học vừa liên tục đi lại xung quanh là không thể được.

Từ đó chúng ta có thể nhận ra rằng, một giáo viên được đào tạo bài bản (theo cách hiểu thông thường) là giáo viên tệ nhất cho đứa trẻ. Nỗ lực lớn nhất trong phương pháp của chúng tôi là ở việc cố gắng giải phóng giáo viên khỏi những định kiến và thành công vĩ đại nhất là người thầy có thể giải phóng bản thân khỏi định kiến một cách tốt nhất. Thước đo thành công biểu hiện họ còn bị bó buộc bởi định kiến đến đâu. Vì thế nếu cần phải giáo dục một số lượng lớn học sinh và lại đang có tình trạng khan hiếm giáo viên, chúng ta liệu có thể nói gì ngoài: “Tạ ơn Chúa!” Đó là một trong những điều kiện tốt nhất.

Những người thầy mới được phát hiện ở những người chất phác phải hiểu một số điều cơ bản, mặc dù điều đó không hề khó. Trong thử nghiệm đầu tiên của mình, tôi đã hướng dẫn người ‘giáo viên’ (con gái người gác cổng của khu nhà tập thể) lấy một số đồ vật nhất định và đặt chúng theo một cách nhất

định trước đứa trẻ, rồi để đứa trẻ một mình và không làm phiền chúng. Dù không được giáo dục đầy đủ, cô ấy vẫn có thể làm việc này một cách chính xác. Một giáo viên thành thực có lẽ sẽ không thể làm được như thế. Ngay từ đầu, cô ta có thể sẽ nghĩ rằng việc đó là dưới tầm của mình và thậm chí nếu cô ta đã làm việc đó, cô ta cũng sẽ không chỉ làm đơn giản như thế. Cô ta sẽ làm một bài ca thán, giảng giải ở trên lớp. Người ‘giáo viên’ không được đào tạo của tôi thực hiện đúng những gì cô được chỉ dẫn. Trước sự ngạc nhiên của cô ấy và tôi, bọn trẻ làm việc và làm việc với những đồ vật này với kết quả tuyệt vời. Cô ấy ngạc nhiên đến nỗi nghĩ có thiên thần hoặc một thể lực tâm linh nào đó đang hoạt động. Rồi bọn trẻ bùng phát khả năng viết trong khi cô ấy chưa dạy cho chúng tí nào về viết lách. Khi có khách tới thăm và hỏi trẻ: “Ai đã dạy các cháu viết vậy?”, chúng sẽ trả lời: “Không ai dạy chúng cháu viết cả.” Cô ấy sẽ bổ sung với vẻ sùng sốt: “Không, tôi vẫn chưa dạy cậu bé viết.” Cô ấy đã đến gặp tôi, có vẻ hơi hoảng sợ, để nói rằng: “Vào lúc hai giờ hôm qua đứa trẻ bắt đầu viết!” Cô ấy không thể hiểu vì sao đứa trẻ có thể viết lúc 2 giờ, và viết những câu chuẩn với nét chữ rất đẹp, trong khi cậu bé chưa từng viết chữ nào trong đời mình trước khi ấy, thậm chí lúc 1 giờ cũng không. Chúng tôi đã chỉ cho trẻ những chữ nghiêng, rồi chúng tôi nghĩ nên giới thiệu với trẻ chữ ở dạng in, nhưng trước khi chúng tôi giới thiệu, bọn trẻ đã ngồi đọc sách rồi và không cần đến chữ in nữa. Giờ đây, sau 42 năm, chúng tôi biết rằng những cuộc bùng nổ này có thể diễn ra và có thể giải thích tại sao chúng lại diễn ra. Những sự kiện này, tuy thế, xảy ra trước khi chúng ta biết được lý do. Giờ chúng ta biết được rằng đứa trẻ được trao tặng một tâm trí thấm hút mà có thể học hỏi từ môi trường một cách không mệt mỏi. Thế nên văn hóa, nếu được chuẩn bị và trình bày một cách cẩn thận, có thể được tiếp thu theo cách ngôn ngữ mẹ đẻ đã được tiếp thu, với sự dễ dàng nhất có thể. Điều cần thiết duy nhất là kiến thiết những vật liệu và tư liệu, chính xác một cách khoa học, mà đứa trẻ có thể sử dụng

được. Rồi rất nhiều thành phần văn hóa sẽ được đưa xuống giai đoạn từ 3 đến 6 tuổi.

Kinh nghiệm đã chỉ ra rằng, giáo viên phải càng lúc càng rút lui, vì thế nhiệm vụ của những người đào tạo những giáo viên này rất dễ dàng. Nói với họ rằng: "Đừng làm gì hết, hãy chuẩn bị cho trẻ, chúng sẽ tự làm." Nó mang đến cho thực tế một sự thật: "Việc tự từ bỏ quyền lợi có thể mang lại những chân lý vĩ đại." Nhiệm vụ của chúng ta là *dạy giáo viên biết chỗ anh ta hoặc cô ta can thiệp không cần thiết*. Chúng ta gọi phần việc này là 'phương pháp không can thiệp'. Giáo viên phải xác định được điều gì là cần thiết, là giới hạn công việc của mình, như một người giúp việc giỏi chuẩn bị cẩn thận một món đồ uống cho ông chủ và rồi để đó cho người chủ hoàn thành công việc, ấy là uống nó. Anh ta không ép người chủ của mình uống, đó không phải việc của anh ta. Việc của anh ta chỉ là chuẩn bị. Giáo viên cũng phải cư xử như thế với trẻ. Gửi giáo viên tới học hỏi một người giúp việc giỏi để họ học cách khiêm tốn cũng là một điều hay; không được áp đặt ý muốn của mình lên đứa trẻ, mà chuẩn bị chu đáo tất cả rồi để cho đứa trẻ được yên.

Những người chịu trách nhiệm quản lý trẻ ở độ tuổi này phải đáp ứng những nhu cầu tâm lý của trẻ nhỏ. Không cần thiết phải hiểu được chúng một cách khoa học. Nếu chúng ta nói với một người mẹ rằng: "Luôn đưa đứa con 1 tuổi của mình theo cùng, để đứa trẻ có thể nhìn ngắm thế giới, và đưa đứa trẻ tới nơi mọi người nói chuyện để đứa trẻ có thể nghe được ngôn ngữ của mẹ mình", người mẹ có thể hiểu được điều này và giáo viên có thể giải thích nó rất dễ dàng. Giáo viên cũng có thể khuyên người mẹ không nên bế đứa trẻ khi đứa trẻ đã đủ lớn để có thể tự đi lại, không nên sợ nếu đứa trẻ mang vật nặng theo ý muốn. Tất cả những điều này đều dễ hiểu nếu tâm trí không bị tràn ngập những định kiến.

Có lẽ khá khó để hiểu được *những lý do mang tính tâm lý* của tất cả những điều này, nhưng *bản thân những điều thực tiễn* thì không khó để khuyên giải hay hiểu được, cũng như việc gieo một cái hạt xuống đất hoặc chăm sóc một cái cây không cần phải đến học môn thực vật học ở trường đại học. Chúng ta phải phân biệt được giữa những tập quán của tự nhiên, và khoa học mà con người đã xây dựng nên quanh tập quán đó. Tập tục là giản đơn. Tất cả những kết quả tuyệt vời đều đến từ sự xả nguồn năng lượng tự phát của trẻ, thứ thường bị ngăn trở ở những ngôi trường bình thường.

Chúng ta hãy xét đến tình trạng mù chữ của những bậc phụ huynh. Mù chữ mang lại tình trạng thiếu kiến thức. Thế nên khi đứa trẻ về nhà và chỉ cho mẹ mình xem mình đã rửa tay như thế nào, người mẹ sẽ nghĩ: “Con tôi mới thông minh làm sao!” và tinh thần của đứa trẻ được khuyến khích. Khi đứa trẻ có cả cha và mẹ không biết viết, viết được con chữ đầu tiên, sự ngưỡng mộ vô bờ của họ một lần nữa lại khuyến khích đứa trẻ, trong *khi* những bậc cha mẹ giàu có hơn thường sẽ nói rằng: “Ồ! À! Hay nhỉ, thế họ có dạy con mỹ thuật ở trường không?”, đứa trẻ sẽ như bị tạt một gáo nước lạnh và bị cụt hứng. Hoặc nếu một đứa trẻ lau chùi thứ gì đó thì người mẹ giàu có hơn sẽ giết chết niềm vui của chúng, vì bà sẽ nói rằng đó là việc của người quét dọn và bà không đưa con mình đến trường để học làm việc đó. Hoặc nếu toán là môn cậu bé học, bà sợ rằng cậu sẽ bị sốt và muốn dừng việc học đó lại. Thế là hoặc đứa trẻ sẽ mắc hội chứng phức cảm tự trị hoặc phức cảm cao ngạo và nghĩ rằng mình không cần phải làm một số việc nào đó. Vấn đề thực sự nằm ở những bậc cha mẹ thông tuệ, có học thức và nếu bản thân họ lại là những nhà giáo, thì lại càng tệ hại hơn, vì họ nghĩ mình biết mọi điều về giáo dục.

Một vấn đề xã hội đã được giải quyết

Có những điều kiện mà chúng ta nghĩ không tốt cho một cuộc thử nghiệm, thực ra lại rất tốt. Thành công không giới hạn ở bọn trẻ, nó còn gây tác động đến cả những bậc cha mẹ. Ở 'Ngôi nhà cho Trẻ em' mang tính thử nghiệm đầu tiên của tôi, khi trẻ bắt đầu những bài tập từ thực hành cuộc sống và có hứng thú với những chi tiết nhỏ, trẻ sẽ nói với mẹ mình rằng họ không được dây bẩn lên áo váy mình và không được để nước văng tung tóe. "Mẹ làm thế này này", thế là người mẹ bắt đầu quan tâm tới váy áo và ngoại hình của mình. Đứa trẻ có sức mạnh biến đổi môi trường. Có lẽ, chính đứa trẻ mới là lực lượng duy nhất sẽ giúp những người không được học hành tự thay đổi bản thân. Những phụ huynh trong 'Ngôi nhà cho Trẻ Em' đầu tiên đã đến với tôi để học đọc và viết, vì con của họ làm được như thế. Những trẻ ở độ tuổi này cũng giống như chiếc đĩa thần trong đời sống xã hội. Đầu tiên là sự kỳ diệu của quá trình biến đổi ở bản thân đứa trẻ, thứ hai là sự kỳ diệu đầy xúc động (nó khơi gợi cảm xúc) rằng đứa trẻ có thể làm được nhiều hơn những gì ta mong đợi, điều này gọi lên trong tâm hồn người trưởng sự kính trọng đối với tinh thần của tuổi thơ, vì thế nó đạt tới biến đổi và sự giáo dục với người trưởng thành.

Nếu ta muốn có một cuộc cải tổ xã hội trên diện rộng và đặt kế hoạch theo phương thức cũ, ta sẽ phải lên một kế hoạch bao trùm rất nhiều năm (Đề án giáo dục Sargent kéo dài 40 năm). Nếu ta phải chuẩn bị cho các giáo viên tất cả những định kiến về tâm lý trên toàn thế giới, ta có thể tính được sẽ phải mất bao lâu để huấn luyện họ. Những giáo viên này bắt đầu với bọn trẻ 7 tuổi vừa mới trải qua giai đoạn nhạy cảm và phải đối mặt với gánh nặng khổng lồ này (đứa trẻ không sở hữu lòng nhiệt tình có sẵn đối với cùng một sự vật) họ cứ ép mãi, ép mãi và đứa trẻ càng lúc càng trở nên chán nản. Trước đó, đứa trẻ ít ra cũng có chút tự do, giờ thấy mình bị gò bó bởi một người thầy lăm điều, cứ bắt mình phải làm cái này và cái kia. Ngược lại, nếu chúng ta

xét đến những thực tế tâm lý dễ dàng thực hiện này, thì mọi việc sẽ không quá khó khăn, vì chúng ta đã chạm đến và tận dụng những nguồn năng lượng tự nhiên luôn tồn tại. Cần phải hiểu trẻ ở những độ tuổi khác nhau nhưng trên thực tế tất cả đều đã được thực hiện. Nếu chúng ta ghi nhớ những thực tế như, trí nhớ của đứa trẻ nhỏ thì tốt hơn của đứa lớn sẽ khiến mọi thứ trở nên khá đơn giản.

Chúng ta thấy rằng đứa trẻ tiếp thu tốt hơn và toàn bộ nền giáo dục đã được dịch chuyển theo chiều đi xuống, tới thời điểm ra đời, từ 8 xuống còn 4 tuổi. Rất nhiều năm tháng học tập đã được tiết kiệm. Tâm trí thấm hút và những giai đoạn nhạy cảm đang hoạt động ở độ tuổi này, điều đó có nghĩa là mọi thứ được hấp thụ với niềm đam mê và lòng nhiệt tình, từ đó giáo dục sẽ không còn mang tính bắt buộc.

Thế còn giáo viên thì sao? Họ sẽ làm việc nhiều giờ với trẻ vì bọn trẻ thích làm việc không ngừng, nhưng theo một cách rất khác. Một khi giáo viên đã trở thành nhà giáo Montessori thực thụ, họ sẽ cảm thấy hạnh phúc. Một người làm báo ở Mỹ trong một lần đến thăm người họ hàng của mình, một nhà giáo theo Phương pháp Montessori, đã thấy bà nằm trên một chiếc ghế dài và tưởng rằng bà đang đi nghỉ. Bà dặn ông ta phải khề khàng và không được phá đám bọn trẻ. Ông ta không thấy mà cũng chẳng nghe thấy tiếng đứa trẻ nào, nhưng nhìn qua khung cửa sổ ông thấy chúng đều đang học tập một cách vui vẻ mà không gây ồn ào trên bãi cỏ. Bọn trẻ được giáo dục theo cách này luôn luôn học tập và lao động ngay cả nếu giáo viên đến muộn hoặc đi vắng. Khả năng của một cuộc cải tổ trên diện rộng sẽ nhanh chóng và dễ dàng đạt được theo cách này.

Ở thử nghiệm đầu tiên của mình, tôi thường chỉ dẫn cho các giáo viên mỗi tuần một lần và sau 10 tháng, trẻ đã có sự bùng phát khả năng viết. Ngày nay, chúng ta đã quan sát và thấy rõ

được những điều kỳ diệu này xảy ra như thế nào. Nếu chúng ta trồng một cái cây xuống đất, chúng ta phải biết được nó cần lượng đất và nước là bao nhiêu, rồi thường xuyên tưới cho nó. Một ngày nọ, chúng ta sẽ thấy xuất hiện những bông hoa. Chúng ta không cần phải biết sơ đồ giải phẫu của cây hoa hoặc độ axit của đất... Chúng ta chỉ cần phải kiên nhẫn đợi và tìm những bông hoa mà thôi. Việc giáo dục trẻ nhỏ cũng vậy, tất cả những gì cần thiết là những người lớn giản dị và có thiện ý.

19

PHÁT TRIỂN SÂU HƠN THÔNG QUA VĂN HÓA VÀ TRÍ TUỞNG TƯỢNG

Giai đoạn giữa 3 và 6 tuổi là giai đoạn thú vị nhất vì nó là giai đoạn tiếp theo của phôi thai tinh thần (từ 0 đến 3 tuổi). Khoảng cách giữa hai giai đoạn này không quá rõ rệt. Thông thường, người ta chỉ chú ý đến giai đoạn từ 0 – 6 nhưng nó thực sự được chia ra làm hai phần. Phần đầu tiên tập trung vào sự phát triển của đời sống tâm lý và phần thứ hai đi vào hoàn thiện hoặc cố định. Một số chức năng nhất định được phát triển ở giai đoạn đầu đã được củng cố vững chắc. Ở giai đoạn đầu tiên có sự nổi trội của phần vô thức, trong khi đó ở giai đoạn thứ hai thì ý thức lại chi đạo quá trình phát triển. Vì thế, giai đoạn thứ hai không chỉ là một giai đoạn cố định, mà còn là giai đoạn của những hoàn thiện lớn hơn. Chúng ta không còn phôi thai nữa, mà có một con người đang hoàn thiện chính mình. Giai đoạn thứ hai thể hiện một hình thái hoạt động đặc biệt, vì ý thức hướng đến nắm bắt và điều khiển thế giới. Trong quá trình chỉ huy này thì những cuộc chinh phục trước đây chưa rõ ràng đã trở nên rõ ràng và hoàn thiện. Đứa trẻ không chỉ hấp thụ môi trường, mà

còn tự nhận thức được bản thân. Đây là giai đoạn mà ở đó ý thức cá nhân được thành lập và thực hiện một cách bộc phát. Giai đoạn này vẫn chỉ là một phần của thành quả sáng tạo và có thể bị đóng lại trước những tác động ngoại cảnh, ví dụ như người trưởng thành cố gắng áp đặt hoặc truyền thụ cho trẻ theo kiểu giáo điều. Vì thế, đứa trẻ không thể được giáo dục theo cách thông thường từ những truyền thụ của giáo viên, mà giáo dục phải đến từ những cơ sở của tự nhiên. Những quy luật tự nhiên của quá trình phát triển buộc đứa trẻ ở độ tuổi này trải nghiệm lên môi trường bằng việc sử dụng đôi bàn tay, ngay cả ở những vấn đề văn hóa lẫn những vấn đề khác. Đó là quãng đường từ hư không tới sự sống. Điều này mới được biết đến gần đây vì trước đó, toàn bộ đời sống tâm lý của đứa trẻ không được chú ý đến.

Trẻ không thể tiếp nhận văn hóa từ những người khác, mà chỉ có thể qua lao động, từ đó tăng cường khả năng tự nhận thức bản thân.	Chính sự bùng phát khả năng viết là điều đầu tiên kêu gọi sự chú ý của dư luận tới đời sống tâm lý của trẻ. Thực tế, việc viết lách giống như một cột khói tỏa ra từ chiếc tàu thuốc, sự bùng nổ thực sự ở bản ngã loài người của đứa
---	---

trẻ. Đứa trẻ có thể được so sánh với một ngọn núi lửa mà dường như luôn luôn rắn đặc và vĩnh viễn không thay đổi, nhưng lại ẩn chứa một ngọn lửa bên trong. Một ngày nọ có một vụ nổ và rồi ngọn lửa bùng cháy qua những vỉa tầng nặng nề bên ngoài. Đó là một sự bùng nổ của lửa, khói và những hợp chất chưa được biết tới. Các nhà khoa học có thể cho chúng ta biết trái đất chứa đựng những gì. Vụ nổ của chúng ta cũng tương tự như vậy, nó xảy ra vì những hoàn cảnh như tôi đã giải thích ở Chương trước, kém thuận lợi nhất (hiển nhiên). Những bộc lộ này cũng đến từ những nền tảng đã từng 'không tồn tại'. Sự nghèo đói và dốt nát, sự thiếu hụt giáo viên, chương trình học và các quy tắc đều là

‘không có gì’ cơ bản. Chúng ta chỉ thấy hư không, bởi vì chỉ có hư vô thì tâm hồn mới có thể tự mở rộng. Những chương ngại đã bị loại bỏ nhưng không ai biết (vào lúc ấy) những chương ngại là gì. Hiểu được điều này là tốt vì trong đứa trẻ ẩn chứa một nguồn năng lượng lớn lao – một nguồn năng lượng vũ trụ đầy tiềm năng. Chúng ta cần phải hiểu được điều này, vì nếu chúng ta biết được tiềm năng vĩ đại tồn tại bên trong, chúng ta sẽ tiến tới thành công. Thứ bùng nổ không phải là phương pháp giáo dục, vì phương pháp không tồn tại khi vụ nổ diễn ra. Sự tiếp nối của tâm lý và sự xây dựng phương pháp đến với tư cách là *kết quả* của những bộc lộ, như ‘núi lửa phun trào’ này, của đứa trẻ. Sự bùng nổ xuất hiện là kết quả của một sự khám phá chứ không phải do một phương pháp nào đó. Báo chí mới đầu đã cho nó là một ‘sự khám phá của tâm hồn con người’. Từ đó nảy sinh ngành khoa học mới dõi theo từng bước của quá trình tự bộc lộ của trẻ em.

Tôi sẽ giải thích những hiện tượng này một chút. Chúng là thực tế, chúng không nên bị gắn với trực giác, mà phải tới tri giác. Tôi đã miêu tả thứ tôi nhìn thấy. Những hiện tượng thực tế là nền tảng của ngành khoa học mới này. Bạn sẽ biết được những thực tế này trong những cuốn sách trước đây của tôi.

Chúng ta phát hiện được hai vấn đề quan trọng, một là tâm trí của trẻ có khả năng hấp thụ văn hóa ở giai đoạn không ai ngờ, nhưng chỉ có thể tiếp nhận nó bằng những hoạt động của chủ thể. Trẻ không thể tiếp nhận văn hóa từ những người khác, mà chỉ có thể qua lao động, từ đó tăng cường khả năng tự nhận thức bản thân. Ngày nay, khi chúng ta đã nhận thức được sức mạnh của tâm trí thẩm thấu trong giai đoạn từ 3 đến 6 tuổi, chúng ta biết được khả năng hấp thụ nền văn hóa từ một độ tuổi rất nhỏ này. Vấn đề quan trọng khác giải quyết sự phát triển của nhân cách. Sự phát triển của nhân cách đã luôn khiến ngành giáo dục phải bận tâm, nhưng các nhà giáo dục học đã đồng ý rằng độ tuổi

từ 3 đến 6 không phải là độ tuổi để tác động đến nhân cách theo một hướng có hệ thống. Không ai nghĩ gì đến việc thiết lập kỷ cương thực sự cho trẻ nhỏ, chỉ sau đó thì kỷ cương mới được đặt ra. Chúng ta cũng nghĩ rằng người trưởng thành luôn có nhiệm vụ phải tác động đến nhân cách của trẻ nhỏ và hướng nhân cách trở nên tốt đẹp hơn. Chúng ta đã sai, đây là thời điểm phát triển nhân cách, nhưng đứa trẻ phải phát triển nhân cách của chính mình tuân theo những quy luật của sự phát triển. Chúng ta đã thấy quá trình tâm trí được hình thành rất nhiều, nhưng chú trọng vào một số chi tiết về các phần và cách hoạt động của tâm trí ở giai đoạn này cũng thật thú vị. Chúng ta sẽ đến với sự hình thành nhân cách trong một chương khác.

Các nhà giáo dục học đã đồng ý rằng độ tuổi từ 3 đến 6 không phải là độ tuổi để tác động đến nhân cách theo một hướng có hệ thống.

Đứa trẻ đặc biệt thích thú và tập trung vào những sự vật đứa trẻ đã dự định sẵn trong đầu, những thứ đã được hấp thụ trong giai đoạn trước, vì bất cứ thứ gì đã được chinh phục đều có xu hướng ở lại và tâm trí luôn đau đầu về nó.

Ví dụ như sự bùng phát khả năng viết là do sự nhạy cảm đặc biệt dành cho công cuộc chinh phục ngôn ngữ. Vì sự nhạy cảm dừng lại ở thời điểm 5 tuổi rưỡi cho tới 6 tuổi, rõ ràng là khả năng viết chỉ có thể đạt được với niềm vui và lòng nhiệt tình trước độ tuổi này, trong khi bọn trẻ lớn hơn như 6 hoặc 7 tuổi thì không cảm thấy lòng nhiệt tình như vậy. Vì thế, phương thức của chúng ta đến từ việc quan sát trẻ, từ việc quan sát các hiện tượng thực tế. Có thể thấy rằng, đứa trẻ đã chuẩn bị sẵn các cơ quan cần thiết cho việc viết lách từ trước đó, vì thế sự chuẩn bị gián tiếp đã được áp dụng làm một phần thiết yếu của phương pháp này. Thế nên, những nền tảng nhất định của phương thức này có thể được cố định. Chúng ta đã thấy

rằng tự nhiên đã chuẩn bị một cách gián tiếp trong bào thai; nó không ra các chỉ thị cho tới khi nó biết rằng cá nhân đã có các cơ quan có thể cho phép đứa trẻ vâng lời và tuân theo. Đó là lý do tại sao đứa trẻ không thể làm được bất cứ điều gì chỉ bằng việc bắt chước và vâng lời đơn thuần, đứa trẻ phải được cung ứng những phương tiện để có thể vâng lời. Đứa trẻ cần có sự nỗ lực cả về tâm trí và nhân cách, bên cạnh đó trẻ cũng cần người lớn hỗ trợ. Nhưng người trưởng thành thiếu sự thông thái mà tự nhiên sở hữu, ấy là những phương tiện phải được chuẩn bị trước để những mệnh lệnh có thể được tuân theo, và điều này không thể được thực hiện một cách gián tiếp. Việc nhận những mệnh lệnh thường xuyên và liên tục không tạo ra sự vâng lời, sự vâng lời chỉ có được một cách gián tiếp qua việc chuẩn bị nội tại. Sự tuân theo những mệnh lệnh độc đoán của người trưởng thành không thể khiến trẻ phát triển được. Nội tại của đứa trẻ chứa một suối nguồn sự thông thái để hướng dẫn mình, rằng hiển nhiên những can thiệp thường xuyên và không có cơ sở của người lớn không phải là sự trợ giúp, mà là một chướng ngại cản trở sự phát triển của đứa trẻ. Sự cần thiết phải có một môi trường được chuẩn bị sẵn sàng và được tổ chức hợp lý và tự do để trẻ mở rộng tâm hồn mình trong đó.

Nếu như chúng ta đã nhận thấy, đứa trẻ một lần nữa bắt tay thực hiện những cuộc chinh phục ở giai đoạn đầu để phát triển chúng ở giai đoạn thứ hai, giai đoạn đầu tiên có thể trang bị cho chúng ta bản hướng dẫn phương pháp phát triển của giai đoạn thứ hai. Chúng ta hãy xét đến ngôn ngữ. Ở giai đoạn đầu tiên, chúng ta thấy rằng đứa trẻ đi theo một phương pháp mang tính văn phạm: đứa trẻ thành công trong việc học hỏi và sử dụng âm thanh, âm tiết, danh từ, tính từ, trạng từ, liên từ, động từ, giới từ... Khi đó, chúng ta biết rằng mình cần phải giúp đỡ đứa trẻ ở giai đoạn thứ hai bằng cách đi theo cùng một phương pháp văn phạm ấy. Việc giảng dạy đầu tiên là về ngữ pháp. Nó có vẻ

kỳ cục với cách nghĩ của chúng ta, rằng việc dạy học phải bắt đầu ở phần ngữ pháp vào lúc 3 tuổi, rằng trước khi đứa trẻ biết đọc hoặc viết, đứa trẻ phải học ngữ pháp. Tuy thế, chúng ta hãy dừng lại để suy ngẫm xem cái gì là nền tảng của ngôn ngữ nếu không phải ngữ pháp? Khi chúng ta (và đứa trẻ) nói, chúng ta nói một cách có ngữ pháp. Vì thế, nếu chúng ta trợ giúp đứa trẻ học ngữ pháp vào lúc 4 tuổi, khi đứa trẻ đang hoàn thiện khả năng ngôn ngữ của mình bằng cách xây dựng và mở rộng vốn từ của mình, chúng ta đã thực sự giúp cho đứa trẻ. Bằng việc dạy đứa trẻ ngữ pháp, chúng ta giúp đứa trẻ học được tốt hơn thứ ngôn ngữ đang được nói quanh đứa trẻ. Kinh nghiệm đã chỉ cho chúng tôi thấy rằng, bọn trẻ rất hứng thú với ngữ pháp và đây là thời điểm thích hợp để dạy. Trẻ ở giai đoạn đầu tiên (0 đến 3 tuổi) tiếp thu gần như vô thức; trẻ (3 đến 6 tuổi) phải được hoàn thiện nhờ quá trình tiếp thu có ý thức. Một điểm nữa mà chúng tôi cũng nhận thấy, đứa trẻ ở độ tuổi này đã có được một vốn từ vựng lớn; một khả năng nhạy cảm và hứng thú đặc biệt với từ ngữ và đứa trẻ học tất cả các từ mới một cách bộc phát. Rất nhiều thí nghiệm đã được thực hiện và người ta nhận ra rằng, tất cả trẻ em ở độ tuổi này đều tự làm giàu vốn từ của mình một cách đáng kể. Những từ ngữ học được dĩ nhiên là những từ được dùng trong môi trường của trẻ, vì thế một môi trường có văn hóa cho trẻ cơ hội học được rất nhiều từ; nhưng ở bất cứ môi trường nào thì bản năng cũng đều tiếp thu lượng từ ngữ lớn nhất có thể; đứa trẻ khao khát có được từ ngữ. Trong một môi trường có giáo dục thì đứa trẻ có thể học hàng nghìn hàng nghìn từ. Dạy cho đứa trẻ nhiều từ như vậy là một sự trợ giúp lớn lao ở độ tuổi này. Nếu không được giúp đỡ thì đứa trẻ sẽ phải nỗ lực rất nhiều và học chúng một cách không khoa học, sự giúp đỡ sẽ góp phần làm giảm khó khăn và giúp việc học trở nên quy củ hơn.

Quan sát nêu ra một chi tiết khác trong phương pháp là truyền thụ thật nhiều từ. Những 'giáo viên' không được đào tạo

mà chúng tôi có ở cuộc thử nghiệm đầu tiên đã nhận thấy thực tế này và họ viết từ ngữ cho trẻ. Họ viết hết những từ mình biết, nhưng chẳng mấy chốc họ phải ngừng lại và họ đến bên tôi và nói rằng họ đã dạy tất cả những từ liên quan tới quần áo, nhà cửa, đường phố, tên của các loại cây... nhưng đứa trẻ vẫn muốn có nhiều từ hơn! Chúng tôi nghĩ, tại sao lại không cho trẻ ở độ tuổi này biết những từ cần thiết cho việc học văn hóa, ví dụ như tất cả tên của những dạng hình học chúng đã làm quen thông qua cơ quan cảm giác như hình đa giác, hình thang... Trẻ học tất cả chúng chỉ trong một ngày! Thế là chúng tôi tiến tới các công cụ khoa học, nhiệt kế, phong vũ biểu (áp kế)... Rồi chúng tôi dạy chúng các tên trong thực vật học, lá, đài, cánh hoa, nhị hoa, nhụy hoa... Tất cả đều được đứa trẻ tiếp thu hăng say. "Cô không còn từ nào nữa sao?" chúng hỏi, những giáo viên than rằng, khi họ dẫn trẻ đi dạo, chúng biết tên của tất cả các loại xe mô tô mà chúng tôi có khi còn không biết. Niềm khát khao có được từ ngữ là vô tận và khả năng tiếp nhận của trẻ là không giới hạn, trong khi đối với giai đoạn tiếp theo không phải vậy. Những điều khác có phát triển, nhưng ở những giai đoạn sau thì trẻ gặp khó khăn ghi nhớ các từ ngữ mới lạ. Chúng tôi nhận ra rằng bọn trẻ có cơ hội được học những từ này sớm hơn, dễ dàng nhớ ra khi về sau gặp lại những từ này ở các ngôi trường thông thường, lúc 8 hoặc 9 hoặc thậm chí 12 hoặc 14 tuổi. Vì thế, kết luận logic ở đây là, giới thiệu cho chúng những từ mang tính khoa học ở độ tuổi từ 3 đến 6 tuổi. Dĩ nhiên, những từ này không được dạy một cách máy móc, mà trong mối liên hệ với những dụng cụ đặc biệt đã được chuẩn bị sẵn, để trẻ tiếp nhận dựa trên sự hiểu biết và kinh nghiệm thực tế. Đối với chúng ta thì tên nước ngoài vừa dài, phức tạp và rất khó nhớ, nhưng đứa trẻ ngoại quốc nói tên mình vô cùng dễ dàng. Tại Ý thì có rất nhiều cái tên lạ lẫm đối với người nước ngoài, nhưng đối với đứa trẻ Ý thì chẳng có sự khác biệt gì giữa những từ này và những từ khác. Để trợ giúp cho sự

khao khát đối với ngôn ngữ ở trẻ một cách đáng nể thì chúng ta phải truyền cho chúng những từ ngữ thuộc nhiều loại khác nhau ở mọi lĩnh vực: thực vật học, sinh vật học, địa lý những phần khác nhau của chiếc lá, của bông hoa, của những đặc điểm địa lý... Chúng đều rất dễ biểu hiện và có ở khắp nơi trong môi trường và vì thế là thích hợp nhất. Chúng không tạo ra khó khăn gì. Khó khăn nằm ở số lượng từ giáo viên biết cũng chỉ có hạn.

Ở Kodaikanal, tôi đã từng thấy những em thiếu niên 14 tuổi, đang học tại một ngôi trường thông thường, chau mày trước tên của một bộ phận của bông hoa, một đứa trẻ 3 tuổi nói: “nhụy hoa”, rồi chạy đi chơi. Trẻ ở độ tuổi này không học từ ngữ một cách thờ ơ và hời hợt; như thế có một nguồn sáng được thắp lên trong đứa trẻ và đứa trẻ trở nên vô cùng hứng thú. Chúng ta chỉ cho những trẻ lớn hơn ở độ tuổi 7 hoặc 8 bảng phân loại rễ cây dựa theo những cuốn sách thực vật học và một đứa trẻ nhỏ bước vào và hỏi một trẻ lớn hơn những biểu đồ mới ở trên tường kia là gì. Đứa trẻ được nói cho biết, sau đó chúng tôi thấy nhiều cây bị nhổ khỏi vườn, vì đứa trẻ nhỏ hứng thú đến mức chúng muốn xem những cây đó có loại rễ nào. Khi chúng tôi thấy được sự hứng thú của chúng, chúng tôi dạy chúng kiến thức này rồi cha mẹ các bé than phiền rằng con họ nhổ hết cây trong vườn mình, rửa chúng và nói rằng chúng muốn xem rễ cây.

Giới hạn các từ ngữ mà trẻ sẽ học là gì? Tôi không biết được! Liệu tâm trí của đứa trẻ có tự giới hạn bản thân trong việc học những sự vật và hiện tượng chúng có thể thấy? Không, đứa trẻ có một hình thái tâm trí vượt trên những giới hạn cụ thể. Nó có khả năng tưởng tượng mọi thứ. Khả năng hình dung sự vật này không được gán cho đôi mắt, đã bộc lộ một dạng tâm trí thuộc cấp cao hơn. Tôi có thể dễ dàng nhìn thấy một vật, nhưng khi tôi phải tự tạo ra một hình ảnh cho mình (tự tưởng tượng) thì sẽ khó hơn nhiều. Nếu tâm trí của con người bị giới hạn bởi chỉ những thứ họ có thể thấy, thì nó sẽ thực sự rất hạn chế. Con người biết mà

không cần phải thấy; nền văn hóa không được tạo nên bởi kiến thức từ những sự vật được nhìn thấy. Địa lý cho chúng ta một ví dụ. Nếu chúng ta chưa bao giờ nhìn thấy một cái hồ hay cảnh tuyết rơi, chúng ta phải tưởng tượng chúng. Trí tưởng tượng phải được đưa vào hoạt động. Trẻ có thể tưởng tượng được sự vật đến đâu? Chúng ta không thể biết được, vì thế chúng tôi đã bắt đầu với một số thí nghiệm cho trẻ 6 tuổi. Chúng tôi thấy rằng đứa trẻ đã làm điều ngược lại với những gì chúng tôi hình dung. Chúng tôi đã nghĩ rằng chúng sẽ hứng thú với những vật to lớn, nhưng chúng lại rất hứng thú với những chi tiết. Chúng tôi chọn quả địa cầu để trẻ biết thế giới, chúng đã nghe về nó quá nhiều rồi. ‘Thế giới’ là một cụm từ mà không khơi gợi một hình ảnh cảm giác nào, nhưng đứa trẻ lại hình thành một ý niệm về nó, điều này chỉ ra rằng đứa trẻ có một khả năng hiểu biết đầy sáng tạo với những sự vật trừu tượng. Chúng tôi đã chuẩn bị những quả địa cầu nhỏ đặc biệt. Chúng tôi phủ trái đất với những ‘hạt bụi sao’ và các đại dương với màu xanh thẫm và tươi. Đứa trẻ bắt đầu nói: “Đây là đất liền”, “Đây là nước”, “Đây là nước Mỹ”, “Đây là Ấn Độ.” Chúng yêu thích quả địa cầu đến nỗi nó trở thành một đồ vật được yêu thích trong những giờ học của chúng tôi. Tâm trí của đứa trẻ từ 3 đến 6 tuổi không chỉ tập trung vào những chức năng của trí thông minh trong mối quan hệ với những đồ vật, mà còn với trí tưởng tượng và trực giác. Điều này có nghĩa là trí thông minh hẳn đã có một sức mạnh khổng lồ và ở giai đoạn này nó vượt trên cả khả năng hấp thụ thông qua các giác quan. Nó có một khả năng cao cấp hơn, khả năng tưởng tượng, thứ cho phép đứa trẻ được ‘biết’ thứ mình không thể thấy. Điều này có vẻ như một điều phóng đại khi nói về trẻ ở độ tuổi này, nhưng nếu suy nghĩ, chúng ta sẽ nhận ra rằng đây không phải chỉ là một sự phóng đại, vì tâm lý học đã luôn luôn nói rằng đây là một giai đoạn của trí tưởng tượng. Chúng gọi cái bàn là ngôi nhà, cái ghế là con ngựa... Tất cả đều nhận ra rằng đứa trẻ thích tưởng

tượng, nhưng đứa trẻ chỉ có những truyện kể và đồ chơi làm thứ trợ giúp duy nhất. Nếu đứa trẻ có thể tưởng tượng ra một cô tiên và hình dung ra một xứ sở diệu kỳ, sẽ chẳng khó gì cho đứa trẻ hình dung ra nước Mỹ hay gì đó cả. Thay vì chỉ nghe một cách mơ hồ về nước Mỹ, một quả địa cầu với hình dạng chung của nước Mỹ là một sự trợ giúp cụ thể cho trí tưởng tượng của đứa trẻ. Trí tưởng tượng nỗ lực để tìm kiếm *bản chất* của các sự vật, một thực tế thường bị lãng quên. Nếu trong môi trường của đứa trẻ từ “nước Mỹ” hoặc “Thế giới” chưa bao giờ được ai đề cập đến thì sẽ khó khiến đứa trẻ hứng thú với nó. Nhưng nếu đứa trẻ đã nghe từ đó quá thường xuyên, nó bước vào tâm trí đứa trẻ và đứa trẻ trang hoàng cho nó bằng trí tưởng tượng của mình. Tâm trí không phải một thực thể bị động như ta tưởng tượng, tâm trí của con người là một ngọn lửa, một ngọn lửa nuốt lấy tất cả, nó không bao giờ bất động, mà luôn hoạt động.

Khi bọn trẻ 6 tuổi kia đã có quả địa cầu và đang nói về nó, một đứa trẻ 3 tuổi rưỡi đi tới và nói: “Cho em xem với! Đây có phải là thế giới không?” “Phải”, những trẻ lớn hơn nói, hơi bất ngờ và đứa trẻ 3 tuổi rưỡi nói: “Giờ em đã hiểu, vì em có một người bác đã đi vòng quanh thế giới ba lần. Nó tròn thế nào nhỉ? Bác đã đi như thế nào nhỉ? Giờ em đã hiểu.” Cùng lúc ấy, đứa trẻ cũng nhận ra rằng đây chỉ là một mô hình vì đứa trẻ biết rằng thế giới rất rộng lớn, đứa trẻ đã hiểu ra điều đó qua những cuộc chuyện trò quanh mình.

Một đứa trẻ 4 tuổi rưỡi cũng hỏi xem những quả địa cầu của các anh chị lớn hơn và đứa trẻ đã chăm chú nhìn. Bọn trẻ lớn hơn đang nói về nước Mỹ, chẳng chú ý gì đến đứa trẻ. Chẳng mấy chốc em bé nhỏ kia ngắt lời họ: “New York ở đâu vậy?” Những trẻ lớn hơn, bị bất ngờ, đã chỉ nó cho đứa trẻ. Rồi đứa trẻ nói: “Hà Lan ở đâu?” Càng ngạc nhiên hơn, chúng chỉ nó cho đứa trẻ. Rồi, vừa chạm tay vào phần màu xanh, đứa trẻ nói: “Vậy đây là biển.” Bọn trẻ lớn hơn cảm thấy tò mò, thế nên đứa trẻ nhỏ nói: “Cha

em đến Mỹ hai lần một năm, ông ấy ở tại New York. Sau khi ông đi, mẹ đã nói rằng, “Cha đang ở trên biển.” Mẹ đã nói điều đó trong suốt nhiều ngày, rồi mẹ nói: “Cha đang ở New York”. Rồi một thời gian sau mẹ nói: “Cha lại đi trên biển rồi” và rồi một ngày kia mẹ nói: “Cha đang ở Hà Lan và chúng ta sẽ đi gặp cha ở Amsterdam.” Đứa trẻ đã nghe rất nhiều về nước Mỹ, đến nỗi khi bọn trẻ lớn hơn nói chuyện về nó, đứa trẻ rất háo hức được biết về nước Mỹ và cảm thấy: “Mình đã khám phá ra nước Mỹ.” Điều đó mới khiến đứa trẻ thanh thản làm sao, vì đứa trẻ đã cố tìm một thiết bị định hướng trong

môi trường *tinh thần* như nó hay làm với môi trường vật lý. Để có thể hiểu được thế giới tinh thần của thời đại mình, đứa trẻ phải lắng nghe những từ ngữ của người lớn và tưởng tượng chúng bằng hình ảnh. Đây là thực tế.

Tâm trí không phải một thực thể bị động như ta tưởng tượng, tâm trí của con người là một ngọn lửa, một ngọn lửa nuốt lấy tất cả, nó không bao giờ bất động, mà luôn hoạt động.

Chơi đồ chơi và tưởng tượng qua các truyện cổ tích đã mở ra hai nhu cầu của giai đoạn đặc biệt trong cuộc đời: Đầu tiên, đặt bản thân vào trong mối liên hệ trực tiếp với môi trường, làm chủ môi trường và thông qua việc này thì trẻ đạt được sự phát triển tâm lý lớn lao. Nhu cầu còn lại thể hiện sức mạnh của trí tưởng tượng, nhiều đến mức đứa trẻ trút nó xuống những đồ chơi của mình. Nếu khi ấy chúng ta trao cho đứa trẻ những đồ vật *thực thụ* để tưởng tượng, thì sẽ là một sự trợ giúp lớn với đứa trẻ và cũng giúp đặt đứa trẻ vào mối liên hệ chân thực hơn với môi trường của mình.

Ở độ tuổi này trẻ thường muốn có được thông tin. Chúng hỏi các câu hỏi để biết nhiều hơn về bản chất của sự vật. Ai cũng biết là đứa trẻ luôn tò mò, luôn đặt ra các câu hỏi. Nếu tất cả những

câu hỏi này đến dồn dập, điều đó có nghĩa đứa trẻ rất cần kiến thức. Những câu hỏi của trẻ cũng rất thú vị, sự bộc lộ một tâm trí kiếm tìm thông tin. Trẻ ở độ tuổi này không có khả năng theo được những lời giải thích dài dòng, vì thế chúng ta không cho đứa trẻ một lời giải thích dài dòng về thế giới, mà cho đứa trẻ một quả địa cầu. Một đứa trẻ có lần hỏi cha mình vì sao lá cây lại có màu xanh. Người cha nghĩ con mình mới thông minh làm sao, ông ta đã đưa ra một lời giải thích dài dòng về lục lạp, chất diệp lục và về những tia sáng xanh dương của mặt trời... Chẳng mấy chốc ông nghe thấy đứa trẻ lẩm bẩm: "Ôi sao mình lại hỏi bố chứ? Mình chỉ muốn biết tại sao lá lại có màu xanh lục, chứ không phải tất cả những thứ diệp lục với lại mặt trời này!"

Trò chơi, tưởng tượng và những câu hỏi là ba đặc tính của độ tuổi này: điều này được mọi người biết và cũng bị mọi người hiểu lầm. Thỉnh thoảng, trẻ hỏi những câu khá khó như: "Mẹ ơi, con đến từ đâu?" nhưng đứa trẻ có lý do để hỏi câu hỏi này. Một phụ nữ thông minh đã đoán trước là sẽ có ngày con mình hỏi câu hỏi này, đã quyết định sẽ nói cho đứa trẻ biết sự thực và khi đứa trẻ hỏi cô ấy câu hỏi này lúc 4 tuổi, cô đã nói rằng: "Con của ta, ta đã tạo ra con đấy." Lời đáp thật nhanh gọn và đứa trẻ im lặng ngay. Khoảng một năm sau cô ấy nói với đứa trẻ: "Mẹ sắp tạo ra một đứa trẻ khác". Khi cô ấy đến Viện Phụ Sản, cô ấy nói rằng sẽ trở về với đứa trẻ mình đã tạo ra. Khi cô ấy về lại nhà, cô ấy nói: "Đây là em trai con, mẹ đã tạo ra em giống như mẹ đã tạo ra con." Lúc này thì đứa trẻ đã 6 tuổi, đứa trẻ nói: "Sao mẹ không nói thực cho con biết là chúng ta đến thế giới này như thế nào? Giờ con đã lớn rồi, sao mẹ không nói cho con biết sự thật? Lần trước, khi mẹ nói với con là mẹ đang tạo ra một đứa trẻ, con đã quan sát mẹ và mẹ chẳng làm gì hết." Thậm chí, cả việc nói sự thật cũng không dễ dàng như ta tưởng, vì thế giáo viên và phụ huynh phải có một trí tuệ để biết được phải giúp đỡ trí tưởng tượng của trẻ như thế nào.

Giáo viên cần có một sự chuẩn bị đặc biệt vì logic của chúng ta không phải là thứ giải quyết được vấn đề. Không điểm nào chúng tôi đã chạm đến mà logic có thể hỗ trợ được. Chúng ta phải hiểu được quá trình phát triển của đứa trẻ và lột bỏ những tư tưởng định kiến của chính mình. Tài xử trí và sự tinh tế là cần thiết cho việc chăm sóc tâm trí của một đứa trẻ từ 3 đến 6 tuổi, một người trưởng thành thì hiếm mà có được chúng. May mắn là đứa trẻ học được nhiều hơn từ tự nhiên hơn từ người thầy. Chúng ta phải hiểu được tâm lý của đứa trẻ và chăm sóc đứa trẻ khi ta có thể.

20

NHÂN CÁCH VÀ NHỮNG KHIẾM KHUYẾT Ở TRẺ NHỎ

Giáo dục nhân cách là một trong những điểm quan trọng và mục tiêu chính của giáo dục học cổ điển. Cùng lúc đó lại không có định nghĩa rõ ràng nào về nhân cách hay phương pháp giáo dục nhân cách. Giáo dục học cổ điển chỉ nói rằng giáo dục tâm lý là không đủ, giáo dục thực tiễn là không đủ; giáo dục nhân cách là cần thiết, nhưng nó là một ẩn số X. Những nhà giáo dục học cổ điển này có chút trực giác về nó, vì điều họ thực sự muốn nói là sự nhận thức được giá trị của con người, nhưng khi ta chạm đến những giá trị này, chúng cũng chẳng rõ ràng. Giống như rất nhiều điều mơ hồ trong giáo dục. Giá trị của giáo dục được gán cho một số thứ nhất định, ví dụ như đức tính: can đảm, trung thành, quyết đoán, những quan hệ luân thường đạo lý với hàng xóm láng giềng. Vấn đề nhân cách thì giáo dục đạo đức đóng vai trò quan trọng.

Trên khắp thế giới chúng ta cũng thấy những ý tưởng mơ hồ như thế. Đối với tôi, nhân cách phải được nhìn từ một góc độ khác, và thay vì nói về giáo dục nhân cách chúng ta phải nói về *sự kiến thiết* nhân cách, sự phát triển của nhân cách nhờ nỗ lực của cá nhân. Bằng chứng sự sáng tạo tích cực của nhân cách, chứ không

phải việc được dạy dỗ, thể hiện ở bọn trẻ trong ngôi trường đầu tiên của tôi. Hãy để tôi minh họa một số điểm của quá trình kiến thiết này, điều đã mang lại một ý tưởng mới cho giáo dục.

Trong cuộc sống, chúng ta coi mọi thứ về nhân cách là hành vi của con người. Như tôi đã đề cập đến trước đây, cuộc sống của cá nhân từ 0 đến 18 tuổi có thể được chia ra làm ba giai đoạn: 0 đến 6 tuổi (mà chúng tôi xét đến trong cuốn sách này), 6 đến 12 tuổi và giai đoạn cuối cùng từ 12 đến 18 tuổi; mỗi giai đoạn lại được chia làm hai giai đoạn con. Trong quá trình đánh giá từng nhóm này, hình thái tâm lý của trẻ trong mỗi giai đoạn thể hiện khác nhau đến nỗi chúng dường như thuộc về những người khác nhau.

Như ta đã thấy, giai đoạn đầu tiên là giai đoạn của sáng tạo; chính ở đây mà gốc rễ của nhân cách được tìm thấy, dù khi sinh ra, đứa trẻ chẳng có nhân cách nào cả. Giai đoạn từ 0 đến 6 tuổi là giai đoạn quan trọng nhất của cuộc đời vì nhân cách được hình thành trong giai đoạn này. Mọi người đã nhận ra rằng ở độ tuổi này trẻ không thể bị những tấm gương hay áp lực ngoại cảnh tác động; vì thế tự nhiên đã đặt nền móng cho nhân cách. Đứa trẻ ở độ tuổi này không có hiểu biết hay hứng thú gì về cái tốt hay cái xấu; đứa trẻ sống bên ngoài cách nhìn đạo đức của cuộc đời. Điều này đã được nhận ra, vì chúng ta không gọi đứa trẻ ở độ tuổi này là ác hay xấu, mà là tinh quái, ám chỉ rằng hành vi trẻ con. Vì thế, chúng ta sẽ không nói về cái ác hay cái thiện hay về đạo lý trong cuốn sách này. Tôi đề cập đến điều này, vì mọi người hỏi đủ loại câu hỏi về cách dạy trẻ qua những tấm gương sáng của cha ông, của lòng yêu nước... Những tấm gương sáng là quan trọng, nhưng không liên quan tới độ tuổi này. Ở giai đoạn thứ hai (6 đến 12 tuổi) trong ý thức của đứa trẻ mới có sự bắt đầu quan tâm đến vấn đề thiện ác, không chỉ với những hành động của chính đứa trẻ, mà với cả những người khác nữa. Vấn đề thiện ác mới được độ tuổi này ý thức: đạo đức cá nhân bắt đầu

hình thành; sau đó đến đạo đức xã hội. Ở giai đoạn thứ ba (12 đến 18 tuổi) xuất hiện tình cảm yêu nước, mong muốn thuộc về một tầng lớp và cảm xúc danh dự của tầng lớp đó. Do đó, những tấm gương sáng hay các giá trị tốt đẹp của xã hội không thích hợp để giảng giải cho trẻ từ 0 đến 6 tuổi.

Như tôi đã đề cập đến ở trên, dù nhân cách của mỗi giai đoạn khác nhau đến nỗi nó dường như thuộc về những người khác nhau, nhưng mỗi giai đoạn lại đặt nền móng cho giai đoạn tiếp theo. Để có thể phát triển bình thường ở giai

Hình thái tâm lý của trẻ trong mỗi giai đoạn thể hiện khác nhau đến nỗi chúng dường như thuộc về những người khác nhau.

đoạn thứ hai, ta phải sống tốt ở giai đoạn thứ nhất. Giống như con sâu bướm và con bướm trông thật khác nhau về ngoại hình và thói quen sống; nhưng sự đẹp đẽ của con bướm bắt nguồn từ cuộc sống đích thực của con sâu bướm trước đó chứ không phải bằng cách bắt chước một con bướm khác. *Để có thể kiến thiết tương lai, ta phải chú tâm vào hiện tại.* Một giai đoạn càng được trải nghiệm trọn vẹn với mọi nhu cầu của nó, thì giai đoạn tiếp theo càng thành công.

Sự sống bắt đầu ở thời điểm cá thể được thụ thai. Nếu quá trình thụ thai đến từ hai sinh thể thuần khiết, chứ không phải những người nghiện rượu hay nghiện thuốc phiện... thì cá thể được sinh ra sẽ thoát khỏi một số khó khăn di truyền nhất định trong đời. Sự phát triển tốt của bào thai phụ thuộc vào quá trình thụ thai. Còn lại, đứa trẻ có thể chịu tác động, nhưng chỉ bởi môi trường, ví dụ như trong thời kỳ thai nghén của người mẹ. Nếu môi trường thuận lợi, cá thể sẽ mạnh khỏe. Sự thụ thai và thai nghén có ảnh hưởng tới hệ thần kinh của trẻ (đó là lý do tại sao, nếu người mẹ bị sốc hoặc bị tai nạn trong thai kì, đứa trẻ có thể trở nên đần độn). Điều quan trọng đầu tiên trong đời là sự thụ

thai, rồi đến thai nghén, rồi ra đời. Chúng tôi đã đề cập đến cú sốc của trẻ khi chào đời và điều này có thể dẫn đến quá trình thoái hóa; những đặc điểm của quá trình thoái hóa rất nghiêm trọng, nhưng không nghiêm trọng như thói nghiện rượu hay những bệnh di truyền (như động kinh...). Điều này chỉ ra cho chúng ta thấy, trong các giai đoạn của quá trình phát triển, những trở ngại sẽ càng giảm dần, nhưng những tác động của tâm lý là rất lớn. Chúng tác động đến cá thể đi theo chiều hướng của sự thoái hóa hoặc phát triển theo chiều hướng tới tính độc lập.

Giai đoạn từ 0 – 3 tuổi là giai đoạn quan trọng. Trong hai hoặc ba năm đầu đời này, có những ảnh hưởng có thể thay đổi nhân cách của đứa trẻ, ví dụ như nếu đứa trẻ phải chịu một cú sốc nào đó hoặc gặp quá nhiều chướng ngại trong thời kỳ này, những nỗi sợ vô cớ sẽ hình thành và đứa trẻ sẽ trở nên nhút nhát và ủ rũ. Nếu trong giai đoạn thụ thai, thai nghén, sinh nở và giai đoạn này mà đứa trẻ được đối xử một cách khoa học, thì ở độ tuổi thứ ba đứa trẻ sẽ trở thành một cá thể mẫu mực. Nhưng thực tế, quá trình phát triển của trẻ gặp rất nhiều trở ngại. Trẻ 3 tuổi rất đa dạng về tính cách. Những tính cách khác nhau này liên quan mật thiết đến trải nghiệm của trẻ. Những tính cách gặp phải khó khăn sau khi trẻ được sinh ra ít nghiêm trọng hơn những khó khăn trong giai đoạn thai kỳ, và những khó khăn của giai đoạn thai kì cũng ít nghiêm trọng hơn những khó khăn ở giai đoạn thụ thai. Nếu thời kỳ sau khi sinh, chúng có thể được chữa trị vào khoảng giữa 3 và 6 tuổi, vì khi đó quá trình hoàn thiện được diễn ra và những khiếm khuyết được điều chỉnh. Tuy thế, những khiếm khuyết là do cú sốc lúc ra đời hoặc sớm hơn, thì chúng sẽ rất khó chữa trị. Vì thế có những khiếm khuyết nhất định có thể xảy ra, nhưng có một giai đoạn tích cực dành cho sự hoàn thiện nên việc xóa bỏ một số khiếm khuyết của đời sống sau khi sinh là hoàn toàn có thể, nhưng sự kém trí tuệ, động kinh, bại liệt... mà do di truyền thì không thể được chữa lành bởi bất cứ trợ giúp nào

từ phía chúng ta. Thật thú vị khi biết, tất cả chỉ trừ dị tật bẩm sinh là không thể chữa khỏi, nhưng nếu những khuyết tật, phát triển trong giai đoạn từ 0 đến 3 tuổi mà không được chữa trị cẩn thận hay chữa trị sai phương pháp ở độ tuổi từ 3 đến 6 thì khuyết tật sẽ tồn tại mãi mãi. Khi được 6 tuổi, những khuyết tật ở giai đoạn từ 0 đến 3 tuổi trở nên nghiêm trọng hơn cộng với những trở ngại gặp phải của giai đoạn từ 3 đến 6 tuổi, sẽ ảnh hưởng xấu tới giai đoạn thứ hai (6 đến 12 tuổi) và sự hình thành của nhận thức về cái tốt hoặc cái xấu.

Tất cả những khiếm khuyết này đều ảnh hưởng tới đời sống tinh thần và trí thông minh. Khả năng nhận thức của trẻ sẽ kém nếu chúng không được đáp ứng điều kiện thích hợp cho việc phát triển ở giai đoạn trước. Vì thế, nhận thức của trẻ từ 0 đến 6 tuổi chịu tác động của môi trường. Nếu một đứa trẻ bị bỏ rơi trong khoảng từ 3 đến 6 tuổi, đứa trẻ có thể không có nhân cách để phát triển từ 7 đến 12 tuổi hoặc đứa trẻ có thể không có được trí thông minh bình thường. Chúng ta khi ấy sẽ có một đứa trẻ chẳng có nhân cách đạo đức và cũng chẳng có khả năng học tập, thêm nhiều rắc rối nữa nảy sinh, và tinh thần đứa trẻ 'đầy những vết sẹo' do những khó khăn mà chúng phải trải qua.

Ở những ngôi trường của chúng tôi (và ở nhiều ngôi trường hiện đại khác), chúng tôi lưu hồ sơ về những chi tiết sinh học của từng đứa trẻ để có cách đối xử phù hợp. Nếu chúng ta biết được những khó khăn trong từng giai đoạn, chúng ta có thể xem chúng nghiêm trọng đến mức nào và phải xử trí chúng ra sao. Chúng tôi thường hỏi những bậc cha mẹ xem liệu có bệnh di truyền nào không, chúng tôi hỏi cả độ tuổi của cha mẹ vào lúc sinh đứa trẻ, đặt những câu hỏi về cuộc đời của người mẹ trong thời kỳ thai nghén, liệu bà ấy có bị ngã không... Trong quá trình sinh nở, liệu đứa bé có khỏe mạnh hoặc có bị ngạt thở không. Có những câu hỏi liên quan tới đời sống gia đình của đứa trẻ, liệu cha mẹ có nghiêm khắc hoặc đứa trẻ có bị cú sốc nào không.

Với những bọn trẻ có vấn đề hoặc ngỗ ngược, chúng tôi cố tìm ra lý do gây ra nó trong cuộc sống mà đứa trẻ đã sống trước đó. Khi bọn trẻ đến với chúng tôi lúc 3 tuổi, hầu hết tất cả trẻ đều có những biểu hiện lạ lùng, nhưng chúng đều chữa trị được.

Tất cả những biểu hiện không bình thường của trẻ đều thuộc phạm vi của tính cách hay nhân cách. Trẻ em phải được đối xử theo cách khác nhau để chữa những khiếm khuyết tinh thần. Chúng tôi đã phân biệt những trẻ không bình thường thành hai nhóm chính: một nhóm thuộc về những trẻ khỏe mạnh mà đấu tranh và vượt qua những trở ngại còn nhóm kia gồm những trẻ yếu hơn và đầu hàng trước nghịch cảnh.

Khiếm khuyết ở những trẻ khỏe mạnh

Trẻ thường có những trận giận hờn, tức tối, những cuộc nổi loạn và những trò tác quái. Một trong những đặc điểm thường gặp nhất là không vâng lời và hay phá phách, thích sờ hũu. Vì thế chúng có tính ích kỷ và hay ghen tị (tính ghen tị không bộc lộ một cách thụ động mà biểu hiện muốn có những thứ trẻ khác có). Tính không kiên định (rất thường gặp ở trẻ), sự thiếu tập trung; thiếu khả năng phối hợp vận động của bàn tay nên chúng hay đánh rơi và làm vỡ đồ; tinh thần cứng đầu và một trí tưởng tượng phong phú. Chúng cũng thường gào, hét và gây ra những tiếng động lớn; chúng can thiệp, trêu chọc và hành hạ rất tàn nhẫn với kẻ yếu hoặc với động vật. Chúng cũng thường rất tham ăn tục uống. Đây chỉ là một số những vấn đề thường gặp ở trẻ.

Khiếm khuyết ở những trẻ yếu

Những trẻ này thuộc dạng thụ động và có những đặc điểm tiêu cực như lười biếng, lười vận động, khóc đòi mọi thứ và muốn người khác làm mọi việc cho mình; chúng muốn được người khác làm mình vui và rất chóng chán. Chúng sợ mọi thứ và cứ

bám lấy người lớn. Chúng cũng có khuyết điểm là hay nói dối (một dạng thụ động của bản năng tự vệ) và hay lấy cắp (một dạng thụ động của việc giành lấy đồ dùng của người khác) và rất nhiều tính xấu nữa.

Có những đặc tính thể chất gắn liền với những trở ngại này. Ví dụ, những khiếm khuyết có nguồn gốc tâm lý nhưng bị nhầm lẫn với những vấn đề thể chất. Ví dụ việc lười ăn và mất cảm giác ngon miệng; khó tiêu do ăn quá độ; cả hai vấn đề này đều có nguồn gốc tâm lý. Rồi đến những cơn ác mộng, sợ bóng tối, ngủ không yên giấc từ đó ảnh hưởng tới sức khỏe thể chất và dẫn đến bệnh thiếu máu. Một số dạng thiếu máu và các bệnh về gan nhất định là do các nguyên nhân tâm lý. Cũng có cả những bệnh về thần kinh nữa. Tất cả chúng đều có nguyên nhân tâm lý vì chẳng có thuốc nào chữa được chúng cả.

Tất cả những đặc tính này thuộc phạm vi những vấn đề về hành vi đạo đức. Rất nhiều trong số những trẻ này (đặc biệt là trẻ thuộc dạng khỏe mạnh) không được gia đình yêu mến, cha mẹ tìm mọi cách rũ bỏ chúng và gửi chúng cho bảo mẫu hay trường học, chúng trở thành trẻ mồ côi khi cha mẹ vẫn đang còn sống. Chúng ốm yếu với một cơ thể khỏe mạnh. Điều này khiến trẻ xuất hiện chứng trầm cảm, dẫn đến ngộ ngược. Trẻ trở thành vấn đề và cha mẹ muốn biết phải làm thế nào với chúng. Một số đặt câu hỏi, một số tự giải quyết vấn đề của mình. Một số áp dụng các biện pháp khắc nghiệt khi tin rằng nếu những khiếm khuyết này được ngăn chặn ngay khi xuất hiện sẽ không phát triển nữa. Tất cả các biện pháp đều được sử dụng: bạo lực, quát mắng, đuổi đi ngủ mà không cho ăn, nhưng người ta đã nhận thấy rằng chúng càng trở nên dữ tợn và càng hư hơn, hoặc ngày càng thụ động. Rồi đến biện pháp thuyết phục được đem ra thử nghiệm, họ nói lý lẽ với chúng và lợi dụng cảm xúc của chúng: “Sao con lại làm mẹ tổn thương chứ” hoặc cha mẹ để mặc kệ chúng. Những cuộc trò chuyện bắt đầu bằng: “Con của chị mình luôn làm những gì nó thích và xem

những gì chúng làm này!" "Thế còn con của cậu thì sao?" "Ồ, mình bảo với bố chúng, anh ấy đánh chúng." "Thế chúng có ngoan không?" "Ồ, không, chúng cũng y như bố chúng vậy!"

Có những người mặc kệ cho con mình muốn làm gì thì làm. Nhưng con của họ thuộc dạng thụ động, chúng chẳng làm gì hết,

Nhu cầu của đứa trẻ là được giao tiếp với mọi người, được nhìn mọi người hoạt động và thực hiện những trải nghiệm của chính mình.

người mẹ nghĩ rằng con trai mình ngoan và vâng lời, khi đứa trẻ cứ bám lấy bà, bà nói là đứa trẻ mới yêu mình làm sao; đứa trẻ yêu bà đến nỗi nó không chịu đi ngủ mà không có bà bên cạnh. Nhưng bà nhận thấy đứa trẻ có vẻ chậm

chạp, chậm nói và đứa trẻ quá yếu đến nỗi không đi lại được. "Đứa trẻ khỏe mạnh, nhưng nó quá nhạy cảm, nó sợ mọi thứ! Đứa trẻ thậm chí cũng chẳng muốn ăn nữa; trí tuệ của nó khác thường vì nó vừa ăn vừa nói lái nhái, đứa trẻ hẳn phải là một vị thánh hoặc một thi sĩ!" Cuối cùng bà nghĩ cậu bé bị ốm và bác sĩ được mời tới để cho thuốc. Những bệnh tâm lý kiểu này sẽ là một món hời cho bác sĩ của đứa trẻ.

Tất cả những vấn đề này có thể được hiểu rõ và được giải quyết nếu chúng ta biết những chu kỳ hoạt động cần thiết cho công cuộc kiến thiết của nhân cách; nếu chúng ta nhận ra được nhu cầu của đứa trẻ là được giao tiếp với mọi người, được nhìn mọi người hoạt động và thực hiện những trải nghiệm của chính mình. Chúng ta biết rằng tất cả những vấn đề này là do cách đối xử sai lầm trong giai đoạn sơ kỳ; tâm lý của trẻ đã bị chấn động, tâm trí của chúng trống rỗng vì chúng chẳng có phương tiện gì để xây dựng nó. Tâm trí bị bỏ đói (thứ ngành tâm lý học giờ đã rất chú tâm đến) là nguyên nhân chính dẫn đến những khiếm khuyết. Một nguyên nhân khác là sự thiếu những hoạt động tự phát được chỉ dẫn bởi ham muốn nội tại của đứa trẻ mà chúng ta

đã nghiên cứu trước đây. Hầu như không có đứa trẻ nào có thể tìm được những điều kiện đầy đủ cho sự phát triển hoàn thiện. Chúng bị tách biệt khỏi mọi người, lúc nào cũng bị bắt đi ngủ; những người lớn đã làm mọi việc cho chúng; chúng đã không thể hoàn thành được những chu trình hoạt động mà không bị ngắt quãng. Chúng không được phép quan sát các đồ vật, vì khi chúng muốn chạm vào, người lớn ra sức ngăn cản; chỉ có thể nhìn mà không được phép sử dụng chúng, khiến trẻ muốn được sở hữu chúng, vì thế khi trẻ cuối cùng cũng có được một bông hoa hoặc một con côn trùng thì nó thường sẽ xé nát chúng ra vì không biết phải làm gì với chúng. Và đứa trẻ thụ động sẽ hình thành tính ỳ trệ.

Sự sợ hãi cũng có thể được tìm thấy dấu tích ở giai đoạn sơ kỳ. Khi đứa trẻ nhỏ ngã cầu thang, người lớn chạy vội đến đỡ đứa trẻ và làm ầm cả lên (như họ vẫn thường làm thế) thì đứa trẻ sẽ cảm thấy sợ hãi thay vì cười phá lên. Những hành động của người lớn thường là nguyên nhân gây nên nỗi sợ hãi ở đứa trẻ.

Một trong những điều khiến những ngôi trường của chúng tôi trở nên nổi bật là sự biến mất của những khiếm khuyết này. Điều đó là do: bọn trẻ có thể thực hiện những trải nghiệm của mình đối với môi trường, và những bài tập là nguồn dinh dưỡng với tâm hồn; đó là lý do tại sao tất cả những khiếm khuyết thông thường này biến mất. Trẻ lặp đi lặp lại các bài tập và chuyển từ giai đoạn tập trung này sang giai đoạn khác quanh niềm đam mê với những hoạt động của mình. Khi trẻ đã đạt đến giai đoạn có thể tập trung và làm việc với một niềm đam mê, những khiếm khuyết sẽ biến mất, tính vô kỷ luật trở nên có kỷ luật, kẻ thụ động trở nên chủ động và kẻ gây rối trở thành người giúp đỡ. Đây là một thực tế tuyệt vời và sự biến mất của những khiếm khuyết này khiến chúng ta hiểu rằng khiếm khuyết do môi trường tác động chứ không phải những đặc tính thực thụ. Không có sự khác nhau giữa trong một đứa trẻ nói dối và một đứa trẻ không vâng lời. Tất cả những vấn

đề này đều đến từ cùng một nguyên nhân: đứa trẻ đã thiếu những phương tiện cần thiết cho đời sống tinh thần của mình.

Vậy chúng ta có thể cho các bà mẹ những lời khuyên gì? Khuyên họ giao việc hấp dẫn, lôi cuốn trẻ; không giúp chúng

Con người về bản chất là một sinh vật có trí tuệ và anh ta cần thức ăn tinh thần, thậm chí có khi còn nhiều hơn cả thức ăn vật chất.

khi không cần thiết, và không can thiệp vào việc chúng làm nếu chúng đã bắt đầu bất cứ hoạt động trí tuệ nào. Sự dụ dỗ, nghiêm khắc hay y học chẳng giúp được gì hết. Trẻ đang bị đói khát về mặt tinh thần. Nếu có ai đó phải chịu sự thiếu thốn về mặt vật chất,

chúng ta không gọi anh ta là đồ ngu hoặc đánh anh ta hay nhỏ lệ thương xót anh ta; việc đó chẳng có ích gì hết; thứ anh ta cần là được ăn. Vấn đề này cũng vậy, gắt gỏng hay dụ dỗ hiền không thể giải quyết được vấn đề. Con người về bản chất là một sinh vật có trí tuệ và cần thức ăn tinh thần, thậm chí có khi còn nhiều hơn cả thức ăn vật chất. Không giống với động vật, đứa trẻ phải xây dựng những hành vi của chính mình và nhu cầu của cuộc sống. Vì thế nếu đứa trẻ đang trên đường tới nơi nó có thể xây dựng hành vi mà cuộc sống đã trao cho, tất cả sẽ đều tốt đẹp. Những đau ốm thể chất sẽ biến mất, ác mộng sẽ biến mất, tiêu hóa sẽ bình thường và không có chứng ăn quá độ. Đứa trẻ trở nên bình thường vì phần tinh thần đã trở lại bình thường.

Đây không phải là một vấn đề về giáo dục đạo đức, mà liên quan tới việc phát triển nhân cách. Sự thiếu nhân cách, nhân cách không phù hợp sẽ biến mất mà không cần thuyết giảng hoặc một tấm gương từ người lớn. Chẳng lời đe dọa hay lời hứa nào là cần thiết mà chỉ cần các điều kiện sống dành cho trẻ.

21

KỶ LUẬT VÀ TỰ DO

Tất cả những đặc tính chúng tôi đã miêu tả ở Chương trước với hai nhóm trẻ khỏe mạnh và trẻ yếu theo quan niệm thông thường không bị coi là tiêu cực, một số đặc tính được coi là tích cực. Bọn trẻ thể hiện một tính cách thụ động và cứ bám chặt lấy mẹ mình thì được cho là ngoan. Một số nét tính cách như trẻ không ngừng vận động được coi là cực kỳ khỏe mạnh và việc có trí tưởng tượng phong phú được coi là xuất chúng. Chúng thường lướt hết từ thứ này sang thứ kia, nhưng cha mẹ nghĩ chúng là những trẻ sáng dạ.

Vì thế trong thế giới có ba nhóm trẻ:

1. Những trẻ mà các đặc điểm tính cách cần được chỉnh sửa.
2. Những trẻ ngoan (thụ động) và được coi là những tấm gương
3. Những trẻ được coi là xuất chúng.

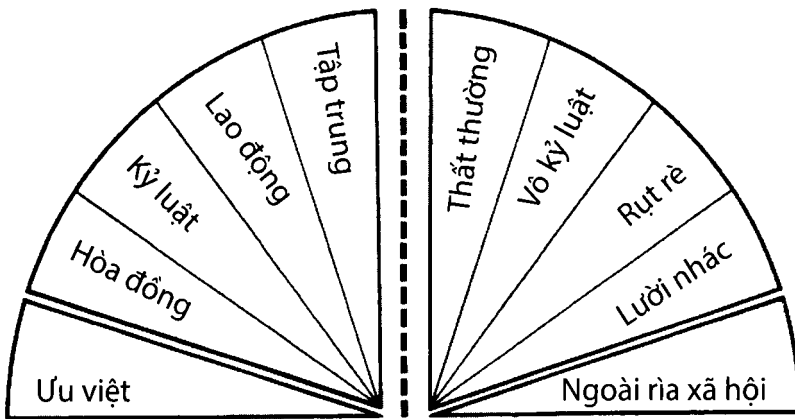
Hai nhóm trẻ sau luôn khiến cha mẹ chúng tự hào, thậm chí cả khi (với dạng cuối cùng) họ cảm thấy đôi chút phiền hà khi chúng ở gần bên nhưng vẫn nói một cách đầy tự hào về chúng.

Tôi đã nhấn mạnh và thu hút sự chú ý tới cách phân loại, vì những đặc tính này của trẻ đã được nhận thấy từ bao đời nay. Nhưng thứ tôi đã nhìn thấy ở ngôi trường đầu tiên của mình,

và ở những ngôi trường khác, rằng tất cả những đặc tính này sẽ biến mất ngay lập tức, ngay khi đứa trẻ trở nên hứng thú với những việc thu hút sự chú ý của chúng. Những đặc tính bị coi là xấu hay tốt và cả những đặc tính được coi là xuất chúng, *đều biến mất* và chỉ có một dạng trẻ em xuất hiện mà không có bất cứ đặc tính vừa miêu tả nào. Điều này có nghĩa là thế giới cho tới giờ đã không có khả năng phân định tốt, xấu hay xuất chúng; thứ chúng ta coi là vậy, thực ra lại không phải vậy. Bọn trẻ ở những trường học của chúng tôi đã thể hiện mong muốn thực sự của mình là được lao động thường xuyên, không ai thấy được điều này trước đây. Từ trước tới nay cũng chẳng ai thấy trẻ lựa chọn công việc mang tính bộc phát khi không có sự chỉ dẫn của người thầy. Bọn trẻ, tuân theo một người hướng dẫn nội tại, đã tự chú tâm vào công việc của mình (mỗi trẻ có sự chú tâm khác nhau) điều này đem lại cho chúng sự an vui. Từ đó xuất hiện trong một nhóm trẻ: tính kỷ luật tự phát – điều mà trước nay chưa có ở trẻ. Tính kỷ luật ở trẻ khiến người ta ngỡ ngàng hơn cả việc bùng nổ khả năng viết. Tính kỷ luật trong tự do này dường như đã giải quyết được một vấn đề mà từ trước tới giờ không thể giải quyết được. Cách giải quyết là: để có được tính kỷ luật, hãy cho trẻ tự do. Bọn trẻ này đi khắp nơi kiếm tìm công việc trong sự tự do, mỗi trẻ tập trung vào một dạng công việc khác nhau, nhưng xét trong cả một tập thể thì nó lại mang tính kỷ luật hoàn hảo. Chúng ta sẽ trở lại với vấn đề bản chất thực sự của trẻ mà cuối cùng ta đã tóm lược lại, nhưng trong lúc đó chúng tôi sẽ miêu tả những biến chuyển diễn ra ở nội tại của trẻ.

Mọi trẻ em, nếu được đặt vào một môi trường cho phép những hoạt động có kỷ luật, sẽ bộc lộ những tính cách tích cực của nhân loại. Sự thay đổi không đến một cách từ từ, mà đột ngột. Nó luôn luôn xuất hiện khi đứa trẻ tập trung vào một hoạt động, vì thế nếu ta có một đứa trẻ lười biếng, chúng ta không hối thúc đứa trẻ làm việc. Chúng ta nên giúp đứa trẻ dễ dàng tiếp

cận với những phương tiện giúp ích cho sự phát triển trong một môi trường đã được chuẩn bị sẵn sàng. Ngay khi đứa trẻ tìm được công việc của mình thì mọi phiền muộn sẽ tan biến. Nói lý lẽ với đứa trẻ không phải là việc hữu ích mà phải là những hoạt động nội tại diễn ra bên trong.



Hình 13. Những đặc điểm bình thường và khác thường trong tính cách của trẻ

Cá thể loài người (đặc biệt ở giai đoạn đang kiến thiết) là một thể thống nhất và xây dựng một thể thống nhất nhờ vào mối liên hệ giữa bàn tay và trí óc. Tôi đã nhận ra rằng khi tâm trí và bàn tay không thống nhất, sẽ không có sự thống nhất trong cá thể và chính lúc đó thì những đặc tính bề ngoài của 'hư', 'tốt' và 'xuất chúng' xuất hiện. Kết luận này là kết quả của quá trình tôi quan sát trẻ em, chứ không phải dựa trên phán đoán chủ quan. Đây là một luận điểm mới và có lẽ khó hiểu nhất, bởi vì chúng ta sống trong một thế giới đầy đức hạnh và khuyết điểm (thứ được thưởng hoặc cái bị phạt) và giữa những trẻ luôn bộc lộ những đặc tính đã kể ra ở trên, vì chúng không có cơ hội để bộc lộ bất cứ cái gì khác. Không cần phải có người lớn làm người hướng dẫn và uốn nắn cách cư xử, nhưng nhất thiết phải trao cho trẻ cơ hội được lao động, thứ mà từ trước đến giờ vẫn luôn bị tước khỏi đứa trẻ.

Quá trình chuyển hóa tính cách của trẻ luôn phải trải qua một chu kỳ, thông qua hoạt động trí tuệ của cả bàn tay và trí óc. Ở hình 13 giới thiệu tất cả những đặc điểm tính cách khác nhau của trẻ, được biểu thị bằng những đường tẽ ra. Chúng là vô cùng. Đường vuông góc ở chính giữa biểu thị khả năng tập trung ở một điểm, đó là đường phân định trẻ bình thường hóa. Khi đứa trẻ có khả năng tập trung, thì tất cả những đường kẻ ở phần bên phải của đường chính giữa này sẽ biến mất và chỉ có một dạng được nhìn thấy và nó biểu thị những đặc điểm được thể hiện bởi những đường kẻ ở bên trái. Sự biến mất của những đặc tính không do người trưởng thành tác động, mà do đứa trẻ đã trải qua quá trình hoạt động để hình thành nhân cách của mình.

Tôi sẽ đưa ra một số ví dụ về những gì đã xảy ra khi có một ngôi trường đầu tiên của tôi lập ra – ngôi nhà của trẻ em. Người ta đến từ khắp mọi nơi trên thế giới để tham gia vào những khóa học của tôi, rồi quay trở về nước họ và mở trường học ở đó. Hầu hết những trường này là cho trẻ nhà giàu, những trẻ chịu nhiều

khiểm khuyết hơn, vì chúng có ít cơ hội được hoạt động do có quá nhiều người hầu. Những lá thư đầu tiên tôi nhận được từ những học viên của mình là những lá thư đầy sự tuyệt vọng; những báo cáo về tình trạng vô cùng mất kỷ luật. Các học viên đã miêu tả chi tiết tất cả những vấn đề thường gặp:

1. Một trẻ dùng giáo cụ cứ như thể đó là một chiếc tàu hỏa hay một chiếc máy bay... đưa trẻ đùa cợt, nói rất to và chọc ghẹo những trẻ khác (dạng xuất chúng cổ điển).

2. Một trẻ khác thì tỏ ra thờ ơ trước các giáo cụ. Chúng lười vận động.

3. Một trẻ nhỏ cứ bám chặt lấy anh mình, lấy đúng những gì anh mình đã chọn và bám theo anh không rời nửa bước.

4. Những trẻ khác thì gần như bị bệnh vậy, ví dụ như sợ chạm vào nước... và một trẻ khoảng 3 tuổi rưỡi thì thậm chí còn chẳng nói năng gì.

Một tập hợp những trẻ như thế này, ở cùng nhau, cũng khiến giáo viên phải choáng váng. Những đứa trẻ ném đồ vật xuống đất và nhảy múa trên nó. Với những giáo viên mong đợi sẽ có những thiên thần bé nhỏ giáng trần từ thiên đường vì thế sẽ vô cùng hụt hẫng và thất vọng.

Sau một vài tháng thì giọng điệu của những lá thư bắt đầu thay đổi. Sự biến đổi mà chúng tôi gọi là ‘sự bình thường hóa’ đã diễn ra. Những giáo viên mà không có mối quan hệ gì với nhau (một số ở New Zealand, một số ở Rome, ở Pháp, ở Mỹ, hoặc ở Anh) đều viết cùng một điều: “Những trẻ như thế này thế kia đã tìm được công việc yêu thích và đứa trẻ đã thay đổi chính mình.” Đứa trẻ đi theo anh mình tới khắp mọi nơi, vào một ngày, đã tự tay cầm cái tháp hồng lên và tập trung chú ý vào nó. Khi người anh đi sang phòng khác, cậu bé nhỏ đã không đi theo anh mình, vì thế người anh đã rất bất ngờ thốt lên: “Thế này là thế nào? Em

lại chơi với cái tháp màu hồng trong khi anh ngồi vẽ ở phòng bên sao?” Đứa trẻ nhỏ đã tìm được giá trị của chính và không còn cần sự trợ giúp về mặt tinh thần của anh nữa. Một trẻ khác không chịu đến trường hoặc chỉ ở lại trường khi có mẹ. Người mẹ luôn ngồi trong góc và nói rằng nếu bà thử lên bỏ đi thì đứa trẻ sẽ khóc ngay lập tức. Một ngày nọ đứa trẻ trở nên hứng thú với việc lau chùi một cái bàn; người mẹ nghĩ đây là một cơ hội tốt để lên đi. Nhưng bà sợ nếu không nói gì với đứa trẻ, nó sẽ gào khóc khi không thấy bà. Vì thế bà đã nói với đứa trẻ: “Mẹ đi đây.” Cậu bé đã nói: “Vâng ạ, tạm biệt mẹ!” Những trẻ luôn gắn bó với mẹ và anh mình, đã không có quyền tự do hay độc lập, vì thế chúng không thể làm được việc gì một mình. Một ai đó luôn phải đứng ra làm giùm chúng. Ngay khi cả hai đứa trẻ trở nên hứng thú với công việc của mình một cách có ý thức, chúng đã tìm được quyền độc lập của cá nhân và hứng thú với hoạt động của mình.

Đứa trẻ nghịch ngợm trước kia dùng giáo cụ làm tàu hỏa và máy bay đã trở nên hứng thú với những đồ vật có các dạng hình học. Nó chăm chú nghiên cứu những hình dáng, cấu trúc và lắp ghép chúng trong khi nhắm chặt mắt. Ngay lập tức những ý tưởng nghịch ngợm của đứa trẻ biến mất. Thay vì nói: “Đây là một động cơ”, “Đây là một cái máy bay”... đứa trẻ nói: “Đây là một hình thang”, “Đây là một hình bát giác – hình tám cạnh”... Đứa trẻ giờ đã gắn bó với thực tế, chứ không phải với ảo tưởng; đôi tay đứa trẻ trước đây luôn đánh rơi mọi thứ, giờ đã trở nên vững chắc, chính xác và cẩn thận khi làm việc. Đứa trẻ trở nên bình tĩnh và nghiêm túc với mọi giáo cụ. Ta có thể thấy rằng đứa trẻ sống trong một thế giới tưởng tượng, chẳng có chút giá trị thực tế nào để khiến nó tập trung chú ý hết, vì thế đứa trẻ tập trung vào những gì mình tìm thấy xung quanh; tay đứa trẻ cũng chẳng có cơ hội nào để cầm nắm vật gì cho bất cứ một mục đích thực sự nào. Khi trí óc, thứ đã luôn chìm đắm trong hư ảo tách biệt với đôi bàn tay mà chẳng có gì để làm kia, trở thành người

chỉ dẫn cho bàn tay giờ đã đang làm những việc thực sự, sẽ đột nhiên xuất hiện một cá thể thống nhất và công việc thực sự đó giờ quay trở lại nuôi dưỡng cho tâm hồn.

Đứa trẻ sợ nước kia, đặc biệt là sợ đồ nước (và có lẽ đã bị đánh mắng thậm tệ vì nghịch nước) cuối cùng cũng trở nên thích thú với những bánh xà phòng. Cô bé rất vui, khi rửa tay xong, cô bé đã làm những việc khác. Rồi cô bé đột nhiên nhận ra, mình không còn sợ rót nước nữa. Cô bé vui sướng đến nỗi khi thấy một vài trẻ dùng màu nước, cô bé ngay lập tức đi rót đầy nước vào những chiếc lọ nhỏ của chúng và coi đó là một nhiệm vụ đặc biệt dành riêng cho mình.

Một cô bé có thói quen không chịu ngồi yên dù bị mệt. Chúng tôi cố gắng tìm hiểu xem điều gì đã xảy ra ở giai đoạn trước trong đời cô bé dẫn đến tính cách khác thường này. Người mẹ nói rằng bà chưa bao giờ quát mắng cô bé vì cô bé ngồi xuống đâu hết nhưng rồi người cha nhớ lại một sự kiện xảy ra khi cô bé được khoảng 1 tuổi rưỡi. Cô bé mặc một chiếc váy mới và cô bé đi ra ngồi lên một chiếc ghế mới sơn, thấy vậy người mẹ hốt hoảng nói: “Cẩn thận! Đừng ngồi lên nó! Giờ con đã làm bẩn hết mọi thứ rồi!” Đây là lý do cho nỗi sợ hãi phải ngồi xuống của cô bé, câu hỏi được đặt ra, làm thế nào chữa trị cho bé. Tôi nói. “Đừng chú ý đến cô bé, hãy để cô bé tự tìm niềm vui thích cho mình.” Sau một thời gian thì cô bé trở nên hứng thú với một công việc và lặp lại hoạt động đó một cách đầy say mê. Muốn được tiếp tục nên cô bé đã ‘vô thức’ kéo một chiếc ghế lại gần và ngồi xuống. Từ giây phút đó, cô bé đã loại bỏ nỗi sợ ngồi xuống. Đứa trẻ 3 tuổi rưỡi mà không nói năng gì, bác sĩ khám và kết luận không có tổn thương gì ở các cơ quan để ngăn cản bé nói. Một thời gian sau, cô bé được đưa đi điện trị liệu, nhưng việc đó cũng chẳng giúp ích được gì. Cô bé cứ đi lại quanh lớp, chẳng làm gì và dĩ nhiên cũng chẳng nói gì. Cuối cùng, cô bé cũng cảm thấy hứng thú với một công việc và chúng tôi thấy khuôn mặt của cô bé

rạng ngời. Khi hoàn thành xong công việc, cô bé chạy lại chỗ giáo viên và nói: “Lại mà xem những gì con đã làm này”, đó là những từ đầu tiên của bé.

Cả vấn đề tiêu hóa, ác mộng và những vấn đề khác cũng biến mất. Ở nhà, bọn trẻ cũng trở nên bình tĩnh hơn. Một trẻ đã luôn sợ bóng tối trở nên say mê với những bài tập ở trường. Một buổi tối ở nhà, khi mẹ cô bé cần một thứ gì đó ở một nhà kho tối bên ngoài, cô bé nói: “Con sẽ đi lấy nó cho mẹ nhé.” Cô bé không còn sợ bóng tối nữa.

Thế là những trẻ thụ động, quá vâng lời cũng đã thay đổi, sự thụ động và sự vâng lời thái quá biến mất qua những hoạt động tập trung một cách tự phát.

Chúng tôi cần nhấn mạnh rằng đây không phải một trong những hiện tượng cá biệt. Nó xảy ra ở những ngôi trường của chúng tôi trên toàn thế giới, vì thế chúng tôi đã nhận ra những trẻ em điềm tĩnh, hồn nhiên, không sợ hãi này mới là trẻ con thực sự, thể hiện hành vi và tính cách thực sự của thời thơ ấu. Sau đó, tôi mới hiểu được điều này thực sự có ý nghĩa gì, ấy là đứa trẻ phải tự kiến thiết bản thân, như chúng tôi đã nói trong cuốn sách này và những cuốn sách khác. Nếu các điều kiện ngoại cảnh không cho phép điều này xảy ra, trạng thái bình thường sẽ biến mất, nhưng một khi những điều kiện cho công cuộc xây dựng nhân cách tồn tại, dạng thức bình thường sẽ xuất hiện. Chúng tôi vì thế gọi dạng trẻ em phát triển trong những ngôi trường của chúng tôi là trẻ ‘được bình thường hóa’ và những trẻ còn lại là trẻ khác biệt. Một trong những nhân tố lớn nhất và hấp dẫn nhất là tính kỷ luật khác thường của những trẻ được bình thường hóa, mỗi trẻ tập trung vào công việc mà chúng lựa chọn. Tất cả những người đến thăm những ngôi trường Montessori đã cố gắng tìm xem tôi đã dùng những mảnh khoe gì, họ tin chắc rằng phải có một mảnh khoe nào đấy. Một số người nói rằng đó là do tôi dùng

thuật thôi miên để có được kết quả này, nhưng tôi nói: “Ngôi trường này ở New York còn tôi thì đang ở Rome.” Những người khác nghĩ rằng bọn trẻ này đã được giáo viên huấn luyện sẵn hoặc cô ta dùng ánh mắt theo cách nào đó để ra hiệu sự đồng ý hoặc không đồng ý, nhưng ai lại phải mất công làm tất cả những điều chỉ để chứng minh một điều trước giờ chưa từng tồn tại?

Một sự kiện cũng chứng minh tính chân thực của những hiện tượng này là tại Hội chợ Toàn cầu ở San Francisco nhân dịp khánh thành Kênh đào Panama. Giữa những khu triển lãm giáo dục đã được dựng lên, có một lớp học Montessori nhỏ với những bức tường kính để mọi người có thể nhìn từ ngoài vào mà không ảnh hưởng đến các trẻ đang học tập. Helen Parkhurst, người sau này khởi xướng ‘Dự án Dalton’, khi đó là giáo viên tại lớp này. Cửa lớp được đóng vào buổi tối và chìa khóa được gửi ở chỗ người bảo vệ. Một hôm, người bảo vệ bị tai nạn và không đến được, vì thế những trẻ em cùng các giáo viên phải ở ngoài. Helen Parkhurst nói: “Chúng ta hôm nay không thể vào làm việc được”, một trẻ nhìn thấy một ô cửa sổ mở và nói: “Nâng chúng con lên và chúng con có thể chui vào học được ạ.” Cánh cửa sổ có kích thước vừa với bọn trẻ, thế là cô nói: “Các con thì làm thế được, nhưng cô không thể vào được.” Bọn trẻ trả lời: “Không sao đâu mà, cô cũng có làm việc đâu, cô có thể ngồi bên ngoài và quan sát chúng con cùng với những người kia.” Những điều tôi nói không còn mang tính lý thuyết nữa, thực tế hoàn toàn đã chứng minh ở khắp mọi nơi.

Một đạo nọ có một trận động đất ở Ý phá hủy thành phố Messina. Sau trận động đất rất nhiều trẻ trở nên mồ côi, phải chịu những cú sốc khủng khiếp và rõ ràng phải được chính phủ giúp đỡ. Chúng được gom lại vào một trại trẻ mồ côi và 60 trẻ trong số đó, những trẻ tuyệt vọng và có độ tuổi phù hợp nhất, được sử dụng phương pháp giáo dục mới này để nhằm giúp đỡ chúng. Dĩ nhiên, điều này không hề đơn giản, vì thế một môi

trường đặc biệt đã được tạo ra cho chúng để giúp chúng có được tính độc lập. Môi trường mới rất đẹp và tươi sáng với rất nhiều bài tập về thực tiễn cuộc sống. Vài tháng sau, chúng đã vui vẻ đến mức vừa chạy tung tăng vừa dọn bàn để ăn trưa trong vườn. Những người bên ngoài hẳn không biết chuyện gì đã xảy ra. Điều thực sự xảy ra là thế này: ở những bài tập thực hành về cuộc sống, nhiều chi tiết phức tạp với độ chính xác cực cao đã được tích hợp. Trong những người giúp đỡ chúng có những nhà quý tộc. Họ dạy chúng rất nhiều chi tiết tinh tế ở cách ứng xử trong xã hội ít được biết tới, và những chi tiết này cùng với sự đòi hỏi chính xác đã khiến bọn trẻ hứng thú và chúng bắt đầu có một cuộc sống mới. Những người ở bên ngoài nhận xét rằng bọn trẻ này vừa là những thanh niên lịch lãm vừa là những người giúp việc hoàn hảo. Chính số lượng và độ chính xác của những chi tiết đã khơi dậy sự chú ý, tâm trí không để tâm đến những hoạt động lớn lao, nhưng nó lại *buộc phải* chú ý đến độ chính xác của từng chi tiết. Dorothy Canfield-Fisher¹, đã đến thăm những trẻ này, kết quả là bà đã viết *The Montessori Mother* (Người mẹ Montessori). Trong trường hợp của bọn trẻ thì cảm giác tuyệt vọng đối với cuộc sống đã được chữa trị; sự sống đã rơi xuống tận cùng tuyệt vọng do cú sốc mà bọn trẻ phải gánh chịu, giờ bắt đầu bùng cháy trở lại.

Từ tất cả những điều này, chúng ta có thể rút ra kết luận rằng nhu cầu tâm lý đầu tiên của đứa trẻ là được sống thuận theo những quy luật tâm lý của chính đứa trẻ. Các hoạt động mang đến cho đứa trẻ hành vi bình thường của một con người, vì đó không phải chỉ là những hoạt động bình thường như với người trưởng thành, mà nó là một nhu cầu của cuộc sống. Đứa trẻ phải được phát triển, hoạt động một cách riêng rẽ, tiến tới độc lập, trí óc liên kết với đôi bàn tay. Nếu những quy luật của tự nhiên

¹ Tiểu thuyết gia, nhà cải cách giáo dục người Mỹ.

không được tuân theo, những khó khăn không kể xiết sẽ trở dậy; nếu những quy luật của tự nhiên được tuân theo, những khó khăn sẽ biến mất. Vì thế làm việc với đôi bàn tay tùy theo sự lựa chọn của cá nhân trong một môi trường được chuẩn bị đầy đủ có thể mở rộng những hoạt động của giai đoạn thứ nhất (0 đến 3 tuổi) và hoàn thiện chúng, thì cũng có thể vượt qua mọi chướng ngại trong giai đoạn từ 3 đến 6 tuổi.

Sự chuyển hóa tính cách này không diễn ra ở mọi đứa trẻ. Các khiếm khuyết và bệnh tật khởi nguồn ở giai đoạn tiền sản không phải thứ chúng ta có thể trợ giúp hay chữa trị được. Góc nhọn xuất hiện ở bên trái biểu đồ của chúng tôi (hình 13) thể hiện chúng. Những trẻ mang khiếm khuyết về tinh thần và đạo đức mang tính bẩm sinh lớn lên sẽ thành những kẻ ngốc và tội phạm trong xã hội của chúng ta. Chúng chỉ là một phần rất nhỏ trong xã hội loài người, nhưng thành phần tội phạm, kẻ dốt nát và điên loạn này bị gia tăng bởi số lượng những người có thể được giúp đỡ trước khi chúng được 6 tuổi, nhưng lại không được giúp đỡ. Vì thế, chúng ta bắt đầu hiểu được một chút về những vấn đề trong xã hội. Ở Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, ví dụ, các thống kê cho chúng ta số liệu là 100 nghìn người được nhận vào các viện tâm thần mỗi năm; vì tất cả những người này đều đã bị điên được ít nhất mười năm, ta có thể nhận ra có biết bao nhiêu người điên loạn ở nước Mỹ, và biết bao nhiêu người vẫn còn chưa được trị liệu. Điều này không hề bình thường, hầu hết những người này đáng lẽ đều có thể được giúp đỡ, nhưng chỉ trước khi 6 tuổi mà thôi. Nhà tù cũng trở nên chật chội và những nhà tù đặc biệt đã được xây dựng để giam thanh thiếu niên, đây là một thảm kịch.

Góc nhọn ở bên phải biểu đồ (hình 13) cũng biểu thị những người chúng tôi không giúp đỡ; họ là những bậc thánh nhân và thiên tài của xã hội mà không cần đến chúng tôi. Sự bình thường hóa là dành cho số đông quần chúng, chứ không phải cho số ít ở hai bên rìa, những người không cần chúng vì họ là những cá

nhân vĩ đại như là thánh nhân, thiên tài và những người không thể giúp được vì những khiếm khuyết của họ có nguồn gốc từ trước khi được sinh ra, những kẻ phạm tội và những người điên. Chúng tôi luôn hy vọng rằng bằng việc thấu hiểu và cảm thông thì nhiều người sẽ được giúp đỡ và rằng số lượng người điên loạn và phạm tội sẽ được giảm đi nhiều, nhưng trường học và đời sống xã hội phải thay đổi vì môi trường có tác động rất lớn. Vì thế, cơ sở đầu tiên của tôi là rất quan trọng, và chúng tôi mang ơn bọn trẻ đầu tiên này rất nhiều, nếu không có chúng làm mẫu, chúng tôi sẽ không bao giờ có thể biết được những điều đó.

Đứa trẻ là một công dân vĩ đại đã chỉ cho chúng ta cách làm xã hội tốt đẹp hơn, sự giản đơn và sự độc nhất vô nhị của con đường đó là công lao của đứa trẻ. Chỉ bằng cách lao động mà việc tái tổ chức mới có thể được thực hiện, nhưng đó phải là lao động làm sống dậy niềm vui, chứ không phải lao động bị áp chế và đi ngược lại những quy luật của cuộc sống.

22

XÂY DỰNG NHÂN CÁCH - MỘT CUỘC CHINH PHỤC CHỨ KHÔNG PHẢI PHÒNG THỦ

Ở Chương trước, chúng ta đã đề cập những khiếm khuyết này sinh *sau khi* sinh ra sẽ biến mất khỏi trẻ nếu chúng được nuôi dưỡng trong môi trường thích hợp trước 6 tuổi. Sự biến mất của những khiếm khuyết này không phải theo cách làm thông thường là triệt tiêu từng cái một; chúng đồng loạt biến mất đột ngột theo cùng một cách khi sự hứng thú của đứa trẻ được tập trung vào hoạt động. Tất cả những trẻ – được bình thường hóa – cư xử theo cùng một cách, ấy là chúng tiếp tục *làm việc tập trung, bình tĩnh và lặng lẽ*. Điều này, vào thời điểm đó, là rất đáng ngạc nhiên, vì từ trước đến giờ, sự tập trung chưa từng thấy ở trẻ. Chúng cũng bộc lộ một đặc điểm đặc biệt không có ở người lớn và trước đó chưa thấy ở trẻ em: chúng *làm việc hết sức nỗ lực và tiếp tục công việc của mình cho tới khi hoàn thành một cách chính xác*. Sự thành công của một công việc với độ chính xác cao là điều hiếm gặp ngay cả ở người trưởng thành, trẻ đã làm việc này tới giới hạn cực độ. Một khi đã hoàn thành công việc của mình một cách xuất sắc, chúng lặp lại việc đó rất nhiều lần và thường xuyên thực

hiện những hành động lặp lại này nhiều đến nỗi chúng ta coi đó là bất thường. Chúng sẽ lau chùi một cái bình đồng hơn mười lần hoặc lặp lại bốn mươi lần và thậm chí cả hai trăm lần công việc đó với chiếc khăn lau. Hiển nhiên, ta không dễ dàng nhận ra mục đích làm việc của trẻ, trẻ có một mục đích được tự nhiên chỉ đạo. Những hoạt động lặp đi lặp lại với sự tập trung này luôn có chung một đặc điểm: có sự gắn kết của bàn tay và khối óc. Chúng ta phải hình dung được điều này và cố gắng thấu hiểu. Bọn trẻ đang xây dựng nhân cách của con người, chúng đang hoàn thiện những phẩm chất nội tại mà chúng ta ngưỡng mộ ở một người có nhân cách: khả năng quyết định nhanh chóng, tính kiên trì trong công việc. Những phẩm chất này không được phát triển tương ứng với việc thuyết giảng hay bắt phải học theo những tấm gương của chúng ta. Chúng ta phải nghiên cứu nhân cách từ một góc nhìn tích cực: nhân cách chỉ được hình thành qua quá trình rèn luyện từ năm này sang năm khác. Nó được hình thành trong giai đoạn từ 3 đến 6 tuổi. Quá trình hình thành nhân cách được diễn ra tự nhiên. Ở khoảng giữa 0 và 3 tuổi, một số khả năng đã được phát triển (ví dụ như ngôn ngữ) vì thế sự sáng tạo và củng cố của nhân cách được hình thành dựa trên những chỉ dẫn của tự nhiên. Tất cả những đặc tính của trẻ từ 0 đến 3 tuổi được tạo ra nhờ tâm trí thẩm thấu vì thế, đứa trẻ tiếp thu ngôn ngữ khi được sống giữa mọi người... Nhưng từ 3 đến 6 tuổi, đứa trẻ phải *tự kiến thiết* và đứa trẻ kiến thiết nhân cách của mình theo lối tích cực. Sự kiến thiết nhân cách đi đôi với lao động vì vào lúc 6 tuổi thì sự kiến tạo các phẩm chất tinh thần và nhân cách đã được hình thành một cách cơ bản. Nếu để tâm đến điều này sẽ thấy, chúng ta không thể *dạy* các đức tính của nhân cách, mà chúng ta còn không được ngăn trở bọn trẻ được bình thường hóa từ 3 đến 6 tuổi khi đứa trẻ đang xây dựng nhân cách của mình. Nếu can thiệp một cách không cần thiết thì chúng ta đã tạo ra trở ngại vào quá trình xây dựng nhân cách. Việc giáo

dục trẻ ở độ tuổi này vì thế không phải là thuyết giáo. Chỉ có một cách duy nhất có thể trợ giúp cho sự phát triển bộc phát của nhân cách, đó là phải chuẩn bị môi trường cho sự phát triển của trẻ, phải tôn trọng những hoạt động trí tuệ của trẻ và để chúng được tự do. Bắt trẻ học theo các tấm gương là một việc làm vô dụng. Vì chúng có thể đã làm tốt hơn tấm gương đó rồi. Trong trường hợp nào đi nữa thì thuyết giáo cũng là vô ích, chỉ giống như nước đổ lá khoai. Thậm chí, cả những bậc cha mẹ bình thường cũng hiểu được chút ít về điều này, đó là lý do tại sao họ đánh chúng vì họ biết có nói với chúng cũng chẳng ích lợi gì.

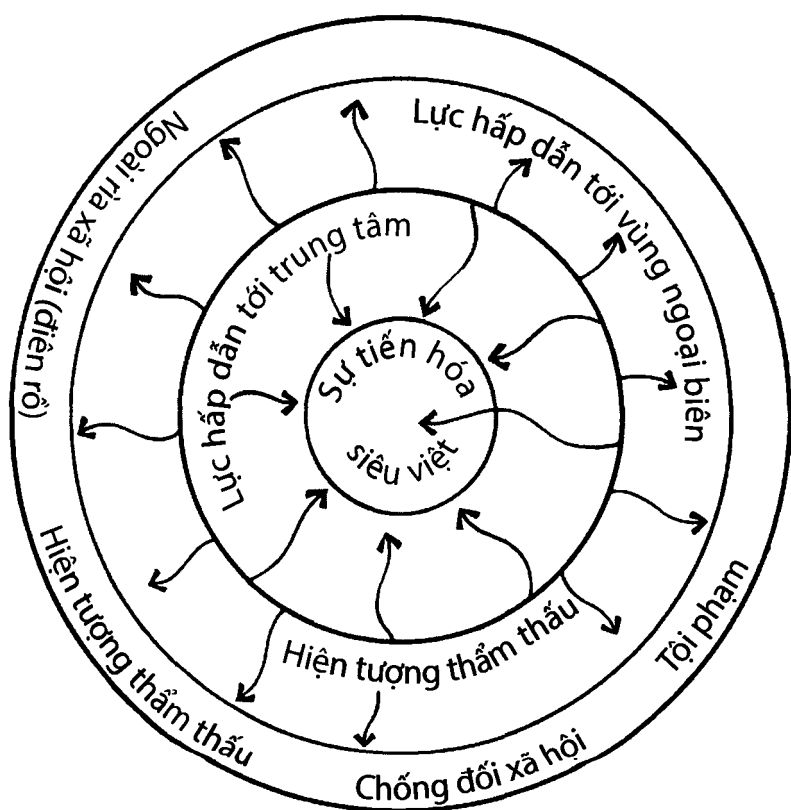
Những gì trẻ bộc lộ đã chỉ đường cho chúng ta đặt một phần của giáo dục trên nền tảng khoa học. Ở phân khúc tuổi sau này, ta có thể tiếp cận được tâm trí của đứa trẻ một cách trực tiếp và ta có thể can thiệp bằng việc thuyết giảng và cổ vũ. Chỉ sau sáu năm thì ta mới có thể trở thành một nhà truyền giáo đạo lý cho đứa trẻ; từ 6 đến 12 tuổi lương tâm trẻ bắt đầu thức tỉnh, thấy được vấn đề gì đúng và vấn đề gì sai. Vẫn còn nhiều thành tựu nữa có thể đạt được từ 12 đến 18 tuổi khi đứa trẻ bắt đầu cảm nhận được những ý niệm như lòng yêu nước và những khía cạnh xã hội của tôn giáo... Rồi chúng ta có thể trở thành nhà truyền giáo cho trẻ. Những hoạt động gây dựng đạo lý của việc truyền giáo luôn được thực hiện giữa những người trưởng thành, vì thế sẽ có rất nhiều thời gian cho những nỗ lực tuyên truyền của chúng ta. Vấn đề duy nhất là sau 6 tuổi, trẻ không thể tự phát triển những phẩm chất nhân cách một cách tự phát được nữa, và những nhà truyền giáo, bản thân cũng không hoàn hảo, gặp nhiều khó khăn, vì họ giống như đang cố gắng xử lý với khói chứ không phải với lửa. Những nhà giáo dục học than phiền rằng họ có thể dạy khoa học, văn học... nhưng những con người trẻ tuổi này chẳng có cá tính gì, và khi cá tính không tồn tại, lực đẩy của cuộc sống cũng sẽ không tồn tại. Chỉ ở những trẻ trước 6 tuổi, được trải nghiệm thực tế trong môi trường, có thể cứu vớt được

một số hoặc tất cả những đặc tính này, mới tồn tại cá tính. Sai lầm nằm ở chỗ trước 6 tuổi, chúng ta đã không cho chúng cơ hội để xây dựng nhân cách của *chính bản thân chúng* qua những quy luật vận động của tự nhiên, mà luôn bị chúng ta can thiệp. Giờ chúng ta không thể bắt những người trẻ này tập trung nếu chúng thiếu khả năng tập trung. Nếu chúng ta bảo chúng phải kiên trì với công việc của mình và thực hiện nó một cách chính xác, thì làm sao chúng làm được việc đó nếu không có khả năng? Cứ như là ai đó nói “Hãy bước đi” trong khi chúng ta không có chân vậy. *Những khả năng này chỉ có thể đạt được bởi luyện tập chứ không phải bởi mệnh lệnh.* Tôi không thể chơi đàn dương cầm hay đàn Veena bốn dây của Ấn Độ dù có bị bắt ép hoặc dù tôi có muốn đi chăng nữa, vì tôi không có khả năng; cơ hội đó đã bị mất đi rồi. Rất nhiều thứ đã bị tước khỏi đứa trẻ trong giai đoạn sáng tạo này (0 đến 6 tuổi) không bao giờ có thể được tái tạo nữa. Chúng ta khi ấy làm được gì? Xã hội thường hay nói: “Hãy kiên nhẫn với người trẻ, chúng ta chỉ có thể cố giúp chúng với những ý định và tấm gương tốt đẹp của chúng ta mà thôi”, chúng ta nghĩ rằng bằng sự kiên nhẫn và qua thời gian thì chúng ta sẽ đạt được một cái gì đó. Chúng ta chẳng đạt được cái gì hết. Chẳng có gì có thể đạt được *chỉ* với thời gian và lòng kiên trì hết; nếu ta không tận dụng cơ hội của giai đoạn sáng tạo khi chúng xuất hiện, ta sẽ vĩnh viễn phải chờ đợi trong vô vọng.

Tại hình 14 chúng ta thấy ở chính giữa có một vòng tròn, trung tâm của sự hoàn thiện, xung quanh nó là một vòng biểu thị nhóm người bình thường thuộc dạng khỏe mạnh hơn. Vòng tròn tiếp theo biểu thị đám đông quần chúng không được phát triển đầy đủ ở nhiều phương diện. Vòng tròn ngoài cùng biểu thị những người nằm ngoài rìa của xã hội, hoặc chống đối xã hội (những người ngoài lề xã hội là những kẻ điên rồ còn những kẻ chống đối xã hội là những tên tội phạm). Những tên tội phạm và những kẻ điên đã không thể hòa nhập vào xã hội; tất cả những

người khác đã có thể tự hòa nhập ở mức độ ít hay nhiều. Vì thế, vấn đề của giáo dục dành cho tất cả những người có thể tự hòa nhập ở một mức độ nào đó.

Quá trình hòa nhập vào môi trường là nhiệm vụ của đứa trẻ dưới 6 tuổi, vì thế ở đây chính là nguồn gốc của nhân cách. Nhân cách mới thật là một vấn đề lớn lao làm sao, tìm kiếm hay không tìm kiếm cách thích nghi dễ dàng! Có những người ít hay nhiều



Hình 14. Vòng tròn của lực hấp dẫn tới các hình thái cấp cao và cấp thấp

đã tự thích nghi một cách hoàn hảo, họ ít nhiều đáp ứng được những nhu cầu của xã hội, họ là những người được biểu diễn ở vòng tròn thứ hai (từ ngoài vào). Những người ở vòng tròn thứ ba (từ ngoài vào) là gần tới sự hoàn hảo, mạnh mẽ vì họ có một nguồn sinh lực lớn hơn hoặc tìm được một môi trường tốt hơn, trong khi những người khác có nguồn sinh lực kém hơn hoặc phải gặp nhiều chướng ngại. Trong xã hội, những người ở trong vòng tròn thứ ba (từ ngoài vào) được coi là có tính cách mạnh mẽ hơn và những người khác bị cho là có tính cách yếu đuối. Những người thuộc vòng tròn thứ ba có sự hấp dẫn tự nhiên đối với sự hoàn hảo thể hiện ở trung tâm, trong khi những người thuộc vòng tròn thứ hai cảm thấy bị thu hút bởi những gì ở tận cùng giới hạn, vòng ngoài cùng. Thế là có một nhóm người bị hấp dẫn và tuột dần xuống dưới, vành đai chống đối và ngoài rìa xã hội, như thế họ gặp khó khăn trong việc trèo lên và bị tuột xuống. Họ gặp phải rất nhiều cám dỗ và nếu họ không liên tục nỗ lực, họ sẽ tuột xuống; họ cảm thấy mình ngày càng trở nên yếu kém. Chúng ta phải giúp đỡ họ về mặt tinh thần để không bị rơi vào cám dỗ. Đây không phải sự cám dỗ của khoái lạc, vì chẳng ai thích tuột xuống tội ác và điên loạn hết; dường như nó giống như lực hấp dẫn không thể cưỡng lại của trọng lực và bắt ta phải liên tục đấu tranh chống lại nó. Chính nỗ lực kháng cự lại xu hướng tuột xuống này được coi là một đức tính. Đức hạnh, trên thực tế, ngăn cản chúng ta rơi xuống hố sâu đạo lý. Những người như thế được khuyên răn phải cẩn thận để không sa ngã và họ luôn cảm thấy ăn năn; họ sẽ đặt một quy tắc lên cuộc sống của mình để tránh bị sa ngã; họ sẽ gắn bó với một ai đó tốt đẹp hơn mình; họ sẽ cầu nguyện Chúa Vạn Năng để giúp họ tránh khỏi cám dỗ. Càng lúc họ càng được bảo bọc trong đức hạnh, nhưng đó là một cuộc sống vô cùng khó khăn. Sự ăn năn không phải một niềm vui trong cuộc sống; nó là một nỗ lực trèo lên một ngọn núi và bám lấy một mẫu đá chìa ra nào đó để không bị ngã

xuống vực. Tuổi trẻ cảm nhận được lực hấp dẫn trọng lực này và chính những nhà giáo dục học phải là người cố gắng giúp đỡ họ bằng các tấm gương và lời động viên khuyến nhủ. Họ trở thành những tấm gương, dù thỉnh thoảng họ cũng cảm nhận được sự cám dỗ chẳng kém gì đứa trẻ. Biết bao lần họ đã nói rằng: “Mình phải trở thành một hình mẫu để cho học sinh của mình noi theo!” Cả học sinh và nhà giáo dục học nằm trong nhóm những người đức hạnh – vòng tròn thứ hai (từ ngoài vào); đây là môi trường của nền giáo dục nhân cách và đạo đức. Nó đã được chấp nhận là phương án giáo dục duy nhất. Vì thế, đại bộ phận loài người nằm trong vòng tròn thứ hai và nhân loại thường coi rằng đây là con người đích thực, kẻ luôn trong thế phòng thủ.

Trong vòng tròn thứ ba (từ ngoài vào) là những người mạnh mẽ hơn với niềm đam mê sự hoàn hảo. Chẳng có lực hấp dẫn trọng lực nào, chỉ có một sức hút *thực sự* kéo họ tới sự hoàn hảo. Điều này thường là niềm khát khao mà không cần khả năng trở thành hoàn hảo thực sự, nhưng trong bất cứ trường hợp nào họ cũng đi về phía hoàn hảo một cách tự nhiên và gần như không mất công sức. Họ không trở thành kẻ trộm vì sợ cảnh sát hay những người phải nỗ lực tránh cảm giác thích chiếm hữu; họ không phải những người bị hướng tới hành vi bạo lực, nhưng kháng cự lại nó bằng phẩm hạnh; họ không bị cám dỗ bởi những vật sở hữu của những người xung quanh mình và họ cũng không thô bạo. Họ chỉ cảm nhận được một sự cuốn hút duy nhất, đó là trung tâm của sự hoàn hảo và họ cảm nhận được điều đó vì nó đã trở thành một phẩm chất của cuộc đời họ. Họ không cần đức hạnh ở hình thái như thế nữa, vì họ ít bị cám dỗ bởi lực hấp dẫn về phía sự không hoàn hảo. Họ ghét sự không hoàn hảo. Khi họ đi tới trung tâm của sự hoàn hảo thì họ không coi đó là một sự hy sinh, mà là mơ ước cháy bỏng nhất của mình; họ muốn đi.

Chúng ta hãy thử làm một so sánh vật lý và xét vấn đề của người ăn chay và người không ăn chay. Rất nhiều những người

ăn thịt, đã kiêng ăn thịt vào một số ngày nhất định trong tuần, và vào lễ Lent¹ thì họ nhịn ăn trong vòng 40 ngày, điều đó có nghĩa là họ không ăn thịt và một số thứ khác nữa. Nó thường là một chuỗi ngày dài dặc, chán chường đối với họ và họ cảm thấy mình thật đức hạnh. Sau giai đoạn này là đến chuỗi ngày ăn bù và có lẽ họ đã ngẫu nhiên ăn tất cả các thể loại thịt. Trong suốt lễ Lent, họ đã bị cám dỗ và nói rằng: “Ôi Chúa ơi, hãy cứu rồi con!” Đây là những người đức hạnh mà tuân theo những quy tắc. Họ trong sạch. Nhưng ở vòng tròn thứ ba (từ ngoài vào) thì có những người thực sự đáng nể, những người ăn chay, họ không bị cám dỗ phải ăn thịt; họ tránh nó. Chẳng có ích gì nếu cho một nhà truyền giáo về việc không ăn thịt tới chỗ những người ăn chay; họ tuân theo quy tắc không ăn thịt còn tốt hơn người ăn chay.

Chúng ta hãy đến với một ví dụ khác: những người có thể chất khỏe và những người có thể chất yếu (ví dụ như một người mắc bệnh viêm cuống phổi). Người thứ hai cần phải bảo vệ phổi của mình bằng nhiều lớp quần áo và khăn choàng len ấm áp; có lẽ anh ta cũng cần tắm nước ấm và xoa bóp để dễ lưu thông máu nữa. Những người này nhìn thì có vẻ là những người bình thường, họ không ở trong bệnh viện, mà tự chăm sóc bản thân. Hoặc có thể hệ tiêu hóa của họ không được tốt và họ phải ăn theo chế độ đặc biệt để giữ sức khỏe. Tất cả những người này cứ sống giữa những người bình thường, nhưng rất chú ý đến chế độ sinh hoạt, họ luôn sợ nhắc đến bệnh viện và cái chết. Còn những người có sức khỏe, họ ăn thứ họ muốn và họ không quan tâm gì đến quy tắc luật lệ. Họ đi ra ngoài khi trời lạnh vì họ thích thế, và họ nhảy xuống dòng sông lạnh giá để bơi khi những người khác hầu như không dám bước ra khỏi cửa. Những nhà thám hiểm bắc cực coi việc thám hiểm là niềm vui; họ không quan tâm đến

¹ Lễ hội ăn chay của người theo đạo Thiên chúa diễn ra vào tháng 3 hàng năm.

những khó khăn. Đức hạnh của những người nằm trong vòng tròn thứ hai (từ ngoài vào) cần có các bậc thánh nhân, người vĩ đại cùng những người thầy tinh thần thuộc đủ các thể loại trợ giúp, nếu không thì tất cả sẽ rơi xuống vực thẳm hoặc hố sâu của sự cám dỗ. Nhưng những người trong vòng tròn tiếp theo không cần những trợ giúp này và họ có được những niềm vui mà những người khác không thể nào mơ tới được.

Chúng ta hãy đi vào vòng tròn của sự siêu việt trong nỗ lực đặt nhân cách trên nền tảng thực tế. Sự siêu việt là gì? Có phải nó là để đạt được mọi đức hạnh ở cấp độ cao nhất, và để đạt được cái gì? Tại đây, chúng ta cũng phải đặt thứ gì đó có thể xảy ra và mang tính thực tế. Nói nhân cách là chúng tôi muốn nói tới hành vi của con người, thứ được thôi thúc (dù ở rất nhiều người chỉ là trong tiềm thức) để tiến tới sự tiến bộ. Đây là xu hướng chung: nhân loại và xã hội phải tiến về trước trong công cuộc tiến hóa. Một số người cảm thấy say mê với Chúa, nhưng tại thời điểm này chúng ta hãy xét một trung tâm hoàn hảo đơn thuần của con người, thứ là sự tiến bộ của loài người. Một cá nhân thực hiện một khám phá và xã hội phát triển theo chiều hướng ấy. Trong lĩnh vực tinh thần cũng vậy, một cá nhân đạt đến trình độ nào đó và tạo lực đẩy cho xã hội. Tất cả những gì chúng ta biết, xét theo khía cạnh tinh thần, và tất cả những gì chúng ta nhìn thấy, xét theo khía cạnh vật chất, là thành tựu của cá nhân nào đó. Nếu chúng ta nghiên cứu địa lý hoặc lịch sử thì chúng ta sẽ thấy có sự phát triển liên tục, từ thời này qua thời khác, con người đặt một dấu chấm vào vòng tròn trung tâm của sự hoàn hảo. Đây là một lực cuốn hút cho những người trong vòng tròn gần đó, những người tin vào bản thân và cũng là những người không cần đến luật lệ hay cảm giác ăn năn. Họ không phải dành sức lực ra để chống lại sự cám dỗ, thế nên họ có thể sử dụng chính nguồn năng lượng ấy để đạt được những thứ là bất khả đối với những người phải nỗ lực để giữ mình khỏi những cám dỗ. Đô đốc Byrd

của Hoa Kỳ chỉ biết lao vào kiếm tiền để làm gì? Để ông khám phá Nam Cực và ném mình vào giữa những khốn khó của một cuộc thám hiểm vùng cực. Ông ta không cảm thấy chút khó nhọc nào, ông ta cảm thấy sự cuốn hút của vòng tròn siêu việt, của việc đạt được thứ gì đó mà từ trước tới giờ chưa đạt được.

Trong kết luận này chúng ta có thể nói rằng tính cách đa dạng của những người nằm trong vòng tròn thứ hai (từ ngoài vào) và nghèo nàn của những người nằm trong vòng tròn thứ ba (từ ngoài vào). Có quá nhiều người cần đến chỗ dựa để giúp họ tránh khỏi cảm dỗ; và nếu giáo dục cũng theo hướng này thì con người sẽ bị kìm kẹp không phát triển được.

Thứ tưởng tượng một nhà truyền giáo từ vùng vòng tròn thứ hai (từ ngoài vào) đi tới bọn trẻ ở vùng vòng tròn tiếp theo và khuyên chúng không ăn thịt nếu không chúng sẽ sa ngã. Bọn trẻ đó sẽ nói: “Cháu không thể sa ngã được, cháu chẳng thấy hứng thú gì với thịt hết.” Hoặc nếu một nhà truyền giáo khác nói: “Cháu phải mặc ấm vào nếu không cháu sẽ bị cảm lạnh đấy.” Đứa trẻ sẽ đáp rằng: “Cháu không cần phải mặc ấm, cháu

Các chương trình giáo dục đặt ra giới hạn cho tri thức và giới hạn đó lại dưới tầm của con người. Giáo dục cho con người những cái nặng trong khi họ có đôi chân khỏe mạnh dùng để chạy. Đó là một nền giáo dục sai lầm dựa trên những phẩm chất yếu kém của con người chứ không phải trên những phẩm chất siêu việt của họ.

chẳng sợ lạnh đâu.” Chúng ta cần nhận thức được rằng xu hướng của giáo dục là muốn cung cấp những giáo viên từ vùng vòng tròn thứ hai (từ ngoài vào), có xu hướng đẩy mọi trẻ em xuống cấp độ này (dù chỉ để gặp sự kháng cự) chứ không hướng lên và nhằm vào trung tâm của sự hoàn thiện. Nếu chúng ta nhìn vào tất cả những chương trình giáo dục, chúng ta thấy những thông tin được đưa ra ít ỏi và

khô khan thế nào. Điều này khiến nền giáo dục tạo ra những con người có mặc cảm tự ti và yếu đuối. Các chương trình giáo dục đặt ra giới hạn cho tri thức và giới hạn đó lại dưới tầm của con người. Giáo dục cho con người những cái nặng trong khi họ có đôi chân khỏe mạnh dùng để chạy. Đó là một nền giáo dục sai lầm dựa trên những phẩm chất yếu kém của con người chứ không phải trên những phẩm chất siêu việt của họ. Nền giáo dục không đúng mục tiêu khiến con người ngày nay là một tổ hợp những cá nhân thấp kém. Những cá nhân đã không xây dựng nhân cách của mình trước lúc 6 tuổi. Chúng ta phải cố gắng và tái kiến thiết cấp độ thực sự, cố cho phép đứa trẻ được sử dụng những khả năng sáng tạo của mình; có lẽ vùng vòng tròn thứ ba (từ ngoài vào) không phải thuộc về sự hoàn hảo kia, mà thuộc về lực hấp dẫn tới sự hoàn hảo, không phải tới việc phòng thủ, mà tới việc chinh phục, sẽ xâm lấn toàn bộ vùng vòng tròn thứ hai (từ ngoài vào). Nếu chỉ có duy nhất một thời kỳ trong cuộc đời con người khi anh ta có thể xây dựng bản thân về khía cạnh tinh thần, và sự xây dựng khi đó lại không được diễn ra hoặc lại diễn ra một cách tồi tệ do phải chịu một môi trường sai lầm, thì chúng ta đã tự tạo cho mình một tập hợp những cá thể kém phát triển. Tuy thế, nếu như, chúng ta cho phép nhân cách được phát triển thuận theo tự nhiên và tạo cơ hội cho hoạt động mang tính xây dựng, chứ không chỉ khuyến khích cổ vũ, thì thế giới sẽ phải cần một phương thức giáo dục khác.

Bỏ đi những giới hạn giả tạo và đặt trước mặt nhân loại những điều vĩ đại cần được đạt tới. Tôi có thể đọc tất cả những câu chuyện lịch sử và những bài giáo lý và vẫn cứ là một kẻ ngốc, nhưng cho tôi *phương tiện* có thể dẫn tới những nỗ lực to lớn thì kết quả sẽ khác. Ta phải níu lấy thứ gì đó có thể gây ra phản ứng trong nội tại để thực hiện điều này. Những phẩm chất ta có thể khuyến khích là những phẩm chất mang tính sáng tạo được xây dựng trong giai đoạn mang tính sáng tạo, và nếu chúng ta

không cho trẻ được tự kiến thiết bản thân vào lúc đó thì sau này những phẩm chất kia sẽ không còn nữa, và thuyết giáo với lại nêu gương sẽ chỉ là vô dụng.

Đây là sự khác biệt giữa phương thức giáo dục cổ điển và hiện đại: chúng ta mong muốn được trợ giúp cho công cuộc kiến thiết con người của chính bản thân anh ta ở thời điểm thích hợp, được giúp đỡ tất cả những khả năng có thể để đạt đến một nhân cách hoàn chỉnh. Xã hội đã xây dựng những bức tường và rào cản, chúng ta phải phá hủy chúng và chỉ cho trẻ thấy đường chân trời. Phương pháp giáo dục mới là một cuộc cách mạng, nhưng là *cuộc* cách mạng phi bạo lực.

23

SỰ THĂNG HOA CỦA TÍNH CHIẾM HỮU

Nếu ta nghiên cứu tất cả những hiện tượng đã xảy ra, ta có thể thấy một quá trình xây dựng nhân cách. Quá trình xây dựng này được so sánh với hoạt động của những con sâu bướm ở một thời kỳ nhất định. Thay vì di chuyển quanh nhiều cành cây như chúng vẫn thường làm, chúng dừng lại ở một địa điểm và bắt đầu tích cực hoạt động ở đó. Sau một thời gian ngắn thì ta thấy một đám những sợi tơ gần như vô hình, xuyên suốt, nhưng đây là khởi đầu của một cái kén vững chắc. Cũng như với con sâu bướm, hiện tượng chúng ta nhận thấy đầu tiên là hiện tượng tập trung vào một điểm. Ở đứa trẻ 3 tuổi rưỡi, tại ngôi trường đầu tiên của chúng tôi, sự tập trung cao độ được chú ý. Có rất nhiều những thôi thúc khác trong môi trường, nhưng không gì có thể phá vỡ sự tập trung của đứa trẻ được. Một mức độ tập trung tương tự có thể được quan sát ở một số người trưởng thành, nhưng chỉ ở những cá nhân xuất chúng. Ví dụ Archimedes¹ đã vô cùng tập trung vào những bài toán hình học đến nỗi dù lính

¹ Archimedes (287 - 212 TCN): Nhà toán học, vật lý, kỹ sư, nhà phát minh và một nhà thiên văn học người Hy Lạp.

định đã tiến vào thành phố và đang xông vào nhà mình, ông chỉ nói: “Đừng dẫm vào những vòng tròn của tôi!” Ông không nhận ra thành phố đã rơi vào tay giặc. Các nhà thơ cũng tập trung cao độ với tác phẩm của mình mà không chú ý đến hoạt động xung quanh. Nhưng với người trưởng thành, độ tập trung như thế chỉ có ở các bậc thiên tài. Sự tập trung của đứa trẻ khác với của người lớn. Ở đứa trẻ, sự tập trung đó được tự nhiên ban tặng, và khi chúng tôi thấy nó được lặp lại ở bọn trẻ của những quốc gia khác nhau, chúng tôi nhận định rằng tập trung phải là một phần của hình mẫu kiến thiết. Như với cây compa, ta phải cố định tại một điểm trước khi làm bất cứ điều gì khác, nhưng một khi nó đã được cố định thì mọi thiết kế đều có thể được vẽ ra, và với quá trình kiến thiết của đứa trẻ thì việc cố định, tập trung chú ý cũng là giai đoạn đầu tiên. Đứa trẻ tìm thấy sự tập trung và sở hữu nó. Chúng ta cũng vậy, nếu như chúng ta làm việc gì, chúng ta phải có một sự tập trung vào mọi thứ liên quan đến công việc ta đang làm. Nếu không có sự tập trung này thì mục tiêu mà đứa trẻ chú ý đến sẽ quay ra sở hữu đứa trẻ, đứa trẻ bị dẫn dắt bởi mọi động lực, nhưng một khi đã sở hữu được khả năng tập trung chú ý, đứa trẻ sẽ sở hữu và kiểm soát được môi trường.

Nếu gặp một người trưởng thành hay thay đổi những đam mê của mình, chúng ta coi anh ta có nhân cách không ổn định và chúng ta biết là những người như vậy không thể lãnh trách nhiệm gì trong đời. Trong khi một người có mục tiêu sâu xa, có thể tập trung sự chú ý và khả năng tổ chức vào những việc được trao cho anh ta, ta nghĩ rằng một người như thế sẽ đạt được nhiều thành tựu. Ta thường trăn trở về những vấn đề này và ta muốn các học trò nhỏ tập trung vào công việc của chúng, nhưng ta không thể mang lại điều đó. Có nghĩa khả năng tập trung không thuộc phạm trù những thứ ta có thể trao cho trẻ nhỏ bằng các biện pháp giáo dục thông thường. Vì điều ấy quá khó đạt để được ở những bậc thiếu niên (sinh viên đại học và học sinh

trung học phổ thông) khó đạt được sự tập trung, nhưng không ai nghĩ rằng bọn trẻ 3 tuổi rưỡi lại đạt được? Không thể nghĩ được rằng có giáo viên nào có thể khơi dậy độ tập trung đến thế trong khi phần còn lại của lớp học cứ nháy múa xung quanh, càng không thể khiến cả một lớp học tập trung. Tuy thế, nó lại xảy ra ở lớp học của những trẻ mồ côi ở Messina mà tôi đã đề cập tới ở Chương trước. 60 trẻ đó học trong một căn phòng lớn hoặc một đại sảnh, 100 học sinh đi vào và làm ồn ã quanh các bức tường, nhưng bọn trẻ không hề để ý hay thậm chí ngược mắt nhìn lên.

Hiện tượng này chỉ ra rằng tự nhiên đang kiến thiết một bộ phận vĩ đại nào đó của tâm lý con người, và từ điểm này ta có thể hiểu được rằng những thành tố của loài người đang được xây dựng. Không phải do sự tồn tại sẵn của một sức mạnh ý chí đã khiến bọn trẻ đạt được độ tập trung này, mà là do tự nhiên; tự nhiên xây dựng ý chí theo cách này. Sau khi việc này xảy ra thì tất cả những trở ngại đều biến mất và nhân cách được thành lập. Điều gì xảy ra sau sự kiện này? Chúng ta nhìn thấy sự kiên định (việc lặp đi lặp lại các bài tập) mà không có mục đích ngoại tại, vì thế ẩn chứa mục đích nội tại; sự kiên định này là đặc điểm nổi bật ở bọn trẻ, người lớn chúng ta không sở hữu nó. Chúng ta có lòng kiên trì trong việc theo đuổi một công việc dài lâu, nhưng không phải lặp đi lặp lại cùng một công việc. Hành động lặp lại của bọn trẻ là một hình thức tập luyện cho nhân cách mà người lớn có thể tận dụng, nhưng là thứ đứa trẻ đã xây dựng nên. Có một số người trưởng thành không có đủ độ kiên nhẫn để nhìn đứa trẻ lặp đi lặp lại tất cả những bài tập này một cách chính xác; việc này được thực hiện quá thường xuyên. Đứa trẻ chưa có được ý chí cần thiết cho sự kiên trì này, đứa trẻ làm việc đó là do tự nhiên, nhưng qua đó đứa trẻ đã xây dựng nên ý chí của người trưởng thành mà sau này sẽ kiên quyết thực hiện bất cứ nhiệm vụ cần phải thực hiện nào. Từ đó, việc những người lớn có được khả năng tập trung và kiên định là không thể do họ chưa có được sự rèn luyện khả năng tập trung một cách tự nhiên. Vì thế, ta

không nên lên án những người không có những phẩm chất này, chỉ là họ đã không có cơ hội được xây dựng chúng.

Có một sự kiện khác xảy ra sau quá trình cố định sự tập trung đầu tiên này, đó là sự quyết tâm của đứa trẻ đối với hành động mà đứa trẻ thực hiện. Điều này cũng được tạo nên bởi việc lặp đi lặp lại, hàng ngày, trong hàng năm trời. Chúng ta thường gặp một số người trưởng thành không bao giờ có thể quyết định được họ muốn cái gì, chúng ta nói rằng họ chẳng có chính kiến gì cả. Khi chúng ta gặp được người có thể bộc lộ một cách rõ ràng những gì anh ta muốn và những gì chúng ta muốn, chúng ta nói rằng anh ta có ý chí mạnh mẽ và có thể tự định đoạt những hành động của mình. Trẻ em định đoạt những hành động của chúng theo quy luật của tự nhiên, còn người lớn theo quy luật của tinh thần. Rõ ràng, để luyện tập khả năng quyết đoán các hành động này, trẻ cần phải đạt được quyền độc lập từ người lớn – người luôn bắt chúng phải làm cái này cái kia trong suốt cuộc đời chúng, vì rõ ràng là sự quyết tâm này đến từ quá trình phát triển và những sức mạnh nội tại. Nếu có ai đó mạnh mẽ hơn tại thời điểm đó, lật đổ quyền lãnh đạo của người hướng dẫn nội tại kia, thì đứa trẻ sẽ chẳng phát triển được tính quyết tâm hay khả năng tập trung. Vì thế, nếu chúng ta muốn những phẩm chất này được phát triển, thì điều đầu tiên là đứa trẻ phải được độc lập khỏi người trưởng thành. Nếu chúng ta nhìn vào đời sống của trẻ ở bất cứ nơi đâu, chúng ta đều nhận thấy rằng bản năng mạnh mẽ nhất là được tự do thoát khỏi người trưởng thành và điều này đúng với mọi giống loài. Điều đó mới logic làm sao khi ta nhìn vào kết luận rút ra! Nhưng đứa trẻ không làm việc đó bằng logic, đứa trẻ làm việc đó theo lẽ tự nhiên; vì thế tự nhiên đã đề ra một kế hoạch mà đứa trẻ phải tuân theo. Điều này ám chỉ một sự tương đồng trong quá trình phát triển của nhân tính và hành vi của động vật, vì động vật cũng phải tuân theo một hình mẫu nhất định và làm việc đó bằng cách tự giải phóng mình khỏi cá thể trưởng thành. Có những quy luật tự nhiên chỉ đạo

quá trình sinh trưởng, kiến thiết và cá thể *phải* tuân theo những quy luật này nếu anh ta muốn xây dựng nhân cách – phần tinh thần của mình.

Chúng ta có thể chứng kiến công cuộc kiến thiết phần tâm lý ở mọi sự vật và hiện tượng. Nhân cách của con người không phải là kết quả của giáo dục, nó là một thực thể mang tính vũ trụ; nhân cách được điều khiển bởi tự nhiên. Nhân cách không phải kết quả sự gò ép của chúng ta, nó là một thực thể của sáng tạo tự nhiên chứ không phải của giáo dục.

Chúng ta hãy xem xét một số khiếm khuyết đã bị biến mất kia. Một trong số những khiếm khuyết thường gặp nhất ở trẻ là do sự thôi thúc phải chiếm hữu cái gì đó. Nó được bộc lộ qua câu nói “mong có được mặt trăng”. Tính chiếm hữu là gì ngoài một sự thôi thúc mang tính bản năng? Giờ ở những trẻ được bình thường hóa thì khả năng tích cực của việc tập trung vào mọi vật thể để kiểm tìm *tri thức* về vật thể đó và rồi một thay đổi diễn ra trong tính chiếm hữu này. Một thực thể kỳ lạ, trẻ muốn được sở hữu những thứ mang tính vật chất, sau một thời gian ngắn sẽ đánh mất hoặc làm hỏng những đồ vật ấy. Khiếm khuyết của tính chiếm hữu đi cùng với khiếm khuyết về tính phá hoại, nhưng nếu đó là một đồ vật không đem lại sự say mê dài lâu cho trẻ, thì điều đó có thể hiểu được. Trẻ chỉ thu hút sự chú ý của chúng ta trong giây lát rồi bị ném sang một bên. Lấy ví dụ một chiếc đồng hồ đeo tay. Công dụng của nó là để chỉ giờ giấc và đó là giá trị thực sự của nó. Một đứa trẻ nhỏ không thể biết được khái niệm giờ nên sự hứng thú thực sự vào cái đồng hồ là không tồn tại và đứa trẻ nhanh chóng làm hỏng nó. Một trẻ lớn hơn có thể muốn biết nó được cấu tạo như thế nào nên mở hộp đồng hồ ra và nhìn vào tất cả những bánh răng bên trong sẽ chỉ giờ khi chúng hoạt động. Thứ máy móc phức tạp này khi ấy cuốn hút đứa trẻ vì *tính năng* của nó chứ không phải vì một mục đích ngoại tại nào. Có những trường hợp người ta cảm thấy hứng thú với tính năng ấy mạnh mẽ đến nỗi nó trở thành niềm đam mê vô tận. Lịch sử đã

cho chúng ta rất nhiều ví dụ. Vua Louis XVI của Pháp đã rất đam mê những tính năng hoạt động của đồng hồ và ông đã dành phần lớn thời gian trong một phòng thí nghiệm làm việc với đồng hồ. Hoàng đế Charles V, người trị vì một phần lớn châu Âu, cũng có niềm đam mê này; ông có mười hai chiếc đồng hồ, và ông cố gắng giữ chúng luôn chạy cùng một lúc, nhưng ông không thể thành công trong việc giữ chúng cùng nhau được, thế là ông ta nói: “Nếu tôi không thể giữ mười hai chiếc đồng hồ chạy cùng một giờ, thì làm sao tôi có thể hy vọng sẽ giữ được cả châu Âu? Tôi nên thoái vị là hơn”. Sau đó ông ta trở thành một nhà tu. Đây là dạng thứ hai của tính chiếm hữu – hứng thú với hoạt động của vật sở hữu. Chúng ta có thể nhận thấy điều này ở những lĩnh vực khác. Trẻ ngắt hoa chỉ để chiếm hữu nó và kết quả là trẻ làm nát chúng. Tính chiếm hữu vật chất và sự phá hoại luôn luôn đi cùng nhau. Chúng ta không nhận thấy điều đó trên thế giới vào lúc này sao? Nếu thay vào đó mà đứa trẻ biết được các bộ phận của bông hoa, các dạng lá, của cuống hoa... thì sẽ chẳng có tính chiếm hữu và phá hoại. Đứa trẻ cảm thấy hứng thú, một niềm đam mê trí tuệ xoáy vào một loại cây hoặc một vật sở hữu mang tính trí tuệ. Đứa trẻ cũng sẽ giết những con bướm, nếu chúng chỉ tìm kiếm để sở hữu con côn trùng đó, nhưng nếu niềm đam mê của đứa trẻ xoáy vào đời sống và chức năng hoạt động của nó, thì niềm đam mê đó vẫn tập trung vào con bướm, nhưng là để quan sát chứ không phải để sở hữu và phá hủy. Tính chiếm hữu mang tính trí tuệ này thể hiện bản thân với sự cuốn hút lớn lao đến nỗi chúng ta có thể gọi đó là một dạng tình yêu, nó khiến đứa trẻ quan tâm tới những thứ này theo một cách tinh tế và đúng đắn.

Vì thế, chúng ta có thể nói rằng tính chiếm hữu này là do một niềm đam mê mang tính trí tuệ đã được nâng lên một tầm cao mới và niềm đam mê mang tính trí tuệ này thôi thúc đứa trẻ phát triển thông qua thực tế mà chúng nghiên cứu này. Thay vì bản năng muốn chiếm hữu, ở cấp độ cao cấp hơn này, chúng ta thấy được ba điều: được biết, được yêu và được phục vụ. Tính chiếm

hữu chuyển hóa thành tình yêu và khi nó đã xuất hiện, sẽ không còn chỉ có mong muốn bảo vệ vật đó, mà còn muốn sử dụng nó một cách có ích. Khi đó thì thôi thúc mang tính bản năng sẽ được thăng hoa. Theo cùng cách đó thì sự tò mò cũng sẽ được thăng hoa thành những nghiên cứu khoa học. Sự tò mò trở thành một động lực để học hỏi và từ đó thì sức mạnh và niềm đam mê cho nghiên cứu học tập xuất hiện. Thật thú vị khi quan sát đứa trẻ trở thành người yêu và ngưỡng mộ một đồ vật nào đó, đứa trẻ sẽ trở nên hăng hái với việc giữ gìn *tất cả* đồ vật. Chính sự biến đổi của bọn trẻ trong lớp học đầu tiên của chúng tôi đã chỉ cho chúng tôi thấy, trẻ đi từ việc chiếm hữu tới một bậc cao hơn của tình yêu và tinh thần phục vụ như thế nào. Những cuốn sách tập của chúng khi đã được viết hết thì không có trang bị gấp mép, hay vấy bẩn hoặc dây mực, mà đều gọn gàng và thậm chí còn được chúng trang trí nữa.

Nếu chúng ta nhìn vào xã hội loài người, vào sự vĩ đại của nhân loại, như đã được thể hiện qua lịch sử và các cuộc cách mạng, ta thấy rằng bản năng con người đạt được sự thăng hoa này. Anh ta cố gắng bước vào mọi lĩnh vực, bảo tồn và phát huy nó, thế là anh ta đã trợ giúp cho sự sống bằng việc thâm nhập một cách trí tuệ vào những quy luật của sự sống. Người nông dân chăm sóc cây cối và gia súc trọn đời; nhà khoa học yêu chiếc kính hiển vi và thấu kính. Họ thể hiện tình yêu qua việc cẩn trọng và nâng niu khi sử dụng chúng. Nhân loại bắt đầu nắm lấy vạn vật bằng đôi bàn tay, bằng việc phá hủy và kết thúc bằng việc yêu quý vạn vật một cách trí tuệ và phục vụ chúng. Thông thường thì quy luật chung là phục vụ và yêu thương được khơi dậy ở con người vì thuận theo lẽ tự nhiên. Bọn trẻ nhổ cây khỏi vườn, giờ trông đợi cây lớn dần, đếm từng chiếc lá, đo từng góc cạnh. Nó không còn là cái cây *của* tôi nữa, mà chỉ là cái cây. Sự thăng hoa và tình yêu này đến từ tri thức, từ sự thâm nhập của tâm trí. Sự phá hoại không bị thay đổi bởi những lời giáo điều, đứa trẻ vẫn muốn sở hữu đồ vật đó để không ai có được. Nếu chúng ta cố

bảo ban đứa trẻ bằng cách đánh mắng; hoặc lên giọng dạy bảo hay cố đánh vào tâm lý tình cảm của đứa trẻ, đứa trẻ có thể thay đổi trong vòng năm phút, nhưng sau đó sẽ quay trở lại điểm xuất phát. Chỉ khi lao động và sự tập trung làm nảy sinh kiến thức thì sau đó tình yêu mới có thể đạt được sự chuyển hóa. Được biết, được yêu và được phục vụ là thiên khải của con người cao cả. Nó chỉ có thể đến bằng những trải nghiệm và sự phát triển của chính cá nhân, chứ không phải bằng những lời giáo điều. Ngay khi sự chú ý của trí tuệ vào những chi tiết được xuất hiện, tình yêu sẽ đến, khát vọng được biết mọi chi tiết, để chúng ta sẽ không vô tình làm tổn thương trẻ.

Được biết, được yêu và được phục vụ là điều được rao giảng ở khắp các tôn giáo, nhưng chính đứa trẻ mới là người kiến thiết nên đời sống tâm linh của chúng ta; đứa trẻ đã hé lộ rằng tự nhiên có một kế hoạch cho những hành vi hoặc nhân cách của chúng ta, một kế hoạch cẩn thận được quyết định theo độ tuổi, chức năng, tự do và những hoạt động mãnh liệt tuân theo những quy luật của chính cuộc sống. Sự rèn luyện lặp đi lặp lại được tuân theo cả ở những bài tập tinh thần cũng như thể chất và không chỉ có vật lý, thực vật học hay việc lau chùi giày mới là thành quả đạt được, mà cả ý chí và những thành tố của tinh thần cũng đã được xây dựng. Người trưởng thành có thể tận dụng ý chí mà đứa trẻ đã xây dựng, vì thế đứa trẻ là người xây dựng tinh thần của tất cả chúng ta. Chúng tôi đã phát hiện ra những người trưởng thành thường sai lầm (như thực tế đã xảy ra trong cuộc chiến tranh gần đây) vì quên mất tâm hồn mà đứa trẻ đã xây dựng nên hoặc hay gặp hơn, đã ngăn cản đứa trẻ không được xây dựng nó một cách bình thường.

24

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI

Việc đầu tiên đứa trẻ phải làm là tìm phương thức và phương tiện hướng tới sự tập trung để đặt nền móng cho nhân cách và các hành vi xã hội. Điều này ngay lập tức chỉ ra tầm quan trọng của môi trường, vì không ai có thể cho trẻ khả năng tập trung hoặc tổ chức sắp xếp cho trẻ từ bên ngoài. Đứa trẻ phải tự tổ chức bản thân. Một môi trường khép kín (trường học hoặc lớp học của chúng tôi) đề cao khả năng tập trung. Người lớn muốn tìm đến sự tập trung thì họ dựng một ngôi chùa hoặc một ngôi đền. Qua các hoạt động đề cao sự tập trung trong một môi trường đóng kín thì nhân cách và sự sáng tạo của cá nhân được hoàn thành. Ở những ngôi trường bình thường thì hầu hết trẻ được nhận vào sau 5 tuổi, khi chúng đã hoàn thành giai đoạn đầu tiên và quan trọng nhất của quá trình hình thành nhân cách, hoặc nếu chúng chưa có cơ hội làm thế, thì ít nhất *độ tuổi* cho việc đó cũng đã qua. Trong khi trường học của chúng tôi là một môi trường luôn quan tâm bảo vệ những thành tố đầu tiên của nhân cách. Đó là lý do tại sao vấn đề về một môi trường được chuẩn bị sẵn trong giáo dục được phát biểu lần đầu tiên trước toàn thế giới, lại làm dấy lên sự quan tâm lớn đến như vậy. Những họa sĩ, kiến trúc sư và nhà tâm lý học đã tập trung lại để chuẩn bị kích cỡ, chiều cao của

những phòng học và những yếu tố mỹ thuật của ngôi trường. Sự quan tâm này rất lớn, vì lần đầu tiên chúng ta có khái niệm về một ngôi trường mà không chỉ đơn thuần là một nơi trú ẩn, mà nhằm vào việc giúp đỡ nâng cao tính tập trung của trẻ nhỏ. Nó còn hơn cả một môi trường mang tính chất bảo vệ, nó là một môi trường tâm lý. Ở môi trường này không phải hình dạng, kích cỡ... mà chính những vật nó chứa đựng mới quan trọng, sự tập trung chỉ có thể diễn ra nếu đứa trẻ có một đồ vật. Những đồ vật này không được chọn lựa một cách ngẫu hứng, chúng là những đồ vật đặc biệt được chọn dựa theo kinh nghiệm của chúng tôi với bọn trẻ.

Ý tưởng đầu tiên là làm môi trường thật phong phú với rất nhiều đồ vật và bọn trẻ được tự do lựa chọn thứ chúng muốn trong số những đồ vật này. Chúng tôi nhận ra rằng trẻ chỉ chọn một số đồ vật nhất định, những đồ vật khác thì không được sử dụng, vì thế chúng tôi loại chúng ra khỏi môi trường. Những đồ vật được quyết định giữ lại căn cứ vào sở thích của bọn trẻ. Chúng tôi không chỉ thực hiện những thực nghiệm này ở một quốc gia duy nhất, chúng tôi thử nghiệm chúng trên khắp thế giới. Có một số đồ vật mà *tất cả* trẻ đều chọn, những thứ đó chúng tôi coi là thiết yếu; có những đồ vật mà trẻ ở tất cả các nước hiếm khi sử dụng (dù những người lớn nghĩ rằng chúng sẽ sử dụng chúng), những đồ đó chúng tôi loại đi. Chúng tôi tạo ra một nơi trẻ được làm điều mình thích và nó gọi tôi nhớ tới những con côn trùng chỉ tới và luôn luôn tới một số loài hoa nhất định mà chúng cần. Ở đây, bọn trẻ này cần một động lực nhất định. Bọn trẻ chọn những đồ vật mà trợ giúp cho sự kiến thiết bản thân chúng. Lúc đầu có rất nhiều đồ chơi, nhưng trẻ không hề sử dụng chúng. Có rất nhiều loại đồ vật để dạy màu sắc, trẻ chỉ chọn một loại: những bảng màu mà giờ đây chúng tôi sử dụng. Điều này xảy ra ở mọi quốc gia. Kích thước của những đồ vật được chọn cũng là một yếu tố mang tính quyết định. Việc này giúp hoàn thiện hệ thống

các quyết định và việc giới hạn các đồ vật trong phương pháp của chúng tôi. Nguyên tắc này cũng liên quan tới đời sống xã hội. Nếu có quá nhiều đồ vật hoặc có nhiều hơn một bộ giáo cụ cho một nhóm gồm 30 đến 40 trẻ, thì sẽ xảy ra hỗn loạn. Những đồ vật vì thế chỉ có ít trong khi số lượng trẻ thì nhiều.

Trong một lớp học có nhiều trẻ em thì sẽ chỉ có một giáo cụ với mỗi chủ đề. Nếu một trẻ muốn sử dụng một đồ vật nào đấy mà trẻ khác đang sử dụng, và khi trẻ đã được bình thường hóa thì chúng sẽ đợi đến khi trẻ kia dùng xong giáo cụ. Vì thế, một số phẩm chất xã hội vô cùng quan trọng sẽ được nuôi dưỡng, ví dụ như, đứa trẻ biết mình phải tôn trọng những đồ vật được người khác sử dụng, không phải vì ai đó khuyên đứa trẻ thế, đứa trẻ chỉ đơn giản là làm thế thôi, đó là một thực tế đứa trẻ học được từ trải nghiệm xã hội. Trẻ rất đông nhưng đồ vật chỉ có một, cách duy nhất là phải đợi. Sự chờ đợi xảy ra hàng giờ trong ngày trong suốt nhiều năm, trải nghiệm tôn trọng và chờ đợi bước vào cuộc đời của mỗi cá nhân với tư cách là một kinh nghiệm trưởng thành dần theo năm tháng.

Thế là một cuộc chuyển hóa và thích nghi diễn ra và nó là gì nếu không là việc xây dựng đời sống xã hội? Về bản chất thì xã hội không được dựng nên theo ý thích, mà do sự kết hợp của những hoạt động hài hòa với nhau. Thông qua trải nghiệm của những trẻ em này thì một đức tính xã hội khác được nuôi dưỡng: tính kiên nhẫn. Tính kiên nhẫn là hình thức từ bỏ những bộc phát cá nhân. Vì thế, những đặc tính của nhân cách trẻ tự xuất hiện. Không ai có thể dạy đạo lý này cho trẻ 3 tuổi, trẻ học qua kinh nghiệm. Điều này thể hiện rõ ở những trẻ chưa đạt được sự bình thường hóa. Có đứa ở độ tuổi này thường xuyên giật đồ của bạn, nhưng bọn trẻ của chúng tôi thì chờ đợi. Người ta nói rằng: "Làm sao các bạn có thể khơi dậy thứ kỷ luật này cho những trẻ em nhỏ đến thế chứ?" Đó là vấn đề về một môi trường được chuẩn bị sẵn và có tự do, thế là một số phẩm chất nhất định đã

xuất hiện, dù chúng thường không xuất hiện ở trẻ từ 3 đến 6 tuổi và cũng hiếm có ở những người trưởng thành từ 25 đến 30 tuổi!

Sự can thiệp của người lớn ở giai đoạn thích nghi với những hành vi xã hội này sẽ là sai lầm. Ví dụ, hai đứa trẻ vô tình húc hặc nhau, chúng trông có vẻ như sắp sửa tranh cãi. Người trưởng thành sẽ muốn hướng một đứa trẻ đi chỗ khác, nhưng bọn trẻ đều tự giải quyết vấn đề của mình và chúng lúc nào cũng giải quyết được, không phải luôn theo cùng một cách nhưng luôn luôn thỏa đáng. Có rất nhiều vấn đề tương tự ở những lĩnh vực hoạt động khác. Chúng liên tục nảy sinh và bọn trẻ có được niềm vui vô bờ qua việc giải quyết những vấn đề này. Nếu người lớn bước vào để giải quyết, bọn trẻ sẽ cảm thấy bối rối, nhưng nếu chúng được để yên thì chúng sẽ giải quyết những vấn đề đó một cách êm thấm. Đây cũng là một bài tập về trải nghiệm xã hội và nếu những vấn đề này được giải quyết một cách êm thấm, thì sẽ có một chuỗi không đứt những kinh nghiệm về các tình huống xã hội mà giáo viên không thể nào dạy được. Thông thường nếu một giáo viên can thiệp, cô sẽ có ý kiến khá khác biệt so với bọn trẻ kia và làm rối loạn sự hòa hợp xã hội của lớp học. Nếu có một vấn đề như vậy, chúng ta cần để trẻ yên và làm việc của chúng ta, trừ những trường hợp đặc biệt. Nếu làm thế, ta có thể thấy được trẻ giải quyết những vấn đề này như thế nào và có thể quan sát được những biểu lộ hành vi của tuổi thơ, những hành vi thực sự mà người trưởng thành không thể nào biết được. Qua tất cả những trải nghiệm thường nhật này, một cuộc kiến thiết mang tính xã hội đã được diễn ra. Trên thực tế, quá trình kiến thiết mang tính bản năng đến nổi trong những ngày đầu làm việc của mình, khi những giáo viên không thể kháng cự lại cơn bốc đồng này, tôi đã nói rằng: "Hãy trói mình vào một cái cột đi" và một số người đã làm đúng như thế. Những giáo viên khác thay vì làm thế đã cầm một chuỗi hạt cầu nguyện, mỗi lần họ nảy ra ý muốn can thiệp và ai đó (hoặc chính bản thân họ) nhắc nhở họ, thì họ lại lần đếm

một hạt. Họ luôn luôn thấy rằng sẽ khôn ngoan hơn nếu không can thiệp và họ có thể đếm được bao nhiêu lần họ tránh được việc đó.

Những nhà giáo dục học thông thường không hiểu được công việc của chúng tôi đối với đời sống xã hội. Họ nghĩ rằng các trường Montessori chỉ quan tâm tới những môn học trong chương trình, chứ không quan tâm đến đời sống xã hội. Họ nói: “Nếu trẻ cứ tự làm một mình thì đời sống xã hội ở đâu chứ?” Nhưng đời sống xã hội là gì nếu không giải quyết các vấn đề, cư xử và lập các kế hoạch để phù hợp cho tất cả? Họ nghĩ về đời sống xã hội như là việc ngồi cùng nhau và lắng nghe một giáo viên hoặc một ai đó nói nhưng đó thật không phải đời sống xã hội chút nào. Trên thực tế, trong đời sống thường nhật thì những trải nghiệm xã hội bị giới hạn ở những ‘giờ giải lao’ hoặc những cuộc dã ngoại, trong khi bọn trẻ của chúng tôi luôn luôn sống và làm việc trong một cộng đồng.

Những khác biệt về tính cách được thể hiện và những trải nghiệm khác nhau có thể xảy ra khi có nhiều trẻ trong một lớp học. Chúng *không* diễn ra khi chỉ có ít trẻ. Thực tế, quá trình hoàn thiện to lớn nhất của trẻ diễn ra qua những trải nghiệm xã hội này.

Chúng ta hãy điếm qua đến thể chế xã hội của trẻ em. Nó được mang lại một cách ngẫu nhiên, nhưng là sự tình cờ khôn ngoan. Bọn trẻ gặp nhau ở trong cùng một môi trường khép kín với các độ tuổi khác nhau (từ 3 đến 6 tuổi). Rất ít trường học tổ chức lớp học như thế này. Trẻ thường được phân loại theo độ tuổi. Thực tế, chúng ta thấy khó khăn trong việc dạy văn hóa cho những trẻ cùng độ tuổi và khả năng. Một người mẹ có thể có tới sáu người con, nhưng gia đình bà vẫn êm ấm. Nếu một trong số bọn trẻ đó là con sinh đôi, sinh ba hoặc sinh tư, thì những khó khăn sẽ trở dậy, vì sẽ rất mệt mỏi cho người mẹ nếu phải đương

đầu với bốn đứa trẻ cùng có một nhu cầu. Người mẹ với sáu người con ở các độ tuổi khác nhau cũng thoải mái hơn người mẹ chỉ có một con. Con một luôn là một vấn đề khó khăn. Sự khó khăn thực sự không nằm ở chỗ đứa trẻ được nuông chiều, mà vì đứa trẻ chẳng có cộng đồng nào và đứa trẻ phải chịu nhiều thiệt thòi. Những gia đình thường gặp khó khăn với đứa con đầu lòng chứ không phải với những đứa con sau đó, họ nghĩ đó là do họ có nhiều kinh nghiệm hơn, nhưng lý do thực sự là bởi vì đứa trẻ có cộng đồng.

Xã hội lý thú vì những thành phần khác biệt tạo nên nó. Một Nhà dưỡng lão cho nam giới hoặc cho phụ nữ là nơi tẻ nhạt nhất. Đặt những người cùng độ tuổi vào cùng một nơi là một điều không bình thường và độc ác nhất. Nó cũng là một trong số những điều tàn ác nhất mà chúng ta gây ra cho trẻ em; nó phá vỡ sợi chỉ của đời sống xã hội, chẳng có nguồn dinh dưỡng nào cho đời sống xã hội. Ở hầu hết các trường học thì đầu tiên là có sự chia cắt giữa các giới và sau đó là đến sự phân loại về độ tuổi, chia thành các lớp khác nhau. Đây là một lỗi sai cơ bản dẫn đến tất cả các dạng sai lầm khác nhau; đó là một biện pháp biệt lập nhân tạo kìm hãm sự phát triển cảm giác xã hội. Chúng ta thường có chế độ giáo dục đa giới cho trẻ nhỏ. Thực sự thì việc giáo dục đồng thời cả nam và nữ không quan trọng đến thế, nhưng cần phải có học sinh ở các độ tuổi khác nhau trong cùng một lớp học. Những trường học của chúng tôi đã chỉ ra rằng, trẻ ở các độ tuổi khác nhau giúp đỡ lẫn nhau, những trẻ nhỏ hơn thấy những gì trẻ lớn hơn làm và tìm hiểu về điều đó, những trẻ lớn hơn sẽ giải thích. Đây đích thực là giảng dạy, nhưng lời giải thích và sự dạy dỗ của một đứa trẻ 5 tuổi thì gần với trình độ hiểu biết của một đứa trẻ 3 tuổi nên đứa trẻ 3 tuổi có thể hiểu một cách dễ dàng, trong khi người lớn không thể chạm tới trí thông minh của đứa trẻ được. Có một dạng hòa hợp và trao đổi ý kiến giữa bọn trẻ mà không thể có được giữa một người trưởng thành

và một đứa trẻ nhỏ. Chúng ta có thể thấy điều này nếu so sánh với xã hội người trưởng thành. Một giáo sư đại học giảng cho những người mù chữ và những người mù chẳng hiểu được chút nào, vì thế việc giảng dạy không đem lại kết quả. Bởi vì giữa họ phương tiện và trình độ học vấn quá cách xa nhau. Đó là lý do tại sao giáo dục cho người trưởng thành lại khó khăn đến thế. Khi trường đại học Đại chúng¹ đầu tiên ở Rome được mở, tất cả những giáo sư đại học danh tiếng đều muốn trợ giúp. Một trong số họ cố dạy vấn đề vệ sinh cho những người thiếu giáo dục tội nghiệp này. Chủ đề là về bệnh dịch và ông ta cho họ xem những bức tranh về khuẩn que. Học viên hỏi: “Khuẩn que là gì?” Ông ta trả lời: “Mọi người có thể thấy chúng trên bản kính của kính hiển vi này.” Rồi ông ta được hỏi tiếp: “Thế bản kính là gì?” Ông ta trả lời: “Đó là một mảnh kính mà ta đặt xuống dưới một cái kính hiển vi”. Câu hỏi tiếp theo là: “Thế kính hiển vi là gì?” ... Thế là vị giáo sư từ bỏ ghế chủ tịch của Đại học Đại chúng. Về việc giáo dục quần chúng thì ta không nên đến cậy nhờ các vị giáo sư khả kính. Chỉ cần những người có kiến thức cơ bản và truyền đạt bằng ngôn ngữ thông thường.

Giáo viên chúng ta không thể bắt một đứa trẻ 3 tuổi hiểu được nhiều điều, nhưng một đứa trẻ 5 tuổi có thể khiến đứa trẻ 3 tuổi hiểu rõ; có một sự thâm thấu tự nhiên về mặt tinh thần giữa chúng. Đứa trẻ 3 tuổi cũng có thể hứng thú với những gì đứa trẻ 5 tuổi làm vì nó cũng không quá khác biệt so với khả năng của đứa trẻ 3 tuổi. Tất cả những trẻ lớn hơn đều trở thành những người anh hùng khiến giáo viên và tất cả những trẻ nhỏ hơn phải ngưỡng mộ. Những trẻ nhỏ hơn đi tới chỗ những trẻ lớn hơn để lấy cảm hứng và rồi tự làm một mình. Ở những trường học bình thường, nơi có những trẻ cùng độ tuổi thì đúng là những trẻ có khả năng hơn sẽ dạy những trẻ kia, nhưng giáo viên thường

¹ Popular University.

không cho phép điều đó xảy ra. Họ chỉ đơn giản là yêu cầu một đứa trẻ có câu trả lời chính xác khi những trẻ khác không làm được và thế là sự ghen tị trỗi dậy. Với những trẻ nhỏ hơn thì chẳng có ghen tị gì hết, chúng không thấy xấu hổ vì được một trẻ lớn hơn dạy bảo, vì chúng biết mình nhỏ hơn và cảm thấy rằng khi chúng đủ lớn thì chúng cũng làm được như vậy. Có tình yêu mến và lòng cảm phục, tình anh em thực sự giữa bọn trẻ. Ở những trường học kiểu cũ, cách duy nhất để đạt tới cấp độ cao hơn là qua việc ganh đua, có nghĩa là ghen tị, ganh ghét, xấu hổ và tất cả những điều khiến cuộc sống trở nên chán chường và dẫn tới sự ruồng bỏ xã hội. Đứa trẻ thông minh trở nên cao ngạo và có quyền lực hơn những trẻ khác. Trong khi đó tại lớp học Montessori, đứa trẻ 5 tuổi coi mình là một người bảo vệ đứa trẻ 3 tuổi. Khó mà tưởng tượng được bầu không khí bảo vệ và ngưỡng mộ cứ tăng dần và sâu sắc dần trong từng hành động đến như thế nào: lớp học trở thành một nhóm được gắn kết bằng tình cảm. Bọn trẻ dần hiểu được tính cách của nhau và trân trọng lẫn nhau. Ở những trường học bình thường thì chúng chỉ biết đơn giản là: “Bạn đó được giải nhất, bạn kia chẳng được gì hết.” Tình anh em không thể phát triển được trong những điều kiện này, trong khi đó đây lại là độ tuổi dành cho việc xây dựng phẩm chất xã hội.

Người ta trở nên lo lắng liệu đứa trẻ 5 tuổi có thể học được đủ kiến thức không nếu nó cứ mãi phải dạy những trẻ nhỏ hơn. Điều đầu tiên, đứa trẻ không phải lúc nào cũng dạy, nó có tự do của mình và nó được tôn trọng. Ngoài việc đó ra, trong quá trình giảng dạy, đứa trẻ tự củng cố kiến thức của mình, vì đứa trẻ phải phân tích và sắp xếp lại kiến thức để có thể dạy được, vì thế đứa trẻ có thể xem xét kiến thức một cách rõ ràng hơn. Thực tế, đứa trẻ lớn hơn cũng có lợi từ việc trao đổi này.

Lớp học của bọn trẻ từ 3 đến 6 tuổi không quá khác biệt so với lớp học từ 7 đến 9 tuổi, vì thế đứa trẻ 6 tuổi có được nguồn cảm hứng của mình từ lớp học kế tiếp. Tất cả những bức tường

của chúng tôi chỉ là một nửa tường và luôn có lối đi dễ dàng từ lớp học này tới lớp học kia và tất cả trẻ đều được tự do di chuyển từ lớp này sang lớp khác. Nếu những trẻ 3 tuổi đi tới lớp của trẻ từ 7 đến 9 tuổi thì đứa trẻ cũng không ở đó lâu, vì đứa trẻ thấy rằng mình không thể học hỏi được gì có ích cho *chính mình*. Vì thế có những hạn chế, nhưng không có sự ngăn cách nào và tất cả các nhóm đều có thể liên hệ với nhau. Các nhóm có môi trường của riêng mình, nhưng chúng không bị biệt lập. Một cuộc đi dạo mang tính trí tuệ là hoàn toàn có thể. Một trẻ 3 tuổi có thể nhìn thấy một trẻ 9 tuổi chia căn bậc hai, đứa trẻ sẽ hỏi anh kia đang làm gì. Nếu câu trả lời không gọi cảm hứng cho đứa trẻ thì đứa trẻ sẽ quay trở lại lớp học của mình, nơi có những vật thể gọi cảm hứng, nhưng đứa trẻ 6 tuổi sẽ thấy hứng thú và sẽ tìm thấy cảm hứng ở đó. Với sự tự do này, ta có thể thấy được giới hạn của trí thông minh của từng độ tuổi. Đó là cách chúng tôi hiểu ra rằng trẻ 8 và 9 tuổi hiểu được cách chia căn bậc hai được thực hiện (vào thời điểm đó) bởi trẻ 12 và 14 tuổi. Vì thế, ta cũng hiểu được rằng đứa trẻ có hứng thú và có khả năng học đại số vào lúc 8 tuổi. Vì thế không chỉ càng lớn trẻ càng tiến bộ, mà sự tiến bộ nhờ vào sự tự do được di chuyển nữa.

Khả năng trí tuệ mới là quan trọng. Trong xã hội tập hợp nhóm người thuộc mọi độ tuổi, trong suốt tiến trình lịch sử chúng ta không thể tìm được trường hợp nào mà xã hội được chia ra thành các nhóm tuổi hết. Trong những trường học thông thường được chia thành các nhóm tuổi thì chẳng có gì là mang tính xã hội cả dù ai đó có nói thế nào đi nữa. Sự giao lưu giữa trẻ ở các độ tuổi khác nhau mang lại sự hòa hợp và hạnh phúc, vì những trẻ lớn hơn thấy rằng mình là những giáo viên *đích thực* dù chúng chưa hề tới đại học đào tạo giáo viên và cũng chẳng phải là sinh viên ngành Thần học. Bọn trẻ này *đúng là* có dạy, trong khi đó, xét từ kết quả các bài kiểm tra, rõ ràng là những giáo viên có trình độ lại không dạy!

Sự hoạt bát năng nổ có ở khắp mọi nơi và không xuất hiện cảm giác tự ti. Đứa trẻ nhỏ hơn cảm thấy sôi nổi vì *thực sự* hiểu những gì trẻ lớn hơn làm, và trẻ lớn hơn cũng cảm thấy hào hứng vì có thể dạy những gì mình biết dẫn đến sự tăng cường sức mạnh tinh thần.

Hình thức giáo dục kiểu này không khác thường như chúng ta nghĩ. Quá trình giáo dục này chỉ là kết quả của việc tuân theo những quy luật tự nhiên mà thôi. Tất cả những nguồn năng lượng này bị vứt bỏ trong hệ thống giáo dục thông thường. Nếu giả như chúng không bị lãng phí nữa, sẽ có cả một nguồn tài nguyên tinh thần dồi dào cho những thế hệ kế tiếp. Nó không quá tốn kém, chỉ cần ít giáo viên và “trời số ít đổ vào những cái cột”!

Qua việc nghiên cứu hành vi của bọn trẻ và cách thức giao tiếp của chúng trong môi trường tự do này mà bí mật thực sự của xã hội được hé lộ. Chúng là những thực thể tinh tế và tươi đẹp phải được kiểm tra dưới một chiếc kính hiển vi tinh thần, nhưng chúng lại mang tầm vóc quan trọng vì bộc lộ thực thể cố hữu trong bản chất con người. Những trường học này, vì thế, được coi là những phòng thí nghiệm cho việc nghiên cứu tâm lý, mặc dù nó không hẳn là nghiên cứu, mà là những quan sát được tiến hành. Chính việc quan sát mới là điều quan trọng.

Có những thực thể mang tầm quan trọng rất lớn lao, ví dụ như trẻ tự giải quyết những vấn đề của mình. Nếu chúng ta quan sát trẻ mà không can thiệp, chúng ta sẽ nhận thấy một thực thể to lớn, là trẻ không giúp đỡ nhau theo cách như chúng ta hay làm. Chúng ta thấy trẻ mang những đồ nặng nhưng chẳng trẻ nào ra giúp chúng cả, hoặc chúng cất tất cả những dụng cụ đi sau một bài luyện tập phức tạp và chẳng ai giúp hết. Chúng tôn trọng nhau và chỉ giúp khi thực sự cần thiết. Việc này đã mở mắt cho chúng tôi, vì trẻ rõ ràng có trực giác, và thể hiện sự tôn trọng nhu cầu thiết yếu là không bị giúp đỡ một cách không cần thiết. Từng

có một đứa trẻ bày hết tất cả những tấm thẻ hình học ra sàn nhà cùng với tất cả những tờ tranh rời. Đột ngột có một tiếng nhạc vang lên, có một đoàn diễu hành đi qua, tất cả trẻ chạy ra xem trừ em nhỏ với những giáo cụ kia. Cậu bé không đi vì cậu không thể bỏ mặc đồ của mình bày ra như thế. Chúng phải được cất đi và thường thì chẳng ai giúp cậu hết, nhưng mắt cậu bé ngăn nước, vì cậu bé cũng muốn xem đoàn diễu hành. Những trẻ khác nhận ra được tình trạng khẩn cấp đó và tất cả đều quay lại để giúp đứa trẻ. Những người trưởng thành không có sự phân biệt tinh tế này trong việc quyết định khi nào sẽ giúp đỡ. Họ thường xuyên giúp đỡ nhau vào những lúc không cần thiết. Một người hào hoa phong nhã sẽ thường (theo phép lịch sự) thu xếp ghế tại bàn để giúp một thiếu nữ ngồi xuống trong khi cô ấy hoàn toàn có thể tự ngồi xuống mà không cần ai giúp đỡ, hoặc cầm tay cô ấy đi xuống cầu thang trong khi cô ấy hoàn toàn có thể tự đi được mà không cần anh ta hỗ trợ, nhưng khi ai đó bị mất của thì chẳng ai giúp cả. Khi sự giúp đỡ là cần thiết thì chẳng có ai giúp hết, khi sự giúp đỡ là không cần thiết thì tất cả đều giúp! Vì thế đây là điểm mà người lớn không thể giúp trẻ được, vì chính bản thân anh ta cũng chẳng biết cách làm đúng như bọn trẻ kia. Tôi nghĩ rằng có lẽ là tiềm thức của đứa trẻ vẫn còn lưu giữ ký ức của những khát khao và nhu cầu phải nỗ lực hết sức của đứa trẻ. Đó là lý do tại sao theo bản năng đứa trẻ đã không giúp những bạn khác khi sự giúp đỡ đó lại có thể là một trở ngại.

Một điểm thú vị khác là cách đứa trẻ đương đầu với một người phá rối – một đứa trẻ mới được nhận vào trường và chưa quen với môi trường giao tiếp trong lớp học. Đứa trẻ gây rối là một vấn đề thực sự đối với giáo viên và bọn trẻ. Giáo viên thường sẽ nói: “Như thế là xấu đấy. Thế là không ngoan đâu”, thậm chí còn mắng: “Con là một cậu bé hư”, nhưng phản ứng của bọn trẻ thì rất thú vị. Một trẻ tiến lại gần trẻ mới đến kia và nói: “Cậu nghịch lắm, nhưng đừng lo về việc đó, khi chúng tớ mới đến

thì chúng tớ cũng nghịch ngợm như cậu vậy." Sự nghịch ngợm được coi là một điều không may, đứa trẻ cũ đang cố làm cậu bé nghịch ngợm kia khuây khỏa và gọi ra con người đích thực trong đứa trẻ. Đứa trẻ thực sự cảm thông với cậu bé mới đến. Xã hội sẽ đổi thay đến thế nào nếu người làm việc xấu được khơi dậy xúc cảm và chúng ta cố gắng an ủi người đó. Nó cũng giống như an ủi đứa trẻ nếu đứa trẻ bị bệnh về thể chất vậy. Những hành vi xấu thường là một bệnh tinh thần có căn nguyên từ một môi trường hoặc điều kiện ra đời không thuận lợi hay một bất hạnh nào đó. Đứa trẻ có hành vi này phải nhận được cảm thông và giúp đỡ, chứ không chỉ có sự trừng phạt. Điều này sẽ thay đổi cấu trúc xã hội của chúng ta theo chiều hướng tốt lên. Với bọn trẻ của chúng tôi thì nếu có sự cố nào đó xảy ra, ví dụ như một chiếc cốc bị rơi, đứa trẻ đánh rơi thường rất tuyệt vọng, vì chúng không thích sự phá hoại và nó cũng ám chỉ sự kém cỏi chúng không có khả năng mang nó. Phản ứng bản năng của người lớn sẽ là nói: "Thấy nó vỡ chưa, sao con lại cứ mó vào những đồ này trong khi ta đã bảo con đừng có làm thế?" Hoặc ít nhất họ cũng bảo đứa trẻ nhặt những mảnh vỡ lên, vì họ nghĩ đứa trẻ sẽ nhớ bài học này hơn nếu phải dọn dẹp hậu quả. Nhưng bọn trẻ đã làm gì? Chúng đều chạy lại để giúp; trong quá trình giúp, chúng nói với giọng thì thầm: "Không sao đâu! Chúng ta có thể có một cái cốc khác." Và một số trẻ sẽ nhặt những mảnh vỡ, một trẻ khác sẽ lau chùi chỗ nước vừa đổ ra sàn nhà. Vậy là có một bản năng khiến chúng giúp những người yếu hơn bằng những lời động viên và an ủi, đây là bản năng của sự tiến hóa mang tính xã hội. Thực thế, một phần lớn trong quá trình tiến hóa xã hội của chúng ta đã xuất hiện khi xã hội bước ra giúp đỡ kẻ yếu. Tất cả các ngành khoa học về y học của chúng ta đều phát triển dựa trên nguyên tắc này, vì thế từ bản năng này mà sự giúp đỡ đến với không chỉ những đối tượng đáng thương, mà cho cả nhân loại. Khuyến khích những kẻ yếu và những người kém cỏi

không phải là một sai lầm, đó là một việc làm đúng đắn và nó đưa cả xã hội tiến về phía trước. Trẻ thể hiện những cảm xúc này ngay khi chúng được bình thường hóa, không chỉ giữa các trẻ với nhau, mà với cả động vật nữa.

Người lớn nghĩ rằng phải dạy trẻ tôn trọng động vật, họ nghĩ rằng trẻ thường đối xử tàn nhẫn với chúng. Thực tế không phải vậy, trẻ có bản năng bảo vệ chúng. Chúng tôi có một con dê con trong ngôi trường ở Kodaikanal. Tôi thường cho nó ăn hàng ngày và đặt thức ăn ở trên cao để con thú con phải đứng bằng hai chân sau mới với tới được. Tôi rất thích thú nhìn con vật bé nhỏ làm việc này và nó dường như cũng thích làm thế. Nhưng một ngày nọ, có một đứa trẻ bé nhỏ đến bên tôi với nét mặt đầy vẻ lo lắng và ôm lấy con dê bằng hai tay ở thân dưới của nó, vì đứa trẻ nghĩ rằng con vật còn non kia không nên chỉ đứng bằng hai chân sau. Đây là một xúc cảm vô cùng tinh tế.

Một biểu hiện khác trong những ngôi trường của chúng tôi là sự ngưỡng mộ dành cho những ai làm tốt hơn mình. Bọn trẻ không chút ghen tị trước những thành tựu của những trẻ khác mà còn cảm thấy ngưỡng mộ và niềm vui trào dâng. Tại sự kiện bùng nổ khả năng viết, khi từ đầu tiên được viết ra, điều này đã đem lại niềm vui và tiếng cười cho tất cả những đứa trẻ có mặt ở đó. Bọn trẻ nhìn vào đứa trẻ vừa viết đó với vẻ ngưỡng mộ đến nỗi khiến chúng cũng muốn viết: “Mình có thể làm được điều này!” Thành công của một trẻ mang lại sự hưng phấn cho cả nhóm. Cũng giống với sự nhiệt tình với bảng chữ cái, nó cũng xảy ra khi cả lớp học tạo được một dãy những chữ cái thành những lá cờ, và có nhiều niềm vui cũng như tiếng hét phấn khích đến nỗi chúng tôi chạy xuống cầu thang (chúng tôi ở tầng trên) để xem có gì mà trẻ vui đến vậy. “Chúng đang phấn khích với bảng chữ cái”, giáo viên nói.

Có một mối liên hệ hiển nhiên giữa các trẻ dựa trên tình cảm thấm thiết và vì thế có tính đoàn kết trong cả nhóm. Từ những

ví dụ này ta nhận ra rằng có một cảm xúc gắn bó lẫn nhau trong một bầu không khí tình cảm sâu đậm khi trẻ được bình thường hóa: Đó là khi những trẻ lớn hơn gắn bó với những trẻ nhỏ hơn và những trẻ nhỏ hơn gắn bó với những trẻ lớn hơn; những trẻ đã được bình thường hóa gắn bó với những trẻ chưa được bình thường hóa (trẻ mới đến) và *ngược lại*.

25

XÃ HỘI HÌNH THÀNH NHỜ GẮN KẾT

Một ngày nọ, tôi nghĩ mình sẽ giảng bài về một chủ đề chẳng hấp dẫn chút nào. Tôi dạy trẻ cách chùi mũi và chúng tỏ ra rất hứng thú với cách dạy sống động của tôi. Tôi chỉ cho chúng nhiều cách chùi mũi khác nhau, một số người bày vẽ rút khăn mùi xoa và gây ra rất nhiều tiếng động, một số người lịch sự làm việc đó một cách lặng lẽ và cố không để ai thấy cử chỉ của mình. Tôi kinh ngạc khi thấy trẻ ngồi quan sát mình một cách nghiêm túc. Không một trẻ nào cất tiếng cười. Khi tôi làm xong, những khán giả trẻ con kia vỗ tay hoan nghênh nhiệt liệt. Tôi chưa bao giờ thấy một cách cư xử như vậy ở trẻ. Chưa bao giờ, theo như tôi được biết, trong lịch sử thế giới lại có một nhóm trẻ nhỏ ngồi vỗ tay trước một bài phát biểu hết.

Tuy thế, không chỉ có hai hoặc ba trẻ, mà tất cả chúng đều vỗ những bàn tay bé nhỏ của mình với sự hăng hái mà cho tới lúc ấy chỉ được dùng để 'làm việc'. Tôi đi ra ngoài như thường lệ và sau khi đã đi dạo trên con đường nhỏ được một lúc thì tôi quay lại. Tôi đã rất sững sốt khi thấy *tất cả bọn trẻ* đang đi theo mình. Chúng thực sự trông giống như một bầy ong vậy, chỉ khác

là chúng di chuyển lặng lẽ đến nỗi tôi đã không nhận ra sự có mặt của chúng. Đúng là một tình huống kỳ lạ! Những người qua đường sẽ nói gì nếu họ thấy một người phụ nữ đi trên đường, đi theo ở không xa phía sau là một nhóm bốn mươi đứa trẻ tí hon này? Tôi quay về phía chúng, nói một cách bình tĩnh: “Giờ tất cả các con hãy chạy ngay về trường, nhưng đi nhón chân và cẩn thận không đâm vào cánh cửa. Tôi chỉ đạo chúng làm việc này, vì tôi biết sự chính xác trong hành động là niềm vui lớn đối với những trẻ nhỏ. Như thế bằng phép màu, tất cả chúng đều quay lưng lại và chạy nhón chân. Khi chúng đến chỗ cánh cửa, chúng đi vòng ra xa và tránh góc cửa, bước vào phòng qua chính giữa lối vào đang mở toang. Rồi chúng mất hút.

“Sao lại có sự hăng hái thế nhỉ?” tôi nghĩ. Có lẽ tôi đã tình cờ chạm vào một vấn đề xã hội mà chúng rất nhạy cảm. Trên thực tế, tất cả trẻ đều cảm thấy xấu hổ vì cái mũi bần của mình. Ở Ý, những người thô tục thường gọi đứa trẻ là ‘một thằng thò lò mũi xanh’ thay vì gọi đứa trẻ là một đứa trẻ. Bọn trẻ nhỏ luôn bị bắn ở mũi và mẹ chúng thường dùng kim băng đính chiếc khăn mùi xoa vào ngay trước ngực của đứa trẻ. Trẻ coi đây là một dấu hiệu đáng xấu hổ của sự kém cỏi. Có lẽ đó là lý do cho sự thành công trong bài giảng của tôi. Tôi đã cho chúng một bài học thay vì bộc lộ cảm giác khinh thị đối với chúng. Giờ chúng đã có được kiến thức có thể cứu rỗi chúng và nâng cao phẩm giá của chúng. Hành động của tôi có hơi hướng giống với của một nhà lãnh đạo được yêu chuộng, của một nhà cách mạng luôn cố nâng tầm của dân chúng lên và bảo vệ phẩm giá nhân cách của họ.

Sự kiện nhỏ này thực sự rất đáng ngạc nhiên giúp bọn trẻ *cảm nhận và hành xử* thành một nhóm. Chúng thực sự đã hình thành nên một *xã hội* trẻ con, được hợp nhất bởi một sợi dây gắn kết vô hình và hành xử như một thể thống nhất. Sự gắn bó này được tạo nên nhờ cảm xúc của mỗi cá nhân. Dù chúng là ‘những

cá nhân độc lập', dù chúng không lệ thuộc vào nhau, chúng đều bị chi phối bởi cùng một thôi thúc.

Những lần ranh của công cuộc kiến thiết mà chúng tôi đã quan sát dường như giống với những điều chúng ta có thể theo dõi qua kính hiển vi khi quan sát công cuộc xây dựng cơ quan của những tế bào. Hiển nhiên xã hội cũng có thời kỳ phôi thai mà ta có thể quan sát được quá trình hình thành thông qua quá trình phát triển của trẻ.

Quan sát trẻ dần dần ý thức được việc hình thành một cộng đồng và hoạt động là điều rất thú vị. Chúng dường như ý thức được việc mình thuộc về một tập thể và việc mình cần đóng góp cho các hoạt động của tập thể đó. Trẻ không chỉ bắt đầu cảm thấy hứng thú và hòa vào tập thể bằng cả tâm hồn mình. Khi trẻ đạt tới giai đoạn này thì chúng không cư xử một cách máy móc nữa, chúng hướng tới sự thành công, chúng quan tâm đặc biệt đến danh dự của tập thể. Bước đầu tiên hướng tới ý thức xã hội hoàn chỉnh này tôi gọi là 'tinh thần bộ lạc' khi so sánh nó với những xã hội loài người nguyên thủy, trong đó những cá nhân đã luôn coi việc yêu quý, bảo vệ và trân trọng giá trị của bộ lạc là mục đích của hành động.

Biểu hiện đầu tiên của hiện tượng này đã khiến chúng tôi bất ngờ, vì chúng xuất hiện một cách độc lập mà không chịu bất cứ ảnh hưởng gì từ chúng tôi. Hiện tượng này còn thể hiện sự phát triển của trẻ một cách tuần tự, y như ở một độ tuổi nhất định thì hàm răng bắt đầu mọc vậy. Sự kết hợp này nhờ những thôi thúc tự nhiên, được chi đạo bởi một sức mạnh ngầm từ nội tại, được thôi hờn nhờ một linh hồn xã hội mà tôi gọi là 'Xã hội Gắn kết'.

Nhận định của tôi xuất phát từ biểu hiện tự phát của trẻ khiến chúng tôi rất bất ngờ. Để tôi đưa ra một trong số những ví dụ đó: Tôi biết là có một số vị khách quan trọng đến từ nước Mỹ sẽ tới thăm trường vào ngày hôm sau. Nhưng tôi lại không thể ở

đó để tiếp đón họ được. Trước khi rời đi tôi đã nói với lũ trẻ bằng thái độ tin cần: “Ngày mai sẽ có một số người tới thăm trường ta. Cô sẽ rất vui nếu họ nói: ‘Đây là ngôi trường có bọn trẻ tuyệt vời nhất thế giới’”. Tôi buột miệng thốt ra câu nói này mà không suy nghĩ trước và không hề nghĩ nó sẽ đem lại kết quả như thế nào.

Mấy hôm sau quay lại trường, tôi thấy giáo viên rất phấn khích: “Cô đáng lẽ phải thấy lũ trẻ! Tất cả các em đều chăm chỉ học tập và đầy hứng khởi. Chúng chào các vị khách rất lễ phép. Tôi rất xúc động khi thấy mọi em đều cố hết sức mình. Ai đã chỉ đạo các em ấy vậy? Hẳn phải là các thiên thần trên cao!” Chúng thực sự cảm nhận được danh dự của nhóm mình và hành xử theo cách thậm chí còn ấn tượng hơn khi chúng chỉ tuân theo những thôi thúc sống còn của chúng. Chúng đã có thể cảm nhận được thứ lớn lao hơn những nhu cầu cá nhân của mình.

Những trải nghiệm tương tự như thế cũng rất hay được lặp lại. Đại sứ Argentina, tỏ ra hoài nghi, muốn đến ngôi trường nổi tiếng này – nơi những trẻ chỉ mới 4, 5 tuổi đã có thể tự học một mình, đọc viết một cách tự giác, cư xử một cách kỷ luật mà không bị giáo viên ép buộc. Thay vì báo trước cuộc viếng thăm của mình, ông đã đến bất ngờ. Không may là ông lại đến đúng vào ngày nghỉ và trường học đóng cửa. Ngôi trường này là ‘Ngôi nhà dành cho trẻ em’ được thành lập ở chung cư – nơi các trẻ sống cùng gia đình mình. Một đứa trẻ nhỏ tình cờ đang ở trong sân khi ông đại sứ đi qua và nghe thấy tiếng thờ dài của ông ta. Đứa trẻ biết rằng ông ấy là một vị khách và đã nói với ông ta: “Trường có đóng cửa cũng không sao đâu ạ, người bảo vệ giữ chìa khóa và chúng cháu thì đều ở nhà hết.” Cánh cửa được mở ra và tất cả các trẻ ứa vào lớp học và bắt đầu làm việc. Chúng cảm thấy có trách nhiệm phải thực hành tốt vì danh dự của nhóm mình. Không trẻ nào dành được một chút lợi ích cá nhân nào từ việc này, không trẻ nào muốn tự đề cao mình, tất cả đều hợp tác vì cộng đồng của mình. Giáo viên chỉ biết việc đó vào ngày hôm sau.

Cảm giác xã hội này đã không được gọi nên bởi bất cứ bài giảng nào và hoàn toàn khác với cảm giác ganh đua hay một đam mê mang tính cá nhân, nó giống như một

Tự nhiên quy định hành vi, nhưng hành vi chỉ được phát triển thông qua các trải nghiệm trong môi trường.

món quà của tự nhiên vậy. Tuy thế, nó thực sự là một thành tựu mà bọn trẻ này đạt được qua những nỗ lực của chính bản thân chúng. Như Coghill¹ đã nói: “Tự nhiên quy định hành vi, nhưng hành vi chỉ được phát triển thông qua các trải nghiệm trong môi trường.” Tự nhiên rõ ràng đã đặt ra một bản thiết kế cho công cuộc kiến thiết nhân cách và xã hội, nhưng bản thiết kế này chỉ được hoàn thành khi đứa trẻ ở thể chủ động muốn biến nó thành hiện thực. Trong khi làm thế thì đứa trẻ đã minh họa những giai đoạn kế tiếp nhau của quá trình phát triển. Tinh thần nhóm đã xâm lấn xã hội mang tính gắn kết này đáp ứng mật thiết với thứ nhà tâm lý học và giáo dục học người Mỹ, Washburne, gọi là ‘sự hòa nhập xã hội’. Ông nhấn mạnh rằng đây là chìa khóa đi tới công cuộc cải tổ xã hội và nó phải trở thành nền tảng của toàn bộ quá trình giáo dục. Sự hòa nhập xã hội chỉ có được khi cá nhân đồng nhất bản thân với tập thể mà mình thuộc về. Một con người có cảm xúc ấy sẽ nghĩ về sự thành công của tập thể thay vì lợi ích cá nhân. Washburne cố gắng giải thích quan niệm của mình bằng việc so sánh với hội đua thuyền giữa trường đại học Oxford và Cambridge. “Mỗi cá nhân ở đó cố hết sức mình vì danh dự của đội mình, hoàn toàn nhận thức được thực tế là bản thân anh ta sẽ không nhận được bất cứ lợi ích hay danh tiếng gì từ việc đó. Nếu việc này đúng với mọi cơ quan xã hội, từ những tổ chức quốc gia tới những tổ chức trong ngành công nghiệp... và nếu tất cả đều để tinh thần được thúc đẩy bởi khát khao chiến thắng cho cả tập

¹ Nevill Coghill (1899-1980): Học giả văn học của Anh.

thể mà mỗi cá nhân là một phần, thì cả xã hội loài người sẽ được tái sinh. Ở các trường học, quá trình phát triển tình cảm hội nhập của cá nhân với xã hội cần được nuôi dưỡng vì” ông thêm vào, “đây là thứ khắp nơi đang thiếu và việc thiếu nó sẽ dẫn xã hội tới bờ vực thất bại và diệt vong.”

Ví dụ về một xã hội mà ở đó sự hội nhập xã hội tồn tại có thể được đưa ra: đó chính là xã hội gắn kết của trẻ nhỏ đạt được nhờ những sức mạnh kỳ diệu của tự nhiên.

Chúng ta phải chú ý tới nó và trân trọng nó ở chính nơi nó được tạo ra, vì nhân cách lẫn cảm xúc đều không thể có được qua giảng dạy: chúng là sản phẩm của cuộc sống.

Vì thế, xã hội gắn kết không trùng với xã hội có tổ chức thống trị số phận của loài người. Nó chỉ là giai đoạn cuối trong tiến trình tiến hóa của trẻ, nó là một sự sáng tạo gần như thần thánh và bí ẩn chỉ có một trên đời của phôi thai xã hội.

Xã hội có tổ chức

Sau 6 tuổi, đứa trẻ bước vào một giai đoạn phát triển khác đánh dấu sự chuyển giao từ phôi thai xã hội đến đứa trẻ sơ sinh xã hội, một hình thái tự phát khác của đời sống xã hội đã xuất hiện một cách rất rõ ràng. Nó thể hiện một thể chế có tổ chức, hoàn toàn ý thức được bản thân. Bọn trẻ khi ấy tìm kiếm các nguyên tắc và quy luật được thiết lập bởi chính con người. Chúng tìm kiếm một người lãnh đạo có thể chỉ đạo cả cộng đồng. Rõ ràng có sự tuân theo các quy tắc và người lãnh đạo đã lập nên chất keo gắn kết cho xã hội này. Sự tuân lệnh này, như chúng ta biết, đã được chuẩn bị sẵn ở giai đoạn phôi thai làm tiền đề cho giai đoạn phát triển này. MacDougall đã miêu tả hình thái xã hội mà bọn trẻ 6-7 tuổi đã bắt đầu xây dựng nên này. Chúng vâng lời những trẻ lớn hơn như một bản năng của ‘tập tính bầy đàn’. Những trẻ thường bị bỏ mặc hoặc không được chăm sóc cẩn thận

giò thiết lập những nhóm được thành lập đặc biệt để đối chọi lại với những nguyên tắc và uy quyền của người trưởng thành. Tuy thế, những thôi thúc tự nhiên thường dẫn đến một thái độ ngang ngược đã bị loại bỏ bởi phong trào Hướng Đạo Sinh. Nhóm này đã đáp lại nhu cầu xã hội thực sự của sự phát triển, được khơi dậy trong chính bản ngã của trẻ em và các thanh thiếu niên.

‘Tập tính bầy đàn’ này khác với sức mạnh của sự gắn kết, là nền tảng xã hội của trẻ nhỏ. Những xã hội nối tiếp nhau phát triển cho tới khi chúng đạt tới xã hội của người trưởng thành đều là những xã hội được tổ chức một cách có ý thức, chúng đều đòi hỏi những quy luật do con người tạo ra và một người lãnh đạo để chỉ đạo tất cả.

Đòi sống trong xã hội là một thực tế bẩm sinh, thuộc về bản tính tự nhiên của con người. Nó phát triển dưới dạng một cơ quan, có những đặc tính khác nhau trong quá trình tiến hóa tự nhiên của mình. Chúng ta có thể so sánh nó với việc sản xuất vải vóc, dệt và xe sợi trong ngành công nghiệp dệt vải tại gia – một phần rất quan trọng của nền công nghiệp công xưởng tại gia của Ấn Độ. Không nghi ngờ gì, chúng ta sẽ phải bắt đầu từ điểm khởi đầu và đầu tiên phải xét đến cái bông nhỏ trắng tơ mượt mà cây bông tạo ra quanh hạt của nó. Vì thế, khi chúng ta muốn nghiên cứu sự kiến thiết của xã hội loài người thì chúng ta cũng phải bắt đầu từ đứa trẻ và nhìn đứa trẻ trong mối quan hệ với gia đình đã sinh thành ra đứa trẻ. Điều đầu tiên cần làm với bông, mà cũng là điều đầu tiên cần làm ở những ngôi trường làng của Gandhi, là thanh tẩy số bông thu hoạch được từ các cây bông kia. Những phần đen ở vỏ hạt bông của cây bông phải bị cắt bỏ. Hành động này cũng tương ứng với việc chúng ta tập hợp trẻ lại và thanh tẩy những biến dị của chúng, giúp chúng tập trung và tự bình thường hóa bản thân. Rồi đến công đoạn xe sợi. Gandhi đã coi xe sợi là một phương tiện để đạt được sự giải phóng và tái sinh của Ấn Độ. Trong cách so sánh của chúng ta, việc xe sợi ứng với sự

hình thành nhân cách của đứa trẻ đạt được thông qua lao động và các trải nghiệm xã hội. Đây là nền tảng của tất cả: sự phát triển nhân cách. Nếu sợi được xe đẹp và khỏe, mảnh vải được dệt từ chúng cũng sẽ đẹp khỏe như vậy. Chất lượng của tấm vải phụ thuộc vào nó. Theo cách nói hình tượng này ta thấy được câu nói đầy nhấn mạnh của Mahatma Gandhi: “Ta chỉ quan tâm đến những kẻ xe sợi” là rất đúng đắn. Đó thực sự là vấn đề chính cần được quan tâm, vì tấm vải được dệt từ những sợi tơ mà không có chút sức bền nào kia sẽ chẳng có giá trị gì hết.

Rồi đến giai đoạn khi những sợi bông được đặt lên một cái khung cửi, trên một cái khung hữu hạn. Những sợi bông được đặt lên và trải đều theo cùng một hướng rồi được gắn vào các thanh gỗ ở hai đầu của khung cửi. Những sợi bông đều nằm song song với nhau, có cùng độ dài, tách rời nhau và không chạm vào nhau. Chúng tạo nên sợi ngang của tấm vải, nhưng lại không phải là tấm vải. Tuy thế, nếu không có sợi ngang này thì tấm vải sẽ không thể được dệt nên. Nếu những sợi bông bị đứt hoặc bị rối mà không được chỉnh lại theo đúng hướng, thì ống chỉ sẽ không thể nào xuyên qua chúng được. Ống chỉ này tương ứng với xã hội gắn kết. Ở giai đoạn chuẩn bị mang tính phôi thai của xã hội loài người này thì nó phụ thuộc vào hoạt động được thúc đẩy của tự nhiên trong một môi trường hữu hạn của đứa trẻ, tương ứng với khung cửi. Cuối cùng, chúng kết hợp lại với nhau, tất cả cùng hướng về một mục tiêu chung.

Việc dệt vải bắt đầu từ việc luồn ống chỉ qua những sợi bông và sau đó gắn kết tất cả chúng lại, giữ mỗi sợi bông ở nguyên vị trí bằng những sợi ngang được ép chặt. Giai đoạn này tương ứng với xã hội có tổ chức thực sự của loài người mà được cố định bằng những luật lệ dưới sự chỉ đạo của một người có uy thế. Chỉ khi đó chúng ta mới có một tấm vải thực sự tiếp tục tồn tại ngay cả khi bị lấy khỏi chiếc khung cửi. Nó được tồn tại độc lập với chiếc khung cửi và có thể đem ra sử dụng. Một lượng vô hạn có thể được sản xuất ra. Con người không tạo nên một xã hội vì mỗi

cá nhân hướng về một mục tiêu nào đó trong môi trường và đã tập trung vào mục tiêu đó theo ý muốn của mình, như điều đã xảy ra ở xã hội gắn kết của trẻ nhỏ, mà hình thái cuối cùng của xã hội loài người phụ thuộc vào trình độ tổ chức.

Tuy thế, hai điều đó lại liên quan mật thiết với nhau. Xã hội không chỉ dựa vào tổ chức, nó còn dựa vào sự gắn kết nữa. Điều thứ hai này thực tế mới mang tính cơ bản hơn và tồn tại với tư cách là nền tảng của quá trình kiến thiết cái trước đó. Những luật lệ đúng đắn và một người lãnh đạo tốt không thể giữ quần chúng thành một khối đoàn kết và khiến họ hành động; trừ khi chính bản thân cá nhân đã được định hướng về một điều gì đó có khả năng hướng đạo họ, và biến họ thành một thể thống nhất. Quần chúng ngược lại cũng không ít thì nhiều mạnh mẽ và tích cực theo cấp độ phát triển nhân cách của mỗi cá nhân tạo nên họ. Tổ chức xã hội vì thế không chỉ phải dựa vào những hoàn cảnh và sự kiện, mà trước tiên phải dựa vào sự hình thành những cá nhân và định hướng nội tại của họ.

Ví dụ người Hy Lạp lấy nhân tính để đặt nền móng cho thể chế xã hội của mình. Người lãnh đạo của họ, ở thời kỳ sau, Alexander Đại Đế, đã chinh phục được toàn bộ Ba Tư ngày nay chỉ với một số ít quân lính. Chúng ta hãy xét cả những người Hồi giáo nữa: họ là cả một thể chế mạnh mẽ không phải do luật lệ và người lãnh đạo giỏi mà do họ được thống nhất và gắn kết từ một lý tưởng chung. Họ đi ra đường thành từng dòng người và hành hương tới thánh địa Mecca¹ theo định kỳ. Những người hành hương này không biết gì về nhau, họ làm thế không phải vì tham vọng hay mục đích cá nhân: họ đều được thúc đẩy tới cùng một mục đích. Chẳng ai hối thúc họ, chẳng ai ra lệnh cho họ, tuy thế họ vẫn có thể thực hiện những hy sinh vô bờ để đạt được mục

¹ Theo quy định của đạo Hồi, mỗi giáo dân ít nhất một lần trong cuộc đời phải hành hương về thánh địa Mecca bằng kinh phí bản thân. Sau đó, họ sẽ được danh hiệu là "Haj" hoặc "Haji".

đích của mình. Những cuộc hành hương này chỉ có thể đạt được nhờ sự gắn kết.

Đáng chú ý rằng trong thời gian gần đây chúng ta có một ví dụ mới cho hiện tượng này trong lịch sử. Mussolini và Hitler là những người đầu tiên nhận ra rằng để có thể đạt được thành công trong việc chinh phục thì cá nhân phải được chuẩn bị ngay từ thuở lọt lòng. Hội 'Figli della Lupa' (những con trai của sói – tên tổ chức Phát-xít trẻ em) và 'Ballila italiani' (tên tổ chức của những trẻ lớn hơn) cũng như 'Hitler Jugend' (Thanh niên Hitler, tên gọi của tổ chức Phát-xít thanh niên Đức Quốc Xã) được thành lập hàng năm trời trước khi hai nhà lãnh đạo này lên nắm quyền bính ở lực lượng vũ trang trước vấn đề chiến sự. Họ đã rèn cặp bọn trẻ và thanh thiếu niên kia trong suốt những năm tháng đi học và nhồi vào não các em một tư tưởng có khả năng thống nhất. Đây là một quá trình mới mang tính logic và tính khoa học dù tính đạo lý có thể nào đi nữa. Những nhà lãnh đạo này hiểu được nhu cầu cần có một 'xã hội gắn kết' làm nền tảng cho những kế hoạch của họ và đã chuẩn bị sẵn cho từ thuở ấu thơ.

Xã hội gắn kết lại là một thực tế tự nhiên và phải được tạo dựng một cách tự phát trên nền tảng những thôi thúc của tự nhiên. Không ai có thể cho mình là Chúa và bất cứ ai cố thử làm việc đó trong xã hội thì sẽ trở thành quý dũ, giống như người trưởng thành vì lòng kiêu hãnh của mình đã đè nén nguồn sinh lực sáng tạo nhân cách của đứa trẻ bằng bạo lực. Và lực gắn kết ở người trưởng thành là thứ được gắn với những chỉ đạo mang tính vũ trụ, tới những tư tưởng cao cấp hơn cơ cấu của tổ chức. Phải có hai xã hội, đan cài vào nhau, một trong hai, ta có thể nói, có gốc rễ ở tâm trí tiềm thức và sáng tạo vô thức, cái còn lại dựa vào những người hành động có ý thức. Chúng ta cũng có thể diễn đạt điều đó như sau: một cái bắt đầu ở thời thơ ấu và cái kia được áp đặt bởi người lớn, vì như chúng ta đã thấy ở phần đầu của cuốn sách này, chính tâm trí thẩm thấu của đứa trẻ là thứ

hình thành nên nhân cách của một chủng tộc. Đây là những đặc tính nó thể hiện ra gần như thể là nó hình thành một hình thái khác của di truyền chỉ có thể thấy ở người; một đặc tính di truyền không phụ thuộc vào những gen lặn của tế bào sinh sản, mà đến từ trung tâm sáng tạo khác, đứa trẻ? Những đặc tính mà đứa trẻ hình thành khi sống dưới hình thái một *phôi thai tinh thần* không phải là những khám phá của phần trí tuệ, hay thành quả của lao động loài người, mà là những đặc tính được tìm thấy ở phần gắn kết của xã hội. Đứa trẻ đã thu thập chúng và tạo hình hài cho chúng. Đứa trẻ đã xây dựng nhân cách của mình từ những đặc tính này: và thế là đứa trẻ trở thành một con người có một ngôn ngữ đặc thù, một tín ngưỡng đặc thù, một tập hợp các tập quán đặc thù. Thứ luôn được cố định, mang tính cơ bản, thứ là 'cơ sở', nếu muốn dùng một thuật ngữ hợp thời, trong một xã hội luôn đổi thay là phần gắn kết của nó.

Khi chúng ta để cho đứa trẻ tự phát triển, khi chúng ta để đứa trẻ xây dựng con người trưởng thành từ những cội rễ của sự sáng tạo, thì chúng ta có thể học được những bí mật mà sức mạnh xã hội và cá nhân của chúng ta phải dựa vào.

Thay vì điều này – và chúng ta chỉ phải nhìn quanh thôi cũng có thể thấy được – ngày nay con người chỉ có phán xét, hành xử và tự ra các quy luật thông qua phần ý thức và tổ chức của xã hội. Họ muốn tăng cường sức mạnh và củng cố tổ chức của mình như thế chỉ có họ mới là những người sáng tạo ra nó. Họ chẳng đoái hoài gì đến phần nền tảng không thể tách rời của tổ chức đó. Họ chỉ cho phép định hướng và khát vọng của loài người đi theo những tư tưởng của nhà lãnh đạo.

Có biết bao nhiêu người mong có được một vị Chúa Cứu Thế mới, một thiên tài có thể chinh phục và tổ chức các nguồn sức mạnh! Sau cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất, người ta đã đề nghị mở các trường học cho công cuộc chuẩn bị các nhà lãnh

đạo, vì người ta thấy rằng những người kia đã không được huấn luyện đủ và không thích hợp với việc điều hành các sự kiện quốc tế. Đã có những nỗ lực thực sự trong việc cố tìm ra qua những bài kiểm tra tâm lý ai là những người siêu bình thường, những thanh thiếu niên mà trong những năm tháng học tập của mình là người thông minh nhất, để rèn dũa họ trở thành những nhà lãnh đạo. Nhưng ai có thể rèn luyện họ nếu không có những người lãnh đạo giỏi, những lãnh đạo làm giáo viên?

Thứ thiếu ở đây không phải là những nhà lãnh đạo, đúng hơn vấn đề không nằm ở đây. Vấn đề bao quát hơn là chính bản thân quần chúng nhân dân hoàn toàn không được chuẩn bị gì cho đời sống xã hội – nền văn minh thực sự của chúng ta. Vì thế, vấn đề là phải huấn luyện quần chúng, phải tổ chức lại nhân cách của mọi cá nhân, phải gặt hái những tài nguyên ẩn giấu trong từng cá thể và phát triển những giá trị của họ. Không nhà lãnh đạo nào làm được điều này, dù họ có thiên tài đến đâu đi chăng nữa.

Cũng như một thiên tài văn học không đủ để khiến hàng triệu người thất học trở nên có học thức, dù ông ta có nguồn sức mạnh vô hạn đi nữa, vì hàng triệu người kia tự bản thân họ cần phải biết đọc biết viết, (và việc này chỉ có thể được thực hiện bởi trẻ em), vì thế nó cũng đúng trong cả vấn đề to lớn hơn này nữa.

Đây là nhiệm vụ thực tiễn và cấp thiết nhất của thời đại nguy cấp hiện nay của chúng ta. Thực tế là quần chúng nhân dân kém cỏi hơn so với khả năng thực sự của họ. Chúng ta thấy điều đó trong biểu đồ (hình 14) của hai lực hấp dẫn, một cái đến từ trung tâm và cái còn lại đến từ vùng ngoại biên. Nhiệm vụ to lớn của giáo dục là phải trực tiếp bắt tay hành động dựa vào chính sức mạnh luôn hướng tới trung tâm của sự hoàn mỹ trong mỗi cá nhân. Giáo dục giúp đỡ những người yếu đuối và bất thường do hoàn cảnh, luôn dễ mắc bệnh thần kinh, cần đến sự chăm sóc

và những bài tập đơn giản để họ không trở thành những thành phần ngoài rìa xã hội. Đám đông quần chúng mù chữ mà bao trùm đến nửa bề mặt trái đất không thực sự là gánh nặng của xã hội; thứ thực sự đè nặng lên xã hội là thực tế rằng chúng ta chẳng biết gì liên quan tới sự sáng tạo loài người hết, rằng chúng ta dẫm đạp lên những kho tàng được chính Chúa gửi gắm vào mọi đứa trẻ mà không hề nhận ra điều đó, vì ở đây là nguồn cội của những giá trị trí tuệ và đạo đức mà có thể nâng cả thế giới lên một tầm cao mới. Chúng ta khóc thương cho những người đã mất và chúng ta khao khát được cứu rỗi nhân loại khỏi sự hủy diệt, nhưng không phải sự cứu chuộc khỏi những hiểm nguy, mà chính là sự nâng tầm con người mới là định mệnh của tất cả chúng ta và nó phải là mục tiêu luôn hiện diện trong tâm trí chúng ta. Không phải cái chết, mà chính thiên đường bị đánh mất mới là thứ khiến chúng ta đau khổ.

Hiểm họa lớn nhất nằm ở sự thiếu hiểu biết của chúng ta, trong sự ngò nghếch của chúng ta, những người kiếm tìm ngọc trai trong vỏ sò, hay tìm vàng trong đá, tìm than trong lòng đất, nhưng lại không đếm xỉa gì đến những châu báu tinh thần, tinh vân của sự sáng tạo, thứ đứa trẻ cất giấu trong chính bản thân đứa trẻ khi đến thế giới này để đổi mới nhân loại.

Ở những trường học bình thường, nếu tổ chức tự phát và khả năng được di chuyển thoải mái và tự do từ lớp này sang lớp khác được cho phép xảy ra, thì sẽ đem lại những đổi mới theo chiều hướng tốt hơn. Các giáo viên truyền thống tin rằng trẻ không chủ động trong việc học nên họ thúc giục hoặc động viên, trừng phạt hoặc trao thưởng để nuôi dưỡng hoạt động. Sự ganh đua cũng được họ sử dụng làm động lực thúc đẩy sự hoạt bát và nỗ lực ở trẻ. Người ta thường có vẻ hăng hái với việc tìm kiếm sự xấu xa trong mọi thứ có thể để chống lại nó. Thái độ của người trưởng thành trong việc kiếm tìm cái xấu để đè nén nó, việc chỉ trích và phán xét nó một cách thậm tệ được coi là cần

thiết. Nhưng cứ sửa sai mãi sẽ khiến trẻ xấu hổ và chán nản mặc dù đây lại thường là nền tảng của giáo dục, toàn bộ tư tưởng của nó là nhằm vào việc hạ thấp chất lượng của cuộc sống. Không sự bất chước nào được cho phép, vì thế chẳng có sự đoàn kết nào. Ở trường thì giúp đỡ học sinh kém hơn là tội lỗi, học sinh nào mà giúp cho trẻ không biết làm bài của mình thì bị coi là có lỗi giống như đứa trẻ chấp nhận sự giúp đỡ đó, thế là có một thứ đạo lý được đặt ra để hạ thấp chất lượng. Chúng ta lại luôn nghe thấy những câu như “Đừng có táy máy!”, “Đừng có nhắc bạn!” “Không được giúp!” “Không được trả lời khi không được gọi!” Tất cả đều là ĐỪNG, tất cả đều là những lời phủ định. Chúng ta phải làm gì với hiện trạng này? Thậm chí, nếu giáo viên có cố gắng làm tăng bầu không khí của cả lớp lên, anh ta cũng sẽ làm việc đó theo cách ngược lại với cách của bọn trẻ. Việc tối đa anh ta nói có lẽ là: “Đừng có ghen tị nếu ai đó giỏi hơn con” hoặc “Đừng có tìm cách trả thù nếu ai đó làm con buồn lòng.” Nên giáo dục thông thường rõ ràng không thể được hiểu mà không có sự phủ định. Tư tưởng chung là mọi người đều sai và chúng ta phải giúp họ đỡ sai hơn. Nhưng trẻ làm những việc mà giáo viên không hề nghĩ tới; chúng sẽ *ngưỡng mộ* những người giỏi hơn chúng, chứ không chỉ ‘không ghen tị’. Ta không thể *đòi hỏi* ở trẻ sự ngưỡng mộ một đối thủ, vì thế khả năng của giáo viên là có giới hạn. Cô ấy liệu có thể làm gì? Ta không thể *đòi hỏi* một số thái độ của tinh thần nếu chúng không tồn tại. Nếu nó có tồn tại và mang tính bản năng (như nó vốn thế) thì gìn giữ và động viên nó mới quan trọng đến thế nào. Nó cũng giống như quy tắc: “Đừng trả thù.” Đứa trẻ thường xuyên kết bạn với người làm đau mình hoặc nổi bật hơn mình, nhưng ta không thể *bắt buộc* điều đó xảy ra được. Ta phải thông cảm và yêu thương những người làm việc xấu, nhưng không thể *bắt* trẻ làm việc đó được. Ta phải giúp đỡ những người yếu thế, nhưng ta không thể *bắt* người khác làm việc đó được. Vì thế có những cảm xúc trong

tâm hồn của đứa trẻ mà không thể bị bắt ép, nhưng chúng vẫn tồn tại ở đó và phải được phát huy. Bất hạnh thay chúng thường bị đè nén và tất cả những bài tập ở trường lại nằm trong vùng trắng thứ hai (từ ngoài vào) cấp thấp ở hình 14 kia, với lực hấp dẫn về phía vùng chu vi của những người chống đối xã hội và nằm ngoài rìa xã hội. Đầu tiên, giáo viên nghĩ rằng đứa trẻ không có khả năng và vì thế phải được giúp thành có khả năng, thế là anh ta tiến hành bằng cách nói: “Đừng làm thế này hay thế kia”, “Đừng có trượt ra ngoài vi”. Anh ta nỗ lực giữ cho trẻ không bị vi phạm, thế là xong. Nhưng những trẻ được bình thường hóa lại luôn chỉ cho chúng ta thấy cần chú tâm vào cái tốt thay vì sự nhấn mạnh vào việc tránh cái xấu này. Sự can thiệp vào công việc bằng những giờ giấc được định sẵn bởi một thời gian biểu và những giờ nghỉ cũng là một việc làm tiêu cực. “Đừng làm việc quá sức với một vấn đề nếu không con sẽ bị mệt đấy”, trong khi đó đứa trẻ thể hiện rõ khát vọng được nỗ lực hết mình. Trường học thông thường sẽ không thể trợ giúp cho bản năng sáng tạo của trẻ, vì có biểu hiện cường điệu trong hoạt động của đứa trẻ. Hành động được cường điệu hóa, làm việc thật nhiều, coi tất cả các thành tựu là đẹp đẽ, an ủi người gặp nạn và giúp đỡ kẻ yếu đều là bản tính tự nhiên của những trẻ nhỏ này. Một bản so sánh giữa ngôi trường thông thường và những trẻ được bình thường hóa khiến tôi nhớ tới *Kinh Cựu Ước* và *Kinh Tân Ước*. Mười Điều Răn của *Kinh Cựu Ước* – cuốn kinh của tín ngưỡng cổ - hầu hết mang tính tiêu cực: “Không được sát sinh”, “Không được ăn cắp”, tất cả đều là không được; những điều này dành cho những người kém hiểu biết và cần thiết cho những người còn đang hoang mang bối rối, nhưng *Kinh Tân Ước* thể hiện một vị Chúa giống với bọn trẻ; cuốn kinh nhấn mạnh những điều tích cực – một dạng cường điệu hóa về những gì ta thường làm, ví dụ như: “Yêu quý kẻ thù của mình” – một phép cường điệu hóa của tính tích cực. Vì thế khi có xuất hiện những người dường

như xuất chúng hơn số đông, người tuân theo những đạo luật và muốn được hưởng sự tán thành vì điều đó, Chúa đã nói: “Ta đến vì những tội nhân” (những người yếu kém hơn). Đó là bài trình bày về phép cường điệu của cái thiện. Bản chất của đứa trẻ đáp lại lời nói này. Tuy thế, hậu quả ở đây là gì? Dạy những nguyên tắc này cho con người là chưa đủ, và con người có chúng cũng vẫn là chưa đủ; sẽ thật vô dụng nếu chỉ lặp lại câu nói: “Yêu kẻ thù của con;” ngay cả khi điều đó được nói ra, nó cũng chỉ được nói trong nhà thờ, chứ không phải trên chiến trường, ở đó thì chỉ có điều ngược lại là xảy ra mà thôi. Những người nói rằng: “Không được sát sinh” chỉ cố thu hút sự chú ý tới cái ác để tự bảo vệ mình, vì cái thiện trong họ không thực tế. Yêu kẻ thù của mình dường như là một việc làm không thực tế vì thế nó gần như mãi chỉ là một ý tưởng rỗng tuếch.

Tại sao điều này lại xảy ra? Vì cội nguồn của cái thiện không tồn tại ở trong trái tim của con người; nó có lẽ đã từng tồn tại ở đó, nhưng nó đã chết, nó đã biến mất rồi. Nếu trong toàn bộ quá trình giáo dục mà sự căm ghét, đố kỵ, ganh đua được khích lệ, thì làm sao ta có thể hy vọng những người sinh trưởng trong bầu không khí này trở nên thiện nguyện vào độ tuổi 20 hoặc 30 chỉ vì có ai đó rao giảng đạo đức ư? Tôi nói ngay là điều đó không thể được. Chẳng có cơ quan cảm giác nào trong phần tinh thần được chuẩn bị để thu nhận bài thuyết giảng này hoặc nếu nó bắt đầu được chuẩn bị, nó sẽ bị tiêu diệt ngay, vì thế lời giáo huấn cứ bay đi mất trên đôi cánh của ngọn gió.

Những bản năng sáng tạo, chứ không phải những lời giáo huấn mới là những điều quan trọng, vì chúng bộc lộ một thực tế, trẻ nhỏ hành động theo những thôi thúc của tự nhiên chứ không phải bởi giáo viên khuyên chúng làm vậy. Cái thiện phải đến bằng sự giúp đỡ qua lại, bằng sự đoàn kết có được qua tinh thần. Xã hội tạo nên bởi sự gắn kết được hé lộ từ bọn trẻ này là nền tảng của mọi tổ chức. Đó là lý do tại sao tôi giữ vững quan

điểm rằng chúng ta không phải là người có thể dạy được cho bọn trẻ từ 3 đến 6 tuổi. Chúng ta có thể quan sát một cách ý nhị và nhìn thấy quá trình tiến triển qua những bài tập từng ngày và từng giờ như thế nào. Tự nhiên cung cấp một người hướng dẫn nhưng nó cũng hé lộ rằng để có thể phát triển được bất cứ thứ gì trong lĩnh vực này, trải nghiệm và nỗ lực không ngừng nghỉ là cần thiết. Nếu tôi không có cơ hội làm việc này, thì mọi giáo điều đều vô ích. Sự phát triển đến từ các hoạt động, chứ không đến từ hiểu biết trí tuệ, vì thế sự giáo dục của trẻ nhỏ là rất quan trọng, và đặc biệt giữa độ tuổi từ 3 đến 6, vì đây là giai đoạn phôi thai cho sự hình thành nhân cách và cho sự hình thành xã hội (cũng như giai đoạn từ khi ra đời đến năm 3 tuổi là giai đoạn phôi thai cho sự hình thành tâm lý và giai đoạn tiền sản, giai đoạn phôi thai cho sự hình thành đời sống vật lý.) Những thứ mà trẻ thấm thấu ở độ tuổi từ 3 đến 6 không phụ thuộc vào những giáo lý, mà phụ thuộc vào một chỉ thị thần thánh Chúa trao cho phần linh hồn đang trong quá trình xây dựng kia. Chúng là những châu ngọc của hành vi và chỉ có thể phát triển với môi trường thích hợp của tự do và trình tự.

26

SAI LẦM VÀ KIỂM SOÁT SAI LẦM

Khi chúng tôi nói rằng trẻ được thoải mái trong những ngôi trường của chúng tôi thì tổ chức nội quy vẫn là cần thiết, một bảng nội quy còn chi tiết hơn ở những trường khác, để trẻ có thể tự do *làm việc*. Đưa trẻ, qua việc thực hiện các thử nghiệm trong mọi môi trường có chuẩn bị, đã tự hoàn thiện bản thân, nhưng khi ấy một số lượng các giáo cụ và khoảng không gian cũng trở nên cần thiết. Một khi đứa trẻ đã có được khả năng tập trung, đứa trẻ sẽ tiếp tục tập trung qua rất nhiều hoạt động. Đứa trẻ càng ngày càng trở nên tích cực thì giáo viên trở nên ít tích cực đi, cho tới khi bà gần như bị đẩy sang một bên.

Chúng tôi nhấn mạnh qua các hoạt động được lặp lại trong tình trạng tự do mà bọn trẻ thể hiện trong một xã hội đặc biệt và xã hội này tinh xảo hơn của chúng ta đến nỗi nó khơi dậy ý muốn và sự tin chắc rằng bọn trẻ nên được để tự do và không bị làm phiền. Đó là một hiện tượng của cuộc sống, một hiện tượng tinh tế như hiện tượng của đời sống phôi thai và nó không nên bị động vào. Chúng tôi hiện nay đã tạo ra cho trẻ một môi trường như thế.

Trong môi trường này có một mối liên hệ rõ ràng giữa giáo viên và đứa trẻ. Nhiệm vụ của giáo viên, được xác định một cách chi tiết, sẽ nói đến ở một chương khác, nhưng một trong những điều cô ấy không được phép làm là can thiệp, ca ngợi, trừng phạt hoặc sửa lỗi. Điều này có vẻ như là một nguyên tắc sai lầm đối với hầu hết những nhà giáo dục học và khi chúng tôi thấy họ phản đối lại phương pháp của mình, thì luôn là ở luận điểm này. Họ nói rằng: "Làm sao chúng ta có thể cải thiện việc làm của đứa trẻ nếu chúng ta không chỉnh sửa những lỗi lầm của chúng?" Trong nền giáo dục thông thường thì nhiệm vụ căn bản là chỉnh sửa cả ở lĩnh vực đạo đức và trí tuệ, nếu không thì giáo viên sẽ cảm thấy mình không hoàn thành công việc. Giáo dục đi trên hai chân gồm có trao thưởng và trừng phạt; nhưng nếu một đứa trẻ được trao thưởng và bị trừng phạt thì điều đó có nghĩa là đứa trẻ không có năng lực tự chỉ đạo bản thân và rằng giáo viên đang can thiệp và chỉ đạo đứa trẻ. Ở những trường học Montessori thì thưởng và phạt tự động biến mất vì chẳng ai có nhu cầu dùng đến. Những phần thưởng và những đòn trừng phạt đến từ bên ngoài, vì thế khi chúng được đưa ra thì khả năng tự phát của tâm trí tan biến. Vì đây là một phương pháp của sự bộc phát, chẳng có nghĩa lý gì nếu ta trao thưởng hay trừng phạt cả. Điều này khó hiểu đến nỗi kể cả trong những trường được coi là trường Montessori thì chúng cũng xuất hiện. Tôi hay được mời đến dự một buổi lễ trao thưởng ở những trường 'Montessori'! Trong khi nếu trẻ có được tự do thì chúng chẳng màng gì đến phần thưởng hết.

Trong thử nghiệm đầu tiên của mình, giáo viên mà, như tôi đã nói ở trước, là con gái của người bảo vệ, cũng có ý tưởng về phần thưởng và trừng phạt. Rốt cuộc thì điều đó quá đối thường nhật ở nhà cũng như ở trường, đến nỗi nó gần như luôn hiện hữu trong tâm trí của con người. Khi đó, tôi muốn phản đối lại việc đó, nhưng lại chưa có phương pháp nào. Tôi tạm chấp nhận

nó vì người giáo viên tội nghiệp kia buộc phải làm một cái gì đó. Cô ấy đã dùng giấy vàng và giấy bạc gấp thành những cây thánh giá 'quân sự' làm phần thưởng và dán chúng lên ngực của bọn trẻ được thưởng với một dải ruy băng bằng lụa. Tôi không quan tâm nhiều về ý tưởng đó, nhưng tôi cứ đề mặc kệ. Một ngày nọ, tôi tới trường và thấy một đứa trẻ phải ngồi một mình trên một chiếc ghế giữa phòng và đeo một cây thánh giá lớn. Tôi hỏi: "Cô đã trao thưởng cho cậu bé này à?" Giáo viên nói: "Không, đứa trẻ đang bị phạt phải ngồi một mình." Cây thánh giá thực ra đã được trao cho một đứa trẻ khác, nhưng nó lại làm đứa trẻ vướng víu khi đang làm việc, vì thế đứa trẻ đã trao nó cho cậu bé ngồi ở giữa phòng mà không có việc gì để làm và không bị vướng vì nó! Đứa trẻ ở giữa phòng chẳng màng gì đến cả cây thánh giá cũng như sự trừng phạt! Chúng tôi cũng nhận thấy rằng kẹo hay những phần thưởng nào đó cũng không khiến trẻ hứng thú gì.

Việc phá bỏ thể chế tặng quà có lẽ đơn giản vì rốt cuộc là nó liên quan đến vấn đề kinh tế. Dù sao cũng chỉ có một số được nhận chúng thôi và lại vào cuối năm. Nhưng những trận trừng phạt! Đó lại là một vấn đề khác, chúng xảy ra hàng ngày suốt cả năm và 'việc chỉnh lỗi' vẫn xảy ra rất thường xuyên. Việc sửa lỗi, ví dụ như ở những cuốn vở bài tập, có ý nghĩa gì? Tức là cho điểm A, B, hoặc C hoặc 10 hoặc 0. Làm sao việc chấm điểm 0 lại là một cách sửa lỗi được? Rồi giáo viên nói: "Con luôn mắc cùng một sai lầm, con không lắng nghe khi cô giảng, con sẽ trượt kỳ thi mà thôi." Tất cả những trò sửa lỗi trong sách vở và sự buộc tội của giáo viên dẫn đến kết quả là giảm sút năng lực và hứng thú của trẻ. Nói: "Con thật hư" hoặc "Con thật ngốc" là một điều rất đáng xấu hổ. Đó là một lời sỉ nhục, một sự xúc phạm, nhưng nó không phải là một hành động chỉnh sửa, vì để có thể tự sửa đổi bản thân thì ta phải trở nên tốt đẹp hơn, và làm sao một đứa trẻ có thể trở nên tốt hơn được nếu đứa trẻ ngay từ đầu đã ở thể kém cỏi và rồi chúng ta lại hàng ngày sỉ nhục đứa trẻ? Thời

xưa, những giáo viên thường đội mũ con lừa lên đầu đưa trẻ khi chúng tỏ ra ngu ngốc và đánh lên đầu ngón tay của những trẻ không biết viết. Dù họ có sử dụng hết những tờ giấy trên thế giới để làm tai lừa và đánh những đầu ngón tay nát bét ra, họ sẽ chẳng sửa được cái gì hết. Chỉ có trải nghiệm và luyện tập mới có thể chỉnh sửa được sai lầm, và để đạt được khả năng nhất định thì cần phải luyện tập dài lâu. Nếu một đứa trẻ vô kỷ luật thì nó sẽ có kỷ luật nhờ vào lao động và giao tiếp với những trẻ khác trong một xã hội gắn kết, chứ không phải bằng việc bảo nó là đồ vô kỷ luật. Nếu ta nói với một đứa trẻ rằng nó không thể làm một việc gì đó, đứa trẻ có thể cãi lại: “Cảm ơn cô đã nói cho con biết!” Đó không phải là việc giúp đỡ, đó chỉ là việc nêu ra những thực tế. Chỉnh sửa và hoàn thiện chỉ đến khi đứa trẻ có thể tự luyện tập tự do trong một thời gian đủ dài.

Trẻ đôi khi không nhận ra là mình mắc lỗi, nhưng giáo viên cũng nhiều lần không nhận ra lỗi sai của mình. Không may là giáo viên luôn bắt đầu theo kiểu cô ta là một sinh thể hoàn hảo và là một tấm gương, vì thế nếu cô ta mắc sai lầm thì chắc chắn cô ta sẽ không cho đứa trẻ biết điều đó. Phẩm giá của cô ta được dựa trên việc luôn luôn đúng. Ở ngôi trường truyền thống, cô ta không bao giờ được mắc sai lầm, vì thế cả nền giáo dục ở đó đều được xây dựng trên một nền tảng sai lầm.

Chúng ta hãy thử đánh giá bản thân mình. Ta cần phải thừa nhận rằng chúng ta đều mắc sai lầm; đó là một thực tế của cuộc sống và vì thế bản thân sự thừa nhận đã là một bước tiến vĩ đại trong sự tiến bộ của chúng ta. Nếu chúng ta bước trên con đường dẫn đến sự thật và thực tế thì chúng ta phải thừa nhận rằng chúng ta đều mắc sai lầm còn nếu không thì chúng ta đã hoàn hảo hết. Vì thế, điều tốt nhất có thể làm là trở nên thân thiện với sai lầm và rồi nó sẽ không còn làm chúng ta sợ nữa, mà sẽ là một người thân thiện sống giữa chúng ta và sẽ thực hiện chức năng của mình, vì nó có một chức năng. Rất nhiều sai lầm đã

được chỉnh sửa trên đường đời. Một đứa trẻ 1 tuổi đi trên đường, đi không vững, vấp ngã, nhưng cuối cùng đứa trẻ cũng đi được từ tế. Đứa trẻ chỉnh sửa sai lầm của mình *thông qua trường thành và trải nghiệm*. Chúng ta có một ảo tưởng là chúng ta đang trên đường đời để tiến đến sự hoàn thiện, tất cả chúng ta đều mắc sai lầm và không sửa chữa chúng. Chúng ta không nhận ra chúng, vì thế chúng ta hoàn toàn trượt ngoài thực tại và sống trong ảo tưởng. Giáo viên mà giả làm kẻ hoàn hảo và không nhận ra rằng mình đang mắc sai lầm, không phải là một giáo viên tốt. Dù có nhìn thế nào đi chăng nữa, chúng ta luôn luôn tìm thấy Quý ngài Sai lầm! Nếu muốn tiến bước trên con đường đến sự hoàn hảo, thì phải cẩn thận với sai lầm, vì sự hoàn hảo sẽ đến nếu cố chỉnh sửa sai lầm. Chúng ta phải dùng một nguồn sáng để soi rọi sai lầm. Chúng ta phải biết rằng sai lầm cũng giống như cuộc đời vậy, nó cũng thực y như vậy.

Những ngành khoa học chính xác (toán học, vật lý học, hóa học...) đã luôn chú ý tới những sai số (độ sai lệch), vì những ngành khoa học này chủ đích hướng tới sai số. Việc nghiên cứu mang tính khoa học về độ sai lệch đã khởi đầu ở những ngành khoa học tích cực, những ngành được coi là không mắc sai lầm, vì chúng đo đạc mọi thứ một cách chính xác và trân trọng sai số. Vì thế, có hai điều trong đời: (i) để đạt tới một độ chính xác nhất định; (ii) để trân trọng sai số trong sự chính xác. Dù khoa học có đưa ra số liệu gì chăng nữa, khoa học cũng chỉ đưa ra một số gần đúng, chứ không phải một số tuyệt đối, và sự gần đúng này được xem xét *cùng với* kết quả. Ví dụ, một lần tiêm kháng khuẩn thì an toàn chắc đến 95% tổng số các ca, nhưng ta cần phải biết con số 5% không chắc chắn kia. Và trong việc đo đạc thì ta cũng nói rằng nó có thể đúng tới mấy phần nghìn của một inch mà thôi. Trong khoa học thì không dữ liệu nào được đưa ra hoặc được chấp nhận trừ khi có kèm theo thừa nhận về sai số có thể xảy ra và thứ mang lại tầm quan trọng cho dữ kiện là việc

tính toán các sai số. Không dữ kiện nào được xem trọng, trừ khi lượng sai số được đưa ra và gắn với kết quả, sai số cũng quan trọng như chính bản thân kết quả vậy. Vì thế nếu sai số quan trọng với ngành khoa học chính xác, thì nó còn quan trọng đến đâu nữa đối với công việc của chúng ta. Rồi sai lầm sẽ trở thành một thứ gì đó thú vị và quan trọng, kiến thức về sai lầm là cần thiết cho việc chỉnh sửa và kiểm soát.

Khi đó chúng ta sẽ chạm tới một nguyên tắc khoa học, mà cũng đồng thời là một nguyên tắc của sự thật, ấy là 'sự kiểm soát sai lầm'. Trong bất cứ hoạt động nào của trẻ được thực hiện ở trường, phải có sai lầm và một điều cũng phải bước vào đời sống trường học là sẽ không có *sự sửa sai từ bên ngoài, mà một khả năng kiểm soát sai lầm mang tính cá nhân, độc lập*, có thể cho chúng ta biết khi nào chúng ta đúng hay không. Tôi phải biết được là liệu mình có làm việc một cách đúng đắn hay không, vì thế sai lầm trở nên hấp dẫn tôi trong khi trước đó nó chỉ mang tính hơi hợt thoáng qua. Ở ngôi trường bình thường, ta mắc sai lầm mà không hề hay biết, không ý thức được và cũng rất thờ ơ đối với nó, vì không phải là ta, mà chính giáo viên mới khiến tôi nhận thức được những sai lầm của mình. Ta mới ở xa lãnh địa của tự do làm sao! Nếu ta không có khả năng kiểm soát những sai lầm của mình, ta sẽ phải đi tới chỗ một ai đó mà có thể chẳng biết gì hơn mình. Thay vì thế, ta mới trở nên quan trọng làm sao, khi ta biết mình mắc sai lầm và có thể kiểm soát được chúng! Một trong những nhận thức vĩ đại nhất của tự do tinh thần là nhận ra được chúng ta có thể mắc sai lầm và chúng ta cũng có thể kiểm soát được; có thể nhận ra và kiểm soát sai lầm mà không cần được trợ giúp. Một điều khiến xuất hiện tính cách không dứt khoát là bởi chúng ta không có khả năng kiểm soát bất cứ điều gì nếu không có sự trợ giúp của một người nào khác. Có một cảm giác thấp kém, chán nản và thiếu tự tin, khi ta phải dựa vào người khác để họ nói cho mình biết khi nào thì mình bị sai. Vì thế khả năng

kiểm soát sai lầm trở thành kim chỉ nam nói cho chúng ta biết liệu chúng ta có đi trên con đường đúng đắn hay không. Bản tính tự nhiên của chúng ta là đi về phía sự hoàn hảo. Chúng ta muốn được tự biết là mình có đi trên con đường đúng hay không.

Giả sử tôi muốn đến một nơi nào đó và tôi có thể lái xe ô tô, nhưng tôi lại không biết đường, điều này rất hay xảy ra trong đời sống. Để có thể chắc chắn được mình đi đúng hướng, tôi dùng một tấm bản đồ. Tôi cũng nhìn một số bảng chỉ đường mà cho tôi biết tôi đang ở đâu. Tấm bản đồ và biển chỉ đường đã giúp tôi; nếu tôi không có tấm bản đồ thì tôi sẽ phải hỏi đường và có thể sẽ nghe được rất nhiều cách chỉ đường từ những người khác nhau. Nếu không có sự hướng dẫn hoặc kiểm soát thì sẽ không thể đi tiếp được.

Vì thế, điều cần thiết ở khoa học tích cực và trong cuộc sống thực tiễn cũng phải được bao hàm trong giáo dục ngay từ điểm khởi đầu: khả năng kiểm soát sai lầm. Vì thế, khả năng kiểm soát sai lầm sẽ phải đi cùng với việc giảng dạy và tài liệu. Để tiến về phía trước thì phải có tự do và một con đường chắc chắn, với phương tiện để nói cho chúng ta biết khi nào chúng ta mắc sai lầm. Khi nguyên tắc này được hiện thực hóa trong nhà trường và trong đời sống thực tiễn, thì việc giáo viên và người mẹ có hoàn hảo hay không sẽ chẳng còn quan trọng nữa. Sai lầm ở những người lớn sẽ trở nên hấp dẫn và bọn trẻ sẽ cảm thông với họ. Nó trở thành một thứ gì đó hấp dẫn, nhưng hoàn toàn khách quan. Nó trở thành một thực tế cố hữu trong tự nhiên, và nó sẽ khơi dậy biết bao xúc cảm trong trái tim của bọn trẻ là tất cả chúng ta đều có thể mắc sai lầm. Một nhân tố khác bước vào mối quan hệ giữa mẹ và con. Thực tế, đôi khi sai lầm khiến chúng ta trở nên hoàn thiện hơn. Tình anh em đi trên con đường của những sai lầm, chứ không theo con đường của sự hoàn hảo. Nếu ta đã hoàn hảo rồi thì ta sẽ chẳng thay đổi được nữa, hai người 'hoàn hảo' ở cùng nhau thì thường đánh nhau, vì sẽ chẳng có khả năng thay

đổi và thấu hiểu lẫn nhau. Nếu ai đó phải lớn lên mà không mắc sai lầm, thì sẽ chẳng thể có sự phát triển hay sự trợ giúp nào hết, vì ta không thể giúp được người hoàn hảo. Vì thế, nếu chúng ta nghĩ rằng mình hoàn hảo, chúng ta không ở trong lãnh địa của thực tế; ta bị lạc lối bởi ảo ảnh của sự hoàn hảo mà ta đặt trước mắt mình, nhưng lại không thể đạt tới được.

Chúng ta hãy làm một phép so sánh có tính chất hình học: Một trong những bài tập mà bọn trẻ của chúng tôi thực hành là xếp những khối vuông chồng vào nhau. Khi chúng ta tiếp tục chồng càng nhiều những hình vuông này, chúng ta dần dần giảm bớt sự khác biệt giữa hình trước và hình ngay sau nó. Nếu chúng ta coi việc này như việc dần dần giảm bớt những 'lỗi lầm' giữa các hình vuông, chúng ta nhận ra rằng, dù cuối cùng nó có trở nên bé nhỏ đến thế nào đi nữa, chúng ta cũng không bao giờ đạt tới được sự triệu tiêu hoàn toàn của sai số. Chúng ta hãy nhìn vào một trong những bài luyện tập đầu tiên mà bọn trẻ thực hiện. Chúng tôi có những ống xy lanh ở cùng một độ cao, nhưng khác biệt về chu vi để cho vào từng cái lỗ tương ứng. Phải thừa nhận rằng chúng khác nhau là bước đầu tiên dẫn đến sự hoàn thiện, giữ chúng bằng ba ngón tay là sự hoàn thiện khác. Đứa trẻ bắt đầu đặt chúng vào những cái lỗ, nhưng khi đứa trẻ làm xong thì nhận ra rằng mình đã mắc sai lầm vì một ống xy lanh dày bị bỏ lại trong khi chỉ có một cái lỗ nhỏ để cho nó vào, và một số những lỗ khác thì lỏng lẻo và kêu lạo xạo, thế là đứa trẻ nhìn lại chúng một lần nữa và quan sát chúng cẩn thận hơn trước. Đứa trẻ biết rằng mình có thể mắc sai lầm và nếu đứa trẻ làm thế, một ống xy lanh sẽ không thể vừa vào lỗ được. Nếu không xảy ra sai lầm này thì chúng chẳng có hứng thú như vậy. Chính sai lầm đã khiến đứa trẻ lặp đi lặp lại bài luyện tập này. Vì thế giáo cụ cần phải đáp ứng được hai điều: (i) rèn giũa giác quan của trẻ, (ii) cung cấp khả năng kiểm soát sai lầm.

Giáo cụ đã nói ở trên có khả năng kiểm soát sai lầm vật chất và dễ nhận thấy bằng mắt thường, vì thế một đứa trẻ nhỏ 2 tuổi

cũng có thể sử dụng nó và có được kiến thức về việc kiểm soát sai lầm trên con đường tiến tới sự hoàn hảo. Bằng việc luyện tập hàng ngày những bài tập như vậy thì đứa trẻ có được khả năng kiểm soát sai lầm và trở nên tin tưởng vào bản thân. Việc tin vào bản thân có nghĩa là đạt được sự hoàn hảo, cũng có nghĩa là biết được khả năng của bản thân, và vì thế có thể thực hiện một điều gì đó. Đứa trẻ có thể nói: “Tôi không hoàn hảo, tôi không vạn năng nhưng tôi biết làm việc này và tôi biết sức mạnh của mình. Tôi cũng biết rằng tôi có thể phạm sai lầm và có thể kiểm soát được sai lầm, vì thế tôi tin vào con đường của mình.” Đứa trẻ đã có sự cẩn trọng, tự tin và kinh nghiệm. Những điều này dẫn tới sự hoàn hảo. Nói cách khác, để đạt đến độ chắc chắn này không đơn giản như ta nghĩ; đi trên con đường dẫn đến sự hoàn thiện cũng chẳng đơn giản gì. Nói với bất cứ ai rằng đứa trẻ ngốc, ngu, can đảm, tốt, hoặc xấu đều là sự phản bội đối với nhân tính; ta phải tin vào bản thân và cần phải trao những phương tiện phát triển và khả năng kiểm soát sai lầm để làm việc đó.

Nhìn vào một giai đoạn muộn hơn chúng ta hãy kiên nhẫn chờ đợi thành quả của một đứa trẻ đã rèn luyện như vậy. Có những bài tập toán, ví dụ như là các phép tính. Đối với phép tính ta có bảng cửu chương, thứ làm công cụ kiểm soát lỗi sai. Nếu không có bảng đó thì sẽ chẳng thể nào biết chắc được liệu ta có đúng hay không; vì thế thay vì có giáo viên sửa sai, chúng tôi để đứa trẻ tập thói quen tự sửa lỗi sai của chính mình. Việc tự kiểm soát lỗi này hấp dẫn hơn bản thân bài tập. Với việc học đọc cũng vậy. Đứa trẻ có một bài tập gồm những thẻ chữ để đặt cùng với một nhóm những từ đó, rồi có những tấm thẻ có phần tên được viết ở mặt dưới để kiểm tra việc học của trẻ. Sự hấp dẫn nằm ở chỗ đứa trẻ tìm ra xem liệu mình có làm đúng hay không.

Nếu trong quá trình luyện tập tại trường, trẻ liên tục có cơ hội được kiểm soát lỗi sai để dẫn đến sự hoàn thiện. Sự hứng thú trong quá trình tiến tới sự hoàn thiện quan trọng với đứa trẻ

đến nỗi sự tiến triển cá nhân được bảo đảm. Thông qua tự nhiên, đứa trẻ ngả dần về sự chính xác và vì thế khả năng kiểm soát này rất hấp dẫn đối với đứa trẻ. Ở một trong số những ngôi trường của chúng tôi, một đứa trẻ phải thực hiện câu khẩu lệnh: “Đi ra ngoài, đóng cửa lại rồi quay lại.” Đứa trẻ nghiền ngẫm nó và bắt đầu tiến hành thực hiện theo khẩu lệnh; rồi cô bé đi tới bên giáo viên và nói: “Tại sao cô lại viết như thế này? Việc này không thể thực hiện được. Làm sao con quay lại được nếu cửa đã đóng?” Thế là giáo viên nói: “À phải, cô sai rồi” và viết lại câu đó, đứa trẻ cười mà nói rằng: “Vâng, giờ con làm được rồi.”

Tình cảm của trẻ nảy sinh từ niềm đam mê với sự kiểm soát sai lầm này. Sai lầm chia cắt con người, nhưng kiểm soát sai lầm lại là một phương tiện củng cố tình thân ái. Nó trở thành một niềm đam mê phổ biến để có thể vượt qua sai lầm ở bất cứ nơi nào mà nó được tìm thấy. Bản thân sai lầm cũng trở nên hấp dẫn. Nó trở thành một cầu nối và chắc chắn nó cũng trở thành một phương tiện gắn kết giữa tất thảy sinh linh, đặc biệt là giữa đứa trẻ và người trưởng thành. Trẻ tìm thấy một lỗi nhỏ ở người trưởng thành không hề khiến chúng cảm thấy thiếu tôn trọng hoặc một sự hạ thấp nhân phẩm. Sai lầm được tách biệt khỏi con người và khiến nó tách ra thành một thứ có thể kiểm soát được.

Đó là những bước tiến giản đơn dẫn tới những điều lớn lao.

27

BA CẤP ĐỘ CỦA SỰ VÂNG LỜI

Mỗi quan tâm chính trong phương pháp giáo dục nhân cách thông thường có liên quan tới ý chí và sự vâng lời, và thường thì hai tư tưởng này đối nghịch với nhau trong tâm trí của những người lúc nào cũng đau đầu về chúng. Một trong những mục tiêu chính là nhằm kiềm chế ý muốn của đứa trẻ, thay thế nó bằng ý muốn của người lớn và đòi đứa trẻ phải vâng lời.

Tôi muốn làm sáng tỏ những ý tưởng này, không dựa trên bất cứ ý kiến cá nhân, mà dựa trên chính những kinh nghiệm của mình. Đầu tiên, chúng ta phải thừa nhận rằng có một sự nhầm lẫn lớn trong những chủ đề này. Một số nghiên cứu sinh học cho chúng ta biết rằng ý chí của con người là một sức mạnh nội tại (horme¹), và rằng nguồn lực vũ trụ này không mang tính vật chất mà là một nguồn lực của sự sống đi theo con đường của sự tiến hóa. Mọi sự sống đều được thôi thúc một cách không thể cưỡng lại tới quá trình tiến hóa, và sự thôi thúc này được gọi là hormone. Quá trình tiến hóa được chi phối bởi những quy luật và

¹ Từ Hy Lạp cổ đại.

không có tính ngẫu nhiên hay tình cờ. Những quy luật của cuộc sống này chỉ cho chúng ta thấy rằng ý chí của con người là một phương diện của sức mạnh đó và nó gọt giũa hành vi của anh ta. Ở thời thơ ấu sức mạnh này phần nào đã trở nên có ý thức ngay khi đứa trẻ thực hiện một hành động tự chủ nhất định và rồi sức mạnh này sẽ được phát triển trong nội tại, nhưng chỉ bằng các kinh nghiệm. Vậy chúng ta sẽ bắt đầu nói rằng ý chí là thứ phải được phát triển tuân theo các quy luật tự nhiên.

Nhiều người hiểu nhầm rằng những hành động tự phát ở trẻ vốn dĩ không tuân theo kỷ luật và đôi khi còn mang tính bạo lực nữa. Điều này được nhiều người đồng tình vì người ta thấy những dạng hành động này ở đứa trẻ và nghĩ rằng chúng thể hiện ý muốn của đứa trẻ. Không phải như vậy, những hành động này không thuộc về lĩnh vực của lực lượng vũ trụ hoặc thôi thúc sức mạnh nội tại. Chúng ta hãy xét đến hành vi của người trưởng thành; giả thử như chúng ta nhằm tình trạng co giật ở một người là những biểu hiện tự ý của anh ta, hoặc những hành động bộc lộ trong cơn tức giận là được chỉ đạo bởi ý chí của anh ta, điều đó sẽ vô cùng vô lý. Chúng ta không nghĩ như thế chúng ta nghĩ tới một người có ý chí thể hiện ở việc anh ta nỗ lực vượt qua khó khăn để thực hiện một việc gì đó có mục đích. Nếu chúng ta coi những hành động tự ý chủ yếu là những vận động vô kỷ luật ở người lớn hoặc trẻ em, thì dĩ nhiên chúng ta sẽ cảm thấy mình phải kiềm chế ý chí, hoặc 'bẻ gãy' nó như thể hệ gia hay nói; và nếu chúng ta thấy cần phải bẻ gãy 'ý chí' này, thì dĩ nhiên, chúng ta phải thay thế ý chí của trẻ bằng ý chí của chúng ta bằng cách bắt đứa trẻ 'vâng lời'.

Thực tế thực sự ở đây là ý chí của con người (đứa trẻ) không dẫn đến sự vô kỷ luật hay bạo lực; đây là những dấu hiệu của việc đi chệch hướng và đau khổ. Ý chí trong lãnh địa tự nhiên của nó là một lực thúc đẩy chúng ta tiến hành những hành động được cho là sẽ có lợi cho cuộc sống của chúng ta. Nhiệm vụ mà

tự nhiên trao cho đứa trẻ là trưởng thành, vì thế ý chí của đứa trẻ là một lực thúc đẩy sự trưởng thành và phát triển.

Quá trình ý chí thúc đẩy những hành động của cá nhân dẫn đến sự phát triển có ý thức. Bọn trẻ của chúng tôi tự do chọn công việc cho mình và lặp đi lặp lại những bài tập tự chọn này để phát triển ý thức về những hành động của chúng. Thứ lúc đầu là một sự thôi thúc nội tại thúc đẩy đứa trẻ hành động giờ trở thành một nỗ lực của ý chí. Đầu tiên, đứa trẻ hành động một cách bản năng, giờ đứa trẻ hành động một cách có ý thức và tự giác: đây là sự thức tỉnh của tinh thần.

Bản thân đứa trẻ đã hiểu được sự khác biệt này và thể hiện nó theo một cách mà chúng ta không ngờ đến. Một mệnh phụ có tiếng trong xã hội đến thăm trường chúng tôi, vẫn giữ cách suy nghĩ cũ, đã nói với một đứa trẻ: “Thế đây là nơi cháu có thể làm bất cứ điều gì mình muốn, phải không?” Đứa trẻ trả lời: “Không, thưa bà, chúng cháu không làm những gì mình thích, chúng cháu thích những gì chúng cháu làm.” Đứa trẻ cảm nhận được sự khác biệt giữa việc làm những gì ta thích và thích những gì ta làm.

Có một điểm cần phải được nói rõ: ý chí có ý thức là một sức mạnh được phát triển qua trải nghiệm thực tế. Nhiệm vụ của chúng ta rõ ràng là phải tu dưỡng ý chí, chứ không phải bẻ gãy nó. Ý chí có thể bị bẻ gãy gần như ngay lập tức, sự phát triển của ý chí là một quá trình chậm chạp của việc tự hé lộ bản thân bằng những hoạt động liên tiếp được thực hiện trong mối quan hệ với môi trường. Thật dễ phá hủy nó, sự tàn phá một tòa nhà có thể được hoàn thành chỉ trong vài giây với một quả bom hoặc một trận động đất. Thay vào đó thì xây dựng một tòa nhà mới khó khăn làm sao! Nó đòi hỏi kiến thức chính xác về các quy luật của thăng bằng, của sức căng, thậm chí cả kĩ thuật cũng cần thiết để có thể đạt được một kiến thiết hài hòa.

Nếu tất cả những điều này là cần thiết để có được một công trình vô tri, thì sẽ phải cần nhiều đến thế nào nữa cho sự kiến thiết tâm hồn con người! Nó có thể diễn ra ở nội tại. Vì thế, nhà kiến thiết không thể là người mẹ hay người thầy được. Họ không phải là những kiến trúc sư, họ không đủ vạm vỡ để nói, như Chúa trong *Kinh thánh*: “Hãy cho ánh sáng xuất hiện và thế là ánh sáng được tạo nên.” Họ chỉ có thể trợ giúp công cuộc sáng tạo đến từ chính bản thân đứa trẻ. Đó phải là nhiệm vụ và mục tiêu của họ, nhưng họ cũng hoàn toàn có khả năng phá hủy nó, bẻ gãy nó bằng sự áp đặt. Luận điểm này, bị lu mờ bởi quá nhiều định kiến, rất đáng được làm rõ.

Định kiến tràn lan trong giáo dục truyền thống gợi ý rằng mọi thứ có thể đạt được chỉ cần được dạy (ấy là thông qua việc tác động trực tiếp tới thính giác của trẻ) hoặc bằng việc nâng bản thân người lớn lên thành một tấm gương để trẻ noi theo (một dạng của giáo dục thị giác). Nhân cách thay vì thế lại chỉ có thể phát triển được nhờ vào rèn luyện bản thân, thông qua các hoạt động. Đứa trẻ thường được coi là một cá thể chỉ biết tiếp thu hơn là một cá thể chủ động. Điều này xảy ra ở tất cả các lĩnh vực. Thậm chí sự phát triển của trí tưởng tượng cũng bị xét theo cách này. Trẻ được kể truyện cổ tích, những khung cảnh thần tiên của hoàng tử và các nàng tiên xinh đẹp và qua đó ta cố phát triển trí tưởng tượng của trẻ. Tuy thế, đứa trẻ chỉ *nhận* những ấn tượng chứ không thực sự phát triển khả năng tưởng tượng của mình, khả năng cao cấp nhất của trí tuệ loài người. Trong trường hợp của ý chí thì sai lầm này còn nghiêm trọng hơn, vì phương pháp giáo dục thông thường không chỉ tước bỏ cơ hội được phát triển của ý chí, thực tế nó còn ngăn cản sự phát triển này và trực tiếp ngăn cấm sự biểu lộ của ý chí. Mọi nỗ lực kháng cự ở đứa trẻ bị đàn áp dưới hình thức một cuộc nổi loạn chống lại sự giả tạo này. Nhà sư phạm thực sự đã cố gắng hủy diệt ý chí của đứa trẻ. Nguyên tắc giáo dục của việc giảng dạy qua các ví dụ hay tấm gương không đưa

người thầy tới việc hình dung ra một thế giới ảo mộng của những hoàng tử và thần tiên, ở đây giáo viên đi xa tới mức tự nâng mình lên thành một hình mẫu lý tưởng. Và thế là cả trí tưởng tượng và ý chí sẽ mãi bị trì trệ, hoạt động của chúng sẽ bị bó hẹp ở việc tuân theo người thầy kể chuyện và làm các hoạt động kia.

Chúng ta phải tự giải phóng bản thân khỏi những ảo tượng này và dũng cảm đối diện với thực tế.

Ở nền giáo dục truyền thống, giáo viên lý luận nghe có vẻ cũng khá hợp lý: “Để có thể giáo dục được thì tôi phải giỏi và hoàn hảo (điều này có nghĩa là tôi phải đóng giả làm Ông già Noel mang quà đến cho trẻ). Tôi biết việc gì cần phải làm và điều gì không được phép làm. Vì thế, trẻ chỉ cần bắt chước và nghe lời tôi là đủ.” Sự vâng lời là nền tảng bí mật của giảng dạy.

Tôi không nhớ nhà sư phạm nổi tiếng nào đã nêu ra câu châm ngôn này: “Mọi đức tính của trẻ có thể được tóm gọn trong một từ: vâng lời” nhưng đúng là có câu nói đó.

Nhiệm vụ của giáo viên từ đó trở nên dễ dàng và được nâng lên tận mây xanh! Anh ta nói: “Trước mặt tôi là một thực thể vô hồn – hoặc một thực thể chỉ toàn những thói hư tật xấu – giờ tôi sẽ biến đổi đứa trẻ, sáng tạo nên một sinh linh gắn với hình ảnh và hình hài của tôi.” Anh ta đã lặp lại với bản thân những lời trong *Kinh thánh*: “Chúa tạo nên loài người theo hình ảnh và hình hài của chính Người.”

Người trưởng thành, dĩ nhiên, không ý thức được việc anh ta đã tự đặt mình vào vị trí của Chúa. Trên hết, anh ta đã quên hết những phần khác trong truyện thánh kinh nói về việc quý dũ trở nên như vậy là do kiêu hãnh đến độ muốn chiếm vị trí của Chúa.

Đứa trẻ đáng thương! Sinh linh mang trong mình thành tựu của một Đấng Sáng thế vĩ đại hơn ngàn lần giáo viên, người cha hay người mẹ mà đứa trẻ buộc phải mang hình hài tương tự kia.

Ở những thời đại khác, giáo viên dùng gậy để đạt được mục đích này và thậm chí gần đây ở một dân tộc mà lẽ ra là rất văn minh thì giáo viên đã phát biểu: “Nếu chúng ta phải từ bỏ gậy gộc, chúng ta cũng sẽ phải từ bỏ giáo dục luôn.” Ngoài ra, trong *Kinh thánh*, chúng ta thấy câu thành ngữ nổi tiếng của vua Solomon: Nếu chúng ta không dùng gậy thì chúng ta là những bậc cha mẹ tồi vì chúng ta đã đẩy con mình vào địa ngục. Kỷ luật được củng cố bởi những lời đe dọa và sự sợ hãi. Điều này dẫn tới kết luận: đưa trẻ mà không vâng lời thì hư, và đưa trẻ vâng lời thì ngoan.

Trong thời đại của những lý thuyết về dân chủ và tự do, khi chúng ta suy ngẫm về thái độ này, chúng ta có xu hướng đánh giá người giáo viên kiểu cũ là một dạng bạo chúa. Điều này tuy thế cũng không chính xác, giáo viên đó không phải một bạo chúa. Bạo chúa thông minh hơn rất nhiều. Bạo chúa có một sức mạnh ý chí đáng gờm, một chút độc đáo và một lượng phong phú trí tưởng tượng. Những giáo viên kiểu cũ thay vào đó lại chỉ có những ảo tưởng, định kiến và tôn thờ những quy tắc vô lý. Sự khác biệt giữa một tay bạo chúa và một giáo viên kiểu cũ nằm ở chỗ: tay bạo chúa sử dụng những phương pháp bạo lực để thành công trong những mục đích của mình, giáo viên sử dụng những biện pháp bạo lực chỉ để nhận lãnh thất bại trong những mục đích của mình. Đó là một sai lầm cơ bản nếu nghĩ rằng ý chí của cá nhân phải bị tiêu hủy để đưa trẻ có thể vâng lời, ấy là, đưa trẻ có thể chấp nhận và thực thi quyết định ý chí của người khác. Nếu chúng ta áp dụng cách lý luận này vào việc giáo dục trí tuệ thì chúng ta phải nói là để đưa trẻ có thể thu nhận được văn hóa vào tâm trí của mình thì ta cần phải hủy diệt trí thông minh của đứa trẻ.

Để có được sự vâng lời của các cá nhân đã phát triển ý chí của riêng mình một cách vững vàng nhưng lại tự quyết định tuân theo ý muốn của chúng ta là một việc hoàn toàn khác. Dạng vâng lời này là một hình thái thể hiện lòng kính trọng, một sự thừa nhận sự kiệt xuất của người thầy, thứ khiến anh ta cảm thấy tự hào và hài lòng với bản thân.

Ý chí và sự vâng lời có mối liên hệ theo kiểu ý chí là nền tảng và sự vâng lời đánh dấu giai đoạn thứ hai trong tiến trình phát triển. Vì thế, sự vâng lời có một ý nghĩa cao lớn hơn là nó thường được nhận thấy trong giáo dục. Nó có thể được coi là *sự thắng hoa* của ý chí cá nhân.

Sự vâng lời cũng phải được đặt vào giữa những hiện tượng cuộc sống và được coi là một trong những đặc tính của tự nhiên.

Tại lớp học Montessori, chúng tôi đã chứng kiến sự vâng lời phát triển với tư cách một hình thái tiến hóa. Nó xuất hiện một cách tự phát, đầy bất ngờ. Nó đại diện cho đích đến của một quá trình dài dặc của sự hoàn thiện.

Nếu không có phẩm chất này trong tâm hồn con người, nếu con người không thể đạt tới điểm có thể vâng lời bằng một quá trình mang tính tiến hóa, xã hội sẽ không thể tồn tại được. Nếu chúng ta chỉ nhìn một cách hời hợt vào tình hình thế sự thì chúng ta cũng vẫn có thể dễ dàng nhận thấy người ta vâng lời tới mức độ nào. Hình thức vâng lời này chính là lý do khiến hàng loạt nhóm người rơi vào vực thẳm của sự hủy diệt. Một sự vâng lời không được kiểm soát, một sự vâng lời dẫn cả dân tộc tới sự diệt vong. Không thiếu sự vâng lời trên thế giới này đâu, ngược lại thì có! Sự vâng lời dưới dạng hệ quả tự nhiên từ sự phát triển tâm hồn con người dĩ nhiên rất rõ rệt, nhưng đáng buồn thay khả năng kiểm soát sự vâng lời lại đang vô cùng thiếu hụt.

Việc quan sát trẻ em trong môi trường được chuẩn bị cho sự phát triển tự nhiên của chúng đã chỉ cho chúng ta thấy một cách rõ ràng về quá trình phát triển của sự vâng lời và sự quan sát này đã mang ánh sáng đến soi rọi cho chủ đề này.

Chúng ta rõ ràng đã nhận thấy trong quá trình trải nghiệm của mình, sự vâng lời ở trẻ em được phát triển theo cùng một cách với những phẩm chất khác của nhân cách. Đầu tiên nó đi theo những thôi thúc của nội tại, rồi trải qua một giai đoạn có ý thức để được phát triển tiếp qua một vài cấp độ nữa.

Đầu tiên, chúng ta hãy xác định rõ sự vâng lời thực sự có ý nghĩa gì đối với chúng ta. Nó rốt cuộc luôn mang đúng ý nghĩa vốn có: giáo viên chỉ đạo học sinh làm một việc gì đó và bọn trẻ tuân theo chỉ đạo đó bằng cách thực hiện nó.

Quá trình phát triển tự nhiên của sự vâng lời trong lứa trẻ có thể được chia làm ba cấp độ.

Tại *cấp độ thứ nhất*, lứa trẻ chỉ thỉnh thoảng mới vâng lời, chứ không phải luôn luôn. Chúng ta hãy phân tích trường hợp này.

Sự vâng lời không chỉ có quan hệ với tâm lý ‘sẵn sàng’, nó còn phụ thuộc vào thực tế của quá trình hoàn thành. Khả năng và độ chín chắn nhất định là cần thiết để có thể thực hiện hành động được giao phó. Vì thế, sự vâng lời phải được đánh giá trong mối quan hệ với sự phát triển và các điều kiện sống. Không thể ra lệnh ai đó ‘đi bằng mũi’ được, vì việc này là ngoài khả năng của con người. Càng không thể nếu ta bắt một người không biết viết hãy ‘viết một lá thư’. Vì thế, đầu tiên cần phải xác được khả năng có thể tuân lời trong từng giai đoạn phát triển. Đó là lý do tại sao một đứa trẻ từ khoảng 0 đến 3 tuổi lại không phải là một em bé vâng lời vì bé vẫn chưa tự kiến thiết bản thân. Đứa trẻ chỉ đang xây dựng một cách vô thức những cơ chế nhân cách của mình. Chúng chưa thể điều khiển nhân cách phục vụ cho mục đích cá nhân, từ đó thống trị một cách có ý thức – biểu hiện sự tiến bộ trong quá trình phát triển. Trên thực tế cuộc sống, người lớn không hy vọng một đứa trẻ 2 tuổi sẽ vâng lời. Tại thời kỳ này, người trưởng thành chỉ có thể ngăn cấm ít nhiều một cách thô bạo những hành động của một đứa trẻ chưa phát triển như thế.

Tuy thế, vâng lời lại không chỉ bao gồm sự ngăn cấm. Nó bao gồm việc thực hiện những hoạt động tương ứng với ý muốn của một người khác, chứ không phải của bản thân đứa trẻ. Đứa trẻ lớn hơn hẳn cũng phải phát triển một số năng lực nào đó để có thể vâng lời, ấy là đứa trẻ có thể hành xử theo ý muốn của một

người khác và những khả năng thì không phát triển chỉ qua một đêm được. Chúng là kết quả của một *quá trình hình thành nội tại* diễn ra qua nhiều giai đoạn. Miễn là giai đoạn hình thành này còn tiếp diễn thì sẽ có lúc trẻ thành công trong việc thực hiện một hành động ứng với một thành quả được tạo ra, nhưng chỉ khi thành quả đã trở thành một tài sản vĩnh viễn thì ý chí mới loại bỏ nó được. Điều này cũng được thấy khi đứa trẻ nỗ lực để sở hữu những khả năng mang tính nguyên thủy của các cơ năng vận động, khi đứa trẻ hành động dưới ảnh hưởng của những thôi thúc nội tại từ cuộc sống. Một đứa trẻ khoảng 1 tuổi có thể bước những bước đầu tiên, nhưng đứa trẻ sẽ bị ngã và có lẽ đứa trẻ sẽ không lặp lại được những động tác đó trong một thời gian dài. Chỉ khi cơ chế vận động của việc đi lại hoàn toàn được thiết lập thì đứa trẻ mới đi lại vào bất cứ lúc nào mình muốn. Đây là một yếu tố rất quan trọng. Sự vắng lời của đứa trẻ ở giai đoạn sau này phụ thuộc hoàn toàn vào giai đoạn phát triển những khả năng của đứa trẻ. Vì thế sẽ xảy ra việc đứa trẻ có thể vắng lời giáo viên một lần, nhưng sau đó thì không. Việc không thể lặp lại hành động vắng lời khi đó được gán cho thái độ 'chống đối'. Nếu thế, giáo viên cùng với sự kiên quyết và chỉ trích của mình có thể trở thành một chướng ngại cho sự phát triển nội tại đang được tiến hành kia. Khi nghiên cứu về Pestalozzi, nhà sư phạm nổi tiếng người Thụy Sĩ, người có ảnh hưởng vô cùng lớn tới nền giáo dục trong các trường học trên toàn thế giới, chúng tôi đã tìm thấy một luận điểm rất đáng giá. Pestalozzi là người đầu tiên đề cao việc đối xử thân tình với trẻ. Ông luôn sẵn lòng thể hiện sự đồng cảm và bao dung. Nhưng ông lại không thể tha thứ cho một đứa trẻ với cùng một việc vừa vắng lời xong sau đó lại chống đối, Pestalozzi sẽ không chấp nhận bất cứ lời giải thích nào. Đó là lần duy nhất ông ta tỏ ra nghiêm khắc thay vì nuông chiều. Ngay cả Pestalozzi cũng có cách hành xử thế thì làm sao những giáo viên bình thường lại không thường xuyên mắc sai lầm chứ!

Mặt khác sẽ rất nguy hiểm nếu trong quá trình phát triển của trẻ thiếu sự khích lệ. Khi đứa trẻ vẫn chưa thực sự làm chủ được những hành động của mình, khi chúng chưa có ý thức, chúng sẽ không thể đáp lại mong muốn của người khác. Điều này thậm chí không chỉ xảy ra trong thời thơ ấu. Một người mới tập đàn có thể chơi một bản nhạc rất hay vào lúc này nhưng lúc khác thì dở tệ? Ngày hôm sau, anh ta sẽ được đề nghị chơi nó một lần nữa, nhưng anh ta không thể chơi nó hay như ngày hôm trước được.

Thứ chúng ta gọi là cấp độ thứ nhất của sự vâng lời chính là giai đoạn khi một đứa trẻ có thể vâng lời, nhưng không phải lúc nào cũng làm được như vậy. Đó là giai đoạn khi sự vâng lời và sự không vâng lời tồn tại cùng nhau.

Cấp độ thứ hai được đạt tới khi đứa trẻ có thể luôn luôn vâng lời, ấy là nếu không có bất cứ chướng ngại nào cản trở sự phát triển. Những năng lực đã được nắm rất chắc của đứa trẻ đã có thể được sử dụng và điều khiển không chỉ bởi ý chí của đứa trẻ, mà còn bởi ý chí của một người khác. Khả năng này là một món quà vĩ đại. Chúng ta có thể so sánh nó với khả năng dịch một ngôn ngữ này sang một ngôn ngữ khác. Đứa trẻ có thể tiếp thu ý chí của một người khác và làm theo đó. Đây là mức độ cao nhất mà giáo dục thường cố đạt đến. Giáo viên bình thường không hào hứng gì với một giai đoạn cao hơn khi đứa trẻ đã có thể lúc nào cũng vâng lời. Nhưng đứa trẻ nhỏ còn đi xa hơn những mong đợi của chúng ta, luôn luôn là thế khi đứa trẻ được tạo cơ hội để đi theo những quy luật của tự nhiên. Đứa trẻ không dừng lại tại đây, mà còn đi tiếp đến *cấp độ thứ ba của sự vâng lời*. Ở đây, sự vâng lời vượt trên mối quan hệ với một khả năng học được đã đưa nó vào trong tầm với của đứa trẻ. Sự vâng lời được hướng tới một nhân cách cao cấp hơn, tới người thầy đã phục vụ và trợ giúp đứa trẻ. Như thế đứa trẻ đã trở nên ý thức được thực tế là người thầy có khả năng làm những việc giỏi hơn những việc đứa trẻ có thể tự làm. Như thế đứa trẻ đã tự nói với bản thân: "Người

mà tài giỏi hơn mình này có thể xâm nhập vào trí tuệ của mình bằng khả năng của cô ấy, cô ấy có thể khiến mình trở nên vĩ đại giống như cô ấy vậy!" Ý nghĩ này dường như đã cho đứa trẻ một niềm vui sâu sắc và lớn lao. Có thể nhận được chỉ dẫn từ sự sống cao cấp này đã tạo ra một cảm xúc nhiệt tình và vui sướng mới. Đó quả là một khám phá đột ngột. Đứa trẻ khi đó trở nên hồi hộp và thiếu kiên nhẫn với việc vâng lời. Chúng ta liệu có thể so sánh hiện tượng tự nhiên tuyệt diệu này với điều gì? Một vị thánh đã nói rằng: "Tôi đang phóng như bay tới để vâng lời." Hoặc chúng ta có thể so sánh nó, theo một hệ quy chiếu khá khác biệt, với bản năng của một con chó yêu quý chủ của mình và thông qua sự vâng lời của mình đã thực thi ý chí của một con người. Khi người chủ của nó chỉ cho nó một quả bóng, con chó nhìn nó chăm chú và khi người chủ ném quả bóng ấy đi, nó nhảy lên và đắc thắng mang nó quay về và đợi mệnh lệnh tiếp theo. Con chó khao khát được giao mệnh lệnh, nó hào hứng và ngoáy đuôi tỏ vẻ vui sướng. Nó chạy để thực thi mệnh lệnh. Cấp độ thứ ba của sự vâng lời ở đứa trẻ nhỏ cũng tương tự như vậy, nhưng đứa trẻ thể hiện khao khát được vâng lời theo một cách khác. Trong mọi trường hợp, đứa trẻ vâng lời với một sự nhanh nhẹn đáng kinh ngạc và dường như vô cùng thiếu kiên nhẫn khi chờ làm việc đó.

Những khám phá của một giáo viên có 10 năm kinh nghiệm giảng dạy đã cho ta một bức tranh minh họa thú vị. Bà dạy rất tốt một lớp học sinh nhỏ tuổi, nhưng bà không thể kiểm chế được việc cứ hay khuyên chúng. Một ngày nọ, bà nói: "Các con cất mọi thứ đi, trước khi về nhà hôm nay nhé." Nhưng đứa trẻ không đợi bà nói hết câu, mà ngay khi chúng nghe thấy "Cất mọi thứ đi...", chúng đã ngay lập tức bắt tay vào việc cất gọn mọi thứ, hết sức nhanh chóng vào đúng vị trí. Sự vâng lời của chúng đã trở nên ngay tắp lự đến nỗi giáo viên thấy mình phải rất cẩn thận trong việc sắp xếp từ ngữ mỗi lần đưa ra yêu cầu. Lần sau bà đã phải diễn đạt lại: "Trước khi về nhà ngày hôm nay, hãy cất mọi thứ

vào đúng vị trí nhé.” Từ đó, bà đã rất chú ý mỗi lần nói vì phản ứng ngay lập tức của bọn trẻ. Thay vì cảm nhận sức nặng mình đang gánh vác, bà cảm nhận được sâu sắc trách nhiệm to lớn của vị thế uy quyền của mình. Bà dễ dàng giữ trật tự đến nỗi chỉ cần viết từ ‘trật tự’ và ‘yên lặng’ lên bảng thì ngay sau giây phút bà bắt đầu viết chữ ‘t’, tất cả bọn trẻ đều đã yên lặng.

Bài học Yên Lặng

Kinh nghiệm của chính tôi, thứ đã khiến tôi giới thiệu ‘bài học yên lặng’, đã chứng tỏ thái độ vâng lời mà trong trường hợp này là một hiện tượng vâng lời tập thể. Nó đã mang lại một phản ứng tuyệt vời ngoài mong đợi của cả một nhóm trẻ.

Một lần, khi tôi bước vào lớp học, bọn trẻ đang chăm chú với công việc của mình. Tôi bước vào lớp học gồm có 45 trẻ này với một em bé 4 tháng tuổi trên tay. Theo phong tục cổ xưa ở Ý, hai chân của em bé được xếp lại gần nhau và quấn thật chặt bằng vải để cố định. Tôi giới thiệu em bé với bọn trẻ: “Cô đưa một vị khách tới với các con đây, nhìn em ấy mới yên lặng làm sao, cô chắc chắn rằng các con không thể ngồi yên được như thế này đâu.” Tôi chỉ coi đó là một câu nói đùa và nghĩ chúng sẽ cười phá lên, nhưng tất cả trở nên nghiêm trang và chụm chân và bàn chân lại, ngồi yên không nhúc nhích. Tôi nghĩ chúng không hiểu được câu đùa của mình nên đã nói: “Nếu các con có thể cảm nhận được cậu bé thờ nhẹ đến thế nào, các con không thể thờ nhẹ như cậu bé được vì ngực của các con lớn hơn.” Giờ, tôi nghĩ thầm, kiểu gì chúng cũng sẽ cười, nhưng không, chúng vẫn giữ nguyên chân như thế và cũng cố kiểm soát hơi thở của mình để không gây ra tiếng động và chúng nhìn chăm chú vào tôi. Khi đó tôi nói: “Cô sẽ yên lặng đi ra ngoài, nhưng em bé sẽ còn yên lặng hơn cả cô, em ấy sẽ không cử động hay gây ra bất cứ tiếng động nào.” Tôi mang đứa trẻ trả lại cho người mẹ rồi quay lại. Bọn trẻ vẫn ngồi đó bất động và nét mặt như muốn nói rằng: “Cô gây

ra tiếng động nhỏ nhưng chúng con thì ngồi yên như cậu bé đó đấy.” Thế là tất cả bọn trẻ cùng có một ý chí, tất cả đều bị thôi thúc làm cùng một việc, và kết quả là một lớp học 45 trẻ này ngồi hoàn toàn bất động và yên lặng. Mọi người có thể nghĩ là, ‘thật kỳ luật làm sao’ và có thể bản khoán không biết tại sao tôi làm được như thế. Làm sao ư? Bằng một nỗ lực muốn bọn trẻ cười! Kết quả là một bầu không khí yên lặng rất đáng chú ý, đáng chú ý đến nỗi tôi nói “Yên lặng thật đấy!” và bọn trẻ dường như hiểu được điều đó và cảm nhận được sự yên ắng và cứ tiếp tục ngồi yên, kiểm soát hơi thở. Tôi bắt đầu nghe thấy những âm thanh mà trước đó tôi không nghe thấy, tiếng tích tắc của đồng hồ, tiếng chảy nhỏ giọt của vòi nước ở bên ngoài, tiếng ruồi vo ve. Sự yên lặng này là nguyên nhân mang đến một niềm vui lớn cho bọn trẻ và bài học yên lặng mà giờ là điểm nổi bật trong những ngôi trường của chúng tôi đã xuất phát từ trải nghiệm này.

Từ bài học yên lặng này ta có thể đo được sức mạnh ý chí của bọn trẻ, qua những bài tập thì sức mạnh ý chí sẽ càng trở nên mạnh mẽ hơn và thời gian yên lặng sẽ càng kéo dài hơn. Vì thế, chúng tôi đã thêm vào tiếng thì thầm tên của mỗi đứa trẻ và khi mỗi trẻ nghe thấy tên của mình đứa trẻ yên lặng bước ra trong khi những trẻ khác vẫn tiếp tục ngồi yên. Vì mỗi trẻ đều bước ra một cách thận trọng và chậm rãi để không gây ra tiếng động, đứa trẻ cuối cùng được gọi sẽ phải chờ rất lâu! Bọn trẻ vì thế đã phát triển được sức mạnh ý chí của mình đến một trình độ thật đáng nể. Khi chúng ta nói rằng, chúng ta phải dạy trẻ kiềm chế cái này hay cái kia, chúng ta phải nhớ rằng trẻ có khả năng tự tiết chế tốt hơn chúng ta nhiều, và rốt cục thì chính ý chí và sự tiết chế mới mang lại sự vâng lời. Sự tiết chế những bốc đồng cũng như sự kiểm soát hoạt động của mỗi cá nhân là một trong những kết quả to lớn nhất của bài tập này. Ở đây, nó trở thành một phần trong phương pháp của chúng tôi. Một mặt, ý chí để lựa chọn và tự do hoạt động, mặt khác là sự kiềm chế. Bọn trẻ sẽ

trưởng thành thành những người có ý chí mạnh mẽ. Trong môi trường đó, chúng có thể làm những gì chúng muốn làm – hành động hoặc kiềm chế không hành động, và chúng đã hình thành nên một nhóm thật đáng ngưỡng mộ.

Để giữ được sự yên lặng tuyệt đối thì tất cả chúng ta phải đồng thuận; nếu một người không đồng thuận, sự yên lặng sẽ bị phá vỡ; vì thế xuất hiện một ý thức rằng chúng ta phải cùng nhau hành động để ra một thành quả. Từ đó, một mối quan hệ xã hội có ý thức đã xuất hiện.

Tôi đã vô tình kích thích sự yên lặng đầu tiên này bằng việc mang đứa bé vào phòng, nhưng tôi không thể lúc nào cũng dựa vào đứa bé, vậy làm thế nào để tôi có thể khơi dậy điều này một lần nữa? Tôi nhận thấy cách tốt nhất là đơn giản nói: “Các con có muốn giữ yên lặng không?” Ngay lập tức bọn trẻ trở nên nhiệt tình, tôi thấy bất ngờ rằng tôi có thể kêu gọi sự yên lặng và bọn trẻ tuân lời tôi. Người trưởng thành đưa ra một mệnh lệnh mà được tất cả bọn trẻ làm theo. Sự vâng lời đã hình thành trong bọn trẻ, vì tất cả các yếu tố cấu thành đều đã xuất hiện. Tôi chỉ cần nói một điều gì đó và chúng làm theo. Vì thế trong quá trình phát triển ý chí, sự vâng lời vô hình và không hề được mong đợi đã xuất hiện.

Sự vâng lời là giai đoạn cuối cùng của quá trình phát triển ý chí, vì thế sự phát triển của ý chí đã mang lại sự vâng lời. Với bọn trẻ của chúng tôi thì nó dẫn tới một thời kỳ khi giáo viên, dù anh ta có ra lệnh thế nào, cũng sẽ nhanh chóng được tuân theo. Anh ta cần phải thấy rằng mình nên cẩn thận không được lợi dụng dạng thức vâng lời này của trẻ. Anh ta bắt đầu nhận ra được bản chất thật sự của loại nhân cách mà một người lãnh đạo cần có. Một người lãnh đạo cần cảm nhận được trách nhiệm nặng nề đối với mọi mệnh lệnh anh ta đưa ra. Một người lãnh đạo, vì thế, không phải là một người có quyền cao chức trọng, mà là một người có ý thức trách nhiệm.

28

GIÁO VIÊN MONTESSORI

Từ tất cả những gì chúng tôi đã đề cập, ta có thể nhận thấy rằng một giáo viên Montessori phải rất khác với một giáo viên trong một ngôi trường bình thường. Ta phải rất cẩn thận không được xem xét điều này một cách quá hời hợt, vì có một số giáo viên Montessori đã hiểu hơi thiên cận. Họ nói: “Trẻ cần phải năng động và giáo viên không được phép can thiệp”, thế nên họ bỏ mặc bọn trẻ và chẳng làm gì.

Trong quá trình đưa những giáo cụ giáo dục vào công tác hỗ trợ việc giảng dạy, đưa những công cụ đó vào như thế nào đòi hỏi vai trò của giáo viên rất lớn. Người ta cho rằng giáo viên Montessori thụ động còn giáo viên ở ngôi trường bình thường thì chủ động. Nhưng thực tế, tất cả các hoạt động mà giáo viên Montessori phải thực hiện nằm ở quá trình chuẩn bị. Sau những chuẩn bị đó là khoảng thời gian ‘rảnh rỗi và bị động’, đó được coi là một dấu hiệu của thành công. Sự hoàn toàn không tích cực bề ngoài của giáo viên bộc lộ một nhiệm vụ đã được hoàn thành một cách xuất sắc, chúng ta có thể nói đó là một mục đích lý tưởng và thật hạnh phúc thay những giáo viên đã đưa lớp học của mình tới giai đoạn mà: “Dù tôi có mặt hay không có mặt, lớp học vẫn hoạt động.” Mỗi trẻ thông qua hoạt động của mình đã

đạt được tính tự chủ và cả nhóm đã đạt được tính tự chủ. Đó là cột mốc của thành công, nhưng để đạt được điều này thì phải qua cả một chặng đường dài, giáo viên cũng cần phải tự phát triển hoàn thiện hơn.

Một điều chúng ta cần phân biệt rõ, ấy là giáo viên Montessori và giáo viên bình thường thuộc những cấp bậc khác nhau. Ta không thể biến một giáo viên bình thường thành một giáo viên Montessori, ta phải tạo ra một giáo viên mới hoàn toàn. Đầu tiên, chúng ta có thể nói rằng bước đầu tiên dành cho một giáo viên là tự chuẩn bị. Cô ấy phải trang bị trí tưởng tượng của mình. Ở ngôi trường bình thường thì giáo viên biết những học sinh của mình là như thế nào qua biểu lộ hành vi của chúng và cô ấy biết mình phải quan tâm đến chúng và nuôi dạy chúng; trong khi giáo viên Montessori phải nhìn thấy những điểm chưa được bộc lộ ở trẻ. Đây là điểm khác biệt chính. Những giáo viên của chúng tôi ở một tầng cao hơn, chứ không ở tầng vật chất. Những giáo viên đến những ngôi trường của chúng tôi phải có niềm tin vào *đứa trẻ mà sẽ thể hiện bản thân* qua lao động. Giáo viên Montessori có niềm tin rằng bọn trẻ sẽ thể hiện cái tôi thực sự của chúng khi chúng tìm thấy bất kỳ công việc nào cuốn hút chúng.

Giáo viên Montessori cần trải qua ba thời kỳ:

Thời kỳ đầu. Giáo viên trở thành người giám hộ và coi sóc môi trường, vì thế cô ấy tập trung vào môi trường thay vì bị cuốn vào tất cả bọn trẻ khác biệt này. Cô ấy tập trung vào môi trường vì từ đó ‘phương thuốc chữa trị’ sẽ xuất hiện. Ở trường, giáo viên phải sắp xếp giáo cụ một cách quy củ và đẹp đẽ, sáng bóng, còn tốt và đầy đủ, để tất cả đều trông mới mẻ với bọn trẻ. Giáo cụ phải hoàn thiện và sẵn sàng để sử dụng vào bất cứ lúc nào. Điều này cũng có nghĩa là bản thân giáo viên cũng phải hấp dẫn. Cô ấy phải trẻ, đẹp, với những bông hoa trên mái tóc, sạch sẽ thơm tho, vui vẻ và đầy tự trọng. Đây là lý tưởng. Mọi người có thể

diễn dịch nó thế nào tùy thích, nhưng chúng ta phải nhớ rằng khi chúng ta đứng trước bọn trẻ, chúng ta phải nhận ra được rằng chúng là *những con người tuyệt vời*. Giáo viên cần phải nhớ rằng, đối tượng mà họ tiếp xúc hàng ngày là những đứa trẻ đáng yêu cần được tôn trọng và yêu thương. Cô ấy phải chú ý những cử chỉ của mình và điều chỉnh sao cho càng trở nên duyên dáng và dịu dàng càng tốt. Trẻ ở độ tuổi này vô cùng lý tưởng hóa người mẹ; chúng ta không biết mẹ đứa trẻ thuộc loại người nào, nhưng chúng ta rất thường nghe một đứa trẻ nói thế này khi thấy một người phụ nữ xinh đẹp: “Cô ấy mới đẹp làm sao, y như mẹ mình vậy!” Thực ra, người mẹ có thể chẳng đẹp chút nào, nhưng đối với đứa trẻ và tất cả những người đứa trẻ ngưỡng mộ thì tất cả đều ‘đẹp như mẹ mình’. Vì thế, sự quan tâm đến vẻ ngoài cũng cần phải trở thành một phần trong môi trường của đứa trẻ, phần sống động nhất trong môi trường là giáo viên.

Thời kỳ thứ hai. Sau khi đã chuẩn bị xong môi trường, chúng ta chú ý tới bọn trẻ. Với bọn trẻ, chúng ta phải làm gì để khiến chúng tập trung vào công việc? Tôi thỉnh thoảng dùng một thuật ngữ mà không phải lúc nào cũng được tán thành: giáo viên phải quyến rũ, cô ấy phải quyến rũ được trẻ. Thử hình dung đứa trẻ bước vào một môi trường mất vệ sinh và được trao cho một đồ vật chúng không thích! Chắc chắn trước tiên giáo viên phải hấp dẫn đã, trong ngoại hình và cách ứng xử. Ở khía cạnh này, những giáo viên Montessori và những giáo viên ở những ngôi trường bình thường có thể giống nhau, nhưng đây đều là trước giai đoạn xuất hiện khả năng tập trung.

Trước khi khả năng tập trung của trẻ xuất hiện thì giáo viên có thể ít nhiều làm những gì cô ấy muốn, vì cô ấy không gây ảnh hưởng lớn đến trẻ. Cô ấy có thể can thiệp vào hoạt động của bọn trẻ nếu thấy cần thiết. Tôi đã đọc về một vị thánh cố thu hút bọn trẻ đã nhiễm nhiều thói hư tật xấu bị bỏ rơi trên phố. Ông đã làm gì? Ông đã thử tất cả các cách để làm chúng vui thích. Đó là việc

giáo viên cần làm ở giai đoạn này. Việc sử dụng thơ ca, vần điệu, hát, những câu chuyện, kịch, hề...; thứ gì cũng tốt hết chỉ trừ cây gậy. Giáo viên lôi cuốn sự thu hút của học sinh bằng những hoạt động thú vị. Một giáo viên năng động có thể thu hút trẻ dễ dàng thì tại sao lại không tận dụng điều đó? Hãy nói với trẻ bằng tinh thần hào hứng: “Hôm nay chúng ta thử thay đổi các vật dụng nhĩ” và rồi cùng làm với chúng, bản thân giáo viên cũng mang các đồ đạc một cách cẩn thận và gợi ý cho trẻ cách mang vác, luôn làm việc này với vẻ rạng rỡ. Hoặc: “Hay là chúng ta lau chùi chiếc bát bằng đồng thau này nhĩ?” hoặc: “Chúng ta ra vườn hái hoa đi?” Nếu giáo viên hấp dẫn thì hành động cũng sẽ hấp dẫn.

Đây là giai đoạn thứ hai trong quá trình phát triển của giáo viên. Nếu có đứa trẻ nào vẫn còn tiếp tục gây hấn, trêu chọc bạn ở thời kỳ này, giáo viên cần ngăn cản những hành động đó lại. Trong khi chúng tôi đã thường xuyên nói rằng khi một đứa trẻ tập trung vào việc gì thì *ta không được phép*, trong bất cứ trường hợp nào, can thiệp và làm đứt đoạn chu kỳ hoạt động của đứa trẻ, và cản trở khả năng thể hiện của đứa trẻ. Hiển nhiên tình huống này, điều ngược lại mới là kỹ năng đúng đắn: ngăn cản và nhờ thế giết đứt xâu chuỗi những hoạt động không hay của đứa trẻ. Sự ngăn cản có thể bằng lời nói hoặc thái độ quan tâm tới đứa trẻ. Thái độ quan tâm của ta đối với đứa trẻ cũng giống như liều thuốc an thần, giúp đứa trẻ thay đổi thái độ trở nên tích cực. Nếu một đứa trẻ đang làm phiền những bạn khác, ta có thể nói: “Con ốn chứ, Johnnie? Lại đây, cô muốn cho con mấy thứ để làm này!” Có lẽ đứa trẻ sẽ không muốn làm việc đó, thế là ta nói: “Thế con không muốn làm việc đó à? Được thôi, vậy ta cùng ra vườn nhé” và đi cùng đứa trẻ hoặc để người trợ giúp của mình đưa đứa trẻ đi, rồi sự phá phách của đứa trẻ sẽ nằm trong tầm quản lý của ta và bọn trẻ khác sẽ không bị làm phiền nữa.

Thời kỳ thứ ba. Giờ đến giai đoạn thứ ba khi bọn trẻ đã có hứng thú với một hoạt động nào đó, thường là một bài tập thực

tiền cuộc sống, vì ta không thể cho chúng bất cứ giáo cụ nào cho tới khi ta có thể đưa chúng ra một cách hợp lý và chúng ta cũng không thể làm thế khi trẻ còn chưa tập trung vào cái gì cả. Khi đứa trẻ đã có hứng thú với một hoạt động, giáo viên *không được* can thiệp, vì hoạt động này tuân theo những quy luật tự nhiên và có một chu kỳ. Nếu nó bị ngắt quãng, nó sẽ biến mất như bong bóng xà phòng cùng với những kỹ năng mà đáng nhẽ trẻ có thể được học. Giáo viên giờ phải rất cẩn thận, không can thiệp *nghĩa là* không can thiệp, dưới bất cứ hình thức nào. Thông thường, các giáo viên thường mắc sai lầm ở đây. Một đứa trẻ đã từng là vấn đề, cuối cùng cũng tập trung làm một việc gì đó nhưng giáo viên đi ngang qua và nói: “Tốt!” – cách hành xử rất sai lầm. Đứa trẻ đó có lẽ sẽ không thêm đoái hoài gì đến hoạt động đó trong vòng hai hoặc ba tuần tiếp theo. Nếu đứa trẻ gặp khó khăn và giáo viên can thiệp vào để chỉ cách giải quyết nó, đứa trẻ sẽ để giáo viên lại với việc đó và bỏ đi luôn. Niềm đam mê của đứa trẻ không nằm ở chính công việc đó, mà ở việc *chinh phục sự khó khăn đó*. “Nếu giáo viên sẽ thay mình chinh phục nó, thì cứ để cô ấy làm, mình hết hứng rồi.” Nếu đứa trẻ đang bê đồ nặng, giáo viên lại ra giúp và đứa trẻ sẽ bỏ mặc đồ đấy rồi đi luôn. Ngợi ca, giúp đỡ hoặc thậm chí cả việc chú ý đến một đứa trẻ cũng đủ cấu thành sự can thiệp có thể phá hoại hoạt động của trẻ. Thậm chí, nếu đứa trẻ thấy người khác đang quan sát mình thì đứa trẻ cũng hết hứng luôn. Nếu chúng ta đang tập trung vào một cái gì đó và ai đó cứ chăm chăm dõi theo, sự tập trung của chúng ta sẽ biến mất. Nguyên tắc chính dẫn đến sự thành công của giáo viên chính là đây: ngay khi sự tập trung xuất hiện, không chú ý gì nữa, cứ coi như đứa trẻ không tồn tại. Chúng ta có thể để ý thấy đứa trẻ đang làm gì chỉ qua một ánh nhìn, mà không quá chú ý đến nỗi đứa trẻ nhận ra chúng ta đang dõi theo. Giờ đứa trẻ sẽ bắt đầu chọn những hoạt động mình yêu thích. Điều này có thể gây rắc rối trong một lớp học mà có nhiều hơn một trẻ muốn

cùng một giáo cụ. Cách giải quyết những vấn đề này cũng vậy, chúng ta không được phép can thiệp trừ khi được nhờ; bọn trẻ sẽ tự giải quyết chúng. Nhiệm vụ của chúng ta chỉ là đưa những đồ vật mới khi đứa trẻ đã thử hết những hoạt động có thể nghĩ ra với những đồ vật cũ.

“Hãy giúp chúng con, hỡi Chúa tối cao, được thâm nhập vào bí mật của đứa trẻ để chúng con có thể hiểu được đứa trẻ, yêu quý đứa trẻ và phục vụ đứa trẻ, thuận theo những quy luật về chính nghĩa của người và tuân theo ý chỉ thần thánh của Người.”

Khả năng kiềm chế, không can thiệp này của giáo viên chỉ có được qua luyện tập, y như những khả năng khác. Cô ấy phải hành xử như thế cô ấy ở đó chỉ để phục vụ bọn trẻ giống như một người giúp việc giỏi. Anh ta chuẩn bị mọi thứ có thể để làm hài lòng chủ nhân của mình, nhưng anh ta không bảo người chủ phải làm

gì. Anh ta cắt đặt lược chải tóc của chủ gọn gàng, nhưng anh ta không khuyên chủ mình là khi nào người đó phải chải đầu; anh ta chuẩn bị thức ăn một cách cẩn thận, nhưng anh ta không buộc chủ mình phải ăn. Anh ta bày chúng ra một cách đẹp mắt với sự chính xác rồi anh ta biến mất. Các giáo viên cũng phải hành động như thế với bọn trẻ – tâm hồn đang lớn lên của đứa trẻ. Đây chính là người chủ mà chúng ta đang phục vụ, tâm hồn – đứa trẻ. Khi đứa trẻ thể hiện một ước muốn, chúng ta sẵn sàng thỏa mãn nó. Người giúp việc không làm phiền chủ nhân nếu ông chủ muốn ở một mình, nhưng khi người chủ gọi, người giúp việc sẽ ngay lập tức có mặt để thực hiện những gì chủ nhân muốn và anh ta đáp rằng: “Vâng, thưa ngài”. Anh ta sẽ thể hiện sự ngưỡng mộ với những thứ người chủ giới thiệu: “Thật đẹp biết bao”, thậm chí cả khi bản thân anh ta chẳng thấy thứ đó đẹp để gì. Đối với đứa trẻ đã thực hiện một công việc đầy tập trung nào đó cũng vậy. Chúng ta không được xen vào, nhưng nếu đứa trẻ chỉ cho chúng

ta xem những gì đứa trẻ đã đạt được và muốn có sự tán thành của chúng ta, chúng ta sẽ hào phóng trao nó.

Kế hoạch và kỹ năng: phục vụ và phục vụ thật tốt, phục vụ phần tinh thần của trẻ. Đây là một ý tưởng mới, nhất là ở trong lĩnh vực giáo dục. Đúng là chúng ta đều muốn phục vụ trẻ, nhưng những giáo viên thông thường có biết cách phục vụ hay biết phải làm gì không? Nếu cô ấy thấy đứa trẻ bẩn thỉu, cô ấy sẽ đem trẻ đi tắm rửa; thấy quần áo của trẻ xộc xệch, cô ấy sẽ chỉnh lại. Đây là tư tưởng của giáo viên thông thường, phục vụ có nghĩa là phải làm mọi thứ cho trẻ như tắm rửa, thay đồ và cho trẻ ăn. Nhưng giáo viên Montessori không phải như vậy. Chúng ta biết rằng để một đứa trẻ có thể trưởng thành, đứa trẻ phải tự làm những việc này. Nền tảng của phương pháp giảng dạy Montessori là đứa trẻ sẽ *không* được phục vụ theo cách này. Đứa trẻ phải giành được tính tự chủ về thể chất bằng cách làm việc một mình và không bị can thiệp. Chúng ta cần ý thức được rằng quá trình phát triển là một đường thẳng dẫn đến độc lập tự chủ. Chúng ta phải giúp đứa trẻ tự làm một mình, tự hình thành ý chí của mình. Đây là nghệ thuật của người giúp việc tinh thần, một nghệ thuật có thể được bộc lộ hoàn hảo trong thời thơ ấu. Chỉ khi đó chúng ta mới có thể thấy được sự phát triển của những đặc tính tuyệt vời mà chúng ta đã nói ở trẻ.

Những phẩm chất của một thực thể xã hội này rất đáng trân trọng, niềm vui của người thầy là được thấy sự bộc lộ tinh thần của đứa trẻ. Đó là một đặc quyền lớn lao vì chúng thường bị giấu kín. Đây là đứa trẻ đúng như nó phải thế: người lao động không bao giờ chán nản, bình tĩnh, khát khao được nỗ lực hết mình và cố gắng giúp kẻ yếu, đứa trẻ biết tôn trọng người khác và thể hiện cho chúng ta thấy những đặc tính của một đứa trẻ thực thụ.

Thế là giáo viên dần thay đổi suy nghĩ: “Tôi biết bọn trẻ của mình” và qua lời nói đó cô ấy muốn nói: “Tôi đã thấy được vấn đề này. Tôi đã thấy bản chất vốn có của đứa trẻ, một đứa trẻ

thậm chí còn xuất chúng hơn những gì tôi tưởng tượng.” Việc này chỉ có được nếu ta có thông tin về thời thơ ấu. Một giáo viên bình thường có thể nói là: “Tôi biết bọn trẻ của mình, đây là Johnnie, cha đứa trẻ là một người thợ mộc, mẹ đứa trẻ là một người nội trợ rất đảm đang.” “Tôi đã đến nhà đứa trẻ này, tôi đã dùng bữa cùng gia đình em ấy”... “Tôi đã dành nhiều thời gian trần trổ về chúng, tôi biết chúng.” Nhưng với những giáo viên Montessori thì những dữ kiện ngoài lề này không phải vấn đề họ quan tâm, họ tìm hiểu *bí mật của thời thơ ấu*. Họ đã thâm nhập được vào bí ẩn này và thu được nhiều hơn so với những thông tin ngoài lề, cũng y như việc tình yêu và sự chăm sóc của họ sâu

Giáo viên Montessori có một tình yêu sâu sắc bao la vì cô ấy yêu tri thức sâu xa bí ẩn của bọn trẻ.

sắc hơn những giáo viên bình thường. Giáo viên Montessori có một tình yêu sâu sắc bao la vì cô ấy yêu tri thức sâu xa bí ẩn của bọn trẻ. Có lẽ lần đầu tiên ta mới hiểu được tình yêu đích thực là gì qua những sự

kiện khi trẻ thể hiện tâm hồn mình. “Chúng khiến tôi rất xúc động, chúng đã làm tôi xúc động đến nỗi chúng đã thay đổi tôi đúng như bất cứ thứ tình yêu nào đáng gọi là tình yêu vậy. Tôi đã cảm động đến mức tôi không thể không nói mãi về việc đó. Và tôi đã yêu những gì? Sự biểu lộ những tình cảm tinh thần con người này. Chính những hé lộ này, tinh thần này đã thay đổi tôi. Có lẽ đó chính là hình thái cao nhất của tình yêu, vì tôi có thể không nhớ tên của đứa trẻ, nhưng sự biểu lộ phần tâm hồn của con người đã khiến tôi xúc động sâu sắc, tôi yêu nó.”

Cấp độ cao nhất mà một giáo viên Montessori có thể đạt tới là gì? Là có thể nói: “Giờ bọn trẻ có thể làm việc cứ như tôi không tồn tại vậy.” Cô ấy đã trở thành hư không còn bọn trẻ đã trở thành tất cả. Giáo viên thông thường có thể nói: “Tôi đã đưa bọn trẻ của mình đến cấp độ này, tôi đã dạy chúng điều này, tôi đã

phát triển những khả năng trí tuệ của chúng, tôi đã... tôi đã..." Nhưng họ *đã* làm gì? Chẳng làm gì hết. Họ đã không phát triển, họ đã tự áp đặt bản thân, hủy hoại và ngăn trở. Đây là tội ác của những trường học, đặc biệt ở giai đoạn trước 6 tuổi. Tất cả những gì chúng ta có thể nói chỉ là: "Tôi đã giúp sự sống này đạt được thành quả nó tạo ra" và đó chính là sự thỏa mãn thực sự. Giáo viên Montessori của bọn trẻ tới 6 tuổi biết rằng mình đã trợ giúp nhân loại trong một giai đoạn phát triển thiết yếu. Cô ấy có thể chẳng biết gì về những vấn đề vật chất của bọn trẻ, dù thực tế cô ấy cũng sẽ phải biết một số điều vì bọn trẻ sẽ thoải mái nói cho cô ấy biết. Cô ấy không cần bận tâm đến điều gì sẽ xảy ra sau này đối với bọn trẻ, dù chúng có học tiếp lên cấp hai và đại học hay sớm dừng việc học hành. Cô ấy thỏa mãn với việc biết được rằng trong giai đoạn mang tính định hình này, chúng đã đạt được những gì chúng cần đạt được. Cô ấy nói: "Tôi đã phục vụ phần tâm hồn của bọn trẻ này để chúng có thể đạt được sự phát triển và tôi đã đồng hành cùng chúng trong tất cả những trải nghiệm của chúng."

Giáo viên thông thường sẽ nói: "Những giáo viên Montessori mới khiêm nhường làm sao, họ thậm chí chẳng quan tâm gì đến quyền lực của mình hết" và một số sẽ nói: "Làm sao phương pháp của bà [Montessori – BT] có thể thành công được, trong khi cô yêu cầu những giáo viên này phải giả vờ từ bỏ tất cả những uy quyền của mình?" Nhưng họ không hề từ bỏ, họ chỉ đơn giản là bước vào một cuộc sống khác, nơi có những giá trị đích thực của cuộc đời mà cuộc sống trước đây không hề có. Tất cả các nguyên tắc đều khác, ví dụ ở nguyên tắc về chính nghĩa. Ở những ngôi trường cổ điển, chính nghĩa rất quan trọng. "Giáo viên có quyền uy, nhân phẩm và chính nghĩa", người ta thường nói như vậy. Thứ chính nghĩa này là thế nào? Đối xử với tất cả như nhau: "Tôi không quan tâm liệu bọn trẻ đó giàu hay nghèo, nếu cần phải trừng phạt, thì tất cả đều phải bị trừng phạt." Nếu một đứa trẻ

mắc sai lầm thì đứa trẻ sẽ bị không điểm cho bài tập của mình, dù đứa trẻ đó có bị điếc, tất cả đều phải được đối xử như nhau.” Đây là thứ chính nghĩa mà đẩy tất cả xuống tầng thấp nhất; như thế là, nói theo nghĩa bóng, chúng ta phải chặt đầu những người cao hơn để đưa họ xuống bằng tầm của những người khác.

Ở cấp bậc cao hơn của công trình giáo dục, chính nghĩa thực sự mang tính tinh thần, nó nỗ lực để mọi trẻ có thể đạt được tối đa khả năng cá nhân của mình. Chính nghĩa trao cho mọi người sự trợ giúp cần thiết có thể khiến anh ta đạt tới đỉnh cao của trí tuệ và những người trợ giúp phần hồn ở mọi độ tuổi, phải trợ giúp cho những nguồn sinh lực này. Điều này sẽ là cơ chế hoạt động cho xã hội tương lai. Dù tôi giàu hay nghèo cũng không quan trọng nếu tôi có thể bộc lộ bản thân một cách trọn vẹn, vấn đề kinh tế tự nó sẽ tự điều chỉnh được. Khi nhân loại có thể phát triển bản ngã tinh thần của mình tới mức trọn vẹn, thì sẽ trở nên năng suất hơn và những vật phẩm mang tính kinh tế sẽ mất đi giá trị độc quyền của chúng. Con người không sản xuất bằng lao động chân tay, mà bằng tâm trí và trí tuệ của họ. Mọi vấn đề không thể giải quyết rồi sẽ được giải quyết.

Bọn trẻ phát triển một xã hội quy củ mà không cần ai trợ giúp. Người lớn chúng ta cần cảnh sát, gây gộc, quân lính, súng máy. Bọn trẻ giải quyết những vấn đề của mình trong hòa bình. Chúng đã chỉ cho chúng ta thấy rằng tự do và kỷ luật là hai mặt của cùng một đồng xu, vì tự do mang tính khoa học sẽ dẫn tới kỷ luật. Thông thường những đồng xu có hai mặt, một mặt được khắc một khuôn mặt hoặc hình ảnh đẹp dễ, mặt kia thì phẳng lỳ và có khắc chữ. Mặt phẳng là tự do và mặt được khắc gọt đẹp dễ là kỷ luật. Điều này đúng đến nỗi khi chúng ta thấy một lớp học toàn những trẻ em vô kỷ luật thì điều này trở thành thứ kiểm soát sai lầm cho giáo viên, vì khi thấy nó cô sẽ nói: “Cô đã mắc sai lầm với lớp mình rồi” và thế là cô chỉnh sửa nó. Giáo viên thông thường nghĩ rằng đây là một sự xấu hổ. Nhưng lại là một

kỹ năng của phương pháp giáo dục mới. Trong việc phục vụ bọn trẻ, chúng ta đồng thời phục vụ cả cuộc sống. Bằng việc trợ giúp cho tự nhiên, chúng ta đi tới cấp độ tiếp theo là trạng thái siêu tự nhiên, quy luật của tự nhiên là liên tục tiến lên những bậc cao hơn. Và chính bọn trẻ là người đã xây dựng lên công trình đẹp để tới một cấp độ khác này. Những quy luật của tự nhiên là tính trật tự, vì thế khi trật tự đến một cách bộc phát thì chúng ta biết rằng mình đã đạt tới trật tự của vũ trụ. Một trong những nhiệm vụ của trẻ là kéo xã hội người trưởng thành tới một cấp độ cao hơn. Tôi không thể phát triển luận điểm này ở đây, nó hoàn toàn là sự thật. Bọn trẻ lôi kéo chúng ta tới với cấp độ tinh thần và giải quyết những vấn đề ở cấp độ vật chất. Tôi sẽ trích dẫn một câu đã giúp chúng tôi ghi khắc tất cả những điều vừa đề cập tới này. Đó không phải là một lời cầu nguyện, mà là một bản ghi nhớ và đối với giáo viên Montessori thì đó là một tài liệu, một dạng đề cương, đề cương duy nhất của chúng tôi:

“HÃY GIÚP CHÚNG CON, HỒI CHÚA TỐI CAO, ĐƯỢC THÂM NHẬP VÀO BÍ MẬT CỦA ĐỨA TRẺ ĐỂ CHÚNG CON CÓ THỂ HIỂU ĐƯỢC ĐỨA TRẺ, YÊU QUÝ ĐỨA TRẺ VÀ PHỤC VỤ ĐỨA TRẺ, THUẬN THEO NHỮNG QUY LUẬT VỀ CHÍNH NGHĨA CỦA NGƯỜI VÀ TUÂN THEO Ý CHỈ THẦN THÁNH CỦA NGƯỜI.”

29

SUỐI NGUỒN YÊU THƯƠNG - ĐỨA TRẺ

Trong những khóa học của mình, chúng tôi luôn thấy có một nhóm những người lao động mang những đặc trưng rất “Montessori”. Có những em bé, thanh niên, người lớn tuổi, người chuyên nghiệp, người không chuyên, người có học và người không được học hành và giữa chúng tôi chẳng có người lãnh đạo nào hết. Ở châu Âu, chúng tôi từng có rất nhiều người đến từ mọi quốc gia trên thế giới và ở Mỹ chúng tôi có lần nhận cả một người chống đối chính phủ nữa! Với tất cả những người vô cùng khác nhau này lại chẳng bao giờ có xung đột gì hết. Làm sao mà thế được? Là bởi vì tất cả chúng tôi đều được kết nối bởi một lý tưởng chung. Ở Bỉ, một đất nước nhỏ bé đến mức có thể được đặt trong một phần nhỏ của Ấn Độ, lại có tới hai ngôn ngữ: tiếng Pháp và tiếng Flemish. Dân tộc bị chia cắt thành các nhóm chính trị vì lý do đó. Hiếm khi nào ta có thể tụ tập được tất cả những người này vào một buổi họp, nhưng trong một khóa học Montessori thì điều đó lại xảy ra. Điều đó không bình thường đến nỗi sự kiện được bình luận thế này trên các báo: “Trong suốt bao năm trời chúng ta đã nỗ lực để đưa những đảng phái này lại gần nhau mà không thành công, giờ tất cả lại tập trung trong khóa học này để

ngiên cứu về đứa trẻ.” Đây là sức mạnh của đứa trẻ: tất cả đều yêu quý trẻ em bất kể họ thuộc tôn giáo hay thể chế chính trị nào, vì thế mới có khả năng gây ảnh hưởng đến đứa trẻ.

Tại sao đứa trẻ lại quan trọng trong xã hội đến thế. Rõ ràng đây là điểm từ đó ta có thể bắt đầu đưa thế giới đến sự hòa hợp. Vì vậy, cách đối xử với trẻ phải nhạy cảm và tinh tế. Toàn nhân loại được cảm xúc nâng đỡ để nhóm lên ngọn lửa tình cảm thân ái này. Đó là một hình thái của tình yêu. Ta không biết phải định nghĩa thứ tình yêu này như thế nào; tất cả đều cảm thấy nó, nhưng lại không thể miêu tả nó. Chúng ta có thể nói: “Tôi cảm nhận được tình yêu này, nó tồn tại, nhưng cội rễ và sự bao la của nó tôi không thể biết được.” Cũng như khi chúng ta ý thức được sự vật thông qua các giác quan của mình, thì cũng giống với việc chúng ta có tình yêu này vậy; chúng ta bị ấn tượng. Chúng ta cảm thấy nó ở đó, mặc dù khi chúng ta nghĩ nhiều đến nó trong cuộc đời của một người trưởng thành thì như thể chúng ta đã quên nó rồi vậy. Khi một người trưởng thành nghĩ về một người trưởng thành khác, thông thường những hàng rào phòng thủ sẽ được dựng lên, nhưng khi chúng ta nghĩ về đứa trẻ thì những hàng rào đó mỏng dần và biến mất, chúng ta trở nên dịu dàng và nhẹ nhàng vì giờ chúng ta đang đối xử với nền tảng của cuộc sống. Điều này không chỉ đúng với con người, mà với mọi sinh linh. Khi đó có hai khía cạnh của đời sống trưởng thành: một của sự bảo vệ và một của tình yêu, nhưng thứ mang tính nền tảng hơn chính là tình yêu khi ta cảm nhận được tình yêu dành cho đứa trẻ, vì nếu không có đứa trẻ thì người trưởng thành sẽ không thể tồn tại được.

Một người đã thể hiện sức mạnh tuyệt vời trong biểu cảm khi nói về tình yêu. Đó là bài miêu tả nổi tiếng nhất trong mọi miêu tả tín ngưỡng hay thi ca của Thiên Chúa giáo:

“Dầu tôi nói được các thứ tiếng loài người và thiên sứ, nếu không có tình yêu thương, thì tôi chỉ như đồng kêu lên hay là

chập chỏa vang tiếng. Dầu tôi được ơn nói tiên tri, cùng biết đủ các sự mầu nhiệm, và mọi sự hay biết; dầu tôi có cả đức tin đến nỗi dời núi được, nhưng không có tình yêu thương, thì tôi chẳng ra gì. Dầu tôi phân phát gia tài để nuôi kẻ nghèo khó, lại bỏ thân mình để chịu đốt, song không có tình yêu thương, thì điều đó chẳng ích chi cho tôi”. (Sứ đồ Phao-lô, Sách Cô-rinh-tô, Chương 13).

Chúng ta có thể nói với người đó rằng: “Anh hẳn đã hiểu được tình yêu là gì vì anh có thể cảm nhận được nó mãnh liệt đến vậy, nó phải là một thứ gì đó rất đáng gờm, hãy nói cho chúng tôi biết chi tiết đi.” Nhưng khi bài miêu tả về xúc cảm vĩ đại này được đưa ra, thì nó lại quá đơn giản đơn. Những minh họa anh ta đã sử dụng có thể được thấy ở nền văn minh hiện tại của chúng ta mà có thể chuyển dời những ngọn núi và còn tạo ra những điều còn kỳ diệu hơn thế, vì chúng ta có thể nói với giọng thì thầm từ một góc lục địa này tới một góc lục địa khác, nhưng tất cả những điều này chẳng có ý nghĩa gì cả, nếu không có tình yêu. Chúng ta cũng đã xây dựng rất nhiều cơ sở để mang quần áo và thức ăn đến cho người nghèo, nhưng nếu chúng ta không làm việc đó với tình yêu thì nó cũng giống như chơi trống tạo ra âm thanh vậy vì nó trống rỗng. Thế thì tình yêu là gì? Sứ đồ Phao-lô đã cho chúng ta miêu tả về sự hoành tráng cao thượng của nó, như đã được trích ở trên, tiếp tục làm rõ hơn, nhưng ông không dựng nên một lý thuyết triết học, ông chỉ viết:

“Tình yêu thương hay nhịn nhục; tình yêu thương hay nhân từ; tình yêu thương chẳng ghen tị, chẳng khoe mình, chẳng lên mình kiêu ngạo, chẳng làm điều trái phép, chẳng kiếm tư lợi, chẳng nóng giận, chẳng nghi ngờ sự dữ, chẳng vui về điều không công bình, nhưng vui trong lẽ thật. Tình yêu thương hay dung thứ mọi sự, tin mọi sự, trông cậy mọi sự, nín chịu mọi sự.”

Đó là một chuỗi dài các thực tế, một bản miêu tả các đặc tính, nhưng tất cả những đặc điểm này kỳ lạ thay lại gọi chúng ta nhớ

nhưng tất cả những đặc điểm này kỳ lạ thay lại gợi chúng ta nhớ tới các đặc điểm của bọn trẻ. Chúng dường như miêu tả những khả năng của tâm trí thẩm thấu. Tâm trí thẩm thấu chấp nhận tất cả, nó không phán xét, nó không cự tuyệt, nó không phản đối. Nó hấp thụ tất cả và tái hiện tất cả vào con người. Đứa trẻ đạt tới sự thành hình để có thể tự thích nghi cuộc sống với những người khác và trở nên bình đẳng với họ. Đứa trẻ phải đảm đương tất cả: nếu đứa trẻ đến với thế giới này trong một môi trường giá lạnh thì đứa trẻ sẽ tự kiến thiết bản thân để sống ở đó và người trưởng thành mà một ngày kia đứa trẻ sẽ trở thành chỉ có thể cảm thấy hạnh phúc ở môi trường đó mà thôi. Nếu đứa trẻ bước vào thế giới ở một vùng nóng như thiêu đốt, thì ở đó đứa trẻ cũng tự kiến thiết bản thân để mình không thể sống hạnh phúc ở một vùng khí hậu khác được. Dù sa mạc có là nơi đón nhận đứa trẻ, hay những đồng bằng nối liền với đại dương, hay những triền núi cao vời vợi, đứa trẻ cũng chấp nhận tất cả chỉ ở đó đứa trẻ mới có thể đạt được niềm vui lớn lao nhất.

Tâm trí thẩm thấu tin vào tất cả, hy vọng vào tất cả. Nó đón nhận sự nghèo đói cũng như nó đón nhận sự giàu sang, nó đón nhận mọi tín ngưỡng và nó chấp nhận những định kiến và tập tục trong môi trường của mình; nó tái tạo tất cả trong chính bản thân.

Đây chính là đứa trẻ!

Và nếu mọi thứ không diễn ra như thế, nhân loại sẽ không thể đạt được sự ổn định ở bất cứ vùng nào trên thế giới, nó sẽ không thể có được sự phát triển liên tục trong nền văn minh mà không phải bắt đầu từ đầu.

Vì vậy, chúng ta cần nghiên cứu đứa trẻ, chúng ta sẽ tìm thấy tình yêu dưới mọi dạng thức của nó và đã được phân tích. Nó không được phân tích bởi những nhà thơ hay nhà tiên tri mà bởi những gì đứa trẻ thể hiện – bởi thực tế. Nếu chúng ta suy ngẫm về những miêu tả mà Sứ đồ Phao-lô đã đưa ra và rồi nhìn vào

đứa trẻ, chúng ta có thể nói: “Đây là tất cả những gì đã được tìm thấy, vì thế đây chính là kho tàng vĩ đại nhất.”

Kho tàng khi đó không được tìm thấy chỉ ở gần những người nghiên cứu thi ca và tín ngưỡng, mà ở trong mọi con người. Vì thế, thật dễ hiểu là tất cả những sáng tạo của người trưởng thành, tuy có vĩ đại đến thế nào đi nữa, mà không có tình yêu cũng sẽ chẳng đi về đâu hết, chẳng tạo nên cái gì hết. Nhưng nếu tình yêu tồn tại trong đứa trẻ này được mang lại giữa chúng ta, nếu những giá trị và tiềm năng của nó được thừa nhận và phát triển, những thành tựu của chúng ta, vốn đã vĩ đại rồi, sẽ càng trở nên hoành tráng hơn nữa. Người trưởng thành và đứa trẻ phải đi cùng nhau, người trưởng thành phải khiêm nhường và học hỏi từ đứa trẻ để có thể trở nên vĩ đại. Thật lý thú khi giữa tất cả những điều kỳ diệu mà nhân loại đã thực hiện, chỉ có một điều kỳ diệu mà anh ta không hề chú tâm tới: điều kỳ diệu mà Chúa đã trao tặng ngay từ đầu – Đứa Trẻ.

Việc thuyết giảng rằng đứa trẻ là một nguồn sức mạnh của tình yêu này không giống như cách thuyết giảng của Sứ đồ Phao-lô, nó không phải là sự hiểu thấu tình yêu với tâm trí. Người trưởng thành không phải đã dạy điều này cho đứa trẻ. Vì bản thân anh ta còn không thể miêu tả được nó, thì làm sao anh ta có thể dạy nó được? Đó là một sức mạnh của tự nhiên và nó ở trong đứa trẻ. Điều đó có nghĩa là có thứ sức mạnh mà tự nhiên đã đặt vào trong chính bản thân con người, vì thế nó quan trọng hơn bất cứ điều gì khác và phải được đặt trước tất cả những sáng tạo khác của loài người. Điều này đưa chúng ta tới một lĩnh vực khác, tới lĩnh vực của tình yêu mà không phải là một ảo tưởng của loài người, mà là một lực lượng của Đấng Sáng Tạo Tự Nhiên. Chúng ta hãy phân tích những hình thái và khía cạnh mà tình yêu này mang trong mình.

Tình yêu tồn tại trong ý thức của chính chúng ta. Đó là một phần của nguồn năng lượng vũ trụ mà chúng ta có thể cảm thấy

rõ. Nhưng ta có thể nói rằng nguồn năng lượng vũ trụ này chẳng can hệ gì tới loài người hết. Chúng ta hãy cùng phân tích điều đó: đó là một lực hút, thứ gì có thể là lực hấp dẫn ngoại trừ một lực vũ trụ. Chúng ta hãy xét đến vũ trụ. Thứ định vị các ngôi sao và khiến chúng di chuyển theo quỹ đạo cố định? Lực hấp dẫn. Tại sao các vật thể lại rơi xuống mặt đất? Tại lực hấp dẫn. Thứ gì hoạt động giữa các nguyên tử của vật chất khiến chúng tạo nên cả một khối? Lực hấp dẫn. Nếu lực hấp dẫn này không tồn tại thì sẽ chỉ có hỗn loạn, chẳng có gì có thể tồn tại được. Sẽ chẳng có bầu trời hay các vì sao nếu không có lực hấp dẫn. Và nếu không có lực hấp dẫn tới trái đất, thì khi chúng ta lơ lửng mãi trên không trung và tất cả những thứ khác cũng vậy! Ái lực hóa học¹ mà đem các nguyên tố lại với nhau cũng không thể thực hiện được chức năng của nó nếu không có lực hấp dẫn. Và lực hấp dẫn chính là tình yêu. Vậy chúng ta có thể nói với Sứ đồ Phao-lô. “Nếu tôi tạo ra tất cả những vì sao và vạn vật trên trái đất, mà tôi không có tình yêu hay lực hấp dẫn, sẽ chẳng có gì tồn tại hết.” Tình yêu không chỉ đơn thuần là sự cảm thông, mà chính là tinh hoa của sự tồn tại.

Nếu chúng ta thừa nhận tình yêu có ý thức, chúng ta có thể nghiên cứu sâu hơn. Mọi loài vật đều có những giây phút nhất định có bản năng sinh sản, đó cũng là một dạng thức của tình yêu. Hình thái tình yêu này là một mệnh lệnh của tự nhiên vì nếu không có lực hút này thì sẽ chẳng có thứ gì tiếp tục tồn tại được. Vì thế, một nguyên tử bé nhỏ của nguồn năng lượng vũ trụ này được đem ra cho chúng mượn trong một khoảng thời gian ngắn để giống loài đó có thể tiếp tục tồn tại. Chúng cảm nhận được nó trong giây lát rồi nó biến mất. Điều này thể hiện sự tính toán và kinh tế của tự nhiên nằm ở việc cho mượn tình yêu; chỉ đủ chứ

¹ Khái niệm xuất hiện từ đầu thế kỷ 18, dùng để chỉ khả năng của một chất có thể phản ứng với chất khác.

không thừa, được trao thành từng liều nhỏ và dựa trên nhu cầu. Khi con nhỏ ra đời, cha mẹ cảm nhận một tình yêu đặc biệt cho chúng mà khiến chúng bảo vệ giống loài mình, và tất cả những con nhỏ đều được ở gần bên mẹ mình. Nhưng ngay khi những con nhỏ đã đủ lớn, tình yêu đột ngột biến mất từ giây phút này. Đó không phải là một thứ tình cảm như chúng ta nghĩ, mà là một nguồn năng lượng được trao rất cẩn thận và tiết kiệm, chỉ một tia sáng nhỏ để xâm nhập vào bóng tối của ý thức, nhưng ngay khi công việc được hoàn thành, nó biến mất. Vậy là, tình yêu muốn gửi thông điệp gì tới chúng ta? Rằng thứ được cho là xúc cảm này không chỉ đơn thuần là xúc cảm. Đúng là nó tồn tại dài lâu ở con người hơn ở động vật, nhưng nó không thực sự là một xúc cảm (bên cạnh tính kích lệ hay không kích lệ của nó). Về mặt vũ trụ thì nó là một nguồn năng lượng được đem ký gửi ở mọi sinh linh và bị rút về ngay khi mục tiêu trước mắt đã được thực hiện.

Vậy nguồn lực này cũng được trao tặng trong giới hạn được tính toán nhất định tới con người, vì nó đã đưa anh ta tới công cuộc tổ chức xã hội. Nó phải được trân trọng, phát triển và mở rộng tới mức tối đa. Con người có thể khiến sức mạnh được mượn này thăng hoa và khiến nó trở nên bền vững hơn mãi cho tới khi nó đạt tới tính trừu tượng. Đưa nó vào lĩnh vực trừu tượng và trân trọng nó, là nhiệm vụ của con người. Chúng ta hãy mang nó đi và đưa nó tới lĩnh vực của trí tưởng tượng và khiến nó trở nên phổ biến. Chúng ta hãy trân trọng nó vì đây chính là sức mạnh giúp cả vũ trụ xích lại gần nhau. Vai trò này, thứ chúng ta sở hữu một cách có ý thức, được ban tặng cho chúng ta, và nếu nguồn lực này được làm mới lại trong con người mỗi khi có một đứa trẻ được sinh ra, nó phải được trân trọng. Qua nguồn lực này thì con người có thể nắm được mọi điều thông qua sự vận động của đôi tay và trí óc.

Tình yêu là một món quà của Ý thức Vũ trụ dành cho một mục tiêu và một mục đích đặc biệt, vì tất cả đều được Ý thức Vũ

trụ cho con người mượn. Nếu mục đích không được thực hiện, thì sẽ chẳng có gì tồn tại. Chúng ta có thể hiểu được những lời dạy của vị Sư đồ Phao-lô rằng chẳng có gì tồn tại trừ tình yêu. Tình yêu còn hơn cả điện năng trao ánh sáng cho bóng tối, hơn cả sóng ê te trong không khí cho phép giọng nói của chúng ta có thể đi qua vạn dặm, hơn cả bất cứ nguồn năng lượng nào mà con người đã khám phá ra và tận dụng; nó quan trọng hơn tất thảy. Tất cả những gì con người có thể làm với nguồn điện năng hoặc với sóng âm phụ thuộc vào ý thức của người sử dụng chúng. Nguồn năng lượng tình yêu này được trao cho chúng ta để mỗi chúng ta gìn giữ nó, khi một đứa trẻ xuất hiện, tình yêu sẽ mở xòe ra như một chiếc quạt. Thậm chí nếu sau này hoàn cảnh nào đó có phá hủy tình yêu, chúng ta vẫn cảm thấy một khát khao được có nó. Vì thế chúng ta phải nghiên cứu tình yêu và sử dụng nó nhiều hơn bất cứ nguồn lực nào trong môi trường, vì nó không được đem cho môi trường mượn dùng như những nguồn lực khác, mà nó được đem trao cho chúng ta. Nghiên cứu về tình yêu và cách sử dụng nó sẽ dẫn chúng ta tới suối nguồn nơi nó ào chảy và đó là Đứa trẻ. Đây là con đường mới mà con người phải đi theo.

Hết

M · A · R · I · A
MONTESSORI

I. Tính độc lập



Người lớn không bao giờ tin rằng trẻ có khả năng tự học, ngay cả khi được họ quan sát, hướng dẫn tận tình. Vào năm 1970, tại khu nhà ổ chuột ở Rome, Tiến sĩ Maria đã mở ngôi trường đầu tiên với hơn 60 trẻ bao gồm những trẻ phát triển bình thường và trẻ chậm phát triển từ 2 đến 7 tuổi. Theo yêu cầu của bà, các trẻ được tự do đi lại trong khuôn viên nhà trường. Bà sắp xếp các phòng học với những bộ bàn ghế thấp, nhẹ và các giá đựng giáo cụ phù hợp với trẻ nhỏ. Sau đó, bà bắt đầu cho trẻ làm quen với các bài học thực hành cuộc sống thông qua các đồ vật thật như bồn rửa nhỏ xinh với xà phòng để rửa tay. Trẻ được hướng dẫn cách tự chuẩn bị bữa ăn trưa cho mình. Thay vì viết lên tường hay hành lang, trẻ được hướng dẫn cách tô các khung hình để thỏa mãn nhu cầu được viết của mình. Không lâu sau đó, bà bắt đầu làm các giáo cụ khác: bảng chữ cái để trẻ tập viết hoặc phát âm. Ở lớp học Montessori, trẻ 4 tuổi đã có thể viết, điều này khiến báo chí đặc biệt quan tâm. Phương châm giáo dục của bà là "Hãy để trẻ tự làm nếu có thể", trẻ có thể tự làm được hầu hết các việc tự phục vụ bản thân khiến nhiều nhà giáo dục thời đó chú ý.



2. Tôn trọng trẻ

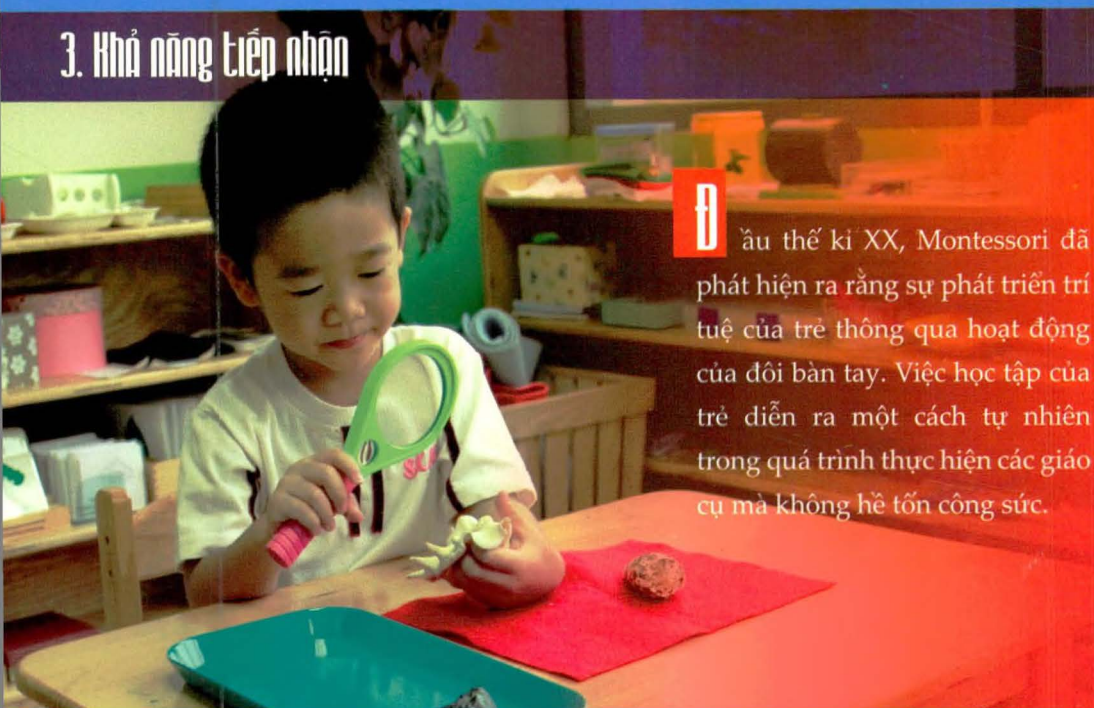


Lớp học Montessori là nơi trẻ được lắng nghe, quan sát và không bị người lớn điều khiển hay kiểm soát. Đây chính là nơi tôn trọng sở thích và đam mê học hỏi của trẻ.

Giáo viên Montessori coi trẻ như những người lớn đã trưởng thành, vì thế trẻ có quyền được tôn trọng. Tất cả mọi người đều phải tuân thủ theo các nguyên tắc trong lớp học Montessori. Ví dụ nếu học sinh không được phép ngồi lên bàn thì giáo viên cũng vậy. Các giáo viên Montessori là những người có suy nghĩ tiến bộ, luôn tin tưởng và động viên trẻ, tạo điều kiện cho trẻ phát triển theo khả năng riêng biệt của mình.

M · A · R · I · A MONTESSORI

3. Khả năng tiếp nhận



Dầu thế kỉ XX, Montessori đã phát hiện ra rằng sự phát triển trí tuệ của trẻ thông qua hoạt động của đôi bàn tay. Việc học tập của trẻ diễn ra một cách tự nhiên trong quá trình thực hiện các giáo cụ mà không hề tốn công sức.

Theo quan sát của bà, quá trình học tập đầu đời của trẻ được chia thành 2 giai đoạn: Thời kỳ tiếp nhận vô thức (0 đến 3 tuổi) và tiếp nhận có ý thức (3 đến 6 tuổi). Thời kỳ nhạy cảm là thời kỳ trẻ chủ động, tự nhận thức, ham thích khám phá nhằm tạo cho bản thân những khả năng nhất định. Nếu đợi khi trẻ lên 5 hoặc 6 tuổi mới bắt đầu dạy chúng học đọc là quá muộn. Đợi đến khi trẻ 6 tuổi mới bắt đầu học đọc thì những kiến thức trẻ lĩnh hội từ sự quan sát, lắng nghe các âm của chữ cái thường ngày đã bị lãng phí. Bà kết luận rằng, những trẻ từ 3 đến 4 tuổi, khi thực hiện các bài học thông qua giáo cụ với các âm vị sẽ tự biết đọc. Từ 4,5 đến 5 tuổi, chúng bắt đầu làm quen và thích thú với thế giới kỳ diệu thông qua các trang sách.

4. Thời kỳ nhạy cảm



5. Khả năng lựa chọn

Trong mỗi gia đình hay mỗi nền văn hóa khác nhau, các bậc cha mẹ thường có xu hướng giúp trẻ học tập và phát triển. Tuy nhiên điều này có thể ảnh hưởng đến sự phát triển tự nhiên của trẻ. Cha mẹ có xu hướng chăm sóc trẻ giống như trẻ sơ sinh ngay cả khi chúng đã đủ lớn. Tiến sĩ Montessori cho rằng, trẻ thực sự muốn làm chủ môi trường xung quanh và muốn “tự làm các công việc của mình”. Hơn thế nữa, giáo viên Montessori được đào tạo để hướng dẫn trẻ và cho phép trẻ có quyền lựa



chọn trong những giới hạn nhất định. Giáo viên mang lại rất nhiều cơ hội học tập cho trẻ ở nhiều lứa tuổi và trình độ phát triển khác nhau, đồng thời cho các trẻ có quyền được tự lựa chọn các hoạt động yêu thích của mình.

Khi được lựa chọn thì khả năng tự lập của trẻ dần được cải thiện và khả năng tự lập này phù hợp với tiến trình phát triển tự nhiên của trẻ. Ở nhà, cha mẹ có thể cho phép trẻ được tự lựa chọn những việc đơn giản trong cuộc sống hàng ngày: Tự chọn ngũ cốc cho bữa sáng, hoặc lựa chọn việc đánh răng hay rửa mặt trước, cho phép trẻ thể hiện mong muốn của bản thân. Trẻ luôn mong muốn được cha mẹ tin tưởng.

6. Tự do hoạt động



D

iều quan trọng để trẻ phát triển trí tuệ và khả năng sáng tạo là trẻ cần được tự do vận động. Tuy nhiên trong lớp học Montessori, sự tự do được thực hiện trong giới hạn. Những chiếc bàn nhỏ không cố định tại một nơi để trẻ có thể tự dịch chuyển khi cần thiết. Khi quan sát trẻ từ 2,5 đến 6 tuổi bé, di chuyển đồ vật, nhiều người cảm thấy lo lắng và băn khoăn “Làm thế nào để trẻ biết cần lựa chọn hoạt động gì và lấy ở đâu? Làm thế nào để sự phát triển về tinh thần và thể chất của trẻ có thể đáp ứng phù hợp với sự di chuyển tự do như vậy? Trẻ có thể duy trì tính kỷ luật cao khi chúng không cần phải ngồi trên ghế trong khoảng thời gian dài?” Và cuối cùng, các nhà nghiên cứu về não bộ con người đã chỉ ra rằng việc học thực sự chỉ bắt đầu khi trẻ được phép di chuyển trong không gian lớp học. Khi giáo viên cho phép trẻ được tự dùng gọt bút chì để gọt và dần dần trẻ có thể tự sử dụng các đồ dùng trong phòng tắm. Trẻ sẽ tự do thực hiện hoạt động, chọn lựa và làm những công việc trẻ yêu thích trong phạm vi phù hợp với sự phát triển thể chất của bản thân.

7. GIÁO CỤ

Nhiều người không khỏi băn khoăn “Chương trình học của các trường Montessori là gì? Giáo án trong mỗi buổi học gồm những gì? Phương pháp Montessori có toàn diện và cập nhật không? Liệu con tôi có cảm thấy buồn chán nếu chỉ thực hiện các hoạt động giống nhau trong suốt ba năm học?” Theo quan điểm của Montessori, lớp học Montessori tạo ra cho trẻ một môi trường sống động và thực tế, phản ánh tất cả những điều đang tồn tại trong thế giới xung quanh và đặc biệt được thiết kế nhiều các hoạt động trải nghiệm thú vị để thu hút trẻ, khiến trẻ và giáo viên say mê khám phá. Lớp học Montessori trưng bày rất nhiều các giáo cụ trong tất cả các lĩnh vực: Thực hành cuộc sống, giác quan, toán, ngôn ngữ, địa lý, lịch sử, khoa học, nghệ thuật và âm nhạc. Giáo viên giới thiệu các giáo cụ cho học sinh và sắp xếp phù hợp để trẻ luôn cảm thấy yêu thích và hào hứng.



N

hững thành quả về “kiến thức” của cậu con trai nhỏ của chúng tôi có thể chưa được “đồ sộ” như nhiều bạn nhỏ khác cùng trang lứa, nhưng chúng tôi hạnh phúc khi con từ một cậu bé nhút nhát đã trở nên tự tin với kiến thức và kỹ năng được trang bị. Hơn tất cả, con là cậu bé sống có cảm xúc, có tâm hồn. Tất cả những gì con làm được, tất cả những kỹ năng con có là nhờ những cơ hội được trải nghiệm, được thực hành ở trường. Con đã được nuôi dưỡng cảm xúc tích cực trong quá trình hình thành những kỹ năng đó.

Vì thế, với gia đình chúng tôi, Montessori chính là một phương pháp, một triết lý giáo dục toàn diện, phát triển trí lực của trẻ trong sự yêu thương và tự do, mà gia đình chúng tôi đã, đang và luôn nỗ lực áp dụng cho cậu con trai ngay cả khi con bước vào tuổi trưởng thành.”

*Phụ huynh bé Nguyễn Quang Minh
Trường Mầm non Sakura Montessori*

T

on tôi vốn dĩ là một bé gái nhút nhát, luôn sợ hãi khi đến những nơi công cộng, tập trung đông người. Sau một năm theo học tại Trường Sakura Montessori, con gái 3 tuổi rưỡi của tôi đã vượt qua được một số rào cản tâm lý, trở nên tự tin hơn và không còn sợ khi đến chỗ đông người. Trong gia đình, bé biết tự làm và rất thích thú được làm một số việc như vệ sinh cá nhân, lựa chọn và thay quần áo, giày dép cho phù hợp với hoàn cảnh, tự phục vụ các bữa ăn và pha đồ uống... Bên cạnh đó, được giúp người lớn làm việc nhà, chăm sóc em bé hay thú nuôi giúp bé biết chia sẻ, yêu thương và nhường nhịn người khác hơn. Theo đánh giá của tôi, phương pháp giáo dục không mang tính áp đặt này có tác động tích cực hơn hẳn phương pháp giáo dục truyền thống và phương pháp giáo dục thụ động. Việc trao cho bé quyền tự quyết định, hay tham gia vào việc ra quyết định cùng người lớn thể hiện sự tôn trọng của cha mẹ đối với sự có mặt của bé và giá trị của bé trong gia đình, giúp bé trưởng thành một cách tự tin và luôn cảm thấy yêu quý bản thân mình.”

*Phụ huynh bé Phùng Linh Đan
Trường Mầm non Sakura Montessori*

M · A · R · I · A MONTESSORI

TRÍ TUỆ TUẦN TUẦN

Theo Tiến sĩ Montessori, giai đoạn từ 0 đến 6 tuổi là giai đoạn quan trọng nhất của đời người. Giai đoạn này sẽ diễn ra quá trình kiến thiết nhân cách và trí tuệ một cách mạnh mẽ nhất. Trẻ tiếp thu và nhận biết môi trường xung quanh giống như sự thấm hút của miếng bọt biển. Trí tuệ của trẻ giai đoạn từ 0 đến 6 tuổi khác với trí tuệ của người trưởng thành, giai đoạn này trẻ tiếp nhận thông tin một cách tự nhiên mà không cần phải nỗ lực. Trẻ sở hữu “Trí tuệ thẩm thấu”, hấp thụ những kích thích từ môi trường với điều kiện được chuẩn bị tốt nhất. Chính “môi trường được chuẩn bị” đó sẽ tạo ra sự kích thích từ bên ngoài phù hợp với khả năng nội tại để phát huy tối đa tiềm năng sẵn có của trẻ.



**NHÀ SÁCH
BÁN QUYỀN**
Sách thật - Giá trị thật

119C5 Tô Hiệu - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội
Website: www.sachbanquyen.vn
Tel: 04.62813638



Giá: 119.000đ